

Các lĩnh vực hoạt động chính của WCS tại Việt Nam bao gồm:

1. Hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã
2. Thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về các vi phạm liên quan tới động vật hoang dã cho các cơ quan thực thi pháp luật
3. Thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương nhằm đấu tranh với các đường dây tội phạm buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia
4. Tăng cường năng lực thực thi pháp luật
5. Tăng cường sự tham gia của nhà báo và các cơ quan báo chí, truyền thông trong phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã
6. Nghiên cứu, giám sát dịch bệnh trên động vật hoang dã và nguy cơ lây truyền bệnh giữa người và động vật hoang dã
7. Bảo tồn loài rùa Hoàn Kiếm tại Việt Nam

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC

**PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA,
XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH
VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**



SÁCH KHÔNG BÁN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
WILDLIFE CONSERVATION SOCIETY - CHƯƠNG TRÌNH VIỆT NAM

KỶ YẾU
HỘI THẢO
KHOA HỌC

PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH
VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC

**PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA,
XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH
VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG



Wildlife Conservation Society (WCS) hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, tập trung vào các hoạt động hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý và tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các cơ quan chức năng liên quan tại Việt Nam để đấu tranh với tội phạm về động vật hoang dã. WCS ưu tiên một số lĩnh vực hoạt động chủ chốt nhằm tác động đến các mạng lưới buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, với mục tiêu cuối cùng là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam phòng, chống và đấu tranh hiệu quả đối với loại tội phạm này.

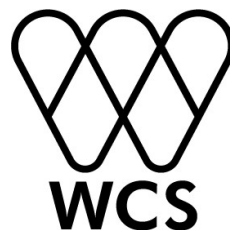
Liên hệ:

Wildlife Conservation Society, Chương trình Việt Nam
Phòng 106, nhà D, khu biệt thự Thành Công, số 3, phố Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 3514 9750
Email: wcsvietnam@wcs.org
Website: <https://vietnam.wcs.org/>

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÁC HÀNH VI
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**



Do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ



Kỷ yếu là kết quả của dự án “Phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã tại Việt Nam” do Cục Phòng chống Ma túy và Thực thi Pháp luật Quốc tế (INL), Bộ ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ. Nội dung tài liệu do tổ chức Wildlife Conservation Society, chương trình Việt Nam phối hợp với Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội xây dựng và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Bộ ngoại giao Hoa Kỳ.



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÁC HÀNH VI
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

HỘI ĐỒNG CHỦ BIÊN

PGS.TS Nguyễn Thị Quế Anh, ThS. Phạm Thành Trung, TS. Mai Văn Thắng

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

TS. Lê Lan Chi	Trưởng khoa Tư pháp hình sự, trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
PGS.TS. Lê Huỳnh Tấn Duy	Phó Trưởng khoa Luật Hình sự, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh
TS. Hà Lệ Thủy	Phó Trưởng khoa Luật Hình sự, trường Đại học Luật, Đại học Huế
TS. Nguyễn Thị Lan	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý, trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
ThS. Hoàng Hải Yến	Phó Trưởng khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, trường Đại học Kiểm sát Hà Nội
ThS. Nguyễn Phương Thảo	Giảng viên Khoa Luật Hình sự, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh
ThS. Trần Thị Kim Thanh	Cán bộ chương trình, Tổ chức WCS Việt Nam
ThS. Hà Thị Nhật Lệ	Cán bộ chương trình, Tổ chức WCS Việt Nam

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	7
1. CÔNG ƯỚC CITES VÀ QUÁ TRÌNH NỘI LUẬT HOÁ CỦA VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Nguyễn Thị Trung Chiến, Trần Kim Yến, Nguyễn Hiền Nga	9
2. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM Phạm Ngọc Huyền, Đỗ Thị Trà My.....	25
3. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ - KINH NGHIỆM TỪ MỘT SỐ QUỐC GIA Phạm Văn Lành, Nguyễn Ngọc Kim Nguyên, Trương Bảo Ngọc.....	43
4. CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG CÁC VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Việt Hoàng, Nguyễn Đức Thắng.....	72
5. XỬ LÝ VẬT CHỨNG LÀ ĐỘNG VẬT RỪNG CÒN SỐNG THUỘC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM TRONG NƯỚC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM Nguyễn Việt Anh, Trần Thị Như Hoa, Phạm Thị Hoa.....	92
6. NUÔI DƯỠNG, BẢO QUẢN VÀ XỬ LÝ VẬT CHỨNG LÀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM Hồ Thùy Huyền, Lý Thành Nhân.....	111
7. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CỨU HỘ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VIỆT NAM Bế Tiểu Phương, Lê Kim Chi, Đỗ Hữu Gia Huy	133
8. PHÒNG NGỪA HÀNH VI GÂY NUÔI THƯƠNG MẠI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ BẤT HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LUẬT Nguyễn Thái Bình.....	151
9. VẤN ĐỀ TIÊU THỤ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM VÀ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT Bùi Thị Thu Trang, Đỗ Trần Công Thành, Trần Thị Thái Nguyên	181
10. KHUNG PHÁP LÝ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG TẠI VIỆT NAM Trần Thị Thu Hiền, Nguyễn Đào Mai Khánh, Nguyễn Lương Nguyên	194

11.	PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI BUÔN BÁN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG Nguyễn Phương Thùy Dương, Phạm Thị Minh Phương	212
12.	PHÒNG NGỪA, KIỂM SOÁT HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BUÔN BÁN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ DƯỚI HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN - KINH NGHIỆM TỪ TRUNG QUỐC VÀ KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM Nguyễn Thị Thuỳ Trang, Lương Thị Thanh Thảo	233
13.	BUÔN BÁN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI THAM NHƯNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY Lê Quang Huy, Đoàn Võ Quốc	256
14.	TỘI PHẠM BUÔN BÁN, VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ CÓ TÍNH CHẤT XUYÊN QUỐC GIA THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM Phạm Thu Hương, Đặng Nhật Minh, Phạm Bình An	272
15.	TƯƠNG TRỢ TỰ PHÁP VỀ HÌNH SỰ TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM - THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP Nguyễn Hoàng Bá Huy, Nguyễn Xuân Hòa.....	290
16.	PHÒNG NGỪA CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Vũ Thị Minh Thu, Phan Lê Mai Thảo	310
17.	HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ DỊCH BỆNH TRÊN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM Vũ Minh Tâm, Hoàng Thu Thảo, Lê Mai	334
18.	QUẢN LÝ, NGĂN NGỪA DỊCH BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ: KINH NGHIỆM TỪ CHÂU PHI, TRUNG QUỐC VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM Đỗ Thị Thu Trang.....	356

LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học là mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Nghiên cứu khoa học không chỉ giúp người học nắm vững tri thức mà còn học được các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học một cách bài bản, được trang bị thêm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày, hùng biện, phản biện và bảo vệ các quan điểm khoa học, đồng thời góp phần rèn luyện nhân cách, tinh thần liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp. Đào tạo thông qua nghiên cứu khoa học là một trong những phương thức đào tạo hiệu quả, chuyên nghiệp và chất lượng cao của các cơ sở giáo dục đại học uy tín, bề dày truyền thống và trách nhiệm xã hội. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học sinh viên còn góp phần nuôi dưỡng tình yêu của thế hệ trẻ với khoa học pháp lý, hun đúc truyền thống học thuật khai phóng, tiên phong cho thế hệ kế tiếp của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN.

Vì lý do đó và được sự hỗ trợ, đồng hành hiệu quả của Tổ chức WCS - Chương trình Việt Nam, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN đã phối hợp cùng WCS Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học *“Pháp luật về phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã”* trong các ngày từ 17/3/2023 đến 19/3/2023 tại Hà Nội và Ninh Bình.

Hội thảo là sự kiện lớn, có ý nghĩa, quy tụ được hàng trăm lượt đăng ký của các sinh viên đến từ 04 cơ sở đào tạo luật uy tín khắp ba miền của đất nước gồm: Trường Đại học Luật, ĐHQGHN; Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội; Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Trải qua 03 vòng thi và dưới sự hỗ trợ, hướng dẫn của các giảng viên và ban cố vấn là các chuyên gia uy tín đến từ cả 04 cơ sở giáo dục đại học kể trên và của WCS Việt Nam, Ban tổ chức đã lựa chọn được những báo cáo khoa học chất lượng tốt nhất để trình bày, thảo luận và bảo vệ tại các phiên của Hội thảo.

Việc phối hợp với WCS Việt Nam tổ chức hội thảo khoa học dành cho sinh viên luật với chủ đề trên thể hiện tầm nhìn và mục tiêu của cả WCS Việt Nam và Trường Đại học Luật, ĐHQGHN đó là hướng tới bảo vệ sự bền vững không chỉ của thiên nhiên mà còn là ở chỗ chính các sinh viên luật sẽ trở thành những nhà lập pháp, hoạch định chính sách, thẩm phán, luật sư, công tố viên, chuyên gia thực thi pháp luật khác và các nhà hoạt động chính trị-xã hội tích cực...trong tương lai. Thay đổi nhận thức, hành vi của họ cũng chính là sự đầu tư hiệu quả cho tương lai, cho sự phát triển bền vững. Bên cạnh đó, hiện

ở nhiều quốc gia, việc lấy con người là trung tâm cho sự phát triển và tiếp cận dựa trên quyền đang là lựa chọn chính sách tương đối phổ biến và là triết lý phát triển ưu tiên. Tuy nhiên, với cách tiếp cận dựa trên quyền, thì ở đâu đó, thời điểm nào đó, với chính sách dân túy và lợi ích cục bộ, quan niệm và triết lý ấy, về lâu dài, không hoàn toàn có lợi cho sự phát triển bền vững của tự nhiên và cũng là của chính con người. Vậy nên, ở góc nhìn khác, nếu điều chỉnh triết lý phát triển và tiếp cận cân bằng hơn khi lấy hành tinh và sự phát triển bền vững của hệ sinh thái là trung tâm của sự phát triển thì cả hai mục tiêu là sự phát triển bền vững của tự nhiên (qua đó động vật hoang dã được bảo vệ) và phát triển con người đều đạt được. Đó cũng là cách tiếp cận cân bằng hơn mà những người tổ chức Hội thảo này muốn hướng đến.

Kỷ yếu là sản phẩm khoa học tập hợp từ các báo cáo được lựa chọn từ Hội thảo kể trên, vì vậy, kết quả nghiên cứu, các kiến nghị, đề xuất trong mỗi báo cáo thể hiện quan điểm riêng của từng nhóm tác giả/tác giả và không thể hiện quan điểm của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN cũng như của WCS Việt Nam và INL. Các bài viết đưa vào cuốn Kỷ yếu này đề xuất bản đều phải trải qua quy trình lựa chọn, thẩm định công phu, phản biện kín và biên tập kỹ lưỡng bởi các chuyên gia đến từ các cơ sở đào tạo luật uy tín và WCS Việt Nam.

Dù có nhiều cố gắng và nhận được hỗ trợ nhiệt tâm, tận tụy và chuyên nghiệp của đội ngũ cố vấn và WCS Việt Nam, nhưng đây là sản phẩm nghiên cứu của sinh viên, nên chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được sự chia sẻ và cảm thông của bạn đọc và các chuyên gia.

Trân trọng cảm ơn và mong nhận được ý kiến góp ý./.

HỘI ĐỒNG CHỦ BIÊN

CÔNG ƯỚC CITES VÀ QUÁ TRÌNH NỘI LUẬT HOÁ CỦA VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Nguyễn Thị Trung Chiến¹, Trần Kim Yến², Nguyễn Hiền Nga³
(Được hướng dẫn bởi TS. Lê Lan Chi)

Tóm tắt: Bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ động vật hoang dã nói riêng đã trở thành vấn đề toàn cầu. Ở Việt Nam, đây cũng là một trong những vấn đề nhận được sự quan tâm to lớn tới từ không chỉ Nhà nước mà còn là toàn thể cộng đồng. Bởi vậy, có thể thấy trong những năm gần đây, Việt Nam đã xây dựng một khung pháp lý tương đối đầy đủ và hoàn thiện nhằm điều chỉnh vấn đề bảo vệ động vật hoang dã, đồng thời ký kết nhiều hiệp định, hiệp ước, công ước quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã, điển hình trong số đó là Công ước về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES) mà Việt Nam trở thành thành viên chính thức năm 1994. Với sự nỗ lực không ngừng nghỉ, đất nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể trong vấn đề bảo tồn các loài động vật hoang dã như các loài mới được phát hiện đóng góp nhiều ý nghĩa cho khoa học, các nguồn gen được bảo tồn và lưu giữ phát huy giá trị trong công tác chọn, tạo giống,... Tuy nhiên, thực trạng nội luật hóa Công ước CITES và thực thi pháp luật ở Việt Nam vẫn còn tồn đọng nhiều bất cập như hệ thống pháp luật còn tản mạn và thiếu tính hệ thống, chưa định nghĩa rõ ràng trong quản lý việc nuôi nhốt, chế biến, kinh doanh,... Xuất phát từ nhu cầu ấy, nhóm tác giả tập trung phân tích tiêu chuẩn pháp lý về bảo vệ động vật hoang dã theo Công ước CITES, trên cơ sở đó có sự so sánh, đối chiếu với pháp luật Việt Nam nhằm chỉ ra những điểm Việt Nam đã làm tốt và những điểm cần hoàn thiện. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra một hệ thống các giải pháp phù hợp nhằm xây dựng, phát triển và hoàn thiện cơ chế pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam dựa trên cơ sở thực thi Công ước CITES.

Từ khóa: Công ước CITES, bảo vệ động vật hoang dã, pháp luật Việt Nam, nội luật hóa.

I. DẪN NHẬP

Với nhiều kiểu hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật, động vật hoang dã cùng nguồn gen phong phú, đặc hữu, Việt Nam được ghi nhận là một trong những nước có đa dạng sinh học cao trên thế giới. Đến nay, trong sinh giới Việt Nam có khoảng 49.200 loài sinh vật đã được xác định bao gồm: khoảng 7.500 loài/chủng vi sinh vật; khoảng 20.000 loài thực vật trên cạn và dưới nước; khoảng 10.500 loài động vật trên cạn; khoảng 2.000 loài động vật không xương sống và cá ở nước ngọt; dưới biển, có trên 11.000 loài sinh vật biển⁴. Nhiều loài động vật hoang dã có giá trị lớn cho việc bảo tồn, đóng góp cho khoa học

¹ Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

² Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

³ Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

⁴ Bộ Tài nguyên và Môi trường: “Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Hà Nội, 2013, tham khảo ngày 26/02/2023.

và khẳng định tầm quan trọng toàn cầu của đa dạng sinh học Việt Nam như sao la, cheo lưng bạc, mang lớn, mang Trường Sơn, thỏ vằn, voi châu Á, bò rừng, bò xám, hổ, báo, hươu sao, các loài linh trưởng, các loài rùa biển và rùa cạn nước ngọt... Đây chính là những nguồn gen bản địa quý cần phải bảo vệ, giữ gìn và phát triển.

Trong bối cảnh đất nước ta đang trên đà hội nhập toàn cầu, Việt Nam cũng đã ký kết nhiều hiệp định, công ước quốc tế liên quan đến vấn đề bảo tồn các loài động vật hoang dã, điển hình trong số đó là Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES) mà Việt Nam trở thành thành viên chính thức năm 1994. Sau khi gia nhập Công ước CITES, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ các loài động vật hoang dã nói riêng và đa dạng sinh học nói chung, Nhà nước ta đã ban hành một bộ khung pháp lý tương đối đầy đủ nhằm điều chỉnh vấn đề này, có thể kể đến như Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Đa dạng sinh học 2018, Bộ luật Hình sự năm 2015... Hệ thống văn bản quy định quản lý các loài động vật hoang dã của Việt Nam được dựa trên tình hình thực tiễn của quốc gia và pháp luật quốc tế để xây dựng, sửa đổi sao cho phù hợp và ngày càng hoàn thiện hơn; bảo đảm được việc quản lý theo chuỗi cung ứng, truy xuất được nguồn gốc động vật hoang dã; tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Công ước CITES. Đồng thời, việc phát triển hoạt động gây nuôi, xuất khẩu các loài động vật hoang dã và mẫu vật của chúng ngày càng gần gũi hơn với đời sống người dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được trong công tác bảo tồn các loài động vật hoang dã kể trên, công tác bảo tồn các loài động vật hoang dã ở nước ta hiện nay vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức, cần có tầm nhìn và chiến lược cụ thể phù hợp với bối cảnh đất nước đang trong quá trình toàn cầu hóa mà trong đó, bảo tồn động vật hoang dã là một trong số vấn đề nóng được cả thế giới quan tâm. Đồng thời, trên cương vị là một thành viên tích cực tham gia Công ước CITES, Việt Nam càng cần phải thể hiện mối quan tâm trong việc thúc đẩy xây dựng các cơ chế, chính sách bảo vệ động vật hoang dã, đồng thời chứng minh tính hiệu quả trong thực tiễn thi hành các cơ chế, chính sách đó. Trên cơ sở đó, để bắt kịp xu thế quốc tế, đáp ứng nhu cầu nội luật hóa Công ước CITES, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã, đồng thời hướng tới kỷ niệm 30 năm Việt Nam gia nhập Công ước CITES 1994 - 2024, nhóm tác giả lựa chọn đề tài “Công ước CITES và quá trình nội luật hóa của Việt Nam trong lĩnh vực pháp luật bảo vệ động vật hoang dã”.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài nhằm làm sáng tỏ các kiến thức cơ bản, cốt lõi trong hệ thống pháp luật bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam trên cơ sở thực thi Công ước CITES, từ đó chỉ ra các mặt Việt Nam đã làm được và những bất cập còn tồn đọng, đồng thời nghiên cứu dựa trên khuôn khổ các nguyên tắc, quy định của Công ước CITES nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện trong bối cảnh Việt Nam, cụ thể cần làm rõ các vấn đề chính như sau:

Thứ nhất, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ động vật hoang dã.

Thứ hai, phân tích, đánh giá sự tham gia của Việt Nam trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã dựa trên khuôn khổ Công ước CITES.

Thứ ba, dựa trên các tiền đề nghiên cứu, đánh giá ở phần một và phần hai, chỉ ra và phân tích các bất cập còn tồn đọng trong việc áp dụng pháp luật và nội luật hóa các quy định về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam.

Thứ tư, dựa trên thực trạng ở Việt Nam và trong khuôn khổ Công ước CITES, xác định phương hướng và đề xuất xây dựng hệ thống các giải pháp để phát triển và hoàn thiện cơ chế pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam.

1.1. Khái niệm động vật hoang dã và pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã

Căn cứ theo khoản 29 Điều 3 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, động vật hoang dã được hiểu là những loài động vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- b) Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- c) Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES;
- d) Loài động vật rừng thông thường;
- đ) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.

Động vật hoang dã là một thành tố tất yếu của hệ sinh thái, chúng là những mắt xích quan trọng trong chu trình dinh dưỡng và tuần hoàn vật chất trên trái đất. Bên cạnh những giá trị về sinh thái, con người cũng thu được nhiều lợi ích đa dạng từ động vật hoang dã để phục vụ nhu cầu đời sống thiết yếu cũng như nguồn thu nhập ổn định cho một số cộng đồng người. Tuy nhiên động vật hoang dã trong một số trường hợp cũng là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra những bệnh dịch nguy hiểm như SARS, EBOLA, COVID-19... và một số ảnh hưởng đến mùa màng hay tính mạng con người,... Song, có thể nhận thấy các loài động vật hoang dã chủ yếu đem lại các tác động tích cực đối với đời sống nhân loại.

Chủ trương về bảo vệ động vật hoang dã nói riêng vẫn luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm, chú trọng. Có thể coi Sắc lệnh số 142/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh

ký ngày 21/12/1949 quy định việc kiểm soát lập biên bản các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng là văn bản pháp luật đầu tiên đề cập đến bảo vệ động vật hoang dã.

Nhận thấy, cơ chế pháp luật mang lại những hiệu quả nhất định trong công tác bảo vệ động vật hoang dã:

Thứ nhất, luật pháp là công cụ hữu hiệu giúp việc bảo vệ động vật hoang dã diễn ra thuận lợi và hiệu quả hơn. Với một hệ thống các quy phạm pháp luật quy định liên quan đến các vấn đề bảo vệ động vật hoang dã, pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động bảo vệ động vật hoang dã của các chủ thể, đồng thời cung cấp một cơ chế pháp lý để xử phạt các hành vi xâm hại đến động vật hoang dã.

Thứ hai, pháp luật thông qua các hệ thống quy phạm để điều chỉnh hành vi xử sự của cá nhân, tổ chức,... khi tham gia vào các mối quan hệ môi trường và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước sẽ có tác dụng rất lớn trong việc bảo vệ động vật hoang dã.

Thứ ba, pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tạo điều kiện cho việc thanh tra, kiểm tra quản lý các vấn đề về động vật hoang dã được diễn ra thuận lợi hơn.

1.2. Tổng quan về Công ước CITES - Tiêu chuẩn khoa học pháp lý về bảo vệ động vật hoang dã

Đứng trước hoạt động phát triển văn hoá và kinh tế - xã hội của con người, các loài động vật hoang dã đã và đang bị đe dọa bởi nhiều yếu tố. Một trong những nguy cơ lớn nhất đối với số lượng các quần thể động vật hoang dã là sự suy giảm nghiêm trọng do các hành vi săn bắt, buôn bán và tiêu thụ trái phép các loài động vật hoang dã diễn ra ngày càng phổ biến. Nhiều loài động vật bị khai thác tận diệt, hoặc bị “ngược đãi” để đạt được mục đích thương mại - điều mà đang dần trở thành mối quan tâm rộng rãi của cộng đồng quốc tế.

Sự mất đi bất cứ một loài động vật nào cũng làm ảnh hưởng tới sự cân bằng của hệ sinh thái cũng như các loài khác và ảnh hưởng nghiêm trọng đến các mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, thậm chí là ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và hình ảnh đất nước trong mắt bạn bè quốc tế. Vì vậy, nhu cầu thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế toàn diện và hiệu quả đối với việc đối xử với động vật ngày càng trở nên cấp thiết hơn. Tuy nhiên, cho đến nay chưa tồn tại một thỏa thuận quốc tế toàn diện nào có thể đối phó hiệu quả hoặc giảm nhẹ mức độ nghiêm trọng với những vấn đề lạm dụng động vật hoang dã. Các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng đang tìm kiếm để thiết lập một cơ chế thực tế nhằm giải quyết những khác biệt phát sinh và việc thực hiện luật bảo vệ động vật.

Theo nghiên cứu, Việt Nam xếp thứ 16 thế giới về đa dạng sinh học. Việt Nam có 9 khu dự trữ sinh quyển và 2 di sản thiên nhiên thế giới và là nơi cư trú của khoảng 10.500 loài động vật trên cạn bao gồm 6.600 loài côn trùng, 317 loài bò sát trên cạn và 21 loài

bò sát biển, 840 loài chim (18 loài đặc hữu), 312 loài thú trên cạn và 25 loài thú biển, 167 loài lưỡng cư, khoảng 600 loài cá nước ngọt và khoảng 2.500 loài cá nước mặn¹.

Kể từ năm 1986, Việt Nam đã bắt đầu có hoạt động buôn bán động vật hoang dã ra quốc tế và dần trở thành mắt xích quan trọng của thị trường tiêu thụ và đường dây buôn lậu động vật hoang dã trên thế giới do có đường biên giới đất liền trải dài, có nhiều cảng biển nước sâu thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa quốc tế và khu vực². Cùng với sự phát triển của kinh tế, nguồn cầu lớn từ việc sử dụng các sản phẩm thời trang, nội thất, thực phẩm xa xỉ làm từ động vật hoang dã dần thúc đẩy các hoạt động buôn bán động vật hoang dã ngày càng phát triển mạnh. Chính vì thế, động vật hoang dã ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung đối mặt với một sự suy giảm lớn, nhiều loài động vật đã bị tuyệt chủng hoặc có nguy cơ đứng trên bờ vực tuyệt chủng.

Bảo vệ động vật hoang dã ở quy mô toàn cầu đang dần trở thành mối quan tâm hàng đầu và cần có sự tham gia hợp tác quốc tế, đặc biệt là trên phương diện pháp lý. Các cơ chế kiểm soát hiện đang tồn tại trên thế giới được dựa trên cơ sở của mỗi quốc gia và sự thỏa hiệp quốc tế. Thỏa hiệp quan trọng nhất trong việc bảo vệ các loài ở quy mô quốc tế là Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp – CITES. CITES là cụm từ viết tắt của *Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora*, là một hiệp ước đa phương đã được cuộc họp của Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) thông qua năm 1963. Đến năm 1973, Công ước CITES mới chính thức được ký kết và có hiệu lực từ ngày 01/7/1975³. Tới nay, với 183 quốc gia thành viên, CITES là Hiệp ước quốc tế về bảo tồn có số lượng thành viên lớn nhất toàn cầu.

CITES gồm 25 điều và 35 phụ lục quy định về các nguyên tắc, quy chế buôn bán mẫu vật, giấy phép và chứng chỉ, những biện pháp quốc gia và quốc tế để thực thi Công ước, ký kết, gia nhập Công ước, hội nghị của các nước thành viên. Công ước gồm nhiều cấp độ khác nhau trực tiếp điều chỉnh hoạt động buôn bán quốc tế cũng như việc khai thác có tính hủy diệt đối với một số loài động vật hoang dã. Các điều khoản của Công ước đều là bắt buộc áp dụng (trừ một số trường hợp được quy định cụ thể).

Có khoảng 5.600 loài động vật nằm trong diện bảo vệ của Công ước CITES. Các loài này được chia thành ba nhóm phụ lục với các cấp độ hoặc hình thức bảo vệ và quy định khác nhau theo loài tùy thuộc vào cấp độ bảo vệ cần áp dụng:

¹ Bộ Tài nguyên và Môi trường: “Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Hà Nội, 2013, tham khảo ngày 26/02/2023.

² Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Thủy Anh, Phạm Thu Thủy, Tăng Thị Kim Hồng (2021) *Quản lý và bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam: Từ chính sách đến thực tiễn*. Báo cáo kỹ thuật 275. Bogor, Indonesia: CIFOR, from: https://www.cifor.org/publications/pdf_files/WPapers/WP275Pham.pdf

³ CITES, <https://www.cites.org/eng>, tham khảo ngày 15/02/2023.

(1) Phụ lục I bao gồm các loài nguy cấp bị đe dọa tuyệt chủng. Hoạt động buôn bán quốc tế các loài này bị nghiêm cấm trừ trường hợp đặc biệt. Trong những trường hợp đặc biệt, hoạt động buôn bán có thể diễn ra với điều kiện được Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES cấp phép và có giấy phép nhập khẩu và xuất khẩu.

(2) Phụ lục II gồm các loài chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có thể bị đe dọa nếu hoạt động buôn bán các loài này không được kiểm soát chặt chẽ. Hoạt động buôn bán các loài này phải có giấy phép xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES cấp tại quốc gia xuất khẩu.

(3) Phụ lục III gồm các loài được bảo vệ tránh tình trạng bị khai thác không bền vững hoặc trái phép tại ít nhất một quốc gia và cần có sự hợp tác của các quốc gia thành viên đối với hoạt động buôn bán các loài này. Hoạt động buôn bán các loài này đòi hỏi phải có giấy phép xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES cấp ở quốc gia xuất khẩu.

Ngày 22/04/1994, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 122 của Công ước CITES. Nhiệm vụ triển khai Công ước này được Thủ tướng Chính phủ giao cho 13 cơ quan thuộc 05 bộ, ngành trong đó Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đầu mối quốc gia chủ trì thực hiện.

2. QUÁ TRÌNH NỘI LUẬT HÓA CÔNG ƯỚC CITES CỦA VIỆT NAM

2.1. Pháp luật Việt Nam trong việc bảo vệ động vật hoang dã trên tiêu chuẩn nội luật hoá Công ước CITES

Nhận thức được tầm quan trọng của Công ước CITES trong việc bảo vệ các loài động vật hoang dã nguy cấp và phát triển thương mại hàng hóa quốc tế nên Chính phủ Việt Nam đã xây dựng một hệ thống tương đối đầy đủ ở nhiều mức độ từ chính sách, văn bản luật và dưới luật về bảo vệ động vật hoang dã. Hệ thống chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã sớm được ban hành và luôn được bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với các quy định của Công ước CITES và tình hình thực tế. Nói cách khác, Công ước CITES cơ bản được “nội luật” hóa trong các văn bản pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản, thương mại,... và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và hình sự của Việt Nam.

Theo thống kê chưa đầy đủ thì hiện có trên 65 văn bản pháp luật được ban hành ở Trung ương, trong có 06 văn bản liên quan trực tiếp đến hướng dẫn thực thi Công ước CITES, gồm 07 luật và bộ luật, 04 Nghị định, 01 Nghị quyết của Chính phủ, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 03 thông tư. Các văn bản quan trọng phải kể đến như: Luật Lâm nghiệp 2017, Luật Đa dạng sinh học 2018, Luật Thủy sản 2017, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm và thực thi Công ước CITES (thay thế Nghị định số 32/2006/NĐ-CP; Nghị định số 82/2006/NĐ-CP); Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013

về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (thay thế Nghị định số 157/2013/NĐ-CP); Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (thay thế Nghị định số 27/2005/NĐ-CP; Nghị định số 57/2008/NĐ-CP); Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/05/2019 quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản và nhiều văn bản thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, hướng dẫn thi hành các luật nêu trên. Trên cơ sở các văn bản này, Hội đồng nhân dân, UBND các cấp cũng ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện¹.

Nội dung các văn bản được ban hành tập trung vào 04 nội dung chính sau:

(1) Quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thực thi công ước CITES; chỉ định và quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thẩm quyền quản lý CITES, cơ quan khoa học CITES.

(2) Công bố Danh mục loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của Công ước CITES để áp dụng chế độ quản lý.

(3) Chế độ quản lý đối với nuôi sinh sản, buôn bán, vận chuyển các loài động vật, thực vật nguy cấp và mẫu vật của chúng, các hoạt động kiểm tra, kiểm soát, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, việc xử lý mẫu vật, tang vật vi phạm.

(4) Chế tài xử lý vi phạm các quy định quản lý, bảo vệ loài nguy cấp các loài thuộc các phụ lục của CITES.

Hệ thống chính sách và quy định pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã đã đáp ứng được yêu cầu về xây dựng hành lang pháp lý để làm cơ sở cho việc thực thi các Công ước và cam kết quốc tế về bảo tồn và quản lý bảo vệ động vật hoang dã, cũng là nền tảng quan trọng cho việc quản lý cũng như phát triển việc nuôi trồng, khai thác và buôn bán động vật hoang dã ở Việt Nam. Các chính sách và văn bản được ban hành, cập nhật liên tục qua nhiều thời kỳ đã phần nào đáp ứng được những yêu cầu thực tế trong quá trình phát triển của pháp luật và nền kinh tế quốc gia.

2.2. Những kết quả đạt được

Việc ban hành chính sách, pháp luật của Việt Nam về cơ bản đã nội luật hóa tương đối đầy đủ các quy định của Công ước CITES từ chế độ quản lý nuôi sinh sản, buôn bán,

¹ Ủy ban khoa học công nghệ và môi trường. “*Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật thực thi Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp*”, Số: 1617/BC - UBKHCNMT14 ngày 08/01/2020, tham khảo ngày 28/02/2023.

vận chuyển động, thực vật nguy cấp quý hiếm đến xử lý vi phạm và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các điều khoản của Công ước.

Việt Nam có 06 văn bản luật, trải dài 7 ngành, bao gồm: Lâm nghiệp, Sinh học, Chăn nuôi, Thú y, Đầu tư, Thủy sản, Xuất - Nhập khẩu, Xử lý vi phạm, cùng nhiều Công ước quốc tế, với hơn 20 văn bản quy phạm pháp luật khác quy định về việc quản lý buôn bán động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Những văn bản này được cập nhật, sửa đổi, bổ sung thường xuyên và tiến bộ.

Có thể thấy một trong những bước tiến lớn của Việt Nam là sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2015 (Luật số 12/2017/QH14), trong đó quy định hai tội danh liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã và bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, xác định tội phạm vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã là tội phạm nghiêm trọng. Mức phạt tù tối đa của Việt Nam cũng tăng gấp 2 lần, lên đến 15 năm đối với các tội danh liên quan đến các loài nguy cấp, quý hiếm và lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp nước ta, quy định xử lý hình sự cả pháp nhân thương mại nếu phạm các tội này. Điều này chứng tỏ thái độ hết sức nghiêm khắc của Nhà nước đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã. Trong các nước Đông Nam Á, hiện Việt Nam được đánh giá là quốc gia có khung hình phạt cao nhất cho hành vi vi phạm pháp luật đối với động vật hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước CITES.

Hệ thống văn bản quy định quản lý các loài động vật hoang dã của Việt Nam được xây dựng, sửa đổi; bảo đảm được việc quản lý theo chuỗi, truy xuất được nguồn gốc; tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Công ước CITES. Theo đánh giá của Ban thư ký CITES, dựa trên các tiêu chuẩn từ hệ thống luật pháp về quản lý động vật hoang dã bao gồm các chính sách, văn bản luật và dưới luật, Việt Nam được xếp loại A (loại tốt)¹. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam cũng được đánh giá cao trong chủ trương áp dụng công nghệ kỹ thuật số để quản lý động vật hoang dã tốt hơn.

Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước ngày càng được hoàn thiện về chức năng, nhiệm vụ để thực thi Công ước CITES; phát triển hoạt động gây nuôi, xuất khẩu các loài động vật hoang dã và mẫu vật của chúng ngày càng gần gũi hơn với đời sống và góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Theo CITES Dashboard 2021, số lượng động vật có nguồn gốc gây nuôi hợp pháp đã tăng nhiều trong thời gian qua. Ở nhiều nơi, hoạt động khai thác, gây nuôi động vật hoang dã đã mang lại việc làm và thu nhập cho nhiều gia đình, nhiều cộng đồng và bước đầu góp phần vào phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

¹ Đỗ Hương, Cần hệ thống hóa pháp luật về quản lý động vật hoang dã, *báo Điện tử chính phủ*, 26/05/2020, tham khảo ngày 26/02/2023, <https://baochinhpvu.vn/can-he-thong-hoa-phap-luat-ve-quan-ly-dong-vat-hoang-da-102273181.htm>

3. CÁC BẤT CẬP TRONG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VÀ NỘI LUẬT HÓA CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM¹

Sau khi gia nhập Công ước CITES, có thể nói hệ thống khung pháp lý về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam đã được xây dựng tỉ mỉ, kỹ lưỡng. Các quy định pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế đã được nội luật hóa một cách tương đối hiệu quả, thể hiện tinh thần trách nhiệm của đất nước ta không chỉ trong việc thực hiện cam kết quốc tế mà còn trong việc hoàn thiện khung pháp lý, tạo cơ sở để xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, đất nước ta còn phải đối mặt với nhiều vấn đề trong việc nội luật hóa, hệ thống hóa các điều ước quốc tế, gây ra sự thiếu tính chặt chẽ trong pháp luật về lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã.

Thứ nhất, pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã ở Việt Nam tuy đã cơ bản đầy đủ nhưng còn tản mạn và thiếu tính hệ thống. Các quy định về bảo tồn động vật hoang dã nằm rải rác trong các văn bản khác nhau khó tránh khỏi sự chồng chéo, khó khăn trong quá trình áp dụng. Ví dụ hiện nay đang tồn tại rất nhiều Danh mục động vật hoang dã trong các văn bản pháp luật khác nhau như: Danh mục động vật hoang dã của CITES được quy định trong Công ước CITES, Nghị định số 64/2019/NĐ-CP vào ngày 16/7/2019 để sửa đổi điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định giống loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 sửa đổi Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Thứ hai, về ngưỡng định lượng và định giá tài sản để xác định hành vi phạm tội, Bộ luật Hình sự quy định mức định lượng cụ thể, ví dụ ba cá thể, bảy cá thể, hai kilôgam... Việc quy định như vậy có thể giúp các cơ quan tiến hành tố tụng xác định được yếu tố cấu thành tội phạm hành vi phạm tội và hình phạt thích đáng áp dụng đối với người phạm tội. Tuy nhiên, không dễ áp dụng các quy định này đối với các trường hợp liên quan đến động vật thuộc các loài khác nhau (chim/động vật có vú/bò sát) hoặc các bộ phận của động vật đã chết. Trên thực tế, Công ước CITES không đưa ra ngưỡng cụ thể để xác định một người buôn bán trái phép động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm có bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay không. Điều 234 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng quy định một khoản tiền cụ thể để định lượng giá trị của động vật hoang dã nguy cấp hoặc động vật có nguy cơ tuyệt chủng khi định tội và quyết định hình phạt. Việc quy định cố định như vậy

¹ Nguyen Phuong Anh (2021, January 5). *Compatibility between Vietnam's law and cites regarding wildlife protection*. Vietnam Law & Legal Forum Magazine is your gateway to the law of Vietnam. Retrieved March 10, 2023, from <https://vietnamlawmagazine.vn/compatibility-between-vietnams-law-and-cites-regarding-wildlife-protection-27527.html>.

có thể gây cản trở cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực tế bởi việc định giá động vật hoang dã không đơn giản, chưa kể sự chênh lệch về địa điểm, vùng miền, thời điểm bắt giữ và nhiều loài động vật không được phép mua bán trên thị trường, do đó, không thể được định giá. Trên thế giới có những loài cực kỳ nguy cấp chỉ còn vài cá thể hoặc thậm chí chỉ còn một cá thể. Vậy trong trường hợp của những loài này, hành vi mua bán trái phép một cá thể động vật có cấu thành tội phạm theo quy định của BLHS không? Không ngần ngại khi đề cập đến mục đích của CITES, đó là nêu bật tầm quan trọng của đa dạng sinh học, đặc biệt là các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm - “một phần không thể thay thế của các hệ thống tự nhiên của trái đất phải được bảo vệ vì mục đích này và các thế hệ mai sau”¹.

Thứ ba, cả khoản 2 Điều 234 và Điều 244 của Bộ luật đều coi “vận chuyển, buôn bán qua biên giới” là tình tiết tăng nặng. Có thể, các nhà làm luật muốn thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt là các vụ án liên quan đến động vật hoang dã. Tuy nhiên, có những cách hiểu khác nhau về “vận tải và thương mại xuyên biên giới”. Điều đó có nghĩa là người phạm tội đã thực sự mang mẫu vật động vật qua biên giới ra/vào lãnh thổ Việt Nam hay chỉ có ý định nhưng bị bắt trước khi thực hiện ý định? Ví dụ, người phạm tội đã vận chuyển được động vật thuộc Phụ lục I CITES đến cửa khẩu nhưng chưa làm thủ tục xuất nhập khẩu thì tình tiết tăng nặng “vận chuyển, buôn bán qua biên giới” có được áp dụng trong trường hợp này hay không. Nhìn lại CITES, chúng ta có thể thấy rằng Công ước chỉ quy định “thương mại” bao gồm các hoạt động như xuất nhập khẩu, tái xuất khẩu và đưa vào từ biển. Như vậy, có thể hiểu, các hoạt động nhằm mục đích xuất, nhập khẩu, nhập nội từ biển, kể cả vùng nước bên ngoài lãnh thổ của bất kỳ quốc gia nào, đều có thể bị coi là hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

Thứ tư, pháp luật Việt Nam chưa cấm hoàn toàn nuôi nhốt, chế biến, kinh doanh... động vật hoang dã vì nhiều lý do trong đó có lý do nhấn mạnh khía cạnh lợi ích kinh tế. Đây là vấn đề khá khó khăn nhưng trong thời gian tới cần quyết tâm cấm triệt để hoạt động này vì mục tiêu lợi nhuận hay lợi ích kinh tế, chỉ nên cho phép mua bán, vận chuyển, tàng trữ nhằm mục tiêu phi lợi nhuận để thực thi hiệu quả Công ước CITES.

Có thể nói, thực trạng trên diễn ra là do pháp luật Việt Nam về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã đang trong quá trình hoàn thiện nên nội dung này được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, do các bộ chuyên ngành khác nhau soạn thảo nên không tránh khỏi chồng chéo, mâu thuẫn trong một số quy định. Các văn bản luật liên quan đến quản lý các loài động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn chưa nhất quán

¹ Ủy ban Khoa học công nghệ và môi trường. “Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật thực thi Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp”. Số: 1617/BC - UBKHCNMT14 ngày 08/01/2020, tham khảo ngày 28/02/2023.

trong quy định Danh mục các loài và chế độ quản lý; chưa có sự phân định rạch ròi trong quản lý đối với các loài nguy cấp, quý hiếm có phân bố ở Việt Nam và các loài mang tính quốc tế. Đồng thời, nguồn lực dành cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế cả về tài chính và nhân lực nên cũng ảnh hưởng tới chất lượng văn bản ban hành; việc kiểm tra, giám sát văn bản của các cơ quan chức năng chưa được thường xuyên; việc cập nhật các văn bản mới ban hành và vận dụng nguyên tắc áp dụng pháp luật trong khâu xây dựng văn bản còn hạn chế.

4. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NỘI LUẬT HÓA CÁC QUY ĐỊNH BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được kể từ khi gia nhập Công ước CITES, Việt Nam ta còn đối mặt với nhiều thực trạng nhức nhối trong hành trình bảo vệ động vật hoang dã. Mặc dù hệ thống khung pháp lý đã được xây dựng khá chi tiết và cụ thể, tuy nhiên vẫn còn hiện tượng chồng chéo văn bản pháp luật xảy ra. Ngoài ra nội dung của luật vẫn còn khúc mắc trong việc định lượng và định giá tài sản để xác định hành vi phạm tội cũng như những hành vi kinh doanh, buôn bán động vật hoang dã vì lý do kinh tế, thương mại. Vấn đề quản lý đối với các loài nguy cấp, quý hiếm có phân bố ở Việt Nam và các loài mang tính quốc tế vẫn chưa được phân định rạch ròi cũng như chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan hành pháp, cơ quan chuyên môn của CITES Việt Nam trong việc nghiên cứu và thực thi những văn bản quy phạm pháp luật bảo vệ động vật hoang dã. Nhằm hướng tới công cuộc bảo vệ động vật hoang dã hiệu quả hơn, chúng tôi xin liệt kê một vài đề xuất về hoàn thiện quy định pháp luật cũng như về việc thực thi những quy định pháp luật hiện hành và trong tương lai.

4.1. Về hoàn thiện quy định pháp luật

Thứ nhất, khắc phục tình trạng các văn bản quy phạm pháp luật còn tản mạn, thiếu hệ thống, chồng chéo nội dung với nhau bằng cách trình bày quy định ngắn gọn, tập trung vào một nghị định hay quyết định, ban hành văn bản thay thế thay vì văn bản bổ sung sửa đổi, tránh tình trạng trùng lặp về danh mục, quy định pháp luật. Ví dụ như việc tồn tại rất nhiều Danh mục động vật hoang dã trong các văn bản pháp luật khác nhau như: Danh mục động vật hoang dã của CITES được quy định trong Công ước CITES, Nghị định số 160/2013/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP) và Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP). Đồng thời kiến nghị khi xây dựng văn bản pháp luật cần cẩn thận, tỉ mỉ, thực tiễn, tránh tình trạng xuất hiện văn bản bổ sung, thay thế sau thời gian ngắn như Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP. Điều này gây khó khăn trong việc thực thi văn bản pháp luật khi mà quy định thay đổi nhanh chóng (2 năm) như vậy.

Thứ hai, kiến nghị xem xét sửa đổi Điều 6 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP theo hướng: đối với trường hợp thu giữ được nhiều loài động vật có cả lớp thú, lớp chim, lớp bò sát và lớp khác thuộc Danh mục nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES, nếu chưa đủ số lượng theo từng lớp quy định tại Điều 244 BLHS thì cộng tất cả các cá thể động vật lại, sau đó quy đổi về một lớp hoặc loài theo hướng có lợi cho người phạm tội để xử lý hình sự như vậy mới đảm bảo tính công bằng, khách quan trong chính sách xử lý hình sự đối với người có hành vi vi phạm¹.

Thứ ba, kiến nghị quy định cụ thể mức định lượng về số lượng cá thể bên cạnh quy định mức định giá như ở Điều 234 Bộ Luật Hình sự 2015, nhằm có căn cứ đa dạng hơn để xác định chế tài đối với những hành vi phạm tội. Điều này giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có thể linh hoạt hơn trong việc định tội đối với trường hợp động vật hoang dã không được mua bán trên thị trường nên không định được giá.

Thứ tư, bổ sung điều mới vào Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP) quy định rõ bất cứ loài động vật hoang dã nào bị tịch thu do vi phạm pháp luật Việt Nam về các loài hoang dã đều không được bán vì mục đích thương mại, hoặc có liên quan tới bất kỳ mục đích thương mại nào. Bởi lẽ, đối với động vật hoang dã thuộc nhóm IB và Phụ lục I CITES, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP đã quy định cấm buôn bán, kể cả sản phẩm của động vật hoang dã; đối với động vật hoang dã thuộc nhóm IIB và Phụ lục II CITES, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP không quy định cấm buôn bán, kể cả sản phẩm của động vật hoang dã, nhưng phải thông qua việc kiểm soát và hạn chế của các cơ quan có thẩm quyền.

4.2. Về phối hợp thực thi quy định pháp luật

Thứ nhất, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Hải quan, Kiểm lâm, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) để tiến hành xác minh, phân loại đối tượng, thu giữ vật chứng và thực hiện các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử...

Thứ hai, đối với các vụ án về động vật hoang dã có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là các vụ việc có loài thuộc danh mục CITES thì tăng cường sự phối hợp với Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để thu thập thông tin thông qua các đầu mối CITES quốc gia song song với việc thực hiện quy trình tương trợ tư pháp chính thống. Dựa vào các đầu mối này, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam có thể hỗ trợ các cơ quan tố tụng thu thập nhanh các thông tin thông qua đầu mối CITES quốc gia hoặc thông qua Ban thư ký. Đây là một kênh thông tin rất hữu hiệu cần phải được phát huy.

¹ Nguyễn Duy Hữu, “Thực tiễn xét xử các tội phạm về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý hiếm tại Đắk Lắk”, <https://tapchitoaan.vn/thuc-tien-xet-xu-cac-toi-pham-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-tai-dak-lak>, tham khảo ngày 28/02/2023.

Thứ ba, để thực thi CITES hiệu quả hơn thì cần bổ sung thêm các cơ quan khoa học khác có chuyên môn và năng lực để hỗ trợ cơ quan quản lý, cơ quan thực thi pháp luật. Thực tế 10 cơ quan được chỉ định tại Quyết định số 2249/QĐ-BNN-TCLN và được chỉ định bổ sung tại Quyết định số 4519/QĐ-BNN-TCLN là chưa đủ mà cần cân nhắc thêm một số cơ quan có năng lực khác. Các cơ quan bổ sung cần phân bố ở nhiều vùng (hiện nay các cơ quan khoa học CITES tập trung chủ yếu ở miền Bắc, thiếu vắng những cơ quan khoa học ở miền Nam), nếu có thể, để giảm chi phí và thời gian di chuyển và cũng hỗ trợ việc thực thi, xử lý nhanh và hiệu quả hơn¹.

Kể từ khi gia nhập CITES vào năm 1994, công cuộc bảo vệ động vật hoang dã của Việt Nam có nhiều bước chuyển mình thay đổi tích cực, không chỉ trong lĩnh vực nghiên cứu về đặc tính sinh học của động vật hoang dã mà còn có kết quả khả quan hơn trong lĩnh vực khoa học pháp lý. Trước thực tiễn còn nhiều bất cập như việc nội luật hóa Công ước CITES và thực thi pháp luật ở Việt Nam còn tản mạn và thiếu tính hệ thống, chứa đựng nhiều lỗ hổng,... Chúng tôi mong rằng hệ thống các giải pháp được đưa ra là phù hợp, nhằm xây dựng, phát triển và hoàn thiện cơ chế pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam dựa trên cơ sở thực thi Công ước CITES.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các văn kiện, báo cáo

1. Ủy ban Khoa học công nghệ và môi trường, *Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật thực thi Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp*, Số: 1617/BC - UBKHCNMT14 ngày 08/01/2020, Hà Nội, 2020.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, *Báo cáo rà soát các quy định pháp luật và góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP*, Hà Nội, 2021.
3. Nguyễn Đình Vọng, *Báo cáo rà soát năng lực các cơ quan khoa học CITES Việt Nam quy định tại Nghị định số 82/2006/NĐ-CP*, Hà Nội, 2020.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, *Văn kiện Dự án Phòng, chống buôn bán trái pháp luật các loài động, thực vật hoang dã*, Hà Nội, 2018.
5. Phạm Quý Ty, Nguyễn Thị Hào, *Văn kiện Dự án Hỗ trợ kỹ thuật bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp*, Hà Nội, 2020.
6. Dự thảo Báo cáo Đánh giá hoạt động của VIETNAM-WEN và vai trò của cơ quan quản lý CITES Việt Nam trong hoạt động điều phối liên ngành về phòng, chống buôn bán bất hợp pháp động, thực vật hoang dã, Hà Nội, 2016.

¹ Báo cáo rà soát các quy định pháp luật và góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP.

7. Đỗ Kim Chung, Vũ Văn Dũng, Nguyễn Thanh Tú, *Những giải pháp kinh tế nhằm tăng cường kiểm soát buôn bán động, thực vật hoang dã ở Việt Nam*, Hà Nội, 2003.
8. Schneider, J. L. (2008), *Reducing the illicit trade in endangered wildlife: The market reduction approach*, Journal of Contemporary Criminal Justice, 24(3): 274-295.
9. Lawson, K. and Vines. A. 2014. Global Impacts of the Illegal Wildlife Trade: The Costs of Crime, Insecurity and Institutional Erosion. Chatham House.
10. TRAFFIC Southeast Asia. 2003. Wildlife trade in South-East Asia. Selangor, Malaysia.
11. Song, N.V. (2008), *Wildlife trading in Vietnam: Situation, causes, and solutions*, Journal of Environment and Development 17: 145-165.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam

12. Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.
13. Luật số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội về Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.
14. Luật số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội về Đa dạng sinh học có hiệu lực từ 01/07/2009 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019).
15. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/06/2017) có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.
16. Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.
17. Luật số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội về xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực từ ngày 01/07/2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022).
18. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.
19. Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/04/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 10/06/2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 10/01/2022 – Nghị định 07).
20. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp có hiệu lực từ ngày 10/03/2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 30/11/2021 – Nghị định 84).
21. Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng

hình sự có hiệu lực từ ngày 01/05/2018 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/02/2020).

22. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường ngày 14/02/2015 có hiệu lực từ ngày 01/04/2015 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/10/2018 có hiệu lực từ ngày 05/10/2018 và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/05/2019 có hiệu lực từ ngày 01/7/2019).
23. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 05/09/2019 – Nghị định 64).
24. Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/06/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học có hiệu lực từ ngày 30/7/2010.
25. Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS có hiệu lực từ ngày 01/12/2018.

3. Các cam kết quốc tế

26. Công ước về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES).
27. Tuyên bố Hà Nội về chống buôn bán trái pháp luật các loài động vật, thực vật hoang dã. [http://iwthanoi.vn/wp-content/themes/cites/template/statement/Hanoi%20Statement%20on%20Illegal%20Wildlife%20Trade%20\(Vietnamese\).pdf](http://iwthanoi.vn/wp-content/themes/cites/template/statement/Hanoi%20Statement%20on%20Illegal%20Wildlife%20Trade%20(Vietnamese).pdf).

4. Các thông tin từ internet

28. “International Convention for the Protection of Animal”, <https://www.animallaw.info/treaty/international-convention-protection-animals>, tham khảo ngày 18/02/2023.
29. Trang web chính thức của CITES, <https://www.cites.org/eng>, tham khảo ngày 15/02/2023.
30. Lê Xuân Lục, “Hoàn thiện pháp luật đối với các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý hiếm”, Tạp chí *Khoa học Kiểm sát*, số 02(56)/2022, <https://vjol.info.vn/index.php/tks/article/view/67747>, tham khảo ngày 19/02/2023.
31. Đinh Thế Hưng, “Vấn đề nội luật hóa các Công ước quốc tế và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã ở Việt Nam”. <https://tapchitoaan.vn/van-de-noi-luat-hoa-cac-cong-uoc-quoc-te-va-hoan-thien-he-thong-phap-luat-ve-bao-ton-dong-vat-hoang-da-o-viet-nam>, tham khảo ngày 25/02/2023.
32. Tạ Đình Tuyên, “Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan”, <https://tapchitoaan.vn/cong-uoc-ve-buon-ban-quoc-te-cac-loai-dong-thuc-vat-hoang-da-nguy-cap-va-cac-quy-dinh-cua-phap-luat-viet-nam-co-lien-quan>, tham khảo ngày 27/02/2023.

33. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ước CITES và sự tham gia của Việt Nam, <https://monre.gov.vn/Pages/cong-uoc-cites-va-su-tham-gia-cua-viet-nam.aspx>, tham khảo ngày 01/03/2023.
34. Nguyen Phuong Anh, “Compability between Vietnam’s law and CITES regarding wildlife protection”, <https://vietnamlawmagazine.vn/compatibility-between-vietnams-law-and-cites-regarding-wildlife-protection-27527.html>, tham khảo ngày 01/03/2023.
35. Nguyễn Duy Hữu, “Thực tiễn xét xử các tội phạm về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý hiếm tại Đắk Lắk”, <https://tapchitoaan.vn/thuc-tien-xet-xu-cac-toi-pham-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-tai-dak-lak>, tham khảo ngày 29/02/2023.

XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Phạm Ngọc Huyền¹, Đỗ Thị Trà My²
(Được hướng dẫn bởi PGS.TS. Lê Huỳnh Tấn Duyệt)

Tóm tắt: Sự tồn tại của thế giới động vật tác động không nhỏ đến sự cân bằng hệ sinh thái, duy trì môi trường sống trong lành cho con người. Trong khi đó, hiện nay thế giới đang đứng trước nguy cơ mất đi rất nhiều loài động vật hoang dã do tác động từ chính con người. Một trong những giải pháp hữu hiệu để bảo vệ động vật hoang dã là kịp thời phát hiện các hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép các loài động vật hoang dã và sản phẩm từ động vật hoang dã, tăng cường công tác trấn áp tội phạm, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm, cũng như đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về vấn đề này. Khung pháp lý hành chính và hình sự của Việt Nam về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã đã được hình thành nhưng vẫn còn hạn chế, chưa thực sự hiệu quả trong việc phòng, chống tội phạm. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá khung pháp lý này và thực tiễn áp dụng nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã.

Từ khóa: xử lý, tội phạm về động vật hoang dã, luật hình sự, luật hành chính, Việt Nam.

1. DẪN NHẬP

Bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD) là vấn đề cần thiết và cấp bách trong xã hội Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới. ĐVHD là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và cuộc sống của con người đồng thời góp phần tạo nên sự đa dạng của hệ sinh thái. Trước đây, khái niệm về ĐVHD chưa có định nghĩa cụ thể tuy nhiên tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp đã có quy định rõ ràng ĐVHD gồm những loài nào. Hiện nay, số lượng ĐVHD ngày càng suy giảm với tốc độ nhanh chóng do sự săn bắt và mua bán các loại động vật quý, hiếm. Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã trở thành một trong những điểm nóng về săn bắt, khai thác, buôn bán ĐVHD trên thế giới. Theo một số nghiên cứu, lợi nhuận cao trong khi rủi ro thấp đã khiến việc buôn bán ĐVHD thu hút sự quan tâm của các tổ chức tội phạm trên thế giới. Từ thực tiễn đó, tại một số quốc gia, tội phạm buôn bán trái phép ĐVHD được coi là một loại tội phạm nguy hiểm.

¹ Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Email: ngochuyen0315@gmail.com.

² Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ ĐVHD thông qua các quy phạm pháp luật, Nhà nước đã ban hành và hướng dẫn thực hiện rất nhiều văn bản pháp luật quy định về quản lý, bảo vệ các loài ĐVHD từ Hiến pháp cho đến Bộ luật, các Luật và các văn bản dưới luật. Bên cạnh đó, Việt Nam đã tham gia nhiều Công ước quốc tế về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nói chung, bảo vệ ĐVHD nói riêng, như: Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp (CITES), Công ước về đa dạng sinh học (CBD). Bên cạnh đó, đã xây dựng các chiến lược, kế hoạch và chương trình quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; xây dựng, duy trì các văn bản pháp luật. Tuy nhiên với sự tham gia của nhiều mạng lưới tội phạm quốc tế nguy hiểm, các loài ĐVHD và các bộ phận của chúng được buôn bán trái phép giống như ma túy và vũ khí. Với tính chất như vậy, rất khó để thống kê được giá trị chính xác của hoạt động buôn bán trái phép. Chính vì vậy cần làm rõ hơn những quy định của pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD.

2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quy định của pháp luật hành chính về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Hiện nay hệ thống pháp luật Việt Nam về xử lý vi phạm hành chính đã có nhiều những văn bản quy định về vấn đề bảo vệ ĐVHD. Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định liên quan đến việc xử lý các hành vi trái pháp luật liên quan đến việc bảo vệ ĐVHD bao gồm:

Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi);

Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/08/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí);

Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y (sửa đổi bởi Nghị định số 04/2020/NĐ-CP);

Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021);

Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

Để đảm bảo cho việc áp dụng pháp luật, Chính phủ đã ban hành những hướng dẫn nhằm nâng cao hiệu quả thi hành trong công tác xử lý, về thẩm quyền ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, hầu hết các chức danh có thẩm quyền xử phạt đều có quyền: “Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt...”. Đồng thời, Luật này sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt đối với nhiều chức danh thuộc lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Quản lý thị trường và Hải quan. Trên cơ sở đó, các khoản từ 17 đến 25 Điều 1 của Nghị định số 07/2022 NĐ-CP đã cụ thể hóa các thay đổi của Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử lý, ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về ĐVHD¹.

Từ góc độ pháp lý, theo Điều 21 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP sửa đổi bởi khoản 12 Điều 1 Nghị định 07/2022/NĐ-CP có tới 14 mức phạt hành chính đối với hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt động vật rừng trái quy định của pháp luật. Người nào có hành vi săn bắt trái phép động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm sẽ bị phạt với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng và tối đa là 400.000.000 đồng, tùy theo giá trị và loại động vật (động vật rừng thông thường hay động vật quý, hiếm). Ngoài ra, áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đó là tịch thu tang vật, dụng cụ, công cụ vi phạm. Và buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường như là một biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, Nghị định số 07/2022/NĐ-CP đã bổ sung thêm các vấn đề xử lý vi phạm liên quan đến bảo vệ ĐVHD trên cạn khác và loài ĐVHD nguy cấp thuộc phụ lục III CITES. Đây cũng là điểm mới của pháp luật khi phân chia động vật trên cạn và động vật dưới nước. Cụ thể như sau: “Hành vi vi phạm hành chính đối với ĐVHD trên cạn khác hoặc ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục III Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thì áp dụng xử phạt như đối với động vật rừng thông thường”².

¹ Ngọc Phạm, “Tuyên truyền các quy định xử lý vi phạm hành chính về động vật hoang dã”. Phổ biến pháp luật Tỉnh Cà Mau (11/03/2022)

<https://cckl.bacgiang.gov.vn/content/item/parent/mot-so-diem-moi-khi-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-lam-nghiep>

² Dương Đại Tiến, “Một số điểm mới khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp”, <https://cckl.bacgiang.gov.vn/content/item/parent/mot-so-diem-moi-khi-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-lam-nghiep>

Đối với các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng tại Điều 21 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP nếu vượt mức xử phạt vi phạm hành chính thì phải xem xét trách nhiệm hình sự.

Nghị định số 07/2022/NĐ-CP cũng đã sửa đổi quy định pháp luật đối với hành vi mang công cụ, dụng cụ vào rừng. Tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định này vẫn giữ nguyên mức phạt tiền như BLHS năm 2005 là từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Nếu như trước đây hành vi bị xử phạt căn cứ vào số lượng dụng cụ được đối tượng vi phạm mang vào rừng (mang dưới 10 dụng cụ) thì chính sách mới đã thay đổi căn cứ xử phạt dựa trên loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ hoặc rừng đặc dụng). Mức phạt tiền quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP đã được quy định cụ thể hơn trong Nghị định số 07/2022/NĐ-CP như sau: mức phạt tiền thấp nhất (khoản 1) đối với một hành vi vi phạm là từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; bổ sung thêm khoản 1a với mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và mức phạt kế tiếp (khoản 2) là từ 10.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về vấn đề xử lý hành vi không đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng cũng đã có sự thay đổi để phù hợp hơn trong việc áp dụng. Việc đăng ký cơ sở nuôi, trồng là bắt buộc trong tất cả các trường hợp nuôi, trồng loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc các loài thuộc Phụ lục CITES. Nếu nuôi ĐVHD không thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, kể cả hoạt động nuôi làm cảnh và các hoạt động không vì mục đích thương mại, dù cá thể ĐVHD được nuôi có nguồn gốc hợp pháp. Trước đây, theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, quy định phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi: Chủ cơ sở nuôi, trồng vì mục đích thương mại loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc các loài thuộc Phụ lục CITES có nguồn gốc hợp pháp nhưng không đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng theo quy định của pháp luật. Hiện nay, vẫn giữ nguyên mức phạt tiền nhưng tại điểm c khoản 15 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung như sau: Chủ cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc các loài thuộc Phụ lục CITES có nguồn gốc hợp pháp nhưng không đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng theo quy định của pháp luật.

Đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành, mọi hành vi săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt trái phép ĐVHD hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm, bộ phận của ĐVHD đều là hành vi vi phạm pháp luật và có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm. Đặc biệt, hành vi quảng cáo bán trái phép động vật hay sản phẩm của các loài ĐVHD được coi là hàng cấm như hổ, gấu, voi, tê giác, tê tê... dù là trên internet cũng có thể bị xử phạt vi phạm hành chính đến 100.000.000 đồng theo Điều 33 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP. Hành vi quảng cáo kinh doanh trái phép đối với các loài động vật

rừng khác cũng có thể bị xử phạt vi phạm hành chính từ 1.000.000 – 1.500.000 đồng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP¹.

2.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hành chính về xử lý các hành vi vi phạm về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã.

Những năm qua, công tác xử lý hành chính về bảo vệ ĐVHD đã đạt nhiều kết quả tích cực, các cơ quan bảo vệ động vật đã có những chính sách và hành động trong việc thực thi về bảo vệ các loài ĐVHD. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi, các quy định pháp luật vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng hết yêu cầu của thực tiễn. Để hạn chế và giảm bớt những vấn đề khó khăn của các cơ quan chức năng trong xử lý hành chính cần phải phát hiện và nêu lên được những trở ngại, bất cập đó.

Lợi dụng sự tiện lợi của Internet, nhiều đối tượng đã và đang ngang nhiên quảng cáo buôn bán các loài ĐVHD trên các trang mạng xã hội. Tình trạng quảng cáo, buôn bán ĐVHD trái phép trên Internet ngày càng diễn biến phức tạp. Chỉ trong vòng 5 năm (2017- 2021), ghi nhận hơn 6.300 vụ có dấu hiệu vi phạm về ĐVHD trên Internet, chiếm hơn 54% tổng số vi phạm trong giai đoạn này. Chỉ tính riêng đầu năm 2022 (tính tới ngày 12/7/2022), ghi nhận 1.862 vụ vi phạm về ĐVHD, trong đó có đến 53% được phát hiện trên không gian mạng (985 vụ)². Năm 2022, do tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, các cơ quan chức năng cũng đã cải thiện tốt năng lực xử lý các vi phạm về ĐVHD do người dân thông báo, đạt được kết quả cao hơn, nhiều ĐVHD đã kịp thời được cứu sống, thả về với môi trường tự nhiên³.

Qua nghiên cứu một số quy định hiện hành về loại tội phạm này, vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc; những quan điểm khác nhau về phương hướng xử lý dẫn đến áp dụng pháp luật thiếu thống nhất, không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Trong vụ Nguyễn Văn A (25 tuổi) là đối tượng chuyên thu mua trái phép các sản phẩm ĐVHD trong nước và từ nước ngoài nhằm phân phối cho các đối tượng buôn bán nhỏ lẻ trong nước. Cơ quan có thẩm quyền giám định số tang vật xác định một bao chứa lông voi châu Phi (*tên khoa học là Loxodonta africana*) là sản phẩm của động vật quý hiếm thuộc Phụ lục I CITES⁴. Cơ quan CSĐT Công an huyện X đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn A về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo điểm

¹ Bích Liên, “Kon Tum: Phạt tiền hơn 157 triệu đồng đối tượng buôn bán động vật hoang dã”, (19/11/2021) <https://dangcongsan.vn/phap-luat/kon-tum-phat-tien-hon-157-trieu-dong-doi-tuong-buon-ban-dong-vat-hoang-da-597465.html>

² Trung tâm giáo dục thiên nhiên ENV, “Cách thức xử lý vi phạm về ĐVHD trên Internet”.

³ Dũng Minh, “Bảo vệ động vật hoang dã từ tin nhắn tố giác”, Báo *Nhân dân*, (24/12/2022), <https://nhandan.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da-tu-tin-nhan-to-giac-post731500.html>

⁴ Nguyễn Đức Hà, VKSND huyện An Nhơn, Bình Định, “Nguyễn Văn A có phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm?”, Tạp chí *Điện tử Kiểm sát*, (21/05/2020), <https://lsvn.vn/ban-ve-cac-toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-nguy-cap-quy-hiem.html>.

b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015. Hiện có 02 quan điểm, ý kiến khác nhau về phương hướng xử lý đối với hành vi của Nguyễn Văn A như sau:

Ý kiến thứ nhất cho rằng, phải xử lý A về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017. Theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP 16/07/2019) được hiểu bao gồm voi châu Á và voi châu Phi. Theo quan điểm của Nguyễn Đức Hà, khi nội luật hoá các quy định của Công ước CITES qua hai Danh mục trên, các nhà làm luật đã xác định tính phân bố cũng như mức độ ưu tiên bảo vệ của các loài động vật tương ứng khác nhau. Điều này được thể hiện tại Điều 4, 5, 6 Nghị định số 160/2013/ NĐ-CP nêu trên thông qua việc xác định các tiêu chí của loài được ưu tiên bảo vệ gồm: Số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng; là loài đặc hữu hoặc có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế; sinh thái, cảnh quan, môi trường, văn hoá, lịch sử (bao gồm cả loài có tính đại diện của khu vực địa lý tự nhiên theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định). Vì vậy, tại Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, từ “voi” ở đây phải được hiểu là loài voi châu Á, đúng với tên thuật ngữ khoa học, đồng thời phù hợp với bản chất ưu tiên bảo vệ cũng như sự phân bố của loài động vật này theo khu vực địa lý đặc trưng. Việc hiểu sai bản chất thuật ngữ trên sẽ dẫn đến hệ quả là việc xử lý trách nhiệm hình sự mà không có căn cứ.

Ý kiến thứ hai cho rằng, trong tình huống này, Viện kiểm sát nhân dân huyện X cần huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can của Cơ quan CSĐT Công an huyện X, hoàn trả toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện X để chuyển xử lý hành chính đối với hành vi trên của Nguyễn Văn A vì chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Dưới sự đánh giá của Nguyễn Đức Hà, A đã có hành vi tàng trữ, mua bán lông đuôi voi châu Phi là sản phẩm động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục I CITES, nên căn cứ khoản 3 Điều 6, điểm a khoản 13 Điều 23 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, hành vi của Nguyễn Văn A chỉ bị xử lý hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật. Dựa vào tình tiết và mức độ, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng hành vi của Nguyễn Văn A chưa có đầy đủ các dấu hiệu để cấu thành tội phạm mà căn cứ vào hành vi, sản phẩm của động vật thuộc Phụ lục I CITES nên chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính.

Mặc dù Nhà nước đã ban hành khá nhiều quy định pháp luật để bảo vệ ĐVHD, nhưng công tác này chưa thực sự hiệu quả do các quy định về công tác quản lý, bảo vệ ĐVHD nằm rải rác trong các luật khác nhau, còn có sự chồng chéo, chưa rõ ràng, chưa thống nhất, nhiều vấn đề thực tiễn phát sinh nhưng luật chưa theo kịp để điều chỉnh... Bởi vậy, việc rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về ĐVHD cũng như cần xây dựng một luật riêng về bảo vệ ĐVHD là hết sức cần thiết.

3. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

3.1. Quy định của pháp luật hình sự về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Khung pháp lý hình sự của Việt Nam về xử lý các tội phạm liên quan đến ĐVHD đã được hình thành và ngày càng hoàn thiện. Để phù hợp với thực tiễn, BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), một số tội danh có sự thay đổi về mức định lượng thì mức tối đa có thể cao gấp 10 lần so với BLHS 1985 (sửa đổi, bổ sung 1989)¹. Đáng chú ý là, BLHS năm 1999 có một điều khoản quy định các tội liên quan đến bảo vệ ĐVHD đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng. BLHS năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là BLHS năm 2015) đã có hai điều quy định các tội về bảo vệ ĐVHD là Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS. Để đảm bảo cho việc áp dụng đúng các quy định về hai tội danh trên, Chính phủ và Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn bao gồm²:

Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (sửa đổi bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019);

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (sửa đổi bởi Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021);

Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn việc áp dụng Điều 234 và Điều 244 của BLHS năm 2015.

Thuật ngữ “ĐVHD”³ lần đầu tiên được sử dụng tại BLHS năm 1999 mà trước đó BLHS năm 1985 chỉ đề cập về tội phạm liên quan đến quản lý, bảo vệ rừng và săn bắt các loài chim và động vật. Trong BLHS năm 1985, hình phạt tối đa được quy định trong luật là 3 năm tù, đến BLHS năm 1999 hình phạt tiền được nâng lên tối đa là 500 triệu đồng và người phạm tội có thể phải chịu 7 năm tù. Nếu như trước đây BLHS chỉ đưa ra mức hình phạt đối với cá nhân phạm tội về bảo vệ ĐVHD thì đến BLHS năm 2015 bổ sung thêm quy định với pháp nhân thương mại để phù hợp với thực tiễn. Trong đó quy định đối với

¹ Đào Lê Thu, “Cấu thành tội phạm, hậu quả và hình phạt của tội phạm về chức vụ” Bài viết được đăng trong tạp chí Tòa án nhân dân điện tử - Cơ quan của Tòa án nhân dân tối cao”, (4/6/2018)

<https://tapchitoaan.vn/cau-thanh-toi-pham-hau-qua-va-hinh-phat-cua-toi-pham-ve-chuc-vu>

² Lê Huỳnh Tấn Duy, “Xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã theo pháp luật hình sự Việt Nam”, Bài viết đăng trong kỷ yếu hội thảo Final (6/2022), Khoa Luật Hình sự Trường Đại học Luật TP.HCM, tr. 93.

³ Khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán.

cá nhân phải chịu mức án là 15 năm tù và khoản tiền phạt lên đến 2 tỷ còn đối với pháp nhân thương mại hình phạt tối đa là 15 tỷ¹.

Nhìn chung về các quy định đã chặt chẽ và nghiêm khắc hơn so với trước, về mức phạt đối với các quy định trong BLHS năm 2015 có sự khoan hồng hơn. Tuy nhiên đối với tội danh về vi phạm việc bảo vệ ĐVHD lại tăng nặng hơn với trước đây với tính chất rắn đe giáo dục, và hạn chế tối đa mức độ vi phạm. Theo quy định tại Điều 234 và Điều 244 của BLHS thì căn cứ xử lý, chính sách xử lý hình sự của mỗi loài ĐVHD thuộc các danh mục khác nhau thì được quy định khác nhau: đối với người thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều 244 thì hành vi săn bắt động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ² không quy định về số lượng tối thiểu có thể phải chịu trách nhiệm hình sự dù ít hay nhiều. Đối với Danh mục động vật thuộc Nhóm IB và Phụ lục I CITES quy định định lượng tối thiểu hoặc số lượng cá thể tối thiểu để xử lý về hình sự. Đối với Danh mục động vật thuộc Nhóm IIB và Phụ lục II CITES và các ĐVHD khác xử lý theo Điều 234 lại quy định trị giá tối thiểu hoặc số tiền thu lợi bất chính để xử lý hình sự. Do đó, trong thực tiễn xét xử nếu có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm mà có các loài ĐVHD thuộc nhiều Danh mục khác nhau sẽ được xử lý hình sự theo các điều tương ứng. Như với tội “Vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD” tại Điều 234 BLHS năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng từ việc tiếp thu các BLHS trước đây, trong đó việc xác định hậu quả của tội phạm đã được cụ thể trong các khung hình phạt. Mặc khác Điều 244 BLHS năm 2015 không mô tả dấu hiệu “hậu quả” của tội phạm này như trong Điều 190 BLHS trước đây, nhưng Điều 244 đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả” bằng tình tiết định lượng: số lượng, trọng lượng của loài, lớp động vật nguy cấp, quý, hiếm để làm căn cứ xử lý hình sự và phân hóa mức độ phạm tội được quy định cụ thể trong các điều khoản.

Người buôn bán ĐVHD phạm tội khi bộ phận của ĐVHD bị buôn bán là những bộ phận mà động vật không thể sống thiếu, ví dụ như đầu, tim, gan hoặc phổi. Chúng ta có thể thấy, điều khoản này được quy định chưa rõ ràng, còn nhiều mơ hồ trong việc xác định thiếu các bộ phận khiến động vật không thể sống dẫn đến việc lực lượng thực thi pháp luật khó xử phạt những kẻ săn trộm mua bán. Ví dụ như trường hợp con tê tê vẫn có thể tiếp tục sống nếu mất một vài vảy, da, tóc, răng, ngà, sừng nhưng nếu mất toàn bộ nó sẽ chết. Như vậy người ta có thể lợi dụng điểm này để thực hiện hành vi phạm tội của mình.

Từ những dữ liệu trên có thể thấy Điều 234 và 244 BLHS năm 2015 chỉ quy định hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép chứ không quy định hành vi chiếm đoạt. Tuy nhiên, để giải quyết vấn đề này, hiện nay Hội đồng thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 và Điều 244 của BLHS năm 2015. Cụ thể, tại Điều 5 của Nghị quyết này đã quy định về hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy

¹ Quy định trong Điều 234 và Điều 244 BLHS năm 2015

² Mục 2, Phụ lục I Nghị định số 64/2019/NĐ-CP

cấp, quý, hiếm. Đối với người thực hiện hành vi chiếm đoạt nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm, thì tùy từng trường hợp mà có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm chiếm đoạt tương ứng quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của BLHS năm 2015. Về lý luận thì trộm cắp của người vừa trộm cắp vẫn là trộm cắp; cướp của người vừa cướp được tài sản vẫn là tội cướp¹. Vì vậy, đối với người thực hiện hành vi chiếm đoạt như cướp, trộm cắp đối với cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, sau đó lại thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của BLHS nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy theo trường hợp cụ thể còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về bảo vệ ĐVHD hoặc tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Đồng thời, người bị chiếm đoạt mà đối tượng là cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm không được bồi thường thiệt hại, vì người chiếm hữu, sử dụng, định đoạt động vật hoặc sản phẩm, bộ phận của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi sở hữu trái pháp luật.

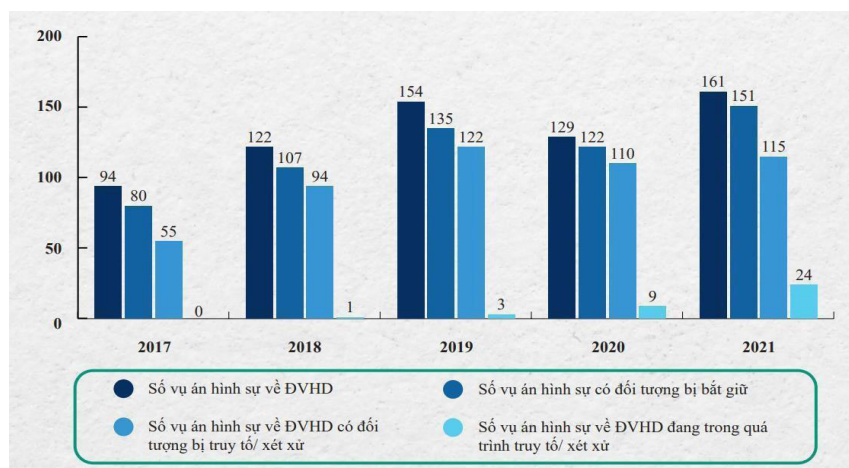
3.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Thực tiễn cho thấy các tội phạm liên quan đến vấn đề bảo vệ ĐVHD đang ngày càng khó kiểm soát mặc dù đã có những hình thức xử lý nghiêm khắc hơn rất nhiều so với trước đây. Về việc xác định lỗi của người thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD thì hiện nay có hai luồng ý kiến cho rằng: Đầu tiên có ý kiến cho rằng: Cơ quan tố tụng phải chứng minh được người thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD biết rõ đó là ĐVHD mà vẫn thực hiện. Bên cạnh đó, ý kiến khác lại cho rằng pháp luật đã quy định các hành vi bị cấm đối với ĐVHD nhưng người dân không nắm rõ hoặc hiểu sai lầm về khung pháp lý. Dù vậy người dân vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình đã thực hiện dựa trên kết luận giám định loài động vật bị xâm hại. Theo quan điểm của nhóm, ý kiến thứ nhất phù hợp theo đó các cơ quan tố tụng phải chứng minh được người thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD biết đó là ĐVHD nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội bởi trong thực tiễn một số nơi người dân tiếp cận với pháp luật đồng thời gây khó khăn trong việc chứng minh. Tức là một lý do khách quan nào đó mà người dân hoàn toàn không biết hoặc không buộc họ phải biết đó là động vật quý, hiếm thì không bị coi là cố ý và không bị coi là phạm tội này. Nếu không biết hoặc không buộc phải biết thì tùy trường hợp cụ thể, họ có thể chỉ bị xử phạt hành chính.

Trong vòng 5 năm, từ 2017 - 2021, tỷ lệ các vụ án hình sự về ĐVHD được đưa ra xét xử có biến động. Trong đó, công tác xử lý tội phạm về ĐVHD năm 2019 có kết quả khả quan nhất với 122/135 vụ án hình sự về ĐVHD được đưa ra xét xử, tương ứng với tỉ lệ

¹ Đinh Văn Quế, “Bàn về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm”, Tạp chí *Luật sư điện tử*, (14/10/2018), <https://lsvn.vn/ban-ve-cac-toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-nguy-cap-quy-hiem.html>

90.3%. Số vụ bắt giữ và bị truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến tội phạm về ĐVHD qua các năm biến động không đều. Số liệu cụ thể được trình bày trong biểu đồ dưới đây¹.



Hình 1. Tình hình giải quyết các vụ án hình sự về ĐVHD trong giai đoạn 2017-2021

Qua biểu đồ này có thể thấy rằng qua 161 vụ án hình sự về ĐVHD diễn ra năm 2021, cơ quan chức năng đã phát hiện và bắt giữ thành công đối tượng vi phạm trong 151 vụ (chiếm tỉ lệ 93,8%), cao hơn so với số liệu ghi nhận năm 2018 (87,7%) - thời điểm BLHS bắt đầu có hiệu lực. Trong số 151 vụ án có các đối tượng bị bắt giữ trong năm 2021, 115 vụ (chiếm tỉ lệ 76,2%) có một hoặc nhiều đối tượng đã bị đưa ra xét xử - ít hơn khá nhiều so với số vụ được ghi nhận trong hai năm trước đó (trung bình đạt khoảng 90%).

	2017 (Trước khi BLHS có hiệu lực)	2018	2019	2020	2021
Số vụ án được đưa ra xét xử	64	63	92	120	140
Số vụ xét xử có đối tượng bị phạt tù (Không được hưởng án treo)	19	29	45	59	64
Tỉ lệ các vụ án áp dụng hình phạt tù (Không được hưởng án treo)	29,6%	46%	48,9%	49,2%	45,7%
Số đối tượng bị áp dụng hình phạt tù (Không được hưởng án treo)	27	39	80	95	84
Mức hình phạt tù trung bình (theo năm)	1,21	3,08	4,5	4,09	3,73

Hình 2. Thực trạng áp dụng hình phạt tù đối với người phạm tội về ĐVHD (tính theo thời điểm vụ án được đưa ra xét xử).

¹ Trung tâm Giáo dục thiên nhiên ENV, “Công tác xử lý tội phạm về ĐVHD tại Việt Nam năm 2021” <https://thiennhien.org/uploads/prosecution-review-of-wildlife-trafficking-cases-in-vietnam-2021-vn-september-22-2022-final.pdf>

Qua bảng số liệu cho thấy hơn 45% số lượng vụ án áp dụng hình phạt tù (không được hưởng án treo). Hình phạt nghiêm khắc cũng tiếp tục được áp dụng với gần 46% số vụ án có đối tượng bị áp dụng hình phạt tù và mức tù trung bình cho một đối tượng phạm tội về ĐVHD là 3.73 năm. Trong đó, đáng chú ý nhất là mức phạt 14 năm tù cho một đối tượng vận chuyển trái phép sừng tê giác - mức án cao nhất đối với một đối tượng phạm tội về ĐVHD ở Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại.

Có thể nhận thấy số vụ án và bị cáo bị đưa ra xét xử về hai tội danh trên, đặc biệt là tội “vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD” là rất ít. Thực tế có thể thấy qua các số liệu thống kê chưa hoàn toàn phản ánh đúng thực trạng săn bắt, nuôi nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD. Đồng thời cũng cho thấy các cơ quan chức năng đã coi trọng công tác bảo vệ ĐVHD và chủ động phát hiện cũng như kiên trì điều tra xử lý. Chính phủ Việt Nam cũng đã dành nhiều thời gian quan tâm hơn đến vấn đề này, dẫn đến công tác giám sát chặt chẽ của các cơ quan thực thi pháp luật, sửa đổi cho phù hợp và tham gia sâu rộng hơn vào việc hợp tác quốc tế. Bản án số 125/2021/HS-PT ngày 15/10/2021 về tội vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của TAND tỉnh Tây Ninh¹ được xem xét phát triển thành án lệ và có sức răn đe đối với tội phạm này. Ngay cả khi cơ quan thực thi cũng không thể khẳng định được rằng giá trị tang vật mà họ đưa ra để làm căn cứ. Trong vụ án này Phún Nhặt T đã nhiều lần sang Campuchia đặt mua với tổng 39 cá thể Đồi mồi đã sấy khô đặt của một người đàn ông Campuchia, đem về Tây Ninh để bán lại kiếm lời. Theo Kết luận giám định số 962 ngày 28/12/2020 của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lĩnh vực động vật và thủy sinh vật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam: 39 cá thể Đồi mồi (*tên khoa học là Eretmochelys imbricate*), thuộc lớp bò sát, có tên trong phụ lục 1 CITES. Trong quá trình thực hiện hành vi Phún Nhặt T đã sử dụng mạng xã hội để rao bán các động vật liên quan đến ĐVHD như móng hổ, nanh hổ, sừng tê giác, vây tê tê... Qua quá trình điều tra nhận thấy bị cáo hiểu rõ hành vi kinh doanh mua bán Đồi mồi và các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm là bị nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình sai phạm. Tòa án xác định bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo điểm a khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015 là có căn cứ. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại bản án này vẫn đang còn xem xét, chưa được Hội đồng thẩm phán TANDTC lựa chọn để phát triển bản án số 125/2021/HS-PT thành Án lệ. Mặt khác, mới đây tại Điều khoản này cũng xây dựng nên án lệ số 58/2023/AL về tình tiết khung hình phạt tại điểm c khoản 3 Điều 244 của BLHS. Án lệ dựa trên bản án sơ thẩm số 179/2018/HSST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh về vụ án “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” đối với bị cáo Hoàng Đình Q. Trong vụ án này bị cáo đã vận chuyển 5 cá thể hổ đông lạnh và 1 bộ phận sinh dục đực của một loài hổ (*tên khoa học Panthera tigris*). Theo kết luận giám định nếu tổng số lượng thị trên là của 1 cá thể hổ thì sẽ dẫn đến cá thể không thể tồn tại. Mặc khác cũng

¹ Phú Duy, “Xét xử ĐVHD thể hiện cam kết của Nhà nước ta với quốc tế”.

chưa xác định 1 bộ phận sinh dục hổ đực có phải thuộc một trong năm con hổ đông lạnh. Tuy nhiên căn cứ xác định bộ phận sinh dục đó là bộ phận không thể tách rời sự sống của con hổ. Trường hợp Tòa án tuyên xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo điểm c khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015. Nhóm tác giả nhận thấy về Án lệ 58/2023/AL đã giải quyết vấn đề xác định bộ phận không thể tách rời là bộ phận sinh dục đực của hổ. Theo căn cứ giám định về khối lượng, bộ phận sinh dục không phù hợp với 5 cá thể hổ, vì vậy xác định có 6 cá thể hổ bị giết. Mặc dù đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác xử lý các vụ án hình sự về ĐVHD, song, thực tiễn áp dụng cho thấy quy định của BLHS về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD vẫn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc nhất định. Chưa thực sự thống nhất trong việc xét xử các vụ án, cách xác định lưu trữ vật chứng ĐVHD còn gặp nhiều khó khăn. Vấn đề xử lý vật chứng là ĐVHD thường liên quan đến nhiều cơ quan (điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan thi hành án). Các quy định trong tố tụng hình sự vẫn chưa có quy định riêng về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự về tội phạm có liên quan đến ĐVHD. Việc định giá, giám định còn vướng mắc bởi thực tế cho thấy, việc nhà làm luật, thiết kế mức phạt tương ứng với giá trị tang vật vi phạm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống loại hành vi vi phạm này.

4. ĐÁNH GIÁ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN CƠ SỞ HƯỚNG DẪN VÀ CHỈ BÁO QUỐC TẾ

Với tư cách là thành viên thứ 121 của Công ước CITES, Việt Nam đã thực hiện nghĩa vụ thành viên, đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến bảo vệ ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm. Dựa trên tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi mà Việt Nam đã phân chia các hình thức xử phạt khác nhau theo các bộ luật, các nghị định hướng dẫn thi hành. Qua đó nhận thấy pháp luật Việt Nam đã có những thay đổi bổ sung chặt chẽ, cụ thể, rõ ràng hơn và mở rộng chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại so với bộ luật trước đây. Hệ thống văn bản pháp luật chuyên ngành được ban hành, hệ thống cơ quan thực thi pháp luật và cơ chế phối hợp được thiết lập. Tuy nhiên nước ta vẫn còn những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực thi chủ yếu chỉ tập trung vào việc xử lý mà quên đi cách phòng ngừa cũng cần được chú trọng.

Từ các văn bản pháp luật quy định về ĐVHD có thể thấy rằng các loài động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có tên trong nhiều Danh mục, điều này đã dẫn đến sự chồng chéo quy định quản lý và lúng túng trong quá trình áp dụng pháp luật. Cụ thể, trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (được sửa đổi bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP) và Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng

nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP) đã có sự chồng chéo. Trong đó, có 87/96 loài trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đồng thời được liệt kê trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Với sự trùng nhau của hai Danh mục, theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định 06/2019/NĐ-CP thì hầu hết các hoạt động thực hiện đối với 87/96 loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của Nghị định 64 sẽ được áp dụng như quy định tại Nghị định 06/2019/NĐ-CP. Đối với 9 loài còn lại thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, vì 9/9 loài cũng đồng thời thuộc Phụ lục I CITES nên theo khoản 1 Điều 9 Nghị định 06, các quy chế quản lý 9 loài này cũng tuân theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP. Thực chất thì Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ chỉ còn 9 loài chịu sự điều chỉnh của toàn bộ Nghị định 160/2013/NĐ-CP, trong khi 87/96 loài khác chỉ còn được điều chỉnh với hoạt động khai thác tạo nguồn giống ban đầu phục vụ nghiên cứu khoa học. Ngoài ra pháp luật hình sự và pháp luật hành chính chưa thực sự hoàn thiện cần được bổ sung và thay đổi cho phù hợp với chính sách thực tiễn.

Về pháp luật hình sự, tại Điều 234 căn cứ vào giá trị của đối tượng tác động để làm dấu hiệu định khung cơ bản truy cứu trách nhiệm hình sự cũng chưa thỏa đáng bởi rất ít trường hợp tang vật có giá trị từ 150.000.000 đồng trở lên trừ khi số lượng phải rất lớn. Thực tế này khiến nhiều vụ vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt... ĐVHD trái phép bị phát hiện chỉ có thể xử phạt hành chính chứ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm để xử lý hình sự, kéo theo hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm này không cao.

Một điểm đáng chú ý là điểm đ khoản 2 Điều 234 và điểm h Khoản 2 Điều 244 đều quy định hành vi phạm tội “săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm” và Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP nêu hướng dẫn “khu vực bị cấm” là khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan hoặc khu bảo vệ khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; “thời gian bị cấm” là mùa sinh sản hoặc mùa di cư của ĐVHD, do cơ quan có thẩm quyền quy định. Tuy nhiên, quy định nêu trên có thể dẫn đến sự hiểu nhầm rằng ngoài các khu vực cấm hoặc thời gian cấm thì được phép săn bắt các loài ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm, chưa kể cho đến nay các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa ban hành hướng dẫn cụ thể mùa sinh sản hoặc di cư của các loài ĐVHD nên gây khó khăn trong việc thực thi¹. Ngoài ra, chưa phân hóa được trách nhiệm hình sự đối với tội danh cần quy định rõ ràng và còn sự mâu thuẫn về mức định lượng tối thiểu của sản phẩm ĐVHD.

Tại điểm b Khoản 1 Điều 244, chỉ cần vi phạm một trong các hành vi quy định tại điều này thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà không cần xét tới khối lượng, số lượng

¹ Phạm Văn Beo, “Thách thức trong phòng, chống tội phạm động vật hoang dã” (23/01/2022), <https://www.thiennhien.net/2022/01/23/thach-thuc-trong-phong-chong-toi-pham-dong-vat-hoang-da/>

hoặc giá trị của cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật; tuy nhiên tại điểm c của Điều này lại quy định: “Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ngà voi có khối lượng từ 02 kilôgam đến dưới 20 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 50 gam đến dưới 01 kilôgam” thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Những quy định của pháp luật vẫn còn hạn chế dẫn đến việc thi hành và áp dụng trong thực tiễn còn nhiều bất cập. Trước hết, pháp luật hiện nay còn thiếu tính ổn định do các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung trong thời gian ngắn, dẫn đến khó khăn trong áp dụng pháp luật. Bên cạnh đó, tính thống nhất của hệ thống pháp luật chưa cao, còn tồn tại những văn bản mâu thuẫn, chồng chéo. Quy trình xây dựng pháp luật còn thiếu tính liên kết, kiểm soát chặt chẽ giữa các giai đoạn dẫn đến phản ứng chính sách chưa đảm bảo tính linh hoạt khi phải đối phó với những vấn đề phát sinh cần có sự phản ứng nhanh nhạy. Công tác tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm nói chung còn nhiều hạn chế, đặc biệt là đối với người dân tộc thiểu số sống ở vùng núi cao, gần khu vực bảo tồn thiên nhiên,...là đối tượng dễ bị vi phạm quy định cấm của pháp luật về lĩnh vực này.

Theo đánh giá của báo chí quốc tế không chỉ nói đến pháp luật Việt Nam mà pháp luật giữa các quốc gia cũng có sự khác biệt lớn về các chế định bảo vệ ĐVHD. Dù thể việc thực thi pháp luật vẫn dựa trên hệ thống pháp luật một cách có hiệu quả để kiểm soát và ngăn chặn tội phạm liên quan đến ĐVHD. Tuy nhiên vấn đề thực thi pháp luật ở nhiều quốc gia còn chưa phân hóa được trách nhiệm hình sự đối với các hoạt động về buôn bán bất hợp pháp ĐVHD trên các diễn đàn và các trang mạng xã hội. Chính vì thế kiên quyết cần phải đồng thời cải thiện, xây dựng khung pháp lý và tư trợ tư pháp nhằm quản lý chặt chẽ, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, ngăn chặn các tội phạm xuyên quốc gia. Khi xây dựng chế định liên quan đến ĐVHD trong nước hay quốc tế thì trong việc xây dựng các cải cách quy định cho phù hợp. Điều quan trọng hơn là tránh sự trùng lặp, gây phức tạp, khó hiểu, nâng cao hiệu quả xử lý trong việc thi hành.

Hầu hết đối với các quốc gia, tội phạm chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có lỗi và dựa trên giả định không có kết án mà không có tội. Chính vì thế việc xác định các yếu tố lỗi là điều rất khó khăn, đặc biệt lỗi chủ quan như cố ý hay sai lầm về các quy định. Các cơ quan phải chứng minh được người thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD biết rõ đó là ĐVHD mà vẫn thực hiện hay không nắm rõ hoặc hiểu sai lầm về khung pháp lý. Điều quan trọng trong xác định phạm vi áp dụng của các tội phạm là phải quyết định rõ những tội phạm thực hiện một cách cố ý hay thiếu hiểu biết mới dẫn đến chịu trách nhiệm hình sự. Nên áp dụng trong mọi trường hợp đối với hành vi liên quan đến ĐVHD, ngay cả khi người thực hiện bất cẩn hoặc không nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật.

Ngoài ra sự đồng thuận giữa các quốc gia về phạm vi và các yếu tố cấu thành tội phạm cũng cần phải được thiết lập. Bởi những gì có thể bất hợp pháp với một số quốc gia

nhưng lại hoàn toàn hợp pháp với các nước láng giềng. Khi xây dựng các quy định cũng cần tránh tạo ra sự mất cân bằng rõ rệt giữa các quốc gia. Ngoài ra trong quá trình điều tra hành vi của các tội phạm thường rất tinh vi nên việc bí mật điều tra có thể cực kỳ hữu hiệu và cũng là một trong những phương pháp điều tra duy nhất nhằm tối ưu và ngăn chặn hành vi phạm tội. Việc tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người dân nắm bắt cũng đem lại hiệu quả cao trong việc tố giác và đôi khi là cách duy nhất ngăn chặn hoặc giải quyết tội phạm. Tạo điều kiện khen thưởng vào đường dây nóng khi người cung cấp thông tin báo cáo. Đây có thể là việc xử lý hiệu quả về nguồn lực nhưng chi phí hơn đáng kể so với các phương pháp điều tra bí mật khác.

5. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

5.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Từ những phân tích, đánh giá các quy định về pháp luật hành chính và pháp luật hình sự liên quan đến các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm cho phù hợp với thực tiễn. Chúng tôi đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về việc xử lý các hành vi vi phạm các quy định về ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Trước hết, cần hạn chế sự chồng chéo trong quy định bảo vệ các loài ĐVHD dẫn đến sự chồng chéo trong thẩm quyền quản lý giữa các cơ quan Nhà nước. Về thẩm quyền quản lý, bảo vệ ĐVHD hiện được giao chủ yếu cho hai Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mỗi Bộ thực hiện chức năng riêng của mình tuy nhiên trên thực tế thẩm quyền của hai cơ quan này có sự chồng chéo dẫn đến khó khăn trong việc thi hành pháp luật liên quan do một nhóm đối tượng nhưng có thể cùng lúc chịu sự điều chỉnh của hai cơ quan quản lý khác nhau. Bên cạnh đó, hiện nay có nhiều danh mục loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được ban hành kèm theo các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn thi hành. Việc có nhiều danh mục cùng tồn tại đan xen lẫn nhau dẫn đến sự chồng chéo gây ra lãng phí về nguồn lực đồng thời cũng gây khó khăn cho lực lượng thực thi pháp luật. Để giải quyết vấn đề này cần phải cân nhắc ban hành văn bản hướng dẫn quy định rõ ràng hơn nếu có sự trùng lặp giữa các Danh mục. Đặc biệt, cần phải chấm dứt tình trạng cùng một loài ĐVHD nhưng nằm trong nhiều Danh mục có cơ chế quản lý khác nhau. Đồng thời phân định rõ ràng trách nhiệm của của cơ quan quản lý, cụ thể là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường¹.

Thứ hai, về việc xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD theo pháp luật hành chính cần phải có biện pháp chế tài mạnh mẽ hơn. Hiện nay, về mức phạt hành

¹ Bùi Thị Hà, “Quản lý động vật hoang dã nguy cấp quý hiếm: Bất cập và khuyến nghị”, (26/01/2022) <https://www.thiennhien.net/2022/01/26/quan-ly-dong-vat-hoang-da-nguy-cap-quy-hiem-bat-cap-va-khuyen-nghi/>

chính, người có hành vi trái pháp luật đối với ĐVHD chịu mức phạt cao nhất là 400 triệu đồng. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay lợi nhuận do buôn bán trái phép ĐVHD là rất cao, vì vậy cần nâng cao mức phạt phù hợp với thực tiễn nhằm răn đe và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật. Nhóm nhận thấy rằng đối với mức phạt cho hành vi buôn bán với lợi nhuận cao từ ĐVHD phải được nâng lên gấp 2 lần so với giá trị tang vật và người thực hiện hành vi buôn bán đó bán ra. Từ đó răn đe, giáo dục người dân tuân thủ và ngăn chặn tình trạng buôn bán đã diễn ra tràn lan thông qua nhiều hình thức đặc biệt trong thời đại công nghệ số như hiện nay.

Thứ ba, cần phải hoàn thiện pháp lý các quy định trong BLHS và các quy định khác liên quan quan đến phòng, chống tội phạm về ĐVHD. Tại Điều 244 BLHS năm 2015 còn một vài bất cập cần có sự điều chỉnh như thống nhất quy định mức định lượng tối thiểu dẫn tại các điều, khoản, bổ sung thêm quy định về mức định lượng khi cộng dồn các lớp ĐVHD khác nhau làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nhóm nhận thấy cần phải thiết lập hệ thống quản lý săn bắt, vận chuyển, nuôi nhốt trong thời gian sinh sản. Phải quy định rõ hơn về vấn đề này là do mỗi loài động vật có thời gian sinh sản khác nhau, hành vi săn bắt có thể ảnh hưởng đến việc sinh con của những động vật đang mang thai. Điều này có nghĩa là đang liên tiếp làm giảm số lượng ĐVHD một cách nhanh chóng. Còn đối với vấn đề di cư của các loài ĐVHD ở các khu vực khác nhau cần phải có sự phân định rõ ràng giữa các loại thuộc danh mục, phụ lục quy định về số lượng loài ĐVHD bằng việc thống nhất giữa các quy định giữa các nước với nhau thông qua việc ký kết hợp tác cùng phát triển. Đồng thời hỗ trợ công tác xử lý tội phạm quốc tế liên quan đến vấn đề săn bắt, vận chuyển, buôn bán trái phép các loài ĐVHD trong khu vực và quốc gia khác. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống tội phạm.

Thứ tư, nhóm đề xuất cần phải thay đổi nội dung về quy định bộ phận không thể tách rời sự sống của các loài ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm bởi lẽ với số lượng nhỏ ở một số bộ phận tuy không tác động đến sự sống nhưng với số lượng lớn có thể dẫn đến cái chết của các cá thể này. Hành vi lấy đi một bộ phận trên cơ thể của chúng có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh hoạt cũng như các chức năng khác. Chính vì vậy cần quy định nghiêm minh về xử lý đối với hành vi xâm phạm đến bộ phận của các loài ĐVHD.

Thứ năm, hiện nay có rất nhiều các văn bản pháp luật quy định vấn đề liên quan đến quản lý, bảo vệ ĐVHD. Điều này dẫn đến việc khó khăn trong khi áp dụng pháp luật. Ngoài ra, vấn đề bảo vệ ĐVHD là một vấn đề có vai trò vô cùng quan trọng đối môi trường, cân bằng hệ sinh thái. Nhóm đề xuất cần nghiên cứu và xây dựng luật riêng quy định về việc bảo vệ ĐVHD để thuận tiện cho việc áp dụng cũng như thực thi hiệu quả công tác phòng, ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm về ĐVHD một cách thống nhất.

5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Trong những năm vừa qua, Việt Nam ghi nhận hàng loạt các bản án lớn nhỏ liên quan đến tội phạm về ĐVHD. Điều đáng nói hơn là một số đối tượng cầm đầu buôn bán, săn bắt, vận chuyển trái phép... đã bị bắt, khởi tố và chịu trách nhiệm mức tù nghiêm khắc. Tuy nhiên, các hành vi vi phạm này vẫn là một điểm nóng đối với nước ta. Để góp phần triệt tiêu các đường dây buôn bán ĐVHD và ngăn chặn tội phạm ngày càng tăng cao trong hoạt động bắt giữ, xử lý trái phép. Từ đó nâng cao hiệu quả xử lý, đấu tranh với loại hình phạm tội rất nghiêm trọng này.

Đầu tiên, cần tăng cường chất lượng thi hành pháp luật về bảo vệ ĐVHD cho lực lượng chức năng bằng cách: Tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện bài bản về thực thi pháp luật, những kiến thức và kỹ năng để nhận diện, xác định danh mục các loài ĐVHD và nâng cao kỹ năng thu thập thông tin. Bởi thực tế hiện nay lực lượng kiểm lâm trực tiếp thi hành nhiệm vụ hầu hết tốt nghiệp các chuyên ngành về lâm nghiệp mà chưa được trang bị các khóa đào tạo chuyên sâu trong phòng, chống tội phạm. Bên cạnh đó, các lực lượng chức năng, đặc biệt là lực lượng kiểm lâm cần được trang bị đầy đủ các loại vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ và các cơ sở pháp lý trong việc sử dụng các loại vũ khí.

Thứ hai, trong thực tiễn quá trình bảo đảm chấp hành pháp luật còn hạn chế. Trong nhiều vụ việc, chỉ bắt giữ được người vận chuyển thuê và phương tiện vi phạm mà không tìm được đối tượng cầm đầu. Do vậy không thể áp dụng hình thức xử phạt đối với đối tượng cầm đầu liên quan đến ĐVHD. Tuy nhiên các đối tượng như vận chuyển ĐVHD trái pháp luật có khung xử phạt cao đều không nộp phạt theo quyết định. Trường hợp này, cơ quan Kiểm lâm chỉ có thể ra quyết định xử phạt hành chính cho địa phương nơi cư trú của người vi phạm để đôn đốc việc nộp phạt. Chế tài xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền như hiện nay chưa thực sự có hiệu quả trong việc răn đe phòng ngừa đối với hoạt động buôn bán trái phép ĐVHD. Chính vì thế cần nâng cao mức hình phạt tiền cao hơn mức lợi nhuận có được của buôn bán trái pháp luật để cơ quan thi hành có thể dễ dàng xử lý nâng cao công tác thực thi pháp luật.

Thứ ba, cần có sự phối hợp, tăng cường trao đổi thông tin giữa các cơ quan thực thi như công an, hải quan, quản lý thị trường. Đặc biệt là các lực lượng kiểm lâm, người quản lý trực tiếp môi trường sống của các loài ĐVHD nên việc hiểu biết và nắm rõ thông tin một cách rõ nhất. Xây dựng kế hoạch liên ngành về tuần tra rà soát các hoạt động để phát hiện và ngăn chặn kịp thời. Nỗ lực điều tra, xử lý nghiêm minh đối với các đối tượng vi phạm, đặc biệt là đối tượng cầm đầu.

Thứ tư, tích cực tuyên truyền vận động người dân về bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm trên các trang mạng xã hội, đài truyền hình. Đồng thời tổ chức các hoạt động truyền bá nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc tố giác các tội phạm có hành vi trái phép.

6. KẾT LUẬN

Các quy định về bảo vệ ĐVHD ở Việt Nam đã được cụ thể hóa trong pháp luật hành chính và hình sự. Hiện nay, khung pháp lý được xây dựng ngày càng hoàn thiện và công tác thực thi cũng đạt được kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên, tình hình tội phạm ĐVHD vẫn diễn biến phức tạp khiến công tác phòng, chống nhóm tội phạm này tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Án lệ liên quan đến ĐVHD cũng đã được xây dựng nhằm khắc phục hạn chế các quy định của pháp luật và phục vụ công tác xử lý tội phạm.

Bài viết chỉ ra các quy định của pháp luật và thực tiễn liên quan đến vấn đề bảo vệ ĐVHD. Đầu tiên, nhóm nhận thấy hiện nay các quy định vẫn còn nhiều hạn chế và vướng mắc cần được xử lý, trên tinh thần đó cần đưa ra những đánh giá và giải pháp để hoàn thiện hơn. Thứ hai, về việc xác định lỗi các cơ quan tố tụng phải chứng minh được người thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD biết rõ đó là ĐVHD mà vẫn thực hiện. Cuối cùng, việc chưa có sự thống nhất trong hướng xử lý nên trong bài viết đã đưa ra những khuyến nghị nhằm cải thiện và góp phần nâng cao hiệu quả thi hành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.
- [2] Ngọc Phạm, Tuyên truyền các quy định xử lý vi phạm hành chính về động vật hoang dã, 2022.
- [3] UNODC, Wildlife and Forest Crime Analytic Toolkit, New York, 2012 https://cites.org/sites/default/files/eng/resources/pub/Wildlife_Crime_Analytic_Toolkit.pdf.
- [4] WCS Viet Nam, We Stand for Wildlife, <https://programs.wcs.org/vietnam/vi-vn/> (truy cập lần cuối 21/2/2023).
- [5] ICCWC, ICCWC Indicator Framework for Combating Wildlife and Forest Crime, UN July 2016. [6] Louisa Musing Magdalena Norwicz, Jane Kloda and Katalin Kecse – Nagy, Wildlife trade in Belgium, An analysis of CITES trade and seizure data, UK, October 2018.

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ - KINH NGHIỆM TỪ MỘT SỐ QUỐC GIA

Phạm Văn Lành¹, Nguyễn Ngọc Kim Nguyễn², Trương Bảo Ngọc³
(Được hướng dẫn bởi ThS. Nguyễn Phương Thảo)

Tóm tắt: Hiện nay, nạn săn bắt và buôn bán trái pháp luật các loài động vật hoang dã đã và đang làm gia tăng nguy cơ tuyệt chủng của nhiều giống, loài quý hiếm, gây mất cân bằng sinh thái và môi trường sống. Do đó, việc bảo vệ động vật hoang dã là vô cùng cấp thiết vì chúng giữ một vai trò quan trọng đối với việc duy trì đa dạng sinh học và sự phát triển bền vững. Để giải quyết vấn đề trên, pháp luật hình sự của Việt Nam đã ban hành các quy định về xử lý các hành vi vi phạm đối với bảo vệ động vật hoang dã nhưng vẫn còn nhiều điểm hạn chế, làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá quy định của luật hình sự Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu pháp luật hình sự Hoa Kỳ và Trung Quốc liên quan đến việc xử lý các tội phạm về động vật hoang dã; thực tiễn áp dụng và đưa ra các đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.

Từ khóa: Động vật hoang dã, bảo vệ động vật hoang dã, luật hình sự, Việt Nam, Trung Quốc, Hoa Kỳ.

1. GIỚI THIỆU

Hiện nay ở nước ta, tình trạng vận chuyển, buôn bán, tàng trữ và sử dụng trái phép động vật hoang dã (ĐVHD) đã và đang xảy ra ở nhiều nơi với tính chất và mức độ vi phạm ngày càng tinh vi. Các hoạt động vi phạm pháp luật, nhằm cung cấp ĐVHD và các sản phẩm từ ĐVHD cho các đường dây tiêu thụ trong nước và trung chuyển ra nước ngoài diễn ra phức tạp. Thời gian qua, với việc ký kết và trở thành thành viên của Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES) cùng sự điều chỉnh của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (BLHS năm 2015) được coi là công cụ pháp lý vững chắc để xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD, đã thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Việt Nam trong việc trấn áp loại tội phạm này. Hằng năm có nhiều bản án về tội phạm liên quan đến ĐVHD với các mức án nghiêm khắc có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả răn đe, đấu tranh phòng ngừa với loại tội phạm này. Từ khi trở thành thành viên Công ước CITES năm 1994, Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp mạnh mẽ nhằm ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD, nhất là đối với các loài nguy cấp, quý, hiếm. Trong các biện pháp được thực thi, biện pháp xử lý

¹ Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh. Email: phamvanlanh2023@gmail.com

² Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh

³ Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh

hình sự đối với các hành vi săn bắn, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán trái phép ĐVHD,... thể hiện rõ nhất sự nghiêm khắc của pháp luật trong bảo vệ các loài ĐVHD nói chung và loài nguy cấp, quý, hiếm nói riêng qua các quy định cụ thể trong Bộ luật Hình sự qua từng thời kỳ. Tuy nhiên, vẫn còn những quy định chưa thật sự chặt chẽ, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi và áp dụng pháp luật liên quan đến xử lý hình sự các hành vi vi phạm về ĐVHD. Qua bài viết sau đây chúng tôi sẽ luận giải, phân tích và làm rõ một số vấn đề: khái niệm ĐVHD, những cam kết quốc tế của Việt Nam trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hình sự về bảo vệ ĐVHD, nghiên cứu Luật bảo vệ ĐVHD cũng như quy định pháp luật hình sự Trung Quốc, Đạo luật Lacey của Hoa Kỳ và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD.

2. KHÁI NIỆM ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

2.1. Khái niệm động vật hoang dã

Theo Từ điển Cambridge, động vật và thực vật hoang dã (gọi chung là wildlife) là *“Động vật, thực vật phát triển độc lập không phụ thuộc vào con người, thường là trong môi trường tự nhiên”* [1]. Định nghĩa này thường được xem xét từ hai góc độ: Về góc độ sinh học thì loài hoang dã sẽ tự sinh sống và phát triển trong môi trường tự nhiên, không phụ thuộc vào con người như điều kiện chăm sóc, nguồn thức ăn. Về góc độ quản lý, hiện nay có nhiều loài hoang dã được con người nuôi trong môi trường có kiểm soát, tức là đã thay đổi môi trường sống của chúng, làm cho chúng phụ thuộc vào con người (môi trường nuôi, trồng nhân tạo; giới hạn phạm vi hoạt động, phân bố; cung cấp thức ăn; làm thay đổi tập tính;...). Như vậy, việc nuôi trồng các loài động vật, thực vật hoang dã trong môi trường có kiểm soát đã làm thay đổi bản chất “hoang dã” của chúng, vì phải “phụ thuộc vào con người”.

Theo khoản 13 Điều 3 Luật Đa dạng sinh học năm 2018 của Việt Nam thì *“Loài hoang dã là loài động vật, thực vật, vi sinh vật và nấm sinh sống và phát triển theo quy luật”*. Tuy nhiên, định nghĩa này chưa thể hiện được tính “hoang dã” của thực thể sinh vật vì bản thân các loài động vật nuôi cũng sinh sống và phát triển theo quy luật. Trên thực tế, công tác quản lý các loài ĐVHD không chỉ quan tâm đến cá thể động vật mà còn phải quản lý các bộ phận, sản phẩm và dẫn xuất của chúng, như các bộ phận, sản phẩm chế tác, nguồn gen...[2].

Theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự thì *“ĐVHD quy định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự là các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục II Công ước*

về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp”. Động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Điều 244 của Bộ luật Hình sự được giải thích là “các loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp”.

Động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm là các loài có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường, văn hoá - lịch sử, số lượng còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng; thuộc danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm do Chính phủ quy định [3]. Như vậy, động vật nguy cấp, quý, hiếm cũng là ĐVHD được pháp luật bảo vệ.

Theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22/09/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp có nêu khái niệm ĐVHD như sau:

“Động vật hoang dã, thực vật hoang dã là những loài động vật, thực vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật, thực vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;*
- b) Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;*
- c) Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES;*
- d) Loài động vật rừng thông thường;*

đ) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.”

Từ những khái niệm này, chúng tôi cho rằng “ĐVHD” là những loài động vật sống hoang dã trong tự nhiên chưa bị con người thuần hóa hoặc được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

Việc bảo vệ ĐVHD có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức, trong đó có các chế tài về hình sự để xử lý các hành vi vi phạm.

2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện pháp luật hình sự về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Tình hình buôn bán trái phép ĐVHD ở Việt Nam còn phức tạp, mặc dù Nhà nước đã ban hành khá nhiều quy định pháp luật để bảo vệ ĐVHD. Công tác quản lý, bảo vệ ĐVHD

này chưa thực sự hiệu quả do các quy định liên quan đến ĐVHD nằm rải rác trong các văn bản luật khác nhau, còn có sự chồng chéo, chưa rõ ràng, thống nhất, nhiều vấn đề thực tiễn phát sinh nhưng luật chưa theo kịp để điều chỉnh... Bởi vậy, việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD nói chung và pháp luật xử lý các hành vi vi phạm nói riêng là hết sức cần thiết. Hoàn thiện các chế tài xử lý hình sự sẽ phát huy hơn nữa vai trò của BLHS với tư cách là công cụ pháp lý sắc bén, hữu hiệu trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ĐVHD. Việc hoàn thiện quy định này mang nhiều ý nghĩa:

Về phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm

Pháp luật hình sự là công cụ rắn đe hiệu quả người phạm tội. Do đó, hoàn thiện các quy định về xử lý hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm giúp rắn đe nghiêm khắc đối tượng đã phạm tội và đối tượng chuẩn bị phạm tội, ngăn chặn các hành vi săn bắt, buôn bán, vận chuyển ĐVHD trái phép đã, đang, sẽ xảy ra. Việc hoàn thiện 02 tội danh chính là Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS năm 2015 nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, xử lý nghiêm minh và tạo được cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể, đầy đủ hơn trong việc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này

Về bảo tồn đa dạng sinh học

Hoàn thiện pháp luật hình sự về bảo vệ ĐVHD có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong nỗ lực bảo vệ các loài ĐVHD vì thực tiễn chỉ ra rằng việc áp dụng các chế tài hình sự nghiêm khắc sẽ góp phần giảm thiểu tình trạng săn bắt, buôn bán trái phép ĐVHD, qua đó góp phần vào những nỗ lực chung của toàn cầu trong việc bảo tồn đa dạng sinh học các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm trước thực trạng ĐVHD bị săn, bắt trái phép và có nguy cơ tuyệt chủng hiện nay.

Về thực thi các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự của Việt Nam về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến ĐVHD phù hợp với các nguyên tắc, quy định của các Điều ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD mà Việt Nam là thành viên. Đây là một công cụ hiệu quả và khung pháp lý cần thiết nhằm đấu tranh chống buôn bán trái phép các loài ĐVHD, thực hiện nghĩa vụ và cam kết bảo vệ ĐVHD của Việt Nam với cộng đồng quốc tế.

Do đó, để nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm về ĐVHD, ngăn chặn hiệu quả nạn săn, bắt, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán trái phép ĐVHD, cần thiết phải hoàn thiện và thống nhất hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đặc biệt là pháp luật hình sự.

3. NHỮNG CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG VIỆC XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Việt Nam đang trên con đường hội nhập và phát triển, tích cực tham gia các hoạt động và hiệp định quốc tế nhằm nâng cao, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Trong các Công

ước, hiệp định mà Việt Nam tham gia, hiện có khá nhiều cam kết về vấn đề đa dạng sinh học, bảo tồn ĐVHD mà từ khi Việt Nam là thành viên đến nay đã có ít nhiều tác động tích cực, thay đổi và củng cố hệ thống pháp luật về ĐVHD trong nước.

Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora - CITES)

Hoạt động buôn bán trái phép ĐVHD và những mẫu vật của chúng (ước tính nguồn thu bất hợp pháp trị giá khoảng 20 tỷ USD mỗi năm [7]) cùng với việc sử dụng không hợp lý các loài động thực vật hoang dã là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng nguy cấp và khan hiếm của nhiều loài động vật. Công ước CITES là hiệp định đa phương được thông qua năm 1963, ra đời trên tinh thần một thỏa thuận nhằm bảo tồn và đưa ra các quy định rõ ràng về hoạt động buôn bán của các loài ĐVHD và đề ra hướng giải quyết cho các vấn đề nêu trên.

Với mục đích điều chỉnh hoạt động buôn bán quốc tế của các loài động vật và thực vật hoang dã nhằm đảm bảo bền vững các hoạt động buôn bán hợp pháp, đồng thời ngăn chặn và đưa ra hướng xử phạt hợp lý cho các hoạt động buôn bán bất hợp pháp, Việt Nam thông qua Công ước CITES năm 1973 và chính thức trở thành viên chính thức ngày 20/01/1994.

Một trong những nghĩa vụ của các một quốc gia khi tham gia điều ước quốc tế chính là điều chỉnh pháp luật quốc gia nhất quán hoặc ít nhất là không trái với tinh thần của điều ước quốc tế mà mình tham gia. Đặc biệt là khi Công ước CITES không phải một Công ước có hiệu lực áp dụng trực tiếp. Điều đó có nghĩa là Công ước này không có giá trị pháp lý cho đến khi các quy định của CITES được nội luật hóa. Chính vì vậy, những quy định về thực hiện Công ước phải được đưa vào pháp luật các quốc gia để ràng buộc cơ quan công quyền và nhất là các cá nhân vi phạm.

Công ước CITES đưa ra 3 phụ lục, liệt kê các mẫu vật, theo thứ tự mức bị đe dọa tuyệt chủng cao đến thấp, gồm:

Phụ lục I: ghi nhận 678 loài ĐVHD bị đe dọa tuyệt chủng, nghiêm cấm các hành vi xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập khẩu vì mục đích thương mại.

Phụ lục II: ghi nhận 5.056 loài ĐVHD hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng, nhưng có thể dẫn đến tuyệt chủng nếu việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập vì mục đích thương mại những loài này không được kiểm soát.

Phụ lục III: ghi nhận 202 loài ĐVHD mà một nước thành viên của CITES yêu cầu nước thành viên khác chung Công ước hợp tác để kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu vì mục đích thương mại.

Danh sách trên rất quan trọng. Từ 3 phụ lục này, các nước thành viên bổ sung, cập nhật các loài được liệt kê vào pháp luật quốc gia để xác định được đâu là loài ĐVHD cần

được bảo vệ nhằm đặt ra các quy định cấm, hạn chế buôn bán hoặc đưa ra mức xử phạt hình sự thích hợp.

Không những kết hợp với những nền tảng pháp lý chung, CITES còn phối hợp của các thiết chế toàn cầu khác như Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL), Tổ chức Hải quan thế giới (UNODC)... nhằm giám sát, phối hợp tăng cường hiệu quả thực thi Công ước.

Về vấn đề trách nhiệm các quốc gia thành viên của Công ước CITES, tùy vào tình hình cũng như nguồn lực sẵn, mỗi nước sẽ cân nhắc đưa những các điều khoản của Công ước và các khuyến nghị của Ban thư ký CITES qua các kỳ họp vào pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, tối thiểu những quy định sau bắt buộc phải thực hiện và nội luật hóa: “chỉ định ít nhất một Cơ quan quản lý chuyên trách nhằm giám sát hệ thống cấp phép và một vài cơ quan khoa học chuyên môn để tư vấn cho cơ quan chuyên trách tác động của thương mại đối với các loài ĐVHD [2;74]; cấm buôn bán mẫu vật bị cấm trong Công ước; có các biện pháp trừng phạt thích hợp các trường hợp vi phạm; tịch thu mẫu vật được quy định trong Công ước khi chúng bị buôn bán, sở hữu trái phép.”

Công ước đa dạng sinh học (Convention on Biological Diversity – CBD)

Đa dạng sinh học là cơ sở của sự sống trên Trái đất vì nó cân bằng số lượng các loài, nuôi dưỡng và cung cấp nguồn thức ăn, dinh dưỡng để duy trì sự sống của các cá thể trên Trái đất. Chính vì ý nghĩa và vai trò to lớn đa dạng sinh học lên Trái đất, Công ước đa dạng sinh học (Convention on Biological Diversity – CBD) đã được thông qua vào ngày 22/5/1992 với mục đích đảm bảo, duy trì nền tảng sinh thái của thế giới, gìn giữ tối đa môi trường lành mạnh cho hiện tại và thế hệ tương lai.

Nắm bắt được tầm quan trọng đó, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Công ước vào ngày 14/02/1995 và là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn Công ước [8] với mục đích bảo toàn đa dạng sinh học, hoàn thiện hệ thống pháp luật về vấn đề này cũng như tiếp cận và sử dụng nguồn đa dạng sinh học Việt Nam đang sở hữu. Công ước CBD có yêu cầu trách nhiệm cao đối với các quốc gia thành viên trong việc cam kết và thực hiện Công ước. Nội dung của CBD chú trọng vào hướng quản lý, lưu giữ, trách nhiệm của các bên trong vấn đề đa dạng sinh học, đặc biệt là quy định về bảo toàn nội vi (in-situ) tại Điều 8 Công ước. CBD yêu cầu các nước thành viên xem xét khả năng và tình hình quốc gia để thiết lập hệ thống các khu bảo tồn hoặc các khu vực cần thực hiện các biện pháp đặc biệt để bảo tồn đa dạng sinh học, ban hành những quy định hoặc quản lý các nguồn tài nguyên sinh học quan trọng đối với việc bảo tồn đa dạng sinh học dù ở bên trong hay bên ngoài các khu bảo tồn, nhằm đảm bảo việc bảo tồn và sử dụng bền vững chúng cũng xây dựng hoặc duy trì luật pháp hoặc các điều khoản quy định khác để bảo vệ các loài và quần thể bị đe dọa. Ngoài ra, các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học không chỉ giới hạn ở việc giết hại có chủ ý như săn bắt, buôn bán ĐVHD, vì thế Điều 14 Công

ước CBD yêu cầu các bên tham gia xác định, kiểm soát và rà soát tình hình quốc gia để đưa ra những quy định về các nguồn tác động bất lợi tiềm ẩn đối với đa dạng sinh học. Tuy việc thực hiện quy định trên trong thực tế tương đối khó khăn vì để xác định được nguồn gốc nguyên nhân cũng như những tác động khác ảnh hưởng đến động vật hoang đòi hỏi nhiều thời gian và công sức, nhưng đây là một quy định có tính mới, nếu các nước có thể cân nhắc, triển khai quy định này trên thực tế thì có thể xử lý từ gốc, bảo vệ ĐVHD một cách toàn diện hơn.

Tuy nhiên, ngoài những quy định về quản lý như trên thì Công ước CBD vẫn chưa thật sự có những quy định cụ thể về hướng xử lý vi phạm.

Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc (The United Nations Convention against Transnational Organized Crime - UNTOC)

Xu hướng hội nhập quốc tế mang lại rất nhiều lợi ích và cơ hội về quan hệ ngoại giao cũng như sự hợp tác phát triển giữa các nước. Đi kèm với nó, bối cảnh an ninh cũng bị đe dọa, các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và những thị trường bất hợp pháp nổi lên khiến hoạt động kinh doanh ĐVHD xuyên quốc gia bùng nổ. Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc (UNTOC) thông qua ngày 15/11/2000 với mục đích thúc đẩy hợp tác để ngăn ngừa và chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia một cách hiệu quả hơn. Nhận thức được sự nghiêm trọng của tội phạm xuyên quốc gia và nhận thấy mục đích, hướng đi của Công ước UNTOC phù hợp với tình hình nước ta hiện tại, Việt Nam đã phê chuẩn UNTOC vào ngày 8/6/2012.

Vì đây là Công ước về Chống tội phạm nên UNTOC tập trung yêu cầu các nước thành viên áp dụng nhiều biện pháp chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, hình sự hóa các hành vi vi phạm cũng như Công ước UNTOC quy định cụ thể các tội danh hình sự hơn các Công ước khác. Tiêu biểu như yêu cầu các quốc gia thành viên phải ban hành pháp luật, hình sự hóa các hành vi tham gia, liên kết, thông đồng hay thậm chí xúi dục, hỗ trợ hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD (Điều 5, 6 Công ước UNTOC), bổ sung và mở rộng trách nhiệm pháp lý của pháp nhân nếu thực hiện các hành vi phạm tội theo quy định đồng thời yêu cầu mỗi Quốc gia thành viên bảo đảm việc thực hiện các hành vi được miêu tả tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 và Điều 23 của Công ước này phải bị trừng phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội đó.

Tuy nhiên, Việt Nam đã có tuyên bố chính thức rằng các điều khoản của UNTOC không có hiệu lực áp dụng trực tiếp [9][10], tương tự như CITES. Ngoài ra, đối với các Điều ước quốc tế bao gồm cả UNTOC, Việt Nam đã bảo lưu các quy định liên quan đến dẫn độ. Mặc dù điều đó một phần gây ra khó khăn trong công tác điều tra tội phạm xuyên quốc gia, tuy nhiên hiện nay Việt Nam đã ký hơn 10 Hiệp định về dẫn độ với các quốc gia. Đồng thời, mặc dù Việt Nam tuyên bố không áp dụng Công ước này một cách trực tiếp để

dẫn độ nhưng nước ta vẫn tiến hành thủ tục dẫn độ theo quy định của pháp luật Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế về dẫn độ và nguyên tắc có đi có lại.

Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt là nơi cư trú của các loài chim nước (The Convention on Wetlands of International Importance especially as Waterfowl Habitat - RAMSAR)

Vai trò của vùng đất ngập nước là rất quan trọng, đặc biệt có mối quan hệ rất mật thiết đối với sự sống con người, đa dạng sinh học... Tiêu biểu như đảm bảo nguồn cấp nước cho thế giới, lọc chất độc hại, lưu trữ carbon, bảo đảm nguồn cung cấp thức ăn đồng thời tạo ra nguồn sinh kế. Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt là nơi cư trú của các loài chim nước (RAMSAR) là một hiệp ước liên chính phủ, được thông qua vào năm 1971, ra đời với mục đích cung cấp khuôn khổ cho việc bảo tồn các loài chim nước và sử dụng đất ngập nước và các nguồn tài nguyên hợp lý.

Được đánh giá là quốc gia có hệ sinh thái đất ngập nước đa dạng, Việt Nam đã phê chuẩn, trở thành thành viên thứ 50 của Công ước RAMSAR từ năm 1989 và là nước đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á tham gia Công ước [10]. RAMSAR tập trung vào bảo tồn và sử dụng khôn ngoan các khu đất ngập nước-sinh cảnh của các loài chim nước quan trọng, đặc biệt yêu cầu cao tính trách nhiệm của các nước tham gia trong hoạt động bảo tồn, quản lý nguồn chim di cư. Vì vậy, Công ước này không quy định cụ thể về hướng xử lý hành vi vi phạm hình sự với người phạm tội xâm phạm các loài chim nước, chỉ đưa ra những điều khoản chung khuyến nghị các bên ký kết xem lại cơ chế pháp lý của quốc gia để đảm bảo rằng các biện pháp đưa ra là phù hợp với tính hình mỗi nước và đặc biệt là phải bảo vệ hiệu quả các khu bảo tồn vùng đất ngập nước.

4. ĐÁNH GIÁ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

4.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Nhận thức được mức độ quan trọng của việc xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD, Việt Nam đã thông qua nhiều quy định, chính sách pháp luật để điều chỉnh vấn đề trên. Trong đó, BLHS năm 2015 đã quy định hai điều luật liên quan đến tội phạm về ĐVHD, cụ thể là Điều 234 tại Chương XVIII về Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và Điều 244 tại Chương XIX về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Về Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD tại Điều 234 BLHS năm 2015

Đây là tội danh mới được quy định tại BLHS năm 2015 [11], theo Công văn số 04/TANDTC-PC năm 2018 về áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/

QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam 94/2015/QH13 do Quốc hội ban hành với mục đích thực hiện đầy đủ cam kết của Việt Nam đối với các Điều ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD đã tham gia ký kết.

- Về khách thể bị xâm phạm là các quan hệ xã hội trong lĩnh vực quản lý kinh tế, vì đây là tội phạm thuộc Mục 3 Chương XVIII “Các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế”. Có tác giả cho rằng nên quy định tội phạm này trong Chương XIX (Các tội phạm về môi trường) cho phù hợp với tính chất của hành vi phạm tội, phù hợp với Công ước CITES và các văn bản khác của Nhà nước. Các tội phạm về môi trường xâm hại tới các quan hệ xã hội liên quan đến việc giữ gìn, bảo vệ môi trường trong sạch, sử dụng hợp lý những nguồn tài nguyên thiên nhiên và việc đảm bảo an ninh sinh thái... do đó khách thể của Điều 234 BLHS cũng chính là khách thể nhóm tội phạm về môi trường [11]. Còn quan điểm thứ hai cho rằng lý do nhà làm luật quy định tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD trong chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế bởi vì các nhóm ĐVHD là đối tượng tác động của tội danh này thuộc danh mục các loài hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (“vẫn được phép buôn bán”) [12] mà không phải cấm khai thác, sử dụng như các loài được quy định tại Điều 244 BLHS năm 2015. Nói chính xác hơn tội phạm này xâm phạm đồng thời hai khách thể là các quan hệ xã hội trong lĩnh vực quản lý kinh tế và bảo vệ ĐVHD [13].

Chúng tôi đồng tình với quan điểm thứ nhất. Bởi lẽ, đối tượng tác động của Điều 234 thuộc Nhóm IIB và Phụ lục II CITES là những loài động vật rừng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại. Thấy rằng, mục đích và bản chất của Điều 234 nhằm bảo vệ các loài khỏi nguy cơ tuyệt chủng, đảm bảo cân bằng hệ sinh thái, đa dạng sinh học. Đồng thời, nếu xét các hành vi vi phạm như vận chuyển, buôn bán trái phép... với số lượng lớn ĐVHD thì sẽ làm ảnh hưởng đến sự tồn tại ở các loài ĐVHD, gây mất cân bằng hệ sinh thái và môi trường tự nhiên. Do đó, hành vi vi phạm tại Điều 234 BLHS năm 2015 nên được xếp vào chương XIX (Các tội phạm về môi trường) thay vì chương XVIII (Các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế) nhằm phản ánh đúng bản chất, hậu quả của tội phạm.

- Về mặt khách quan của tội phạm, tội phạm này bao gồm hai nhóm hành vi như: Một là, săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES [14]; hoặc ĐVHD thông thường khác; Hai là, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD thuộc Danh mục trên; hoặc của ĐVHD thông thường khác. Thấy rằng, điểm đáng ghi nhận tại Điều 234 BLHS năm 2015 là bổ sung hành vi “tàng trữ” trong mô tả các hành vi xâm hại đến ĐVHD. Nếu trước đây, hành vi tàng trữ ĐVHD chỉ dừng lại ở mức xử phạt hành chính thì nay người phạm tội đã phải chịu TNHS cho hành vi này.

- Về đối tượng tác động, gồm ba loại ĐVHD gồm (i) ĐVHD thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm IIB hoặc (ii) ĐVHD thuộc Phụ lục II CITES; hoặc (ii) ĐVHD thông thường khác [15]. Sự khác nhau ở đây chính là đối tượng tác động của tội phạm. Nếu đối tượng tác động là bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD tại Danh mục nêu trên thì chỉ các hành vi “tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép” bị xem là vi phạm. Mặt khác, đối tượng tác động là động vật thuộc nhóm Danh mục nêu trên thì phạm vi hành vi mở rộng ra, bao gồm săn bắt, giết, nuôi, nhốt. Mặt khác, cấu thành của các tội quy định tại Điều 234 BLHS năm 2015 dựa trên giá trị tính bằng tiền của ĐVHD với mức tối thiểu trên 150.000.000 đồng hoặc phụ thuộc vào số tiền thu lợi bất chính, hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

- Về mặt chủ quan của tội phạm, là lỗi cố ý của người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD. Về chủ thể của tội phạm, gồm người đủ 16 tuổi trở lên hoặc pháp nhân thương mại. Chủ thể của tội phạm là người đủ 16 tuổi trở lên hoặc pháp nhân thương mại. Trong thực tiễn xét xử có hai quan điểm về xác định chủ thể của tội phạm [13; 25].

Quan điểm thứ nhất cho rằng các cơ quan tố tụng phải chứng minh được một người biết rõ đó là ĐVHD mà vẫn thực hiện các hành vi quy định tại Điều 234 thì mới chịu TNHS. Trái lại, quan điểm thứ hai cho rằng pháp luật đã quy định cụ thể các hành vi bị cấm đối với ĐVHD, tất cả chủ thể bắt buộc phải biết nên không cần phải chứng minh nhận thức của người thực hiện hành vi vi phạm mà chỉ cần căn cứ vào kết luận giám định để xem xét việc xử lý hình sự. Về vấn đề này, TANDTC theo hướng ủng hộ quan điểm thứ nhất về việc quy TNHS đối với người biết rõ đó là ĐVHD mà họ vẫn xâm hại và TANDTC không đưa ra bất cứ ý kiến nào khác [13; 25].

- Về hình phạt, đối với cá nhân: có 3 khung hình phạt với mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng, phạt tù có thời hạn từ 06 tháng đến 12 năm tùy mức độ vi phạm; và ba loại hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; đối với pháp nhân thương mại: mức phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm, hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Điều 244 BLHS năm 2015

Đây là tội danh thuộc Chương XIX về các tội phạm về môi trường. So với quy định trước đây, nhà làm luật đã bổ sung nhiều điều khoản liên quan đến định lượng của hành vi phạm tội cũng như thống nhất về đối tượng tác động của tội phạm. Về khách thể bị xâm phạm là quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, xâm phạm các quy

định của Nhà nước trong việc bảo vệ hệ cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học của các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm trong môi trường sinh thái.

- Về hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi vi phạm các quy định bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES. Về hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống, sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015. Trong thực tiễn, có quan điểm cho rằng điều bất hợp lý trong việc áp dụng quy định này đó là các hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của động vật (ví dụ như nanh hổ, chi gấu ngựa) không cần biết số lượng bao nhiêu đều bị xử lý tương đương với 01 cá thể hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống [16]. Nhà làm luật cũng không quy định về mức định lượng tối thiểu của sản phẩm động vật để truy cứu TNHS [12]. Ngoài ra, các khoản 2, 3, 4 và 5 của Điều 244 BLHS năm 2015 không quy định về sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Điều này dẫn đến việc không phân hóa được TNHS [17; 94, 95]. Về đối tượng tác động, trong khi Điều 234 BLHS năm 2015 tập trung vào nhóm đối tượng động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES thì Điều 244 tập trung vào đối tượng cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES.

Đối tượng tác động của tội phạm (bao gồm động vật/cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm động vật) [4]. Trong đó, cá thể ĐVHD: Một cơ thể động vật còn sống hoặc đã chết, toàn vẹn hoặc không toàn vẹn. Ví dụ: cá thể cây đã chết thiếu nội tạng hoặc cá thể hổ đã chết thiếu chân [5]. Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống [5]. Những bộ phận thực hiện các chức năng chuyên biệt của cơ thể động vật, ngay khi tách rời những bộ phận này khỏi cơ thể sống của động vật thì động vật đó chết, ví dụ: đầu, tim, bộ da, bộ xương, buồng gan [6].

Trong thực tiễn xét xử, đối với bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống có thể được xem là cá thể độc lập. Điều này được giải thích tại Án lệ số 58/2023/AL về tình tiết định khung hình phạt tại điểm c khoản 3 Điều 244 của Bộ luật Hình sự do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào tháng 02 năm 2023. Theo đó, bị cáo đã vận chuyển 05 cá thể hổ đông lạnh có tên khoa học *Panthera tigris*; 01 bộ phận sinh dục đực của loài hổ có tên khoa học *Panthera tigris*; và 41 kg thịt của loài hổ có tên khoa học *Panthera tigris*. Theo kết luận giám định, 1 bộ phận sinh dục đó là bộ phận không thể tách rời sự sống của một con hổ nên có nghĩa phải có con hổ thứ 6 bị giết để có được bộ phận sinh dục đó cho bị cáo vận chuyển. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội theo điểm

c khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015, thay vì bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 244 (sử dụng công cụ hoặc phương tiện sẵn bắt bị cấm) như trước đó. Bởi lẽ, nội dung của điều luật này nhằm đến việc xử lý các hành vi phạm tội nghiêm trọng xâm phạm đến sự sống của từ 06 cá thể hồ trở lên. Bị cáo vận chuyển 05 cá thể hồ và 01 bộ phận không thể tách rời sự sống của cá thể hồ thứ 6 là đã xâm phạm đến sự sống của 06 cá thể hồ nên phải chịu hình phạt quy định tại điểm c khoản 3 Điều 244 Bộ luật Hình sự [37]. Thấy rằng, nội dung án lệ là cơ sở xác định chính xác tình tiết định khung hình phạt trong việc xét xử các vụ án tương tự.

Khái niệm sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm được quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP. Theo đó, sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...); động vật thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con; vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến (ví dụ: cao nấu từ xương ĐVHD; túi xách, ví, dây thắt lưng làm từ da ĐVHD). Các sản phẩm như mật gấu, cao hổ, sừng tê giác, vảy tê tê... Hiện nay, sản phẩm được săn lùng nhiều hơn cả để chữa bệnh là mật gấu, vảy tê tê, sừng tê giác, cao hổ...

Bên cạnh đó, điểm d khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 về Tội vi phạm quy định về động vật nguy cấp, quý, hiếm có quy định hành vi săn, bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES (mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này) với số lượng từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác thì phạm tội. Điều 6 Nghị quyết số 05/2018/NQ- HĐTP hướng dẫn trong trường hợp thu giữ được nhiều loài động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc các lớp khác nhau như sau: *“Trường hợp trong cùng một vụ việc, nếu thu giữ được nhiều loài động vật có cả lớp thú, lớp chim, lớp bò sát và lớp khác thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, nếu chưa đủ số lượng theo từng lớp quy định tại Điều 244 của BLHS, thì người có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”* [5].

Quy định điểm d khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP đã vô tình tạo ra khe hở để người phạm tội dựa vào quy định này mà tiếp tục hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán ĐVHD trái phép với số lượng từng lớp nhưng ít hơn quy định của BLHS, nhằm không bị truy cứu trách nhiệm và bắt giữ. Lấy ví dụ như nếu một người vận chuyển trái phép 6 cá thể bò sát, 5 cá thể lớp chim và 8 cá thể động vật lớp khác thuộc Nhóm IB thì sẽ không bị coi là tội phạm vì không đủ định lượng các cá thể như trên để bị xem là vi phạm điểm d khoản 1

Điều 244 BLHS năm 2015. Đây cũng là hạn chế của quy định, do đó, có thể khắc phục theo hướng sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 6 của Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP về định lượng của các cá thể trên chi tiết hơn nhằm kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm trong tương lai.

- Về mặt chủ quan, người phạm tội có lỗi vô ý, thông thường người phạm tội thực hiện các hành vi trên xuất phát từ động cơ vụ lợi nhưng đây không phải là dấu hiệu định tội [39]. Về chủ thể của tội phạm này là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực TNHS hoặc pháp nhân thương mại có đủ điều kiện chịu TNHS.

- Về hình phạt, đối với cá nhân: có ba khung hình phạt với mức phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 15 năm. Người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung như phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm; đối với pháp nhân thương mại: mức phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm, hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Ngoài hai Điều 234 và Điều 244 BLHS năm 2015 thì tại khoản 1 Điều 190 Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm được xem như quy định dự phòng để xử lý các tội phạm liên quan đến ĐVHD nhưng không cấu thành hai tội danh tại Điều 234 và 244 BLHS năm 2015 [13; 52]. Trong đó, người nào thực hiện một trong các hành vi được đề cập như hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng và hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam nếu không thuộc trường hợp quy định tại các Điều 234 và Điều 244 thì bị truy cứu TNHS, theo khoản 1 Điều 190 BLHS năm 2015 [17; 94, 95].

Ngoài ra, ba bảng phụ lục của CITES đã được dịch sang tiếng Việt và ban hành kèm theo Thông báo 296/TB-CTVN-HTQT ngày 27/11/2019 về việc công bố danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc phụ lục Công ước CITES. Đây được đánh giá là văn bản quan trọng tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền quyết định việc xử lý hành chính hoặc truy cứu TNHS hành vi phạm tội theo Điều 234 và Điều 244 BLHS năm 2015.[18]

4.2. Đánh giá những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

4.2.1. Những điểm mới của BLHS năm 2015 so với BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999

Việc nội luật hóa cơ bản và toàn diện CITES đã được thể hiện trong BLHS năm 2015 với 2 điều luật quan trọng để xử lý tội phạm về ĐVHD, gồm Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp,

quý, hiếm có nhiều thay đổi so với BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999, vấn đề này sẽ được làm rõ qua những phân tích sau:

- Về đối tượng ĐVHD được bảo vệ, khác với BLHS năm 2015, tại Điều 181 BLHS năm 1985 chỉ giới hạn ở loài chim, thú dựa theo Pháp lệnh số 147/LCT ngày 11/9/1972 về quy định việc bảo vệ rừng. Quy định này chưa cụ thể đối với các loài ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm. Có thể thấy rằng, quy định cũng chưa thực sự chú trọng đến việc bảo vệ các loài ĐVHD mà chủ yếu điều chỉnh đến các hành vi xâm phạm và khai thác rừng trái phép. Mặt khác, tại Điều 234 và 244 BLHS năm 2015 đối tượng tác động của hành vi vi phạm không chỉ là cá thể ĐVHD mà cả còn là bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống và sản phẩm từ ĐVHD. Ngoài ra, đối với ngà voi, sừng tê giác còn có các mức định lượng cụ thể để xác định khung hình phạt tương ứng.

- Về hành vi khách quan, BLHS năm 2015 đã bao gồm tất cả các hành vi phạm tội được quy định trong BLHS năm 1999 và bổ sung thêm hành vi tàng trữ trái phép ĐVHD. Do đó, điểm chung của hai tội danh tại Điều 234 và Điều 244 BLHS năm 2015 là khắc phục được hạn chế của BLHS năm 1999 bằng cách bổ sung thêm tình tiết “buôn bán, vận chuyển qua biên giới” làm tình tiết tăng nặng. Đây là sự bổ sung chính xác và kịp thời với tình hình, bối cảnh vi phạm này xảy ra tại Việt Nam cũng như phù hợp hơn với Điều ước quốc tế.

- Về hình phạt, khi ban hành BLHS năm 1999 thì Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, quý, hiếm được tách riêng và được quy định tại Điều 190. So với BLHS năm 2015, về TNHS, mức phạt tù và phạt tiền đối với người phạm tội được nâng lên gấp hai đến ba lần. Nếu như trước đây mức hình phạt cao nhất là 7 năm tù (khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999) thì hiện nay là 12 năm tù (khoản 3 Điều 234 BLHS năm 2015) và 15 năm tù (khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015); mức phạt tiền cao nhất cũng đã tăng từ 50.000.000 đồng (khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999) lên 1.500.000.000 đồng (khoản 2 Điều 234 BLHS năm 2015) và 2.000.000.000 đồng (khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015). Ngoài ra, pháp nhân thương mại cũng được quy định là chủ thể của hai tội danh trên (khoản 5 Điều 234, 244 BLHS năm 2015). Những thay đổi này cho thấy Nhà nước Việt Nam đã có chính sách hình sự nghiêm khắc hơn trong việc xử lý các tội phạm liên quan đến ĐVHD với mục đích phòng ngừa các tội phạm này [17].

Qua phân tích trên, đối chiếu Điều 190 BLHS năm 1999 với Điều 234 BLHS năm 2015 thì tại BLHS năm 2015 có nhiều điểm tiến bộ hơn như sửa đổi về hình phạt nghiêm khắc hơn, dấu hiệu phạm tội được cụ thể hoá và bổ sung một số điểm mới như giá trị và số lượng ĐVHD; động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của loài động vật; bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống cùng loại của động vật làm căn cứ truy cứu TNHS. Đồng thời, đến BLHS năm 2015 tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đã được điều chỉnh từ tội phạm nghiêm trọng thành tội phạm rất nghiêm

trọng. Có thể thấy rằng, thông qua các quy định liên quan đến xử lý hình sự các hành vi vi phạm về quản lý, bảo vệ ĐVHD, BLHS năm 2015 đã thể hiện tính rắn đe nghiêm khắc, tăng cường xử lý nghiêm đối với loại tội phạm này. Điều này tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng áp dụng và thực thi pháp luật hiệu quả trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

4.2.2. Những điểm mới của BLHS năm 2015 so với những cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Nhằm nội luật hóa các cam kết quốc tế trên và hoàn thiện khung pháp lý về xử lý vi phạm liên quan đến ĐVHD, Việt Nam đã ban hành, sửa đổi và bổ sung nhiều quy định trong các văn bản pháp luật. Như đã trình bày ở phần trên, nhà làm luật đã bổ sung Điều 234 quy định về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD. Điều này góp phần mở rộng phạm vi các loài ĐVHD được pháp luật hình sự bảo vệ [13].

Có thể thấy, BLHS năm 2015 quy định chi tiết và rõ ràng hơn về các hành vi “vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” (Điều 244) trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Điều 190 BLHS năm 1999 và nội luật hóa các quy định của CITES. Đồng thời, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự do Hội đồng Thẩm phán TANDTC ban hành là cơ sở pháp lý đáp ứng được một phần yêu cầu của thực tiễn trong việc áp dụng pháp luật để xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Về vấn đề trách nhiệm của thành viên Công ước, Việt Nam đã thực hiện tốt trách nhiệm bắt buộc phải thực hiện và nội luật hóa CITES. Chẳng hạn như quy định cấm buôn bán mẫu vật được nội luật hóa tại Điều 234 BLHS năm 2015; các biện pháp trừng phạt thích hợp các trường hợp vi phạm tại Điều 234 BLHS năm 2015...

Nhằm thực hiện yêu cầu về bổ sung và mở rộng trách nhiệm pháp lý của pháp nhân nếu thực hiện các hành vi phạm tội theo quy định được miêu tả tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 và Điều 23 của Công ước UNTOC và pháp nhân ấy phải bị trừng phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, pháp luật hình sự Việt Nam đã quy định chi tiết hơn về hình phạt như phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn hay vĩnh viễn (Điều 33 BLHS năm 2015); không chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân thương mại phạm tội mà còn có cá nhân trong pháp nhân thương mại phạm tội đó (khoản 2 Điều 75 BLHS năm 2015)...

Ngoài ra, Việt Nam đã có tuyên bố chính thức rằng các điều khoản của UNTOC và UNCAC (Công ước Liên Hợp Quốc về phòng chống tham nhũng) không có hiệu lực áp dụng trực tiếp [19]. Để áp dụng các cam kết quốc tế này thì Việt Nam đã ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp trong bối cảnh nạn buôn bán ĐVHD diễn ra ở mức độ cao. Theo đó, tại châu Á, Việt Nam đã ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với 06 quốc gia

như Lào, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ, Hàn Quốc, Ca-dắc-xtan; với một số nước tại châu Phi như Mô-dăm-bích và An-giê-ri; hay tại châu Âu, Việt Nam đã ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với Vương quốc Anh và Bắc Ailen, Pháp, Hung-ga-ri. nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý để xử lý hình sự các hành vi vi phạm liên quan đến bảo vệ ĐVHD mà các cam kết quốc tế không thể áp dụng trực tiếp được. Đây là điểm tiến bộ, linh hoạt của Chính phủ Việt Nam trong việc áp dụng các cam kết quốc tế để xử lý hình sự hành vi vi phạm nói chung và vi phạm liên quan đến ĐVHD nói riêng.

Nhìn chung, Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều biện pháp bảo tồn ĐVHD, trong đó luật pháp là một trong những công cụ và biện pháp quan trọng để xử lý các hành vi vi phạm. Đặc biệt, trong pháp luật hình sự có nhiều sửa đổi, bổ sung và nội luật hóa các cam kết quốc tế. Điều này, thể hiện rõ nét tính chủ động, nghiêm túc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và cam kết của Việt Nam với tư cách là thành viên của các điều ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD.

4.3. Đánh giá hiệu quả xử lý hình sự các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã của Việt Nam trên thực tiễn

Theo thống kê của Trung tâm Giáo dục thiên nhiên Việt Nam, có tới 18.316 vụ vi phạm về ĐVHD trong giai đoạn 2005-2020, trong số này, có 2.188 vụ vận chuyển, buôn bán ĐVHD quy mô lớn [20]. Trong 5 năm, từ 2013 đến 2017, các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã phát hiện bắt giữ 1.504 vụ việc liên quan đến các loài của ĐVHD và xác định có hơn 180 loài ĐVHD bị vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt, săn bắt... bất hợp pháp và bắt giữ [21].

Trong giai đoạn 03 năm (2018 – 2020), chỉ tính riêng khu vực phía Bắc đã có 299 vụ án/360 bị can bị khởi tố [16]. Trong đó, phần lớn là các vụ án và bị can (297/357) bị khởi tố về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 BLHS năm 2015); chỉ có 02 vụ/03 bị can bị khởi tố về Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD (Điều 234 BLHS năm 2015) [16]. Theo thống kê của TANDTC thì trên phạm vi cả nước, các Tòa án đã xét xử 08 vụ với 10 bị cáo (năm 2018); xét xử 07 vụ với 10 bị cáo (năm 2019) theo Điều 234 BLHS năm 2015 [11]. Từ năm 2020 đến năm 2023, TANDTC đã công bố 05 bản án với 07 bị cáo và 01 quyết định của các Tòa án trên cả nước theo Điều 234 BLHS năm 2015; 08 bản án với 10 bị cáo theo Điều 244 BLHS năm 2015 [38].

Nhận thấy rằng, số vụ án và bị cáo được đưa ra xét xử về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD” (Điều 234 BLHS năm 2015) khá hạn chế. Một trong những nguyên nhân là do Điều 234 sử dụng giá trị hàng hóa, hậu quả của hành vi trong khi Điều 244 sử dụng số lượng cá thể bị xâm hại làm căn cứ định tội, định khung hình phạt. Thực tế hiện nay rất khó có trường hợp nào số lượng động vật thuộc nhóm IIB có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên đủ cấu thành cơ bản để xử lý hình sự được theo quy định tại Điều 234 BLHS năm 2015 [7].

Có thể thấy rằng, từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực, số vụ xử lý vi phạm được thống kê và tỷ lệ phản hồi của các cơ quan chức năng ngày càng nhiều và tích cực. Thông qua đó, thấy rằng tội phạm về ĐVHD đã và đang được xử lý triệt để hơn, cùng với đó là thể hiện sự uy tín và đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế về bảo vệ các loài ĐVHD, quý hiếm của Việt Nam. Mặc dù vậy, trong quá trình thực thi, các quy định pháp luật còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng hết yêu cầu của thực tiễn.

5. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ TRUNG QUỐC, HOA KỲ VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Trung Quốc và Hoa Kỳ là những quốc gia đã ban hành Luật Bảo vệ ĐVHD và pháp luật hình sự hai quốc gia này có những điểm tiến bộ có thể học hỏi kinh nghiệm để hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam, tiến tới xây dựng pháp luật Việt Nam về bảo vệ ĐVHD. Do đó, nhóm tác giả đã chọn lựa pháp luật Hoa Kỳ và Trung Quốc để nghiên cứu trong bài viết này.

5.1. Quy định của pháp luật hình sự Trung Quốc về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Vào năm 2020, Hội nghị liên Bộ (The Inter Ministerial Joint Conference) tại Trung Quốc về chống buôn bán ĐVHD bất hợp pháp, bao gồm 27 bộ được thành lập nhằm chống buôn bán ĐVHD bất hợp pháp [22]. Để xử lý hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD Trung Quốc đã ban hành các quy định trong luật chung và luật riêng, cụ thể là Luật Hình sự năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật Bảo vệ động vật hoang dã (“Luật Bảo vệ ĐVHD”) (sửa đổi năm 2022, có hiệu lực vào tháng 01 năm 2023). Về hình phạt của hành vi vi phạm về bảo ĐVHD gồm có hình phạt tiền và phạt tù có thời hạn, trong khi hình phạt tù được nêu rõ trong Luật Hình sự thì hình phạt tiền được cụ thể hóa trong Luật Bảo vệ ĐVHD. Các tội phạm liên quan đến bảo vệ ĐVHD được xử lý theo hình sự được quy định như sau:

- Hành vi bắt, giết ĐVHD nguy cấp quý hiếm hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD có nguy cơ tuyệt chủng và các sản phẩm của chúng là bị cấm theo Điều 28 Luật Bảo vệ ĐVHD và có thể bị xử lý hình sự Điều 341 Luật Hình sự, trong đó, hình phạt có thể là bị giam giữ hình sự hoặc phạt tù không có thời hạn và bị phạt tiền hoặc có thể bị tịch thu tài sản. Ngoài ra, trường hợp săn bắn trong mùa cấm săn bắn hoặc sử dụng thiết bị, phương pháp săn bắn làm tổn hại đến các loài ĐVHD sẽ bị phạt tù không quá 03 năm, giam giữ hình sự hoặc bị giám công khai hoặc có thể bị phạt tiền [23; Điều 341]. Trong đó, hành vi buôn bán, sử dụng ĐVHD được bảo vệ ở Trung Quốc là bị cấm nhưng không tuyệt đối. Đây là một điểm khác biệt so với quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, theo đó, Trung Quốc cho phép việc buôn bán và sử dụng thương mại các loài có nguy cơ tuyệt chủng với mục đích nghiên cứu khoa học, nuôi sinh sản, triển lãm hoặc biểu diễn công

khai, bảo tồn di sản hoặc các mục đích đặc biệt khác. Đồng thời, các đơn vị liên quan phải được cho phép của các phòng ban của bảo vệ ĐVHD thuộc cơ quan chức năng của tỉnh, khu tự trị hoặc đô thị và phải có dấu hiệu đặc biệt phù hợp với quy định, đồng thời phải đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc của ĐVHD.

Thêm vào đó, hành vi buôn bán ĐVHD trên cạn có giá trị sinh thái, khoa học và xã hội quan trọng hoặc ĐVHD thuộc diện bảo vệ trọng điểm của địa phương và các sản phẩm phái sinh của chúng phải có nguồn gốc hợp pháp như từ săn bắt, nhân giống nhân tạo hay xuất nhập khẩu, có địa điểm thu được cụ thể. Các loài ĐVHD này phải có giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, việc vi phạm các quy định về bảo vệ và quản lý ĐVHD bằng hành vi săn bắt, mua, vận chuyển, mua bán trái phép ĐVHD trên cạn đã được nhân giống, nuôi dưỡng trong tự nhiên quy định tại khoản 1 Điều 341 với mục đích làm thực phẩm, trong trường hợp nghiêm trọng, thì sẽ bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm và phạt tiền [24].

Như vậy, Luật Hình sự năm 1997 của Trung Quốc chỉ quy định các điều kiện và hình phạt đối với hành vi săn bắt và giết, thu mua, vận chuyển, buôn bán bất hợp pháp các loài ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm của chúng được Nhà nước bảo vệ, mà chưa quy định xử lý hình sự đối với hành vi tiêu thụ ĐVHD. Tuy nhiên, để bảo vệ các loài ĐVHD khỏi bị săn bắt, vận chuyển, buôn bán trái phép và các hành vi khác thì cần có chính sách xử lý nghiêm khắc đối với hành vi tiêu thụ ĐVHD. Do đó, ngày 24/4/2014, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua “Giải thích Điều 341, Điều 312 trong Luật Hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”, trong đó chỉ rõ rằng việc mua ĐVHD và các sản phẩm từ ĐVHD làm thực phẩm là phạm tội [25]. Đồng thời, việc sở hữu ĐVHD và các sản phẩm từ ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp không bị hình sự hóa tại Trung Quốc. Nghĩa là luật không quy định cụ thể việc sở hữu ĐVHD và các sản phẩm từ ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp sẽ bị xử lý hình sự như thế nào, do đó, điều này làm hạn chế việc thực thi pháp luật chống buôn bán ĐVHD bất hợp pháp [26].

- Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ và quản lý ĐVHD do tiến hành các hoạt động khai hoang, phát triển hoặc xây dựng, cải tạo công trình, trong vườn quốc gia, khu bảo tồn cấp quốc gia gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có tính tiết tàn ác khác thì bị phạt tù đến năm năm tù hoặc giam giữ ngắn hạn, hoặc có thể phạt tiền. Trường hợp thực hiện hành vi nói trên đồng thời cấu thành tội phạm khác thì áp dụng các quy định về hình phạt nặng hơn khi xét xử và khi tuyên án [25].

- Mặt khác, đối với các cơ quan chuyên trách bảo vệ ĐVHD sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu có các hành vi như lợi dụng chức vụ, quyền hạn buôn bán ĐVHD và sản phẩm của chúng [27; Điều 47] không đưa ra quyết định phê duyệt hành chính theo quy định của pháp luật, không giải quyết hợp pháp các hoạt động phi pháp được phát hiện

hoặc nhận được báo cáo về các hoạt động bất hợp pháp, hoặc lạm dụng quyền hạn, không làm tròn nhiệm vụ hoặc làm trái luật để vụ lợi... [27; Điều 45].

5.2. Quy định của pháp luật hình sự Hoa Kỳ về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Đạo Luật Lacey là Đạo luật bảo vệ ĐVHD lâu đời nhất của Hoa Kỳ, được ban hành vào năm 1907 và được sửa đổi, bổ sung năm 2008 nhằm đấu tranh chống lại tác động của việc săn bắn phục vụ cho các hoạt động thương mại, giết thú bất hợp pháp giữa các Bang, đưa ra các loài ngoại lai có hại và giết các loài chim nhằm buôn bán lông vũ. Đạo luật Lacey được sửa đổi căn bản năm 1981, năm 1988 và được sửa đổi lại năm 2008. Đạo luật Năng lượng và bảo vệ thực phẩm 2008 được gọi là Đạo luật Nông nghiệp 2008, đã sửa đổi Đạo luật Lacey bằng việc mở rộng phạm vi bảo vệ các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.

Đạo luật này đề cập đến việc buôn bán ĐVHD bất hợp pháp để bảo vệ các loài có nguy cơ bị đe dọa và cấm nhập khẩu các loài được cho là gây hại cho Hoa Kỳ. Đây là công cụ mới và quan trọng để giúp Hoa Kỳ chống lại việc vận chuyển ĐVHD, cá hoặc thực vật bất hợp pháp, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng. Đạo luật chủ yếu quy định các hành vi bị cấm trong lĩnh vực nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển, mua bán, nhận và sở hữu, chiếm hữu thủy sản hoặc các loại động vật, thực vật hoang dã vi phạm các quy định của pháp luật Hoa Kỳ cũng như các qui định của Công ước quốc tế. Đồng thời, Luật Lacey được sửa đổi là công cụ quan trọng giúp Hoa Kỳ hỗ trợ các quốc gia khác nỗ lực đấu tranh bảo vệ các loài ĐVHD.

Đạo luật Lacey chiếm vị trí trung tâm trong khung pháp lý này vì ba lý do. Đầu tiên, quy định này áp dụng cho nhiều loại ĐVHD, cá và thực vật hơn bất kỳ luật bảo vệ ĐVHD đơn lẻ nào khác. Thứ hai, quy định thời hạn giam giữ dài hơn so với hầu hết các luật về ĐVHD khác có chứa các điều khoản về trọng tội. Thứ ba, phạm vi của các hành vi bị cấm rộng hơn hầu hết các luật về ĐVHD khác [31].

Hành vi bị Đạo luật cấm và Cấu trúc tổng thể Đạo luật Lacey nghiêm cấm hai loại hoạt động chung. Đầu tiên, nghiêm cấm việc không đánh dấu, cũng như làm giả tài liệu đối với hầu hết các lô hàng ĐVHD, quy định hình phạt dân sự và hình sự tương ứng đối với những vi phạm này [28; Mục 3372, 3373]. Thứ hai, luật cấm buôn bán ĐVHD, cá hoặc thực vật đã bị lấy, sở hữu, vận chuyển hoặc bán một cách bất hợp pháp [28].

Bước đầu tiên trong việc phân tích khả năng vi phạm Đạo luật Lacey là xác định xem ĐVHD, cá hoặc thực vật có vấn đề có thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật hay không. Đạo luật định nghĩa khái quát các thuật ngữ “cá hoặc ĐVHD”: có nghĩa là bất kỳ ĐVHD nào, dù còn sống hay đã chết, bao gồm nhưng không giới hạn ở bất kỳ loài động vật có vú hoang dã, chim, bò sát, lưỡng cư, cá, động vật thân mềm, giáp xác, động vật chân đốt, cùng sống hoặc động vật không xương sống khác, dù đã hoặc chưa được nhân giống, áp

nở hoặc sinh ra trong điều kiện nuôi nhốt, và bao gồm bất kỳ bộ phận, sản phẩm, trứng hoặc con cái nào của chúng [54]. Thuật ngữ này bao gồm hầu như mọi ĐVHD, cá hoặc động vật không xương sống, còn sống hay đã chết, từ bất kỳ nơi nào trên thế giới và bất kỳ bộ phận nào hoặc sản phẩm được làm từ mẫu vật đó. Với bề rộng của định nghĩa, các tòa án thường không được kêu gọi để giải thích nó [33].

Hình phạt đối với các hành vi vi phạm bị phạt dân sự đến 10.000 USD, bị áp dụng hình phạt đến 20.000 USD và/hoặc phạt tù đến 5 năm. Hình phạt cao nhất theo Đạo luật Lacey áp dụng đối với các hành vi vi phạm là 5 năm tù đối với chế tài hình sự [33; 70-73]. Cụ thể, người nào cố tình (biết rõ nhưng vẫn thực hiện) nhập khẩu, xuất khẩu, mua bán, nhận, chiếm hữu và sở hữu cá hoặc các ĐVHD được khai thác, chế biến, lưu thông hoặc mua bán trái với luật, hiệp định và các quy chế của Hoa Kỳ hoặc vi phạm luật của các bộ lạc da đỏ; nhập khẩu, xuất khẩu, mua bán, nhận, chiếm hữu, sở hữu trong các giao dịch thương mại quốc tế và giữa các bang (i) cá hoặc ĐVHD được khai thác, chế biến, lưu thông và mua bán trái với pháp luật của bất cứ bang nào hoặc của bất cứ quốc gia nước ngoài nào; (ii) bất cứ loại hoang dã nào sẽ bị phạt tù đến năm năm dù giá trị vi phạm dưới 350 USD [28; Mục 3373]. Ngoài ra Đạo luật Lacey còn cho phép thu hồi giấy phép và tịch thu ĐVHD liên quan đến vi phạm [28; 3374].

Bên cạnh Đạo luật Lacey, Title 18 United States Code - T18USC (với tiêu đề “Các tội phạm và tổ tụng hình sự”) được coi như Bộ luật Hình sự hiện hành của liên bang Hoa Kỳ còn quy định: nếu một đối tượng tham gia vào hoạt động buôn lậu trong khi biết rằng hành vi lấy, sở hữu, vận chuyển hoặc bán các sản phẩm như cá hoặc động, thực vật hoang dã là vi phạm luật “luật nước ngoài”, thì đối tượng đó sẽ bị truy tố và chịu mức phạt lên tới 250.000 đô la Mỹ (500.000 đô la Mỹ đối với tổ chức) và/ hoặc lên tới 5 năm tù giam (khi Quốc hội ban hành 18 U.S.C. § 3571 năm 1984 (và bổ sung 3571(e) năm 1987), và bãi bỏ mức phạt thấp hơn quy định trong Luật Lacey) [34]. Nếu đối tượng đã có thể biết hành vi đó là vi phạm luật nếu quan tâm đúng mức thì hành vi vi phạm là coi thường pháp luật và mức phạt lên tới 100.000 đô la Mỹ (\$200.000 đối với tổ chức) và/hoặc tới 1 năm tù giam. Mỗi hành vi phạm pháp được coi là một hình thức phạm tội riêng [35].

Ngoài Đạo luật Lacey, còn có một số đạo luật liên bang cấm buôn bán ĐVHD được bảo vệ và các bộ phận của ĐVHD. Ví dụ, Đạo luật về các loài có nguy cơ tuyệt chủng (ESA) quy định các hình phạt đối với tội tiêu hình đối với hành vi lấy hoặc buôn bán bất hợp pháp các loài được liệt kê là có nguy cơ tuyệt chủng hoặc bị đe dọa theo luật liên bang [28; Mục 1538, 1540] ESA cũng thực hiện Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật và thực vật có nguy cơ tuyệt chủng (CITES) [29], hiệp ước quốc tế chính liên quan đến buôn bán ĐVHD, bằng cách cấm buôn bán trái phép các loài được bảo vệ theo hiệp ước đó [28; Mục 1538(c)] Đạo luật Hiệp ước về Chim di cư (MBTA) [28; Mục 703-712], áp dụng hình phạt trọng tội đối với những người mua, bán hoặc trao đổi bất kỳ mẫu vật

nào trên danh sách các loài chim di cư [30; Mục 10.13], cũng như hình phạt tội nhẹ đối với hành vi giết bắt hợp pháp bất kỳ loài chim nào trong số đó [28; Mục 703-712].

Bên cạnh Đạo luật Lacey, Hoa Kỳ còn thông qua các Đạo luật khác để bảo vệ ĐVHD như Bộ luật Hình sự hiện hành của liên bang Hoa Kỳ (Title 18 United States Code - T18USC), Đạo luật Hiệp ước về Chim di cư (MBTA)... Trong đó Đạo luật Lacey giữ vai trò trung tâm trong khung pháp lý này, đồng thời là một trong những công cụ có quyền lực nhất đối với các cơ quan của Hoa Kỳ trong việc đấu tranh chống lại tội phạm ĐVHD với chế tài nghiêm khắc hơn.

5.3. Đánh giá những điểm tiến bộ của Trung Quốc và Hoa Kỳ so với Việt Nam về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

5.3.1. Đánh giá những điểm tiến bộ của Trung Quốc so với Việt Nam về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Vấn đề xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD tại Trung Quốc được xem là tiến bộ. Tại Điều 151 Luật Hình sự về Tội buôn lậu thực vật quý hiếm, sản phẩm thực vật quý hiếm, chủ thể của tội phạm được nói rộng không chỉ là người thành niên mà còn là người chưa thành niên và hình phạt tương ứng sẽ có mức độ khác nhau. Đối với tội bắt, giết ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD có nguy cơ tuyệt chủng và các sản phẩm của chúng, hình phạt quy định tại Điều 341 Luật Hình sự không chỉ căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của tội phạm, mà còn tình hình thực tiễn để xử lý vi phạm như mùa cấm săn bắn, phương tiện, dụng cụ săn bắn làm tổn hại đến ĐVHD.

Hành vi buôn bán, sử dụng ĐVHD thuộc danh mục được bảo vệ theo quy định của Trung Quốc là không tuyệt đối hóa, cứng nhắc mà “hé mở” như cho phép buôn bán và sử dụng thương mại ĐVHD trong trường hợp nghiên cứu khoa học, nuôi sinh sản, triển lãm hoặc biểu diễn công khai, bảo tồn di sản hoặc các mục đích đặc biệt khác (Điều 28 Luật Bảo vệ ĐVHD), đi cùng với đó là phải đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc của ĐVHD và sự cho phép của cơ quan chức năng. Điều này góp phần bảo tồn và phát triển các loài ĐVHD một cách bền vững, hạn chế làm các loài ĐVHD rơi vào tuyệt chủng. Đối với quy định này của Trung Quốc mang tính tiến bộ mà pháp luật Việt Nam có thể tiếp thu và học hỏi từ việc tương đối hóa quy định về cấm buôn bán ĐVHD, cụ thể là bổ sung thêm các điều kiện cần và đủ để hoạt động buôn bán ĐVHD được cho phép.

Thông qua việc ban hành một đạo luật riêng để điều chỉnh các vấn đề xoay quanh vấn đề bảo vệ ĐVHD từ năm 1987 cho đến nay, có thể thấy, sự tiến bộ và đáng học hỏi của Trung Quốc trong lập pháp các vấn đề bảo vệ ĐVHD. Không chỉ dừng lại ở đó, Trung Quốc đã và đang tiếp tục sửa đổi Luật Bảo vệ ĐVHD nhằm đáp ứng và cập nhật nhu cầu của thực tiễn. Do đó, đây được xem là một trong những cơ sở pháp lý mà Việt Nam có thể

tiếp thu, học hỏi các quy định trong việc điều chỉnh các quy định chung và thiết lập khung pháp lý riêng liên quan đến bảo vệ ĐVHD.

5.3.2. Đánh giá những điểm tiến bộ của Hoa Kỳ so với Việt Nam về xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Đạo luật Lacey không chỉ xử lý các hành vi nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển, bán, nhận, mua hoặc mua bất kỳ loại cá hoặc ĐVHD hoặc thực vật nào được lấy, sở hữu, vận chuyển hoặc bán vi phạm bất kỳ luật, hiệp ước hoặc quy định nào của Hoa Kỳ hoặc vi phạm bất kỳ bộ lạc da đỏ nào mà còn xử lý bất kỳ người nào có hành vi nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển, bán, nhận, mua hoặc mua trong thương mại giữa các tiểu bang hoặc nước ngoài đối với bất kỳ loài cá hoặc ĐVHD nào bị bắt, sở hữu, vận chuyển hoặc bán vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định nào của bất kỳ Quốc gia nào hoặc vi phạm bất kỳ luật nước ngoài nào cũng đều bị xử lý chứ không chỉ vi phạm pháp luật Hoa Kỳ. Do đó, Đạo luật Lacey cũng góp phần hỗ trợ các quốc gia khác trong nỗ lực đấu tranh phòng, chống tội phạm ĐVHD.

Các hình thức phạt quy định theo luật này bao gồm phạt hành chính, tịch thu hàng hóa buôn lậu, phạt hình sự hoặc bỏ tù. Đặc biệt, các hình phạt đối với việc vi phạm Đạo luật Lacey có mức độ nghiêm trọng khác nhau, hình phạt trong đạo Luật Lacey thay đổi theo mức độ hiểu biết của công ty hoặc cá nhân về hành vi phạm tội cũng như giá trị của hàng hóa hoặc của chuyến hàng đang điều tra Chính phủ Hoa Kỳ có thể áp dụng Đạo luật Lacey để phạt các cá nhân và công ty mà không quan tâm đến việc liệu họ có hiểu biết gì về tính bất hợp pháp đối với nguồn gốc sản phẩm của họ hay không. Tuy nhiên, mức độ và hình thức phạt hoặc bỏ tù sẽ cao hơn trong trường hợp cá nhân hoặc công ty biết hoặc đã từng biết về bất kỳ trường hợp bất hợp pháp nào [35; 4]. Trong đó, hình phạt dân sự hoặc chế tài hình sự, bao gồm phạt tiền và phạt tù tùy vào mức độ và hành vi phạm tội. Đặc biệt mức phạt đến 20.000 đô la và/hoặc phạt tù đến 5 năm nhằm răn đe tội phạm.

Đạo luật Lacey còn xử lý bất kỳ người nào có hành vi cố ý tham gia vào hành vi liên quan đến việc mua hoặc bán, chào bán hoặc mua hoặc có ý định bán hoặc mua cá hoặc ĐVHD hoặc thực vật có giá trị thị trường vượt quá 350 đô la khi biết rằng cá hoặc ĐVHD hoặc thực vật đã bị lấy, sở hữu, vận chuyển hoặc bán vi phạm hoặc theo cách bất hợp pháp theo bất kỳ luật, hiệp ước hoặc quy định cơ bản nào, sẽ bị phạt không quá 20.000 đô la hoặc bị phạt tù không quá năm năm, hoặc cả hai [28; Mục 3373 (d), (1)]. Điểm này khác biệt so với quy định tại Điều 234 và Điều 244 BLHS năm 2015 chỉ xử lý các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD thuộc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm khi hành vi đã được thực hiện mà không xử lý người có ý định thực hiện hành vi mua hoặc bán ĐVHD.

Ngoài ra, một hành vi vi phạm Đạo luật Lacey có thể dẫn đến các cáo buộc khác về buôn lậu hoặc rửa tiền. Đạo luật Lacey còn cấm hành vi chiếm hữu, sở hữu bất kỳ loài cá

hoặc ĐVHD nào bị lấy, sở hữu, vận chuyển hoặc bán vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định nào của bất kỳ Tiểu bang nào hoặc vi phạm bất kỳ luật nước ngoài hoặc luật bộ lạc Da đỏ nào [28; Mục 3372 (a), (3)]. Như vậy hành vi chiếm hữu, sở hữu ĐVHD bất hợp pháp là vi phạm Đạo luật Lacey và bị xử lý hình sự, sẽ bị phạt không quá 10.000 đô la, hoặc bị phạt tù không quá một năm, hoặc cả hai [28; Mục 3373 (d), (2)]. Trong khi đó, hành vi “chiếm hữu”, “sở hữu” chưa bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đây là điểm khác biệt lớn giữa Đạo luật Lacey và BLHS năm 2015 về xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD.

Ở Việt Nam, các tội phạm về ĐVHD theo quy định của BLHS năm 2015 đều quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân bên cạnh TNHS cá nhân giống như Đạo luật Lacey của Hoa Kỳ. Theo đó, pháp nhân thương mại có thể bị xử phạt tối đa lên đến 15 tỷ đồng, đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 3 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Qua đó, ta có thể thấy BLHS năm 2015 quy định trách nhiệm hình sự khá nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD đối với các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD, động vật thuộc danh mục loài nguy cấp quý hiếm, hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên pháp luật Việt Nam về bảo vệ ĐVHD nói chung, BLHS năm 2015 nói riêng vẫn chưa xem xét xử lý hành chính hoặc hình sự người thực hiện hành vi chiếm hữu, sở hữu ĐVHD bất hợp pháp. Đồng thời cũng chưa xử lý người có ý định thực hiện hành vi bán hoặc mua ĐVHD trái pháp luật. Như vậy, Đạo luật Lacey về bảo vệ ĐVHD của Hoa Kỳ có những điểm khác biệt và tiến bộ mà Việt Nam có thể xem xét để hoàn thiện pháp luật hình sự nói riêng và pháp luật về bảo vệ ĐVHD nói chung.

6. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Để đạt được mục đích phòng ngừa các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD cần kết hợp nhiều giải pháp, trong đó có giải pháp kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự điều chỉnh việc phát hiện và xử lý các hành vi này. Trên cơ sở những phân tích và đánh giá đã trình bày ở trên, tác giả bài viết đưa ra những đề xuất sau:

6.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự

Với tư cách là một quốc gia thành viên của Công ước CITES, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc nội luật hóa các quy định của điều ước quốc tế này. Việt Nam đã sử dụng nhiều công cụ pháp lý để hỗ trợ việc phòng, chống tội phạm về ĐVHD, dần đạt được nhiều thành tựu tiến bộ và đáng khích lệ, có thể kể đến như những sửa đổi, bổ sung gần đây trong các quy phạm pháp luật quan trọng như BLHS năm 2015, Luật Đa dạng sinh học năm 2008,... Tuy nhiên, qua nghiên cứu, đánh giá, hiện những quy định đó vẫn còn

nhiều bất cập cần được hoàn thiện, do đó việc khắc phục các “lỗ hổng”, ban hành, sửa đổi, bổ sung pháp luật càng trở nên quan trọng và cấp thiết.

Qua phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam, Trung Quốc và Hoa Kỳ về xử lý hành vi vi phạm về quản lý, bảo vệ ĐVHD, chúng tôi đề xuất BLHS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung một số vấn đề như sau:

Một là, hành vi vi phạm tại Điều 234 BLHS năm 2015 nên được xếp vào chương XIX (Các tội phạm về môi trường) thay vì chương XVIII (Các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế) nhằm phản ánh đúng bản chất, hậu quả của tội phạm. Đồng thời, cần lưu ý việc chỉnh sửa cần thống nhất với các quy định của văn bản dưới luật khác như Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Bởi lẽ, việc điều chỉnh cần phải phù hợp và tương xứng với bản chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, đảm bảo sự công bằng trong việc thực thi pháp luật.

Hai là, học hỏi kinh nghiệm từ Đạo luật Lacey của Hoa Kỳ, chúng tôi kiến nghị xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi “chiếm hữu”, “sở hữu” ĐVHD trái pháp luật khi chưa đủ định lượng để xử lý hình sự. Đồng thời bổ sung vào khoản 1 Điều 234 và khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 hành vi “chiếm hữu”, “sở hữu” trái phép ĐVHD thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIB hoặc phụ lục II CITES (Điều 234) có định rõ số lượng cá thể ĐVHD và bất kỳ cá thể ĐVHD thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB hoặc phụ lục I CITES (Điều 244) mà không cần định lượng, hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Ba là, các khoản 2, 3, 4 và 5 của Điều 244 BLHS năm 2015 không quy định về sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Điều này dẫn đến việc không phân hóa được TNHS [16; 13]. Nếu so sánh với Điều 234 ở điểm này thì thấy rõ sự bất hợp lý của Điều 244. Nhà làm luật ở Điều 234 đã có sự phân hóa TNHS căn cứ vào mức giá trị của sản phẩm ĐVHD. Do đó cần bổ sung quy định về sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ vào các khoản 2, 3, 4 và 5 của Điều 244 BLHS năm 2015.

Bốn là, đối chiếu với quy định mở tại Điều 341 Luật Hình sự của Trung Quốc, quy định của pháp luật Việt Nam nên bổ sung nội dung về kiểm soát các hoạt động tiêu thụ hợp pháp ĐVHD hay các sản phẩm từ ĐVHD. Theo đó, tiêu thụ hợp pháp các loài ĐVHD, sản phẩm từ các loài ĐVHD thuộc danh mục bảo vệ sẽ không bị cấm hoàn toàn mà hoạt động này có thể được thực hiện với mục đích nghiên cứu khoa học, bảo tồn nguồn gen, nuôi sinh sản, triển lãm, bảo tồn di sản... Đồng thời, có thể bổ sung vấn đề trên theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật,

thực vật hoang dã, nguy cấp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP). Qua nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, Luật Bảo vệ ĐVHD năm 2018 đã quy định tương đối chi tiết về bảo vệ và quản lý các loài ĐVHD và môi trường sống của chúng, trách nhiệm pháp lý áp dụng trong trường hợp có vi phạm và các điều khoản bổ sung khác. Đây cũng là cách mà nhiều quốc gia khác trên thế giới đã thực hiện trong việc bảo vệ động vật nói chung và ĐVHD nói riêng” [25].

Năm là, Trung Quốc và Hoa Kỳ là hai quốc gia có đạo luật riêng về bảo vệ động vật hoang dã phát huy được vai trò tích cực trong việc bảo vệ ĐVHD nói chung, động vật nguy cấp, quý hiếm nói riêng. Mặc dù Việt Nam đã ban hành khá nhiều quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD nhưng chưa thực sự hiệu quả do các quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD nằm rải rác trong các luật khác nhau, còn sự chồng chéo, chưa rõ ràng, thống nhất, nhiều vấn đề thực tiễn phát sinh nhưng luật chưa theo kịp để điều chỉnh. Do đó, Việt Nam cần nghiên cứu xây dựng một đạo luật riêng về bảo vệ ĐVHD là hết sức cần thiết. Đạo luật này sẽ quy định đầy đủ, bao quát tất cả các vấn đề liên quan đến bảo vệ ĐVHD, trong đó cụ thể hóa hành vi tiêu thụ ĐVHD, bộ phận cơ thể, sản phẩm của ĐVHD là hành vi trái pháp luật và có chế tài xử lý tương ứng. Qua nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, Luật Bảo vệ ĐVHD năm 2018 đã quy định tương đối chi tiết về bảo vệ và quản lý các loài ĐVHD và môi trường sống của chúng, trách nhiệm pháp lý áp dụng trong trường hợp có vi phạm và các điều khoản bổ sung khác. Đạo luật Lacey của Hoa Kỳ cũng quy định chi tiết các hành vi phạm tội, sự thực thi quản lý của cơ quan có thẩm quyền và các chế tài dân sự, hình sự và tịch thu đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ các loài ĐVHD theo quy định của Luật này cũng như các ngoại lệ và quy định khác. Đây cũng là cách mà nhiều quốc gia khác trên thế giới (tiêu biểu là Trung Quốc và Hoa Kỳ) đã thực hiện trong việc bảo vệ động vật nói chung và ĐVHD nói riêng. Chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị đối với Luật Bảo vệ ĐVHD như sau:

- Quy định Ban quản lý ĐVHD;
- Quy định chi tiết các loài ĐVHD nguy cấp, quý hiếm cần được bảo vệ;
- Quy định chi tiết các hành vi vi phạm và trách nhiệm pháp lý với đầy đủ các chế tài hành chính, dân sự, hình sự với mức xử phạt vi phạm hoặc hình phạt cao hơn nhằm răn đe tội phạm.

6.2. Kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự

Sửa đổi Bộ luật Hình sự và các luật khác, văn bản dưới luật như các nghị định và thông tư liên quan nhằm ngăn chặn các loại tội phạm buôn bán động, thực vật hoang dã và lâm sản bất hợp pháp là rất cần thiết. Bên cạnh những điểm cần hoàn thiện về quy định trong pháp luật hình sự còn có những điểm cần cải thiện hoặc hướng dẫn chi tiết hơn trong

áp dụng thực tiễn vì dù quy định có toàn diện mà vấn đề thực hiện, áp dụng không khả thi thì những điều khoản pháp luật mất đi ít nhiều ý nghĩa của nó.

Một là, để có căn cứ cụ thể, rõ ràng về việc cấm tiêu thụ trái phép ĐVHD, sản phẩm từ ĐVHD tại các đạo luật chuyên ngành nêu trên thì cần bổ sung định nghĩa về hành vi “sử dụng, tiêu thụ ĐVHD, sản phẩm từ ĐVHD”. Tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc, mặc dù không đưa ra định nghĩa rõ ràng về hành vi “tiêu thụ ĐVHD, sản phẩm từ ĐVHD” nhưng Luật Bảo vệ ĐVHD năm 2018 của Trung Quốc cũng nghiêm cấm hành vi sản xuất, mua bán ĐVHD dựa trên mục đích của hành vi là để “sử dụng làm thực phẩm” [25]. Chúng tôi kiến nghị việc giải thích khái niệm này trong Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS.

Hai là, vấn đề tuyên truyền tại cấp cơ sở cho người dân, đặc biệt là nhóm đối tượng lao động, thiếu hiểu biết và xem nhẹ vấn đề bảo vệ ĐVHD. Ý thức luôn là một trong những nguyên nhân, đồng thời đó cũng chính là giải pháp hàng đầu. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ ĐVHD cũng là tinh thần của Công ước CITES. Trong thời đại số hiện nay, không khó để tiếp cận và thu hút cũng như đưa thông tin đến đại chúng. Truyền thông, internet,... chính là một trong số các công cụ có thể sử dụng để tuyên truyền, thay đổi hành vi cũng như góp phần hỗ trợ thực hiện các quy định của pháp luật. Cần nhiều hơn nữa sự vận động từ cấp phường, xã, đặc biệt đến các khu vực vùng sâu, vùng xa nhằm tuyên truyền, lan tỏa ý thức, vai trò của bảo vệ ĐVHD nói riêng và đa dạng sinh học trong tự nhiên. Chỉ cần chủ động, tích cực và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chắc chắn theo thời gian, nhận thức của người dân sẽ thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn, từ đó các vi phạm liên quan đến ĐVHD tương lai sẽ dần được hạn chế.

7. KẾT LUẬN

Nhận thức được lợi ích và tầm quan trọng của việc bảo vệ các loài ĐVHD; bảo vệ sự đa dạng sinh học nên hoạt động phòng, chống hành vi xâm hại đến ĐVHD được ưu tiên ở Việt Nam. Để đạt được mục đích phòng ngừa các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD cần kết hợp nhiều giải pháp, trong đó có giải pháp hoàn thiện khung pháp lý tư pháp hình sự điều chỉnh việc phát hiện và xử lý các hành vi này. Qua rà soát hệ thống pháp luật hiện hành về bảo vệ ĐVHD, tình hình tội phạm và xử lý tội phạm ở Việt Nam trong những năm gần đây có thể thấy được quá trình hình thành, phát triển các quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ ĐVHD trong các thời kỳ khác nhau phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội trong thời kỳ và diễn biến khá phức tạp dưới nhiều hình thức ngày càng tinh vi, phức tạp nên thực trạng vi phạm vẫn còn khó quản lý. Các phân tích, nghiên cứu, đánh giá về các hành vi vi phạm, tội phạm trong thời gian qua cho thấy, một số quy định của pháp luật không còn phù hợp với thực tiễn. Về vấn đề này, Việt Nam nên từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật và cân nhắc ban hành riêng luật về bảo vệ ĐVHD. Sau quá

trình nghiên cứu về pháp luật hình sự Việt Nam và một số quốc gia về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hình sự về bảo vệ ĐVHD, nhóm tác giả đã đưa ra được một số đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam. Đồng thời, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] [Wildlife]: <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/wildlife>.
- [2] Vũ Công Giao, Bùi Tiến Đạt, “Phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã”, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2021, tr. 27.
- [3] Dương Đại Tiến, Những bắt cập và khuyến cáo khi áp dụng xử lý hình sự các vi phạm liên quan đến các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, đường dẫn <https://cckl.bacgiang.gov.vn/content/item/parent/nhung-bat-cap-va-khuyen-cao-khi-ap-dung-xu-ly-hinh-su-cac-vi-pham-lien-quan-den-cac-loai-dong-vat-hoang-da-nguy-cap-quy-hiem>, truy cập ngày 01/03/2023.
- [4] Quy định về bảo vệ động vật hoang dã trong Bộ luật Hình sự – một vài đánh giá, Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature), đường dẫn <https://www.thiennhien.net/2022/01/24/quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-trong-bo-luat-hinh-su-mot-vai-danh-gia/>, truy cập ngày 24/02/2023.
- [5] Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi.
- [6] ENV/ trung tâm giáo dục thiên nhiên, Hướng dẫn thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã năm 2021.
- [7] Phạm Văn Beo, Thách thức trong phòng, chống tội phạm động vật hoang dã, <https://www.thiennhien.net/2022/01/23/thach-thuc-trong-phong-chong-toi-pham-dong-vat-hoang-da>, (truy cập ngày 19/02/2023).
- [8] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ước CBD và sự tham gia của Việt Nam, <https://monre.gov.vn/Pages/cong-uoc-cbd-va-su-tham-gia-cua-viet-nam.aspx>, truy cập ngày 22/02/2023.
- [9] Nguyen Duc Hanh, Dinh Thi Mai, Legal framework for wildlife farming benefits species conservation and preventing wildlife crimes in Vietnam, Web of Conferences 175, 03025, (2020).
- [10] Quyết định số 2549/2011/QĐ-CTN của Chủ tịch nước về phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.
- [10] Trần Ngọc Cường, Trần Thị Kim Tĩnh, Phan Thị Quỳnh Lê, Thúc đẩy thực hiện Công ước Ramsar tại Việt Nam, Tạp chí Môi trường, truy cập ngày 27/02/2023.
- [11] Phạm Minh Tuyên, Bàn về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” quy định tại Điều 234 BLHS 2015, Tạp chí Tòa án điện tử, đường dẫn <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-quy-dinh-tai-dieu-234-blhs-2015>, truy cập ngày 16/02/2023.

- [12] Phạm Quy Ty, Giới thiệu pháp luật hình sự của Việt Nam về bảo vệ ĐVHD, quý hiếm, tr.8, trong tài liệu của UNODC (2022), Khóa tập huấn tăng cường kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự về ĐVHD, Đắc Lắc, tháng 03/2022.
- [13] TANDTC (2019), Tài liệu tập huấn chuyên sâu Quy định của BLHS về các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm, tr.22.
- [14] “Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora”. Công ước được ký kết tại Washington, D.C. vào ngày 03/3/1973; được sửa đổi hai lần vào ngày 22/6/1979 (tại Bonn) và ngày 30/4/1983 (tại Gaborone). Việt Nam tham gia CITES vào năm 1994 và trở thành thành viên thứ 121/178 quốc gia. Tham khảo thêm thông tin tại website của Bộ Tài nguyên và Môi trường, “Công ước CITES và sự tham gia của Việt Nam” (30/3/2020), <https://monre.gov.vn/Pages/cong-uoc-cites-va-su-tham-gia-cua-viet-nam.aspx>, truy cập ngày 16/2/2023.
- [15] ĐVHD thông thường khác là các loài động vật rừng thông thường theo quy định của pháp luật và động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục III Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (theo khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018 ban hành ngày 05/11/2018).
- [16] Phạm Văn An (Vụ 3 VKSNDTC), Chuyên đề Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn khởi tố, điều tra và truy tố các vụ án về động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, tr.2, trong tài liệu của UNODC (2022), “Khóa tập huấn tăng cường kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự về ĐVHD”, Đắc Lắc, tháng 03/2022.
- [17] Lê Huỳnh Tấn Duy, Xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã theo pháp luật hình sự Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa về “Phòng ngừa, xử lý các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế”, do Khoa Hình sự Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh tổ chức, tr.94, 95.
- [18] A.K. Surridge, R.J. Timmins, G.M. Hewitt, D.J. Bell, *Nature* 400, 726 (1999).
- [19] Thu Hằng, Nhiều thách thức trong phòng, chống mua bán động vật hoang dã, đường dẫn <https://www.bienphong.com.vn/nhieu-thach-thuc-trong-phong-chong-mua-ban-dong-vat-hoang-da-post448918.html>, truy cập ngày 18/02/2023.
- [20] TANDTC (2019), tldđ (chú thích số 4), tr.13. Số liệu được trích dẫn từ Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017 do Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin – VKSNDTC phối hợp với WCS thực hiện.
- [21] Guangping Huang, Xiaoge Ping, Weihua Xu, Yibo Hu, Jiang Chang, Ronald R Swaisgood, Jiang Zhou, Xiangjiang Zhan, Zejun Zhang, Yonggang Nie, Jie Cui, Michael Bruford, Zhihe Zhang, Baoguo Li, Li Zhang, Zhi Lv, Fuwen Wei, *Wildlife conservation and management in China: achievements, challenges and perspectives*, National Science Review, Volume 8, Issue 7, July 2021, nwab042, <https://doi.org/10.1093/nsr/nwab042>, truy cập ngày 17/02/2023.
- [22] Criminal Law of People’s Republic of China.
- [23] Criminal Law Amendment (XI) of the People’s Republic of China (2021).

- [24] Lê Thị Vân Anh, Lương Thị Hiền, “Chế tài xử lý hành vi tiêu thụ động vật hoang dã của Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam”, Tạp chí Kiểm sát, số 04/2022.
- [25] Environmental Investigation Agency, “China’s Wildlife Protection Law”, <https://eia-international.org/wildlife/saving-tigers/tiger-farming/chinas-wildlife-protection-law/>, truy cập ngày 22/02/2023.
- [26] Wildlife Protection Law of the People’s Republic of China (2022 Version). [28] 16 United States Code (1988).
- [27] CITES establishes a permit system that seeks to regulate commerce in species whose existence is considered endangered by trade. CITES, *supra* note 18. Like the Lacey Act, CITES commerce restrictions also apply to living animals as well as to their readily recognizable parts and derivatives. 50 C.F.R. § 23.23(d); *United States v. Parker*, 991 F.2d 1493, 1497 (9th Cir. 1993), cert. denied, 114 S. Ct. 121 (1993).
- [28] 50 Code of Federal Regulations § 10.13 (1994).
- [29] U.S. Fish & Wildlife service, annual violations reports (1993, 1994) (on file in PublicLand Law Review office).
- [30] Robert S. Anderson¹ (1988), *The Lacey Act: America’s premier weapon in the fight against unlawful wildlife trafficking*, page 53.
- [31] Robert S. Anderson¹ (1988), *The Lacey Act: America’s premier weapon in the fight against unlawful wildlife trafficking*, page 54.
- [32] *United States v Eisenberg*, 496 F Supp 2d 578, 582. (ED Pa 2007).
- [33] R. Juge Gregg & Amelia Porges (2008), *Luật Lacey sửa đổi của Mỹ: ảnh hưởng đối với các nhà xuất khẩu lâm sản Việt Nam*, tr.7.
- [34] Bùi Ngọc Hòa, *Tình tiết định khung hình phạt trong tội xâm phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý hiếm – Vương mắc và kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, đường dẫn <https://tapchitoaan.vn/quy-dinh-phap-luat-ve-mot-so-tinh-tiet-dinh-khung-hinh-phat-trong-toi-xam-pham-cac-quy-dinh-cua-phap-luat-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-nhung-vuong-mac-va-kien-nghi-hoan-th>, truy cập ngày 27/02/2023.
- [35] *Án lệ số 58/2023/AL về tình tiết định khung hình phạt tại điểm c khoản 3 Điều 244 của Bộ luật Hình sự do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào các ngày 01, 02, 03 tháng 02 năm 2023 và được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.*
- [36] <https://congbobanan.toaan.gov.vn/>.
- [37] *ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh (2021), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (phần các tội phạm – quyển 1)*, Nxb. Hồng Đức, tr.435.

CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG CÁC VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Việt Hoàng, Nguyễn Đức Thắng¹
(Được hướng dẫn bởi ThS. Hoàng Hải Yến)

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chứng cứ và chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD). Bài viết cho rằng hiện nay thực tiễn thi hành quy định về chứng cứ, chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần phải được khắc phục, tháo gỡ kịp thời. Các vướng mắc bài viết chỉ ra bao gồm các vấn đề về: xử lý, bảo quản vật chứng là ĐVHD hoặc bộ phận, sản phẩm, chế phẩm từ ĐVHD; thu thập, xử lý dữ liệu điện tử; giám định, định giá ĐVHD. Đồng thời, bài viết cũng phân tích sơ lược về các vấn đề cần phải tập trung trong hoạt động chứng minh đối với các vụ án về ĐVHD và đưa ra một số đề xuất, kiến nghị để tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong quy định về chứng cứ, chứng minh mà bài viết đã chỉ ra.

Từ khóa: động vật hoang dã, chứng cứ, chứng minh.

1. DẪN NHẬP

Tồn tại trên trái đất, các sinh vật nói chung và ĐVHD nói riêng có vai trò quan trọng trong việc lưu giữ các nguồn gen và đa dạng sinh học của tạo hóa. Hiện nay, các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD diễn ra ngày càng nhiều với các tình tiết phức tạp và bằng các thủ đoạn tinh vi đã gây nhiều khó khăn cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án.

Để giải quyết đúng đắn các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD thì vấn đề chứng cứ và chứng minh là một trong những nội dung quan trọng được đặt nên hàng đầu. Bởi lẽ, việc thu thập, bảo quản, xem xét đánh giá chứng cứ có được rõ ràng, chính xác thì việc chứng minh tội phạm mới có thể thực hiện được, trên cơ sở đó đưa ra bản án đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD, do tính đặc thù của loại tội phạm này nên chứng cứ và chứng minh cũng có những điểm khác biệt so với các vụ án thông thường. Chẳng hạn như, liên quan đến việc giám định tư pháp xác định chứng cứ và xử lý vật chứng đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD, pháp luật Việt Nam cũng đã ban hành một số luật và văn bản hướng dẫn như: Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Giám định tư pháp; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang

¹ Trường Đại học kiểm sát Hà Nội, email: Thang7494@gmail.com

đã nguy cấp; Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 47/2013/TT-BYT ngày 31/12/2013 của Bộ Y tế ban hành quy trình giám định pháp y; Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự (BLHS); Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục, phương thức xử lý tang vật là động vật rừng.

Những văn bản quy phạm pháp luật này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc phòng, chống các hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến hoạt động bảo vệ ĐVHD. Tuy nhiên, qua công tác điều tra, truy tố và xét xử loại tội phạm này cho thấy một số quy định, thủ tục liên quan đến công tác giám định chứng cứ, xử lý vật chứng và chứng minh đối với các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD hiện nay còn nhiều khó khăn, vướng mắc và bất cập khiến hiệu quả công tác này chưa cao và chưa hỗ trợ được nhiều cho quá trình điều tra, xử lý các hành vi xâm phạm trong hoạt động buôn bán ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm trái phép ở Việt Nam.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về vấn đề chứng cứ và chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD là cần thiết, qua đó làm rõ những bất cập, hạn chế trong quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng, đồng thời đưa ra những kiến nghị hoàn thiện để nâng cao hiệu quả trong việc giải quyết các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD.

2. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG CÁC VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Theo giáo trình Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giải quyết vụ án về ĐVHD thì “*Hành vi phạm tội về ĐVHD là hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm của Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 do người có năng lực trách nhiệm hình sự, pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý nhằm xâm hại đến các loài ĐVHD. Người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội về ĐVHD phải chịu trách nhiệm hình sự*”. [1] Luật hình sự và khoa học pháp lý của nước ta đã cho thấy hành vi phạm tội về ĐVHD được thể hiện dưới các hành vi cụ thể như hành vi săn bắt, giết, nuôi nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD, bộ phận cơ thể, sản phẩm của ĐVHD.

Cùng với những quy định của BLHS, việc phát hiện và xử lý các tội phạm còn phải được tiến hành theo những trình tự và thủ tục do BLTTHS năm 2015 quy định, trong đó các quy định liên quan đến chứng cứ và chứng minh vụ án hình sự chiếm một vai trò quan trọng và quyết định đòi hỏi cần có sự tuân thủ nghiêm ngặt nhằm đạt được mục đích cuối cùng là giải quyết đúng đắn vụ án.

Căn cứ vào quy định tại Điều 86 của BLTTHS năm 2015 có thể đưa ra khái niệm chứng cứ trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD như sau “*Chứng cứ trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định, được dùng làm căn cứ để xác định các vấn đề cần phải chứng minh để làm sáng tỏ các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD*”.

Chứng cứ và chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD có mối liên hệ mật thiết với nhau. Các tài liệu, sự kiện sẽ không được coi là chứng cứ nếu không được chứng minh. Ngược lại, muốn chứng minh một người phạm tội thì phải dựa trên chứng cứ. Như vậy, hoạt động chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD là một trong những vấn đề quan trọng. Đó là quá trình để các cơ quan tiến hành tố tụng căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Cũng tương tự như chứng cứ, chứng minh trong các vụ án khác, chứng cứ, chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD cũng phải đáp ứng các điều kiện chung như tính khách quan, liên quan, hợp pháp của chứng cứ hay những vấn đề về chủ thể, trình tự, thủ tục chứng minh trong vụ án,... Song, do tính đặc thù của các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD nên chứng cứ, chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD có những đặc điểm riêng sau:

Thứ nhất, các nguồn chứng cứ điển hình trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD thường là các kết luận giám định, các bằng chứng khác mang tính khoa học (mẫu máu, mẫu lông, mẫu ngà voi, xác cá thể động vật,...), lời khai của nhân chứng (cán bộ kiểm lâm, người dân,...) hoặc bằng chứng, tài liệu (ảnh hoặc video cho thấy hoạt động săn bắt hoặc buôn bán trái phép ĐVHD),...

Thứ hai, đối tượng chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD mang tính đặc thù cao, thể hiện những đặc trưng về cấu thành tội phạm cũng như thực tiễn thực hiện tội phạm này.

Thứ ba, quá trình chứng minh các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD thường mang tính chất khó khăn, phức tạp do các vụ án này thường xảy ra ở những khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, liên quan đến nhiều đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ tư, vấn đề chứng minh đối với các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đặc biệt là cơ quan điều tra, cơ quan giám định, cơ quan kiểm lâm và bảo vệ ĐVHD. Theo báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam, giai đoạn 2013 - 2017 thì đối với xử lý vi phạm hình sự, cơ quan Công an là lực lượng chủ chốt xử lý chiếm 75,62% số vụ án vi phạm về ĐVHD bị khởi tố, tiếp đến là Kiểm lâm chiếm 16,62%. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của việc phối hợp giữa các cơ quan trong việc chứng minh tội phạm về ĐVHD là rất cần thiết. [2]

Thứ năm, trong quá trình chứng minh, các cơ quan tiến hành tố tụng phải nắm rõ đặc trưng quy luật hoạt động của tội phạm liên quan đến bảo vệ ĐVHD. So với các tội phạm

khác, tội phạm xâm phạm quy định bảo vệ ĐVHD có tính theo mùa. Bởi tội phạm này nhắm tới đối tượng là ĐVHD, từ việc săn bắt để lấy nguồn ĐVHD sẽ dẫn tới một chuỗi những hành vi phạm tội khác như vận chuyển, tàng trữ, buôn bán. Vì nhắm tới ĐVHD nên dễ thuận lợi cho việc săn bắt, tội phạm loại này thường hay xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định theo tập tính của ĐVHD (mùa sinh đẻ, mùa di cư,...). Nắm vững quy luật hoạt động theo mùa của loại tội phạm này giúp các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng trong việc thu thập chứng cứ cũng như có biện pháp phòng ngừa với loại tội phạm này.

3. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG CÁC VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

3.1. Nguồn chứng cứ trong các vụ án liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã

Theo quy định của BLTTHS, chứng cứ trong vụ án hình sự được thu thập từ các nguồn gồm Vật chứng; Lời khai, lời trình bày; Dữ liệu điện tử; Kết luận giám định, định giá tài sản; Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; Các tài liệu, đồ vật khác. Với tính chất đặc thù của các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD, có một số nguồn chứng cứ điển hình không thể không nhắc tới:

3.1.1. Về nguồn vật chứng điển hình

Mỗi loài ĐVHD sẽ có những tập tính, đặc điểm sinh học khác nhau. Do đó tội phạm ĐVHD thường phải sử dụng những công cụ phương tiện phù hợp để thuận lợi cho việc săn bắt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán như: súng săn, chuồng nuôi nhốt, công cụ bẫy, bắt, phương tiện di chuyển...

Tội phạm ĐVHD là hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán ĐVHD với pháp luật quốc gia hoặc pháp luật quốc tế. Loại tội phạm này có một tính chất đặc thù so với các loại tội phạm khác là có đối tượng tác động là ĐVHD. Do đó, trong các vụ án ĐVHD thì các cá thể động vật còn sống, đã chết hoặc bộ phận, sản phẩm, chế phẩm (xương, ngà, sừng, thịt, vảy,...) từ chúng là nguồn vật chứng điển hình và đặc lực để chứng minh tội phạm.

Do mang tính đặc thù nên đối với các loại vật chứng này, việc xác định là loài ĐVHD nào, thật hay giả, giá trị bao nhiêu rất dễ nhầm lẫn nếu không được tiến hành giám định, định giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Theo báo cáo tổng kết Tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam 2013-2017 thì tổng cộng có 26.221 cá thể ĐVHD và 41.328 kg khối lượng ĐVHD (vây, sừng, ngà, xương, thịt,...) và các loại sản phẩm ĐVHD bị phát hiện, bắt giữ trong 5 năm từ tháng 01/2013 - 12/2017. Trong số này, có 80,13% số lượng cá thể và 50,84% khối lượng ĐVHD bị bắt giữ dưới dạng cá thể còn sống, 18,64% số lượng cá thể và 3,19% khối

lượng ĐVHD bị bắt dưới dạng cá thể đã chết, còn lại là 1% số lượng cá thể và 5,22% khối lượng ĐVHD bị bắt giữ dưới dạng đông lạnh. [3]

Để đảm bảo giá trị của vật chứng cũng như phục vụ cho hoạt động chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD thì vật chứng trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD cần phải thu thập, bảo quản theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật:

Thứ nhất, về thu thập vật chứng

Vật chứng trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD phải được thu thập kịp thời, đầy đủ, mô tả đúng thực trạng và đưa vào hồ sơ vụ án. Đối với những vật chứng điển hình trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD thì thường là cá thể ĐVHD còn sống, đã chết, các bộ phận, sản phẩm, chế phẩm từ ĐVHD nên theo quy định tại Điều 105 BLTTHS năm 2015 thì những loại vật chứng này không thể trực tiếp đưa vào hồ sơ vụ án mà phải thông qua việc chụp ảnh, ghi hình để đưa vào hồ sơ vụ án.

Thứ hai, về bảo quản vật chứng

Vật chứng trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD được bảo quản theo quy định tại Điều 106 của BLTTHS. Đặc biệt cần lưu ý với vật chứng là ĐVHD quý hiếm thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB, nhóm IIB thì sẽ xử lý, bảo quản theo quy định tại Điều 13 và Điều 15 của Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT:

- Nếu không thuộc trường hợp phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì chuyển giao cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành khi có đủ ba điều kiện: Cơ sở tiếp nhận có một trong những chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tồn, trưng bày vì mục đích giáo dục bảo tồn theo quy định của pháp luật; Cơ sở tiếp nhận đó có điều kiện bảo đảm việc nuôi dưỡng, bảo quản; có xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc của cơ sở cứu hộ động vật do Nhà nước quản lý về việc động vật rừng không thuộc trường hợp phải tiêu hủy tại biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe của động vật rừng.

Mặc dù Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT đã quy định rõ về điều kiện của các cơ sở bảo quản ĐVHD trong quá trình giải quyết các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD, song trên thực tế ở Việt Nam hiện nay, số lượng cơ sở đáp ứng đầy đủ, toàn diện điều kiện bảo quản động vật sống là vật chứng trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD ở Việt Nam là không nhiều, điều kiện nuôi dưỡng, bảo quản còn gặp nhiều khó khăn như về nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí,... Theo thông tin của Vườn quốc gia Bù Gia Mập, trung tâm chỉ có 2 viên chức và 3 người lao động, công tác cứu hộ về ĐVHD ít được đào tạo chính quy, chuyên nghiệp. Ở Trung tâm cứu hộ hiện tại chỉ có 01 ô chuồng cho các loài bò sát, 01 ô chuồng cho các loài chim, 02 ô chuồng cho loài vượn, 01 ô chuồng cho loài voọc, 01 ô chuồng cho thú ăn thịt nhỏ, 03 ô chuồng cho các loài linh trưởng nói chung. Vì vậy, Trung tâm không thể tiếp nhận các loài động vật có kích thước lớn và tiếp nhận

một lúc nhiều cá thể động vật. [4] Hay như tại trung tâm cứu hộ ĐVHD Hà Nội thì việc thiếu thốn về cơ sở vật chất, bác sĩ đã ảnh hưởng không ít đến công tác chuyên môn. [5]

- Nếu thuộc trường hợp phải tiêu hủy do mang dịch bệnh hoặc các trường hợp phải tiêu hủy khác theo quy định của pháp luật thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý sẽ ra quyết định tiêu hủy. Việc thực hiện tiêu hủy có thể thực hiện bằng các biện pháp cơ học, chôn, sử dụng hóa chất hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, về xử lý vật chứng

Tương tự như vật chứng trong vụ án khác, chứng cứ trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD được xử lý theo quy định tại Điều 106 của BLTTHS:

- Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy;

- Vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;

- Vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được thì bị tịch thu và tiêu hủy.

Ngoài ra, đối với loại vật chứng đặc thù là ĐVHD thì tại điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS cũng quy định: *“Vật chứng là ĐVHD và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.”* quy định này đã được cụ thể hóa tại Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP như sau:

- Vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

- Vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

- Vật chứng khác không thuộc hai trường hợp trên thì tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với xử lý vật chứng là ĐVHD còn sống, BLTTHS và Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP đều quy định là sau khi có kết quả giám định thì giao cho *“cơ quan quản lý chuyên ngành”*. Tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có quy định cụ thể cơ quan quản lý chuyên ngành này là cơ quan nào. Hiện chưa có văn bản nào quy định về cơ quan này nên rất khó khăn trong việc bàn giao vật chứng vì để bàn giao vật chứng, bắt buộc các cơ quan pháp luật phải làm thủ tục bàn giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành, sau đó cơ quan quản lý chuyên ngành mới bàn giao cho các cơ quan như Trung tâm cứu hộ, Khu bảo tồn thiên

nhiên, Vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật. [6] Chẳng hạn như trong vụ án vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm xảy ra vào ngày 29/5/2018 trên địa bàn thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Vật chứng là 04 cá thể chim Hồng hoàng, 01 cá thể chim Niệc mỏ vằn, 01 cá thể thú Vượn đen má trắng và 03 cá thể chim Cao cát bụng trắng, sau khi có kết quả giám định, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Yên đã bàn giao cho Hạt Kiểm lâm huyện Tiên Yên. Sau đó, Hạt Kiểm lâm huyện Tiên Yên lại chuyển cho Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội. [7] Có thể thấy đây là một thủ tục hành chính mất nhiều thời gian, nếu ĐVHD không được bảo quản tốt tại cơ quan điều tra, kiểm lâm thì sẽ dễ dẫn đến việc ĐVHD bị yếu đi, thậm chí bị chết.

Đối với vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản, vật chứng khác thì theo quy định của Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP sẽ có 03 hướng xử lý: tịch thu, tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên điều luật lại không chỉ rõ trường hợp nào thì tịch thu, trường hợp nào tiêu hủy, trường hợp nào giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành. Việc quy định mang tính chung chung như vậy sẽ tạo ra sự thiếu thống nhất trong việc áp dụng pháp luật, cùng một loại vật chứng nhưng có nơi tịch thu, có nơi tiêu hủy, có nơi giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành. Chẳng hạn như tại bản án số 20/2018/HS-ST của TAND huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình đối với việc xử lý vật chứng với các sản phẩm chế tác từ ngà voi thì tòa án đã tuyên tịch thu, sung công quỹ. [8] Tuy nhiên trong nhiều bản án khác về xử lý vật chứng là ngà voi, sản phẩm chế tác từ ngà voi thì nhiều tòa án lại tuyên tịch thu tiêu hủy. Theo nhóm tác giả, việc tiêu hủy ngà voi, sản phẩm chế tác từ ngà voi là vật chứng trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD được coi là một bước đi đúng đắn, thể hiện quyết tâm không khoan nhượng với các vi phạm về voi mà còn góp phần vào “tuyên ngôn chung” bảo vệ loài voi của hàng chục quốc gia trên thế giới.

Đối với tang vật là động vật chết, sản phẩm động vật (da, bộ phận cơ thể) hiện nay các cơ quan Công an, Kiểm lâm không có kho đông lạnh để bảo quản nên rất khó khăn cho việc bảo quản, có trường hợp phải gửi các cơ quan khác có kho đông lạnh để bảo quản. [9] Việc gửi như vậy có thể dễ dẫn đến mất mát, hư hỏng nếu bảo quản không tốt.

3.1.2. Dữ liệu điện tử

Trong thời đại số hóa như hiện nay, tương tự như các loại tội phạm khác thì tội phạm về ĐVHD đang ngày càng tinh vi và tận dụng các ứng dụng công nghệ ngày càng nhiều (đặc biệt là loại tội phạm buôn bán). Tại Việt Nam, trong năm 2019, Trung tâm giáo dục thiên nhiên Việt Nam - ENV đã ghi nhận hơn 2.400 trường hợp quảng cáo ĐVHD trên Facebook, YouTube, Zalo, Tiktok và các trang mạng điện tử khác. Con số này vẫn không có dấu hiệu giảm xuống trong những tháng đầu năm 2020 với 424 vụ vi phạm tính đến hết ngày 30/4/2020. [10]

Vì vậy dữ liệu điện tử là một nguồn chứng cứ rất quan trọng để chứng minh tội phạm ĐVHD. Tuy nhiên hiện nay quy định của BLTTHS cũng như thực tiễn thực hiện quy định của pháp luật còn chưa hoàn thiện gây khó khăn trong việc thu thập; phục hồi và giám định dữ liệu điện tử; việc chặn thu, sao lưu, bảo quản dữ liệu điện tử. Cụ thể:

Thứ nhất, hiện nay, các tài khoản trên các nền tảng mạng xã hội có thể sử dụng các công cụ kỹ thuật số để che giấu thông tin người dùng. Các thủ đoạn này có thể là sử dụng các trình duyệt web ẩn danh (chẳng hạn như TOR network), sử dụng các ứng dụng được mã hóa, sử dụng mạng riêng ảo VPN (Virtual Private Network) để tạo ra các địa chỉ IP và vị trí truy cập ảo. Chính vì vậy, việc xác định nhân thân, địa chỉ thật của người thực hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật thường khó khăn, khó xác định. Đối với tội phạm về ĐVHD thì hoạt động mua bán được coi là một hoạt động đang diễn ra “tấp nập” trên nền tảng mạng xã hội hiện nay, do vậy nếu không xác định cụ thể được danh tính của người mua, người bán thì sẽ dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Thứ hai, trên các nền tảng trực tuyến đều có chính sách cấm giao dịch ĐVHD hoặc sản phẩm ĐVHD nên các tội phạm về ĐVHD thường sử dụng các từ lóng hoặc mã code, hình ảnh cắt ghép để che giấu hoạt động phạm tội. Chính vì vậy, việc chuyển hóa dữ liệu điện tử trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD cũng đặt ra nhiều thách thức, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ ba, về việc chặn thu dữ liệu điện tử: tại Điều 107 BLTTHS năm 2015 tuy quy định về thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử nhưng chỉ dừng lại ở quy định thẩm quyền mà chưa quy định về trình tự, thủ tục, chủ thể thực hiện các hoạt động chặn, thu dữ liệu điện tử trên đường truyền nên thực tiễn áp dụng còn gặp khó khăn. Hầu hết dữ liệu điện tử được thu thập thông qua các biện pháp như khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm... Trong nhiều trường hợp, các biện pháp này khó có thể thu thập được dữ liệu điện tử do tội phạm về ĐVHD sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn để lưu giữ dữ liệu điện tử (trên máy chủ ở nước ngoài, mạng internet, nhiều dữ liệu điện tử chỉ tồn tại trên đường truyền trong một khoảng thời gian nhất định...) đặc biệt trong bối cảnh tình trạng tội phạm về ĐVHD xuyên quốc gia có xu hướng ngày càng gia tăng.

3.1.3. Kết luận giám định

Hiện nay BLHS Việt Nam có hai điều quy định về tội phạm ĐVHD là Điều 234 và Điều 244. Theo quy định tại hai điều này, được coi là tội phạm trong trường hợp vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ đối với: động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; động vật nguy cấp, quý hiếm thuộc Nhóm IB hoặc thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES); động vật nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc thuộc Phụ lục II của CITES. Như vậy việc xác định vật chứng tang vật là ĐVHD có thuộc nhóm kể trên hay không là rất quan trọng

trong việc định tội, do đó nhất thiết phải kết luận giám định chính xác về loài để có thể làm sáng tỏ liệu hành vi vi phạm có phải là hành vi phạm tội hay không.

Với tầm quan trọng như vậy, điều hiển nhiên là cần phải chú trọng vào hoạt động giám định ĐVHD. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn nhiều những khó khăn, vướng mắc trong việc giám định mẫu vật ĐVHD:

Thứ nhất, quy định tại Điều 206 của BLTTHS về các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định không liệt kê trường hợp bắt buộc giám định đối với mẫu vật là cá thể ĐVHD, bộ phận, sản phẩm từ ĐVHD. Điều này dễ dẫn đến sự tùy nghi của các cơ quan tiến hành tố tụng trong các vụ án về ĐVHD, trong khi kết quả giám định là cơ sở quan trọng để xác định tội phạm.

Thứ hai, trước đây chưa có cơ quan nào được chỉ định là cơ quan khoa học CITES để giám định những mẫu vật nghi có nguồn gốc từ ĐVHD như ngà voi, sừng tê giác... Đa số các địa phương trưng cầu giám định của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam nhưng cũng có nơi cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an. [6] Tuy nhiên, ngày 22/01/2019 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2019/NĐ-CP theo đó xác định “*Cơ quan khoa học CITES Việt Nam*” là cơ quan giám định mẫu vật CITES. Điểm d khoản 2 Điều 34 Mục 6 Chương III về biện pháp bảo đảm thực thi CITES quy định chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam “*giám định mẫu vật động vật, thực vật hoang dã*”. Với quy định này thì chỉ có các cơ quan khoa học CITES mới có thẩm quyền trong việc giám định các mẫu vật động vật hoang dã.

Tính đến thời điểm tháng 03/2023 thì cả nước có 10 cơ quan khoa học CITES là: [11] [12]

- Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Hà Nội), lĩnh vực Động vật và Thủy sinh vật;
- Viện nghiên cứu Hải sản (Hải Phòng), lĩnh vực Thủy sinh vật;
- Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Hà Nội), lĩnh vực Thực vật;
- Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam (Hà Nội), lĩnh vực Thực vật;
- Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam (Hà Nội), lĩnh vực Động vật; Thực vật;
- Viện Tài nguyên và Môi trường (Hà Nội), lĩnh vực Động vật;
- Viện Sinh thái học miền Nam (Thành phố Hồ Chí Minh), lĩnh vực Động vật; Thực vật; Thủy sinh vật;
- Viện Dược liệu (Hà Nội), lĩnh vực Thực vật;
- Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III (Khánh Hòa), lĩnh vực Thủy sinh vật;
- Viện Hải dương học (Khánh Hòa), lĩnh vực Thủy sinh vật.

Mặc dù hiện nay có 10 cơ quan khoa học CITES Việt Nam nhưng chỉ có 4 cơ quan thực hiện giám định đối với động vật. Số lượng cơ quan khoa học có thẩm quyền giám định mẫu vật ĐVHD ở Việt Nam là khá ít trong khi số lượng tội phạm về ĐVHD ngày càng gia tăng. Mặt khác, hầu hết các cơ quan này lại ở miền Bắc, điều này sẽ gây khó khăn, tốn kém chi phí cho việc giám định đối với các vụ án xảy ra ở khu vực phía Nam, Tây Nguyên cũng như ở vùng sâu, vùng xa.

Thứ ba, công tác giám định tại các cơ quan khoa học CITES Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn.

Như đã phân tích ở trên, hiện nay ở Việt Nam có 4 cơ quan khoa học CITES Việt Nam để thực hiện giám định loài đối với ĐVHD. Nhiệm vụ của các cơ quan khoa học như nhau nên để trung cầu giám định, các cơ quan quản lý có thể gửi cho một trong các cơ quan khoa học và kết quả giám định của một trong các cơ quan là sử dụng được trong các vụ xử lý vi phạm. Tuy nhiên kết quả trung cầu và kết quả giám định của một cơ quan chưa được cung cấp cho các cơ quan khác để tham khảo và thống kê, nên số lượng các vụ thẩm định chưa có con số thống nhất và đầy đủ. Những cơ quan quản lý và cơ quan thừa hành pháp luật cũng chưa có nhiều thông tin về các cơ quan khoa học CITES nên gặp khó khăn trong việc gửi trung cầu giám định. Số lượng loài và nhóm loài rất đa dạng và phong phú, số lượng chuyên gia của các cơ quan khoa học hiện còn mỏng, một cơ quan khó có thể đảm nhận được công việc thẩm định của tất cả các vụ việc, của tất cả các nhóm loài, nên nếu trung cầu không đúng chuyên môn sẽ có ảnh hưởng tới công việc xử lý như thời gian có thể bị kéo dài. Bên cạnh đó còn có những khó khăn vướng mắc như một số quy định của pháp luật còn có sự chồng chéo; kinh phí còn hạn hẹp; việc xác định loài cũng còn nhiều vướng mắc. [13]

Thứ tư, còn vụ án tiến hành giám định sai cơ quan dẫn đến kết quả giám định bị hủy.

Trong Thông báo số 811/TB-VKSNDTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 rút kinh nghiệm về việc trung cầu giám định trong vụ án liên quan đến ĐVHD xảy ra tại huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, vào ngày 04/6/2019, Công an huyện Xuyên Mộc phối hợp với Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kiểm tra tại quán cafe 24h, địa chỉ số 108, QL 55 thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát hiện đối tượng Lý Nam Sinh, sinh năm 1988, HKTT tại tổ 4, ấp Suối Lê, xã T.VIA. 108, QL 55, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đang có hẹn với khách để rao bán sản phẩm từ ĐVHD, gồm: 01 ví da (nghi da hổ); 01 vòng cổ có kim loại màu vàng; 01 nanh (nghi nanh heo rừng); 01 dây chuyền (nghi làm bằng ngà voi); 08 móng động vật (nghi là móng bò, gấu). Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuyên Mộc đã trung cầu giám định mẫu vật tại Viện Sinh học nhiệt đới và đã có kết luận giám định các mẫu vật trên đều là sản phẩm động vật thuộc Nhóm IB của Nghị định số 160/2013; Phụ lục IB CITES, thuộc loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Trước khi Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ có hiệu lực thì một số cơ quan tiến hành tổ tụng hình sự phía Nam căn cứ Điều 19 của Luật Giám định tư pháp năm 2012 để trưng cầu giám định theo vụ việc đối với mẫu vật CITES, trong đó có Viện Sinh học nhiệt đới là tổ chức có tư cách pháp nhân, có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được Cơ quan tiến hành tổ tụng hình sự trưng cầu giám định, có điều kiện về cán bộ chuyên môn và cơ sở vật chất. Lĩnh vực hoạt động của Viện cũng phù hợp với việc xác định các loài ĐVHD.

Tuy nhiên, kể từ ngày 10/3/2019, Nghị định số 06 nêu trên có hiệu lực pháp luật trong đó quy định: “*Cơ quan khoa học CITES Việt Nam là cơ quan giám định mẫu vật CITES*” (khoản 4 Điều 31 Nghị định số 06) và “*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định các cơ quan khoa học có chuyên môn và năng lực phù hợp làm cơ quan khoa học CITES Việt Nam, đồng thời, thông báo cho Ban Thư ký CITES theo quy định của CITES*” (Khoản 1 Điều 34), nhưng đến tháng 6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuyên Mộc lại tiến hành trưng cầu giám định tại Viện Sinh học Nhiệt đới nên không phù hợp với quy định trên.

Ngày 13/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 3) đã có văn bản số 2979/VKSTC-V3 yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc trao đổi với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuyên Mộc ra quyết định trưng cầu 01 trong 4 cơ quan khoa học CITES Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định để tiến hành giám định, giải quyết dứt điểm vụ việc.

Như vậy, có thể thấy rằng, việc cơ quan tiến hành tổ tụng không nắm vững những quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề giám định ĐVHD thì sẽ dẫn đến việc giám định không đúng cơ quan, ảnh hưởng đến quá trình chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD. Đặc biệt trong bối cảnh các quy định về xử lý, bảo quản, giám định ĐVHD hiện nay quy định khá tản mạn, khó khăn trong việc tiếp cận nếu cơ quan tiến hành tổ tụng không thường xuyên giải quyết, va chạm với những vụ án này.

3.1.4. Kết luận định giá

Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP¹ quy định việc định giá tài sản là hàng cấm phải dựa trên ít nhất một trong những căn cứ sau: Giá thị trường của tài sản mua bán không chính thức; giá do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định; giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp; giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá (nếu có); các căn cứ khác về giá hoặc giá trị của tài sản cần định giá.

Hiện nay chưa có cơ quan, tổ chức nào quy định về giá của các loài ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm. Việc xác định giá chủ yếu dựa vào việc xác minh thực tế tại địa phương. Hơn

¹ Được hướng dẫn bởi Điều 8 Thông tư số 30/2020/TT-BTC.

nữa, khi tiếp nhận thông tin về việc mua bán không chính thức thì cơ quan chức năng có phải xử lý hay không khi người cung cấp thông tin đã thực hiện hành vi mua bán hoặc chứng kiến hành vi mua bán mà không báo cơ quan chức năng ngăn chặn kịp thời. Ở mỗi địa phương hoặc khu vực sẽ có giá khác nhau nên việc áp dụng giá không thống nhất, dẫn tới việc áp dụng pháp luật không công bằng. Cùng về một hành vi, đối với cùng một loài, một cá thể ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm thì ở địa phương này người vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự còn ở địa phương khác thì có thể không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. [14]

3.2. Chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã

3.2.1. Đối tượng chứng minh

Đối tượng chứng minh được xác định là sự việc phạm tội, người thực hiện tội phạm và những tình tiết khác có liên quan đến vụ án. Vấn đề này được quy định cụ thể tại Điều 85 BLTTHS năm 2015. Đối tượng chứng minh ở mỗi vụ án sẽ có những phạm vi và yêu cầu khác nhau do tính chất, mức độ và hoàn cảnh của các tội phạm không giống nhau. Đối với các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD cũng tương tự như vậy. Bên cạnh những đặc điểm, quy luật chung giống với các tội phạm khác, tội phạm ĐVHD có những đặc điểm riêng nên nội dung chứng minh trong các vụ án về ĐVHD sẽ có những điểm khác biệt mà cơ quan tiến hành tố tụng cần phải lưu ý trong quá trình chứng minh.

Hiện nay trong pháp luật Việt Nam mới chỉ quy định những vấn đề cần phải chứng minh thêm ngoài các vấn đề đã nêu tại Điều 85 của BLTTHS đối với trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi và đối với trường hợp pháp nhân bị buộc tội, còn đối với từng loại tội, nhóm tội cụ thể thì hiện nay chưa có quy định hướng dẫn về các vấn đề thêm cần phải chứng minh tương ứng. Điều này là dễ hiểu do sự đồ sộ, phong phú của các loại tội phạm cũng như sự phức tạp của quá trình chứng minh tội phạm nên việc xây dựng quy định hướng dẫn một cách cụ thể đối với từng loại tội, nhóm tội là rất khó. Do đó trên thực tiễn, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tự dựa trên những kinh nghiệm nghiệp vụ của mình để xác định các vấn đề cần phải chứng minh. Thực tiễn giải quyết các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD cho thấy, việc xác định đối tượng chứng minh trong các vụ án này cần tập trung vào một số vấn đề mang tính đặc thù sau:

Thứ nhất, đối tượng tác động có đúng không? Điều 234 và Điều 244 BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể về đối tượng tác động của tội phạm về ĐVHD. Theo đó:

- Đối tượng tác động của tội phạm theo Điều 234 BLTTHS là ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục II CITES và Phụ lục III CITES, ĐVHD nhóm IIB thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ĐVHD khác.

- Đối tượng tác động của tội phạm theo Điều 244 BLTTHS là ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ĐVHD nhóm IB thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES.

Bên cạnh đó, việc xác định rõ đó là cá thể hay là sản phẩm của ĐVHD cũng rất quan trọng. Tiếp cận các hồ sơ đã xử lý tội phạm về ĐVHD cho thấy khi bắt giữ được đầy đủ các bộ phận của một con hổ nhưng chỉ thiếu nội tạng hoặc bắt giữ được cá thể voọc, khi được sấy khô thì một số địa phương xác định đó là cá thể ĐVHD, một số địa phương lại xác định đó là sản phẩm ĐVHD hay cũng có những địa phương nhận thức đây chỉ là bộ phận của ĐVHD. [15]

Thứ hai, xác định đúng định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự (là cơ sở để phân biệt với xử lý trách nhiệm hành chính). Định lượng để bắt đầu xử lý hình sự theo Điều 234 BLHS đó là loài động vật rừng thông thường hoặc ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục III CITES có trị giá từ 300 triệu đồng trở lên, loài ĐVHD nguy cấp, quý hiếm thuộc Phụ lục II CITES hoặc nhóm IIB có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên. Ngoài ra cũng có thể căn cứ vào giá trị thu lời bất chính từ 50 triệu đồng trở lên để bắt đầu xử lý hình sự mà không cần căn cứ vào giá trị động vật là đối tượng phạm tội. Định lượng để bắt đầu xử lý hình sự theo quy định tại Điều 244 BLHS gồm: đối tượng tác động là động vật, cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống, sản phẩm của các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc động vật, cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống mà không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhưng thuộc nhóm IB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm hoặc Phụ lục I CITES của từ 03 cá thể lớp thú, 07 cá thể lớp chim, bò sát, 10 cá thể lớp khác trở lên. Riêng ngà voi thì có khối lượng từ 2 kg trở lên và sừng tê giác có khối lượng từ 50 gram trở lên.

Thứ ba, chủ thể phạm tội và vi phạm pháp luật liên quan đến ĐVHD đa phần là công dân Việt Nam, tuy nhiên cũng có một số trường hợp là người nước ngoài, đây thường là những trường hợp phạm tội với khối lượng mẫu vật thu giữ lớn như ngà voi, sừng tê giác, vây tê tê,... [16] Đối với những chủ thể là công dân nước ngoài thì bên cạnh việc áp dụng quy định của BLHS, BLTTHS thì cũng cần xem xét, quan tâm đến Luật tương trợ tư pháp và các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và các nước.

Thứ tư, về mặt chủ quan của tội phạm: Có biết là ĐVHD không? Có biết các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD không? Làm rõ được các vấn đề Thực hiện hành vi nhằm mục đích gì (ví dụ: với đối tượng vận chuyển ĐVHD, mục đích vận chuyển lấy tiền công hay bán kiếm lời hay tàng trữ để sử dụng,...)? Phương thức, thủ đoạn thực hiện như thế nào? Đã thực hiện bao nhiêu lần? Tiêu thụ ở đâu? Có hứa hẹn trước hay không? Hình thức nào? Giá cả như thế nào? Có ai biết hay bàn bạc, giúp sức không? Nếu có đồng phạm thì bàn bạc, phân công vai trò như thế nào? Ăn chia lời lãi ra sao?,...

Trên thực tế việc chứng minh ý thức chủ quan của đối tượng phạm tội là không hề đơn giản, bởi thông thường các đối tượng khai báo không biết rằng mình đang buôn bán, vận chuyển hay nuôi nhốt ĐVHD được bảo vệ. Đối với trường hợp đối tượng biết là mình đang buôn bán, vận chuyển hay nuôi nhốt ĐVHD được bảo vệ thì có thể dễ dàng xác định lỗi ở đây là lỗi cố ý trực tiếp.

Tuy nhiên với trường hợp đối tượng khai nhận mình không biết thì một câu hỏi đặt ra rằng có yếu tố lỗi ở đây không. Hiện nay, Điều 234 và Điều 244 của BLHS không yêu cầu người thực hiện hành vi phạm tội biết loài ĐVHD bị xâm hại là loài ĐVHD được pháp luật bảo vệ, chỉ cần tác động vào đối tượng tác động của tội phạm là ĐVHD thuộc trường hợp quy định tại Điều 234 và Điều 244 là đã vi phạm. Như vậy trường hợp này đối tượng vẫn sẽ bị xử lý bởi mắc lỗi vô ý do cẩu thả, kể cả khi người phạm tội thực sự không biết là động vật do pháp luật bảo vệ thì người phạm tội rõ ràng “*phải thấy trước và có thể thấy trước*”. Việc pháp luật hình sự không yêu cầu đối tượng “phải biết” nghĩa là đã đặt ra nghĩa vụ phải thấy trước hành vi, hậu quả do hành vi của mình gây ra.

Thứ năm, về nguồn gốc của động vật (hoặc bộ phận cơ thể, sản phẩm từ động vật) là từ đâu? Tội phạm về động vật hoang dã cùng với tội phạm mua bán người, tội phạm ma túy và tội buôn bán vũ khí là những tội phạm có lợi nhuận cao nhất và có tính chất xuyên quốc gia và quốc tế. Do đó, loại tội phạm này thường là tội phạm có tổ chức chặt chẽ và chuyên nghiệp hình thành các đường dây lớn. Việc xác định nguồn gốc là rất cần thiết để có thể truy lùng triệt để các ổ, đường dây mua bán vận chuyển ĐVHD. Từ đó nâng cao hiệu quả phòng, chống loại tội phạm này.

3.2.2. Quá trình chứng minh

Quá trình chứng minh các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD là quá trình tư duy logic và thực tiễn của cơ quan và người có thẩm quyền tổ tụng trên cơ sở các quy định của pháp luật tổ tụng hình sự để thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm giải quyết các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD.

Thu thập vật chứng là giai đoạn đầu tiên của quá trình chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD. Giai đoạn này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ quá trình chứng minh. Nghiên cứu các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD trong thực tiễn thì mỗi vụ án đều có những biểu hiện khác nhau, không vụ án nào giống vụ án nào. Thủ đoạn của kẻ phạm tội cũng rất khác nhau như:

- Hoạt động theo các băng nhóm, đường dây - đây là xu thế hoạt động của tội phạm môi trường hiện nay. Điều này thể hiện ở việc hình thành những đường dây mua bán, vận chuyển ĐVHD mang tính chất xuyên quốc gia.

- Dùng thủ đoạn che giấu, cất giữ, vận chuyển tinh vi nhằm trốn tránh sự kiểm tra của cơ quan chức năng như cất giấu vào các thùng hàng container.

- Hợp pháp hóa hồ sơ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc động vật, sản phẩm ĐVHD.

- Thường xuyên thay đổi địa điểm giao hàng, thời gian, sử dụng tiếng lóng, mạng xã hội,...

Chính vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải lựa chọn các biện pháp phù hợp với pháp luật để đạt được hiệu quả cao trong việc thu thập chứng cứ như lấy lời khai

của người làm chứng, khám nghiệm hiện trường, ủy thác tư pháp, kiểm tra danh bạ, lịch sử cuộc gọi, nội dung tin nhắn,... Do tính chất đấu tranh với loại tội phạm đặc thù là tội phạm về ĐVHD nên các chứng cứ tập trung chủ yếu vào phát hiện vật chứng là ĐVHD, sản phẩm, chế phẩm từ ĐVHD rồi sau đó mới đến các vật chứng và thông tin tài liệu khác.

Giai đoạn tiếp theo đó là giai đoạn kiểm tra chứng cứ. Hoạt động kiểm tra chứng cứ nhằm xác định tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp của chứng cứ. Hoạt động kiểm tra chứng cứ trong vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD sẽ đạt được mục đích đề ra khi nó được tiến hành bằng các biện pháp khoa học. Đối với vật chứng là ĐVHD, bộ phận, sản phẩm, chế phẩm từ ĐVHD thì việc kiểm tra chứng cứ sẽ tập trung vào việc căn cứ vào các quy định của pháp luật về việc xác định loài, cá thể ĐVHD cũng như việc sử dụng các biện pháp điều tra như trưng cầu giám định, định giá tài sản.

Tiếp đến là việc đánh giá chứng cứ, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ vận dụng các kiến thức về khoa học pháp lý, khoa học hình sự, kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm về ĐVHD,... để đánh giá những chứng cứ đã thu thập và kiểm tra. Chứng cứ trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD không bao giờ cô lập, mà nó luôn nằm trong trong mối quan hệ mật thiết và logic với nhau. Xác định được mối quan hệ đó là điều kiện cần để xác định sự thật khách quan trong vụ án. Chẳng hạn như với các chứng cứ là động vật sống thì sẽ có mối liên hệ mật thiết với các công cụ phạm tội như súng, bẫy hay phương tiện nuôi nhốt.

Việc phát hiện, thu thập tài liệu, chứng cứ về số lượng, chất lượng có sự khác nhau dẫn đến việc đánh giá những tài liệu, chứng cứ cũng có sự khác nhau. Cơ quan tiến hành tố tụng cần phải đánh giá giá trị chứng minh của từng chứng cứ, tức là xác định xem chứng cứ đó có khả năng làm rõ được tình tiết nào, giới hạn đến đâu, chứng cứ có giá trị chứng minh một phần hay toàn bộ vụ án, chứng minh trực tiếp hay gián tiếp, chứng cứ đó đã đủ cơ sở để Viện kiểm sát và Tòa án đưa ra những kết luận và quyết định cuối cùng hay không. Thực tiễn cho thấy, có nhiều vụ án về ĐVHD, cơ quan điều tra chỉ thu giữ được một phần tang vật phạm tội, số các tang vật còn lại đã được các đối tượng phạm tội tẩu tán, tiêu hủy, tiêu thụ,... do vậy cơ quan tiến hành tố tụng cần kết hợp với các chứng cứ khác (ngoài tang vật là cá thể, bộ phận, chế phẩm, sản phẩm của ĐVHD) để đạt được hiệu quả trong quá trình chứng minh.

4. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VỀ CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG CÁC VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Có thể thấy, vấn đề chứng cứ và chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình giải quyết vụ án. Để hạn chế những khó khăn, vướng mắc trên cần tập trung đồng bộ vào một số giải pháp sau:

4.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật về chứng cứ và chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã

Thứ nhất, cần quy định cụ thể, chi tiết về vấn đề xử lý vật chứng là cá thể, mẫu vật, sản phẩm trong vụ án ĐVHD

Như đã phân tích ở trên, mặc dù vấn đề xử lý vật chứng đã được quy định trong BLTTHS năm 2015 và được cụ thể hóa trong Điều 7 của Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP song những quy định còn mang tính chung, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong việc áp dụng pháp luật. Vậy nên các nhà làm luật cần nghiên cứu, bổ sung, cụ thể hóa những quy định này thông qua việc quy định cụ thể trường hợp nào sẽ tiến hành tịch thu cá thể, mẫu vật, sản phẩm trong vụ án ĐVHD, trường hợp nào thì tiêu hủy trên cơ sở phù hợp với tình hình Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Hiện nay, về vấn đề tiêu hủy hay tịch thu sung công quỹ các sản phẩm, chế phẩm từ ĐVHD như ngà voi, sừng tê giác,... đang là một cuộc chiến gay gắt của các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên phần lớn các quốc gia đều ủng hộ việc tiêu hủy nhằm phòng ngừa và đấu tranh với loại tội phạm này. [17] Còn ở Việt Nam, việc tiêu hủy các sản phẩm, chế phẩm là tang vật trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD mặc dù chưa có quy định cụ thể song ở nhiều địa phương cũng đã có sự quán triệt nội dung này, theo hướng ưu tiên việc tiêu hủy những tang vật này. [18] Chính vì vậy, theo nhóm tác giả cần quy định cụ thể các trường hợp tịch thu, tiêu hủy theo hướng ưu tiên tiêu hủy, đối với tịch thu thì sẽ tịch thu những sản phẩm, chế phẩm đó phục vụ mục đích khoa học, nghiên cứu.

Thứ hai, cần quy định cụ thể về việc chặn thu dữ liệu điện tử như trình tự, thủ tục chặn thu, yêu cầu của việc chặn thu; trách nhiệm của cơ quan tiến hành chặn thu cũng như các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan; đặc biệt liên quan tới mạng internet và các dịch vụ gia tăng khác.

Thứ ba, cần quy định cụ thể việc bắt buộc giám định với các cá thể, mẫu vật, sản phẩm nghi ngờ trong vụ án ĐVHD

Việc không quy định bắt buộc gây nhiều lỗ hổng trong nhiều vụ án, thiếu chặt chẽ trong giám định vật chứng, kiểm tra vật chứng đánh giá chứng cứ. Chính vì vậy, thiết nghĩ cần bổ sung Điều 106 BLTTHS theo hướng thêm việc giám định bắt buộc đối với các cá thể, sản phẩm, mẫu vật liên quan đến ĐVHD.

Sửa đổi Luật Giám định tư pháp theo hướng luật hóa việc giám định mẫu vật động thực vật hoang dã; xây dựng một khung hướng dẫn chung về quy trình giám định động thực vật hoang dã, đồng thời ban hành các hướng dẫn cụ thể cho một số mẫu vật phổ biến như ngà voi, sừng tê giác, vảy tê tê...

Thứ tư, cần phải bổ sung đối tượng có tư cách pháp nhân giám định tư pháp đối với mẫu vật là ĐVHD gồm: tổ chức giám định tư pháp (của mỗi tỉnh), cá nhân (người giám

định tư pháp theo vụ việc) có kinh nghiệm của Kiểm lâm, Công an, Quản lý thị trường, Biên phòng, Hải quan,... Mặt khác, về vấn đề xác định nhóm, loài về mặt trực quan, lý thuyết và kinh nghiệm cơ bản của người thực thi công vụ có thể nhận biết được nhưng về mặt pháp lý để xử lý vi phạm thì phải trưng cầu giám định, việc này đòi hỏi phải quy định cụ thể, khả thi về thời gian, kinh phí và hiện đại hóa công cụ giám định. Giám định tư pháp hiện nay chỉ tiếng nói, chữ ký, con dấu của cơ quan, người có thẩm quyền do pháp luật quy định trong tổ tụng. Do đó, cần quy định mở rộng, cho phép “người giám định tư pháp theo vụ việc” được giám định, xác nhận đối với mẫu vật là ĐVHD. Trong trường hợp cần thiết hoặc có xảy ra khiếu nại, khởi kiện thì tiếp tục trưng cầu giám định đến cơ quan khoa học CITES Việt Nam. Người giám định tư pháp theo vụ việc có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và tùy theo tính chất, mức độ sai phạm gây ra từ kết quả giám định sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. [6]

Thứ năm, các nhà làm luật cần nghiên cứu, hoàn thiện quy định của pháp luật về định giá đối với các loài, mẫu vật, sản phẩm từ ĐVHD trong các vụ án liên quan đến ĐVHD theo hướng cụ thể, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật. Tránh việc định giá theo cảm tính ở các địa phương, dẫn đến tình trạng không công bằng trong việc định tội như hiện nay.

4.2. Nâng cao trình độ, năng lực, cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật của các cơ quan bảo quản, giám định động vật hoang dã

Gia tăng ngân sách để đầu tư vào cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật của các cơ quan bảo quản, giám định ĐVHD. Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên gia giám định chuyên môn thông qua thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung nội dung chương trình đào tạo bám sát thực tiễn; đồng thời cần phải tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học liên quan đến vấn đề bảo quản, giám định ĐVHD và cử chuyên gia ra nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm bảo quản, giám định ĐVHD.

4.3. Áp dụng trí tuệ nhân tạo để phục vụ cho việc xác định loài, mẫu vật liên quan đến động vật hoang dã

Trí tuệ nhân tạo có vai trò quan trọng trong thời đại 4.0. Đặc biệt khi áp dụng trí tuệ nhân tạo trong vụ án ĐVHD sẽ góp phần giải quyết hiệu quả khi giám định nguồn vật chứng điện tử, mã hóa, giải mã các trang web buôn bán động vật trái phép, các hành vi mã hóa, sử dụng mã code trong rao bán, quảng cáo ĐVHD.

Sử dụng các công nghệ máy tính hiện đại có thể được sử dụng để xác định nội dung bằng lời nói, hình ảnh, ký tự liên quan đến buôn bán ĐVHD bất hợp pháp. Đồng thời việc phát triển trí tuệ nhân tạo giúp tăng tính chính xác trong quá trình giám định, chứng minh chứng cứ, giảm bớt thời gian cho cơ quan điều tra, giúp quá trình tố tụng diễn ra nhanh chóng, hiệu quả.

4.4. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã

Thứ nhất, các cơ quan thực hiện giám định mẫu ĐVHD nên ký thỏa thuận hợp tác về cơ chế phối hợp hoặc trao đổi thông tin nhằm tránh tình trạng phải thành lập hội đồng giám định và thực hiện giám định nhiều lần, vừa giúp giảm chi phí cho bên trưng cầu giám định, vừa tăng hiệu quả xử lý vụ việc.

Thứ hai, cần tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, buổi tập huấn để xây dựng kỹ năng nghiệp vụ trong việc phối hợp giữa các cơ quan Viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra và các cơ quan khác. Đặc biệt là chú trọng vào sự phối hợp giữa Viện kiểm sát, cơ quan điều tra, các cơ quan của kiểm lâm, ban quản lý khu bảo tồn trong việc thu thập chứng cứ trong vụ án về ĐVHD xảy ra ở khu bảo tồn, địa hình rừng núi.

Thứ ba, tăng cường tuyên truyền cho người dân, nhất là thế hệ trẻ Việt Nam hành động chung tay bảo tồn, phục hồi, bảo vệ đa dạng sinh học; chia sẻ và lan tỏa thông điệp, tạo nên trào lưu và chuẩn mực xã hội tốt đẹp về lối tiêu dùng văn minh và hành vi thân thiện với môi trường thiên nhiên, hướng đến mục tiêu giảm thiểu nhu cầu sử dụng, đẩy lùi nguy cơ săn, bắt, buôn bán, góp phần ngăn chặn nguy cơ tuyệt chủng của các loài, bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. Từ đó xây dựng nên tinh thần tự nguyện của người dân trong việc phối hợp, hỗ trợ cơ quan điều tra thu thập chứng cứ trong các vụ án về ĐVHD.

5. KẾT LUẬN

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng, vấn đề chứng cứ và chứng minh là một trong những nội dung quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong việc giải quyết đúng đắn các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD. Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có những quy định cụ thể về chứng cứ, chứng minh trong BLTTHS năm 2015 và có những văn bản hướng dẫn cụ thể về chứng cứ, chứng minh trong các vụ án liên quan đến bảo vệ ĐVHD trong các văn bản pháp luật khác, song thực tiễn thực hiện những quy định của pháp luật cho thấy, vấn đề này vẫn gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc cả về vấn đề lí luận cũng như thực tiễn đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cần có những giải pháp mang tính hiệu quả, kịp thời để góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm về ĐVHD./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Hạnh và Lại Viết Quang, Giáo trình Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giải quyết vụ án về động vật hoang dã, Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, p. 18.
- [2] WCS, Báo cáo tổng kết Tình hình vi phạm và Thực thi Pháp luật về Động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017, Hà Nội: Tổ chức Wildlife Conservation Society, chương trình Việt Nam, 2018, p. 31.

- [3] WCS, Báo cáo tổng kết Tình hình vi phạm và Thực thi Pháp luật về Động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017, Hà Nội: Tổ chức Wildlife Conservation Society, chương trình Việt Nam, 2018, p. 16.
- [4] Trần Văn Trường, “Vườn quốc gia Bù Gia Mập,” 2019. [Trực tuyến]. Available: <http://vuonquocgiabugiamap.vn/vi/news/Dong-vat/Nhung-kho-khan-trong-cong-tac-cuu-ho-dong-vat-hoang-da-246/>. [Đã truy cập 2/13/2023].
- [5] Ánh Ngọc, “Kinh tế đô thị,” Nhiều khó khăn trong cứu hộ động vật hoang dã, 2021. [Trực tuyến]. Available: <https://kinhtedothi.vn/nhieu-kho-khan-trong-cuu-ho-dong-vat-hoang-da.html>. [Đã truy cập 13/2/2023].
- [6] Phạm Minh Tuyên, “Giám định, xử lý vật chứng, định giá động vật hoang dã, động vật nguy cấp quý hiếm trong tố tụng hình sự – Vương mắc và kiến nghị hoàn thiện,” Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 2020. [Trực tuyến]. Available: <https://tapchitoaan.vn/giam-dinh-xu-ly-vat-chung-dinh-gia-dong-vat-hoang-da-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-trong-to-tung-hinh-su-vuong-mac-va-kien-ngho-hoan-thien>. [Đã truy cập 15/3/2023].
- [7] “Bản án số 16/2018/HSST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, Quảng Ninh,” Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của tòa án - Tòa án nhân dân tối cao, [Trực tuyến]. Available: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta224001t1cvn/chi-tiet-ban-an>. [Đã truy cập 20/3/2023].
- [8] “Bản án số 20/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình,” Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của tòa án - Tòa án nhân dân tối cao, [Trực tuyến]. Available: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta223569t1cvn/chi-tiet-ban-an>. [Đã truy cập 20/3/2023].
- [9] Trần Văn Pha, Bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm bằng pháp luật hình sự Việt Nam, Hà Nội: Nhà xuất bản Lao Động, 2018, p. 134.
- [10] “Buôn bán động vật hoang dã trên mạng internet – đã không còn an toàn!,” Trung tâm giáo dục thiên nhiên, 2020. [Trực tuyến]. Available: <https://thiennhien.org/buon-ban-dong-vat-hoang-da-tren-mang-internet-da-khong-con-an-toan>. [Đã truy cập 14/2/2023].
- [11] Quyết định số 2246/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chỉ định 4 cơ quan khoa học CITES Việt Nam.
- [12] Quyết định số 4519/ QĐ-BNN-TCLN ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chỉ định bổ sung cơ quan khoa học CITES Việt Nam.
- [13] Đ. H. Huỳnh, “Giám định động vật hoang dã - Công cụ hỗ trợ phục vụ công tác điều tra và truy tố tội phạm động vật hoang dã,” Tạp chí Môi trường, 2022. [Trực tuyến]. Available: <http://tapchimoitruong.vn/dien-dan--trao-doi-21/giam-dinh-dong-vat-hoang-da--cong-cu-ho-tro-phuc-vu-cong-tac-dieu-tra-va-truy-to-toi-pham-dong-vat-hoang-da-26928>. [Đã truy cập 16/2/2023].

- [14] Ngô Văn Lượng, “Vướng mắc về định giá tài sản trong vụ án hình sự,” Cổng thông tin điện tử VKSND tối cao, 2021. [Trực tuyến]. Available: <https://www.vksndtc.gov.vn/tin-tuc/vuong-mac-ve-dinh-gia-tai-san-trong-vu-an-hinh-su-t9649.html>. [Đã truy cập 16/2/2023].
- [15] Nguyễn Văn Pha, Bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm bằng pháp luật hình sự Việt Nam, Hà Nội: Nhà xuất bản Lao Động, 2018, p. 113.
- [16] Báo cáo tóm tắt kết quả rà soát các vụ án về ĐVHD của Viện kiểm sát nhân dân năm 2016 do Dự án USAID GIG hỗ trợ.
- [17] Hùng Võ, “Ngày Voi thế giới: Tiêu hủy ngà voi cản trở thành thông lệ ở Việt Nam,” Vietnamplus, 2019. [Trực tuyến]. Available: <https://www.vietnamplus.vn/ngay-voi-the-gioi-tieu-huy-nga-voi-can-tro-thanh-thong-le-o-viet-nam/589571.vnp>. [Đã truy cập 21/3/2023].
- [18] Hồng Minh, “Tiêu hủy ngà voi cản trở thành thông lệ ở Việt Nam,” Pháp luật Việt Nam, 2019. [Trực tuyến]. Available: <https://baophapluat.vn/tieu-huy-nga-voi-can-tro-thanh-thong-le-o-viet-nam-post315826.html>. [Đã truy cập 21/3/2023].

XỬ LÝ VẬT CHỨNG LÀ ĐỘNG VẬT RỪNG CÒN SỐNG THUỘC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM TRONG NƯỚC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

Nguyễn Việt Anh¹, Trần Thị Như Hoa², Phạm Thị Hoa²
(Được hướng dẫn bởi TS. Lê Lan Chi)

Tóm tắt: Xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm trong nước là một “mắt xích” quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và trong công tác bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Bài viết phân tích các quy định pháp luật và thực thi hoạt động xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm trong tố tụng hình sự dựa trên ba tiêu chí: tính hiệu quả, tính đồng bộ và tính khả thi. Qua đó, bài viết đưa ra đánh giá về thực trạng thực thi, đề xuất hoàn thiện pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm để phù hợp với chính sách quốc gia và hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

Từ khóa: xử lý vật chứng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm, tố tụng hình sự.

1. DẪN NHẬP

Theo số liệu của Ủy ban Liên chính phủ Liên hợp quốc báo cáo tại “Đánh giá toàn cầu về đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái”, tốc độ suy thoái đa dạng sinh học đang diễn ra lớn chưa từng có trong lịch sử, một triệu loài động thực vật trong tổng số tám triệu loài đang đứng trên bờ vực tuyệt chủng [1]. Tại Việt Nam, theo dữ liệu của sách đỏ Việt Nam (2007) đã có 464 loài động vật quý hiếm, trong đó có 116 loài đang ở mức nguy cấp rất cao và 6 loài chuyển từ các mức nguy cấp khác nhau lên mức coi như đã tuyệt chủng [2]. Số liệu trên là minh chứng cho thấy rằng, các loài động vật hoang dã tại Việt Nam đang trên đà giảm mạnh, nhiều loài động vật nguy cấp, quý, hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng rất cao. Hơn nữa, tình hình tội phạm vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, động vật NCQH (viết tắt: NCQH) cũng có xu hướng gia tăng và ngày càng diễn biến tinh vi, phức tạp. Mới đây, thống kê tại Hội thảo “Công bố báo cáo thống kê tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021”, cho thấy: “Trong hai năm 2020 và 2021, các cơ quan chức năng đã khởi tố hình sự 298 vụ án với 389 bị can do có các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã nói chung và động vật rừng NCQH nói riêng” [3]. So với giai đoạn 2018-2019, số vụ

¹ Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Email: Vietanhforwork@gmail.com

² Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

án vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tăng 11,6%. Những con số biết nói đã biểu hiện cho thực trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật rừng NCQH đặt ra vấn đề xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Xử lý vật chứng là một trong những hoạt động tố tụng hình sự được thực hiện bởi các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Hoạt động xử lý vật chứng phải được thực hiện tốt là vấn đề quan trọng để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hình sự được chính xác, công bằng, đấu tranh phòng chống tội phạm hiệu quả. Thực tiễn hoạt động xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH trong tố tụng hình sự ở nước ta những năm qua, bên cạnh những thành tựu còn bộc lộ nhiều hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Qua công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự cho thấy một số quy định, thủ tục liên quan đến hoạt động xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH hiện nay còn nhiều khó khăn, bất cập: các quy phạm pháp luật về xử lý vật chứng còn chưa mang tính hệ thống, tồn tại nhiều lỗ hổng cũng như chồng chéo, còn có vi phạm trong việc xử lý vật chứng của cơ quan, người có thẩm quyền... Vì vậy, việc góp phần làm sáng tỏ thêm các quy định, thực trạng xử lý vật chứng là động vật rừng thuộc loài NCQH ở trong nước có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết, qua đó nâng cao hiệu quả công tác điều tra, xử lý tội phạm buôn bán động vật rừng thuộc loài NCQH trái phép ở Việt Nam.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VẬT CHỨNG LÀ ĐỘNG VẬT RỪNG CÒN SỐNG THUỘC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM TRONG NƯỚC

2.1. Khái niệm, đặc điểm của vật chứng là động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm

Với những điều kiện tự nhiên thuận lợi, Việt Nam là một trong 16 quốc gia sở hữu sự đa dạng sinh học cao nhất trên toàn cầu [4], là nơi trú ngụ của hàng nghìn các loài sinh vật khác nhau, trong đó có các loài động vật rừng, thuộc loài NCQH. Có thể phân biệt động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH với loài động vật khác qua các đặc điểm như sau:

Thứ nhất, về môi trường sinh sống: rừng là nơi cư trú, sinh sống của các loài động vật rừng NCQH. Rừng có ý nghĩa, tác động trực tiếp và gián tiếp đến sự hình thành, phát triển của các loài động vật rừng NCQH. Sự thu hẹp diện tích rừng cũng là vấn đề báo động đối với sự tồn tại của các loài động vật này. Khác với động vật NCQH được nuôi dưỡng trong vườn bách thú, động vật NCQH bị nuôi nhốt trái phép - là các loài đã được con người thuần hoá, nuôi dưỡng, sử dụng vì mục đích thương mại, các loài động vật rừng NCQH là các loài động vật chưa được thuần hoá, mang bản chất tự nhiên, hoang dã vốn có của nó.

Thứ hai, về tình trạng sống: động vật rừng NCQH phải trong tình trạng còn sống, tức là được cấu tạo bởi các tế bào, trải qua quá trình sinh trưởng và phát triển, có khả năng trao đổi chất với môi trường bên ngoài, có khả năng sinh sản,... Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả cho rằng các bộ phận bị tách rời khỏi cơ thể sống của động vật rừng NCQH

không thể hiện đặc tính còn sống nên không là đối tượng nghiên cứu của bài viết này. Chẳng hạn như ngà voi bị tách rời khỏi cá thể voi còn sống, sừng tê giác bị tách rời khỏi cá thể tê giác còn sống,...

Thứ ba, về giá trị: động vật rừng NCQH có giá trị lớn trong nhiều lĩnh vực của đời sống, xã hội: trong lĩnh vực khoa học, đây là loài mang nguồn gen quý và hiếm để bảo tồn và chọn tạo giống; trong lĩnh vực y tế, là nguyên liệu hoặc được sử dụng trực tiếp điều chế các sản phẩm y dược; trong lĩnh vực kinh tế, có khả năng sinh lợi cao khi được thương mại hóa. Ngoài ra, động vật rừng NCQH còn mang những giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hoá, về cảnh quan và môi trường, giúp duy trì sự cân bằng của tự nhiên hoặc mang tính độc đáo, đặc hữu của từng khu vực.

Thứ tư, về số lượng: đây là tiêu chí đặc trưng thể hiện tính “nguy cấp” của động vật rừng NCQH. Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (viết tắt: IUCN) quy định một loài bị coi là nguy cấp khi nó phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong tự nhiên rất cao, ở một tương lai rất gần [5]. Số lượng tồn tại của loài phản ánh mức độ nguy cấp, số lượng càng ít thì mức độ nguy cấp càng cao, đòi hỏi cần phải có những biện pháp bảo vệ kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

Để đảm bảo tính thống nhất về quản lý, bảo vệ các loài động vật rừng NCQH, tránh gây tranh cãi trong việc giải quyết các vụ án cụ thể, Nhà nước đã quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng NCQH kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng NCQH và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã, nguy cấp (viết tắt: CITES) và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP. Để đảm bảo tính thống nhất về quản lý, bảo vệ các loài động vật rừng NCQH, tránh gây tranh cãi trong việc giải quyết các vụ án cụ thể, Nhà nước đã quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng NCQH kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng NCQH và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã, nguy cấp (viết tắt: CITES) và Nghị định 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP. Theo danh mục này, các loài động vật rừng NCQH được chia thành 2 nhóm: IB - nhóm các loài động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục I CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam và IIB - nhóm các loài động vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam [6]. Việc phân chia thành các nhóm có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm trình tự thủ tục, phù hợp với quy định tại Bộ Luật Hình sự năm 2015 (viết tắt: BLHS năm 2015) (Điều 234 và Điều 244), đảm bảo tính chính xác và khách quan trong việc giải quyết vụ án, đồng thời góp phần bảo vệ động vật rừng NCQH và sự đa dạng sinh học.

Như vậy, từ những phân tích trên có thể hiểu: động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH là loài động vật sinh sống trong môi trường rừng; mang đặc tính hoang dã tự nhiên vốn có, chưa bị con người thuần hoá; được cấu tạo nên từ các tế bào, trải qua quá trình sinh trưởng và phát triển, có khả năng trao đổi chất, có khả năng sinh sản, duy trì nòi giống; có giá trị quan trọng đối với nhiều lĩnh vực của đời sống; số lượng cá thể còn rất ít trong tự nhiên, có nguy cơ bị tuyệt chủng rất cao và được pháp luật thừa nhận bảo vệ.

Vật chứng nói chung hay vật chứng là động vật rừng NCQH nói riêng là một nguồn chứng cứ quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nhằm đảm bảo việc giải quyết vụ án hình sự được minh bạch, đúng người, đúng tội. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (viết tắt: BLTTHS 2015), vật chứng được hiểu là: “Vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”. Tuy nhiên, khái niệm “Vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH” trong pháp luật hiện hành của Việt Nam vẫn chưa có quy định cụ thể để định nghĩa. Nhưng dựa vào khái niệm của vật chứng và khái niệm động vật rừng thuộc loài NCQH, nhóm tác giả đưa ra định nghĩa như sau: Vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH là những loài động vật thuộc nhóm IB hoặc IIB được quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, còn sống, có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án. Vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH có thể là phương tiện phạm tội hoặc đối tượng của tội phạm, ví dụ như trong trường hợp: do có thù hằn cá nhân, người phạm tội cố tình lừa voi Châu Á (*Elephas maximus*) tấn công người dân - voi ở đây là phương tiện phạm tội. Nhưng trong trường hợp người phạm tội buôn bán cá thể voi Châu Á - voi trong trường hợp này là đối tượng của tội phạm. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, nhóm tác giả chỉ tập trung nghiên cứu vật chứng là động vật rừng NCQH với tư cách là đối tượng của tội phạm.

Dựa vào định nghĩa trên, có thể thấy vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH, có bốn đặc điểm chính như sau: một là, vật chứng ở đây phải là động vật rừng thuộc nhóm IB hoặc nhóm IIB được quy định tại Phụ lục I Nghị định số 84/2021/ NĐ-CP; hai là, tại thời điểm được coi là vật chứng, động vật phải còn sống; ba là, những động vật rừng thuộc loài NCQH được coi là vật chứng phải liên quan đến vụ án, là đối tượng của tội phạm và phải có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội; bốn là, vật chứng là động vật rừng thuộc loài NCQH phải được cơ quan chức năng tiếp nhận theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH là loại vật chứng đặc biệt, có sự khác biệt rất lớn so với các loại vật chứng khác. Ở đây, vật chứng có thể là một trong những loài động vật ở nhóm IB hoặc nhóm IIB nên loại vật chứng này có giá trị rất lớn cả về mặt kinh tế lẫn sinh học. Hơn nữa, do đây là những loài động vật “hoang dã”, “còn sống” nên tình trạng sức khỏe, môi trường sống, điều kiện sống của từng loài có thể rất

khác nhau và không thể tránh được trường hợp các động vật này mang trong mình mầm bệnh nguy hiểm. Bởi vậy, trong quá trình thu, giữ sau khi phát hiện vi phạm phải chăm sóc mẫu vật, tránh rủi ro để mẫu vật bị chết [7], đây là hoạt động bảo quản vật chứng chứ không phải là xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH.

Xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH được hiểu là việc người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét, giải quyết động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự theo cách thức có tính bắt buộc do pháp luật quy định, nhằm góp phần giải quyết đúng đắn, nhanh chóng, hiệu quả vụ án hình sự, qua đó bảo vệ lợi ích Nhà nước, bảo vệ động vật rừng NCQH. Căn cứ vào thẩm quyền, trình tự, thủ tục khác nhau trong hoạt động xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH nhóm tác giả chia thành hai giai đoạn xử lý vật chứng như sau: giai đoạn 1 là hoạt động ban hành văn bản quyết định xử lý vật chứng; giai đoạn 2 là các hoạt động để thi hành quyết định xử lý vật chứng. Do tính chất phức tạp và là hoạt động có mức độ ảnh hưởng lớn nên việc ban hành quyết định xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH thông thường phải là thẩm quyền của những chủ thể có chức vụ trong các cơ quan tiến hành tố tụng còn hoạt động thi hành quyết định xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH được giao cho những người tiến hành tố tụng khác có chức danh tư pháp trong cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Tiêu chí hoàn thiện pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm trong nước

Pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH là hệ thống quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và được Nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ môi trường và mục đích bảo vệ hệ cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học của các loài động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH trong môi trường sinh thái. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH là một trong những cơ sở để bảo đảm cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật đạt được kết quả cao trong thực tiễn, đồng thời cho phép dự báo được khả năng hiện thực hóa các quy định pháp luật trong việc bảo vệ động vật hoang dã, động vật NCQH ở Việt Nam.

Xuất phát từ những đặc điểm vật chứng nêu trên nên pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH cũng phải có yêu cầu riêng dẫn đến các quy định đặc thù phù hợp với đối tượng này. Bởi vậy, việc đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH trong nước sẽ dựa trên các tiêu chí, bao gồm: tính hiệu quả, tính đồng bộ và tính khả thi.

Một là, *tính hiệu quả*: đảm bảo hoạt động xử lý vật chứng được diễn ra minh bạch, chính xác là bảo vệ được động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH để tránh nguy cơ bị chết hoặc tổn thương thêm. Mỗi mẫu vật là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH lại có đặc

tính, thể trạng riêng biệt nên hình thức xử lý vật chứng có thể khác nhau để phù hợp với loài động vật rừng đó. Tuy nhiên, dù động vật rừng có thể trạng, đặc tính loài không giống nhau nhưng hoạt động xử lý vật chứng bắt buộc phải được thực thi kịp thời, an toàn cho cả người thực hiện/ cơ quan chức năng có nhiệm vụ triển khai đồng thời bảo đảm an toàn cho cả động vật rừng NCQH khỏi sự tổn thương, không làm lây nhiễm dịch bệnh.

Hai là, *tính đồng bộ*. Pháp luật quy định các quy tắc xử sự mà cá nhân, cơ quan chức năng và các tổ chức có thẩm quyền phải thực hiện khi xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH. Các quy định của pháp luật liên quan đến xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH trước hết phải được đồng bộ, phù hợp với Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, ký kết. Việt Nam đã tham gia Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) vào năm 1994, ký kết tham gia Công ước về đa dạng sinh học (CBD) năm 1993 và Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Nghị định thư Cartagena về An toàn sinh học thuộc Công ước Đa dạng sinh học vào ngày 19 tháng 4 năm 2004. Hệ thống pháp luật trong nước phải nội luật hóa phù hợp với các công ước trên để tạo ra một hành lang pháp lý quan trọng cho việc xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH ở trong nước. Các chính sách, văn bản được ban hành hướng dẫn phải đáp ứng được yêu cầu thực tế và làm cơ sở cho việc thực thi các công ước và cam kết quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học.

Ba là, *tính khả thi*. Pháp luật với tư cách là hệ thống các quy phạm điều chỉnh hành vi xử sự của con người, là công cụ “sắc bén” trong việc bảo vệ động vật rừng NCQH. Thông qua công cụ pháp luật, Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chức năng và các tổ chức có thẩm quyền xử lý vật chứng là động vật rừng thuộc loài NCQH để áp dụng pháp luật về xử lý vật chứng trong thực tiễn hiệu quả, xử lý đúng tình trạng, đúng mẫu vật và bảo vệ tối đa động vật rừng NCQH. Hơn nữa, cần xem xét việc áp dụng pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH phải được thực hiện trong thực tiễn, phải đảm bảo được các tiêu chí về cơ sở nuôi dưỡng, chất lượng nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh phí xử lý vật chứng.

3. PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN XỬ LÝ VẬT CHỨNG LÀ ĐỘNG VẬT RỪNG CÒN SỐNG THUỘC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM Ở VIỆT NAM

3.1. Quy định của pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam

Bảo vệ động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH là một trong những vấn đề cấp thiết của tính đa dạng sinh học. Nhận thức được điều đó, Việt Nam đã chủ động tham gia vào Công ước CITES năm 1994 và trở thành thành viên thứ 121 trên tổng số 183 quốc gia. Để điều chỉnh các hành vi cho phù hợp với cam kết trong công ước, Việt Nam đã ban hành một số luật và văn bản hướng dẫn về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống, thuộc loài NCQH. Một trong những dấu mốc quan trọng, đặt nền móng cho sự phát triển

và dần hoàn thiện của các quy định liên quan đến vấn đề này, phải kể đến sự ra đời của BLTTHS 2015. Nếu như các BLTTHS trước đó chưa có quy định về xử lý vật chứng là động vật hoang dã thì đến BLTTHS năm 2015, động vật hoang dã là vật chứng được xử lý theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 106, theo đó: *“Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật”*. Có thể thấy, đa số, trong các vụ án có liên quan đến động vật hoang dã nói chung và động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH nói riêng, các loài động vật đều bị bắt, bắt, bị nhốt, bị vận chuyển trong những môi trường không đảm bảo; một số lượng lớn bị nhiễm bệnh, bị thương, không khoẻ mạnh. Với đặc điểm đó các loài động vật cần phải được chăm sóc, nuôi dưỡng, cứu hộ một cách nhanh chóng và kịp thời nên luật tố tụng hình sự đã quy định như vậy để tối đa hoá được khả năng bảo vệ động vật hoang dã.

Thẩm quyền xử lý vật chứng cũng được quy định tại khoản 1 Điều luật này, cụ thể: *“Việc xử lý vật chứng do cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản”*. Như vậy, theo thẩm quyền xử lý không có một cơ quan cố định nào có thẩm quyền quyết định xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH mà sẽ căn cứ vào từng giai đoạn giải quyết vụ án hình sự để xác định cơ quan có thẩm quyền xử lý.

BLHS năm 2015 đã có sự điều chỉnh về phạm vi đối tượng các loài động vật hoang dã được luật hình sự bảo vệ: từ chỉ có động vật hoang dã được ưu tiên bảo vệ (Điều 190 BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung 2009), nay mở rộng thêm, quy định cụ thể, rõ ràng hơn các đối tượng này, bao gồm tất cả các loài động vật thuộc phụ lục I, II Công ước CITES và nhóm IB, IIB danh mục động vật rừng, thực vật rừng NCQH (Điều 234, Điều 244 BLHS năm 2015). Nhằm hướng dẫn xử lý vật chứng trong các vụ án về tội phạm vi phạm bảo vệ động vật rừng NCQH, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật NCQH của BLHS, cụ thể: ngay sau khi có kết luận giám định phải giao động vật cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật; sau khi vật chứng đã được xử lý, Toà án sẽ căn cứ vào biên bản thu giữ, bản ảnh, dữ liệu điện tử, biên bản giám định, biên bản nhận, quyết định xử lý vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Với thuật ngữ “ngay sau khi”, tính chất nhanh chóng, kịp thời lại một lần nữa được nhấn mạnh nhằm đảm bảo sự sống và sức khoẻ cho các loài động vật này, các biện pháp xử lý cũng được đa dạng hoá như: trả về tự

nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, vườn quốc gia, cho các cơ quan, các cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường,...

Theo các Điều từ Điều 10 đến Điều 15 của Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp nhà nước, các hình thức xử lý động vật rừng bao gồm: (1) thả lại động vật rừng về môi trường tự nhiên đối với cá thể còn sống, khỏe mạnh; (2) cứu hộ động vật rừng bị thương, cần cứu hộ; (3) chuyển giao động vật rừng cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành đối với động vật rừng thuộc Danh mục loài NCQH nhóm IB, nhóm IIB và không thuộc trường hợp phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật; (4) bán động vật rừng là vật chứng thuộc loại được phép sử dụng vào mục đích thương mại; (5) tiêu hủy động vật rừng mang dịch bệnh hoặc không xử lý được bằng các hình thức trên. Tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của động vật rừng tiêu hủy, có thể thực hiện tiêu hủy theo một trong các hình thức sau: biện pháp cơ học, thiêu đốt, chôn, sử dụng hóa chất hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Đó là quy định đối với xử lý động vật rừng nói chung, còn đối với động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý hiếm, điểm b, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP quy định: mẫu vật sống sau khi xử lý theo quy định của pháp luật phải giao cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để chăm sóc. Việc xử lý mẫu vật sống theo thứ tự ưu tiên sau: (1) thả lại môi trường tự nhiên nếu mẫu vật khỏe mạnh; (2) chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật nếu mẫu vật yếu cần cứu hộ; (3) tiêu hủy.

Có thể thấy, cả hai thông tư và nghị định trên đều đưa ra các hình thức xử lý động vật rừng NCQH theo trình tự ưu tiên, nếu ở hình thức xử lý trước không thực hiện được thì mới chuyển sang sử dụng hình thức kế tiếp.

Theo điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân nhận định rằng: vật chứng vụ án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, pháp luật tố tụng hình sự được coi là tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Thông tư số 57/2018/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP quy định rõ việc bảo quản loại mẫu vật như sau: *“Tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng quý hiếm thuộc nhóm IB chuyển giao cho Cơ quan Dự trữ nhà nước thuộc Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ lưu giữ, bảo quản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”*. Đối với vật chứng do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định tịch thu, cơ quan đã ra quyết định tịch thu, trình tự, thủ tục xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định rằng đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo, lập phương án xử lý, lấy ý kiến của cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công địa phương (nếu có), trên cơ sở đó, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản, tổ chức xử lý tài sản theo quyết định phê duyệt. Đối với vật chứng bị tịch thu đã có quyết định thi hành án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện báo cáo, đề xuất phương án xử

lý, sau đó, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công sẽ lập và trình phương án xử lý tài sản cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức tài sản theo quyết định đã phê duyệt [8].

Điều 6 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT quy định tiếp nhận động vật rừng là vật chứng của vụ án hình sự chuyển giao theo quyết định xử lý vật chứng, ghi nhận các cơ quan, đơn vị tiếp nhận bao gồm: cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật. Đây đều là những cơ quan có nền tảng, các thành viên có kiến thức, kỹ năng, có đủ điều kiện căn bản để cứu hộ, nuôi dưỡng các loài động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH. Các đơn vị tiếp nhận này sẽ có trách nhiệm: (1) xử lý động vật rừng sau tiếp nhận theo phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; (2) xử lý động vật rừng sau tiếp nhận theo hình thức ghi trong quyết định xử lý vật chứng; (3) thực hiện việc nuôi dưỡng, bảo quản động vật rừng trường hợp quyết định xử lý vật chứng không ghi tịch thu động vật rừng (trừ trường hợp xử lý động vật rừng sau tiếp nhận theo hình thức ghi trong quyết định xử lý vật chứng).

3.2. Thực trạng quy định pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam

Thời gian qua, Việt Nam đã tích cực xây dựng hệ thống các văn bản pháp luật nhằm tối đa hoá hiệu quả của việc xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH và phù hợp với các công ước Quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tuy nhiên, các văn bản này cũng có những ưu và nhược điểm cần phải làm rõ như sau:

Thứ nhất, về ưu điểm, Việt Nam đã nội luật hoá các nội dung về xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH được quy định trong Công ước CITES. Cụ thể, mục 4 Điều VIII của Công ước CITES quy định: “Ở nơi mà mẫu vật bị tịch thu theo biện pháp như đã nêu trong mục 1 của Điều này thì:¹ a. Mẫu vật sẽ được giao cho cơ quan thẩm quyền quản lý của nước tịch thu; b. Sau khi trao đổi ý kiến với quốc gia xuất, cơ quan thẩm quyền quản lý trên sẽ trả lại mẫu vật cho quốc gia đó và quốc gia này sẽ chịu tiền phí tổn, hoặc mẫu vật sẽ được trả lại cho trung tâm cứu nạn hay một nơi nào đó mà cơ quan thẩm quyền quản lý cho là thích hợp và phù hợp với mục tiêu của Công ước này, và c. Cơ quan thẩm quyền quản lý có thể xin ý kiến cơ quan thẩm quyền khoa học, hoặc tốt hơn cả là xin ý kiến Ban thư ký để quyết định theo mục (b) được dễ dàng, kể cả việc chọn các trung tâm cứu nạn hoặc địa điểm khác”. Hay tại mục 5 Điều VIII Công ước CITES cũng quy định về trung tâm cứu nạn như sau: “Trung tâm cứu nạn là một cơ sở do cơ quan thẩm quyền

¹ Mục 1, Điều VIII quy định các biện pháp như sau:

a, Xử phạt việc buôn bán hoặc lưu giữ các mẫu vật; hoặc cả hai.

b, Tịch thu hoặc trả lại cho nước xuất khẩu các mẫu vật đó.

quản lý chọn lựa nhằm trông nom, chăm sóc các mẫu vật sống, đặc biệt là những mẫu vật bị tịch thu”;

Những quy định nêu trên của Công ước CITES đã được nội luật hoá vào các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam như sau: Tại điểm d khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật”*. Tương ứng với quy định tại mục 4 điều VIII Công ước CITES, tại Điều 32 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP cũng đã quy định về việc xử lý mẫu vật bị tịch thu của các loài động vật NCQH thuộc phụ lục CITES như sau: *“1. Xử lý mẫu vật động vật sống, thực vật sống bị tịch thu theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.¹; 2. Xử lý mẫu vật bị tịch thu và có kết luận của cơ quan kiểm dịch xác nhận là mang dịch bệnh truyền nhiễm thì thực hiện việc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.”*

Ngoài ra, các quy định trên cũng được hướng dẫn chi tiết bởi Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP; Thông tư số 29/2019/TT- BNNPTNT... Như vậy, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống các quy phạm pháp luật phù hợp với quy định tại Công ước CITES.

Thứ hai, về nhược điểm: đối với các hệ thống các văn bản pháp luật trong nước, mặc dù Nhà nước đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH, tuy nhiên những văn bản này vẫn chưa thống nhất, chưa đảm bảo tính đồng bộ, xuất hiện một số quy định chồng chéo lẫn nhau gây khó khăn cho cá nhân, cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành xử lý vật chứng. Có thể lấy ví dụ như, về hình thức xử lý vật chứng, tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP có quy định về hình thức tiêu hủy vật chứng, nhưng tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP lại không đề cập đến hình thức xử lý này. Ngoài ra, các quy định về xử lý vẫn chung chung, chưa quy định rõ về hình thức xử lý trong từng trường hợp, chính vì lý do đó mà trên thực tế, khi áp dụng các quy định pháp luật và đưa ra bản án, các thẩm phán sẽ gặp khó khăn trong việc đưa ra quyết định, có Toà tuyên tịch thu vật chứng sung vào ngân sách Nhà nước, có Toà án tuyên giao cho cơ quan nghiên cứu, có Toà lại tuyên giao cho cơ quan kiểm lâm,... [9] Về thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH. Về bản chất, vật chứng loại này là tài sản công, thuộc nhóm đối tượng cần phải xác lập quyền sở hữu toàn dân [10]. Do đó, trước khi xử lý cần phải tuân theo các quy định về trình tự, thủ tục xác lập

¹ Khoản 1, điều 10 Nghị định 06/2019/NĐ-CP quy định các phương thức xử lý như sau:

a, Việc xử lý tịch thu phải chăm sóc mẫu vật, tránh rủi ro để mẫu vật bị chết;

b, Ngay sau xử lý mẫu vật theo quy định của pháp luật phải bàn giao cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để tổ chức chăm sóc và bảo quản mẫu vật. Đối với mẫu vật sống xử lý theo thứ tự ưu tiên sau: Thả lại môi trường tự nhiên phù hợp với sinh cảnh và phân bố tự nhiên của loài nếu mẫu vật khỏe mạnh; hoặc chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật hoặc vườn thực vật nếu mẫu vật yếu cần cứu hộ hoặc tiêu hủy.

quyền sở hữu toàn dân về tài sản và thủ tục xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Như đã phân tích ở mục 3.1, để xác lập quyền sở hữu toàn dân, phải trải qua rất nhiều giai đoạn và thủ tục khác nhau, dẫn tới việc thời gian làm những thủ tục này là không hề ngắn. Việc này ít nhiều làm ảnh hưởng tới quá trình xử lý vật chứng, nhất là với vật chứng được xử lý theo phương thức thả về tự nhiên vì thời gian chờ đợi càng lâu, các vấn đề về sức khỏe càng không được đảm bảo, hơn nữa một số đặc tính hoang dã của động vật có thể bị mất đi và khi trở về tự nhiên, động vật không thể thích nghi và tồn tại được.

Nhìn chung, pháp luật Việt Nam đã làm tốt trong việc đồng bộ và nội luật hoá các quy định tại Công ước CITES. Tuy nhiên, giữa các văn bản pháp luật trong nước vẫn tồn tại nhiều bất cập, chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất, nhiều quy định vẫn còn chồng chéo, gây khó khăn hoặc thậm chí là không thể đưa vào thực thi trong thực tế. Chính vì thiếu tính đồng bộ và sự rườm rà trong các văn bản quy phạm pháp luật như đã nêu ở trên, dẫn đến việc xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH chưa thực sự đạt được hiệu quả.

3.3. Thực trạng thực hiện pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam

Động vật rừng thuộc loài NCQH là những loài động vật đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng rất cao trong tự nhiên nên việc bảo vệ động vật rừng NCQH phải được diễn ra một cách nghiêm ngặt, bảo đảm môi trường sống và điều kiện của loài, nghiêm cấm các hành vi gây tổn hại đến sự tồn tại và phát triển của những loài động vật này. Chính bởi tầm quan trọng của động vật rừng NCQH với sự đa dạng sinh học nên hoạt động xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH cần phải được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, góp phần vào công tác bảo vệ động vật rừng NCQH. Có thể thấy rằng, mặc dù Việt Nam đã ban hành một hệ thống quy định, văn bản quy phạm pháp luật khá đầy đủ về hoạt động xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH nhưng trên thực tế hoạt động này chưa mang lại nhiều hiệu quả, tính khả thi chưa được đáp ứng. Trong công tác xét xử, các Tòa án chủ yếu căn cứ vào quy định BLTTHS và Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP để quyết định xử lý vật chứng. Đối với vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH về cơ bản đều được giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành trả về tự nhiên hoặc giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên hoặc vườn quốc gia [11].

Mỗi mẫu vật động vật rừng NCQH còn sống là loại vật chứng đặc biệt và có thể trạng khác nhau, chẳng hạn như động vật rừng sống có thể trạng tốt, động vật rừng mang mầm bệnh, động vật rừng ốm, yếu... Do đó, chế độ quản lý, xử lý của mỗi loại mẫu vật cũng khác nhau. Đối với hình thức xử lý thả lại động vật rừng về môi trường tự nhiên chỉ được áp dụng khi động vật rừng NCQH khỏe mạnh, mới bị bắt nhốt, có đánh giá của chuyên gia về khả năng sinh tồn của động vật rừng NCQH. Tuy nhiên, trong thực tiễn quá trình giải quyết vụ án hình sự kéo dài, nhiều loài động vật được nuôi nhốt bán hoang dã trước khi thả về tự nhiên bị chết hoặc do bị nuôi nhốt thời gian dài nên mất hết bản năng hoang

dã, tập tính tự nhiên hoặc thả động vật NCQH ngay sau khi bắt giữ, chưa kiểm tra, đánh giá sức khỏe động vật trước khi tái thả. Ngoài ra, do tình trạng thiếu kinh phí và sự chuẩn bị chưa thích hợp nên các hoạt động thả loài động vật rừng NCQH thường chưa mang lại kết quả mong muốn, không kiểm soát được sau khi tái thả. Ví dụ, thả động vật rừng không đúng vùng phân bố, gây ảnh hưởng xấu đến hệ động vật hiện tại của những nơi được tiếp nhận hoặc thả cả những cá thể đã mang mầm bệnh trong quá trình vận chuyển, nuôi giữ [12]. Hiện nay, việc thả động vật về môi trường tự nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được tiêu chuẩn do IUCN đặt ra.

Hình thức xử lý chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật tuy đã được quy định trong nghị định, thông tư nhưng để thực hiện trong thực tiễn là rất khó. Bởi nếu áp dụng hình thức cứu hộ thì hiện nay, trung tâm cứu hộ động vật rừng NCQH có số lượng ít, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn xử lý động vật rừng, nhiều trường hợp bắt giữ nhưng phải vận chuyển rất xa mới tới trung tâm cứu hộ. *“Hiện chỉ có một nơi được gọi là trung tâm cứu hộ động vật hoang dã tổng hợp, đó là Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã và kỹ thuật bảo vệ rừng đóng tại xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Các điểm cứu hộ khác trên cả nước chỉ chuyên sâu cứu hộ một số loài cụ thể như gấu, rùa, cây văn... Đây là đơn vị duy nhất trong cả nước thực hiện chức năng cứu hộ, bảo tồn, nhân nuôi sinh sản, tổ chức nghiên cứu khoa học, tham quan, quan hệ quốc tế”* [13]. Theo thống kê của tổ chức Wildlife Conservation Society – Chương trình Việt Nam (WCS Việt Nam), trên cả nước có 15 trung tâm cứu hộ trong đó có 5 trung tâm của tổ chức phi chính phủ và chỉ tập trung cứu hộ một số loài ưu tiên như gấu, tê tê, rùa, linh trưởng...¹ còn những trung tâm khác được quản lý bởi nhà nước thì hạn chế về cơ sở vật chất, kinh phí, nhân lực, phân bố không đều nên công tác xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH vẫn còn chậm và thiếu hiệu quả.

Khó khăn hơn cả là kinh phí để nuôi nhốt và tái thả động vật rừng thuộc loài NCQH về tự nhiên được thu giữ từ các trường hợp vi phạm, mặc dù đã được quy định trong khoản 3, Điều 4 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT là *“thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về tổ tụng hình sự”* nhưng hiện nay vẫn chưa có nguồn kinh phí chính thức cho việc này. Tháng 8/2021 tại Nghệ An, cơ quan công an đã bắt giữ 17 cá thể hổ bị nuôi nhốt trái phép trong nhà dân, các cá thể hổ không được trung tâm cứu hộ thuộc Nhà nước tiếp nhận phải gửi tại cơ sở tư nhân. Theo như cơ sở tư nhân có báo cáo thì chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốn kém: *“Tất cả con hổ đều khỏe mạnh, trong đó con nặng nhất gần 200kg. Bình quân mỗi con hổ tốn gần 2 triệu đồng mỗi ngày tiền thức ăn, công chăm sóc, chưa kể chi phí khác. 7 tháng qua, tổng kinh phí nuôi hổ lên đến hàng tỷ đồng. Số tiền này, khu sinh thái đang tự bỏ ra”* [14]. Vấn đề kinh phí nuôi dưỡng, chăm sóc các loài động vật rừng NCQH rất tốn kém, là một trong những

¹ Xem chi tiết danh sách Trung tâm cứu hộ tại Phụ lục 1

rào cản khiến cho nhiều đơn vị cứu hộ từ chối tiếp nhận. Để chăm sóc đúng với yêu cầu của từng loài động vật rừng sẽ phát sinh rất nhiều chi phí như thức ăn, thuê chuyên gia thú y, nhân lực chăm sóc còn rất hạn chế về chuyên môn và phụ thuộc vào nguồn quỹ phân bổ của tỉnh hàng năm. Trong khi đó, nguồn quỹ phân bổ cho lĩnh vực bảo vệ động vật NCQH vẫn chưa được chú trọng và nâng cao ở các tỉnh, thành phố. Hiện nay cũng có nhiều quan điểm cho rằng, để giải quyết bất cập trong kinh phí xử lý vật chứng đối với các loài động vật hoang dã nói chung có thể sử dụng phương pháp an tử. Theo nhóm tác giả, hoạt động xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH cần áp dụng chặt chẽ các hình thức xử lý theo luật định nhằm bảo vệ tối ưu tình trạng, đặc tính và số lượng loài động vật rừng NCQH. Bởi vậy, phương pháp an tử là không hợp lý trong công tác xử lý vật chứng và không phù hợp với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong bảo vệ đa dạng sinh học: “Ưu tiên bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện cho một vùng sinh thái, bảo tồn loài thuộc Danh mục loài NCQH được ưu tiên bảo vệ, bảo đảm kiểm soát việc tiếp cận nguồn gen”. (Khoản 1 Điều 5 Luật Đa dạng sinh học năm 2008)

Về nguồn và chất lượng nhân lực: lực lượng cán bộ kiểm lâm hiện nay hầu hết đều tốt nghiệp các chuyên ngành về lâm nghiệp nhưng chưa qua các khóa đào tạo, huấn luyện bài bản về thực thi pháp luật, kiến thức, kỹ năng để nhận diện, phân loại định danh các loài động vật rừng NCQH; chưa được đào tạo về thú y và không đủ chuyên môn chăm sóc động vật rừng NCQH. Ngoài những hạn chế về nhân lực, kinh phí thì điều kiện kỹ thuật trong hoạt động xử lý cũng rất nan giải: không đáp ứng tiêu chuẩn chuồng trại, kỹ thuật chăm sóc đối với từng loại động vật rừng NCQH. Ông Nguyễn Văn Thái - Giám đốc Trung tâm Bảo tồn động vật hoang dã Việt Nam cho biết: *“Đa số các trung tâm có diện tích chuồng trại có hạn, chỉ nhận được số lượng động vật nhất định, không thể tiếp nhận tất cả các cá thể động vật không có khả năng tái thả”* [15].

Đối với vườn thú tư nhân (trong trường hợp trung tâm cứu hộ không tiếp nhận) cũng tồn tại nhiều hạn chế. Mặc dù theo quy định pháp luật hiện hành, vườn thú tư nhân vì mục đích kinh doanh nên chưa có cơ sở pháp lý tiếp nhận động vật rừng thuộc loài NCQH khi cơ quan xử lý vật chứng trong tổ tụng hình sự. Tuy nhiên trong một số trường hợp, cơ quan bắt giữ vẫn phải huy động sự tham gia của vườn thú tư nhân. Việc giao nuôi dưỡng động vật rừng NCQH cho vườn thú tư nhân dẫn đến vấn đề khó giám sát, quản lý, có nguy cơ lợi dụng sự giao phó của cơ quan Nhà nước để hợp thức hóa động vật không rõ nguồn gốc. Một số vườn thú tư nhân chưa đảm bảo công tác kiểm tra sức khỏe và kiểm dịch thú, dẫn đến số lượng lớn động vật chết; công tác thiết kế, an toàn chuồng trại chưa kỹ lưỡng, tạo cơ hội thú xổng chuồng gây mất an toàn.

Đối với trụ sở của đơn vị kiểm lâm (trong trường hợp các trung tâm cứu hộ không tiếp nhận) thì có bất cập rất lớn về chuồng trại, kỹ thuật chăm sóc. Không đảm bảo về điều kiện chuồng trại, môi trường sinh sống. Mỗi loài động vật rừng NCQH lại có đặc

tính riêng và yêu cầu chăm sóc riêng, đòi hỏi phải qua công tác đào tạo thực tiễn mới có thể đảm bảo được thể chất, giống loài, đảm bảo đa dạng sinh học.

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động xử lý vật chứng đối với động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH trong nước đã để lại những hệ quả vô cùng đáng tiếc trong công tác bảo vệ động vật NCQH nói riêng và bảo vệ đa dạng sinh học nói chung. Ngoài ra, việc không có nơi tiếp nhận động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH sau khi thu giữ vừa làm ảnh hưởng đến quá trình tổ tụng hình sự, giải quyết vụ án nhanh chóng, chính xác, kịp thời vừa không đảm bảo môi trường sinh sống, điều kiện chăm sóc, ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học.

4. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ VẬT CHỨNG LÀ ĐỘNG VẬT RỪNG CÒN SỐNG THUỘC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM TRONG NƯỚC

4.1. Hoàn thiện pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm tại Việt Nam

Trong những năm trở lại đây, Nhà nước đã có sự quan tâm nhiều đến vấn đề bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ sự đa dạng sinh học. Việc ra đời của các quy định pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH trong nước đã có những tác động và ảnh hưởng nhất định tới việc bảo vệ các loài động vật này. Tuy nhiên, có thể thấy công tác thực hiện chưa thực sự đạt được hiệu quả mong muốn do các quy định còn rời rạc, có sự chông chéo, thiếu tính đồng bộ. Nhiều vấn đề phát sinh trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự đã và đang gây nhiều khó khăn, lúng túng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của mình. Chính vì vậy, cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống, thuộc loài NCQH theo các phương hướng, cụ thể như sau: (i) Đồng bộ hoá các văn bản quy phạm pháp luật, khắc phục những hạn chế của các quy định pháp luật; đối với những “kẽ hở”, cần phải đưa ra văn bản hướng dẫn cụ thể, tránh tình trạng mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng một hình thức khác nhau, tránh việc lợi dụng bất cập trong soạn thảo, xây dựng quy định để trục lợi cho bản thân, đe dọa đến sự tồn tại và phát triển của các loài động vật rừng NCQH; (ii) Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ hiểu biết, có năng lực chuyên môn sâu trong tiếp nhận, bảo quản, chăm sóc, cứu hộ, nuôi dưỡng động vật rừng NCQH; (iii) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, đồng thời phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan trong từng trường hợp, giai đoạn khác nhau của quá trình giải quyết vụ án; tăng cường hợp tác quốc tế.

Với các phương hướng nêu trên, các giải pháp để hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH bao gồm:

Thứ nhất, phải có quy định chi tiết về việc áp dụng các hình thức xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống, thuộc loài NCQH trong từng trường hợp, tránh việc xử lý thiếu

đồng bộ, mâu thuẫn giữa các cơ quan với nhau. Điều này đòi hỏi sự cần thiết phải xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật thống nhất, quy định rõ về các hình thức, trình tự, thẩm quyền xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH. Các quy định này phải phù hợp với thực tiễn, với hệ thống pháp luật quốc gia và các công ước mà Việt Nam đã ký kết. Bên cạnh đó, việc xây dựng toà án chuyên trách về môi trường ở Việt Nam là rất cần thiết trong bối cảnh thực trạng tình hình vi phạm pháp luật về môi trường ngày càng gia tăng nhưng công tác xét xử các loại tội phạm này vẫn còn hạn chế, đây là tiền đề quan trọng để nâng cao hiệu quả xét xử, góp phần tập trung, chuyên môn hoá đối với các cơ quan, người tiến hành tố tụng, thống nhất trong giải quyết các vụ án về môi trường nói chung và về động vật rừng NCQH nói riêng. Tuy nhiên, để có thể thực hiện được điều này ngay trong thời điểm hiện tại là rất khó, bởi lẽ hệ thống toà án ở Việt Nam đang được tổ chức theo các cấp hành chính, cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế, đòi hỏi trong thời gian tới cần có những bước chuẩn bị, hoàn thiện về tổ chức hoạt động và cơ sở hạ tầng.

Thứ hai, phải quy định rõ các cơ quan chuyên trách cụ thể là cơ quan nào và vai trò của cơ quan đó đối với việc xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH. Tránh quy định một cách chung chung, gây đùn đẩy lẫn nhau trong quá trình tiếp nhận, cứu hộ, bảo quản, nuôi dưỡng các loài động vật này. Đối với cơ quan mang tính đặc thù như kiểm lâm, cần quy định thêm các yêu cầu, điều kiện về đào tạo cán bộ kiểm lâm, đó là bắt buộc phải có hiểu biết, kiến thức, có chuyên môn đối với việc nhận biết, chăm sóc các loài động vật rừng NCQH. Xây dựng cơ chế khen thưởng, xử phạt hợp lý là một giải pháp tốt nhằm khuyến khích các cán bộ phát huy năng lực của mình trong công tác xử lý vật chứng, góp phần bảo vệ động vật hoang dã và sự đa dạng sinh học.

Thứ ba, đối với các vườn thú tư nhân, vì hoạt động mang tính chất thương mại, nên cũng cần quy định về các trường hợp mà vườn thú tư nhân được tham gia vào xử lý vật chứng là động vật rừng, còn sống thuộc loài NCQH. Ngoài ra, để huy động các vườn thú tư nhân tham gia và quá trình xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống, thuộc loài NCQH chúng ta cũng cần xây dựng thêm các chính sách ưu đãi cho các vườn thú này. Ở đây, nhóm tác giả đề xuất nghiên cứu, xây dựng các chính sách ưu đãi về miễn, giảm thuế, chính sách ưu đãi lãi suất hoặc tiếp cận nguồn vốn đầu tư nếu các vườn thú này có nhu cầu vay vốn đầu tư,...

Thứ tư, cần rút gọn, lược bớt những thủ tục không cần thiết trong công tác xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống, thuộc loài NCQH tránh việc các thủ tục quy định nhiều, quá phức tạp, gây khó khăn, làm chậm trễ trong công tác cứu hộ các loài động vật này.

4.2. Tăng cường, hoàn thiện các biện pháp bảo đảm

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến việc xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH, còn cần phải tăng cường, hoàn thiện các biện pháp bảo đảm để quy định pháp luật được áp dụng vào thực tiễn, mang lại hiệu quả

tốt nhất. Do đó, nhóm tác giả có đưa ra một số đề xuất tăng cường, hoàn thiện các biện pháp bảo đảm như sau:

i) Cần chú trọng đầu tư xây thêm các trung tâm cứu hộ động vật hoang dã, đặc biệt là ở những vùng được coi là điểm nóng phát hiện, bắt giữ và xử lý vi phạm về ĐVHD như: Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Ninh, Hồ Chí Minh, Sơn La... [16]. Đồng thời, bố trí mạng lưới các trung tâm cứu hộ phân bố đồng đều khắp cả nước sẽ giúp việc tiếp nhận, xử lý vật chứng được kịp thời, hiệu quả. Đây là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng để đảm bảo việc xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý hiếm đạt hiệu quả cao, tránh tình trạng thiếu cơ sở tiếp nhận động vật.

ii) Huy động sự tham gia của các vườn thú tư nhân dưới sự giám sát chặt chẽ của Nhà nước. Với tình hình tội phạm ngày càng gia tăng như hiện nay, số lượng vật chứng là động vật rừng còn sống, thuộc loài NCQH ngày càng nhiều. Nếu tận dụng được các vườn thú tư nhân thì sẽ là một tiềm năng rất lớn trong việc nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng. Do vậy, việc tích cực huy động sự tham gia của các vườn thú tư nhân là điều hoàn toàn cần thiết để tối đa hoá được nguồn lực sẵn có, tiết kiệm được chi phí, thời gian, nhân lực.

iii) Chú trọng đầu tư kinh phí, nhân lực, kỹ thuật vào công tác nuôi dưỡng, bảo vệ động vật hoang dã. Sẽ không thể phát huy được hiệu quả xử lý vật chứng nếu như không có đủ nguồn nhân lực có kiến thức, chuyên môn cũng như hạ tầng kỹ thuật hiện đại, tiên tiến. Tập trung đầu tư kinh phí nâng cao kiến thức chuyên môn về động vật hoang dã cho cán bộ ở các đơn vị có liên quan và nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật cho các trung tâm cứu hộ, các đơn vị tham gia vào quá trình xử lý vật chứng là vô cùng cần thiết.

5. KẾT LUẬN

Sau nhiều năm liên tiếp bị khai thác, săn bắn, buôn bán trái phép... nhiều loài động vật rừng NCQH đã và đang bị đẩy vào nguy cơ tuyệt chủng. Tình trạng này đặt ra một thách thức rất lớn trong việc bảo vệ các loài động vật rừng NCQH, nhất là trong bối cảnh tình hình tội phạm vi phạm pháp luật liên quan đến động vật hoang dã, động vật rừng NCQH ngày càng diễn biến phức tạp, tinh vi như hiện nay. Việc hoàn thiện quy định pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH là vô cùng cấp thiết. Việt Nam đã nội luật hoá các quy định của Công ước CITES, ban hành một loạt các văn bản hướng dẫn vấn đề xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài NCQH... Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số bất cập như: các văn bản pháp luật vẫn còn chồng chéo, chưa đồng bộ; các cơ sở tiếp nhận và xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý hiếm chưa đáp ứng đủ các yêu cầu về cơ sở vật chất; các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền xử lý vật chứng thì chưa có đủ trình độ chuyên môn về động vật rừng NCQH... Chính vì vậy, nhóm tác giả đã đề xuất các giải pháp để hoàn thiện vấn đề này bao gồm cả giải pháp về lập pháp lẫn các biện pháp bảo đảm. Về giải pháp lập pháp, nhóm tác giả cho rằng cần xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật thống nhất, quy định rõ

về các hình thức, trình tự, thẩm quyền xử lý vật chứng là động vật rừng NCQH; xác định rõ cơ quan chuyên môn có thẩm quyền giải quyết vấn đề này là cơ quan nào; rút gọn các thủ tục không cần thiết để đảm bảo việc xử lý vật chứng được diễn ra nhanh chóng... Về các biện pháp bảo đảm, nhóm tác giả đề xuất: xây dựng thêm các cơ sở cứu hộ, kêu gọi sự tham gia của các vườn thú tư nhân, đầu tư kinh phí nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất của các trung tâm cứu hộ cũng như nâng cao trình độ chuyên môn của các cán bộ phụ trách vấn đề này. Bằng tất cả tâm huyết, nhóm tác giả hi vọng rằng nghiên cứu này sẽ đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vật chứng là động vật rừng còn sống thuộc loài nguy cấp, quý hiếm và rộng hơn nữa là công cuộc bảo vệ động vật rừng, giảm thiểu tình trạng mất đi sự đa dạng sinh học cũng như cân bằng hệ sinh thái.

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH TRUNG TÂM CỨU HỘ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM

STT	Đơn vị	Loài cứu hộ
1	Chương trình Bảo tồn Thú ăn thịt và Tê tê Địa chỉ: Vườn quốc gia Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình Website: www.svw.vn	Thú ăn thịt Các loài tê tê
2	Trạm đa dạng sinh học Mê Linh của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật Địa chỉ: xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc Điện thoại: 083 320 3388	Các loài ĐVHD
3	Trung tâm Cứu hộ Linh trưởng Nguy cấp Địa chỉ: Vườn quốc gia Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình Điện thoại: 030 3848 002	Các loài linh trưởng
4	Chương trình Bảo tồn Rùa Cúc Phương Địa chỉ: Vườn quốc gia Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình Điện thoại: 030 3848 090	Các loài rùa
5	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội Địa chỉ: xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội Điện thoại: 04 3885 0294	Các loài ĐVHD
6	Thảo cầm viên Sài Gòn Địa chỉ: Nguyễn Bình Khiêm, Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: 08 3910 1439/08 6291 4425	Các loài ĐVHD
7	Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật Địa chỉ: Vườn quốc gia Phong Nha, huyện Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình Điện thoại: 0523 677 278	Các loài ĐVHD
8	Cơ sở bảo tồn gấu Ninh Bình của Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã Nước Việt (FourPaw) Địa chỉ: Bản Sầm, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình Điện thoại: 0229 3666 388 Trang facebook: facebook.com/BearSanctuaryNinhBinh	Các loài gấu

9	Trung tâm Cứu hộ Gấu Việt Nam của Tổ chức Động vật Châu Á (Animals Asia Foundation) Địa chỉ: Vườn quốc gia Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc Điện thoại: 02439289264 Website: www.animalsasia.org Trang facebook: www.facebook.com/animalsasiavietnam	Các loài gấu
10	Trạm cứu hộ động vật hoang dã Củ Chi do Chi cục Kiểm lâm TP. Hồ Chí Minh quản lý Địa chỉ: Ấp Chợ Cũ II, Xã An Nhơn Tây, Huyện Củ Chi, HCM Điện thoại: 28338552501 www.wildlifeatrisk.org	Các loài ĐVHD
11	Trạm cứu hộ động vật hoang dã Hòn Me do Chi cục Kiểm lâm Kiên Giang quản lý Địa chỉ: Ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Các loài ĐVHD
12	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Địa chỉ: Vườn quốc gia Pù Mát, xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An	Các loài ĐVHD
13	Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và Phát triển sinh vật, Vườn quốc gia Cát Tiên Địa chỉ: Vườn quốc gia Cát Tiên, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai Email: cattienwildlife@gmail.com	Các loài ĐVHD
14	Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và Phát triển sinh vật, Vườn quốc gia Chư Mom Ray Địa chỉ: Vườn quốc gia Chư Mom Ray, thôn 3, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	Các loài ĐVHD
15	Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và Phát triển sinh vật, Vườn quốc gia Bạch Mã Địa chỉ: Vườn quốc gia Bạch Mã, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Các loài ĐVHD

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] PBES (2019): Summary for policymakers of the global assessment report on biodiversity and ecosystem services of the Intergovernmental Science-Policy Platform on Biodiversity and Ecosystem Services. S. Díaz, J. Settele, E. S. Brondízio E.S., H. T. Ngo, M. Guèze, J. Agard, A. Arneth, P. Balvanera, K. A. Brauman, S. H. M. Butchart, K. M. A. Chan, L. A. Garibaldi, K. Ichii, J. Liu, S. M. Subramanian, G. F. Midgley, P. Miloslavich, Z. Molnár, D. Obura, A. Pfaff, S. Polasky, A. Purvis, J. Razzaque, B. Reyers, R. Roy Chowdhury, Y. J. Shin, I. J. Visseren-Hamakers, K. J. Willis, and C. N. Zayas (eds.). IPBES secretariat, Bonn, Germany, P.26.
- [2] Vietnamplus, Chung tay bảo vệ loài hoang dã ở Việt Nam: Đối mặt xu hướng suy giảm, <https://www.vietnamplus.vn/chung-tay-bao-ve-loai-hoang-da-o-viet-nam-doi-mat-xu-huong-suy-giam/714198.vnp> (accessed on: February, 20th, 2023).
- [3] Tạp chí điện tử Kiểm sát, Nghệ An: Hội thảo “Công bố báo cáo tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam”, <https://kiemsat.vn/nghe-an-hoi-thao-cong-bo-bao-cao-tinh-hinh-toi-pham-va-thuc-thi-phap-luat-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-tai-viet-nam-65090.html> (accessed on: February, 20th, 2023).
- [4] Thuaire B, Allanic Y, Hoàng Việt A, Lê Khắc Q, Lưu Hồng T, Nguyễn Thế C, Nguyễn Thị T (2021). Đánh giá đa dạng sinh học ở Việt Nam – Phân tích tác động từ một số lĩnh vực kinh tế. WWF- Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam, P.11.

- [5] Hilton-Taylor, C. & Brackett, D., 2000 IUCN red list of threatened species, IUCN International Union for Conservation of Nature. IUCN Species Survival Commission (SSC), Conservation International, United Kingdom, Department of the Environment, Transport and the Regions, BirdLife International, Canada, Canadian Wildlife Service, Canada, Natural Resources Canada, Center for Marine Conservation, US, Nature Conservancy, US. P.54.
- [6] Điều 4, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng NCQH và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã, nguy cấp.
- [7] Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng NCQH và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- [8] Trung tâm giáo dục thiên nhiên (ENV), Hướng dẫn thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã 2020, P. 27.
- [9] TS. Phạm Minh Tuyên, “Giám định, xử lý vật chứng, định giá động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm trong tố tụng hình sự – Vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện, Tạp chí Tòa án nhân dân, 2020” (<https://tapchitoaan.vn/giam-dinh-xu-ly-vat-chung-dinh-gia-dong-vat-hoang-da-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-trong-to-tung-hinh-su-vuong-mac-va-kiem-nghi-hoan-thien>) (accessed on: February, 20th, 2023).
- [10] Điểm b, Điều 3 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; xử lý với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.
- [11] ThS. Nguyễn Thị Tám, ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang, Thực trạng xét xử và khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật NCQH tại toà án nhân dân – Một số giải pháp, kiến nghị, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 13, Kỳ I tháng 7/2020, tr.16.
- [12] Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Văn Dũng, Nguyễn Văn Song, Hoàng Văn Thắng, Nguyễn Hữu Dũng, Phạm Ngọc Tuấn, Trần Thị Hoa và Đoàn Cảnh (2008). Báo cáo về đánh giá một số tác động về môi trường, kinh tế và xã hội của các chính sách quốc gia về buôn bán động vật, thực vật hoang dã ở Việt Nam. CRES/FPD/UNEP/CITES/IUED, Hà Nội, Việt Nam. P.31.
- [13] Báo Nhân dân, Cả nước chỉ có một trung tâm cứu hộ đúng nghĩa, <https://nhandan.vn/ca-nuoc-chi-co-mot-trung-tam-cuu-ho-dung-nghia- post581886.html> (accessed on: February, 20th, 2023).
- [14] VnExpress, Nghệ An bế tắc trong việc tìm nơi nuôi 8 con hổ, <https://vnexpress.net/nghe-an-be-tac-trong-viec-tim-noi-nuoi-8-con-ho- 4432552.html>, (accessed on: February, 20th, 2023).
- [15] Báo Tuổi trẻ, Vụ ‘giải cứu’ 17 con hổ nuôi nhốt: ‘Không thể thả về tự nhiên’, <https://tuoitre.vn/vu-giai-cuu-17-con-ho-nuoi-nhot-khong-the-tha-ve-tu-nhien- 20210807175348488.htm> (accessed on: February, 20th, 2023)
- [16] WCS Việt Nam (2022). Báo cáo Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021. WCS Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam, tr.8.

NUÔI DƯỠNG, BẢO QUẢN VÀ XỬ LÝ VẬT CHỨNG LÀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Hồ Thùy Huyền¹, Lý Thành Nhân²
(Được hướng dẫn bởi PGS.TS. Lê Huỳnh Tấn Duyệt)

Tóm tắt: Động vật hoang dã có vai trò vô cùng quan trọng đối với tự nhiên và môi trường. Khung pháp lý của Việt Nam để giải quyết vụ án hình sự về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã đã được xây dựng và dần hoàn thiện. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy vẫn còn nhiều bất cập liên quan đến việc bảo quản và xử lý vật chứng là động vật hoang dã dẫn đến những khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án hình sự về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã. Bài nghiên cứu sẽ tập trung phân tích các quy định về bảo quản và xử lý vật chứng là động vật hoang dã để tìm ra các điểm còn hạn chế, bất cập của chế định này và đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện.

Từ khóa: động vật hoang dã, bảo quản, xử lý, vật chứng, tố tụng hình sự, Việt Nam

1. DẪN NHẬP

Bảo vệ động vật hoang dã là một nhiệm vụ quan trọng góp phần bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ tính đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường nói chung. Khái niệm động vật hoang dã quy định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự [1] là các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp hoặc “động vật hoang dã khác” (các loài động vật rừng thông thường theo quy định của pháp luật và động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục III Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp) [2]. Một khái niệm mới nhất về động vật hoang dã được đưa ra [3] đó là những loài động vật, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau: Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES; Loài động vật rừng thông thường; Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.

¹ Sinh viên trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

² Sinh viên trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Có thể thấy, hiện nay các quy định pháp luật về động vật hoang dã Việt Nam được quy định tương đối hoàn thiện, việc bảo vệ động vật hoang dã không chỉ bao gồm các quy định trong các hoạt động phòng chống xử lý tội phạm xâm phạm mà còn bao gồm các hoạt động liên quan đến việc tàng trữ, lưu giữ động vật hoang dã, quý hiếm như xử lý vật chứng theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Giám định tư pháp; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; Thông tư số 14/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 47/2013/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành quy trình giám định pháp y; Chỉ thị số 28/2016/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài động vật hoang dã trái pháp luật; Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự; Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục, phương thức xử lý vật chứng là động vật rừng.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy một số quy định về xử lý vật chứng liên quan đến quá trình điều tra, truy tố còn nhiều bất cập khi áp dụng trong thực tiễn. Một số thủ tục, quy định liên quan đến công tác giám định, xử lý vật chứng đối với động vật hoang dã hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc khiến hiệu quả giám định, xử lý vật chứng chưa cao và chưa hỗ trợ được nhiều cho quá trình điều tra, xử lý các hành vi xâm phạm trong hoạt động buôn bán động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm trái phép ở Việt Nam. Ngoài ra, trong một số trường hợp còn ảnh hưởng trực tiếp tới tính mạng, sức khỏe của cá thể động vật hoang dã, ảnh hưởng đến sự toàn vẹn của vật chứng khi thiếu các quy định trực tiếp hướng dẫn trình tự, thủ tục nuôi dưỡng; bảo quản động vật hoang dã của cơ quan tạm giữ. Bài nghiên cứu sẽ tập trung phân tích các quy định về xử lý vật chứng là động vật hoang dã, việc nuôi dưỡng; bảo quản của cơ quan tạm giữ trước khi có quyết định xử lý vật chứng kết hợp với quá trình xử lý trên thực tế thông qua các bản án, bài báo của các cơ quan có thẩm quyền để tìm ra các điểm còn hạn chế, bất cập của chế định này và đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện quy định pháp luật. Qua đó, góp phần bảo vệ, phục hồi, khắc phục thiệt hại do các hành vi phạm tội gây ra cũng như chứng cứ chứng minh tội phạm.

2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NUÔI DƯỠNG ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ BẢO QUẢN, XỬ LÝ VẬT CHỨNG LÀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

2.1. Quy định về nuôi dưỡng động vật hoang dã là vật chứng trong vụ án hình sự

Nuôi dưỡng động vật hoang dã còn sống cũng có thể được xem là một hình thức của bảo quản vật chứng trong tố tụng hình sự, góp phần bảo đảm giá trị chứng minh của

chứng cứ. Bên cạnh tầm quan trọng của việc xử lý động vật hoang dã sau khi có quyết định xử lý vật chứng trong vụ án hình sự thì việc nuôi dưỡng chúng trong quá trình tạm giữ cũng đóng một vai trò không nhỏ làm căn cứ để xử lý vụ án hình sự nói riêng cũng như công cuộc duy trì, bảo tồn động vật hoang dã nói chung. Bởi trong thực tiễn hiện nay, trong quá trình tạm giữ động vật hoang dã để chờ quyết định xử lý không ít những vụ việc do sự yếu kém trong khâu nuôi dưỡng, bảo quản đã dẫn đến việc động vật hoang dã bị chết hay chờ chết trước khi được giao trả về cho cơ quan có thẩm quyền.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT [4] thì trong thời điểm này, trách nhiệm nuôi dưỡng động vật rừng còn sống là vật chứng của vụ án hình sự thuộc về cơ quan tạm giữ động vật rừng. Ngoài ra, cơ quan này còn phải có biện pháp nuôi dưỡng phù hợp với đặc điểm của từng loài động vật rừng và bảo đảm vệ sinh, an toàn cho người lẫn động vật rừng. Mặc dù không có bất kì một quy định cụ thể nào về trách nhiệm, điều kiện nuôi động vật hoang dã khi còn sống của cơ quan tạm giữ nhưng có thể căn cứ theo quy định về điều kiện nuôi các loài động vật hoang dã đối với trường hợp không vì mục đích thương mại tại Điều 14 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP để làm tiêu chuẩn tối thiểu mà cơ quan tạm giữ có trách nhiệm trong quá trình nuôi dưỡng động vật hoang dã chờ quyết định xử lý vật chứng.

Tuy nhiên trong trường hợp cơ quan tạm giữ động vật hoang dã không có đủ điều kiện về cơ sở, trang thiết bị để nuôi dưỡng động vật thì phải chuyển giao động vật cho cơ sở có điều kiện để nuôi dưỡng, bảo quản trong thời gian chờ quyết định xử lý căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT. Việc nuôi dưỡng này được thực hiện bởi cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh hoặc cơ quan kiểm lâm cấp huyện tùy vào cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh hay cấp huyện ra quyết định tịch thu; vườn thú do Nhà nước quản lý; các cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, viện nghiên cứu chuyên ngành; bảo tàng thiên nhiên Việt Nam [5].

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP về kinh phí nuôi dưỡng động vật hoang dã là tang vật, vật chứng trong quá trình tạm giữ được thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về tố tụng hình sự. Cụ thể như sau:

Trường hợp động vật hoang dã được xử lý bán: Nguồn kinh phí để chi trả được sử dụng từ số tiền thu được do bán tài sản đã nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan nhà nước (Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch) được mở tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp số tiền thu được do bán tài sản không đủ để thanh toán các khoản chi phí mà tài khoản tạm giữ theo dõi riêng đối với cơ quan, đơn vị xử lý tài sản còn số dư thì được sử dụng để hỗ trợ thanh toán các khoản chi phí, nếu thiếu thì đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Trường hợp động vật hoang dã được xử lý theo hình thức chuyển giao cho các cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý: Các chi phí phát sinh trước khi có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền được lấy từ ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của đơn vị được giao chủ trì quản lý tài sản để đảm bảo kinh phí thực hiện việc xử lý tài sản. Các chi phí phát sinh từ khi có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền đến khi hoàn thành việc bàn giao: do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả.

Trường hợp động vật hoang dã được xử lý theo hình thức khác: nguồn kinh phí được lấy từ ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của đơn vị được giao chủ trì quản lý tài sản để đảm bảo kinh phí thực hiện việc xử lý tài sản.

2.2. Quy định về bảo quản vật chứng là động vật hoang dã đã chết, bộ phận và sản phẩm của chúng trong vụ án hình sự

Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 90 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì trong giai đoạn điều tra cơ quan tạm giữ là cơ quan công an nhân dân, quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng. Cụ thể, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT cũng quy định cơ quan tạm giữ là cơ quan có trách nhiệm trong việc bảo quản động vật rừng đã chết, bộ phận cơ thể, sản phẩm của động vật rừng. Tuy nhiên lại không có bất kỳ điều luật nào quy định cụ thể về các tiêu chuẩn, điều kiện hay yêu cầu đặt ra đối với cơ quan tạm giữ đối với việc bảo quản trong trường hợp là động vật đã chết hay đối với sản phẩm, bộ phận của động vật hoang dã. Theo khoản 2 Điều 90 Bộ luật Tố tụng hình sự, về nguyên tắc, cơ quan tạm giữ có trách nhiệm bảo quản vật chứng không để mất mát, hư hỏng, tiêu dùng, sử dụng trái phép, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại vật chứng của vụ án. Tuy nhiên, do tính chất đặc biệt, đa dạng của động vật hoang dã nên trong trường hợp không đảm bảo điều kiện bảo quản có thể khiến bộ phận, sản phẩm động vật hoang dã bị phân hủy, hư hỏng từ đó không đảm bảo được tính toàn vẹn, tính xác thực của vật chứng đối với vụ án hình sự cũng như các giá trị khác mà không có một quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện việc bảo quản vật chứng là động vật hoang dã đã chết, bộ phận, sản phẩm của cơ quan tạm giữ chờ quyết định xử lý vật chứng. Sự thiếu vắng các quy định về điều kiện tối thiểu để cơ quan tạm giữ được bảo quản vật chứng trong khi chờ quyết định xử lý vật chứng đã không đảm bảo vật chứng được bảo quản và có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự và phục vụ các giá trị khác sau khi có quyết định xử lý.

2.3. Quy định về xử lý vật chứng là động vật hoang dã trong vụ án hình sự

Mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không đưa ra khái niệm “xử lý vật chứng”. Nhưng theo Từ điển Luật học định nghĩa: “Xử lý vật chứng là xem xét, giải quyết vật chứng đã thu thập được” [6]. Qua đó có thể thấy bản chất của quá trình xử lý vật chứng

trong tố tụng hình sự là hoạt động tiếp theo của quá trình thu thập, kiểm tra, đánh giá vật chứng, đảm bảo cho vật chứng không bị mất đi giá trị chứng minh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

2.3.1. Thời điểm và thẩm quyền xử lý vật chứng là động vật hoang dã

i. Thời điểm và thẩm quyền xử lý vật chứng là động vật hoang dã trong trường hợp thông thường

Thẩm quyền xử lý vật chứng trong vụ án hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các cơ quan có thẩm quyền không chỉ thực hiện trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử mà còn có thẩm quyền xử lý khi vụ án kết thúc. Có thể hiểu rằng, đối với việc xử lý vật chứng trong quá trình giải quyết khi vụ án không đình chỉ, thẩm quyền xử lý vật chứng thuộc về các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và các cơ quan tiến hành tố tụng. Để nhận định một cách đầy đủ và chính xác về hoạt động xử lý vật chứng thì việc xử lý vật chứng không chỉ là nhiệm vụ của giai đoạn xét xử mà việc này đòi hỏi phải được giải quyết ở các giai đoạn khác nhau của quá trình tố tụng. Trước giai đoạn xét xử, vụ án đang ở giai đoạn nào thì sẽ do cơ quan có thẩm quyền ở giai đoạn đó tiến hành.

Khi tiếp nhận những vật chứng, đặc biệt là động vật hoang dã, người tiến hành tố tụng phải lập biên bản thể hiện việc giao nhận, thể hiện rõ thực trạng vật chứng, tên, loại, số lượng, đặc điểm của chúng, đồng thời phải xác minh, tiến hành làm rõ [7]. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án phải đem tất cả các vật chứng thu thập được ghi vào phần quyết định của bản án, việc thi hành quyết định sẽ do cơ quan thi hành án thực hiện khi bản án có hiệu lực. Tóm lại, việc xử lý vật chứng được thực hiện xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, tùy vào từng giai đoạn mà thẩm quyền xử lý vật chứng do các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử thực hiện, những quyết định của các chủ thể có thẩm quyền phải dựa trên căn cứ do pháp luật hình sự và tố tụng hình sự quy định.

ii. Thời điểm và thẩm quyền xử lý vật chứng là động vật hoang dã trong trường hợp vụ án bị đình chỉ

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, thẩm quyền xử lý vật chứng được quy định như sau:

- Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra (theo quy định về đình chỉ điều tra tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015)

- Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố (theo quy định về đình chỉ vụ án tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015)

- Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; (theo quy định về đình chỉ vụ án tại Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015)

- Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử.

Có thể thấy, vụ án được đình chỉ ở giai đoạn nào thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án đó quyết định. Ở giai đoạn điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra có quyền thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, đối với chứng cứ, vật chứng là động vật hoang dã cũng không là ngoại lệ, ở giai đoạn này, khi vụ án đình chỉ ở giai đoạn điều tra thì cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra có thẩm quyền xử lý. Ở giai đoạn truy tố, hoạt động của Viện kiểm sát mang tính chất kiểm tra hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ về vụ án của cơ quan điều tra.

iii. Thời điểm và thẩm quyền xử lý vật chứng là động vật hoang dã trong trường hợp tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố

Theo khoản 2 Điều 145 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố gồm: cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và cơ quan, tổ chức khác. Về mặt thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố: cơ quan điều tra giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo thẩm quyền điều tra của mình, Viện kiểm sát có trách nhiệm tiếp nhận mọi kiến nghị khởi tố, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm theo thẩm quyền điều tra của mình.

Có thể thấy, theo Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC) thì công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an, Trạm Công an; Tòa án các cấp; Cơ quan báo chí và các cơ quan, tổ chức khác [8]. Việc quy định này đã giúp mở rộng phạm vi của các cơ quan tiếp nhận, từ đó, việc nhận được các nguồn tin tố giác nhanh chóng và việc cung cấp thông tin từ người dân dễ dàng hơn. Điều này cũng không ngoại trừ đối với động vật hoang dã, khi tiếp nhận nguồn tin tố giác về các tội phạm liên quan đến động vật hoang dã, người dân có thể khai báo qua nhiều kênh khác nhau. Sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, các cơ quan này phải lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

2.3.2. Biện pháp xử lý vật chứng là động vật hoang dã

Đối với việc xử lý động vật hoang dã là vật chứng trong các vụ án vi phạm quy định về động vật hoang dã, theo điểm d khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: *“Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật”*. Quy định này bao quát các trường hợp khác nhau, không đề ra cách xử lý đối với từng trường hợp nhưng không quy định ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan nào. Vật chứng là động vật hoang dã và vật chứng thuộc loại mau hỏng

hoặc khó bảo quản cũng được quy định là một dạng vật chứng đặc biệt theo Nghị định số 127/2017/NĐ-CP [9]. Theo đó, mọi vật chứng sau khi thu thập phải được niêm phong, trừ một số trường hợp, trong đó có động vật, thực vật sống và vật chứng thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản. Những quy định này chưa đề cập đến trường hợp vật chứng là động vật chết hoặc các bộ phận của động vật hoang dã thì có được xem là mau hỏng hay khó bảo quản hay không.

Việc xử lý vật chứng còn được hướng dẫn theo khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP về việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ trong vụ án, vụ việc tạm đình chỉ như sau:

- Việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ trong vụ án, vụ việc tạm đình chỉ được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 90 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trường hợp xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ có tính chất phức tạp thì các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trao đổi, thống nhất bằng văn bản biện pháp xử lý trước khi ra quyết định xử lý.

- Quyết định xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ được gửi ngay cho cơ quan quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ, người có liên quan để thực hiện. Trường hợp tạm đình chỉ vụ án, vụ việc nhưng không xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ thì cơ quan ra quyết định thông báo cho cơ quan quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ để tiếp tục bảo quản.

Tại Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng hai tội danh vi phạm quy định bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm, quy định về việc xử lý vật chứng tại Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo đó, việc xử lý chia thành 3 trường hợp là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống; cá thể động vật chết hoặc sản phẩm động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản và vật chứng khác. Đối với mỗi đối tượng vật chứng động vật hoang dã khác nhau lại có những cách xử lý khác nhau:

Trường hợp thứ nhất, khi vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống thì ngay sau khi có kết luận giám định phải thông qua một cơ quan trung gian là “cơ quan chuyên ngành” để cơ quan này trả động vật hoang dã về tự nhiên hoặc giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên cách quy định này hiện nay vẫn còn một số bất cập như Nghị định không hướng dẫn một cách chi tiết trường hợp nào thì “cơ quan chuyên ngành” sẽ trả về tự nhiên, trường hợp nào sẽ giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên..., trường hợp nào sẽ giao cho cơ quan, tổ chức khác. Việc không có hướng dẫn chi tiết như vậy khiến cơ quan có thẩm quyền khi xử lý vật chứng là chậm

trễ, lúng túng khi lựa chọn phương thức và đưa ra quyết định cuối cùng. Hiện chưa có văn bản nào quy định về cơ quan quản lý chuyên ngành nên rất khó khăn trong việc bàn giao vật chứng vì để bàn giao vật chứng, bắt buộc phải làm thủ tục bàn giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành, sau đó cơ quan này mới bàn giao cho các cơ quan như Trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Rõ ràng đây là thủ tục hành chính sẽ mất nhiều thời gian, dẫn đến việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã, quý hiếm không kịp thời, dẫn đến động vật có thể bị chết hoặc yếu đi khi được thả về với thiên nhiên chưa chắc đã sống được [10]. Ở đây, nhóm nghiên cứu cho rằng, đối với cá thể động vật sống, cơ quan quản lý chuyên ngành cần được quy định là cơ quan như: cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT. Đối với cá thể động vật chết, hoặc sản phẩm của động vật cần tiêu hủy thì cơ quan quản lý chuyên ngành là thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật rừng ban hành quyết định tiêu hủy động vật rừng theo quy định tại khoản 3, Điều 15, Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT.

Trường hợp thứ hai, khi vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì có hai phương án xử lý là tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP. Việc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT. Theo đó cơ quan, đơn vị tiếp nhận là cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật. Còn về trình tự, thủ tục để thực hiện việc tiêu hủy động vật được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Thông tư trên. Bộ phận động vật hoang dã được hiểu là bất kỳ thành phần nào như (sừng, đuôi,...) ở dạng thô hay đã qua sơ chế (bảo quản, làm bóng...) có khả năng nhận dạng được của loài đó căn cứ theo khoản 5 Điều 3 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP. Còn sản phẩm động vật hoang dã là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...); động vật thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con; vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến (ví dụ: cao nấu từ xương động vật hoang dã; túi xách, ví, dây thắt lưng làm từ da động vật hoang dã) căn cứ theo khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP. Tóm lại có thể hiểu một cách đơn giản vật chứng là bộ phận của động vật hoang dã là bất kỳ bộ phận nào của động vật hoang dã đang ở dạng thô và chưa được xử lý, chế biến, còn sản phẩm động vật hoang dã cũng là bộ phận động vật hoang dã nhưng đã qua chế biến, xử lý phục vụ cho mục đích tiêu dùng của con người.

Trường hợp thứ ba, đối với vật chứng không thuộc trường hợp tại điểm a và điểm b, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NĐ-CP thì chỉ có hai hướng xử lý là tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định pháp luật. Vật chứng khác ở đây có thể hiểu là vật chứng không thuộc 2 trường hợp động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống và vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản. Tuy nhiên, vật chứng là động vật hoang dã là loại vật chứng đặc biệt và rất đa dạng, có thể là động vật sống, động vật đã chết, động vật mang mầm bệnh, động vật ốm, yếu, sản phẩm; động vật được phép nuôi, kinh doanh, động vật không được phép nuôi, kinh doanh; sản phẩm của động vật hoang dã cũng rất nhiều loại có sản phẩm thì phải bảo quản ở môi trường đặc biệt như thịt, có sản phẩm có thể bảo quản ở môi trường thông thường như: sừng, vảy, xương, cao... Do đó, chế độ bảo quản, quản lý, xử lý của mỗi loại vật chứng cụ thể là khác nhau [11]. Vậy các trường hợp động vật còn sống như trên có phải chỉ được xử lý theo quy định tại điểm a hay không, hay chỉ bao gồm động vật sống khỏe mạnh và các trường hợp còn lại xử lý theo điểm c là “vật chứng khác”?

Việc không quy định cụ thể khái niệm “vật chứng khác” cũng như hướng xử lý cụ thể đối với các trường hợp động vật còn sống khác nhau có thể khiến việc nhầm lẫn giữa hướng xử lý tại điểm a và điểm c Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP. Bởi nếu động vật còn sống thuộc trường hợp cụ thể là động vật mang mầm bệnh hoặc động vật ốm, yếu hoặc động vật bị thương tật không thuộc trường hợp tại điểm a, điểm b và được xử lý theo hình thức tại điểm c bằng việc tịch thu hoặc tiêu hủy. Việc các thể động vật hoang dã ốm, yếu cần được một cơ quan quản lý chuyên ngành thăm, khám chữa bệnh hay điều trị; hoặc ngay cả trong trường hợp đó là một cá thể mang mầm bệnh không đồng nghĩa với việc phải tịch thu hoặc tiêu hủy theo hướng giải quyết tại điểm c mà có thể được đánh giá mức độ nhiễm bệnh bởi các cơ quan thú y, cơ quan cứu hộ, từ đó đưa ra phương án chữa bệnh hay buộc phải tiêu hủy hoặc bị thương tật, trong trường hợp này, động vật sẽ được xử lý theo biện pháp cứu hộ tại Điều 12, Thông tư liên tịch số 29/2019. Ngoài ra, như đã phân tích ở trường hợp 2 thì vật chứng là “bộ phận động vật hoang dã” không thuộc đối tượng xử lý theo điểm b nên sẽ được xử lý bằng cách tịch thu hoặc tiêu hủy theo điểm c Điều 7 Nghị quyết này. Nhận thấy, bộ phận động vật hoang dã ngoài những giá trị về vật chất còn có giá trị trong việc nghiên cứu khoa học, trưng bày nên ngoài hướng xử lý tịch thu, tiêu hủy có thể giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, trưng bày, lưu giữ hiện vật. Mặc dù tại điểm c, khoản 1, Điều 7, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP có quy định việc “giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành” nhưng quy định này còn chung chung và chưa rõ hướng xử lý.

Ngoài hướng dẫn xử lý động vật hoang dã tại Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP còn Nghị định số 06/2019/NĐ-CP tại điểm b khoản 1 Điều 10 hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục xử lý vật chứng của các loại động vật hoang dã khác nhau như quy

định về việc xử lý mẫu vật các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm sau tịch thu theo thứ tự ưu tiên như sau: Thả lại môi trường tự nhiên phù hợp với sinh cảnh và phân bố tự nhiên của loài nếu mẫu vật khỏe mạnh; Chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật nếu mẫu vật yếu cần cứu hộ hoặc tiêu hủy; Xem xét, quyết định việc trả lại mẫu vật cho nước xuất xứ đối với mẫu vật quy định tại các Phụ lục CITES xác định được nước xuất xứ.

Quy định về xử lý vật chứng theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP và Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP có một số điểm khác biệt. Về đối tượng áp dụng, tại Điều 7 Nghị quyết số 05 và Điều 10, Điều 32 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP đều quy định về cách thức xử lý mẫu vật của các loài động vật hoang dã, nguy cấp. Có thể thấy, về phạm vi áp dụng, Điều 7 của Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP quy định về cá thể và sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm, còn phạm vi tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP quy định về các mẫu vật của các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm sau tịch thu. Qua đó, có thể thấy, quy định về mẫu vật tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP rộng hơn, bao hàm cá thể động vật hoang dã còn sống hay đã chết. Mặt khác, theo khoản 6, Điều 4, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, mẫu vật của các loài động vật không được quy định là bao gồm sản phẩm, nhưng bao gồm trứng, ấu trùng, bộ phận, dẫn xuất của các cá thể động vật đó. Có thể thấy, quy định về mẫu vật và dẫn xuất của các mẫu vật bao quát hơn quy định tại Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP.

Về trình tự xử lý vật chứng, tại Điều 7 Nghị quyết số 05/2018, việc xử lý vật chứng được phân chia theo đặc điểm của vật chứng bao gồm: còn sống, đã chết, sản phẩm mau hỏng, khó bảo quản. Trong khi tại Điều 10, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, việc xử lý được ưu tiên theo tình trạng sức khỏe của động vật (mẫu vật khỏe mạnh, mẫu vật yếu, cần cứu hộ hoặc tiêu hủy).

Về cơ quan tiếp nhận, theo Điều 7 nói trên: các cá thể động vật hoặc sản phẩm được giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc cơ quan chuyên trách về động vật hoang dã (giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác); trong khi tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP lại quy định việc bàn giao cho cơ quan kiểm lâm để chăm sóc và bảo quản, thả lại tự nhiên mà không có cơ quan kiểm soát; nếu mẫu vật yếu mới chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật. Ngoài ra, tại khoản 2, Điều 32 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP còn đặt ra quy định đối với mẫu vật bị tịch thu mang dịch bệnh truyền nhiễm, và các cách thức xử lý khác đối với các mẫu vật của các loài Nhóm IA, IIB như: chuyển giao cho tổ chức khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành để trưng bày, bán đấu giá theo quy định. Trong khi Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, việc tiêu hủy chỉ là biện pháp cuối cùng đối với các mẫu vật.

Như vậy, quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP đã quy định bao quát về nhiều mặt hơn so với Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP về quá trình xử lý vật chứng. Tuy nhiên,

nhóm nghiên cứu cũng cho rằng, việc quy định theo tính chất của các cá thể động vật là dễ dàng hơn trong việc phân loại khi tiếp nhận. Ngoài ra, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, nếu chỉ quy định việc bàn giao ngay sau khi xử lý cho một cơ quan duy nhất là cơ quan kiểm lâm thì không đủ chuyên môn để xử lý, mà cần quy định việc bàn giao cho các cơ quan chuyên ngành khác để có hướng xử lý và điều kiện xử lý kịp thời.

3. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ VƯỚNG MẮC TRONG THỰC TIỄN XỬ LÝ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

3.1. Chưa có quy định cụ thể về điều kiện nuôi dưỡng động vật hoang dã trong quá trình xử lý vật chứng

Mặc dù đã có quy định về điều kiện nuôi dưỡng thông thường đối với động vật hoang dã, nguy cấp tại Điều 14 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, nhưng không có quy định về điều kiện nuôi dưỡng đối với động vật hoang dã trong quá trình xử lý vật chứng. Pháp luật về việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã ở Việt Nam tuy đã cơ bản đầy đủ, nhưng còn tản mạn và thiếu hệ thống. Các quy định về xử lý vật chứng của cơ quan tạm giữ trước hay sau khi có quyết định xử lý vật chứng nằm rải rác trong các văn bản khác nhau như Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT không tránh khỏi sự khó khăn trong quá trình áp dụng. Ngoài ra, việc chỉ quy định trách nhiệm nuôi dưỡng của cơ quan tạm giữ động vật hoang dã là vật chứng của vụ án hình sự nhưng không có một quy định cụ thể nào về trình tự, thủ tục thực hiện hay thế nào là biện pháp phù hợp với đặc điểm từng loài của cơ quan tạm giữ đối với động vật hoang dã.

3.2. Không quy định cơ quan có thẩm quyền nuôi dưỡng, không quy định trách nhiệm của cơ quan tạm giữ khi việc tạm giữ ảnh hưởng đến động vật hoang dã

Thực tiễn xử lý vật chứng trong các vụ án hiện nay xuất hiện các trường hợp bàn giao động vật hoang dã trực tiếp cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia mà không thông qua một cơ quan quản lý chuyên ngành như quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP. Cụ thể theo Bản án số 113/2018/HSST ngày 12/09/2018 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Hà Nội xử lý về tội vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm [12] tại Điều 244 Bộ luật Hình sự thì vật chứng bao gồm hai cá thể Culi lớn còn sống (tên khoa học *Nycticebus Bengalensis*). Tuy nhiên hướng xử lý của cơ quan tạm giữ là tiếp tục giao cho Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội quản lý theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Theo hướng xử lý trên của tòa, thì trung tâm cứu hộ động vật hoang dã là cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP thì việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã còn sống phải thông qua một cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan này mới giao cho trung tâm cứu hộ. Do

đó, trường hợp này, nếu trung tâm cứu hộ động vật không là cơ quan chuyên ngành thì còn cần phải giao cho một cơ quan chuyên ngành khác nữa. Theo Bản án số 45/2021/HSST ngày 30/11/2021 [13], trong quá trình tạm giữ, bảo quản tại Hạt kiểm lâm huyện Cư Jú, ngày 08/02/2021 phát hiện 01 cá thể Kỳ đà vân đã chết, nguyên nhân chết do trong quá trình bảo quản, chăm sóc đã không đáp ứng được yêu cầu về điều kiện nuôi nhốt, kỹ thuật chăm sóc, môi trường sống, thức ăn... không phù hợp với tập tính của loài, thời gian nuôi nhốt kéo dài dẫn đến tình trạng bị chết. Ngày 07/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jú ra Quyết định xử lý vật chứng số 38/CSĐT đối với 17 cá thể Kỳ đà vân bằng cách thả về môi trường tự nhiên đối với 16 cá thể.

Bình luận: Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT, việc nuôi dưỡng, tạm giữ động vật rừng thuộc trách nhiệm của cơ quan tạm giữ động vật rừng đối với vật chứng của vụ án hình sự. Cơ quan tạm giữ có trách nhiệm nuôi dưỡng động vật rừng còn sống và có biện pháp nuôi dưỡng phù hợp với đặc điểm từng loài động vật rừng, bảo đảm vệ sinh, an toàn cho người và động vật rừng. Nếu cơ quan tạm giữ không đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng thì có thể chuyển giao đến các cơ quan: cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật tiếp nhận động vật rừng chuyển giao theo khoản 1, Điều 6, Thông tư nói trên. Cơ quan kiểm lâm theo Điều 5 của Thông tư trên chỉ là cơ quan tiếp nhận động vật rừng là tang vật trong vi phạm hành chính và phải thực hiện việc chuyển giao cho cơ quan, người có thẩm quyền theo phương thức xác lập quyền sở hữu toàn dân. Trường hợp của bản án trên không thể áp dụng Điều 6 của Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT vì phạm vi của quy định này được quy định với vật chứng của vụ án hình sự chuyển giao theo quyết định xử lý vật chứng, còn trường hợp này, khi cá thể Kỳ đà vân chết mới có quyết định xử lý vật chứng. Mặt khác, trường hợp cơ quan tạm giữ không có điều kiện nuôi dưỡng, bảo quản động vật rừng thì phải chuyển giao động vật rừng cho cơ sở có điều kiện để nuôi dưỡng, bảo quản trong thời gian chờ quyết định xử lý của người có thẩm quyền.

3.3. Khó khăn khi xử lý vật chứng trong trường hợp tố giác, kiến nghị khởi tố

Theo quy định tại khoản 2, Điều 145, Bộ luật Hình sự năm 2015, ở một số địa phương cơ quan điều tra và cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra trong quá trình hoạt động đã thu giữ cá thể động vật hoang dã. Nhưng khi xử lý tội phạm này nhất thiết phải xác định tên, loài cá thể để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13/12/2017 quy định có 06 trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định thì “động vật hoang dã” không thuộc trường hợp bắt buộc hoặc cần thiết phải trưng cầu giám định. Ngoài ra, các quy định tại Điều 7, Nghị quyết số 05/2018/NQ-

HTDP về xử lý vật chứng không bắt buộc phải giám định sau khi tiếp nhận. Từ đó, có thể thấy sự thiếu thống nhất, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vướng mắc khi xử lý các vụ án, vụ việc liên quan đến động vật hoang dã.

Ngoài ra, đối với những tội phạm xâm hại động vật hoang dã, quá trình xác minh có nhiều tình tiết phức tạp, việc khai báo có thể gặp nhiều khó khăn do tội phạm di chuyển tại nhiều khu vực, thì việc xác minh và giải quyết nguồn tin tố giác, tin báo trong thực tiễn mất nhiều thời gian để tiến hành nhưng quy định hiện nay chỉ quy định thời hạn 20 ngày cho việc ra quyết định. Cụ thể, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định: quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định không khởi tố vụ án hình sự; quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng. Qua các vụ việc thực tiễn, cho thấy thời hạn kiểm tra, xác minh đối với các vụ việc về động vật hoang dã cần nhiều thời gian hơn, đặc biệt là thời gian giám định đối với các thông tin từ nguồn tin tố giác trong thời gian trước khi khởi tố. Thẩm quyền xử lý vật chứng sẽ tùy thuộc vào cơ quan có thẩm quyền đối với từng giai đoạn tố tụng. Vậy trong trường hợp người tố giác, kiến nghị khởi tố cung cấp vật chứng là động vật hoang dã nhằm chứng minh cho hành vi phạm tội của người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố nhưng khi hết thời hạn giải quyết việc tố giác, kiến nghị khởi tố không có quy định về cơ quan nào có thẩm quyền xử lý vật chứng. Nhưng trên thực tế, hoạt động giám định đã được thực hiện trước khi khởi tố vụ án nên trường hợp này, hướng xử lý vẫn là giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền sau khi có kết luận giám định.

3.4. Về sự không thống nhất trong cách xử lý của Tòa án

Qua khảo sát về thời điểm xử lý vật chứng là động vật hoang dã chưa có sự nhất quán giữa các địa phương. Cụ thể: có địa phương xử lý tang vật, vật chứng ngay sau khi có kết quả giám định với 71/128 vụ (chiếm 55,4%), có địa phương do Tòa án quyết định ở giai đoạn xét xử với 40/128 vụ (chiếm tỉ lệ 31,3%); số còn lại vật chứng được chuyển đến cơ quan thi hành án dân sự để xử lý 20/128 vụ (chiếm tỉ lệ 15,63%) [14]. Việc bảo vệ sự sống các cá thể động vật hoang dã và bảo quản bộ phận, các sản phẩm từ động vật là vai trò quan trọng nhất trong các vụ án liên quan đến động vật hoang dã. Việc các cơ quan tố tụng đợi đến khi có bản án mới xử lý vật chứng khiến nhiều động vật hoang dã lúc thu giữ là những cá thể khỏe mạnh, nhưng trong quá trình xử lý vật chứng lại suy yếu và có nguy cơ chết.

Qua quá trình đọc các bản án sơ thẩm và phúc thẩm, nhóm nghiên cứu nhận thấy, Tòa án chỉ nêu lại nội dung xử lý vật chứng và cho rằng, cơ quan tố tụng trước đó đã giải quyết nên bản án không xem xét. Vì vậy không đảm bảo được tính khách quan cho quá trình xử lý vật chứng. Tại bản án số 08/2018/HSST ngày 07/3/2018 của TAND thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa [15] thể hiện trong phần Nhận định của Tòa án như sau: “Đối với cá thể hổ là vật chứng của vụ án thuộc phụ lục I, danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nên sau khi bắt giữ bị cáo cùng vật chứng, cơ quan CSĐT Công an thị xã Bim Sơn đã chuyển giao cá thể hổ còn sống có trọng lượng 280 kg cho Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội để bảo vệ theo quy định, vì vậy miễn xét”. Trong một vụ án tại bản án số 07/2018/HSST ngày 24/7/2018 của TAND huyện Q, tỉnh Hà Giang tòa án lại phân tích, nhận định về quyết định xử lý vật chứng trong phần quyết định về xử lý vật chứng “Đối với cá thể rắn hổ chúa, có tên khoa học là *Ophiophagus Hannah*, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hà Giang đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức thả về rừng đặc dụng Phong Quang 7km đường Hà Giang-Đồng Văn, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp theo đúng quy định”. Mặc dù thực tiễn việc xử lý vật chứng được thực hiện khác nhau tùy theo tình trạng của động vật hoang dã, nhưng thiết nghĩ, việc xử lý vật chứng cần được nêu rõ trong quyết định của Tòa án, việc đánh giá cần được kiểm tra và giám sát đúng theo quy định mà không chỉ dựa quyết định xử lý vật chứng để đảm bảo tính minh bạch cho quá trình xử lý, xác định đúng trách nhiệm khi có những sai sót trong quá trình xử lý.

Đối với các vụ án do Tòa án hai cấp tỉnh Đắc Lắc giải quyết, do có sự trao đổi trong quá trình giải quyết án nên việc xử lý vật chứng trong các vụ án là tương đối thống nhất. Có 05 vụ: tuyên tiêu hủy đối với vật chứng là cá thể động vật chết (Sơn dương, Voọc chà vá) hoặc sản phẩm động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm (ngà voi, lông voi); 02 vụ giao cho cơ quan quản lý trả về tự nhiên đối với vật chứng là động vật còn sống. Tuy nhiên, qua tham khảo tại một số đơn vị Tòa án khác lại áp dụng giao vật chứng là cá thể động vật đã chết cho cơ quan khác (bảo tàng,...). Điều này cũng tạo ra các ý kiến khác nhau trong đội ngũ Thẩm phán; đặc biệt là đối với trường hợp vật chứng thu giữ là sản phẩm của động vật hoang dã (sừng, ngà, lông) thì nên tịch thu hay tiêu hủy sẽ phù hợp hơn. Do đó, để đảm bảo việc áp dụng pháp luật thống nhất, cần thiết phải có quy định cụ thể hơn về xử lý vật chứng là động vật nguy cấp, quý, hiếm là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm. [16]

Hiện chưa có văn bản nào quy định về cơ quan này nên rất khó khăn trong việc bàn giao vật chứng vì để bàn giao vật chứng, bắt buộc các cơ quan pháp luật phải làm thủ tục bàn giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành, sau đó cơ quan này mới bàn giao cho các cơ quan như Trung tâm cứu hộ, Khu bảo tồn thiên nhiên, Vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Rõ ràng đây là thủ tục hành chính sẽ mất nhiều thời gian, dẫn đến việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã, quý hiếm không

kịp thời, dẫn đến động vật có thể bị chết hoặc yếu đi khi được thả về với thiên nhiên chưa chắc đã sống được. Đồng thời cũng chưa có quy định cụ thể, rõ ràng về việc các con vật sẽ được chăm sóc, cứu hộ như thế nào tại trụ sở cơ quan thực thi pháp luật trước khi có kết luận giám định. Tương tự như vậy, “cơ quan, tổ chức khác” ở đây là những cơ quan nào.

Tại bản án số 04/2018/HS-ST ngày 11/7/2018 về tội Vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm [17], vật chứng bao gồm 02 (hai) cá thể bị chặt rời các bộ phận gồm: 02 đầu, 08 cẳng chân, 04 phần thân là loài Sơn dương có tên khoa học là *Naemorhedus sumatraensis* và 02 (hai) cá thể bị chặt mất đầu, chân (chỉ còn lại phần thân) là loài Hoẵng thường có tên khoa học là *Muntiacus muntjak*. Và sau khi có kết luận giám định, cơ quan điều tra đã bàn giao toàn bộ tang vật là bốn cá thể động vật hoang dã cho Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn để xử lý. Mà căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP thì nếu vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm thì phải được tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền. Căn cứ theo Điều 103 Luật Lâm nghiệp năm 2017, Hạt kiểm lâm là cơ quan có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; phòng cháy và chữa cháy rừng chứ không phải là cơ quan chuyên ngành trong việc nuôi giữ động vật hoang dã. Tóm lại, theo các vụ việc thực tiễn mà nhóm nghiên cứu đã trình bày có thể nhận thấy việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã chỉ mới áp dụng quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trong nhiều trường hợp chưa kết hợp việc áp dụng Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP dẫn đến việc không áp dụng đúng trình tự, thủ tục xử lý vật chứng là động vật hoang dã trong các trường hợp cụ thể.

3.5. Chưa có sự thống nhất giữa xử lý cá thể động vật hoang dã đã chết và sản phẩm của động vật hoang dã

Khi vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì có hai phương án xử lý là tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật tại điểm b, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP. Việc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT. Theo đó cơ quan, đơn vị tiếp nhận là cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật. Còn về trình tự, thủ tục tiến hành việc tiêu hủy động vật được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Thông tư trên.

Về xử lý vật chứng đối với các bộ phận của các cá thể động vật hoang dã, các tòa án chưa có hướng xử lý thống nhất. Điển hình là Bản án số 51/2019/HSST ngày 06/03/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, trong phần quyết định có ghi: “... những vật chứng này thuộc Danh mục I theo Thông tư số 04 ngày 24/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 160 ngày 12/11/2013 của Chính

phủ về danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và 01 ba lô bị cáo sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy”. Về xử lý vật chứng theo Bản án số 51 nói trên [18] đối với 01 nanh báo hoa mai châu Phi, 01 nanh gấu ngựa, 01 móng vuốt hổ Đông Dương, 03 móng vuốt báo hoa mai châu Phi, 12 móng gấu ngựa thuộc Danh mục I theo Thông tư số 04 ngày 24/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 160 ngày 12/11/2013 của Chính phủ về danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Các vật chứng trên là các bộ phận của các cá thể động vật hoang dã, chưa qua chế biến thành các “sản phẩm”. Nhưng Tòa án vẫn áp dụng cách thức xử lý giống như đối với sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm.

3.6. Nhầm lẫn giữa “bộ phận” và “sản phẩm” của động vật hoang dã

Trường hợp động vật hoang dã trong tình trạng đã chết hoặc sản phẩm động vật hoang dã thì có hai biện pháp xử lý vật chứng là tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP. Tuy nhiên, có phải mọi trường hợp cá thể động vật chết hoặc sản phẩm của động vật thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản đều buộc phải tiêu hủy không thì chưa có hướng dẫn cụ thể. Hướng xử lý vật chứng theo điểm b khoản 1 Điều 7 chỉ áp dụng với “sản phẩm” nhưng trong nhiều trường hợp hướng các tòa án còn áp dụng cho “bộ phận” của động vật hoang dã.

Đối với hướng xử lý là tịch thu bán sung ngân sách cũng không có tính khả thi cao vì theo Công ước CITES, mẫu vật thuộc Phụ lục I CITES không phải là đối tượng thương mại. Đối với cách xử lý khác là bán đấu giá các bộ phận, sản phẩm của động vật hoang dã cũng không là hướng xử lý được khuyến khích. Bởi việc hợp pháp hóa và thương mại hóa các sản phẩm từ động vật hoang dã là đi ngược lại với quy định của pháp luật quốc tế và cam kết chung của Việt Nam về ngăn chặn các hành vi săn bắt, gây hại đến động vật hoang dã.

3.7. Không thống nhất trong việc tiêu hủy động vật hoang dã

Đối với việc xử lý mẫu vật các loài thực vật rừng nói chung [19], ngay sau xử lý mẫu vật theo quy định của pháp luật phải bàn giao cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để tổ chức chăm sóc và bảo quản mẫu vật thả lại môi trường tự nhiên phù hợp với sinh cảnh và phân bố tự nhiên của loài nếu mẫu vật khỏe mạnh; hoặc chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật, vườn thực vật nếu mẫu vật yếu cần cứu hộ hoặc tiêu hủy.

Đối với vật chứng là bộ phận của động vật nguy cấp, quý, hiếm Tòa án sẽ tuyên tịch thu hoặc tiêu hủy [20]. Quy định là vậy, nhưng thực tiễn các Tòa án lại có những cách giải quyết khác nhau như: tuyên tịch để tiêu hủy hay giao cho cơ quan khác để bán, sung ngân sách, có Tòa án tuyên giao cho cơ quan nghiên cứu, có Tòa án còn tuyên giao cho cơ quan kiểm lâm... Có thể nêu ra một vài trường hợp các tòa án có cách xử lý khác nhau như:

Theo Bản án số 248/2021/HSST ngày 16/11/2021 của TAND huyện T, Thành phố Hà Nội [21] Tòa án đã xử lý tang vật theo hình thức tịch thu sung công đối với 27 cá thể Vẹt (bao gồm cả 05 cá thể Vẹt đã chết) thuộc Phụ lục II CITES và tiếp tục giao cho Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền. Với 05 cá thể vẹt đã chết, theo quy định về xử lý vật chứng đã nêu thì cần được tiêu hủy, nhưng Tòa án trong trường hợp này lại tịch thu sung công, như vậy Tòa án đã không xử lý đúng với các quy định và vi phạm thẩm quyền xử lý.

Trong Bản án số 12/2018/HSST [22] ngày 19/06/2018 của TAND huyện Ninh Hòa, tỉnh Quảng Bình về tội vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm: Theo quy định Điều 106 BLTTHS, số vật chứng là 01 cá thể Voọc Hà Tĩnh và 1 cá thể là Voọc chà và đã bị tịch thu tiêu hủy. Số vật chứng trên đã được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Minh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Trong Bản án này, việc Tòa án huyện Ninh Hòa chuyển giao vật chứng là 01 cá thể Voọc cho Chi cục Thi hành án dân sự theo nhóm là trái với quy định vì theo quy định về xử lý vật chứng tại điểm b, khoản 1, Điều 7, Nghị quyết số 05/2018/ NQ-HĐTP thì phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để xử lý. Nhưng có thể thấy, Chi cục Thi hành án dân sự không phải là cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý. Do đó, có thể thấy sự thiếu thống nhất trong cách giải quyết của các Tòa án về việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã.

Đối với quy định về điều kiện tiêu hủy, tại Điều 15, Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT có quy định đối tượng tiêu hủy là động vật rừng mang dịch bệnh hoặc động vật rừng không xử lý được bằng các hình thức quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này hoặc động vật rừng thuộc loại phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật. Cũng tại khoản 2, Điều 15 Thông tư này, việc tiêu hủy động vật hoang dã sẽ tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của động vật rừng tiêu hủy, người có thẩm quyền quyết định một trong các hình thức tiêu hủy sau: biện pháp cơ học, thiêu đốt, chôn, sử dụng hóa chất hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật để hủy động vật rừng, bảo đảm động vật rừng đó không còn tồn tại hoặc không còn giá trị sử dụng và không ảnh hưởng đến môi trường. Có thể thấy, điều kiện đối với các cá thể động vật hoang dã phải tiêu hủy chưa được quy định chi tiết. Ngoài ra, vì động vật hoang dã mang các nguồn dịch bệnh có thể khó phát hiện sớm, nhiều động vật mang dịch bệnh nhưng không có biểu hiện ra bên ngoài, do đó, cần thực hiện nghiêm túc việc khám và xét nghiệm cho các động vật hoang dã còn sống, đặc biệt các cá thể động vật có dấu hiệu yếu và bảo quản nghiêm ngặt các sản phẩm, bộ phận và những cá thể động vật chết. Trong quá trình xử lý vụ án, một số Tòa án không hiểu rõ về điều kiện tiêu hủy dẫn đến, trong quyết định của Tòa án không nêu rõ mục đích, điều kiện và nguyên nhân tiêu hủy. Theo Bản án số 58/2018/HSST ngày 30/11/2018 về tội Vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm [23], tòa án đã

xem xét điều kiện vệ sinh thú y, không đủ điều kiện làm thực phẩm của 13 cá thể cheo cheo, 01 cá thể dúi mốc lớn, 01 cá thể cây vôi hương, 01 cá thể thú không xác định được loài. Trong phần quyết định của bản án đã nêu rằng: “Tiêu hủy 16 cá thể động vật đã chết (gồm 13 cá thể cheo cheo, 01 cá thể dúi mốc lớn, 01 cá thể cây vôi hương, 01 cá thể thú không xác định được loài) vì không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, không đủ điều kiện làm thực phẩm (tiêu hủy vào ngày 04/9/2018)”.

Như vậy, khi các cá thể động vật hoang dã này đủ điều kiện để làm thực phẩm thì có thể bị tiêu hủy hay không, hay nếu không là cá thể chết thì đã có hướng xử lý khác. Nhóm nghiên cứu cho rằng, đối với quyết định xử lý vật chứng của Tòa án như trên là chưa phù hợp vì như đã nói, chỉ có thể áp dụng hình thức tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền tiêu hủy.

4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

4.1. Về hoàn thiện pháp luật

Thứ nhất, cần bổ sung các quy định về nuôi dưỡng động vật hoang dã trong tình trạng còn sống nhằm khắc phục được lúng túng của cơ quan tạm giữ khi không biết áp dụng các biện pháp nuôi dưỡng nào phù hợp với từng loài động vật sống khác nhau. Bởi với mỗi loài động vật hoang dã lại có một điều kiện sống, thức ăn, môi trường khác nhau nên nếu áp dụng một cách bừa bãi có thể khiến tình trạng sống của chúng xấu thêm hoặc có thể dẫn đến chết. Ngoài ra, đây còn là cơ sở để xác định trách nhiệm của cơ quan tạm giữ trong trường hợp cơ quan tạm giữ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về nuôi dưỡng dẫn đến hậu quả làm vật chứng là động vật hoang dã chết hay tình trạng sức khỏe yếu. Từ đó nhóm tác giả kiến nghị bổ sung thêm quy định tại Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT về điều kiện tối thiểu, hướng dẫn các bước nuôi dưỡng đối với từng nhóm động vật hoang dã cụ thể nhằm đảm bảo tính toàn vẹn của vật chứng riêng và bảo vệ động vật hoang dã nói chung.

Thứ hai, đối với bất cập về thiếu các quy định điều chỉnh về điều kiện, cũng như trình tự, thủ tục hướng dẫn việc thực hiện bảo quản vật chứng là động vật hoang dã chết, sản phẩm, bộ phận của chúng. Nên nhóm tác giả có đề xuất nên bổ sung Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT quy định về bảo quản của cơ quan tạm giữ động vật hoang dã chờ quyết định xử lý vật chứng. Trong quy định đó cần có điều khoản về điều kiện tối thiểu mà cơ quan tạm giữ phải đáp ứng mới được bảo quản sản phẩm, bộ phận động vật hoang dã. Chẳng hạn như cơ quan tạm giữ phải có trang thiết bị, cơ sở vật chất để đáp ứng với tình trạng của vật chứng. Ngoài ra, phải có các quy định về trình tự, thủ tục bảo quản phù hợp với đặc điểm từng cá thể động vật chết, bộ phận hay sản phẩm của chúng.

Thứ ba, sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NĐ-CP theo hướng đưa ra khái niệm về “cơ quan quản lý chuyên ngành” để tránh gây ra tình trạng lúng túng

trong việc xác định cơ quan nào là cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan quản lý chuyên ngành cần được quy định là cơ quan: cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT. Ngoài ra, nên sửa đổi điểm a của Nghị định trên theo hướng nếu vật chứng là động vật hoang dã đang trong tình trạng nguy cấp đến sức khỏe, tính mạng thì không cần phải thông qua cơ quan trung gian là “cơ quan quản lý chuyên ngành” mà cơ quan tạm giữ có quyền trực tiếp trả về tự nhiên hoặc giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, đối với thực trạng các Tòa án chưa có sự thống nhất trong việc nhận định và quyết định xử lý vật chứng, các Tòa án cần được hướng dẫn cách xử lý thống nhất đối với việc xử lý vật chứng, đặc biệt là các trường hợp cá thể động vật hoang dã đã chết. Nhóm nghiên cứu đề xuất bổ sung vào quy định tại Điều 15 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT điều kiện đối với động vật hoang dã bị tiêu hủy. Để tránh những cách giải quyết khác nhau như: tuyên tịch để tiêu hủy hay giao cho cơ quan khác để bán, sung ngân sách...nhóm cũng đề xuất việc ban hành quy định về điều kiện đối với động vật hoang dã như thế nào thì phải bị tiêu hủy (về tình trạng nhiễm bệnh, loại bệnh mà cá thể động vật đang nhiễm,...). Ngoài ra, ngay sau khi tiếp nhận vật chứng, cần thực hiện các biện pháp kiểm tra và xét nghiệm đối với các cá thể động vật sống, tránh trường hợp trong quá trình nuôi dưỡng và xử lý vật chứng các cá thể động vật này bị lây nhiễm dịch bệnh.

4.2. Về các giải pháp khác

Bên cạnh các giải pháp về hoàn thiện pháp luật thì cần kết hợp với việc xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành hướng dẫn việc xử lý tang vật, vật chứng là động vật hoang dã; xây dựng mạng lưới, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin giữa các cơ quan thực thi pháp luật và tổ tụng liên quan đến xử lý các vụ việc về động vật hoang dã. Ngoài ra, cần nâng cao nhận thức và hiểu biết cũng như tổ chức các khóa huấn luyện cho các cán bộ của cơ quan tạm giữ, cơ quan quản lý chuyên ngành về việc xử lý vật chứng trong các trường hợp cụ thể, kỹ năng phối hợp với cơ quan kiểm lâm, cơ sở cứu hộ, vườn, cơ sở nghiên cứu khoa học động vật hoang dã để quá trình xử lý nhanh chóng, kịp thời, giảm thiểu được tối đa thiệt hại và bảo vệ an toàn cho động vật hoang dã. Tham gia và tổ chức các hội thảo, tập huấn luật pháp quốc tế chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật trong việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã.

Ngoài ra, cần nâng cao cơ sở vật chất về chuồng, trại, thức ăn để tạo môi trường nuôi nhốt động vật hoang dã trong thời gian chờ xử lý. Đối với vấn đề nâng cao cơ sở vật chất nuôi nhốt tạm thời động vật hoang dã, nhóm nghiên cứu đề xuất tận dụng các nguồn tài trợ cho nhà nước và khối ngoài nhà nước [24]. Vì cam kết toàn cầu hướng tới việc cung

cấp đủ tài chính cho bảo tồn động vật hoang dã và Việt Nam cần phát triển chiến lược tài trợ cho bảo tồn động vật hoang dã một cách hợp lý.

Nâng cao nhận thức, trình độ, năng lực của người tiến hành tố tụng các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã. Việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã chỉ có hiệu quả khi hành vi phạm tội được định tội đúng. Xuất phát từ những đặc điểm riêng biệt của vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý hiếm, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần tìm hiểu, nghiên cứu các văn bản pháp luật về xử lý vật chứng, và các quy định về quản lý động vật hoang dã để có thể đánh giá, tiếp nhận, xử lý vật chứng theo đúng trình tự pháp luật. Đối với những vụ án mà cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã có quyết định xử lý vật chứng thì Thẩm phán giải quyết vụ việc này phải xem xét việc xử lý có đúng quy định của pháp luật hay không, bao gồm thời điểm xử lý, hình thức xử lý và trình tự xử lý. Đối với trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát chưa quyết định xử lý vật chứng mà chỉ mới giao cho cơ quan quản lý vật chứng thì phải xem xét, đánh giá quyết định xử lý vật chứng. Đồng thời, người tiến hành tố tụng như Điều tra viên, Kiểm sát viên, đặc biệt là Thẩm phán, Hội thẩm nắm vững quy định của các công ước quốc tế, các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật chuyên ngành khác; nhận thức được nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế trong xử lý các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và có bản lĩnh trong phán quyết của mình.

5. KẾT LUẬN

Sự tồn tại của thế giới động vật tác động không nhỏ đến sự cân bằng hệ sinh thái, duy trì môi trường sống trong lành cho con người. Trong khi đó, hiện nay trên thế giới đang đứng trước nguy cơ mất đi rất nhiều loài sinh vật quý do tác động chính từ con người, đặc biệt là các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã. Song song với việc xử lý nghiêm các tội phạm về động vật hoang dã, cũng cần có khung pháp lý chặt chẽ để quá trình xử lý động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý hiếm đạt hiệu quả cao. Cũng cần có các quy định thống nhất để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc động vật hoang dã trước và sau khi có kết luận giám định. Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu nhận thấy cần sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật điều chỉnh về việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã theo hướng thống nhất, tránh gây chồng chéo, mâu thuẫn lẫn nhau. Đối với các quy định thiếu thống nhất, nhóm nghiên cứu đề xuất ban hành một văn bản dưới luật bổ sung và chỉnh sửa các quy định tại Nghị quyết số 05/2018/NĐ-CP để hợp nhất với các quy định như Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA- BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP. Qua đó, về cách xử lý đối với mẫu vật và cá thể động vật chết, nhóm tác giả đề xuất một số biện pháp xử lý khác ngoài phương án tiêu hủy.

Tuy nhiên, cần có quy định về các biện pháp này và có hướng dẫn cụ thể cho các tòa án khi thực thi. Ngoài ra, cần có quy định về “cơ quan quản lý chuyên ngành” để quá

trình tạm giữ được thống nhất, tiết kiệm thời gian và đúng trình tự. Thêm vào đó, cần nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ cho việc tạm giữ động vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm bao gồm về thức ăn, môi trường sống, nơi nuôi nhốt để tránh trường hợp các động vật hoang dã bị ảnh hưởng khi tạm giữ và nâng cao trình độ của những người tham gia vào công tác quản lý, xử lý động vật hoang dã trong quá trình nuôi dưỡng, xử lý, bảo quản. Thông qua nghiên cứu, mong rằng những đề xuất trên sẽ đóng góp một phần vào quá trình xử lý tang vật, vật chứng là động vật hoang dã được diễn ra thuận lợi, nhanh chóng, đảm bảo được điều kiện sức khỏe, nuôi dưỡng của chúng sau khi bị tịch thu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự.
- [2] Quy định tại khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 05/2018 NQ-HĐTP.
- [3] Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- [4] Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng, động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp nhà nước.
- [5] Điểm a, khoản 2 Điều 42, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.
- [6] Khoản 2, 3, Điều 146 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm d, khoản 1, Điều 5, Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC).
- [7] Điều 147 Bộ luật Hình sự năm 2015.
- [8] Trần Văn Độ, “Một số vấn đề về xử lý vật chứng trong các vụ án về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 12 (kỳ II tháng 6/2020).
- [9] Nghị định số 127/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng.
- [10] Phạm Minh Tuyên, “Giám định, xử lý vật chứng, định giá động vật hoang dã, động vật nguy cấp quý hiếm trong tố tụng hình sự – Vương mắc và kiến nghị hoàn thiện”, Link bài báo <https://tapchitoaan.vn/giam-dinh-xu-ly-vat-chung-dinh-gia-dong-vat-hoang-da-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-trong-to-tung-hinh-su-vuong-mac-va-kien-nghi-hoan-thien>, (truy cập ngày 26/2/2023).
- [11] Tòa án nhân dân tối cao, “Tài liệu tập huấn chuyên sâu quy định của bộ luật hình sự về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã , nguy cấp, quý hiếm”, tr. 49.

- [12] Bản án 113/2018/HSST ngày 12/09/2018 về tội Vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, Link truy cập: <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-bao-ve-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-so-1132018hsst-71261>”, (truy cập ngày 28/02/2023).
- [13] Bản án số 45/2021/HSST ngày 30/11/2021 về tội Vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Link truy cập: <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-bao-ve-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-so-452021hsst-225331> (truy cập 25/01/2023).
- [14] Nguyễn Đức Hạnh, Quản lý và xử lý vật chứng là động vật hoang dã trong các vụ án hình sự, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 23, 2019, tr.17.
- [15] Bản án số 08/2018/HSST ngày 07-3-2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Link truy cập: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta813915t1cvn/chi-tiet-ban-an>.
- [16] Nguyễn Duy Hữu (2020), Thực tiễn xét xử các tội phạm về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Đắk Lắk, Tạp chí Tòa án nhân dân.
- [17] Bản án số 04/2018/HS-ST ngày 11/07/2018 về tội Vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, “<https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-042018hsst-ngay-11072018-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-bao-ve-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-72590>”, (truy cập ngày 28/02/2023).
- [18] Bản án số 51/2019/HSST ngày 06/03/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-512019hsst-ngay-06032019-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-bao-ve-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-80747>.
- [19] Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- [20] Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử.
- [21] Bản án số 248/2021/HSST ngày 16/11/2021 của TAND huyện T, Thành phố Hà Nội https://congbobanan.toaan.gov.vn/5ta813915t1cvn/248_1611_k1_D234.pdf.
- [22] Bản án số 12/2018/HS-ST ngày 19/06/2018 về tội Vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, “<https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-122018hsst-ngay-19062018-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-bao-ve-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-33303>”, (truy cập ngày 28/02/2023).
- [23] Bản án số 58/2018/HSST ngày 30/11/2018 về tội Vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-582018hsst-ngay-30112018-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-bao-ve-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-59113>.
- [24] Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR), Phương pháp nghiên cứu tác động của đại dịch Covid-19 đến chính sách, sinh kế và các hoạt động bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam, Link truy cập: https://www.cifor.org/publications/pdf_files/Books/Guide-Methods-Covid19-VI.pdf.

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CỨU HỘ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VIỆT NAM

Bế Tiểu Phương¹, Lê Kim Chi, Đỗ Hữu Gia Huy
(Được hướng dẫn bởi TS. Lê Lan Chi)

Tóm tắt: Bài nghiên cứu góp phần làm rõ sự cần thiết phải cứu hộ động vật hoang dã, tổng quan và đánh giá những bất cập của pháp luật Việt Nam hiện hành cũng như những khó khăn, tồn tại trong thực thi pháp luật về cứu hộ động vật hoang dã, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về cứu hộ động vật hoang dã, và tăng cường thực thi pháp luật trong lĩnh vực này.

Từ khóa: cứu hộ động vật hoang dã, pháp luật về cứu hộ động vật hoang dã.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Động vật hoang dã (ĐVHD) (tiếng Anh: Wild Animals) có thể được định nghĩa là những loài động vật sống độc lập và phát triển trong môi trường tự nhiên, chưa bị con người thuần hóa. Trước tình trạng suy giảm các loài ĐVHD cũng như đa dạng sinh học (ĐDSH) ngày nay, công tác cứu hộ là hoạt động vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ cũng như duy trì sự phát triển của ĐVHD. Đây là bước quyết định loài có đủ điều kiện để thả về môi trường tự nhiên hay không bởi bản chất cứu hộ ĐVHD (CHĐVHD) (tiếng Anh: Wildlife Rescue) là toàn bộ quá trình giải cứu và chăm sóc, phục hồi ĐVHD bị thương trong môi trường tự nhiên. Việc cứu hộ không chỉ mang ý nghĩa bảo tồn mà còn thể hiện tinh thần phúc lợi động vật, sự đối xử công bằng và biểu hiện của một xã hội văn minh. Tuy nhiên, trên thực tế, bên cạnh những thành tích đáng kể, công tác cứu hộ vẫn tồn tại không ít vướng mắc, dẫn đến không đạt được hiệu quả chăm sóc hay bảo tồn tối ưu. Theo số liệu thống kê, trạm cứu hộ ĐVHD Củ Chi từng được xem là bệnh viện của nhiều loài thú quý hiếm như vượn, gấu, cu li, mèo rừng... Nhưng từ năm 2019 đến nay, gần 28% trong số 820 cá thể được đưa đến đây đã “không qua khỏi” - tức là động vật được giải cứu xong lại... chết²; hay nghi vấn bò tót “chết oan” do trình độ cứu hộ còn quá yếu kém, trang thiết bị thiếu thốn trong sự việc cứu hộ bò tót ở sân bay Phú Bài (Thừa Thiên - Huế) bất thành khiến dư luận đặt nhiều câu hỏi. Công tác phát triển cứu hộ đang ít nhiều

¹ Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Email: tieuphuong191@gmail.com

² Nhóm phóng viên báo Phụ nữ TP. HCM; Thú chết quá nhiều ở nơi cứu hộ ĐVHD, Báo Phụ nữ TP. Hồ Chí Minh: Đăng ngày 31/02/2022 - Trang web: <https://www.phunuonline.com.vn/thu-chet-qua-nhieu-o-noi-cuu-ho-dong-vat-hoang-da-a1460304.html>. Truy cập ngày 25/02/2023.

thiếu sự quan tâm đúng mức khi đến nay vẫn chưa có lực lượng chuyên trách về cứu hộ, và cả nước mới chỉ có duy nhất một cơ quan cứu hộ động vật đúng nghĩa¹...

Với thực tiễn đang diễn ra như trên, việc đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng cứu hộ ĐVHD và bảo vệ đa dạng sinh học là vô cùng cấp bách. Bên cạnh những nguồn lực hỗ trợ như kinh tế, cơ sở vật chất thì sự tham gia của công cụ pháp luật sẽ mang tính toàn diện và đạt hiệu quả cao nhất. Nhưng thực tế hiện nay, các quy định pháp luật liên quan đến cứu hộ động vật chưa nhiều, rải rác ở nhiều văn bản, dẫn tới những khó khăn nhất định trong quá trình thực thi pháp luật, bao gồm cả những vướng mắc, bất cập trong quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD khiến công tác cứu hộ kém hiệu quả.

Trước thực trạng trên, bài viết góp phần hoàn thiện pháp luật về cứu hộ ĐVHD Việt Nam qua việc lý giải sự cần thiết của cứu hộ ĐVHD và tầm quan trọng của pháp luật cứu hộ ĐVHD trong việc bảo vệ ĐVHD; từ đó phân tích và đánh giá hệ thống pháp luật về cứu hộ ĐVHD tại Việt Nam hiện nay; đề xuất một số phương hướng và giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cứu hộ ĐVHD cũng như công cuộc bảo vệ ĐVHD nói riêng và sự ĐDSH nói chung.

2. VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT VỀ CỨU HỘ ĐVHD

Theo nhận định của Ủy ban Liên Chính phủ Liên hợp quốc tại Báo cáo đánh giá toàn cầu về Đa dạng sinh học và Dịch vụ hệ sinh thái, tốc độ suy thoái ĐDSH đang diễn ra là chưa từng có trong lịch sử. Một triệu loài động, thực vật trong tổng số 8 triệu loài trên trái đất đứng trên bờ vực tuyệt chủng². Đây là thực trạng đang hiện hữu trên toàn thế giới, và Việt Nam cũng không phải ngoại lệ. Theo chia sẻ của Trạm quản lý bảo tồn ĐVHD Dầu Tiếng - WAR ngày 12/9/2019, tham khảo từ Hội thảo Tập huấn báo chí khai thác đề tài buôn bán ĐVHD do Liên minh châu Âu (EU) tài trợ trong khuôn khổ dự án Hợp tác chống tội phạm liên quan đến ĐVHD, tại Việt Nam, trong vòng 40 năm (1970-2010), số ĐVHD giảm đến 58% do các hoạt động của con người, và dự báo mức giảm này sẽ tăng lên 67% vào năm 2020. Tỷ lệ suy giảm các loài trên toàn hành tinh đang ở mức vượt ngưỡng an toàn, khi tại thời điểm năm 1992, Việt Nam có 365 loài động vật được xếp vào danh mục loài quý hiếm. Nhưng tuy nhiên, đến năm 2004, danh sách này đã tăng lên 407 loài, 2007 tăng lên 418 loài. Trong 2 thập kỷ gần đây có 10 loài bị tuyệt chủng ở Việt Nam: Tê giác 2 sừng, Lợn vòi, Bò Xám, Cầy Rái cá, Cá chình nhật, Cá chép gốc, Cá lợ thân thấp, Hươu sao, Cá sấu hoa cà, Tê giác 1 sừng. TS Văn Ngọc Thịnh, Giám đốc Quốc

¹ Báo Trần - Chánh Trung; Cứu hộ ĐVHD: Thiếu và yếu!; Báo Người lao động; Đăng tải ngày 27/07/2012; Trang web: <https://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/cuu-ho-dong-vat-hoang-da-thieu-va-yeu-20120727103340587.htm>; Truy cập ngày 24/2/2023.

² TTXVN/Vietnam+; Chung tay bảo vệ loài hoang dã ở Việt Nam: Đối mặt xu hướng suy giảm, báo điện tử Vietnam+; đăng tải ngày 21/05/2021; Trang web <https://www.vietnamplus.vn/chung-tay-bao-ve-loai-hoang-da-o-viet-nam-doi-mat-xu-huong-suy-giam/714198.vnp> (truy cập ngày 12/02/2023).

gia Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), đưa ra cảnh báo khi đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của các hệ sinh thái tự nhiên trong nhiều năm qua: *“Chúng ta đang ở đợt tuyệt chủng hàng loạt thứ sáu kể từ khi loài khủng long biến mất và đây là đợt tuyệt chủng đầu tiên do con người tạo ra. Hành tinh của chúng ta đang sụp đổ.”*¹

Sự sụt giảm số lượng loài ĐVHD phần lớn đến từ các hoạt động của con người bao gồm việc đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng làm thu hẹp sinh cảnh, nạn chặt phá rừng trái phép dẫn tới việc phá hoại môi trường sống của động vật, gây ô nhiễm môi trường và làm biến đổi khí hậu, và đặc biệt nghiêm trọng khi nguyên nhân chính lại là hoạt động săn bắt, buôn bán các loài động vật nguy cấp như hổ, tê giác, voi... tràn lan để phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của con người. Để ứng phó với tình hình, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện thể chế với quyết tâm chính trị cao. Công tác bảo tồn và bảo vệ ĐVHD được Đảng Cộng sản Việt Nam coi là nhiệm vụ trọng tâm phải thực hiện. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, tại kỳ họp thứ 7 tháng 6/2013 đã chỉ rõ *“ĐDSH ngày càng suy giảm và nguy cơ mất cân bằng sinh thái ngày càng lan rộng, tác động xấu đến sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như sức khỏe và đời sống của nhân dân”* và đặt ra nhiệm vụ rất cụ thể, trọng tâm là *“bảo vệ nghiêm ngặt các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm trước bờ vực tuyệt chủng.”*² Hệ thống pháp luật về bảo tồn và bảo vệ ĐVHD từng bước được xây dựng và hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ĐVHD. Pháp luật về cứu hộ ĐVHD là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện phát hiện, giải cứu, chăm sóc, phục hồi ĐVHD cho đến khi đủ điều kiện để thả về môi trường tự nhiên và quy định trách nhiệm của các bên có liên quan.

Pháp luật cứu hộ ĐVHD giúp tăng cường quản lý và giám sát các hoạt động liên quan đến cứu hộ, đồng thời cung cấp cho chính quyền các công cụ và quy định cụ thể để xử lý các vi phạm pháp luật trong việc bảo vệ ĐVHD. Ngoài ra, việc ban hành các quy định cụ thể về cứu hộ ĐVHD sẽ giúp nâng cao chất lượng cứu hộ, đảm bảo sự an toàn cho các nhân viên tham gia cứu hộ, và giảm thiểu những tác động tiêu cực đến ĐVHD. Bảo vệ và cứu hộ ĐVHD thông qua pháp luật cũng giúp nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ ĐVHD, bảo vệ môi trường sống và đa dạng sinh học.

¹ Tổng Minh, Đối mặt với suy thoái hệ sinh thái tự nhiên; Báo Tài Nguyên & Môi Trường; Đăng tải ngày 07/11/2019; Trang web: <https://baotainguyenmoitruong.vn/doi-mat-voi-suy-thoai-he-sinh-thai-tu-nhien-295451.html> (Truy cập ngày 12/02/2023).

² Vu Thuy Hoa, M.A.; Deputy Editor-in-Chief of the Supreme People's Court Magazine; Overview of Vietnam's law on wildlife conservation and protection; Vietnam Law & Legal Forum Magazine; Đăng ngày 06/11/2020; Trang web: <https://www.vietnamlawmagazine.vn/overview-of-vietnams-law-on-wildlife-conservation-and-protection-27456.html> (Truy cập ngày 12/02/2023).

3. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT CỨU HỘ ĐVHD

Nội dung điều chỉnh của pháp luật cứu hộ ĐVHD là những quy định về điều kiện để cứu hộ động vật; các bước nhằm cứu hộ động vật; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong cứu hộ ĐVHD và nhận diện hành vi vi phạm pháp luật, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong việc cứu hộ ĐVHD.

Cụ thể, trong nội dung điều chỉnh của pháp luật cứu hộ ĐVHD thì đối tượng điều chỉnh đầu tiên là điều kiện để cứu hộ ĐVHD. Quy định về điều kiện để cứu hộ ĐVHD có vai trò quan trọng trong việc xác định những cơ quan, trung tâm, tổ chức nào đảm bảo những yếu tố về cơ sở vật chất, nhân viên cứu hộ, chuyên gia cứu hộ thực hiện việc cứu hộ đúng thời điểm. Chăm sóc và điều trị ĐVHD là một phần quan trọng của hoạt động cứu hộ ĐVHD. Việc quy định về những điều kiện nhằm giúp ĐVHD bị thương hoặc bệnh tật hồi phục sức khỏe và trở lại môi trường sống tự nhiên của chúng rất quan trọng.

Hai, quy định về quy trình cứu hộ động vật, gồm các quy định về việc cứu hộ ĐVHD bị thương hoặc bị mắc kẹt, bao gồm cả quy trình đánh giá tình trạng sức khỏe của động vật và cách tiếp cận đúng với các loài động vật khác nhau. Điều này giúp cho quá trình cứu hộ động vật trở nên dễ dàng hơn cũng như giúp cho mọi người dân khi phát hiện động vật bị thương có thể đưa ra phương án xử lý đúng đắn không vi phạm pháp luật.

Thông thường, quy trình cứu hộ ĐVHD thường được chia thành các bước sau:

Phát hiện và đánh giá tình trạng của động vật: Xác định vị trí và tình trạng của động vật bị thương hoặc bị mắc kẹt nhằm giúp cho những người cứu hộ có thể chuẩn bị tốt nhất cho cuộc cứu hộ.

Lập kế hoạch và chuẩn bị: Bao gồm việc chuẩn bị các dụng cụ cần thiết, đảm bảo an toàn cho động vật và người cứu hộ, và cung cấp các tài nguyên như thực phẩm, nước uống, v.v.

Thực hiện cứu hộ: Giải phóng động vật khỏi mắc kẹt hoặc thu thập và chuyển động vật đến nơi an toàn. Trong quá trình này, người cứu hộ phải đảm bảo an toàn cho động vật và cho chính mình.

Chăm sóc và phục hồi: Sau khi được giải cứu, động vật cần được chăm sóc và phục hồi, gồm cung cấp thức ăn, nước uống, thuốc men và các liệu pháp y tế khác cho động vật. Nếu cần thiết, động vật sẽ được chuyển đến trung tâm chăm sóc ĐVHD để được quan sát và điều trị bệnh.

Trả về tự nhiên hoặc nuôi dưỡng: Nếu động vật đã phục hồi đủ khả năng, nó sẽ được trả về tự nhiên. Tuy nhiên, nếu không thể trả về tự nhiên, động vật có thể được nuôi dưỡng tại trung tâm chăm sóc ĐVHD hoặc các nơi khác phù hợp cho động vật đó.

Ba, pháp luật về cứu hộ ĐVHD cũng quy định về trách nhiệm của các bên liên quan đến việc cứu hộ ĐVHD. Các quy định này bao gồm việc quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý, các tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện các hoạt động cứu hộ ĐVHD, việc xác định trách nhiệm và việc xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến cứu hộ ĐVHD. Điều này giúp cho các bên thực hiện một cách đúng đắn và đúng với trách nhiệm theo pháp luật quy định. Bên cạnh đó, pháp luật còn điều chỉnh cách thức tổ chức các trung tâm cứu hộ, bao gồm các quy định về cấp phép, đào tạo và chứng chỉ cho các các trung tâm cứu hộ, giúp đảm bảo rằng các trung tâm cứu hộ có những nhân viên cứu hộ được đào tạo về kỹ năng, kiến thức và trang thiết bị cần thiết để thực hiện công việc của họ một cách an toàn và hiệu quả.

Bốn, quy định về những hành vi vi phạm trong công tác cứu hộ ĐVHD. Đây là nội dung quan trọng trong pháp luật cứu hộ ĐVHD. Việc quy định cụ thể các hành vi sai phạm trong cứu hộ nhằm hạn chế những rủi ro trong cứu hộ động vật, giúp các thành viên tham gia cứu hộ có trách nhiệm với mọi hành động của bản thân. Quy định mang tính chất răn đe nhằm đảm bảo việc cứu hộ thực hiện đúng, đủ và đạt hiệu quả cao nhất.

Các phân tích nêu trên cho thấy pháp luật về cứu hộ ĐVHD cần có nội dung điều chỉnh đa dạng, bao gồm các quy định điều kiện để cứu hộ động vật; các bước nhằm cứu hộ động vật; nhận diện hành vi vi phạm pháp luật, xử lý hành vi vi phạm pháp luật; quản lý và kiểm soát các hoạt động liên quan đến cứu hộ ĐVHD. Các quy định này giúp bảo vệ ĐVHD và môi trường sống của chúng, đồng thời đảm bảo an toàn cho những người tham gia hoạt động cứu hộ ĐVHD. Tuy nhiên, trên thực tế việc thực thi các quy định của pháp luật về cứu hộ ĐVHD còn gặp nhiều khó khăn, bất cập bởi sự chồng chéo, không đồng nhất... Từ đây, đặt ra nhu cầu cần thiết tuân thủ theo những nguyên tắc cơ bản mang tính đánh giá sự hoàn thiện của pháp luật nhằm đảm bảo hiệu quả tính thực thi.

4. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CỨU HỘ ĐVHD

Quá trình cứu hộ ĐVHD phải trải qua rất nhiều giai đoạn, khâu kiểm tra, giám định, quản lý, vậy nên việc ban hành pháp luật riêng về lĩnh vực này sẽ đảm bảo tính nhanh chóng, khép kín, kịp thời, an toàn đối với ĐVHD. Hiện nay, vấn đề về cứu hộ ĐVHD được đề cập trong nhiều văn bản pháp luật, các quy định đề cập hoạt động liên quan đến cứu hộ ĐVHD từ quy định về cơ sở cứu hộ ĐVHD (Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018); Luật Lâm nghiệp năm 2017; Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành; Quy định về xử lý ĐVHD là tang chứng, vật chứng hoặc trong quá trình cứu hộ (Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)); Quy định về xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước

(Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT quy định về xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành); Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Nghị định số 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Ngoài ra tại một số địa phương cũng ban hành quyết định riêng cho vấn đề cứu hộ (Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong nuôi dưỡng, cứu hộ ĐVHD trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND Quy chế cứu hộ ĐVHD trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1397/2014/QĐ-UBND Quy chế cứu hộ ĐVHD do tỉnh Quảng Ninh ban hành,...).

Có thể thấy, quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực này còn tản mạn, chưa có sự thống nhất về một đầu mối chung. Đây là một vấn đề cần được xem xét đối với hoạt động lập pháp, bởi với số lượng các văn bản luật quy định thiếu tập trung sẽ gây khó khăn rất lớn cho việc áp dụng pháp luật. Hơn nữa, việc ban hành không đồng bộ sẽ khó khăn trong việc quy kết trách nhiệm thực thi, xảy ra hiện trạng chồng chéo thẩm quyền, nhiệm vụ của hàng loạt các cơ quan, ban ngành liên quan, khiến cho quy định pháp luật được ban hành không đạt được hiệu quả thực thi.

** Về cơ sở cứu hộ:*

Các quy định về cơ sở cứu hộ được pháp luật quy định rải rác trong các văn bản pháp luật như trong Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học là nơi cứu hộ ĐVHD; Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, thực hiện các hoạt động cứu hộ, bảo tồn và phát triển các loài sinh vật. Ngoài ra một số địa phương cũng đã ban hành quy định về cơ sở cứu hộ như tại tỉnh Quảng Ninh: Quyết định số 1397/2014/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh quy định Trung tâm cứu hộ ĐVHD là nơi tiếp nhận, chữa trị, nuôi dưỡng, phục hồi khả năng sinh sống của các loài ĐVHD trước khi thả về môi trường tự nhiên, chuyển giao, nuôi sinh sản trong cứu hộ, bảo tồn các loài ĐVHD.

Cụ thể:

+ Cơ sở vật chất: Trên thực tế hiện nay, việc đăng ký thành lập, cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học hay các trung tâm cứu hộ được quy định khá chi tiết về các thủ tục cũng như các giấy tờ chứng nhận điều kiện để thành lập, cụ thể tại Điều 42 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên

và Môi trường ban hành và các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học tại Nghị định số 65/2010/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học. Tuy nhiên, các quy định vẫn chỉ chú trọng đến việc hoàn thiện thủ tục, còn cụ thể các định mức, các bộ tiêu chí đánh giá cơ sở cứu hộ ở mỗi 1 tiêu chí lại chưa được đề cập. Cụ thể, tại khoản 2 Điều 42 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018): Thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học: quy định về cơ sở phải đủ các điều kiện sau đây được cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học: *“Diện tích đất, chuồng trại, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu về nuôi, trồng, nuôi sinh sản loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; cứu hộ loài hoang dã; lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền”*. Bên cạnh đó, Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng khi quy định việc trông giữ, bảo quản, tiếp nhận, xử lý động vật rừng, một số quy định còn khá chung chung, khó áp dụng. Chẳng hạn, tại khoản 2 Điều 4 quy định: *“Trường hợp cơ quan tạm giữ động vật rừng không đủ khả năng chăm sóc, bảo quản thì chuyển giao động vật rừng cho cơ sở có đủ điều kiện chăm sóc, bảo tồn ĐVHD để chờ quyết định xử lý của người có thẩm quyền”*. Quy định mới chỉ đề cập đến việc “đáp ứng yêu cầu” hay “đủ điều kiện”, nhưng như thế nào là đủ, là đạt lại chưa có những hướng dẫn cụ thể. Và do thiếu các tiêu chí để xác định cơ sở nào được coi là có khả năng chăm sóc, bảo quản động vật bị tịch thu nên quy định này khó có thể thực hiện được trên thực tế. Việc không có những căn cứ mang tính đối chiếu chi tiết là nguyên nhân dẫn đến tình trạng không thể kiểm soát được chất lượng của các cơ quan cứu hộ ĐVHD.

+ Chuyên môn cán bộ kỹ thuật, nhân viên cứu hộ ĐVHD. Đối với công tác mang tính đặc thù cao như cứu hộ ĐVHD, nhu cầu đặt ra những quy định pháp luật mang tính tiêu chí cụ thể về yêu cầu trình độ chuyên môn của cán bộ kỹ thuật cứu hộ ĐVHD là điều hoàn toàn thiết thực và cần phải được chú trọng bổ sung nhanh chóng. Tuy nhiên trong các văn bản luật, các quy định pháp luật lại chưa chặt chẽ, cụ thể tại điểm b, khoản 2, Điều 42 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định *“Cán bộ kỹ thuật có chuyên môn phù hợp”*; hay trong Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong nuôi dưỡng, cứu hộ ĐVHD trên địa bàn thành phố Hà Nội có quy định về người làm công tác chuyên môn kỹ thuật, cán bộ thú y: Trình độ chuyên môn, bằng cấp: *Phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt*. Cũng giống như việc quy định về điều kiện cơ sở vật chất của các cơ sở cứu hộ động vật, khi quy định về chuyên môn cán bộ kỹ thuật mới chỉ đề cập đến tiêu chí “phù hợp” nhưng không kèm các hướng dẫn đánh giá cụ thể để xác định như thế nào là “phù hợp”, đạt yêu cầu. Có thể thấy từ quy định này sự thiếu cơ sở, tính chặt chẽ và mơ hồ trong việc tuyển chọn các vị trí trong các cơ quan cứu hộ, gây khó khăn dẫn đến thiếu nguồn nhân lực chuyên môn, ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các hoạt động bảo tồn và cứu hộ ĐVHD tại Việt Nam. “Theo thống kê của Trung tâm cứu hộ ĐVHD Hà Nội thì số lượng bác sĩ thú y chỉ vồn vẹn là 1 người có đủ

chuyên môn. Trong khi đó, tất cả các công nhân ở Trung tâm thì đều có bằng Trung cấp Chăn nuôi - thú y nhưng năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn để thăm khám, chữa trị cho các cá thể ĐVHD thì chưa đủ, họ cần đội ngũ bác sĩ phải dày dặn kinh nghiệm trong thực tiễn để có thể thực hiện công tác cứu hộ¹”.

Tuy nhiên, bên cạnh nguyên nhân xuất phát từ phía các quy định pháp luật, tình trạng này còn do các vấn đề khác như hạn chế về khả năng tài chính để trang bị cho đội ngũ nhân viên đầy đủ trang thiết bị và thiết bị hiện đại, đồng thời các công việc liên quan đến cứu hộ và bảo tồn ĐVHD đòi hỏi các kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm cao hay vấn đề phúc lợi cho nhân viên còn eo hẹp,... Nhìn chung, việc khắc phục những hạn chế trong việc nâng cao chất lượng cán bộ kỹ thuật, nhân viên là hành động cấp thiết để nâng cao hiệu quả cứu hộ ĐVHD.

** Quy trình, quy chế & Thủ tục cứu hộ:*

Quy trình cứu hộ là một yếu tố quan trọng quyết định việc thực hiện cứu hộ có thành công hay không, thế nhưng chưa có một văn bản pháp luật nào quy định cụ thể quy trình cứu hộ ĐVHD tại nước ta. Về cơ bản, các văn bản pháp luật chỉ mới đang tập trung quy định các thủ tục xử lý. Cụ thể, theo Điều 47 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định về cứu hộ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ: “Tổ chức, cá nhân phát hiện cá thể loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ bị mất nơi sinh sống tự nhiên, bị lạc, bị thương hoặc bị bệnh có trách nhiệm báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở cứu hộ nơi gần nhất. Sau khi nhận được thông tin, Ủy ban nhân dân cấp xã phải kịp thời báo cáo với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc báo cơ sở cứu hộ nơi gần nhất”; hay quy định tại điểm b) khoản 3 Điều 12 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng: “Ban hành quyết định cứu hộ động vật rừng: do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật rừng ban hành. Nếu như phải chuyển giao động vật rừng đến cơ sở cứu hộ để tổ chức cứu hộ thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định cứu hộ động vật rừng lập biên bản giao nhận động vật rừng để cứu hộ”. Quy định trên chỉ tập trung vào thủ tục xử lý động vật rừng cần cứu hộ, còn các bước cứu hộ lại chưa được đề cập đến cụ thể, nếu có cũng chỉ áp dụng với đối tượng là loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trong khi đó ĐVHD cần cứu hộ không chỉ riêng các loài nguy cấp, quý, hiếm, ưu tiên bảo vệ.

Khó khăn hơn ở việc ban hành quy định quy chế cứu hộ ĐVHD thì mỗi tỉnh lại đưa ra một văn bản quy định về vấn đề này, như Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND về Quy chế cứu hộ ĐVHD trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1397/2014/QĐ-UBND về Quy chế cứu hộ ĐVHD do tỉnh Quảng Ninh ban hành hay Quyết định số 5703/QĐ-

¹ Ánh Ngọc; Nhiều khó khăn trong việc cứu hộ ĐVHD; Đăng ngày 09/12/2021; Trang web: <https://kinhtedothi.vn/nhieu-kho-khan-trong-cuu-ho-dong-vat-hoang-da.html>; Truy cập ngày 12/02/2023.

UBND về Quy chế cứu hộ động vật hoang dã do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ... Việc các quy định liên quan đến vấn đề cứu hộ ĐVHD nằm rải rác mà không được thống nhất về một đầu mối chung là một vấn đề cần được xem xét đối với hoạt động lập pháp, bởi với số lượng các văn bản luật quy định thiếu tập trung sẽ gây khó khăn rất lớn cho việc áp dụng pháp luật. Hơn nữa, việc ban hành không đồng bộ sẽ khó khăn trong việc quy kết trách nhiệm thực thi, xảy ra hiện trạng chồng chéo thẩm quyền, nhiệm vụ của hàng loạt các cơ quan, ban ngành liên quan, khiến cho quy định pháp luật được ban hành không đạt được hiệu quả thực thi. Bên cạnh đó, quá chú trọng các thủ tục pháp lý cũng khiến cho quy trình cứu hộ bị cản trở bởi các thủ tục quá phức tạp, chồng chéo, trong khi đó việc cứu hộ ĐVHD đòi hỏi sự nhanh chóng và thận trọng. Bàn về các quy định công tác cứu hộ, Tiến sĩ Bạch Thanh Hải – Giám đốc Trung tâm Cứu hộ bảo tồn phát triển sinh vật Cát Tiên cho rằng: “Các quy trình, quy chuẩn tiêu chuẩn chăm sóc cứu hộ còn thiếu và chưa được thể chế hóa đầy đủ. Thủ tục tiếp nhận còn nhiều bất cập, qua nhiều khâu thủ tục, hồ sơ giấy tờ, qua nhiều cơ quan chức năng, thời gian lưu giữ động vật để hoàn thiện các thủ tục pháp lý dài ảnh hưởng xấu đến sự sống của ĐVHD”.¹

** Về chế tài xử phạt:*

Sau khi Bộ luật Hình sự năm 2015 được Quốc hội thông qua, ngày 24/02/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã kịp thời ban hành Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT quy định Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES. Và gần đây nhất Thông báo 25/TB-CTVN năm 2023 công bố Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam ban hành. Ngoài ra, các danh mục loài trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP) và Nghị định số 160/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP) cũng là văn bản quan trọng để các cơ quan chức năng xử lý hành chính và các cơ quan tiến hành tố tụng căn cứ khi xác định hành vi phạm. Nhưng tuy nhiên, hệ thống pháp luật liên quan đến cứu hộ ĐVHD hiện nay vẫn đang gặp phải vô số bất cập, chưa hoàn thiện ở các điểm như: (i) Các quy phạm về cứu hộ ĐVHD hiện không được quy định tập trung mà nằm rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; (ii) Các quy định pháp luật hiện hành cũng còn nhiều mâu thuẫn, chồng chéo và (iii) Nội dung một số văn bản còn chưa bao quát hết đối tượng điều chỉnh, chưa đạt tính hiệu quả thực thi cao cũng như chưa sát với thực tiễn cứu hộ ĐVHD hiện nay. Và bàn luận về vấn đề này, bà Bùi Thị Hà, Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) nhận xét: “*Luật chồng chéo nhau*

¹ Bảo Hạnh; Bảo tồn ĐVHD: Chính sách thiếu, kiến thức yếu; Bảo Dân sinh; Đăng ngày 18/12/2019; Trang web: <https://baodansinh.vn/bao-ton-dong-vat-hoang-da-chinh-sach-thieu-kien-thuc-yeu-20191218070618941.htm>.

những quy định, điều kiện cấp phép của văn bản nào cũng rất sơ sài, chỉ quy định chung chung, thiếu hướng dẫn cụ thể. Nói nôm na, quy định của Luật hiện nay giống như có chuồng, có khung nhưng thiếu rất nhiều song sắt”.¹

5. YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÁP LUẬT VỀ CỨU HỘ ĐVHD

Đánh giá các quy định của pháp luật là một trong những hoạt động quan trọng nhằm hoàn thiện pháp luật đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Đối với riêng pháp luật về cứu hộ ĐVHD - một lĩnh vực pháp luật khá đặc thù và còn chưa nhiều quy định, việc đưa ra những tiêu chí đánh giá dựa trên cơ sở những tiêu chí về mức độ hoàn thiện pháp luật nói chung, đồng thời dựa trên các đặc điểm của pháp luật cứu hộ ĐVHD cũng như pháp luật về bảo vệ ĐVHD, ĐDSH cũng như tham khảo sự đánh giá của các ngành luật khác². Từ đây có thể đưa ra một số các tiêu chí đánh giá cơ bản, đó là: tính toàn diện, tính đồng bộ, tính phù hợp và trình độ kỹ thuật lập pháp của pháp luật.

Tính toàn diện

Tính toàn diện là yêu cầu đầu tiên thể hiện mức độ hoàn thiện của pháp luật nói chung và khung pháp lý điều chỉnh hoạt động cứu hộ ĐVHD nói riêng. Tính toàn diện trước hết phải thể hiện mức độ bao trùm các quan hệ phát sinh trong quá trình cứu hộ ĐVHD. Các quan hệ này rất phong phú và đa dạng bắt đầu từ tiếp nhận các nguồn cứu hộ cho đến giai đoạn cứu chữa, chăm sóc và tái thả hay quyết định nuôi loài động vật cần bảo vệ. Đó là các quan hệ phát sinh giữa các loài ĐVHD cần được cứu hộ và các cá nhân hay tổ chức cứu hộ, liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm việc đảm bảo hoạt động cứu hộ ĐVHD. Bên cạnh đó, khung pháp lý điều chỉnh hoạt động cứu hộ ĐVHD cũng phải thiết lập cơ chế pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng điều chỉnh đặt ra bằng các quy định cụ thể.

¹ Bích Lan-Bùi Hùng; Hoàn thiện khung pháp luật về bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm; Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam; Đăng tải ngày 20/11/2020; Trang web <https://quochoi.vn/bancongtacdaibieu/tintuc/Pages/tin-hoat-dong.aspx?ItemID=216>; Truy cập ngày 13/02/2023

² ThS. Hà Thị Nguyệt Thu, Cục Sở hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ; Một số tiêu chí cơ bản đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam; Tạp chí điện tử Lý luận Chính trị; Đăng ngày 19/12/2016; Trang web: <http://www.lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/1777-mot-so-tieu-chi-co-ban-danh-gia-muc-do-hoan-thien-cua-phap-luat-ve-xu-ly-hanh-vi-xam-pham-quyen-so-huu-cong-nghiep-doi-voi-nhan-hieu-o-viet-nam.html> (Truy cập ngày 12/02/2023)

TS. Lê Vũ Nam, Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; Cơ sở đánh giá khung pháp lý điều chỉnh hoạt động đầu tư chứng khoán tại Việt Nam; Nghiên cứu lập pháp; Đăng ngày 01/05/2011; Trang web: <http://www.lapthap.vn/Pages/TinTuc/207553/Tieu-chi-danh-gia-khung-phap-ly-dieu-chinh-hoat-dong-dau-tu-chung-khoan.html> (Truy cập ngày 12/02/2023)

Tính đồng bộ

Tính đồng bộ là một trong những tiêu chí đánh giá pháp luật. Tính đồng bộ của pháp luật thể hiện sự thống nhất của nó. Với tư cách là một bộ phận của hệ thống pháp luật, khung pháp lý điều chỉnh hoạt động cứu hộ ĐVHD bên cạnh việc phải thỏa mãn yêu cầu về tính toàn diện cũng cần đáp ứng tiêu chí về tính đồng bộ. Theo chúng tôi, tính đồng bộ của khung pháp lý điều chỉnh hoạt động cứu hộ ĐVHD đòi hỏi các văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp những quan hệ phát sinh trong lĩnh vực cứu hộ ĐVHD và các văn bản hướng dẫn phải có sự thống nhất, không mâu thuẫn, ăn khớp với các văn bản pháp luật của các ngành luật khác... Song song đó, giữa các văn bản pháp luật trực tiếp điều chỉnh hoạt động cứu hộ ĐVHD không được có những quy định trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn nhau. Ngoài ra, các văn bản điều chỉnh hoạt động cứu hộ ĐVHD phải đảm bảo tính thống nhất và không được trái với các quy định của Hiến pháp năm 2013 và những cam kết quốc tế có liên quan của Việt Nam.

Tính khả thi

Tính khả thi của pháp luật là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng quyết định khả năng thực thi quy định đó. Bản chất sự hình thành của pháp luật nhằm mục tiêu quản lý, bảo vệ quan hệ pháp luật mà nó điều chỉnh. Đối với pháp luật cứu hộ ĐVHD, đối tượng điều chỉnh là những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tiến hành cứu hộ, giải cứu, bảo vệ ĐVHD, các thủ tục tiếp nhận cứu hộ, điều kiện cơ sở vật chất, các cơ chế cứu hộ và các quy định liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm trong việc cứu hộ động vật... Các quy định pháp luật ban hành phù hợp với thực tiễn sẽ dễ dàng và đạt được hiệu quả cao nhất trong việc thực thi pháp luật.

Tính hiệu quả

Tính hiệu quả của pháp luật nói chung là vấn đề chủ yếu được đặt ra trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Hiệu quả của pháp luật trước hết thể hiện trong chất lượng nội dung của pháp luật thông qua các yếu tố nội tại của pháp luật, có thể kể đến như tính minh bạch, chặt chẽ thống nhất về hình thức, nội dung hay đạt được tính ứng dụng ra sao với một văn bản pháp luật. Với hoạt động cứu hộ ĐVHD, các quy định pháp luật có hiệu quả khi có thể điều chỉnh bao quát các hoạt động liên quan đến cứu hộ, đảm bảo việc thi hành cứu hộ, góp phần nâng cao hiệu quả cứu hộ cũng như bảo vệ động vật hay sự đa dạng sinh học Việt Nam.

6. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỨU HỘ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Nhìn chung, thực trạng pháp luật liên quan đến cứu hộ ĐVHD của Việt Nam còn tồn tại nhiều vấn đề khi chưa được toàn diện, đồng bộ và đạt được hiệu quả cao. Trong bối cảnh trên, việc hoàn thiện khung pháp lý là hết sức cần thiết nhằm tạo tiền đề để bảo vệ

toàn diện các loài ĐVHD. Qua việc phân tích những tồn đọng của thực trạng cũng như xem xét các yêu cầu đối với pháp luật về cứu hộ ĐVHD, nhóm tác giả đưa ra những định hướng nhằm hoàn thiện pháp luật về cứu hộ ĐVHD như sau:

Thứ nhất, cần phải có quy định pháp luật cụ thể và thống nhất về cứu hộ ĐVHD. Hành lang pháp lý chưa đầy đủ và đồng bộ trong quản lý hoạt động của các trung tâm cứu hộ và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học như hiện nay không những cản trở hoạt động cứu hộ ĐVHD mà còn tạo ra những kẽ hở cho một số đối tượng lợi dụng để tiến hành các hoạt động buôn bán ĐVHD trái phép, tác động tiêu cực đến các nỗ lực bảo vệ ĐVHD và bảo tồn đa dạng sinh học của Việt Nam. Xây dựng khung pháp luật riêng cần chú trọng đến khâu khắc phục những khoảng trống, điểm mờ pháp luật, những chồng chéo, vi phạm trước mắt, để đạt mục đích phát triển bền vững, lâu dài. Với những “lỗ hổng” còn tồn đọng, việc cấp bách cần làm là xem xét một cách có hệ thống, giới hạn thẩm quyền từ văn bản Luật, đến Nghị định, Thông tư nhằm tránh bỏ lọt cũng như tăng cường hiệu quả pháp luật cứu hộ ĐVHD.

Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy tắc, quy định không thể tách rời công tác tuyên truyền, giáo dục, giải thích pháp luật. Điều này nhằm hạn chế thực trạng áp dụng không kịp thời các quy định mới, hiểu sai nội hàm của các quy định. Chính phủ cần theo dõi, giám sát hoạt động chăm sóc, bảo vệ ĐVHD sau giải cứu để kịp thời ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết để kịp thời điều chỉnh, điều phối hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội...

Thứ hai, cần xây dựng quy chuẩn cứu hộ ĐVHD, trong đó quy định cụ thể về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các quy định kỹ thuật (an toàn trong khi được chuyển giao, lưu giữ và cách ly; kiểm tra và phân loại ban đầu sau khi tiếp nhận, yêu cầu về thời gian cách ly; yêu cầu về kiểm tra dịch bệnh và chấn thương của ĐVHD được tiếp nhận cứu hộ để có thể đưa ra được hướng chữa trị thích hợp với từng đối tượng, các nguyên tắc về chữa trị, về vệ sinh dịch bệnh, các yêu cầu riêng với từng nhóm loài như thú, chim,...; quy định về yêu cầu xử lý sau phân loại sau khi tiếp nhận...).

Tham khảo từ bản dự thảo về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái thả động vật rừng năm 2009 (tiếng Anh: National technical regulation on Re-introduction of forest animal)¹, cụ thể, khi xây dựng bộ quy chuẩn kỹ thuật về cứu hộ ĐVHD:

Phần quy định chung, về phạm vi điều chỉnh: Quy định về các biện pháp kỹ thuật liên quan đến hoạt động cứu hộ ĐVHD; Đối tượng áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan tới cứu hộ ĐVHD tại Việt Nam.

Các quy định kỹ thuật phải đảm bảo:

(i) Yêu cầu về an toàn đối với động vật được cứu hộ, nhân viên cứu hộ và trung tâm cứu hộ;

¹ Dự thảo được đăng tải bởi Cục Kiểm lâm tại www.kiemlam.org.vn.

(ii) Yêu cầu về kiểm tra và phân loại ban đầu với các tiêu chí phân loại cụ thể đi kèm

(iii) Yêu cầu cách ly, chữa trị, kiểm tra dịch bệnh và chấn thương, chữa trị và vệ sinh dịch bệnh: Ưu tiên chữa trị đối động vật thuộc loài đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các loài thuộc phụ lục I Công ước CITES (trừ các loài đã được gây nuôi sinh sản thương mại thành công theo danh mục đăng ký công bố trên website CITES), những cá thể khác sau khi kiểm dịch, bác sỹ thú y xác định tình trạng bệnh tật và đưa ra các khuyến nghị chuyên môn làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý.

(iv) Đặc biệt, với mỗi nhóm động vật cần phải có các yêu cầu riêng để đạt được hiệu quả cứu hộ cao nhất (yêu cầu về thời gian cứu hộ, các bước cứu hộ và những lưu ý bố trí môi trường phục hồi cho mỗi loài) ví dụ như nhóm lưỡng cư và bò sát - là nhóm loài có hình dạng, trọng lượng và tập tính đa dạng. Do đó, việc cứu hộ cũng phải có hoạt động phân loại ngay từ bước đầu để có các hình thức quản lý và chăm sóc cho phù hợp. Ngoài việc áp dụng một số nguyên tắc chung áp dụng cho các nhóm Chim và Thú thì đối với nhóm bò sát và lưỡng cư cần lưu ý một số nguyên tắc: Thời gian cách ly cần dài hơn các nhóm động vật khác; Các loài có độc tố như rắn, ếch độc... phải được nhốt riêng với các ghi chú đầy đủ ở khu vực lưu giữ; Cần phải có điều kiện về ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm phù hợp với đặc tính biến nhiệt của nhóm Bò sát - Lưỡng cư.

(v) Các yêu cầu xử lý sau phân loại (tiêu hủy; chuyển làm mẫu vật phục vụ nghiên cứu & giáo dục; tái thả; chuyển qua vườn thú) tùy thuộc vào tình trạng, diễn biến phục hồi của mỗi loài thực hiện đi kèm các lưu ý nhất định (ví dụ như Yêu cầu về tiêu hủy phải được thực hiện trong vòng 6 tiếng đồng hồ sau khi có kết kết luận của bác sỹ thú y đối với động vật chết và nhiễm dịch bệnh nguy hiểm và đảm bảo các nguyên tắc dưới về biện pháp tiêu hủy đảm bảo gây đau đớn ít nhất đối với động vật; Đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật).

Bên cạnh việc ban hành bộ quy chuẩn cứu hộ, việc quan tâm đến các trung tâm cứu hộ cũng là hành động vô cùng cấp thiết khi đây chính là những cơ quan thực thi các quy chuẩn trên. Xây dựng cơ chế khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển và gia tăng số lượng của các Trung tâm cứu hộ ĐVHD cũng như thu hút nhân lực chuyên môn cao như cung cấp các chính sách hỗ trợ tài chính, thuế, giảm giá đất đai, phí thuê đất cho các trung tâm cứu hộ ĐVHD. Ngoài ra, cần tạo điều kiện thuận lợi để các trung tâm cứu hộ có thể tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng nhân viên, nâng cao kỹ năng và kiến thức của họ về cứu hộ ĐVHD.

Thứ ba, cơ quan có thẩm quyền phối hợp cùng các Trung tâm cứu hộ, thú y xây dựng cẩm nang cứu hộ đối với từng nhóm loài ĐVHD. Quy trình cứu hộ bao gồm những quy định về đối tượng có thẩm quyền cứu hộ, chi tiết các bước thực hiện cứu hộ, điều kiện, cơ sở vật chất, các thủ tục hành chính liên quan...

Tham khảo từ Chương trình khóa tập huấn “*Khung pháp lý hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm về ĐVHD và các tội phạm xuyên quốc gia khác*” của tổ chức WCS (Wildlife Conservation Society) phối hợp cùng các trường đại học; trong phần trình bày về “*Công tác cứu hộ, chăm sóc các loài ĐVHD là vật chứng trong các vụ việc về buôn bán trái phép ĐVHD*” của cán bộ Chương trình, tổ chức WCS thì quy trình cứu hộ khá phức tạp và đòi hỏi sự thận trọng trong các khâu thực hiện. Đầu tiên, các trung tâm cứu hộ cần phải chuẩn bị đầy đủ lồng vận chuyển, thức ăn, chuồng trại cho đợt cứu hộ. Tiếp đó, đội ngũ cứu hộ lên đường di chuyển đến nơi cần cứu hộ, thực hiện việc cấp cứu và chăm sóc ngay tại hiện trường để đảm bảo rằng loài cần cứu hộ không bị thiệt mạng. Sau khi đảm bảo được tính mạng của loài thì phải đưa chúng về trung tâm cứu hộ - nơi mà được chuẩn bị thức ăn hằng ngày và trang thiết bị y tế đầy đủ phục vụ việc kiểm tra, phẫu thuật, điều trị, theo dõi và chăm sóc cho đến khi chúng khỏe mạnh để đủ điều kiện thả về môi trường tự nhiên. Bước cuối cùng là tái thả các loài ĐVHD về môi trường tự nhiên của chúng.

Mỗi loài động vật nói chung và ĐVHD nói riêng sẽ có những tập tính, bản năng khác nhau để nhờ đó mà có thể tồn tại, nói cách khác, động vật cần được sống trong môi trường thuận lợi, phù hợp thì mới tồn tại được. Theo các chuyên gia trong lĩnh vực bảo tồn ĐVHD, việc cứu hộ các loài ĐVHD bị nuôi nhốt hoặc buôn bán trái phép, đặc biệt nhóm thú lớn nguy hiểm là một vấn đề rất rủi ro và phức tạp, cả về mặt chuyên môn cũng như về pháp lý và tài chính. Trong một số trường hợp (ví dụ như khi vận chuyển đi buôn bán), các con thú này thường bị nhồi nhét, bó buộc, đánh thuốc, phải đi quãng đường xa hoặc bị nhốt và khai thác tàn bạo trong thời gian dài, do đó phần lớn sức khỏe đã yếu. Với tình trạng như vậy, việc cứu hộ có thể có rất nhiều rủi ro lớn và cần nguồn nhân lực có chuyên môn và kinh nghiệm nhưng hiện tại nguồn nhân lực có chuyên môn lại vô cùng khan hiếm. Như vậy, để quá trình cứu hộ ĐVHD đem lại kết quả tốt nhất thì việc xây dựng Cẩm nang cứu hộ ĐVHD là hoàn toàn cần thiết.

**Cẩm nang cứu hộ ĐVHD* là một tài liệu hướng dẫn cho những người tham gia vào hoạt động cứu hộ ĐVHD, nó bao gồm các thông tin về việc nhận dạng, cứu hộ và chăm sóc các loài ĐVHD bị thương, bị bỏ rơi hoặc bị tấn công hoặc từ việc buôn bán trái phép ĐVHD. Ngoài ra, cẩm nang này cũng cung cấp các quy định và hướng dẫn cụ thể cho từng loài động vật để đảm bảo cứu hộ và chăm sóc được thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất. Có thể kể đến cẩm nang: “*Nhận dạng và cứu hộ các loài rùa từ buôn bán trái phép*” do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (tiếng Anh: United States Agency for International Development - USAID) phối hợp cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện. Cẩm nang đề cập đến cách phân loại và nhận biết cá thể rùa, kỹ thuật chăm sóc và tiếp cận rùa cơ bản, các vấn đề thường gặp ở ĐVHD bị buôn bán; lưu ý về chăm sóc và vận chuyển động vật; kỹ thuật chăm sóc cơ bản với động vật khi thu giữ... Với việc hướng dẫn một cách chi tiết và cụ thể thông qua cẩm nang đã nâng cao hiệu quả

không chỉ công tác cứu hộ mà còn là các công tác nhận biết các hành vi vi phạm và ngăn chặn những hành động gây nguy hại đến động vật.

Thứ tư, xét về việc đối xử nhân đạo với động vật, Việt Nam cần có quy định về phúc lợi động vật nói chung và ĐVHD nói riêng trong các văn bản liên quan tiến tới xây dựng một đạo luật riêng về vấn đề này¹. Phúc lợi động vật là một khái niệm đang được quan tâm và chú trọng tại nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam. Nó được hiểu là đảm bảo sức khỏe, hạnh phúc và sự phát triển tự nhiên của động vật, bao gồm cả ĐVHD.¹

Những quy định về phúc lợi liên quan đến ĐVHD phải được đưa ra để đảm bảo rằng sự bảo vệ và chăm sóc ĐVHD được thực hiện đúng cách. Với ĐVHD, việc xây dựng cơ chế phúc lợi cần đặc biệt chú ý và quan tâm đến việc bảo vệ chúng khỏi sự tàn phá và bảo vệ các môi trường sống của chúng. Các khu vực bảo tồn ĐVHD cần được bảo vệ khỏi sự xâm hại của con người và các hoạt động phá rừng, khai thác khoáng sản và đánh bắt động vật. Bên cạnh đó, cần phải cải thiện các khu vực sống tự nhiên của các loại động vật bao gồm việc cung cấp thức ăn và xây dựng môi trường sống phù hợp. Điều này sẽ đảm bảo được ĐVHD có đủ điều kiện sống tốt ngay khi chúng đã được cứu hộ xong và tái thả.

Ngoài xây dựng cơ chế pháp lý, cần tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ và phát triển bền vững động vật. Việc đẩy mạnh các hoạt động giáo dục và tuyên truyền về phúc lợi động vật sẽ giúp nâng cao ý thức của người dân về việc đảm bảo phúc lợi động vật từ đó cộng đồng sẽ càng trở nên văn minh hơn khi nhận thức được tầm quan trọng của việc cứu hộ ĐVHD. Đồng thời việc nâng cao nhận thức của người dân về phúc lợi ĐVHD cũng là một cách tác động lớn đến nhận thức của người dân, để trong tương lai chính họ cũng sẽ góp phần thành công trong hoạt động cứu hộ cũng như bảo vệ ĐVHD. Việc này sẽ giảm thiểu phần lớn nguy cơ ĐVHD chết vì không được kịp thời cứu chữa bởi trên thực tế khi thấy loài ĐVHD cần được cứu hộ đều phải chờ Trung tâm Cứu hộ để thực hiện điều đó, khiến cho các trường hợp ĐVHD bị thương nặng sẽ có thể chết trước khi Trung tâm Cứu hộ đến.

Thứ năm, hiện nay các quy định cụ thể về vi phạm liên quan đến cứu hộ động vật hiện chưa được quy định và ban hành như kỳ vọng, trong khi với tình hình thực tế đưa ra nhiều tình huống cụ thể, việc thiếu sót trong quy định chế tài xử phạt hành vi này có thể sẽ dẫn đến hệ lụy khó lường, cần xây dựng cơ chế pháp luật với các hành vi sai phạm trong quá trình cứu hộ ĐVHD như lợi dụng chức vụ quyền hạn cố ý làm sai quy trình cứu hộ nhằm chuộc lợi, giám định sai giống loài gây cản trở đến quá trình cứu hộ và “lấp liếm” động vật có mức độ nguy cấp, cần được bảo vệ...

¹ TS. Võ Trọng Thành; Phúc lợi động vật: Từ luật đến thực tiễn; Viện chăn nuôi Quốc gia - Trung tâm nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì.

Để bảo vệ ĐVHD một cách có hiệu quả nhất, ngoài việc phải củng cố mối quan hệ đối tác ở mọi cấp, quốc gia, khu vực và quốc tế, giữa chính phủ và các tổ chức xã hội và khu vực tư nhân, cần kết hợp hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng thời tổ chức các chương trình tập huấn cho các cán bộ chuyên ngành, qua đó nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm của các cán bộ, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan thực thi pháp luật, bởi đây là một ngành đòi hỏi sự hy sinh và trách nhiệm rất lớn, Nhà nước cần có chế độ đãi ngộ và trả công xứng đáng đối với những cán bộ nhà nước hoạt động trong ngành này. Bên cạnh đó, việc tiến hành những chiến dịch nâng cao nhận thức để gây ảnh hưởng tới người dân để có nhận thức hơn nữa về tính nguy cấp của vấn đề suy giảm ĐVHD cũng như tính cần thiết phải nâng cao công tác cứu hộ động vật. Sự thay đổi tích cực trong nhận thức của người dân đối với vấn đề này giúp biến chuyển tích cực cục diện ngày càng xấu đi của các loài ĐVHD.

5. KẾT LUẬN

Có thể nói, việc quan tâm đến vấn đề cứu hộ động vật là vô cùng cần thiết trước bức tranh toàn cảnh thế giới đang đối diện với sự suy giảm các loài động vật cũng như mất cân bằng hệ sinh thái. Chính vì vậy, nâng cao các vấn đề bảo tồn và phát triển các loài ĐVHD - trong đó hoạt động cứu hộ là một trong những hành động phải được ưu tiên và chú trọng hàng đầu nhưng hiện nay các vấn đề liên quan đến cứu hộ ĐVHD tại Việt Nam. Hệ thống pháp luật toàn diện và hợp lý sẽ là nền tảng để Nhà nước, các tổ chức, cá nhân đóng góp vào công tác cứu hộ động vật cũng là cơ sở để nghiêm trị các hành vi vi phạm pháp luật nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm hay những ảnh hưởng xấu trong lĩnh vực này. Pháp luật là tiền đề quan trọng, tuy nhiên, hiệu quả của công tác cứu hộ ĐVHD sẽ thực sự đến từ công tác thực thi. Mỗi cán bộ thực thi pháp luật bên cạnh việc hiểu rõ quy định pháp luật cứu hộ cũng như bảo vệ ĐVHD mà còn tự nhận thức được vai trò và sự cần thiết phải bảo vệ ĐVHD để từ đó áp dụng đúng và có hiệu quả các quy định này để bảo vệ tốt nhất các loài ĐVHD tại Việt Nam.

Trong bài viết này, nhóm tác giả góp phần đem lại một cái nhìn tổng quan, toàn diện về hệ thống khái niệm, sự cần thiết phải cứu hộ ĐVHD bằng các quy định pháp luật, tổng quan quy định pháp luật hiện hành về cứu hộ ĐVHD. Nhóm tác giả cũng đưa ra các đánh giá của cá nhân về những chính sách, pháp luật hiện hành trong lĩnh vực bảo vệ ĐVHD và phân tích những vướng mắc về thực thi pháp luật trong hoạt động này để từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tăng cường khả năng thực thi pháp luật về cứu hộ ĐVHD ở Việt Nam. Bên cạnh đó, nhóm tác giả còn có những kiến nghị, đề xuất từ việc nghiên cứu, học hỏi và rút ra bài học kinh nghiệm hữu ích cho Việt Nam trong công cuộc cứu hộ cũng như bảo vệ ĐVHD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Trường Đại học Luật Hà Nội; NXB Tư pháp.
- [2] PGS. TS. Vũ Công Giao và ThS. Nguyễn Minh Tâm; Một số khía cạnh đạo đức và pháp lý về quyền của động vật; Viện nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghiên cứu lập pháp; Trang web: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208455> (Truy cập ngày 25/2/2023)
- [3] TS. Lê Vũ Nam, Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; Cơ sở đánh giá khung pháp lý điều chỉnh hoạt động đầu tư chứng khoán tại Việt Nam; Nghiên cứu lập pháp; Đăng ngày 01/05/2011; Trang web: <http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/207553/Tieu-chi-danh-gia-khung-phap-ly-dieu-chinh-hoat-dong-dau-tu-chung-khoan.html> (Truy cập ngày 12/02/2023).
- [4] ThS. Hà Thị Nguyệt Thu, Cục Sở hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ; Một số tiêu chí cơ bản đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam; Tạp chí điện tử Lý luận Chính trị; Đăng ngày 19/12/2016; Trang web: <http://www.lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/1777-mot-so-tieu-chi-co-ban-danh-gia-muc-do-hoan-thien-cua-phap-luat-ve-xu-ly-hanh-vi-xam-pham-quyen-so-huu-cong-nghiep-doi-voi-nhan-hieu-o-viet-nam.html> (Truy cập ngày 12/02/2023).
- [5] Bích Lan-Bùi Hùng; Hoàn thiện khung pháp luật về bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm; Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam; Đăng tải ngày 20/11/2020; Trang web: <https://quochoi.vn/bancongtacdaibieu/tintuc/Pages/tin-hoat-dong.aspx/tin-hoat-dong.%20aspx?ItemID=216> (Truy cập ngày 13/02/2023).
- [6] Ánh Ngọc; Nhiều khó khăn trong việc cứu hộ ĐVHD; Báo Kinh tế đô thị - <https://kinhtedothi.vn/nhieu-kho-khan-trong-cuu-ho-dong-vat-hoang-da.html> (Truy cập ngày 24/2/2023).
- [7] Bảo Hạnh; Bảo tồn ĐVHD: Chính sách thiếu, kiến thức yếu; Báo Dân sinh đăng tải ngày 18/12/2019; Trang web: <https://baodansinh.vn/bao-ton-dong-vat-hoang-da-chinh-sach-thieu-kien-thuc-yeu-20191218070618941.htm> (Truy cập ngày 25/2/2023).
- [8] Đinh Văn Quế; Bình luận tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã; Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử; Trang web: <https://tapchitoaan.vn/binh-luan-toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da> (Truy cập ngày 28/02/2023).
- [9] TS. Võ Trọng Thành, Phúc lợi động vật: Từ luật đến thực tiễn, Viện Chăn nuôi Quốc gia - Trung tâm nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì.
- [10] Lê Văn, Phúc lợi động vật rất quan trọng cho phát triển bền vững, Báo VietnamNet; Đăng ngày 19/03/2014; Trang web: <https://vietnamnet.vn/phuc-loi-dong-vat-rat-quan-trong-cho-phat-trien-ben-vung-166325.html> (Truy cập ngày 26/02/2023).
- [11] Nhóm phóng viên báo Phụ nữ TP. HCM; Thú chết quá nhiều ở nơi cứu hộ ĐVHD; Báo Phụ nữ TP. Hồ Chí Minh; Đăng ngày 31/12/2022; Trang web: <https://www.phunuonline.com.vn/thu-chet-qua-nhieu-o-noi-cuu-ho-dong-vat-hoang-da-a1460304.html> (Truy cập ngày 25/2/2023).

- [12] Bảo Trân - Chánh Trung; Cứu hộ ĐVHD: Thiếu và yếu!; Báo Người lao động; Đăng tải ngày 27/07/2012; Trang web: <https://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/cuu-ho-dong-vat-hoang-da-thieu-va-yeu-20120727103340587.htm> (Truy cập ngày 24/2/2023).
- [13] Bùi Thị Hà, Quản lý, bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm: Còn nhiều bất cập, Báo Quân đội nhân dân; Đăng tải ngày 18/02/2022; Trang web <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/quan-ly-bao-ve-dong-vat-hoang-da-nguy-cap-quy-hiem-con-nhieu-bat-cap-686256> (Truy cập ngày 25/2/2023).
- [14] Lan Anh - Chiên Toàn; Áp dụng bộ quy chuẩn về cứu hộ động vật trong các chuyên án liên quan; Báo Dân Việt; Đăng ngày 08/08/2021; Trang web: <https://danviet.vn/ap-dung-bo-quy-chuan-ve-cuu-ho-dong-vat-trong-cac-chuyen-an-lien-quan-20210808165643862.htm> (Truy cập ngày 12/02/2023).
- [15] TTXVN/Vietnam+; Chung tay bảo vệ loài hoang dã ở Việt Nam: Đối mặt xu hướng suy giảm, báo điện tử Vietnam+; Đăng tải ngày 21/05/2021; Trang web <https://www.vietnamplus.vn/chung-tay-bao-ve-loai-hoang-da-o-viet-nam-doi-mat-xu-huong-suy-giam/714198.vnp> (Truy cập ngày 12/02/2023).
- [16] Tổng Minh, Đối mặt với suy thoái hệ sinh thái tự nhiên; Báo Tài Nguyên & Môi Trường; Đăng tải ngày 07/11/2019; Trang web: <https://baotainguyenmoitruong.vn/doi-mat-voi-suy-thoi-he-sinh-thai-tu-nhien-295451.html> (Truy cập ngày 12/02/2023).
- [17] Vu Thuy Hoa, M.A.; Deputy Editor-in-Chief of the Supreme People's Court Magazine; Overview of Vietnam's law on wildlife conservation and protection; Vietnam Law & Legal Forum Magazine; Đăng ngày 06/11/2020; Trang web: <https://www.vietnamlawmagazine.vn/overview-of-vietnams-law-on-wildlife-conservation-and-protection-27456.html> (Truy cập ngày 12/02/2023).
- [18] Holly R. Cope, Clare McArthur, Christopher R. Dickman, Thomas M. Newsome, Rachael Gray, Catherine A. Herbert, A systematic review of factors affecting wildlife survival during rehabilitation and release, PLOS ONE, March 17, 2022; Trang web: <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/35298527/> (Truy cập ngày 21/2/2023).
- [19] Andrew Tribe and Jon Hanger, Animal welfare and wildlife care, National Conference on Wildlife Rehabilitation Victoria 2003, Werribee, Victoria, 30 June - 2 July 2003. Australia: Victoria University.

PHÒNG NGỪ HÀNH VI GÂY NUÔI THƯƠNG MẠI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ BẤT HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LUẬT

Nguyễn Thái Bình¹

(Được hướng dẫn bởi ThS. Nguyễn Phương Thảo)

Tóm tắt: *Gây nuôi thương mại động vật hoang dã là một hoạt động được pháp luật cho phép với mục tiêu ban đầu là nhằm mục đích hạn chế được tình trạng mua bán, nhập lậu và săn bắt trái phép các mẫu vật động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm và các loài thuộc các Phụ lục CITES ngoài tự nhiên. Tuy nhiên, trong thực tế, hiện trạng các quy định của pháp luật đối với hoạt động này vẫn còn mang tính lỏng lẻo, dẫn đến nhiều bất cập, gây ảnh hưởng xấu đến công tác bảo tồn động vật hoang dã ngoài tự nhiên. Thông qua bài viết này, tác giả hướng đến phân tích và làm rõ các thiếu sót của pháp luật thông qua các quy định, hoạt động kiểm soát, quản lý gây nuôi thương mại động vật hoang dã, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm giảm thiểu, chấm dứt các bất cập còn tồn tại.*

Từ khóa: *gây nuôi thương mại động vật hoang dã, động vật hoang dã, CITES*

1. MỞ ĐẦU

Theo Báo cáo Sức sống Hành tinh năm 2020 của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (Tổ chức WWF), trong vòng 50 năm qua, quần thể các loài động vật có xương sống đã suy giảm 68%. Tại Việt Nam, nhiều loài động vật hoang dã đang đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng do bị buôn bán và tiêu thụ bất hợp pháp vì nhiều mục đích khác nhau như làm thực phẩm, thuốc chữa bệnh, đồ trang sức,... [1]. Nhằm khắc phục tình trạng đó, giải pháp gây nuôi thương mại động vật hoang dã (GNTM ĐVHD) được đặt ra với mong muốn có thể tạo sự cạnh tranh với sản phẩm động vật hoang dã (ĐVHD) bị săn, bắt bất hợp pháp ngoài tự nhiên, bên cạnh đó hoạt động gây nuôi này được mong đợi mang lại giải pháp duy trì nguồn gen góp phần bảo tồn loài trong tự nhiên [2]. Tuy nhiên, hoạt động GNTM ĐVHD trong thực tế đã có những tác động theo chiều hướng tiêu cực, đặc biệt đến sự tồn vong của các loài ĐVHD trong tự nhiên do nạn săn bắt bất hợp pháp để đưa vào các cơ sở gây nuôi phục vụ thương mại [1 - 2]. Với việc ĐVHD ngoài tự nhiên vẫn đang bị xâm hại liên tục bởi hoạt động của các cơ sở GNTM ĐVHD, tác giả đã đặt ra một câu hỏi nghiên cứu cần phải được giải quyết tại đề tài này, đó là: Các quy định của pháp luật hiện hành về nguồn gốc nguồn giống ĐVHD được gây nuôi hiện nay liệu đã có sự chặt chẽ và phòng ngừa tốt để có thể bảo vệ được ĐVHD ngoài tự nhiên hay chưa?

¹ Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Email: ntbinh.law@gmail.com

Nhằm giải quyết câu hỏi nghiên cứu đã được đặt ra, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu để làm rõ các vấn đề liên quan, cụ thể: Phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học; Phương pháp nghiên cứu án, tình huống điển hình. Từ đó, đưa ra được các nhận định và đánh giá về tính hiệu quả của pháp luật về phòng ngừa hành vi gây nuôi thương mại động vật hoang dã bất hợp pháp tại Việt Nam hiện nay. Do đó, bài nghiên cứu này có giá trị trong việc đánh giá các quy định của pháp luật nhằm phòng ngừa có hiệu quả các hành vi vi phạm trong hoạt động GNTM ĐVHD hiện nay.

2. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, Ý NGHĨA CỦA HOẠT ĐỘNG GÂY NUÔI THƯƠNG MẠI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

2.1. Một số khái niệm cơ bản của hoạt động gây nuôi thương mại động vật hoang dã

a. Động vật hoang dã

ĐVHD trong tiếng Anh hiện nay thường được thể hiện dưới 02 thuật ngữ là “wild-life” và “wild animals” [3 - 4 - 5]. Trong pháp luật Việt Nam tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP (tác giả thống nhất sử dụng Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 để nghiên cứu nội dung của hai nghị định trên) [6].

Tại VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 đã xác định ĐVHD là những loài động vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi và liệt kê cụ thể 05 nhóm loài động vật, gồm: i) Loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; ii) Loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

iii) Loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES; iv) Loài động vật rừng thông thường [7]; v) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.

Bên cạnh đó, ĐVHD tại VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 còn có sự phân nhóm đối với động vật nguy cấp, quý, hiếm và ĐVHD thuộc Phụ lục CITES. Cụ thể như sau:

Một là, ĐVHD thuộc Phụ lục CITES gồm các nhóm động vật được quy định tại Công ước CITES, gồm: i) Phụ lục I; ii) Phụ lục II; iii) Phụ lục III [8].

Hai là, động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Việt Nam hiện nay được thể hiện tại Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm của VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021, các loài động vật này được phân thành 02 nhóm [9] gồm:

- Nhóm IB gồm các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng và các loài thuộc Phụ lục I CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam.

- Nhóm IIB gồm các loài động vật có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng và các loài thuộc Phụ lục II CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, nhiều loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm này cũng đồng thời nằm trong Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của Nghị định số 64/2019/NĐ-CP.

b. Gây nuôi thương mại động vật hoang dã

Về GNTM ĐVHD, theo một số nghiên cứu nước ngoài, GNTM ĐVHD được thể hiện trong tiếng Anh hiện nay dưới hai thuật ngữ gồm “wildlife farming” và “wildlife ranching” [3 - 4]. Theo đó, “wildlife farming” thường được dùng để chỉ hoạt động nuôi ĐVHD như một cách chăn nuôi thâm canh nhằm mang lại hiệu quả về kinh tế, còn “wildlife ranching” thường được dùng để chỉ hoạt động chăn nuôi ĐVHD ít thâm canh hơn và hoạt động này chủ yếu thực hiện ở châu Phi, ít diễn ra ở Trung Quốc và Đông Nam Á [3]. Bên cạnh đó, hoạt động GNTM ĐVHD hiện nay được Tổ chức Wildlife Conservation Society, chương trình Việt Nam (Tổ chức WCS Việt Nam) định nghĩa là hoạt động nuôi sinh trưởng và nuôi sinh sản ĐVHD trong môi trường có kiểm soát vì mục đích lợi nhuận [2].

GNTM ĐVHD hiện nay được hiểu là bất kỳ hoạt động giao dịch nào đối với mẫu vật loài động vật, thực vật hoang dã nhằm mục đích lợi nhuận và gồm hai hình thức gây nuôi chính: i) Nuôi sinh sản là hình thức nuôi giữ ĐVHD để sản sinh ra các thế hệ kế tiếp trong môi trường có kiểm soát; ii) Nuôi sinh trưởng là hình thức nuôi giữ con, trứng, phôi của các loài ĐVHD để nuôi lớn, cho ấp nở thành các cá thể trong môi trường có kiểm soát [10]. Theo một quan điểm khác khi nghiên cứu về nội dung này đã định nghĩa thuật ngữ “wildlife farming” là hoạt động chăn nuôi ĐVHD trong môi trường nhân tạo - sinh sản và nuôi dưỡng trong môi trường được kiểm soát, tương tự như chăn nuôi gia súc. Mục tiêu tổng thể của việc thiết lập các trang trại ĐVHD là để kinh doanh hoặc để bảo tồn [3].

Thông qua những nghiên cứu trên, tác giả nhận thấy các định nghĩa về GNTM ĐVHD nêu trên đều mang ý nghĩa giống nhau và có thể bổ sung cho nhau để đưa ra một định nghĩa hoàn chỉnh nhất. Theo đó, tác giả đưa ra định nghĩa về GNTM ĐVHD như sau: *GNTM ĐVHD (wildlife farming) tại Việt Nam được hiểu là hoạt động nuôi sinh trưởng và nuôi sinh sản các loài động vật được pháp luật quy định là ĐVHD trong môi trường nuôi nhốt, có sự kiểm soát của con người vì mục đích mua bán và tìm kiếm lợi nhuận.*

2.2. Đặc điểm của gây nuôi thương mại động vật hoang dã

Khi so sánh với hoạt động chăn nuôi nông nghiệp thông thường và gây nuôi ĐVHD không vì mục đích thương mại có thể thấy GNTM ĐVHD có một số sự khác biệt riêng, thể hiện sự đặc trưng của loại hình chăn nuôi này. Theo đó, hoạt động GNTM ĐVHD tại Việt Nam hiện nay mang những đặc điểm như sau:

Thứ nhất, GNTM ĐVHD là một hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Sau khi trở thành thành viên của Công ước CITES năm 1994, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật với nội dung có liên quan đến hoạt động gây nuôi

ĐVHD nói chung và GNTM ĐVHD nói riêng nhằm thực hiện mục tiêu của Công ước CITES là đảm bảo rằng việc buôn bán quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã không đe dọa đến sự sống còn của các loài này trong tự nhiên [11]. Lý do pháp luật Việt Nam cho phép GNTM ĐVHD có thể được giải thích với 03 mục tiêu:

Một là, GNTM ĐVHD là một hoạt động có thể giúp người dân phát triển kinh tế, cải thiện đời sống [12].

Hai là, GNTM ĐVHD sẽ là giải pháp giảm thiểu tình trạng săn bắt và buôn bán các loài ĐVHD có nguồn gốc từ tự nhiên [2].

Ba là, các cơ sở GNTM ĐVHD có thể hỗ trợ Nhà nước trong công tác bảo tồn bằng cách cung cấp nguồn giống bổ sung hoặc tái thả để phục hồi các quần thể ĐVHD trong tự nhiên [2].

Thứ hai, GNTM ĐVHD là một hoạt động nhằm mục đích lợi nhuận.

Lợi nhuận chính là mục tiêu của GNTM ĐVHD. Có một số nghiên cứu chỉ ra rằng các sản phẩm của GNTM ĐVHD có thể được sử dụng để bảo tồn [3 - 2], các cơ sở gây nuôi ĐVHD còn có thể hỗ trợ công tác bảo tồn bằng cách cung cấp nguồn giống bổ sung hoặc tái thả để phục hồi các quần thể tự nhiên. Ví dụ điển hình là việc tái thả cá sấu Xiêm (*Crocodylus siamensis*) vào Vườn quốc gia Cát Tiên từ năm 2001 đến 2004 [2]. Tuy nhiên, cần phải có sự phân biệt giữa mục đích của hai hoạt động GNTM ĐVHD và gây nuôi bảo tồn ĐVHD có những điểm khác biệt nhất định. Động lực chính cho hoạt động GNTM ĐVHD là đầu ra sản phẩm có thể được trao đổi, buôn bán trên thị trường nhằm mục đích thu lợi nhuận [2].

Thực tế, các chủ cơ sở gây nuôi ĐVHD sẽ tập trung nhiều hơn vào mục đích kinh tế, khó có thể quan tâm đến việc gây nuôi nhằm mục đích bảo tồn ĐVHD trong tự nhiên và nhiều chuyên gia cũng đã đưa ra nhận định GNTM ĐVHD không có giá trị bảo tồn, thậm chí còn kích thích nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm từ ĐVHD [13]. Do đó, theo quan điểm của tác giả, cũng như định nghĩa được thừa nhận từ các tổ chức như Tổ chức WCS Việt Nam và Trung tâm Giáo dục thiên nhiên (Tổ chức ENV), GNTM ĐVHD là một hoạt động nhằm mục tiêu tiên quyết là tìm kiếm lợi nhuận.

Theo quan điểm của tác giả, chính đặc điểm này có thể dẫn đến tình trạng vi phạm quy định trong GNTM ĐVHD. Thực tế cho thấy, khi quan tâm về lợi ích kinh tế thu được, các cơ sở gây nuôi thường sẽ theo xu hướng mong muốn giảm thiểu tài chính đầu tư nhưng muốn thu được lợi nhuận cao. Tại Việt Nam, giá của ĐVHD săn bắt từ tự nhiên được rao bán thường ngang bằng hoặc đa số sẽ rẻ hơn ĐVHD được gây nuôi. Bởi lẽ, việc gây nuôi ĐVHD sẽ tốn nhiều chi phí cho việc chăm sóc và thời gian để ĐVHD phát triển đến tiêu chuẩn có thể xuất bán [2]. Khi đó, ĐVHD được săn bắt từ tự nhiên sẽ là mục tiêu hướng đến của các cơ sở gây nuôi thương mại nhằm tối ưu hóa được nguồn vốn tài

chính đầu tư, tiết kiệm được thời gian chăn nuôi chờ thu hoạch và thu về lợi nhuận được nhanh hơn.

Thứ ba, đối tượng gây nuôi của GNTM ĐVHD là các loài ĐVHD được pháp luật cho phép gây nuôi phục vụ mục đích thương mại.

Theo nghiên cứu về bối cảnh ra đời của hoạt động này, GNTM ĐVHD được ra đời với kỳ vọng như một giải pháp giảm thiểu tình trạng săn bắt và buôn bán các loài ĐVHD có nguồn gốc từ tự nhiên và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của một bộ phận người dân [4]. Do đó, hiện nay pháp luật Việt Nam cho phép GNTM ĐVHD nhưng hoạt động này được quản lý với các yêu cầu pháp lý nghiêm ngặt, trong đó có yêu cầu về nguồn, loài ĐVHD được cho phép gây nuôi vì mục đích thương mại.

Theo nội dung tại VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT ngày 30/11/2021, hoạt động GNTM ĐVHD được pháp luật ghi nhận cho phép việc gây nuôi thương mại đối với các loài ĐVHD như động vật rừng thông thường, ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm thuộc các nhóm IB, IIB theo pháp luật Việt Nam và các loài ĐVHD thuộc các Phụ lục I, II, III của CITES. Do đó, có thể thấy đối tượng gây nuôi của hoạt động này chính là các loài ĐVHD. Chính việc “để ngỏ” cho bất cứ loài ĐVHD nào cũng có thể được phép gây nuôi thương mại, các cơ sở gây nuôi tại Việt Nam có thể được cấp phép nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng hợp pháp ít nhất 39 loài hiện đang bị đe dọa trên toàn cầu [14].

2.3. Ý nghĩa của gây nuôi thương mại động vật hoang dã

GNTM ĐVHD là một hoạt động được pháp luật Việt Nam tạo điều kiện cho phép hoạt động dưới sự kiểm soát của pháp luật với nhiều nội dung yêu cầu pháp lý khắt khe trong quá trình gây nuôi. Vì ĐVHD là đối tượng được bảo vệ nghiêm ngặt bởi pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế với mục tiêu bảo vệ các loài này tránh khỏi nguy cơ bị tuyệt chủng. Nếu xem xét về mục đích thương mại, hoạt động GNTM ĐVHD có thể được xem là hành vi nguy cơ cao, đe dọa nghiêm trọng đến sự an toàn của các loài ĐVHD và đi ngược với mục tiêu bảo vệ các loài này. Do đó, hoạt động GNTM ĐVHD phải mang lại những ý nghĩa, đóng góp nhất định nên Chính phủ Việt Nam mới cho phép hoạt động này được diễn ra tại Việt Nam. Qua nghiên cứu, tham khảo các quan điểm, ý kiến xoay quanh hoạt động GNTM ĐVHD, tác giả nhận thấy hoạt động này mang lại những ý nghĩa tích cực như sau:

Thứ nhất, hoạt động GNTM ĐVHD giúp phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo. Việt Nam là một đất nước nông nghiệp, với sự ưu ái về tự nhiên phong phú, thích hợp cho các hoạt động chăn nuôi động vật, do đó hoạt động này có thể giúp người dân tăng gia sản xuất, nâng cao phát triển kinh tế thông qua các mô hình gây nuôi thương mại các loài ĐVHD được pháp luật cho phép [12].

Thứ hai, hoạt động GNTM ĐVHD giúp giảm áp lực từ tình trạng săn bắt và buôn bán các loài ĐVHD có nguồn gốc từ tự nhiên. Đây chính là mục tiêu mà các nhà làm luật đặt ra khi cho phép hoạt động GNTM ĐVHD, rất nhiều quan điểm cho rằng GNTM ĐVHD có ý nghĩa trong việc bảo vệ ĐVHD ngoài tự nhiên vì các sản phẩm từ GNTM ĐVHD có thể thay thế được ĐVHD ngoài tự nhiên. Từ đó giảm thiểu tình trạng săn bắt và buôn bán các loài ĐVHD có nguồn gốc từ tự nhiên [2].

Thứ ba, hoạt động GNTM ĐVHD giúp duy trì nguồn gen, giống của các loài ĐVHD, hỗ trợ tái thả vào tự nhiên. Theo một số quan điểm nghiên cứu, hoạt động GNTM ĐVHD còn có vai trò lớn trong việc hỗ trợ công tác bảo tồn loài trong môi trường hoang dã, duy trì nguồn gen động vật nguy cấp, quý hiếm. Các cơ sở GNTM ĐVHD cũng có thể hỗ trợ Nhà nước trong công tác bảo tồn bằng cách cung cấp nguồn giống bổ sung hoặc tái thả để phục hồi các quần thể ĐVHD trong tự nhiên [2].

Thứ tư, thúc đẩy các hoạt động GNTM ĐVHD hợp pháp và đảm bảo Nhà nước quản lý tốt hơn hoạt động gây nuôi ĐVHD vì mục đích lợi nhuận. GNTM ĐVHD khi được hợp pháp hóa tại Việt Nam đồng nghĩa với việc sẽ được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật. Khi đó, một hành lang pháp lý được xây dựng đối với hoạt động này, điều này vừa giúp các cơ sở GNTM ĐVHD hợp pháp phòng tránh được rủi ro khi thực hiện hoạt động kinh doanh, gây nuôi ĐVHD dưới sự bảo hộ của pháp luật, vừa đảm bảo Nhà nước có công cụ pháp luật quản lý và kiểm soát hiệu quả đối với hoạt động gây nuôi ĐVHD nhằm mục đích lợi nhuận.

3. PHÒNG NGỪA GÂY NUÔI THƯƠNG MẠI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ BẤT HỢP PHÁP

3.1. Định nghĩa về phòng ngừa gây nuôi thương mại động vật hoang dã bất hợp pháp

Như đã đề cập, GNTM ĐVHD hiện nay là một hoạt động hợp pháp được pháp luật cho phép, các cơ sở gây nuôi tại Việt Nam có thể được cấp phép nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng hợp pháp ít nhất 39 loài hiện đang bị đe dọa trên toàn cầu [14]. Có quan điểm cho rằng hành vi GNTM ĐVHD bất hợp pháp chủ yếu là các hành vi tráo đổi ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp trở thành nguồn ĐVHD được gây nuôi hợp pháp để phục vụ nhu cầu tìm kiếm lợi nhuận [2 - 13 - 14]. Đây cũng chính là quan điểm mà tác giả sử dụng tại nghiên cứu này để nói về hành vi bất hợp pháp liên quan đến nguồn gốc ĐVHD được gây nuôi trong các cơ sở chăn nuôi thương mại ĐVHD.

GNTM ĐVHD là một hoạt động đặc biệt. Hoạt động này được thực hiện dựa trên đối tượng là các loài ĐVHD được pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam bảo vệ. Tuy nhiên, có thể dễ dàng nhận thấy mục đích lợi nhuận chính là động lực của hoạt động GNTM ĐVHD, do đó hoạt động GNTM ĐVHD có nguy cơ trở thành nguyên nhân dẫn đến nạn săn, bắt trái phép ĐVHD ngoài tự nhiên nếu như không được kiểm soát, quản lý một cách chặt chẽ. Do đó, phòng ngừa chính là biện pháp hữu hiệu nhất để ngăn chặn các nguy

cơ trên và đồng thời là hoạt động mang yếu tố ngăn chặn trước khi hành vi vi phạm xảy ra. Phòng ngừa GNTM ĐVHD bất hợp pháp được tác giả định nghĩa là một hoạt động đầu tiên trong công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm về bảo vệ ĐVHD, phòng ngừa GNTM ĐVHD bất hợp pháp bao gồm các hoạt động nghiên cứu, dự đoán và đặt ra biện pháp ngăn chặn trước đối với các hành vi GNTM ĐVHD bất hợp pháp. Các biện pháp phòng ngừa có thể là các quy định, chính sách pháp luật hoặc các hoạt động thực thi trên thực tế. Tại nghiên cứu này, phòng ngừa GNTM ĐVHD bất hợp pháp được tác giả nghiên cứu dưới góc độ quy định của pháp luật.

3.2. Ý nghĩa của việc phòng ngừa hành vi gây nuôi thương mại động vật hoang dã bất hợp pháp

Bên cạnh các ý nghĩa tích cực, GNTM ĐVHD được đánh giá nếu không có sự quản lý chặt chẽ thì sẽ mang lại các hệ quả tiêu cực, nhất là đối với sự cân bằng của tự nhiên:

Thứ nhất, hoạt động GNTM ĐVHD gây ảnh hưởng đến sự tồn tại của các loài ĐVHD ngoài tự nhiên. Theo Tổ chức WCS Việt Nam, tình trạng nhập lậu ĐVHD tại các cơ sở gây nuôi có thể là nguyên nhân dẫn đến việc suy giảm số lượng cá thể của nhiều loài ĐVHD trong tự nhiên, ví dụ như các quần thể nhím tại Sơn La, Việt Nam. Tương tự như vậy, thời điểm các hoạt động gây nuôi thương mại cá sấu Xiêm (*Crocodylus siamensis*) diễn ra cũng là giai đoạn loài này bị ghi nhận tuyệt chủng trong môi trường tự nhiên tại Thái Lan và Việt Nam. Thực tế, hoạt động nhập lậu cá sấu Xiêm vào các cơ sở gây nuôi được đánh giá là nguyên nhân dẫn đến tình trạng tuyệt chủng của loài này [2].

Thứ hai, với nhu cầu sử dụng ĐVHD và các sản phẩm từ ĐVHD không bao giờ giảm của một bộ phận xã hội, hoạt động GNTM ĐVHD mặc dù được xem là biện pháp thay đổi nguồn cung ĐVHD ra thị trường, giúp giảm thiểu tình trạng buôn bán, sử dụng ĐVHD ngoài tự nhiên nhưng lại vô tình đã kích thích tiêu dùng, khiến nhu cầu sử dụng ĐVHD tăng cao, dẫn đến nhiều hệ lụy nghiêm trọng trong công tác bảo vệ ĐVHD.

Thứ ba, thực thi pháp luật hiệu quả trong quản lý các cơ sở gây nuôi là yếu tố vô cùng quan trọng để đảm bảo hoạt động GNTM ĐVHD, có thể đóng góp cho công tác bảo tồn [2]. Tuy nhiên, cần phải nhìn nhận một cách thực tế rằng pháp luật hiện nay chưa thực sự chặt chẽ về các quy định kiểm soát hoạt động GNTM ĐVHD. Do đó, khi pháp luật không thể kiểm soát được vi phạm trong hoạt động gây nuôi thương mại thì sẽ dễ dàng tạo điều kiện cho các hành vi xâm phạm ĐVHD thông qua hoạt động gây nuôi hợp pháp này.

Từ các hệ quả tiêu cực của GNTM ĐVHD, tác giả nhận thấy việc phòng ngừa các hành vi bất hợp pháp trong GNTM ĐVHD là một vấn đề cần được quan tâm một cách nghiêm túc. Về ý nghĩa mang tính vĩ mô, việc phòng ngừa được các hành vi bất hợp pháp trong GNTM ĐVHD sẽ giúp phòng tránh và giảm thiểu được các hệ quả tiêu cực của hoạt động này, phát huy và giữ gìn các giá trị đóng góp mà hoạt động GNTM ĐVHD mang lại cho xã hội và môi trường.

Theo quan điểm của tác giả, đối với hoạt động GNTM ĐVHD, việc phòng ngừa hành vi vi phạm trước khi hành vi đó được thực hiện được xem là có hiệu quả hơn việc giải quyết, xử lý hậu quả do hành vi vi phạm gây ra. Việc giải quyết hậu quả và xử lý hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD hiện nay chủ yếu là các hình phạt về hành chính và hình sự, mặc dù các hình phạt này có sự răn đe cao đối với các hành vi vi phạm nhưng khi xem xét dưới góc độ bảo vệ ĐVHD thì chưa đạt hiệu quả cao, bởi lẽ lúc này ĐVHD đã bị xâm hại bởi các hành vi vi phạm, việc xử phạt chỉ còn mang tính chất xử lý hành vi, cá biệt một số trường hợp không thể đưa ĐVHD trở về lại trạng thái tự nhiên ban đầu.

Do đó, việc phòng ngừa và đầu tư nghiên cứu về pháp luật phòng ngừa hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD sẽ giúp hoàn thiện tốt hơn hoạt động bảo vệ ĐVHD hiện nay. Đảm bảo hoạt động GNTM ĐVHD được diễn ra và phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích kinh tế, xã hội và bảo tồn ĐVHD tự nhiên.

4. KHUNG PHÁP LÝ VỀ HOẠT ĐỘNG GÂY NUÔI THƯƠNG MẠI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM

4.1. Các yêu cầu pháp lý về gây nuôi thương mại động vật hoang dã ở Việt Nam

GNTM ĐVHD là một hoạt động được thực hiện dựa trên việc nuôi dưỡng và nhân giống ĐVHD nhằm mục đích mua bán tìm kiếm lợi nhuận. Nhằm quản lý một cách hiệu quả, pháp luật Việt Nam hiện nay đã đặt ra một số yêu cầu pháp lý đối với hoạt động này. Tại nội dung này, tác giả tập trung nghiên cứu về các yêu cầu pháp lý về nguồn giống hợp pháp; đăng ký, cấp phép gây nuôi và quản lý số lượng động vật nuôi. Cụ thể các yêu cầu pháp lý như sau:

a. Nguồn giống ĐVHD được gây nuôi phải có nguồn gốc hợp pháp

Hiện nay, Chính phủ Việt Nam không cấm gây nuôi thương mại các loài nguy cấp, quý, hiếm theo Danh mục ban hành kèm theo tại VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 và Nghị định 160/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP cũng như các loài thuộc Phụ lục của Công ước CITES, nếu hoạt động gây nuôi đáp ứng những điều kiện được liệt kê trong VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 [2]. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với ĐVHD thuộc nhóm IB, IIB và các Phụ lục CITES.

Tại Điều 9 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 quy định việc khai thác, nuôi các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm các loài nhóm IB và nhóm IIB thực hiện theo quy định về khai thác, nuôi đối với các loài thuộc Phụ lục I, II CITES. Theo đó, tại điểm a khoản 1 Điều 15 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 quy định nguồn giống ĐVHD được xem là hợp pháp bao gồm các nguồn giống được lấy từ các nguồn sau:

i) Khai thác hợp pháp:

Đây là nguồn được khai thác từ tự nhiên mẫu vật thuộc Phụ lục I, II CITES nhằm tạo nguồn giống gốc phục vụ nuôi sinh sản theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2

Điều 12 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021. Theo khoản 21 Điều 3 VBHN số 03/VBHN- BNNPTNT năm 2021, nguồn giống sinh sản là cá thể động vật ban đầu hợp pháp được nuôi trong cơ sở nuôi sinh sản để sản xuất ra các cá thể thế hệ kế tiếp. Do đó, theo tác giả thì hoạt động khai thác này chỉ nhằm mục đích nuôi sinh sản chứ không được nuôi sinh trưởng để mua bán. Việc khai thác phải được thông báo trước đến cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp hoặc thủy sản cấp tỉnh để giám sát thực hiện và không gây ảnh hưởng tiêu cực đến bảo tồn và phát triển bền vững của quần thể ĐVHD [16].

Bên cạnh đó, khoản 7 Điều 3 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 giải thích mẫu vật các loài động vật hoang dã nguy cấp bao gồm ĐVHD còn sống hay đã chết, trứng, ấu trùng, bộ phận, dẫn xuất của các loài đó. Và khoản 9 Điều này cũng giải thích khai thác mẫu vật loài động vật, thực vật là hoạt động lấy mẫu vật loài động vật, thực vật hoang dã trong môi trường tự nhiên. Do đó, tác giả nhận định thuật ngữ mẫu vật được thể hiện trong các quy định về khai thác mẫu vật từ tự nhiên để tạo nguồn giống gây nuôi ĐVHD là việc săn, bắt từ tự nhiên ĐVHD còn sống.

ii) Mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật:

Theo điểm c khoản 2 Điều 29 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 quy định mẫu vật các loài thuộc Phụ lục II CITES sau xử lý tịch thu được kinh doanh vì mục đích thương mại. Theo đó, cơ sở GNTM ĐVHD có thể mua mẫu vật các loài thuộc Phụ lục II CITES sau xử lý tịch thu để làm nguồn giống hợp pháp.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021, nguồn nuôi hợp pháp là mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật có thể là mẫu vật các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IIB sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật được cơ sở gây nuôi đầu giá được.

iii) Nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác:

Nguồn nhập khẩu hợp pháp các mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng của các loài ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES có giấy phép, chứng chỉ CITES và một số điều kiện khác được quy định tại Điều 20, Điều 22 và Điều 25 VBHN số 03/VBHN- BNNPTNT năm 2021. Cụ thể, gồm ĐVHD thuộc Phụ lục I CITES là mẫu vật động vật xuất khẩu từ thế hệ F2 trở về sau được sinh sản tại cơ sở nuôi đã được cấp mã số, ĐVHD thuộc Phụ lục II, III CITES là mẫu vật động vật xuất khẩu từ thế hệ F1 từ cơ sở nuôi được cấp mã số.

Đối với nguồn gốc hợp pháp là các mẫu vật từ các cơ sở nuôi hợp pháp khác. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 có thể xác định nguồn giống hợp pháp có thể được mua từ các cơ sở nuôi hợp pháp khác. Cụ thể đối với mẫu vật các loài động vật thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc nuôi sinh sản từ thế hệ F2 trở về sau và các loài động vật thuộc Phụ lục II CITES có nguồn gốc nuôi sinh sản từ thế hệ F1 trở về sau.

Thứ hai, đối với hoạt động gây nuôi thương mại động vật rừng thông thường và các loài động vật trên cạn khác.

Theo khoản 1 Điều 11 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 thì phải đáp ứng yêu cầu đảm bảo nguồn gốc động vật rừng nuôi hợp pháp theo quy định của pháp luật. Tại điểm d khoản 29 Điều 3 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 đã xác định động vật rừng thông thường được xem là ĐVHD. Bên cạnh đó, theo khoản 8 Điều 3 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021, động vật rừng thông thường được xác định là các loài động vật rừng thuộc các lớp thú, chim, bò sát, lưỡng cư và không thuộc: Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm do Chính phủ ban hành hoặc Danh mục các loài thuộc Phụ lục CITES; Danh mục động vật được nuôi, thuần hoá thành vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

Thông qua nội dung yêu cầu pháp lý về nguồn gốc và nguồn giống ĐVHD được gây nuôi thương mại phải có nguồn gốc hợp pháp, tác giả có một số quan điểm đánh giá về một số bất cập như sau:

- Một là, xuất hiện bất cập về khai thác từ tự nhiên mẫu vật thuộc nhóm IB để gây nuôi sinh sản thương mại ĐVHD.

Theo quy định tại Điều 4 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 có thể thấy, các nhóm ĐVHD thuộc nhóm IB có bao gồm các loài động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng bị cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại. Tuy nhiên, nếu mang nội hàm như vậy thì việc cấm khai thác, sử dụng ĐVHD thuộc nhóm IB sẽ chồng chéo với quy định tại Điều 9 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 khi quy định này nêu rõ việc khai thác, nuôi mẫu vật các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm các loài Nhóm IB được thực hiện theo quy định của VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 đối với các loài thuộc Phụ lục I CITES. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 thì pháp luật đã cho phép việc khai thác từ tự nhiên mẫu vật thuộc Phụ lục I CITES để tạo nguồn giống gốc phục vụ nuôi sinh sản. Do đó, rất có khả năng sẽ xảy ra tình trạng lợi dụng lỗ hổng của các quy định trên để thực hiện hành vi săn, bắt động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng từ tự nhiên trá hình mục đích làm nguồn giống gây nuôi sinh sản để đưa vào cơ sở gây nuôi thực hiện hành vi mua bán ĐVHD trái phép mà không bị xử lý [2].

- Hai là, xuất hiện bất cập về nguồn gốc ĐVHD hợp pháp từ đấu giá ĐVHD thuộc nhóm IIB bị tịch thu.

Quan điểm của tác giả cho rằng quy định tại Điều 10 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 chưa rõ ràng, có thể tạo điều kiện cho hành vi trá hình đấu giá để hợp pháp hóa nguồn giống gây nuôi ĐVHD bất hợp pháp. Cụ thể, khoản 1 Điều này quy định về trình tự xử lý mẫu vật các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm sau tịch thu rất khấp khểnh đối với mẫu vật sống xử lý theo thứ tự ưu tiên sau: Thả lại môi trường tự nhiên phù hợp với

sinh cảnh và phân bố tự nhiên của loài nếu mẫu vật khỏe mạnh; hoặc chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật hoặc vườn thực vật nếu mẫu vật yếu cần cứu hộ hoặc tiêu hủy. Tuy nhiên, khoản 2 Điều này lại cho phép “bán đấu giá cho tổ chức, cá nhân nuôi theo quy định của pháp luật” đối với ĐVHD thuộc nhóm IIB “không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1”. Do đó, theo quan điểm của tác giả không nên cho phép tổ chức đấu giá ĐVHD thuộc nhóm IIB bị tịch thu cho các tổ chức, cá nhân nuôi để tránh trường hợp lợi dụng sự thiếu đồng bộ của pháp luật để hợp pháp hóa ĐVHD thuộc nhóm IIB bị săn bắt bất hợp pháp từ tự nhiên trở thành nguồn giống ĐVHD hợp pháp thông qua đấu giá ĐVHD bị tịch thu.

- Ba là, bắt cập về xác định nguồn gốc hợp pháp của động vật rừng thông thường và các loài động vật trên cạn khác trong GNTM ĐVHD.

Trước đây, khi Nghị định số 66/2016/NĐ-CP còn hiệu lực đã quy định cụ thể các nguồn gốc hợp pháp của động vật rừng thông thường. Theo đó, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP quy định động vật rừng nuôi có nguồn gốc hợp pháp, từ một trong các nguồn: Khai thác từ tự nhiên trong nước; nhập khẩu; mua bán; chuyển nhượng; tặng, cho từ tổ chức, cá nhân khác; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 có hiệu lực đã hủy bỏ hiệu lực của quy định này và tại khoản 1 Điều 11 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 rút gọn nội dung quy định thành “đảm bảo nguồn gốc động vật rừng nuôi hợp pháp theo quy định của pháp luật”. Theo tác giả quy định trên chưa thực sự rõ ràng, do đó cần thiết phải bổ sung quy định về các hình thức cung cấp nguồn gây nuôi động vật rừng thông thường để kiểm soát, phòng ngừa có hiệu quả các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD.

b. Bắt buộc đăng ký trại gây nuôi đối với cơ sở GNTM ĐVHD

Theo quy định tại Điều 16 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021, mã số cơ sở nuôi chứa đựng nội dung gồm tên, địa chỉ, thông tin liên lạc của cơ sở, thông tin về loài nuôi theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021.

Việc đăng ký mã số cơ sở nuôi là thủ tục bắt buộc đối với cơ sở GNTM ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021. Cụ thể: Việc gây nuôi thương mại các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IB, Phụ lục I CITES phải đăng ký mã số cơ sở nuôi với Ban Thư ký CITES, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam; việc gây nuôi thương mại các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IIB, Phụ lục II, III CITES phải đăng ký với cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh. Bên cạnh đó, còn có quy định về hủy mã số đối với cơ sở GNTM ĐVHD trong trường hợp cơ sở không đáp ứng các điều kiện nuôi hoặc cơ sở vi phạm các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với cơ sở gây nuôi động vật thông thường sẽ chỉ cần gửi thông báo cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để theo dõi, quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 11 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021. Bên cạnh đó, theo điểm c khoản 1 Điều 15 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 quy định các loài ĐVHD thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên.

Đối với yêu cầu pháp lý về đăng ký trại gây nuôi đối với cơ sở GNTM ĐVHD, tác giả có một số đánh giá như sau:

Đối với việc quản lý cấp mã số cơ sở nuôi đối với GNTM ĐVHD thuộc nhóm IB, IIB, Phụ lục I, II, III CITE. Pháp luật hiện nay đã có quy định rõ ràng về chế định, trình tự và thủ tục đăng ký cấp mã số cơ sở nuôi ĐVHD [16]. Nếu các quy định trên được nghiêm túc thực hiện trên thực tế, việc quản lý các cơ sở GNTM ĐVHD đối với các loài thuộc nhóm IB, IIB, Phụ lục I, II, III CITES sẽ được thực hiện một cách chặt chẽ. Đảm bảo sự quản lý của Nhà nước và Cơ quan CITES đối với hoạt động này.

Đối với gây nuôi thương mại động vật rừng thông thường, theo quan điểm của tác giả, quy định của pháp luật không nên chỉ dừng lại ở quy định gửi thông báo cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để theo dõi, quản lý. Nên có quy định bắt buộc thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi đối với việc gây nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại. Điều này sẽ thể hiện sự đồng bộ hơn trong việc quản lý các cơ sở gây nuôi ĐVHD nói chung. Động vật rừng thông thường cũng là đối tượng có khả năng chịu tổn thương nếu pháp luật thiếu sự kiểm soát và quan tâm bảo vệ trong hoạt động GNTM ĐVHD. Bên cạnh đó, việc pháp luật yêu cầu bắt buộc thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi đối với việc gây nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại sẽ hợp lý khi pháp luật đầu tư hiện nay đã liệt kê hoạt động nuôi động vật rừng thông thường thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

c. Yêu cầu về thực hiện thủ tục về cấp phép và đăng ký kinh doanh

Tại phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư năm 2020 đã chỉ rõ các hoạt động kinh doanh tại STT 153, 154 thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, gồm: i) Nuôi, trồng các loài thực vật, ĐVHD thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; ii) Nuôi động vật rừng thông thường thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, các hoạt động thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải đáp ứng được các điều kiện theo yêu cầu của pháp luật để có thể được cấp giấy phép hoạt động. Bên cạnh đó, việc đăng ký kinh doanh đối với hoạt động GNTM ĐVHD được Nghị định số 01/2021/ NĐ-CP

quy định tại khoản 2 Điều 5 đối với doanh nghiệp và khoản 2 Điều 79 đối với hộ gia đình kinh doanh.

Do đó, theo quy định của pháp luật, tất cả các hoạt động GNTM ĐVHD dù được thực hiện dưới hình thức doanh nghiệp hay hộ gia đình đều phải tiến hành việc xin cấp phép và đăng ký kinh doanh. Theo đánh giá của tác giả, yêu cầu pháp lý này đã tạo ra cơ sở để kiểm soát, quản lý tốt hơn hoạt động của các cơ sở GNTM ĐVHD, đặc biệt về vấn đề đảm bảo tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các điều kiện của pháp luật về bảo vệ ĐVHD trong hoạt động GNTM ĐVHD.

d. Yêu cầu về việc tạo và cập nhật sổ theo dõi trong quá trình GNTM ĐVHD

Đối với hoạt động GNTM ĐVHD thuộc nhóm IB, IIB. Căn cứ theo khoản 3 Điều 15 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 quy định trong quá trình nuôi phải lập sổ theo dõi nuôi theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh. Trong quá trình nuôi ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES vì mục đích thương mại phải lập sổ theo dõi nuôi theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021.

Đối với hoạt động nuôi động vật rừng thông thường, theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 phải thực hiện việc ghi chép sổ theo dõi vật nuôi quy định theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021.

Căn cứ tại mẫu số 16 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021, cơ sở GNTM ĐVHD phải ghi chép số liệu ĐVHD tại các loại giấy tờ gồm: i) Sổ theo dõi hoạt động nuôi ĐVHD; ii) Sổ theo dõi sinh sản. Bên cạnh đó, còn có sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản được quy định tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.

Theo quan điểm của tác giả, yêu cầu pháp lý trên đã đặt ra hành lang pháp lý rõ ràng cho công tác kiểm tra hoạt động gây nuôi ĐVHD bằng biện pháp kiểm tra số lượng, nguồn gốc của ĐVHD được gây nuôi. Bên cạnh đó, cơ sở GNTM ĐVHD cần đảm bảo cập nhật đầy đủ vào sổ theo dõi khi phát sinh bất kỳ biến động nào liên quan đến ĐVHD tại cơ sở như sinh sản, chết, mua hoặc bán tại Bảng kê lâm sản và các tài liệu khác liên quan đến hồ sơ nguồn gốc hợp pháp của ĐVHD có tại cơ sở [16]. Nếu yêu cầu này được thực hiện tốt trong thực tiễn bởi chủ các cơ sở gây nuôi trong việc tuân thủ ghi chép trung thực và bởi hoạt động kiểm tra nghiêm minh của cơ quan chức năng thì sẽ phòng ngừa được hiệu quả các hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD.

Thông qua nghiên cứu về các yêu cầu pháp lý đối với GNTM ĐVHD tại Việt Nam, tác giả nhận định các yêu cầu hiện nay của pháp luật đối với GNTM ĐVHD cơ bản đã

tạo nên được một hành lang pháp lý nhằm đảm bảo cho hoạt động GNTM ĐVHD diễn ra phù hợp với các mục tiêu về lợi ích mà hoạt động gây nuôi này mang lại, cùng với đó là cân bằng với mục tiêu bảo vệ các loài ĐVHD ngoài tự nhiên. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, nhằm phát triển bền vững hoạt động GNTM ĐVHD tại Việt Nam, cần phải xem xét phòng ngừa một cách có hiệu quả hơn nữa các hành vi bất hợp pháp trong GNTM ĐVHD. Theo tác giả, trong các yêu cầu pháp lý vừa được nghiên cứu đã xuất hiện các bất cập chủ yếu tại yêu cầu về nguồn gốc hợp pháp của ĐVHD được gây nuôi. Do đó, trong tương lai cần có sự nghiên cứu, sửa đổi và bổ sung một cách phù hợp các quy định về yêu cầu nguồn giống hợp pháp nhằm phòng ngừa tốt các hành vi bất hợp pháp trong gây nuôi thương mại có khả năng xảy ra trên cơ sở các phân tích giả định của tác giả đối với các quy định hiện hành [2].

4.2. Nhận diện các hành vi vi phạm trong gây nuôi thương mại động vật hoang dã ở Việt Nam

4.2.1. Hành vi vi phạm theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính

Nhằm xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam, Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD. Cụ thể, pháp luật xử lý vi phạm hành chính liên quan đến ĐVHD hiện nay được quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP (Nghị định số 35/2019/NĐ-CP). Thông qua nội dung các quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, có thể nhận diện được các hành vi được xác định là vi phạm theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính GNTM ĐVHD tại Việt Nam hiện nay. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, tại Điều 21 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định về xử lý hành vi *Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng*. Theo quy định này, các hành vi săn, bắt, giết, nuôi, nhốt động vật rừng trái quy định của pháp luật sẽ bị xử phạt hành chính.

Thứ hai, tại Điều 22 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định về xử lý hành vi *Vận chuyển lâm sản trái pháp luật*. Theo quy định này, hành vi vận chuyển lâm sản là các loài ĐVHD không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng lâm sản thực tế vận chuyển không phù hợp với hồ sơ đó sẽ bị xử phạt hành chính.

Thứ ba, tại Điều 23 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định về xử lý hành vi *Tàng trữ, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến lâm sản trái pháp luật*. Theo quy định này, hành vi tàng trữ, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến lâm sản là ĐVHD, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng lâm sản không đúng với nội dung hồ sơ đó sẽ bị xử phạt hành chính.

Thứ tư, tại Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định về xử lý hành vi *Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản*. Theo đó, quy định này quy định một loạt hành vi vi phạm quy định về quản lý hồ sơ như sau:

Một là, hành vi vi phạm quy định về quản lý vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến ĐVHD đối với chủ lâm sản, người điều khiển phương tiện. Các hành vi này được quy định tại các điều khoản sau:

- i) Điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP.
- ii) Điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP.
- iii) Điểm a khoản 3 Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP.
- iv) Điểm a khoản 4 Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP.

Hai là, hành vi vi phạm quy định về lập sổ theo dõi ĐVHD đối với chủ cơ sở chế biến, mua bán lâm sản được thể hiện tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP.

Ba là, hành vi vi phạm quy định về đăng ký mã số cơ sở nuôi ĐVHD.

Theo đó, chủ cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc các loài thuộc Phụ lục CITES có nguồn gốc hợp pháp nhưng không đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng theo quy định của pháp luật sẽ bị xử phạt hành chính.

Theo khoản 16 Điều 2 Luật Lâm nghiệp năm 2017 định nghĩa lâm sản là sản phẩm khai thác từ rừng bao gồm thực vật rừng, động vật rừng và các sinh vật rừng khác gồm cả gỗ, lâm sản ngoài gỗ, sản phẩm gỗ, song, mây, tre, nứa đã chế biến. Thông qua nội dung các yêu cầu pháp lý của hoạt động GNTM ĐVHD và nội dung quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, tác giả nhận diện các hành vi trong hoạt động GNTM ĐVHD có khả năng là các hành vi vi phạm bị xử lý hành chính như sau:

- i) GNTM ĐVHD trái phép.
- ii) Không đăng ký mã số cơ sở nuôi ĐVHD.
- iii) Săn, bắt ĐVHD trái phép.
- iv) Vận chuyển ĐVHD trái phép.
- v) Mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu ĐVHD trái phép.

vi) Không lập sổ theo dõi hoặc lập sổ theo dõi không đúng mẫu theo quy định; không ghi chép hoặc ghi chép không đầy đủ, không đúng thực tế vào sổ nhập, xuất lâm sản.

4.2.2. Hành vi vi phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015

Căn cứ theo nội dung quy định của BLHS năm 2015, hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD được quy định tại các Điều 234 và Điều 244 Bộ luật này. Thông qua các quy định trên, khi áp dụng vào hoạt động GNTM ĐVHD có thể xác định được một số hành vi vi phạm được xác định là tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo đó:

Thứ nhất, tại Điều 234 BLHS năm 2015 quy định về *Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD*. Bên cạnh đó, tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018/NQ- HĐTP đã giải thích ĐVHD được áp dụng trong BLHS năm 2015 là các loài động vật rừng thông thường và các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II, Phụ lục III CITES. Theo quy định tại Điều 234, các hành vi được xác định là tội phạm theo quy định này bao gồm:

- i) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật;
- ii) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật;
- iii) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật.

Thứ hai, tại Điều 244 BLHS năm 2015 quy định về *Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*. Theo đó, tại Điều 3 Nghị quyết số 05/2018/ NQ-HĐTP đã giải thích động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Bộ luật Hình sự là các loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Theo quy định tại Điều 234, các hành vi được xác định là tội phạm theo quy định này bao gồm:

- i) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật;
- ii) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật.

Thông qua nội dung các yêu cầu pháp lý của hoạt động GNTM ĐVHD và nội dung quy định tại Điều 234 và Điều 244 BLHS năm 2015, tác giả nhận diện các hành vi trong hoạt động GNTM ĐVHD có khả năng là các hành vi vi phạm quy định của BLHS về bảo vệ ĐVHD như sau:

- i) GNTM ĐVHD trái phép.
- ii) Mua bán trái phép ĐVHD.
- iii) Vận chuyển trái phép ĐVHD.
- iv) Săn, bắt trái phép ĐVHD.

Bên cạnh đó, Điều 190 BLHS năm 2015 quy định về *Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm*. Có quan điểm cho rằng, người nào thực hiện một trong các hành vi được liệt kê tại khoản 1 Điều 190 nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 234, Điều 244 BLHS năm 2015 thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm [5]. Đây có thể xem là quy định dự phòng để xử lý các tội phạm liên quan đến ĐVHD nhưng không cấu thành hai tội danh tại Điều 234 và 244 BLHS năm 2015. Ví dụ: Đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm nhưng

không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì có thể xử lý hình sự theo quy định tại Điều 190 BLHS năm 2015 nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm này [17]. Do đó, bên cạnh các hành vi bị xử lý theo Điều 234 và Điều 244 BLHS năm 2015, các hành vi vi phạm được liệt kê ở trên còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 190 BLHS năm 2015.

Tác giả đồng ý với quan điểm nêu trên vì thực tế trong GNTM ĐVHD hiện nay có hoạt động nuôi sinh sản ĐVHD. Ví dụ cụ thể, ĐVHD thuộc Phụ lục I CITES bị cấm khai thác từ tự nhiên vì mục đích thương mại, bên cạnh đó tại điểm b khoản 1 Điều 12 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT quy định cho phép khai thác hợp pháp mẫu vật các loài ĐVHD Phụ lục I CITES để tạo nguồn giống gốc phục vụ nuôi sinh sản với các điều kiện tại khoản 3 Điều này. Do đó, khi khai thác trái phép mẫu vật các loài ĐVHD Phụ lục I CITES để tạo nguồn giống gốc phục vụ nuôi sinh sản ra các thế hệ F1 thì có thể được xem là hành vi sản xuất hàng cấm và bị xử lý theo Điều 190 BLHS năm 2015.

5. THỰC TIỄN CÁC HÀNH VI BẤT HỢP PHÁP TRONG GÂY NUÔI THƯƠNG MẠI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM

Việt Nam là quốc gia nằm ở tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, là nơi được đánh giá là một trong những khu vực có độ đa dạng sinh học cao nhất trên thế giới. Theo số liệu chung liên quan đến vi phạm bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam, trong giai đoạn năm 2013 đến năm 2017 đã phát hiện 1.504 hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD, trong đó có 361 hành vi vi phạm pháp luật hình sự, có 1.143 hành vi vi phạm pháp luật hành chính về bảo vệ ĐVHD [18]. Theo một báo cáo khác, giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, đã ghi nhận được 9.239 vụ vi phạm về ĐVHD tại Việt Nam, bao gồm gần 25.000 các vi phạm đơn lẻ, điển hình như các vi phạm ít nghiêm trọng như nuôi nhốt ĐVHD làm thú cưng [19].

Về hoạt động GNTM ĐVHD, theo số liệu đến năm 2017, loài được gây nuôi thương mại nhiều nhất là cá sấu nước ngọt với 2.633 cơ sở (875.146 cá thể), tiếp theo là hươu sao với 2.258 cơ sở (9.267 cá thể), đứng thứ 3 là trăn đất với 1.244 cơ sở (108.010 cá thể). Bộ móng guốc (*Artiodactyla*) có số cơ sở gây nuôi nhiều nhất với 3.365 đàn (cơ sở), chủ yếu là hươu sao, nai và lợn rừng với 21.049 cá thể, tiếp theo là bộ cá sấu với 2.636 cơ sở với 875.437 cá thể và đứng thứ 3 là bộ có vảy với 30 loài trăn, rắn (2.305 đàn với 636.146 cá thể) [20].

Thông qua tình hình vi phạm quy định về gây nuôi thương mại động vật hoang dã tại Việt Nam tại số liệu của một số nghiên cứu, báo cáo và tình hình xét xử, các hành vi vi phạm về GNTM ĐVHD tại Việt Nam hiện nay bị phát hiện và xử lý tập trung vào các hành vi gây nuôi bất hợp pháp và mua bán bất hợp pháp ĐVHD [21 – 22]. Điển hình, có hai vụ việc nổi bật về hành vi bất hợp pháp trong GNTM ĐVHD bị phát hiện và xử lý như sau:

i) Vào năm 2018, cơ quan cảnh sát điều tra đã kiểm tra nhà bà Phạm Thị T và phát hiện đối tượng này nuôi nhốt trái phép nhiều cá thể động vật hoang dã bất hợp pháp, trong

đó có 13 cá thể rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*), 08 cá thể kỳ đà vân (*Varanus bengalensis*), gần 300 cá thể rùa cùng rất nhiều loài ĐVHD khác. Chồng bà T, Nguyễn Văn K là người đứng tên đăng ký cơ sở gây nuôi ĐVHD thông thường. Trước đó, năm 2011 và 2013, bà T đã hai lần bị xử phạt hành chính vì hành vi nuôi nhốt, tàng trữ ĐVHD trái phép.

Ngày 12/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam vừa xử phúc thẩm và tuyên phạt đối tượng Phạm Thị T trú tại huyện Thăng Bình 5 năm tù giam và 60 triệu đồng về hành vi nuôi nhốt trái phép các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm. Trước đó, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/12/2019, bà T đã bị tuyên phạt 2 năm tù giam và 60 triệu đồng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình đã kháng nghị, đề nghị tăng nặng mức hình phạt với bị cáo này [23 - 24].

ii) Vào tháng 10 năm 2021, Cơ quan chức năng tỉnh Quảng Nam phát hiện đối tượng Huỳnh Thị Kim C. nuôi nhốt trái phép gần 60 cá thể rùa quý hiếm. Hiện vụ án đang tiếp tục được điều tra làm rõ. Đáng lưu ý, Huỳnh Thị Kim C. cũng từng là chủ trại nuôi có đăng ký tại tỉnh Quảng Nam và đã bị kết án tù nhưng cho hưởng án treo trong năm 2019 sau khi các cơ quan chức năng phát hiện 126 cá thể ĐVHD, trong đó có nhiều cá thể rùa quý hiếm bị nuôi nhốt trái phép tại cơ sở nuôi của đối tượng này vào tháng 11/2018 [24].

Đây được xem là các vụ việc hiếm hoi khi cơ sở gây nuôi thương mại hợp pháp ĐVHD bị xử lý về hành vi lợi dụng giấy phép GNTM ĐVHD để thực hiện các hành vi mua bán ĐVHD bất hợp pháp.

Đối với vi phạm trong GNTM ĐVHD, theo các báo cáo cho thấy, các hành vi bất hợp pháp trong GNTM ĐVHD được thực hiện rất tinh ranh, thậm chí còn có sự tiếp tay của cán bộ kiểm lâm. Thông qua các báo cáo này có thể nhận thấy, các hành vi vi phạm về nguồn gốc ĐVHD được gây nuôi có diễn ra hiện nay, thế nhưng việc phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm rất khó khăn vì trên thực tế, quy định pháp luật về vấn đề này vẫn còn mang nhiều bất cập.

Một cuộc khảo sát đã được Tổ chức ENV thực hiện tại 26 cơ sở gây nuôi thương mại động vật hoang dã tại Việt Nam từ tháng 10 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 để đưa ra các số liệu về tình trạng hoạt động GNTM ĐVHD ở Việt Nam trong báo cáo này [2]. Theo đó, kết quả khảo sát thu được như sau:

i) 26/26 cơ sở có dấu hiệu nhập lậu ĐVHD ở các mức độ khác nhau, trong đó 16/26 đối tượng được phỏng vấn thừa nhận cơ sở của họ có hành vi nhập lậu ĐVHD.

ii) 17/19 đối tượng được phỏng vấn cho biết cơ sở của họ có bán giấy phép vận chuyển, trong đó một đối tượng thậm chí còn đề nghị bán giấy phép vận chuyển cho cán bộ khảo sát.

iii) 10/11 đối tượng được phỏng vấn cho biết cơ sở của họ có mua giấy phép vận chuyển từ các cơ sở khác hoặc từ cán bộ kiểm lâm.

iv) 18/18 đối tượng được phỏng vấn cho biết cơ sở của họ có mua ĐVHD không kèm giấy phép vận chuyển (ĐVHD bất hợp pháp).

v) 14/14 đối tượng được phỏng vấn cho biết cơ sở của họ có bán ĐVHD không kèm giấy phép vận chuyển.

vi) 14/18 đối tượng được phỏng vấn cho biết kiểm lâm có nhận những khoản tiền bất hợp pháp (tiền hối lộ) dưới nhiều hình thức.

vii) 17/26 đối tượng được phỏng vấn từ chối hoặc không thể trả lời chính xác số lượng cá thể của từng loài ĐVHD tại cơ sở của họ. Tại 9 cơ sở khác, đối tượng phỏng vấn đã cung cấp cho cán bộ điều tra số lượng cá thể ĐVHD được gây nuôi tại cơ sở, nhưng các con số này không trùng khớp với số lượng ĐVHD đã đăng ký. Đặc biệt, trong số này, 05 cơ sở có số lượng ĐVHD thực tế tại thời điểm khảo sát ít hơn rất nhiều số lượng đăng ký.

viii) Hầu hết các cơ sở được khảo sát không chú ý cho động vật sinh sản. Không có mô hình sinh sản khép kín nào được ghi nhận tại các cơ sở khảo sát.

Theo báo cáo trên, các hành vi bất hợp pháp trong GNTM ĐVHD trong thực tế, kể cả cơ sở GNTM ĐVHD hợp pháp chủ yếu lợi dụng sự lỏng lẻo của các quy định về quản lý nguồn gốc ĐVHD trong gây nuôi thương mại và sự quản lý yếu kém của các cơ quan chuyên trách để thực hiện các hành vi bất hợp pháp. Theo đó, các hành vi bất hợp pháp đó được thực hiện chủ yếu qua các phương thức sau:

Thứ nhất, qua vụ việc tại Công ty TNHH P.T tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo hồ sơ đăng ký, cơ sở hiện đang gây nuôi 4.000 cá thể rùa và 2.000 cá thể kỳ đà. Cơ sở này được CITES cấp giấy chứng nhận là cơ sở nhân giống loài rùa núi vàng (*Indotestudo elongata*) và rùa đất lớn (*Heosemys grandis*). Tuy nhiên, cơ sở cho biết họ không giữ con giống của các loài này, không hề có chủ ý nuôi sinh sản ĐVHD mà ngược lại hoạt động gây nuôi của cơ sở này chỉ là vỏ bọc nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận của hoạt động bất hợp pháp. Hoạt động của cơ sở này hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn giống ĐVHD bất hợp pháp. Cơ quan kiểm lâm biết những hoạt động bất hợp pháp diễn ra tại cơ sở và chính một số cán bộ kiểm lâm đã hỗ trợ cơ sở này “tăng đàn” trên giấy tờ hoặc cấp chứng nhận cho các cá thể bất hợp pháp nếu được “bồi dưỡng”. Mức tiền hối lộ bất hợp pháp này dao động từ 5 đến 10 triệu đồng cho một chữ ký xác nhận của Chi cục Kiểm lâm, tùy từng thời điểm và tùy từng loài. Cơ sở này cũng có thể tăng số lượng kỳ đà ghi nhận trên hồ sơ quản lý từ 2.000 lên 10.000 bằng cách đăng ký tăng đàn do sinh sản với mức hối lộ là 50 triệu đồng cho các cán bộ có liên quan. Đây là một hình thức hợp tác “đôi bên cùng có lợi” [2].

Thứ hai, qua vụ việc nhập lậu ĐVHD tại cơ sở T. D (Đồng Tháp). Tất cả ĐVHD hiện có tại cơ sở đều có nguồn gốc từ Campuchia. Cơ sở này nhập lậu đa dạng các loài rùa từ

Campuchia mà không có giấy tờ. Cơ sở này cho biết việc mở trang trại chỉ là hình thức để hợp pháp hóa ĐVHD bất hợp pháp và bán giấy phép vận chuyển cho thấy ĐVHD có nguồn gốc hợp pháp từ cơ sở này. Cơ sở cũng khẳng định có thể cung cấp giấy tờ cho tất cả các loài ĐVHD được đăng ký và nếu khách hàng yêu cầu cung cấp giấy tờ của ĐVHD với số lượng lớn mà một mình cơ sở này không thể đáp ứng, cơ sở này có thể mua giấy tờ từ các cơ sở khác những loại giấy tờ này được mua từ các cán bộ kiểm lâm, mỗi khi cán bộ kiểm lâm đến kiểm tra, cơ sở này đều hối lộ họ một khoản tiền để không bị xử lý do sai lệch số lượng ĐVHD thực tế và trên giấy tờ [2].

Thứ ba, qua vụ việc trang trại N.V.C tại tỉnh Quảng Ngãi. Cơ sở này cho biết việc thành lập và hoạt động cơ sở này chỉ với mục đích duy nhất là hợp pháp hóa ĐVHD bất hợp pháp như săn, bắt từ tự nhiên. Chủ Cơ sở cho biết có thể mua ĐVHD không có giấy phép vận chuyển và bán giấy phép vận chuyển của tất cả các loài ĐVHD được đăng ký tại cơ sở. Chủ cơ sở cũng cho biết giấy tờ được mua từ cán bộ kiểm lâm theo giá do các cán bộ kiểm lâm đặt ra. Có trường hợp, cơ sở còn bán giấy phép vận chuyển cho các đối tượng buôn bán khác ở Tây Ninh nếu các lô hàng bị chặn lại do không có giấy tờ hợp pháp trên đường vận chuyển. Chủ cơ sở cho biết thêm việc đăng ký tăng đàn khá dễ dàng và cơ sở này thường thực hiện việc tăng đàn bằng cách khai không tỉ lệ sinh sản. Chủ cơ sở cũng có mối quan hệ thân thiết với cán bộ kiểm lâm và vì thế không cần duy trì sổ theo dõi xuất, nhập lâm sản tại cơ sở. Mỗi giấy phép vận chuyển cần chữ ký của ba người: i) Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm cấp huyện; ii) Cán bộ kiểm lâm phụ trách địa bàn; iii) Trưởng phòng Thanh tra pháp chế của Chi cục Kiểm lâm [2].

Thông qua thực trạng vừa nghiên cứu, theo quan điểm của tác giả, hoạt động GNTM ĐVHD hiện nay đã xuất hiện một số lỗ hổng, gây phương hại đến mục tiêu bảo vệ ĐVHD. Thông qua các giả thuyết và thực tiễn đã chứng minh, tác giả chỉ ra một số bất cập trong quản lý, kiểm soát hoạt động của các cơ sở GNTM ĐVHD như sau:

- Thứ nhất, tình trạng gây nuôi ĐVHD và có tiến hành các hoạt động thương mại nhưng được thực hiện lén lút, không thực hiện việc đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thứ hai, tình trạng nhập lậu, sử dụng ĐVHD bất hợp pháp làm nguồn giống gây nuôi.
- Thứ ba, tình trạng lợi dụng giấy phép GNTM ĐVHD nhằm hợp pháp hóa buôn bán ĐVHD được săn bắt từ tự nhiên.

Theo quan điểm của tác giả, sở dĩ xuất hiện các tình trạng trên là do hoạt động GNTM ĐVHD hiện nay đã đi lệch hướng mục tiêu ban đầu về góp phần bảo vệ ĐVHD ngoài tự nhiên. Hoạt động mua bán ĐVHD hiện nay đã chuyển biến phục vụ mục tiêu chính là nhằm tìm kiếm lợi nhuận từ nhu cầu sử dụng các sản phẩm ĐVHD của con người dẫn đến tình trạng ĐVHD bị săn bắt từ tự nhiên và đưa vào cơ sở gây nuôi nhằm thay thế

hoàn toàn hoặc bổ sung nguồn giống cho các cơ sở gây nuôi. Nhất là các loài không có khả năng sinh sản trong môi trường nuôi nhốt.

6. NGUYÊN NHÂN, ĐIỀU KIỆN DẪN ĐẾN THỰC TRẠNG VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ GÂY NUÔI THƯƠNG MẠI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM

Theo quan điểm của tác giả, nguyên nhân dẫn đến thực trạng vi phạm quy định về GNTM ĐVHD là những nhân tố trực tiếp làm phát sinh hành vi vi phạm, bao gồm cả những nhân tố khách quan, tác động đến người vi phạm, từ đó hình thành thêm nhân tố chủ quan dẫn đến xuất hiện hành vi vi phạm. Và điều kiện dẫn đến thực trạng vi phạm quy định về GNTM ĐVHD là những nhân tố không có khả năng trực tiếp làm phát sinh hành vi vi phạm, đóng vai trò tạo ra môi trường thuận lợi để hành vi vi phạm được diễn ra và phát triển. Theo đó, thông qua đánh giá thực tiễn và quá trình nghiên cứu về vấn đề này, tác giả đưa ra một số nguyên nhân và điều kiện dẫn đến thực trạng vi phạm quy định về GNTM ĐVHD hiện nay như sau:

Thứ nhất, nguyên nhân dẫn đến thực trạng vi phạm quy định về GNTM ĐVHD.

- Một là, nguyên nhân khách quan xuất phát từ nhu cầu sử dụng của xã hội đối với ĐVHD và sản phẩm từ ĐVHD. Trong đó có một bộ phận đòi hỏi nhu cầu sử dụng đối với sản phẩm từ tự nhiên. Bản thân hoạt động gây nuôi thương mại khi được cho phép sẽ dẫn đến kích thích hơn nữa nhu cầu sử dụng ĐVHD, khi nhu cầu sử dụng của người dân tăng cao, khả năng đáp ứng không đủ tất yếu sẽ dẫn đến việc các cơ sở GNTM ĐVHD, trong đó có cả cơ sở gây nuôi hợp pháp sẽ chấp nhận tìm kiếm và sử dụng ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Hai là, nguyên nhân chủ quan xuất phát từ bản thân chủ cơ sở gây nuôi thương mại mong muốn tìm kiếm lợi nhuận một cách nhanh chóng, hạn chế chi phí đầu tư nhưng mong muốn tìm kiếm lợi nhuận cao. Việc GNTM ĐVHD đòi hỏi các kỹ thuật và chi phí đầu tư cao, chưa kể thời gian sinh trưởng và sinh sản của ĐVHD lâu, dẫn đến đứt quãng nguồn cung ra thị trường và lâu phát sinh lợi nhuận. Do đó, các cơ sở gây nuôi sẽ tìm kiếm và sử dụng ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp để khắc phục các nhược điểm trên, nhanh chóng tìm kiếm lợi nhuận.

- Ba là, pháp luật Việt Nam cho phép GNTM ĐVHD. Theo quan điểm của tác giả, nguyên nhân này có thể cũng chính là điều kiện dẫn đến thực trạng vi phạm quy định trong GNTM ĐVHD. Việt Nam cho phép GNTM ĐVHD sẽ tạo ra hành lang pháp lý an toàn cho các hành vi buôn bán ĐVHD bất hợp pháp dưới dạng trá hình cơ sở GNTM ĐVHD hợp pháp.

Thứ hai, điều kiện dẫn đến thực trạng vi phạm quy định về GNTM ĐVHD.

- Một là, pháp luật về điều kiện GNTM ĐVHD hiện nay chưa chặt chẽ, chưa dự phòng tốt được các hành vi vi phạm về nguồn gốc ĐVHD trong GNTM ĐVHD. Vấn đề

này đã được tác giả phân tích, theo đó, sự bất cập chủ yếu xuất hiện tại yêu cầu pháp lý về nguồn gốc hợp pháp của ĐVHD được gây nuôi. Điều này tạo điều kiện cho các hành vi nhập lậu, đưa ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp trở thành ĐVHD hợp pháp được gây nuôi trong cơ sở GNTM ĐVHD.

- Hai là, các cơ quan quản lý nhà nước chưa có sự kiểm soát chặt chẽ, thờ ơ, cấu kết, thậm chí trở thành một mắt xích trong các hành vi bất hợp pháp trong GNTM ĐVHD. Thông qua thực trạng vi phạm pháp luật, có thể nhận thấy tình trạng cán bộ kiểm lâm cấu kết, thông đồng, thậm chí nhận hối lộ từ các cơ sở GNTM ĐVHD để cho các cơ sở này tiến hành các hành vi vi phạm mà không bị xử lý trách nhiệm hành chính và hình sự [2 - 14].

- Ba là, mức xử phạt hành chính áp dụng đối với hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD hiện nay chỉ mang tính chế tài xử lý, chưa phát huy vai trò răn đe, đề phòng khi mức xử phạt không ảnh hưởng nhiều so với lợi nhuận mà hành vi bất hợp pháp trong GNTM ĐVHD mang lại [2]. Ví dụ: Khi cơ sở gây nuôi sử dụng nguồn ĐVHD bất hợp pháp sẽ tiến hành khai khống vào sổ theo dõi sinh sản, hợp pháp hóa các cá thể bất hợp pháp trên thành cá thể được sinh sản thành công. Hành vi trên nếu bị phát hiện sẽ bị xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng theo điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/ NĐ-CP. Trong khi đó, hành vi trên đã có thể thu lợi nhuận lên đến hàng chục, thậm chí hàng trăm triệu đồng.

Thông qua nghiên cứu nội dung này, tác giả đã chỉ ra được các nguyên nhân, điều kiện chủ yếu dẫn đến xuất hiện và phát triển các hành vi vi phạm quy định trong GNTM ĐVHD hiện nay. Từ đó, có cơ sở đề xuất ra các giải pháp pháp lý hoặc giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật một cách phù hợp đối với vấn đề phòng ngừa các hành vi bất hợp pháp này.

7. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ PHÒNG NGỪA HÀNH VI GÂY NUÔI THƯƠNG MẠI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ BẤT HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM

7.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong việc phòng ngừa hành vi gây nuôi thương mại động vật hoang dã bất hợp pháp

7.1.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật

Theo số liệu được báo cáo tại Tọa đàm về “*Giải pháp quản lý hoạt động gây nuôi thương mại động vật hoang dã tại Việt Nam*” cho thấy hiện nay đang có khoảng 9.000 cơ sở GNTM ĐVHD đã được cấp phép tại Việt Nam. Bên cạnh đó, vẫn còn một số lượng lớn các cơ sở gây nuôi khác đang trong quá trình chờ cấp phép hoặc đang hoạt động một cách tự phát và lén lút trên lãnh thổ Việt Nam [25]. Thông qua số liệu trên có thể thấy nhu cầu cấp bách trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật đối với hoạt động GNTM ĐVHD tại Việt Nam nhằm quản lý, kiểm soát một cách có hiệu quả quá trình hoạt động và phòng ngừa vi phạm đối với một số lượng khổng lồ các cơ sở GNTM ĐVHD tại Việt Nam như hiện nay.

Hiện nay cũng đã có rất nhiều quan điểm và các nghiên cứu đưa ra ý kiến quan ngại về sự ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động GNTM ĐVHD đến mục đích bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam. Theo quan điểm nghiên cứu của tác giả, nội dung pháp luật về GNTM ĐVHD hiện nay chưa chặt chẽ, một số quy định còn mơ hồ gây khó khăn trong việc áp dụng trên thực tế, đặc biệt là nội dung pháp luật về điều kiện nguồn gốc ĐVHD hợp pháp trong GNTM ĐVHD.

Thứ hai, pháp luật về GNTM ĐVHD được đặt ra nhằm điều chỉnh hoạt động GNTM ĐVHD tại Việt Nam. Tuy nhiên, tại quy định về phạm vi điều chỉnh của các nghị định này lại không đề cập rõ ràng đến hoạt động GNTM ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm hay ĐVHD thuộc phụ lục CITES mà chỉ nhắc đến nuôi động vật rừng thông thường. Bên cạnh đó, thông qua nghiên cứu về thực trạng vi phạm quy định về GNTM ĐVHD, nhận thấy tình trạng các cơ sở GNTM ĐVHD sử dụng nguồn ĐVHD từ tự nhiên đối với những loài ĐVHD không có khả năng sinh sản hoặc không sinh trưởng trong môi trường nuôi nhốt để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ đối với các loài này [2 - 14 - 13]. Điều này đã thể hiện thực trạng hiện nay pháp luật chưa thể bao quát và phòng ngừa được toàn bộ các hành vi vi phạm diễn ra trong thực tế. Các quy định về điều kiện nguồn gốc, xuất xứ ĐVHD được gây nuôi còn lỏng lẻo, dễ dàng bị các cơ sở GNTM ĐVHD bất hợp pháp tận dụng để thực hiện các hành vi vi phạm và các quy định về kiểm tra, quản lý đối với các cơ sở GNTM ĐVHD cũng chưa phát huy được hết vai trò phòng ngừa trong thực tiễn thi hành bởi các hành vi hối lộ từ các cơ sở gây nuôi, tham nhũng từ các cơ quan quản lý.

Cuối cùng, GNTM ĐVHD có những ý nghĩa tích cực đến tình hình kinh tế và xã hội tại Việt Nam. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, nếu hoạt động này không được kiểm soát và quản lý bởi một hệ thống các quy định pháp luật vững chắc, hoàn thiện thì sẽ không có khả năng phòng ngừa được tối đa các hành vi vi phạm sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy tiêu cực, đặc biệt gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự sinh tồn của ĐVHD ngoài tự nhiên. Do đó, rất cần có một hệ thống pháp luật đầy đủ và toàn diện để có thể điều chỉnh và phòng ngừa hiệu quả trong GNTM ĐVHD, hướng đến phát huy các thế mạnh tích cực và phòng ngừa các tiêu cực đối với hoạt động này.

Chính vì các lý do trên, đối với nhu cầu hoàn thiện pháp luật về GNTM ĐVHD, biện pháp hữu hiệu nhất lúc này là tiến hành các hoạt động rà soát các quy định của pháp luật, sửa đổi bổ sung các quy định còn mang tính hạn chế nhằm thay đổi các quy định được đánh giá còn thiếu chặt chẽ đang tạo cơ hội và điều kiện cho các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD trong gây nuôi thương mại. Theo tác giả cần tập trung vào nghiên cứu, sửa đổi các quy định về nguồn gốc ĐVHD hợp pháp được gây nuôi tại VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021.

7.1.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Như đã trình bày, nhằm hoàn thiện pháp luật nhằm phòng ngừa các hành vi vi phạm trong hoạt động GNTM ĐVHD tại Việt Nam hiện nay cần phải triển khai việc rà soát các quy định về gây nuôi động vật hoang dã để xác định các khoảng trống trong quản lý và các sửa đổi cần thiết để tăng cường quản lý gây nuôi ĐVHD [18], do đó tác giả đề xuất một số quan điểm dựa trên khả năng nghiên cứu của bản thân, cụ thể các đề xuất như sau:

Thứ nhất, cần hoàn thiện lại hệ thống các quy định về nguồn gốc, nguồn giống ĐVHD hợp pháp trong GNTM ĐVHD.

Theo đó, qua quá trình nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra trong các yêu cầu pháp lý đối với GNTM ĐVHD xuất hiện một số bất cập tại nội dung yêu cầu về nguồn gốc ĐVHD hợp pháp. Từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất sửa đổi như sau:

- Một là, cần sửa đổi, bổ sung quy định về cấm khai thác từ tự nhiên động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng.

Cần nghiên cứu sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021 theo hướng không cho phép khai thác từ tự nhiên các loài ĐVHD thuộc nhóm IB nhằm tạo nguồn giống sinh sản gây nuôi thương mại, việc này sẽ phòng tránh được hành vi lợi dụng pháp luật cho phép khai thác từ tự nhiên ĐVHD nhóm IB tạo nguồn giống gây nuôi sinh sản để thực hiện hành vi săn, bắt động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng từ tự nhiên trá hình mục đích làm nguồn giống sinh sản gây nuôi thương mại để đưa vào cơ sở gây nuôi thực hiện hành vi mua bán ĐVHD trái phép mà không bị xử lý.

- Hai là, cần bổ quy định về đấu giá liên quan đến ĐVHD thuộc nhóm IIB bị tịch thu.

Cần hủy bỏ nội dung cho phép đấu giá ĐVHD thuộc nhóm IIB tại khoản 2 Điều 10 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021. Việc hủy bỏ quy định cho phép đấu giá ĐVHD nhóm IIB nhằm dự phòng trường hợp cơ sở GNTM ĐVHD cấu kết với cơ quan kiểm lâm lợi dụng sự chưa rõ ràng trong quy định của Điều 10 để trá hình nhằm tổ chức hoạt động đấu giá ĐVHD thuộc nhóm IIB nhằm hợp pháp hóa ĐVHD nhóm IIB bị săn, bắt trái phép từ tự nhiên trở thành nguồn ĐVHD hợp pháp phục vụ thương mại. Bên cạnh đó, tác giả kiến nghị cần xem xét bổ quy định nguồn giống ĐVHD gây nuôi thương mại hợp pháp là mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều 15 để phòng ngừa có hiệu quả khả năng vi phạm nêu trên.

- Ba là, bổ sung quy định về nguồn giống gây nuôi thương mại hợp pháp đối với động vật rừng thông thường.

Cần cân nhắc tiếp thu giá trị của Nghị định số 66/2016/NĐ-CP trước đó khi quy định cụ thể rõ ràng về các nguồn gốc hợp pháp của động vật rừng được gây nuôi thương mại. Theo đó, cần nghiên cứu bổ sung các quy định về nguồn gốc hợp pháp để quản lý nguồn gốc động vật hợp pháp đối với hoạt động gây nuôi thương mại động vật rừng thông

thường, điều này giúp pháp luật điều chỉnh rõ ràng hơn với hoạt động này, tránh tình trạng săn bắt ĐVHD là động vật rừng thông thường làm nguồn gây nuôi hợp pháp.

Thứ hai, cần bắt buộc đăng ký mã số cơ sở nuôi đối với gây nuôi thương mại động vật rừng thông thường.

Như đã phân tích, động vật rừng thông thường là đối tượng có thể được gây nuôi thương mại, bên cạnh kiến nghị về bổ sung quy định về nguồn gốc động vật rừng thông thường hợp pháp được gây nuôi thương mại, tác giả đề xuất nên đặt ra quy định bắt buộc đăng ký mã số cơ sở nuôi đối với các cơ sở gây nuôi thương mại động vật rừng, như vậy sẽ có sự kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các hoạt động gây nuôi động vật rừng thông thường, tránh tình trạng gây nuôi tràn lan dẫn đến mất kiểm soát trong quản lý cơ sở nuôi và quản lý nguồn gốc động vật rừng thông thường hợp pháp.

Thứ ba, cấp thiết phải ban hành văn bản mang tính bắt buộc về những loài ĐVHD được phép gây nuôi thương mại.

Để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GNTM ĐVHD và phòng ngừa có hiệu quả tình trạng vi phạm quy định về nguồn gốc, nguồn giống ĐVHD hợp pháp trong gây nuôi thương mại, giải pháp khả thi hiện nay là cần ban hành Danh mục các loài động vật hoang dã được phép gây nuôi thương mại và giới hạn hoạt động nuôi thương mại trong những loài thuộc danh mục này [26]. Việc ban hành một danh mục các loài ĐVHD được phép gây nuôi vì mục đích thương mại là một giải pháp giúp loại bỏ những tác động tiêu cực của hoạt động này đối với các loài ĐVHD đang bị đe dọa. Đây là giải pháp toàn diện vì lợi ích bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo tương lai an toàn cho các loài ĐVHD, đồng thời cho phép người dân phát triển kinh tế và tăng lợi nhuận mà không gây ảnh hưởng tiêu cực đến thiên nhiên [25 - 27]. Theo một nghiên cứu, việc ban hành Danh mục ĐVHD được phép gây nuôi sẽ mang lại 04 lợi ích lớn [25], cụ thể:

- Một là, bảo đảm tất cả các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ, không bị nuôi, buôn bán trái phép hay nhập lậu vào các cơ sở nuôi thương mại.

- Hai là, quy trình cấp phép đơn giản, nhanh chóng: Cán bộ quản lý khi kiểm tra cơ sở chỉ cần đảm bảo các loài được nuôi tại cơ sở có tên trong Danh mục loài ĐVHD được phép nuôi thương mại.

- Ba là, chủ cơ sở nắm rõ những loài được phép nuôi thương mại, đảm bảo loài nuôi là loài phù hợp cho nuôi nhốt và có hiệu quả kinh tế.

- Bốn là, danh mục được ban hành có thể đi kèm với quy trình đăng ký được đơn giản hóa tạo điều kiện cho các cơ sở nuôi.

Bên cạnh đó, theo quan điểm của tác giả thì việc ban hành Danh mục các loài ĐVHD được phép gây nuôi thương mại sẽ giúp chọn lọc và liệt kê các loài có khả năng sinh trưởng và sinh sản trong môi trường nuôi nhốt. Một số ít loài ngoại lệ khác cũng có thể

được đưa vào danh mục này nhưng cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng từ các cơ quan khoa học CITES, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có thể thêm hoặc loại bỏ loài khỏi danh mục trên cơ sở đánh giá khoa học để đảm bảo các yếu tố về tình trạng bảo tồn của loài, khả năng sinh sản trong môi trường có kiểm soát và hiệu quả kinh tế [25 - 27].

Thứ tư, cần tăng mức xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD.

Như đã phân tích ví dụ trước đó, cần có mức xử phạt hành chính với giá trị phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD tại Việt Nam hiện nay, đặc biệt đối với các hành vi lợi dụng hoạt động GNTM ĐVHD hợp pháp để thực hiện hành vi nhập lậu và buôn bán các loài ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp. Bởi lẽ, mức xử phạt hành chính áp dụng đối với hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD hiện nay không mang tính phòng ngừa cao khi giá trị xử phạt không ảnh hưởng nhiều đến số lợi nhuận mà hành vi bất hợp pháp trong GNTM ĐVHD mang lại [2].

7.2. Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật phòng ngừa hành vi gây nuôi thương mại động vật hoang dã bất hợp pháp tại Việt Nam

Thông qua nghiên cứu của tác giả về các nguyên nhân, điều kiện dẫn đến thực trạng vi phạm quy định về GNTM ĐVHD tại Việt Nam và tham khảo một số quan điểm nghiên cứu về vấn đề phòng ngừa các vi phạm trong GNTM ĐVHD, tác giả có một số đề xuất giải pháp phòng ngừa như sau:

Thứ nhất, cần phải hạn chế được vấn nạn tham nhũng, hối lộ trong công tác quản lý hoạt động GNTM ĐVHD.

Tham nhũng trong công tác quản lý hoạt động GNTM ĐVHD diễn ra chủ yếu trong hoạt động cấp giấy phép thành lập cơ sở nuôi thương mại ĐVHD và hoạt động kiểm tra, xác nhận các giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của ĐVHD bất hợp pháp. Do đó, cần phải thiết lập và áp dụng các hình phạt nghiêm khắc hơn đối với những trường hợp tham nhũng [2 - 18]. Bởi lẽ, nếu không có sự tiếp tay của các cơ quan chức năng thì các cơ sở gây nuôi khó có thể thực hiện các hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD. Pháp luật đã quy định quy trình kiểm tra, đối chiếu số lượng ghi chép tại các mẫu sổ ghi chép trong quá trình gây nuôi ĐVHD rất rõ ràng. Do đó, đầu tiên cần phải chấm dứt tình trạng tham nhũng, nhận hối lộ trong quá trình thực hiện công tác quản lý, kiểm tra hoạt động của các cơ sở GNTM ĐVHD.

Đây là một vấn đề lớn tại Việt Nam và đang nhận được nhiều sự quan tâm, xử lý của Đảng và Nhà nước. Do đó, trong tương lai nếu vấn nạn này được xử lý và hạn chế thì chắc chắn sẽ có những tác động tích cực đến hoạt động GNTM ĐVHD. Vấn nạn tham nhũng và hối lộ khi được giải quyết sẽ giúp các quy định về quản lý, kiểm soát GNTM

ĐVHD được thực thi nghiêm túc, đấu tranh hiệu quả với các hành vi GNTM ĐVHD bất hợp pháp.

Thứ hai, cần tổ chức các chương trình tập huấn, nâng cao chuyên môn của cán bộ thực hiện công tác quản lý, kiểm tra hoạt động GNTM ĐVHD.

Biện pháp này nhằm giúp cán bộ thực thi pháp luật trong công tác quản lý, kiểm tra hoạt động GNTM ĐVHD có thêm kinh nghiệm, kỹ năng trong việc nhận diện các hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD [2 - 19 - 20]. Bởi lẽ, việc cho phép kinh doanh hợp pháp một số sản phẩm từ ĐVHD cũng gây khó khăn cho hoạt động thực thi pháp luật, khiến cơ quan thực thi pháp luật khó phân biệt giữa sản phẩm hợp pháp và bất hợp pháp, khó khăn này sẽ khiến công tác xử lý các hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD bỏ lọt các hành vi nhập lậu, sử dụng ĐVHD bất hợp pháp trong cơ sở GNTM ĐVHD. Do đó, cần phải quan tâm tổ chức các lớp, các chương trình tập huấn với các chuyên đề nâng cao kiến thức, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý về GNTM ĐVHD, giúp quá trình công tác quản lý được thực hiện tốt hơn, tránh bỏ sót các dấu hiệu vi phạm của các cơ sở gây nuôi ĐVHD vì mục đích thương mại.

Thứ ba, cần có các biện pháp tuyên truyền, vận động người dân hạn chế sử dụng ĐVHD và các sản phẩm có nguồn gốc từ ĐVHD.

Bởi lẽ, hoạt động GNTM ĐVHD nhằm mục đích phục vụ nhu cầu sử dụng ĐVHD và các sản phẩm từ ĐVHD của xã hội. Với mục tiêu cho phép hoạt động GNTM ĐVHD để giảm sức ép từ nhu cầu sử dụng ĐVHD lên quần thể ĐVHD trong tự nhiên, tránh tình trạng ĐVHD trong tự nhiên bị săn, bắt trái phép dẫn đến tuyệt chủng. Tuy nhiên, cần phải giải quyết vấn đề ngay từ gốc rễ, nếu không có áp lực từ nhu cầu sử dụng ĐVHD thì hoạt động GNTM ĐVHD sẽ đi đúng theo mục tiêu mà các nhà hoạch định chính sách đưa ra, sẽ không có tình trạng nhập lậu, săn bắt ĐVHD đưa vào các cơ sở GNTM ĐVHD hợp pháp để biến ĐVHD bất hợp pháp trở thành sản phẩm được gây nuôi hợp pháp. Hiện nay cũng có các nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kêu gọi người dân tẩy chay, ngưng sử dụng các sản phẩm từ ĐVHD [1 - 13].

Thứ tư, tác giả đề xuất giải pháp áp dụng các biện pháp công nghệ quan sát để theo dõi hoạt động của các cơ sở gây nuôi ĐVHD vì mục đích lợi nhuận.

Theo quan điểm của tác giả, trong tương lai cần nghiên cứu đặt ra quy định về yêu cầu cơ sở GNTM ĐVHD lắp đặt hệ thống giám sát trực tiếp tại chuồng nuôi. Có thể xem đây là một điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ GNTM ĐVHD. Yêu cầu này sẽ phát huy hiệu quả trong việc giúp cơ quan chức năng kiểm soát được sự biến động số lượng ĐVHD có tại cơ sở gây nuôi, đặc biệt là nguồn gốc ĐVHD sinh sản tại cơ sở gây nuôi thông qua dữ liệu được trích xuất từ thiết bị giám sát. Thông qua đó, có thể phân nào phòng ngừa được hành vi nhập lậu ĐVHD bất hợp pháp vào cơ sở GNTM ĐVHD, sau đó nâng khống số lượng ĐVHD nhập lậu vào sổ theo dõi dưới dạng ĐVHD được sinh sản thành công tại cơ sở gây nuôi.

Cuối cùng, cần khuyến khích tổ chức các chương trình nghiên cứu khoa học về hoạt động GNTM ĐVHD.

Hoạt động nghiên cứu khoa học có những đóng góp rất tích cực đến mọi mặt của đời sống. Đối với hoạt động GNTM ĐVHD, khía cạnh pháp lý là một nội dung quan trọng, hoạt động nghiên cứu khoa học với nội dung này giúp tận dụng được các quan điểm, sáng kiến hữu ích góp phần vào hoàn thiện các nội dung quy định về GNTM ĐVHD. Bên cạnh đó, các hành vi vi phạm luôn có xu thế biến đổi không ngừng nhằm vượt qua sự kiểm soát của pháp luật và các cơ quan chức năng, do đó, khi hoạt động nghiên cứu khoa học gắn liền với thực tiễn sẽ chỉ ra được những bất cập còn tồn tại, từ đó đưa ra những giải pháp phòng ngừa hữu ích đối với các hành vi vi phạm trong GNTM ĐVHD.

8. KẾT LUẬN

Thông qua nội dung nghiên cứu tại đề tài này, có thể thấy hoạt động GNTM ĐVHD là một hoạt động được pháp luật Việt Nam cho phép. Với những mục tiêu về lợi ích sẽ thu được từ hoạt động GNTM ĐVHD, chúng ta vẫn phải đối mặt với những hệ lụy tiêu cực từ hoạt động này. Như đã thể hiện tại nội dung nghiên cứu, các hệ lụy trong hoạt động GNTM ĐVHD chủ yếu xuất nguồn từ các quy định thiếu chặt chẽ, có một số quy định vẫn chưa phòng ngừa được các hành vi vi phạm, đặc biệt về nguồn gốc ĐVHD được gây nuôi. Bên cạnh đó, đối với các quy định đủ chặt chẽ và hợp lý thì lại chưa được thực hiện tốt trong thực tế, được thể hiện qua các hành vi tham nhũng, hối lộ diễn ra thường xuyên hoặc với sự cấu kết giữa các cơ sở gây nuôi và các cán bộ quản lý khiến cho các hành vi GNTM ĐVHD vẫn diễn ra một cách công khai, ĐVHD bị săn, bắt bất hợp pháp vẫn bị nhập lậu, trá đổi thành nguồn giống hợp pháp dưới sự hỗ trợ về giấy tờ chứng minh nguồn gốc của một bộ phận cán bộ quản lý. Các thực trạng đó cũng đã chứng minh được tình hình hiện nay về sự thiếu hiệu quả của các quy định pháp luật và các tiêu cực trong công tác thi hành pháp luật tại Việt Nam về quản lý GNTM ĐVHD.

Tóm lại, với một số quan điểm kiến nghị, tác giả mong muốn hệ thống pháp luật Việt Nam về GNTM ĐVHD sẽ được xem xét, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nhằm quản lý có hiệu quả hơn, phòng ngừa tốt hơn các hành vi GNTM ĐVHD bất hợp pháp, đặc biệt là các quy định về quản lý nguồn gốc hợp pháp của ĐVHD được gây nuôi thương mại. Bên cạnh đó, cũng cần nghiên cứu đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật phòng ngừa các hành vi vi phạm trên thực tế, nhất là đối với cán bộ công tác trong lĩnh vực quản lý hoạt động GNTM ĐVHD tại Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lý Thanh Hương - Minh Nguyệt (2021), *Động vật hoang dã bên bờ tuyệt chủng*, Thông tấn xã Việt Nam, truy cập tại: <https://baotintuc.vn/long-form/emagazine/dong-vat-hoang-da-ben-bo-vuc-tuyet-chung-20211210222110940.htm>, (truy cập vào 3/3/2023).

- [2] Vũ Thị Quyên, Ronan Carvill, Bùi Thị Hà, Douglas Hendrie, David Orders, Aaron Pardy, Greg Nagle (2017), *Một số tồn tại trong hoạt động gây nuôi thương mại động vật hoang dã tại Việt Nam*, Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên, Hà Nội, Việt Nam truy cập tại: <https://thiennhien.org/uploads/bao-cao-gay-nuoi-thuong-mai-dvhd-tai-viet-nam-2016.pdf>, (truy cập ngày 19/02/2023).
- [3] Biraj Shrestha (2021). *Wildlife Farming: From a Legal Quagmire to a Fiasco*. Truy cập tại: <https://www.linkedin.com/pulse/wildlife-farming-from-egal-quagmire-fiasco-biraj-shrestha>, (truy cập ngày 18/02/2023).
- [4] Wildlife Farms, Stigma and Harm (2020). *Wildlife farms, Stigma And harm*, truy cập: https://www.researchgate.net/publication/344442252_Wildlife_Farms_Stigma_and_Harm#fullTextFileContent, (truy cập ngày 18/02/2023).
- [5] Lê Huỳnh Tân Duy (2022), *Xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Phòng ngừa, xử lý các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, 2022, tr. 92.
- [6] Khoản 29 Điều 3 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021.
- [7] Khoản 29 Điều 3 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021.
- [8] Khoản 4 Điều 3 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021.
- [9] Khoản 1 Điều 4 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021.
- [10] Khoản 10, khoản 18, khoản 19 Điều 3 VBHN số 03/VBHN-BNNPTNT năm 2021.
- [11] Tạ Đình Tuyên (2020), *Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan*, truy cập tại: <https://dangcongsan.vn/y-te/gay-nuoi-thuong-mai-dong-vat-hoang-da-con-duong-dan-den-su-tuyet-chung-402085.html>, (truy cập ngày 21/02/2023).
- [12] Emma GE Brooks, Scott I. Robertson, Diana J. Bell (2010), *The conservation impact of commercial wildlife farming of porcupines in Vietnam*, truy cập tại: https://www.researchgate.net/publication/248200458_The_conservation_impact_of_commercial_wildlife_farming_of_porcupines_in_Vietnam#pf7, (truy cập ngày 21/02/2023).
- [13] Bích Liên (2016), *GNTM ĐVHD: Con đường dẫn đến sự tuyệt chủng*, truy cập tại: <https://dangcongsan.vn/y-te/gay-nuoi-thuong-mai-dong-vat-hoang-da-con-duong-dan-den-su-tuyet-chung-402085.html>, (truy cập ngày 20/02/2023).
- [14] Xuân Hương (2022), *Bị lỗ hổng về quản lý hoạt động GNTM ĐVHD*, truy cập tại: <https://www.bienphong.com.vn/bit-lo-hong-ve-quan-ly-hoat-dong-gay-nuoi-thuong-mai-dong-vat-hoang-da-post454561.html>, (truy cập ngày 20/02/2023)
- [15] Ly Đăng (2016), *CITES thông qua lệnh cấm buôn bán tê tê*, truy cập tại: <https://www.thiennhien.net/2016/10/03/cites-thong-qua-lenh-cam-buon-ban-te-te/>, (truy cập ngày 21/02/2021).
- [16] ENV (2022), *Hướng dẫn: Các yêu cầu pháp lý về gây nuôi thương mại động vật hoang dã*, Trung tâm Giáo dục thiên nhiên, Hà Nội, Việt Nam, truy cập tại: <https://thiennhien.org/uploads/farm-communication-no-6-regulation-on-farming-jun-22-2022-final.pdf>, (truy cập ngày 21/02/2023).

- [17] Tòa án nhân dân tối cao (2019), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu Quy định của Bộ luật Hình sự về các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm*, tr. 52. Trích dẫn qua: Lê Huỳnh Tấn Duy (2022), *Xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Phòng ngừa, xử lý các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, 2022, tr. 92.
- [18] WCS (2018), *Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2013 – 2017*, Tổ chức Wildlife Conservation Society, chương trình Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam. Truy cập tại: https://www.thiennhien.net/wp-content/uploads/2022/01/190130_Bao-cao-DVHG-2013-2017_HN_Final.pdf, (truy cập ngày 23/02/2023).
- [19] ENV (2021), *Các hành động cấp bách cần thực hiện để ngăn chặn tình trạng buôn bán động vật hoang dã trái phép tại Việt Nam*, Trung tâm Giáo dục thiên nhiên. Hà Nội, Việt Nam, truy cập tại: <https://thiennhien.org/uploads/briefing-na-package-vn-sept-21-2021-final.pdf>, (truy cập ngày 26/02/2023).
- [20] Cơ quan quản lý CITES Việt Nam (2018), *Gây nuôi động vật hoang dã ở Việt Nam*, truy cập tại: https://nature.org.vn/vn/wp-content/uploads/2020/10/2_FACT-Sheet-wildlife-farming_FAO-1.pdf, (truy cập ngày 23/02/2023).
- [21] ENV (2020), *Công tác xử lý tội phạm về động vật hoang dã tại Việt Nam giai đoạn 2015 – 2020*, Trung tâm Giáo dục thiên nhiên. Hà Nội, Việt Nam, truy cập tại: <https://thiennhien.org/uploads/prosecution-review-vn-aug-28-2020.pdf>, (truy cập ngày 26/02/2023).
- [22] Bản án số: 248/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội, truy cập tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta813915t1cvn/chi-tiet-ban-an>, (truy cập ngày 26/02/2023).
- [23] Lan Chi (2020), *Quảng Nam: Nuôi nhốt động vật hoang dã trái phép, vợ chủ cơ sở gây nuôi động vật hoang dã bị tuyên phạt 5 năm tù*, truy cập tại: <https://baotainguyenmoitruong.vn/quang-nam-nuoi-nhot-dong-vat-hoang-da-trai-phep-vo-chu-co-so-gay-nuoi-dong-vat-hoang-da-bi-tuyen-phat-5-nam-tu-304262.html>, (truy cập ngày 26/02/2023).
- [24] ENV (2022), *Các dấu hiệu nhập lậu động vật hoang dã vào cơ sở gây nuôi thương mại*, Trung tâm Giáo dục thiên nhiên, Hà Nội, Việt Nam, truy cập tại: <https://thiennhien.org/uploads/factsheet-on-wildlife-laundering-jun-13-2022-final-1.pdf>, (truy cập vào 26/02/2023).
- [25] ENV (2022), *Ban hành danh mục động vật hoang dã được phép nuôi thương mại, giải pháp đơn giản xử lý tình trạng nhập lậu động vật hoang dã vào cơ sở nuôi*, Trung tâm Giáo dục thiên nhiên, Hà Nội, Việt Nam.
- [26] Hoàng Ngân (2022), *Cần ban hành danh mục các loài động vật hoang dã được phép nuôi thương mại*, truy cập tại: <https://baotainguyenmoitruong.vn/can-ban-hanh-danh-muc-cac-loai-dong-vat-hoang-da-duoc-phep-nuoi-thuong-mai-343725.html>, (truy cập ngày 26/02/2023).
- [27] Đỗ Minh Phượng (2022), *Cần ban hành danh mục các loài động vật hoang dã được phép gây nuôi vì mục đích thương mại*, Tạp chí Môi trường, số 08/2022, tr.71.

VẤN ĐỀ TIÊU THỤ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM VÀ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Bùi Thị Thu Trang¹, Đỗ Trần Công Thành², Trần Thị Thái Nguyên³
(Được hướng dẫn bởi TS. Hà Lệ Thủy)

Tóm tắt: Là một trong các quốc gia có sự đa dạng sinh học bậc nhất thế giới, nhưng Việt Nam đã và đang phải trải qua sự sụt giảm mạnh về động vật hoang dã. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm nghiêm trọng này đến từ hành vi sử dụng, tiêu thụ thịt, sản phẩm, chế phẩm từ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm của người dân. Có rất ít bằng chứng khoa học chứng minh tính hiệu quả từ thịt, sản phẩm, chế phẩm từ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm nhưng động vật hoang dã vẫn trở thành đối tượng bị săn lùng, khai thác tận diệt.

Từ góc độ tiếp cận trên, bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp văn bản để nhận diện những vấn đề lý luận và thực trạng quy định của pháp luật về tiêu thụ động vật hoang dã và phương pháp dự báo khoa học được sử dụng trong Mục 3 để khuyến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ động vật hoang dã từ những nhận định khoa học trong Mục 4 và Mục 5.

Từ khóa: pháp luật, tiêu thụ, thực trạng, động vật hoang dã

1. DẪN NHẬP

Động vật hoang dã là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, góp phần quan trọng trong việc tạo nên sự cân bằng sinh thái, bảo đảm môi trường sống trong lành cho con người. Báo cáo Sức sống Hành tinh 2022 của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) công bố rằng các loài động vật hoang dã có xương sống đang giảm mạnh với tỷ lệ đáng báo động tại các khu vực nhiệt đới, đặc biệt tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương với mức giảm trung bình 55%; WWF đặc biệt lo ngại trước tình trạng trên bởi những khu vực này cũng là những nơi có đa dạng sinh học cao nhất thế giới. Đây là vấn đề không chỉ xảy ra ở các nước trên thế giới mà còn bao gồm cả Việt Nam. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ động vật hoang dã, Việt Nam đã tham gia nhiều Công ước quốc tế về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nói chung, bảo vệ động vật hoang dã nói riêng như Công ước bảo tồn những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước (Công ước RAMSAR, 1971), Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES, 1973), Công ước

¹ Sinh viên lớp Luật K43D, trường Đại học Luật, Đại học Huế

² Sinh viên lớp Luật K45E, trường Đại học Luật, Đại học Huế

³ Sinh viên lớp Luật Kinh tế K44B, trường Đại học Luật, Đại học Huế

toàn cầu về đa dạng sinh học (Công ước CBD, 1992), Nghị định thư CARTAGENA về An toàn sinh học (Nghị định thư CARTAGENA, 2000), Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen (Nghị định thư Nagoya, 2010),... Bên cạnh đó, xây dựng các chiến lược, kế hoạch và chương trình quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; xây dựng, duy trì các văn bản pháp luật, trong đó tập trung vào 2 nhóm quy định chính: quy định quản lý về bảo vệ động vật hoang dã và quy định về xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã: hơn 60 văn bản quy phạm pháp luật về quản lý động vật hoang dã, trong đó có 16 văn bản quy phạm pháp luật quan trọng có hiệu lực, thuộc các lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản, tài nguyên môi trường, đầu tư, hành chính và hình sự, gồm 07 Luật và Bộ luật, 04 Nghị định, 01 Nghị quyết và 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 3 Thông tư [1].

Theo báo cáo được Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên tại Việt Nam (WWF-Việt Nam) và Cục Bảo tồn Thiên nhiên và Đa dạng Sinh học (BCA) công bố, Việt Nam được đánh giá là một trong 16 quốc gia có tính đa dạng sinh học cao nhất thế giới [2]. Tuy nhiên, Việt Nam đã và đang phải đối mặt với những thực trạng đáng buồn là nạn buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã. Theo Trung tâm Hành động và Liên kết vì Môi trường và Phát triển (CHANGE): cùng với Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam là quốc gia có mức tiêu thụ động vật hoang dã trái phép cao nhất thế giới, đặc biệt đối với việc buôn bán sừng tê giác, ngà voi,... gây hậu quả nghiêm trọng đến số lượng quần thể các loài trong tự nhiên tại Việt Nam [3]. Nhu cầu này đặc biệt tăng cao trong các dịp lễ quan trọng, trong đó có dịp lễ cuối năm và Tết Nguyên đán. Khảo sát về tiêu thụ thịt động vật hoang dã do WWF - Việt Nam thực hiện năm 2021 cho thấy, điểm đến của 90% thú rừng bị săn bắt trái phép chính là các nhà hàng và các kênh tiêu thụ khác ở khu vực thành thị; chỉ có 10% được tiêu thụ bởi những cá nhân sống gần khu vực săn, bắt [4]. Nhận thức được tầm nghiêm trọng của vấn đề nhóm tác giả định hướng bài viết làm rõ những bất cập hiện còn tồn đọng trong pháp luật, tình hình tiêu thụ động vật hoang dã tại Việt Nam. Từ đó đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam. Với lý do trên nhóm tác giả đã lựa chọn tên bài viết là “Vấn đề tiêu thụ động vật hoang dã tại Việt Nam và đề xuất hoàn thiện pháp luật”.

2. KHÁI NIỆM TIÊU THỤ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

2.1. Định nghĩa trong pháp luật Trung Quốc

Ngày 24/02/2020, Trung Quốc thông qua quyết định dừng tiêu thụ thực phẩm từ động vật hoang dã để bảo vệ cuộc sống và sức khỏe của người dân. Quyết định có hiệu lực áp dụng ngay lập tức, nêu rõ các hành vi bị cấm đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan [5] như sau:

“Nhằm hoàn toàn nghiêm cấm và xử phạt việc buôn bán trái phép động vật hoang dã, loại bỏ thói quen xấu ăn quá nhiều động vật hoang dã, hỗ trợ an toàn sinh học và an

toàn của hệ sinh thái, bảo vệ hiệu quả trước những rủi ro lớn về sức khỏe cộng đồng, bảo vệ cuộc sống và sức khỏe của cộng đồng, tăng cường việc thiết lập lối sống văn minh sinh thái và khuyến khích quan hệ hài hòa giữa con người và thiên nhiên, quyết định:

1) Nghiêm cấm mọi hành vi săn bắt, buôn bán, vận chuyển và ăn động vật hoang dã bị cấm theo Luật Bảo vệ động vật hoang dã của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và các luật khác có liên quan. Bất kỳ hành vi nào trái với các quy định nêu trên đều bị xử lý nghiêm, dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành.

2) Tất cả việc tiêu thụ “động vật hoang dã trên cạn có giá trị quan trọng về sinh thái, khoa học hoặc xã hội” và các động vật hoang dã trên cạn khác làm thực phẩm, bao gồm cả động vật hoang dã trên cạn được nuôi nhốt, sẽ bị nghiêm cấm hoàn toàn. Nghiêm cấm mọi hành vi săn bắt, buôn bán hoặc vận chuyển động vật hoang dã trên cạn sinh sản tự nhiên với mục đích tiêu thụ làm thực phẩm. Bất kỳ hành vi nào trái với hai khoản trên sẽ bị trừng phạt theo các hình phạt có liên quan được quy định bởi luật hiện hành.

...

4) Trường hợp có nhu cầu sử dụng động vật hoang dã cho các mục đích đặc biệt ngoài tiêu dùng như thực phẩm, chẳng hạn như nghiên cứu khoa học, làm thuốc hoặc trưng bày, sẽ phải chịu sự giám sát, phê duyệt, kiểm dịch và thanh tra nghiêm ngặt theo các quy định có liên quan. Hội đồng Nhà nước và các đơn vị có liên quan thuộc Hội đồng Nhà nước có trách nhiệm kịp thời xây dựng và hoàn thiện các quy định liên quan đến giám sát, phê duyệt, kiểm dịch và kiểm tra việc sử dụng động vật hoang dã cho các mục đích phi thực phẩm và thi hành các quy định này.

5) Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân, bao gồm Chính phủ và các cấp, các ngành, tổ chức xã hội, trường học và thông tin đại chúng sẽ tích cực tham gia vào việc giáo dục, phổ biến và hướng dẫn về bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe và an toàn cộng đồng. Mọi người dân cùng nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường sinh thái và an toàn sức khỏe cộng đồng, thay đổi phong tục tập quán, xóa bỏ thói quen xấu “ăn thịt động vật hoang dã”, thực hiện nếp sống khoa học, lành mạnh, văn minh.” [6]

Như vậy, có thể thấy pháp luật Trung Quốc quy định rõ hành vi “ăn, tiêu thụ động vật hoang dã làm thực phẩm” bên cạnh các hành vi săn bắt, giết, mua bán, vận chuyển động vật hoang dã và phân chia quy định giữa mục đích “dùng làm thực phẩm” và mục đích “phi thực phẩm”. Đối tượng được bảo vệ theo các quyết định nêu trên không chỉ bao gồm động vật hoang dã được săn bắt ngoài tự nhiên mà còn cả đối với các loài hoang dã trên cạn được nuôi nhốt. Đồng thời, các quyết định đều nhấn mạnh việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy định để thực thi các quyết định này, bởi đây chỉ là quy định chung, mang tính nền tảng để nghiêm cấm hành vi tiêu thụ động vật hoang dã làm thực phẩm mà chưa có tính áp dụng ngay như luật.

2.2. Định nghĩa trong pháp luật Việt Nam

Thứ nhất, hiện nay pháp luật Việt Nam có rất nhiều điều điều chỉnh liên quan đến “tiêu thụ” nói chung, đơn cử như: điểm b khoản 2 Điều 220 Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 [7]; khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 [8]; điểm i khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm d khoản 2 Điều 135 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 [9]; khoản 6 Điều 100, khoản 3 Điều 122, khoản 2 Điều 180, Điều 247 Luật Thương mại năm 2005 [10];...

Mặc dù đã đề cập đến vấn đề tiêu thụ tuy nhiên vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất trong pháp luật Việt Nam. Vì vậy để làm rõ hơn về định nghĩa tiêu thụ cần có những nghiên cứu học thuật như sau:

Luận văn Thạc sĩ “*Tiêu thụ sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên yếm sào khánh hòa*” của Lương Thị Phương (2021) [11] đã bình luận khái niệm tiêu thụ sản phẩm nói chung theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp như sau:

Theo nghĩa rộng, tiêu thụ sản phẩm bao gồm mọi hoạt động liên quan đến việc bán hàng và là một trong sáu chức năng hoạt động cơ bản của doanh nghiệp: tiêu thụ - sản xuất - hậu cần kinh doanh - tài chính - tính toán - quản trị doanh nghiệp.

Theo nghĩa hẹp, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ là việc chuyển dịch quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đã thực hiện cho khách hàng đồng thời thu được tiền bán sản phẩm hoặc được quyền thu tiền bán hàng.

Từ đó chúng ta có thể hiểu tiêu thụ có thể là việc ăn, sử dụng làm sản phẩm, chế phẩm hoặc thực phẩm qua chế biến nhằm phân phối ra thị trường. Chính vì pháp luật Việt Nam chưa quy định rõ mục đích của hành vi tiêu thụ và định nghĩa hành vi tiêu thụ nên cụm từ “tiêu thụ” được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Từ đó, dẫn đến việc chưa rõ hành vi bị cấm và chế tài xử lý.

Thứ hai, quyền sử dụng trong pháp luật Việt Nam được quy định tại Điều 189 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau: “*Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản. Quyền sử dụng có thể được chuyển giao cho người khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.*”[8]

Vậy sử dụng động vật hoang dã có nghĩa là khai thác công dụng của động vật hoang dã bằng nhiều hình thức khác nhau và cả hoa lợi, lợi tức từ động vật hoang dã nhằm tối đa hóa công dụng của động vật hoang dã.

Chúng ta cần nên phân biệt rõ giữa việc sử dụng và tiêu thụ trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã, pháp luật Việt Nam vẫn chưa có quy định rõ về định nghĩa tiêu thụ dẫn đến sự nhầm lẫn giữa việc sử dụng động vật hoang dã và tiêu thụ động vật hoang dã.

Riêng về hành vi tiêu thụ động vật hoang dã, pháp luật Việt Nam hiện tại còn hạn chế về quy định hành vi tiêu thụ động vật hoang dã và chưa có định nghĩa rõ ràng về hành vi

này. Dựa trên quy định tại khoản 4 Điều 7 Luật Đa dạng sinh học năm 2018, có thể hiểu tiêu thụ động vật hoang dã là: *“Tiêu thụ các loài, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ”*. Từ quy định trên có thể hiểu tiêu thụ trái phép động vật hoang dã là tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã như: thịt, chế phẩm, bộ phận,... của động vật hoang dã nguy cấp quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có giá trị đặc biệt mà số lượng còn ít và có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Đồng thời ở khoản 4 Điều 7 Luật Đa dạng sinh học 2018, đã có tách biệt các hành vi *“khai thác bộ phận cơ thể, mua, bán, tiêu thụ”* như sau: *“Săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.”* [12]. Vì vậy, việc định nghĩa rõ tiêu thụ động vật hoang dã là điều cấp thiết.

Để nhận thức rõ vấn đề tiêu thụ động vật hoang dã có nên trở thành hành vi trái phép hay không, nhóm tác giả mượn quy định tại Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì khái niệm tội phạm được hiểu như sau: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.”*

Như vậy, tội phạm về tiêu thụ động vật hoang dã được hiểu là hành vi do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại vô ý hay cố ý xâm phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã của pháp luật. Trước khi tội phạm hóa tiêu thụ động vật hoang dã, chúng ta cần hiểu rõ thực trạng hiện nay về bảo vệ động vật hoang dã có cần thiết quy định hành vi này là trái phép hay không? Từ các nghiên cứu trên nhóm tác giả định hướng vấn đề tiêu thụ động vật hoang dã theo nghĩa rộng, nhóm tác giả nhận định: *“hành vi tiêu thụ động vật hoang dã là chuỗi các hành vi từ suy nghĩ đến các hành động như: săn bắt, nuôi nhốt, vận chuyển, buôn bán,... mà mục đích, kết quả cuối cùng là dùng động vật hoang dã để ăn, sử dụng làm sản phẩm, chế phẩm hoặc thực phẩm qua chế biến nhằm phân phối ra thị trường.*

3. THỰC TRẠNG TIÊU THỤ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM

Là một trong các quốc gia đa dạng sinh học bậc nhất thế giới, nhưng Việt Nam đã trải qua sự sụt giảm mạnh về số lượng cá thể, số lượng loài động vật hoang dã. Một trong

những nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm nghiêm trọng này là hành vi sử dụng, tiêu thụ sản phẩm từ động vật hoang dã của người dân.

Theo khảo sát của Tổ chức Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên WWF năm 2022 cho thấy, điểm đến của 90% thú rừng bị săn bắt trái phép chính là các nhà hàng và các kênh tiêu thụ khác ở khu vực thành thị; chỉ có 10% được tiêu thụ bởi những cá nhân sống gần khu vực săn, bắt; đối tượng tiêu thụ lượng thịt thú rừng này là những người có mức thu nhập từ 20 triệu đồng/tháng trở lên, ở độ tuổi khoảng 26-55 tuổi và làm việc trong các lĩnh vực như: bất động sản, buôn bán kinh doanh, ngân hàng, tài chính, xây dựng... Họ là những người có thu nhập cao với nhu cầu thị hiếu muốn được sử dụng thịt, các bộ phận, sản phẩm từ động vật hoang dã, đặc biệt là các sản phẩm chữa bệnh và tăng cường sức khỏe. WWF cho rằng giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm từ động vật hoang dã từ chính sự thay đổi hành vi và quan niệm xã hội về động vật hoang dã [13].

Nhiều người coi việc ăn hay sở hữu những món đồ lưu niệm từ động vật hoang dã [14] là biểu tượng cho sự uy quyền và sang trọng. Giá để sở hữu những món đồ đó lên tới hàng trăm triệu đồng. Việc săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã [15] tràn lan đã khiến Việt Nam trở thành một trong những điểm nóng về tiêu thụ, trung chuyển và tiêu thụ động vật hoang dã của thế giới. Thói quen này cần phải thay đổi để bảo vệ môi trường và các loại động vật hoang dã khỏi nguy cơ bị hành hạ và tuyệt chủng.

Rượu ngâm, đại gia – hai từ này song hành với nhau trong rất nhiều video trên mạng xã hội. Những video thu hút vài chục ngàn, thậm chí lên tới hàng triệu lượt xem. Việc sưu tầm động vật ngâm rượu với một số người là thú chơi, thể hiện đẳng cấp, tương tự với sừng tê giác - với giá lên tới cả tỷ đồng cho một chiếc sừng tê giác, việc sở hữu chiếc sừng này trở thành thước đo với những người giàu có. Qua các cuộc khảo sát của TRAFFIC - Mạng lưới giám sát hoạt động buôn bán động vật hoang dã toàn cầu – dường như nhu cầu sử dụng sừng tê giác chỉ có tại các quốc gia châu Á, trong đó Trung Quốc và Việt Nam là hai thị trường tiêu thụ lớn nhất. Đối với ngà voi và các sản phẩm từ ngà voi thì Việt Nam là một trong những quốc gia có số lượng sản phẩm mỹ nghệ ngà voi mới sản xuất được bày bán công khai cho khách mua lẻ lớn nhất thế giới [16].

Vậy đâu là nguyên nhân dẫn đến tình trạng hành vi tiêu thụ động vật hoang dã ngày càng đáng báo động?

Một là, từ phía người dân. Có “cung” thì mới có “cầu”. Người tiêu dùng tạo ra nhu cầu sử dụng thịt, các bộ phận, sản phẩm, chế phẩm từ động vật hoang dã khiến các loài động vật hoang dã bị săn bắt, khai thác trái phép để phục vụ nhu cầu này: coi động vật hoang dã như thần dược chữa bệnh nan y, bồi bổ khí lực, sức khỏe. Những nhầm tưởng về tác dụng của những bài thuốc cổ truyền từ động vật hoang dã nên người dân vẫn truy lùng mua các sản phẩm từ động vật hoang dã như mật gấu, cao hổ, sừng tê giác, vảy tê tê,... mà không biết chúng là những sản phẩm trái phép, không có tác dụng như quảng cáo, mà

thậm chí mang những nguy cơ dịch bệnh tiềm ẩn. Vì những tác dụng không rõ ràng được đồn thổi mà sản phẩm từ các loài động vật hoang dã được đẩy giá lên rất cao, càng kích thích người tiêu dùng sử dụng. Chính nhận thức hạn chế của con người đã khiến nhiều loại động vật hoang dã bị săn lùng, tiêu thụ mà không biết rằng, việc sử dụng sản phẩm động vật hoang dã tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ truyền nhiễm dịch bệnh từ động vật sang người. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã cảnh báo, khoảng 70% bệnh truyền nhiễm trong 50 năm qua đều bắt nguồn từ động vật hoang dã [17]. Thói quen tiêu thụ động vật hoang dã đã tạo điều kiện cho nhiều virus lây tiến sang người và gây ra những đại dịch làm chết rất nhiều người.

Xã hội cũng chưa có thái độ phê phán mạnh mẽ đối với hành vi buôn bán, vận chuyển, săn bắt, nuôi nhốt, tiêu thụ,... thịt, sản phẩm, chế phẩm từ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm làm thực phẩm, làm thuốc, làm đồ trang trí, trang sức hay quà tặng, gián tiếp tiếp tay cho tội phạm về động vật hoang dã tiếp tục hành vi buôn bán, vận chuyển, săn bắt, nuôi nhốt, tiêu thụ,... thịt, sản phẩm, chế phẩm từ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm cũng như làm giảm thiểu hiệu quả của các hoạt động thực thi pháp luật nhằm phòng, chống vấn nạn này.

Hai là, từ phía Nhà nước. Pháp luật Việt Nam chưa có quy định về hành vi tiêu thụ, sử dụng trái phép động vật hoang dã chỉ tập trung xử lý các hành vi: săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã (động vật hoang dã đang sống); tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể động vật hoang dã (động vật hoang dã đã chết), bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm từ động vật hoang dã; chế biến động vật hoang dã, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm từ động vật hoang dã dẫn đến các tình trạng: mất cân bằng mối quan hệ xã hội trong bảo vệ động vật hoang dã.. Thực tiễn chỉ ra rằng những bất cập được nêu trên có thể làm ảnh hưởng đến các cơ quan thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã.

4. PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐIỀU CHỈNH VỀ HÀNH VI TIÊU THỤ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 xác định “Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại, là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế – xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta... Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế – xã hội của từng ngành và từng địa phương, đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững” [18]. Những quan điểm, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam cho thấy tính nhất quán, thể hiện quyết tâm cao trong việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững theo các trụ cột: tăng trưởng kinh tế đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Những quan điểm chỉ đạo này đòi hỏi phải thể hiện trong pháp luật và thực thi pháp luật

về môi trường trong đó có vấn đề bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam, trong những năm gần đây, nhằm thể hiện quyết tâm trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật hoang dã, thực hiện trách nhiệm quốc tế, Việt Nam đã tham gia và là thành viên 121 của Công ước quốc tế về buôn bán loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) và đã nội luật hóa bằng hơn 60 văn bản quy phạm pháp luật về quản lý động vật hoang dã, trong đó có 16 văn bản quy phạm pháp luật quan trọng có hiệu lực, thuộc các lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản, tài nguyên môi trường, đầu tư, hành chính và hình sự, gồm 07 Luật và Bộ luật, 04 Nghị định, 01 Nghị quyết và 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 03 Thông tư. Các quy định được xây dựng tập trung vào hành vi bị nghiêm cấm theo Công ước quốc tế CITES.

Tuy nhiên, pháp luật điều chỉnh hành vi tiêu thụ động vật hoang dã vẫn chưa cụ thể và chặt chẽ, gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong quá trình thực thi áp dụng pháp luật.

Một là, khoản 9 Điều 12 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 quy định những hành vi bị nghiêm cấm: “Vận chuyển, chế biến, quảng cáo, kinh doanh, sử dụng, tiêu thụ, tàng trữ, xuất khẩu, nhập khẩu thực vật rừng, động vật rừng trái với quy định của pháp luật.”[19]. Điểm sáng của quy định này là mặc dù chưa chi tiết hóa các hành vi một cách triệt để nhưng có quy định về cả nguồn “cung” và nguồn “cầu” động vật hoang dã; đặc biệt là hành vi tiêu thụ trái phép động vật hoang dã - hành vi mà các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam thời kỳ này chưa đề cập đến. Tuy nhiên, hiện nay, Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 đã hết hiệu lực.

Hai là, tại khoản 4 Điều 7 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) được Quốc hội khóa XIV của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua có quy định như sau: “Săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.” - đề cập đến hành vi tiêu thụ trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Với hệ thống pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã đồ sộ, nhưng quy định về tiêu thụ trái phép động vật hoang dã lại chưa thực sự được chú trọng. Quy định này chỉ tập trung vào các loài đã và đang có nguy cơ cao về mất cân bằng đa dạng sinh học Việt Nam hơn là việc mở rộng ra quy định về động vật hoang dã nói chung. Việc quy định tiêu thụ trái phép động vật hoang dã một cách đơn lẻ cũng sẽ dẫn đến sự không nhất quán trong công tác thực thi pháp luật.

Ba là, một số quy định trong các văn bản hiện hành gián tiếp tạo điều kiện cho việc buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã như: tại Điều 14 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT: “Bán cho các tổ chức, cá nhân được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật”; Điều 46 VBHN số 32/VBHN-VPQH năm 2018 hợp nhất Luật Đa dạng sinh học quy định: “Việc trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, mua, bán, tặng cho, lưu giữ, vận chuyển loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và mẫu vật di truyền

của chúng phục vụ mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái; việc trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, mua, bán, tặng cho, vận chuyển một số loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và các sản phẩm của chúng phục vụ mục đích thương mại được thực hiện theo quy định cụ thể của Chính phủ.” [20]; Điều 9 Nghị định số 06/2019/ NĐ CP (sửa đổi, bổ sung ngày 22/09/2021 theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP) có quy định:

“1. Khai thác; nuôi, trồng; chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày; xuất khẩu; vận chuyển, cất giữ mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm các loài Nhóm I thực hiện theo quy định tại Nghị định này đối với các loài thuộc Phụ lục I CITES.

2. Khai thác; nuôi, trồng; chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày; xuất khẩu; vận chuyển, cất giữ mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm các loài Nhóm II thực hiện theo quy định tại Nghị định này đối với các loài thuộc Phụ lục II CITES.”

Điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định của khoản này xoay quanh Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng như sau: “Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; các loài thực vật rừng hoang dã, động vật rừng hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp phải bảo đảm truy xuất nguồn gốc và quản lý theo chuỗi từ khai thác, trồng cấy, gây nuôi đến chế biến và tiêu dùng;” [21].

...

Các quy định của pháp luật hiện hành về gây nuôi, kinh doanh, buôn bán động vật hoang dã nói chung hướng đến mục đích tiêu thụ động vật hoang dã một cách hợp pháp dưới sự quản lý của Nhà nước. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cho thấy tình trạng lợi dụng gây nuôi động vật hoang dã nhằm mục đích buôn bán và đặc biệt là tiêu thụ động vật hoang dã một cách trái phép - tiếp tay giúp các hành vi tiêu thụ trái phép động vật hoang dã trở nên phổ biến hơn, đồng thời cản trở công tác quản lý. Việc kiểm soát hành vi trên vẫn chưa thực sự chặt chẽ bởi pháp luật Việt Nam hiện hành vẫn chưa quy định một cách cụ thể về hành vi tiêu thụ trái phép động vật hoang dã. Vì vậy, các quy định mới về điều chỉnh hành vi tiêu thụ, sử dụng thịt, sản phẩm, chế phẩm từ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm cần sớm được bổ sung, ban hành.

5. MỘT SỐ HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI TIÊU THỤ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Thứ nhất, cụm từ “tiêu thụ trái phép” chưa được làm rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật, dẫn đến việc cụm từ trên được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Chính vì thế mà các cơ quan chức năng gặp vướng mắc trong quá trình xử lý vi phạm cũng như có

những quy định, chế tài hợp lý đối với hành vi này. Luật Đa dạng sinh học năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2018 đã có quy định nghiêm cấm đối với hành vi “...Tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.” - khoản 4 Điều 7, nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể thế nào là hành vi tiêu thụ hợp pháp và tiêu thụ trái phép? Hay nói cách khác, điều khoản này của chúng ta chưa thực sự chặt chẽ: việc chỉ quy định chưa cụ thể về động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm và chưa đề cập đến tiêu thụ động vật hoang dã nói chung, một mặt nghiêm cấm hành vi tiêu thụ trái phép động vật hoang dã, nhưng mặt khác lại cho phép hành vi tiêu thụ động vật hoang dã hợp pháp,

Thứ hai, pháp luật hành chính và pháp luật hình sự chưa có quy định hành vi tiêu thụ động vật hoang dã trái phép là hành vi vi phạm pháp luật. Pháp luật hành chính và pháp luật hình sự chỉ tập trung xử lý các hành vi: (i) săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã (động vật hoang dã đang sống); (ii) tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể động vật hoang dã (động vật hoang dã đã chết), bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm từ động vật hoang dã; (iii) chế biến động vật hoang dã, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm từ động vật hoang dã [22]. Tuy nhiên vẫn chưa có quy định về hành vi sử dụng, tiêu thụ trái phép động vật hoang dã nói chung ở tất cả các danh mục về động vật hoang dã, các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã.

6. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ XỬ LÝ HÀNH VI TIÊU THỤ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Có thể nói rằng, những hạn chế, bất cập của pháp luật đang là rào cản cho công tác thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã nói chung và hành vi tiêu thụ nói riêng tại Việt Nam. Điều này đòi hỏi cần thiết phải rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã.

Thứ nhất, cần phải làm rõ khái niệm “tiêu thụ trái phép”. Việc làm rõ khái niệm này đảm bảo quá trình xác định hành vi tiêu thụ, sử dụng thịt, sản phẩm, chế phẩm từ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm như thế nào là trái phép và phải chịu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự; giúp các cơ quan chức năng, cơ quan có thẩm quyền xác định quy trình xử lý hành vi vi phạm, có những quy định, chế tài hợp lý đối với hành vi này. Nhóm tác giả đề xuất đưa khái niệm này trực tiếp vào Luật Lâm nghiệp năm 2017 để có thể làm rõ vấn đề một cách bao quát về động vật hoang dã.

Thứ hai, cần phải sửa đổi, bổ sung pháp luật hành chính và pháp luật hình sự theo hướng quy định hành vi sử dụng, tiêu thụ trái phép động vật hoang dã là hành vi vi phạm pháp luật. Dựa trên kiến nghị thứ nhất và đánh giá khách quan liên quan đến tác động đối với môi trường, đa dạng sinh học và sức khỏe con người. Căn cứ vào Danh mục loài nguy

cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, nhóm IB, IIB hoặc các loài thuộc Phụ lục I, Phụ lục II CITES, động vật hoang dã khác, pháp luật hình sự hoặc hành chính có thể đưa ra mức định lượng để đưa ra chế tài xử lý tương ứng.

Việc tiêu thụ thịt động vật hoang dã làm suy giảm nghiêm trọng quần thể các loài hoang dã trong tự nhiên, gây ra các loại tội phạm xuyên biên giới và trong nước, đồng thời làm tăng đáng kể nguy cơ lây truyền bệnh từ động vật sang người. Nhu cầu tiêu thụ thịt thú rừng và các sản phẩm từ động vật hoang dã nói chung đang biến Việt Nam trở thành một điểm nóng mua bán các sản phẩm này. Việc ngăn chặn các vi phạm về động vật hoang dã, sự tham gia của cộng đồng đóng vai trò quan trọng. Xóa bỏ vi phạm về động vật hoang dã không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan chức năng, mà còn là nhiệm vụ chung của cả cộng đồng và toàn xã hội.

7. KẾT LUẬN

Với thực trạng đáng báo động về vấn nạn buôn bán, tiêu thụ thịt, sản phẩm, chế phẩm từ động vật nguy cấp, quý hiếm, nhóm tác giả tìm hiểu lý luận về tiêu thụ động vật hoang dã, nghiên cứu pháp luật Việt Nam về bảo vệ và tiêu thụ động vật hoang dã, từ đó đánh giá được mức độ nguy cấp của hành vi tiêu thụ động vật hoang dã, cho thấy ý thức của người dân về tiêu thụ động vật hoang dã còn tồn tại nhiều ý thức sai về động vật hoang dã. Bên cạnh đó, quy phạm pháp luật về tiêu thụ động vật hoang dã còn tồn tại nhiều bất cập và quy định không rõ ràng về hành vi tiêu thụ trái phép động vật hoang dã. Trên cơ sở đó nhóm tác giả đã đưa ra một số khuyến nghị như làm rõ khái niệm “tiêu thụ động vật hoang dã”; sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu thụ động vật hoang dã và tiêu thụ trái phép động vật hoang dã. Những khuyến nghị trên nhằm hạn chế và ngăn chặn tình trạng tiêu thụ động vật hướng đến bảo vệ môi trường sống của các loài động vật và con người, sự đa dạng sinh học của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung khi số lượng động vật hoang dã đang dần cạn kiệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hương, Đ. (2020), “Cần hệ thống hóa pháp luật về động vật hoang dã”. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://baochinhphu.vn/can-he-thong-hoa-phap-luat-ve-quan-ly-dong-vat-hoang-da-102273181.htm>. (Truy cập ngày 28/02/2023).
- [2] WWF & BCA (2021), “Báo cáo “Đánh giá đa dạng sinh học tại Việt Nam””. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vietnam.panda.org/?370696/Bao-cao-v-bc-tranh-a-dng-sinh-hc-ca-Vit-Nam-phan-tich-tac-ng-t-cac-nganh-kinh-t-gii-quyt-vn--suy-thoai-a-dng-sinh-hc>. (Truy cập ngày 28/02/2023).
- [3] Hương, L. (2020), “Giảm thiểu nhu cầu sử dụng ngà voi và sừng tê giác thông qua truyền thông thay đổi hành vi của khách du lịch”. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vietnamtourism.gov.vn/post/35105>. (Truy cập ngày 28/02/2023).

- [4] WWF (2022), “Chiến dịch giảm nhu cầu tiêu thụ thịt động vật hoang dã; “Thịt rừng kẻ miếng, nguy cơ chực chờ””. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vietnam.panda.org/?uNewsID=377536>. (Truy cập ngày 28/02/2023).
- [5] Cơ quan quản lý CITES Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), “Công văn số 68/CTVN-HTQT ngày 11/3/2020 của cơ quan quản lý CITES Việt Nam thông tin về quy định mới của Trung Quốc”, Hà Nội.
- [6] Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (2020), “Quyết định về việc dừng tiêu thụ thực phẩm từ động vật hoang dã nhằm bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của người dân”, Bắc Kinh.
- [7] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), “Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Điều 220”, Hà Nội.
- [8] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), “Bộ luật Hình sự, Điều 323, Điều 234 (trang 15)”, Hà Nội.
- [9] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), “Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 28, Điều 37, Điều 135”, Hà Nội
- [10] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005) “Luật Thương mại, Điều 100, Điều 122, Điều 180, Điều 247”, Hà Nội.
- [11] LƯƠNG THỊ PHƯƠNG. (2021), Luận văn thạc sĩ “Tiêu thụ sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên yến sào Khánh Hoà”.
- [12] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), “Luật Đa dạng sinh học, Điều 7”, Hà Nội.
- [13] WWF (2022), “Chiến dịch giảm nhu cầu tiêu thụ thịt động vật hoang dã; “Thịt rừng kẻ miếng, Nguy cơ chực chờ””. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vietnam.panda.org/?uNewsID=377536>. (Truy cập ngày 28/02/2023).
- [14] Trung tâm tin tức VTV24 (2016), “Công khai bán động vật hoang dã, thú quý hiếm làm “mồi nhậu””. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vtv.vn/xa-hoi/cong-khai-ban-dong-vat-hoang-da-thu-quy-hiem-lam-moi-nhau-201601130611454.htm>. (Truy cập ngày 05/03/2023).
- [15] Trung tâm tin tức VTV24 (2016), “Công khai bán động vật hoang dã, thú quý hiếm làm “mồi nhậu””. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vtv.vn/xa-hoi/cong-khai-ban-dong-vat-hoang-da-thu-quy-hiem-lam-moi-nhau-201601130611454.htm>. (Truy cập ngày 05/03/2023).
- [16] Hương, L. (2020), “Giảm thiểu nhu cầu sử dụng ngà voi và sừng tê giác thông qua truyền thông thay đổi hành vi của khách du lịch”. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vietnamtourism.gov.vn/post/35105>. (Truy cập ngày 28/02/2023).
- [17] Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), “70% các bệnh truyền nhiễm mới nổi trên người ở Việt Nam có nguồn gốc từ động vật”. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vncdc.gov.vn/70-cac-benh-truyen-nhiem-moi-noi-tren-nguoi-o-viet-nam-co-nguon-goc-tu-dong-vat-nd14669.html>. (Truy cập ngày 28/02/2023).

- [18] Bộ Chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), “Nghị quyết số 41/NQ-TW”, Hà Nội.
- [19] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), “Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Điều 12”, Hà Nội.
- [20] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), “Luật Đa dạng sinh học, Điều 46”, Hà Nội.
- [21] Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), “Nghị định số 06/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, Điều 9”, Hà Nội.
- [22] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), “Bộ luật Hình sự, Điều 234 (trang 15)”, Hà Nội.
- [23] Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2022), “Nghị định số 35/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, Điều 22”, Hà Nội.

KHUNG PHÁP LÝ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG TẠI VIỆT NAM

Trần Thị Thu Hiền, Nguyễn Đào Mai Khánh, Nguyễn Lương Nguyên¹
(Được hướng dẫn bởi TS. Hà Lệ Thủy)

Tóm tắt: Việt Nam là một trong những điểm nóng trong việc tiêu thụ, trung chuyển động vật hoang dã. Điều này đã làm dấy lên mối lo ngại về việc phòng, chống tội phạm vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã, đặc biệt là khi xử lý các hành vi này trên không gian mạng. Xuyên suốt quá trình khảo cứu, bài viết sử dụng phương pháp phân tích luật học truyền thống cùng với phương pháp phân tích định tính được tiến hành dựa trên chủ yếu là các nguồn tài liệu thứ cấp, các văn bản quy phạm pháp luật bài báo chuyên ngành, số liệu của cơ quan chức năng nhằm nhận diện những hành vi vi phạm pháp luật về động vật hoang dã trên không gian mạng, từ đó làm rõ quy định pháp luật về vấn đề xử lý vi phạm, phân tích số liệu để đánh giá thực trạng gia tăng của các hành vi trái pháp luật trên không gian mạng hiện nay. Theo đó, bài viết cho thấy pháp luật cần phải có những quy định phù hợp và chặt chẽ, đồng thời tối ưu hóa việc áp dụng các chế tài nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã trên không gian mạng, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ số hiện nay.

Từ khóa: Pháp luật, xử lý vi phạm, động vật hoang dã, không gian mạng, Việt Nam

1. DẪN NHẬP

Không gian mạng đã nổi lên như một môi trường thuận lợi cho hành vi vi phạm về ĐVHD, được các quốc gia trên thế giới cũng như các bên tham gia Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) công nhận. Trong cuộc họp lần thứ 17 (CoP17, Johannesburg, 2016), các bên tham gia CITES đã thông qua nghị quyết công nhận sự phát triển nhanh chóng các nền tảng thương mại điện tử và sự ảnh hưởng của nó đối với các loài động vật trong danh sách CITES. Ban Thư ký CITES cũng đã làm việc với Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (INTERPOL) để thiết lập một chương trình nhằm hỗ trợ các bên của CITES quan tâm đến việc điều tra các hành vi vi phạm về động thực vật hoang dã trong môi trường mạng.

Các đối tượng đã lợi dụng tính phổ biến, ẩn danh cũng như khả năng dễ dàng tiếp cận người mua nhằm thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Không khó để bắt gặp qua các nền tảng như Zalo, Facebook, Tiktok,... những hành vi quảng cáo, mua bán những sản phẩm từ ĐVHD như ngà voi, sừng tê giác, móng gấu, da hổ và rất nhiều sản phẩm ĐVHD thuộc danh mục cấm khác đã và đang xuất hiện bất hợp pháp trên không

¹ Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, phường An Tây, TP. Huế.

gian mạng. Điều này đòi hỏi một hành lang pháp lý, chế định vững chắc trong việc xử lý vi phạm về bảo vệ ĐVHD.

Hiện nay, đã có không ít các công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước đề cập đến vấn đề xử lý vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, đặc biệt trên không gian mạng, như: công trình nghiên cứu của tác giả Bùi Thị Hà [1], Đỗ Lê Thùy Dương [2], nhóm tác giả: Mannage Lenin Indrajith De Silva, Maleesha Gunawardanam, Malsha Gunasinghe, Millawitiya Arachchilage Shalanka Ranjula [3]... Vấn đề vi phạm về bảo vệ ĐVHD thực chất không chỉ xảy ra ở Việt Nam mà còn ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Các công trình nghiên cứu đi trước phần nào làm sáng tỏ được các vấn đề pháp lý và đưa ra được một số các giải pháp nhằm góp phần ngăn chặn các hành vi phi pháp nói trên. Tuy nhiên trên thực tế, cùng với sự phát triển của xã hội, hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD nói chung, đặc biệt là hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng vẫn còn xảy ra, và ngày càng gia tăng. Thậm chí trong thời gian gần đây xuất hiện nhiều hình thức mới, thủ đoạn thực hiện tinh vi khiến cho việc phát hiện và xử lý vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng càng khó khăn hơn và không đạt được hiệu quả.

Vậy những hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ĐVHD xảy ra trên không gian mạng có những điểm gì khác biệt so với những hành vi vi phạm pháp luật truyền thống? Nguyên nhân từ đâu dẫn đến việc các hành vi vi phạm về ĐVHD trên không gian mạng diễn biến một cách phức tạp như hiện nay? Và liệu công tác xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã trên không gian mạng đã thật sự có hiệu quả?. Việc làm sáng tỏ những vấn đề này sẽ giúp cho việc thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD nói chung và pháp luật về xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng nói riêng đảm bảo được tính hiệu quả trong thực tiễn.

2. KHÁI NIỆM, NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA KHÔNG GIAN MẠNG ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

2.1. Khái niệm hành vi vi phạm và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã trên không gian mạng

Hiện nay có khá nhiều về cách hiểu về không gian mạng. Theo trung tâm tài nguyên bảo mật mạng máy tính Hoa Kỳ (CSRC) thì không gian mạng “bao gồm mạng cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin phụ thuộc lẫn nhau bao gồm Internet, mạng viễn thông, hệ thống máy tính, bộ xử lý và bộ điều khiển chúng” [4]. Hoặc Theo Từ điển tiếng Ba Lan, “cybeprzestrzeń” (không gian mạng) là “một không gian ảo trong đó diễn ra giao tiếp giữa các máy tính được kết nối với Internet” [5].

Tại Việt Nam, khái niệm không gian mạng cũng đã được quy định cụ thể tại Điều 2 của Luật An ninh mạng [6; Điều 2.3], theo đó không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy

tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu. Ngoài ra, đây còn là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

Như vậy, nói một cách dễ hiểu, không gian mạng hay môi trường mạng là không gian ảo, nơi con người có thể liên lạc, kết nối, trao đổi, giao tiếp với nhau. Với sự phát triển liên tục và ngày càng mở rộng của hoạt động kinh doanh trên các website, diễn đàn và mạng xã hội nhiều tương tác như Facebook, Zalo, WeChat và TikTok, hoạt động vi phạm trái phép ĐVHD cũng như các sản phẩm của chúng trên internet đã ngày càng phổ biến. Trong đó, Facebook và zalo là hai nền tảng được sử dụng để quảng cáo, giao dịch bán các sản phẩm ĐVHD nhiều nhất và các sản phẩm này được các đối tượng chào bán một cách công khai.

Vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD có liên quan đến Internet được hiểu trong Bảng thuật ngữ CITES (CITES Glossary) là hành vi vi phạm liên quan đến bất kỳ sản phẩm động thực vật hoang dã nào, có sự tham gia, sử dụng mạng công nghệ thông tin và truyền thông hoặc bất kỳ ứng dụng kỹ thuật số nào, bao gồm cả trang web công khai hoặc trang web ẩn (dark web), thị trường trực tuyến, nền tảng mạng xã hội, ứng dụng trò chuyện tức thời, mạng ngang hàng (P2P) hoặc dịch vụ email [8].

Trên cơ sở nhận thức về không gian mạng, có thể hiểu vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng tức là những hành vi được thực hiện thông qua hệ thống mạng xâm hại đến chế độ, chính sách của nhà nước về bảo vệ ĐVHD, gây xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế. Chúng được thể hiện dưới hành vi mua đi bán lại hoặc đăng các bài, thông tin nhằm quảng cáo ĐVHD, các sản phẩm từ ĐVHD trên không gian mạng hoặc các hành vi thông qua các công cụ công nghệ thông tin để đưa ra các thông tin gian dối nhằm để lừa đảo các đối tượng có nhu cầu sử dụng ĐVHD, thông qua các công cụ tiện ích để tìm tới các đối tượng có nhu cầu sử dụng hoặc mua bán ĐVHD... nhằm thu lại lợi nhuận hoặc các lợi ích nhất định.

Trong khi đó, xử lý hành vi vi phạm tức là các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng các hình thức trách nhiệm pháp lý đối với các cá nhân, tổ chức có hành vi phạm pháp luật.

Từ các khái niệm trên, có thể hiểu xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng chính là việc các cơ quan chức năng có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý những hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng, các nền tảng mạng xã hội về bảo vệ những loài động vật sinh sống, phát triển trong thế giới tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật, được nuôi, trong môi trường có kiểm soát được pháp luật bảo vệ.

Trong khuôn khổ bài viết, nhóm nghiên cứu tiến hành nghiên cứu pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng, tập trung vào các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ

ĐVHD trên không gian mạng và các chế tài của pháp luật Việt Nam nhằm điều chỉnh và xử lý các hành vi đó.

2.2. Đặc điểm các hành vi vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã trên không gian mạng

Từ khái niệm xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng, nhóm tác giả rút ra các đặc điểm của các hành vi vi phạm pháp luật về ĐVHD trên không gian mạng như sau:

i) Đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là những chủ thể có dấu hiệu thực hiện hành vi hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật hành chính và hình sự về bảo vệ ĐVHD.

ii) Phương thức, thủ đoạn: sử dụng các mạng xã hội và các trang thương mại điện tử, theo đó các đối tượng sử dụng đường link dẫn để tạo bài post, đăng tải ảnh hoặc clip có chứa nội dung vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD,...

iii) Mang tính chất của Internet, bao gồm: a) Tính ẩn danh; b) Tính dễ dàng truy cập; c) Tính tương tác, giao dịch không trực tiếp; d) Bản chất xuyên quốc gia hay Tính không xác định về mặt địa lý.

Từ các đặc điểm trên, có thể nói các hành vi vi phạm liên quan đến bảo vệ ĐVHD thường là các hành vi tinh vi, phức tạp, có mức độ nghiêm trọng hơn các hành vi vi phạm truyền thống bởi khả năng dễ dàng kết nối, truy cập từ xa, giao dịch không trực tiếp, đặc biệt là bản chất xuyên quốc gia khi có khả năng gây ảnh hưởng toàn cầu, không chỉ dừng ở phạm vi một quốc gia.

Có thể thấy rằng, nếu các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD theo cách thức truyền thống là những hành vi có thể dễ dàng nhìn thấy, phát hiện và xử lý, thì vi phạm trên không gian mạng được thực hiện một cách dễ dàng hơn với những đặc tính mà không có công cụ nào có thể thay thế được. Chẳng hạn, cùng một hành vi buôn bán ĐVHD, thay vì sử dụng cách thức buôn bán truyền thống qua đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không, giao dịch trực tiếp ẩn chứa đầy rủi ro thì bây giờ không gian mạng xuất hiện như một hình thức mới, các giao dịch được thực hiện nhanh gọn, an toàn, hạn chế nguy cơ tiềm ẩn rủi ro. Điều này cũng gây không ít khó khăn cho các cơ quan quan trọng việc phát hiện, điều tra và ngăn chặn các hành vi phạm tội. Từ khi không gian mạng xuất hiện, các vụ việc vi phạm về lĩnh vực này ngày càng diễn biến một cách phức tạp, khó lường, gây hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Và không thể phủ nhận rằng, không gian mạng đang dần dần thay thế các hành vi trao đổi, mua bán theo cách truyền thống.

Các hành vi vi phạm về ĐVHD trên không gian mạng rất đa dạng, trong khuôn khổ bài viết, nhóm tác giả tập trung nhận diện các nhóm hành vi vi phạm điển hình sau:

Thứ nhất, hành vi quảng cáo trên không gian mạng. Các đối tượng đã sử dụng các nền tảng đông đảo người sử dụng như Facebook, Zalo, Tiktok,... để thực hiện các hành

vi của mình bằng cách đăng, rao các hình ảnh hoặc các sản phẩm của ĐVHD. Những thông tin này bao gồm các đặc điểm mô tả sản phẩm và giá thành trực tiếp trên trang cá nhân hoặc thông qua các hội nhóm. Để qua mắt sự kiểm duyệt của các nền tảng mạng xã hội, các đối tượng ngày càng sáng tạo ra những cách thức quảng cáo mới, trong đó nổi bật nhất là cách sử dụng các từ lóng như “bear” (gấu), “socola” (cao hổ), “hàng vầy” (tê tê),... Các từ lóng luôn được thay đổi và sáng tạo theo thời gian, vì vậy rất khó để có các nền tảng mạng xã hội có thể kiểm duyệt cũng như phát giác và xử lý hành vi vi phạm. Khảo sát online của Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam (VECOM) thực hiện từ 1/1 – 31/3/2020 bằng cách gõ tìm kiếm theo từ khóa: “ngà” “voi” (elephant), “tê giác”, “sừng tê”, “tê tê”/ “trút”, “vầy tê tê”) thấy 205 tin/bài quảng cáo bán ĐVHD, 167 rao trên Facebook, 12 trên Instagram,...[9]

Thứ hai, hành vi buôn bán ĐVHD. Không gian trực tuyến như các nền tảng Facebook, Zalo, gọi điện trực tiếp... được sử dụng như một hình thức liên lạc “kín” giữa người bán và người mua có nhu cầu. Thông qua môi trường mạng, các đối tượng trao đổi về số lượng, giá cả, cách thức thanh toán, vận chuyển hàng... Lợi dụng tính ẩn danh và bảo mật an toàn, các đối tượng có xu hướng chuyển cách thức kinh doanh, mua bán thành các giao dịch kín, và chỉ giao dịch công khai ở giai đoạn cuối cùng là giai đoạn giao hàng. Lợi dụng sự phát triển của mạng xã hội, các app giao hàng trực tuyến, các đối tượng đã sử dụng các hình thức giao hàng trực tuyến như một công cụ hữu ích và an toàn để thông qua các app vận chuyển này giao hàng đến tay khách hàng một cách an toàn, qua mắt các lực lượng chức năng. Và khi có tố giác hoặc phát hiện, các đối tượng có thể nhanh chóng hủy, khóa các tài khoản hoặc thay đổi cách thức liên lạc một cách nhanh chóng và dễ dàng.

Thứ ba, đăng các hình ảnh giết, mổ, hành hạ, tàng trữ ĐVHD lên mạng xã hội. Việc đăng tải các hình ảnh vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD diễn ra khá phổ biến trên các nền tảng như Facebook, Tiktok, Youtube... Các hoạt động đăng tải này dường như diễn ra một cách công khai, hiển nhiên như một chiến tích trong khi hành động này vi phạm nghiêm trọng về quy tắc bảo vệ ĐVHD và rất đáng để lên án.

Ngoài ra trong quá trình khảo cứu, nhóm tác giả nhận thấy xuất hiện thêm hành vi buôn bán mang yếu tố xuyên quốc gia đã và đang được các đối tượng thực hiện trên mạng xã hội. Bởi ta thấy không gian mạng là một mạng lưới khổng lồ, giúp người bán và người mua các sản phẩm ĐVHD bất hợp pháp kết nối dễ dàng và nhanh chóng hơn trên toàn cầu. Các đối tượng từ các cá nhân, tổ chức cấp thấp với số lượng nhỏ đến các doanh nghiệp tội phạm quy mô lớn, rất tinh vi với số lượng lớn được giao dịch xuyên quốc gia, tất cả đều có thể được mua bán và kết nối với nhau thông qua các nền tảng trực tuyến...

Vậy ta thấy điểm đặc trưng của hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng so với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD theo cách thức truyền thống đó chính là thay vì sử dụng các cách thức truyền thống như giao dịch trực tiếp, buôn bán công khai tại các nhà hàng, hiệu thuốc, chợ, sử dụng các bảng/ biển quảng

cáo... để phạm tội thì ở đây, các đối tượng thực hiện hầu hết các bước của giai đoạn phạm tội thông qua không gian mạng, qua các trang mạng xã hội và một số các thiết bị hỗ trợ như mạng Internet, máy tính, điện thoại... Và khi không có các công cụ này, hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng sẽ không thể nào thực hiện được.

2.3. Tác động của không gian mạng trong việc thực hiện các hành vi vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã

Với mức lợi nhuận khổng lồ thu được bởi các hoạt động phi pháp kiếm lời từ ĐVHD, các đối tượng đã lợi dụng những tính năng đặc trưng mà không có công cụ nào có thể sánh được như giao dịch không trực tiếp, khả năng kết nối từ xa, ẩn danh tính để biến không gian mạng dần trở thành một chợ buôn bán 4.0 cho việc trao đổi, giao dịch các mặt hàng cấm, trong đó ĐVHD chiếm một tỉ lệ không hề nhỏ. Qua nghiên cứu và tiếp thu từ các công trình nghiên cứu đi trước [10], nhóm tác giả chỉ ra loại ảnh hưởng cơ bản mà không gian mạng tác động đến các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, lần lượt là:

Thứ nhất, không gian mạng gây ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp. Thông qua môi trường 4.0, giao tiếp trở nên dễ dàng, dễ kết nối và được các đối tượng lợi dụng sử dụng các dịch vụ như email, Skype và nhắn tin nhanh trong các diễn đàn giữa người mua và giữa họ với khách hàng (tiềm năng).

Thứ hai, không gian mạng gây ảnh hưởng về mặt thông tin và kỹ thuật. Không gian mạng cung cấp thông tin hữu ích, từ các mẹo trong thực tiễn về ĐVHD đến kiến thức về khung pháp lý hiện hành. Từ đó, không gian mạng còn có thể được sử dụng để thuyết phục người mua về độ tin cậy của giao dịch và tính hợp lệ của động vật, và sản phẩm được bán. Ngược lại, Internet có thể được sử dụng với mục đích phi pháp. Chẳng hạn, Internet đã được sử dụng để dịch các quảng cáo sang các ngôn ngữ khác, xác định vị trí của các loài ĐVHD quý hiếm ở các nước nhằm tổ chức thu mua hiệu quả và theo dõi việc vận chuyển động vật và sản phẩm ĐVHD trong quá trình mua bán.

Thứ ba, không gian mạng gây ảnh hưởng đến mạng lưới tổ chức và các mối quan hệ. Việc sử dụng môi trường mạng tạo điều kiện mở rộng mạng lưới cho tổ chức tội phạm, nhưng đồng thời làm giảm những đầu mối trung gian không cần thiết. Điều này gây khó khăn cho các cơ quan chức năng khi truy bắt.

Thứ tư, không gian mạng gây ảnh hưởng đến hoạt động quảng cáo. ĐVHD và những sản phẩm từ ĐVHD thay vì được bày bán và quảng cáo công khai, tiềm ẩn nhiều rủi ro tại các chợ, nhà hàng, quầy thuốc thì nay các đối tượng đã sử dụng không gian mạng như một nền tảng vô cùng hữu ích cho hoạt động quảng cáo trên các hội chợ, triển lãm ảo. Với khả năng ẩn danh cũng như tiếp cận được rất nhiều người có nhu cầu mua bán, sử dụng, không gian mạng đã được các đối tượng sử dụng và dần dần thay thế các phương thức quảng cáo truyền thống.

Rõ ràng là không gian mạng đóng một vai trò quan trọng trong việc thực hiện các hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Ngày nay, cùng với sự phát triển, các đối tượng ngày càng tinh vi hơn về phương thức và thủ đoạn phạm tội, theo đó hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng cũng đã được đa dạng hóa và mở rộng về phạm vi. Điều này đòi hỏi chúng ta phải luôn sẵn sàng thích ứng để có thể kịp thời ngăn chặn các hành vi này diễn ra trên thực tế.

3. KHUNG PHÁP LÝ VỀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG TẠI VIỆT NAM

3.1. Công ước quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã

Ngày 1/1/1975, CITES chính thức đi vào hiệu lực. Trải qua hơn 50 năm hình thành và từng bước hiện thực hóa, CITES đã dần trở thành một bộ phận pháp lý quan trọng, góp phần thúc đẩy hoàn thiện pháp luật quốc gia trong việc đưa ra các chế tài, quy định xử lý nhằm bảo vệ tình trạng ĐVHD bị xâm hại, đặc biệt trong không gian mạng tại Việt Nam.

Trong bối cảnh CITES, thuật ngữ “Tuân thủ” (Compliance) đã được sử dụng dùng để chỉ trách nhiệm của các Bên tham gia phải có những hành động phù hợp và đáp ứng yêu cầu Công ước [11]. CITES đưa ra một khuôn khổ mà các nước thành viên phải tuân thủ thông qua hệ thống luật pháp quốc gia của mình [12]. Trường hợp không tuân thủ, CITES hoặc Các bên sẽ có những chế tài hạn chế, bao gồm cấm vận thương mại, tịch thu mẫu vật,... [13; Điều VIII]. Điều XIV.1(a) của Công ước bảo lưu rõ ràng quyền của các quốc gia thực hiện “các biện pháp trong nước chặt chẽ hơn liên quan đến các điều kiện mua bán, tiếp nhận, sở hữu hoặc vận chuyển sản phẩm của các loài thuộc Phụ lục I, II và III, và cấm hoàn toàn việc đó” [14]. CITES cho phép sử dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế đơn phương thông qua hạn chế thương mại hoặc cấm vận thương mại đối với các quốc gia khác, nhưng phải phù hợp với các quy tắc chung hiện hành của luật pháp quốc tế [15].

Như vậy, pháp luật xử lý các hành vi vi phạm về ĐVHD của CITES là một hành lang pháp lý phụ thuộc vào hệ thống pháp luật quốc gia. Chủ thể bị xử phạt là chủ thể quốc gia, tập trung xoay quanh hoạt động buôn bán trao đổi ĐVHD, sản phẩm về ĐVHD trái phép. Thông qua cơ chế này, luật pháp quốc gia kiểm soát việc buôn bán nội địa các loài có thể tăng cường quy định đối với các loài được liệt kê trong CITES sau khi nhập khẩu vào một quốc gia.

3.2. Khung pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã trên không gian mạng tại Việt Nam

Trên nền tảng của các quy định quốc tế, chẳng hạn CITES, pháp luật Việt Nam đã không ngừng nỗ lực hoàn thiện và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể để hỗ trợ công tác phát hiện, xử lý và điều tra các hành vi qua mạng, đặc biệt là hoạt động quảng cáo, kinh doanh mua, bán ĐVHD trái phép. Đồng thời, Việt Nam đã tập trung việc giám

sát chặt chẽ của các cơ quan thực thi pháp luật, sửa đổi BLHS và tăng cường hợp tác quốc tế... để hạn chế, phòng chống tình trạng vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng.

Khung pháp lý xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng chủ yếu tập trung ở hai hệ thống pháp luật chính, đó là pháp luật xử lý vi phạm hành chính và pháp luật xử lý vi phạm hình sự.

Đồng thời, ở Việt Nam, để hỗ trợ cho hoạt động xử phạt vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hình sự, hoạt động bảo vệ ĐVHD còn chịu sự điều chỉnh của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư năm 2020 và một số danh mục khác. Theo đó, các hành vi liên quan đến quảng cáo, kinh doanh mua, bán, vận chuyển, tiêu thụ ĐVHD là hành vi trái pháp luật.

Ngoài ra, các hoạt động thương mại trực tuyến liên quan đến ĐVHD được điều chỉnh bởi Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử và Luật An ninh mạng. Các quy định pháp luật này nghiêm cấm việc buôn bán qua mạng các hàng hoá bị cấm (bao gồm cả ĐVHD) [6; 16; 17, Điều 18]. Người vi phạm luật này trên không gian mạng bị xử phạt tương tự như những người vi phạm các quy định thương mại trong thực tiễn không qua Internet làm trung gian.

Ngoài các quy định trên, trước thực trạng đáng báo động của hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng, ngày 23/7/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách quản lý ĐVHD trong đó yêu cầu Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan ban ngành quyết liệt thực hiện các biện pháp nhằm đấu tranh với tội phạm về ĐVHD trên không gian mạng.

Về hình thức xử phạt, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định: “Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp, tổ chức, cá nhân phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền” [18, Điều 4.1]. Như vậy, đối với các hành vi vi phạm quy định liên quan đến bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng cũng sẽ bị xử phạt như các hành vi vi phạm diễn ra trên thực tế, đối tượng sẽ phải chịu xử phạt cảnh cáo, phạt tiền. Đồng thời, đối tượng vi phạm có thể phải chịu hình phạt bổ sung và nghĩa vụ thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả [18, Điều 4.2, 4.3].

Về nhận diện các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính, thông qua nội dung các quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP), Nghị định số 38/2021/NĐ-CP và Nghị định số 15/2020/NĐ-CP. Nhóm tác giả chỉ ra các nhóm hành vi tương ứng với mức xử phạt như sau:

Thứ nhất, hành vi quảng cáo ĐVHD trái phép trên không gian mạng. Khi xác định cụ thể các hành vi, trong trường hợp không phát hiện hành vi nuôi nhốt, tàng trữ, vận

chuyên, buôn bán ĐVHD, sản phẩm ĐVHD trái phép, cơ quan chức năng sẽ tiến hành xử phạt vi phạm hành chính cho hành vi quảng cáo trái phép:

Một là, đối với ĐVHD thuộc Phụ lục III Luật Đầu tư (động vật rừng và thủy sản nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam) phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu gỡ bỏ toàn bộ quảng cáo vi phạm [18, Điều 33].

Hai là, trong trường hợp đối tượng quảng cáo là ĐVHD không được liệt kê trong Phụ lục III Luật Đầu tư năm 2020, phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu gỡ bỏ toàn bộ quảng cáo vi phạm [18, Điều 16; 19, Điều 15.9].

Ngoài ra, các đối tượng còn bị xử phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng vì thực hiện hành vi quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định [20, Điều 33].

Thứ hai, đối với hành vi buôn bán trái phép, tùy thuộc vào mức độ bảo vệ của loài và số lượng cá thể bị xâm hại hoặc cơ sở định giá tang vật, mức phạt xử lý vi phạm hành chính sẽ dao động từ 1.000.000 đồng - 360.000.000 đồng, ngoài ra còn có hình phạt bổ sung như tịch thu tang vật, phương tiện... [18, Điều 23; 19, Điều 15.14]

Thứ ba, hành vi đăng tải clip, hình ảnh có nội dung liên quan đến vi phạm về bảo vệ ĐVHD. Thông qua quy định tại Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP, hành vi đăng tải clip, hình ảnh có nội dung săn bắt, giết, nuôi, nhốt động vật rừng trái quy định của pháp luật nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng [21, Điều 101.1]. Đồng thời, buộc gỡ bỏ toàn bộ clip, hình ảnh có nội dung liên quan đến săn bắt, giết, nuôi, nhốt động vật rừng trái pháp luật [21, Điều 101.3]

Sau khi nhận diện và xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm trực tiếp đối với ĐVHD trên không gian mạng, lực lượng cơ quan chức năng tiến hành điều tra, xác minh đối tượng có tang vật và tang vật đã đủ mức truy cứu TNHS, khi đó thì các hành vi trên mạng là cơ sở, dấu hiệu để phát hiện được hành vi vi phạm với ĐVHD trên thực tế và xử phạt theo quy định pháp luật hình sự. Chẳng hạn, trường hợp người đăng clip 1 cá thể khỉ đuôi dài bị giết thịt, mua bán lên mạng xã hội thuộc danh mục thuộc ĐVHD Danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB sẽ bị xử lý hình sự về tội danh quy định tại Điều 234 BLHS sau khi điều tra, xác minh được người đó là người trực tiếp giết cá thể động vật trong clip được đăng tải. Lực lượng cơ quan chức năng có đủ căn cứ tang vật, vật chứng để truy cứu TNHS theo Điều 234 BLHS thì xử phạt theo quy định của Điều 234 khi buôn bán ĐVHD, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD thuộc nhóm IIB hoặc phụ lục II, III CITES và mức hình phạt tù phải chịu cao nhất lên đến 12 năm tù giam.

Thông qua nội dung quy định tại Điều 234 và Điều 244 BLHS năm 2015, các hành vi vi phạm về ĐVHD thông qua không gian mạng có khả năng là các hành vi vi phạm quy định của BLHS về bảo vệ ĐVHD như sau:

- i. Mua bán trái phép ĐVHD.
- ii. Vận chuyển trái phép ĐVHD.
- iii. Nuôi nhốt trái phép ĐVHD.

Ngoài hai điều luật nêu trên, đối với các hành vi liên quan đến “Sản phẩm của các loài thuộc Nhóm IB và Phụ lục I CITES mà không thuộc Danh mục loài ưu tiên bảo vệ” là hàng cấm thì các cá nhân, pháp nhân sẽ bị xem xét, xử lý hình sự theo Điều 190, 191 BLHS. Theo đó, các đối tượng vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi buôn bán hàng cấm (Điều 190). BLHS lần đầu tiên xử lý hình sự những vi phạm đối với động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES trị giá từ 150.000.000 đồng hoặc ĐVHD khác trị giá từ 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng.

3.3. Thực trạng quy định về xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng tại Việt Nam

Thời gian qua, Việt Nam đã tích cực xây dựng hệ thống các văn bản pháp luật nhằm tối đa hoá hiệu quả của việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng. Tuy nhiên, về hệ thống các văn bản pháp luật trong nước, nhóm tác giả cho rằng những văn bản này vẫn chưa thống nhất, chưa đảm bảo tính đồng bộ, xuất hiện một số quy định chồng chéo lẫn nhau gây khó khăn cho cá nhân, cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành xử lý vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng. Cụ thể:

Một là, về việc xác định giá trị tang vật, vật chứng là ĐVHD, động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm để làm căn cứ xử lý vi phạm, Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định cần “*Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt*” hoặc trong trường hợp không xác định được giá trị tang vật thì thành lập Hội đồng định giá [20, Điều 60]. Một trong những căn cứ định giá tài sản (được quy định tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự) là giá được niêm yết trên thị trường [22, Điều 15]. Tuy nhiên, trị giá tang vật, vật chứng là ĐVHD, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm xác định thông qua không gian mạng như Facebook, Zalo, Youtube,... khó xác định, không có con số cụ thể được lưu hành trên thị trường dẫn đến việc không có căn cứ để hoặc căn cứ không đúng khi xử phạt vi phạm, đặc biệt là xử phạt vi phạm hình sự. Vì vậy có thể thấy rằng, việc định xác định tang vật, vật chứng là ĐVHD trên không gian mạng khó khăn hơn rất nhiều đối với các hành vi vi phạm ĐVHD truyền thống.

Hai là, về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính, Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 yêu cầu xác minh danh tính, nhân thân, lỗi của cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính. Tuy nhiên, chưa có văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết các tiêu chí cho việc xác minh các hành vi vi phạm trên không gian mạng

vì tính chất ẩn danh, gián tiếp danh tính người dùng của Internet, gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc xác định danh tính hay yếu tố lỗi trực tiếp, gián tiếp. Chẳng hạn, cơ quan chức năng dựa trên tiêu chí nào để xác định được một đối tượng chủ đích hay vô tình chuyển tiếp các bài post, clip có nội dung vi phạm về bảo vệ ĐVHD để làm căn cứ xử phạt?

4. THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Trong những năm gần đây, tình trạng các đối tượng lợi dụng không gian mạng để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD tăng một cách báo động và diễn biến hết sức phức tạp. Theo Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên ENV, chỉ trong vòng 5 năm (2017-2021), đã ghi nhận hơn 6.300 vụ có dấu hiệu vi phạm về ĐVHD trên Internet, chiếm hơn 54% tổng số vi phạm trong giai đoạn này. Chỉ tính riêng đầu năm 2022 (tính tới ngày 12/7/2022), đã ghi nhận 1.862 vụ vi phạm về ĐVHD, trong đó có đến 53% trong số đó được phát hiện trên không gian mạng (985 vụ). Sau khi tổng kết trong năm 2022, Tổ chức này đã ghi nhận 1.686 vụ việc vi phạm về ĐVHD trên Internet [23].

Pháp luật Việt Nam đã có một cơ sở pháp lý cơ bản để làm căn cứ xử phạt hành chính và xử lý hình sự các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng. Tuy nhiên, trong thực tế phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật, nhóm nghiên cứu nhận thấy những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng mang tính “đặc thù” riêng, do đó công tác phát hiện và xử lý trên thực tế lại gặp không ít khó khăn và vướng mắc. Nhóm tác giả dựa vào một số vụ việc về tội vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm điển hình như: Bản án về tội vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm số 76/2022/HS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Bản án số 94/2019/HS-ST của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Bản án số 125/2021/HS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, Bản án số 38/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội... Đặc điểm chung của các bản án này là các cơ quan chức năng gặp rất nhiều khó khăn khi tiếp nhận khai báo của các đối tượng, cụ thể được nhóm tác giả khái quát như sau:

i) Khó khăn trong việc xác minh danh tính, nhân thân: Đối tượng thực hiện hành vi vi phạm qua các nền tảng mạng xã hội ẩn danh bằng cách tham gia các hội nhóm kín, sử dụng tài khoản ảo, số điện thoại không chính chủ, tên giả, địa chỉ không có thật,...

ii) Khó khăn trong việc xác minh nguồn gốc, thông tin, số lượng sản phẩm: Đối tượng sử dụng các từ lóng nhằm che giấu thông tin sản phẩm và xóa bỏ tài khoản khi bị các cơ quan chức năng phát hiện.

iii) Khó khăn trong việc xác định lỗi: Đối tượng khai nhận không có nhận thức hành vi của mình là hành vi trái pháp luật hoặc biện minh không cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

iv) Khó khăn trong việc xác minh đồng phạm, góp sức: Đối tượng khai nhận không biết rõ nhân thân lai lịch của các đối tượng khác quen biết trên mạng, khiến cơ quan chức năng hoặc Tòa án không đủ căn cứ để xử lý hoặc phải kéo dài thời gian điều tra khi phải tách hồ sơ xác minh sau.

Từ việc nghiên cứu thực tiễn kể trên, nhóm tác giả chỉ ra những vướng mắc cơ bản dẫn đến việc gia tăng các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng như sau:

Thứ nhất, lực lượng chức năng còn gặp nhiều hạn chế về mặt kiến thức, kỹ năng để nhận diện, phân loại định danh các loài ĐVHD bị quảng cáo, buôn bán còn hạn chế; kỹ năng thu thập thông tin và điều tra còn yếu đối với các hoạt động tội phạm về ĐVHD sử dụng internet. Bên cạnh đó trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện, phần mềm chuyên dụng hiện đại để tiếp cận phát hiện các vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng còn hạn chế. Do vậy, trong quá trình đảm bảo thực thi pháp luật gặp khó khăn. Ví dụ: việc điều tra, xác minh, thu thập thông tin vụ việc chưa bài bản dẫn đến hồ sơ vụ việc bị thiếu, chưa khép kín; khả năng nhận diện, định dạng các loài ĐVHD hạn chế dẫn đến việc bị động khi phát hiện vi phạm và xử lý bước đầu...

Thứ hai, thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử trong thời gian qua cho thấy các phương thức và thủ đoạn của các đối tượng mua bán trái pháp luật ĐVHD trên không gian mạng ngày càng tinh vi, phức tạp nhằm trốn tránh sự phát hiện, bắt giữ của các cơ quan chức năng. Các đường dây phạm tội, băng nhóm phạm tội xuyên quốc gia được thành lập và tổ chức hoạt động chặt chẽ với những phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt có xu hướng gia tăng cả về quy mô và tính chất để tiến hành việc quảng cáo, mua bán ĐVHD trên không gian mạng...

Thứ ba, nhận thức của người dân về pháp luật bảo vệ ĐVHD và đặc biệt trên không gian mạng ở Việt Nam còn khá hạn chế. Nhận thức của người dân chiếm một vai trò không hề nhỏ đến việc phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng. Thực trạng hiện nay cho thấy rằng, nhiều người dân vẫn chưa nhận thức được các hành vi được thực hiện trên không gian mạng như đăng ảnh giết mổ, hay quảng cáo, mua bán ĐVHD... trên không gian mạng là vi phạm pháp luật. Điều này có thể dẫn đến việc họ cố ý hoặc vô tình tham gia vào những hành vi vi phạm nêu trên và lan truyền, chia sẻ những thông tin vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo vệ ĐVHD. Hoặc trường hợp họ phát hiện các hành vi vi phạm trên không gian mạng nhưng không nhận thức được hành vi đó là hành vi vi phạm pháp luật nên không có các hành động tố giác, ngăn chặn kịp thời ngược lại còn cổ vũ, tiếp tay cho những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng.

Thứ tư, với sự phát triển liên tục và ngày càng mở rộng của hoạt động kinh doanh trên các website, diễn đàn và mạng xã hội nhiều tương tác như Facebook, Zalo và TikTok...

hoạt động quảng cáo và buôn bán trái phép ĐVHD cũng như các sản phẩm của chúng trên internet đã ngày càng phổ biến. Các thủ đoạn vận chuyển hàng thông qua dịch vụ xe khách liên tỉnh, hoặc thông qua các dịch vụ vận chuyển công nghệ như: Giao hàng tiết kiệm, giao hàng nhanh, ViettelPost, Grab, Lazada, Shopee, Tiki... không ghi địa chỉ người gửi hoặc khai báo không đúng loại hàng hóa cần gửi nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng; sử dụng các từ lóng khi đăng quảng cáo các loại ĐVHD hoặc các sản phẩm từ ĐVHD... nên gây khó khăn trong việc phát hiện, điều tra đối với loại tội phạm này.

5. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VỀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG TẠI VIỆT NAM

5.1. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về xử lý vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã trên không gian mạng

Để ngăn chặn hiệu quả, xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD, đặc biệt là hoạt động quảng cáo, kinh doanh mua bán, trái phép qua mạng cần thiết phải hoàn thiện và thống nhất hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời những bất cập trong các văn bản pháp luật về bảo vệ các loài ĐVHD. Tăng cường thực thi pháp luật về công tác phòng, chống buôn bán trái pháp luật và bảo vệ các loài ĐVHD. Đề nghị cơ quan chức năng sớm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm cụ thể như:

Một là, cần ban hành văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết các tiêu chí cho việc xác minh các hành vi vi phạm trên không gian mạng vì tính chất ẩn danh, gián tiếp danh tính người dùng của Internet tại Điều 234, 244 BLHS năm 2015 và Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Nhóm tác giả đề xuất các cơ quan chức năng dựa trên tiêu chí nhân thân, dấu vết hoạt động của các đối tượng trên không gian mạng để xác định được một đối tượng chuyển tiếp các bài post, clip có nội dung vi phạm về bảo vệ ĐVHD là vô tình hay cố ý và sẽ bị xử phạt vì tội vi phạm quản lý trật tự kinh tế.

Hai là, sử dụng tình tiết “sử dụng công nghệ cao để thực hiện hành vi phạm tội” là tình tiết định khung tăng nặng đối với hành vi buôn bán tại Điều 234 và 244 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Những mức phạt đối với hành vi được thực hiện trên không gian mạng phải cao hơn so với các hành vi thông thường. Bởi lẽ, các hành vi trên không gian mạng được thực hiện có sự phát tán rộng, rất đông người tiếp cận, mục đích hướng đến nhiều đối tượng. Hậu quả của hành vi này gây ra rất nghiêm trọng và đang có xu hướng gia tăng so với các hành vi vi phạm theo kiểu truyền thống. Chưa kể như đã đề cập ở trên, “không gian mạng” là một lĩnh vực đặc thù, việc phát hiện, xác minh và xử lý đối với các hành vi này gặp không ít các khó khăn. Việc đề xuất tăng nặng với mục đích phòng ngừa, tăng cường tính răn đe, từ đó hạn chế một phần việc phát sinh các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng trong tương lai.

Ba là, Việt Nam cần tận dụng hiệu quả việc thực thi các hiệp định tương trợ tư pháp (MLAT) như là công cụ hữu hiệu để đối phó với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm về ĐVHD trên không gian mạng. Việt Nam đã ký kết hiệp định tương trợ tư pháp (TTTP) với nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, với thực trạng đáng báo động của buôn bán ĐVHD xuyên quốc gia, đặc biệt trên môi trường mạng, Việt Nam cần thúc đẩy đàm phán các hiệp định TTTP với những quốc gia là nơi cung cấp các sản phẩm động thực vật hoang dã và lâm sản nhập khẩu trái phép vào Việt Nam, ví dụ như Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc.

5.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã trên không gian mạng tại Việt Nam

Thứ nhất, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng chống, phát hiện và xử lý vi phạm về ĐVHD trên không gian mạng cho lực lượng thực thi pháp luật. Đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, lâu dài chuyên trách về công nghệ thông tin. Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện, phần mềm chuyên dụng hiện đại để lực lượng chức năng có thuận tiện trong việc phát hiện, điều tra và xử lý các vi phạm về bảo vệ động vật trên không gian mạng. Chẳng hạn, cung cấp cho cán bộ tiền tuyến của lực lượng Kiểm lâm các thiết bị bảo vệ cá nhân và tiếp cận được với hệ thống viễn thông qua vệ tinh trong khi đi tuần tra ở các khu vực hẻo lánh.

Thứ hai, các tổ chức hoặc cơ quan chức năng cần tăng cường giám sát các trang web và trang mạng có liên quan đến ĐVHD, bao gồm theo dõi cụ thể các cá nhân hoặc nhóm quan tâm, thu thập siêu dữ liệu và sau đó phân tích các siêu dữ liệu đó, và việc tạo ra các tài khoản giả hoặc “đại diện”. Việc theo dõi mục tiêu một đối tượng hoặc nhóm quan tâm có thể đem lại cơ hội thu thập thông tin nghiệp vụ và/hoặc chứng cứ. Cá nhân thường đăng các hình ảnh về tài khoản của họ mà có thể được sử dụng để xác định danh tính thật, như biển số xe, nơi sinh sống, làm việc, trường học, thành viên gia đình, họ hàng và những đối tượng liên quan là ai...

Đẩy mạnh việc rà soát, phát hiện đề nghị gỡ bỏ các đường dẫn, tài khoản mạng xã hội... vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng, nhất là các tài khoản cổ vũ, tuyên truyền, quảng cáo sai về công dụng của các sản phẩm từ ĐVHD, đặc biệt là các sản phẩm chữa bệnh và tăng cường sức khỏe. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng quy định về quản lý các trang, nhóm trên mạng xã hội (Facebook, Zalo,...); quy định về thông tin tài khoản cá nhân, các hoạt động trên không gian mạng.

Thứ ba, tích cực thực hiện hoạt động tuyên truyền về bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý hiếm nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc tố giác tội phạm buôn bán ĐVHD. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về việc bảo vệ các loài ĐVHD; vận động giúp người dân nhận thức được pháp luật và từ bỏ thói quen sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ ĐVHD, tham gia các chiến dịch không tiêu thụ ĐVHD và các sản phẩm

của chúng. Đồng thời, xây dựng các chính sách khen thưởng đối với các cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin, khai báo các hành vi vi phạm pháp luật về ĐVHD. Các báo cáo này có thể giúp cơ quan chức năng đưa ra các biện pháp phù hợp để ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm.

Thứ tư, các cơ quan chức năng cần xây dựng hệ thống phản hồi, website tiếp nhận nguồn tin tố giác để người dùng báo cáo các hoạt động vi phạm về ĐVHD trên mạng. Các nền tảng thương mại điện tử lớn như Shopee, Lazada, Tiki... phải cam kết hỗ trợ cơ quan chức năng trong việc giám sát hoạt động mua bán hàng hóa qua mạng internet; gửi thông báo đến cơ quan chức năng về các giao dịch nghi ngờ liên quan đến tội phạm về bảo vệ ĐVHD, cung cấp thông tin khách hàng có liên quan. Các nền tảng thương mại trực tuyến, hãng vận chuyển cần xác định thông tin, danh tính thật của khách hàng để hỗ trợ lực lượng chức năng trong công tác điều tra vụ việc liên quan đến các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng.

Thứ năm, các cơ quan chức năng cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các cơ quan ngoại giao, cơ quan Cảnh sát các nước và các tổ chức phi chính phủ về bảo vệ ĐVHD trong công tác phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên không gian mạng. Tham gia và tổ chức các hội thảo, tập huấn luật pháp quốc tế, chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật, chiến thuật điều tra các tội phạm về buôn bán trái phép ĐVHD trên không gian mạng. Nhà nước đẩy mạnh hoạt động chia sẻ thông tin nghiệp vụ và thông tin cấp quốc tế dựa trên nền tảng dữ liệu Mạng lưới Kiểm soát Hải quan (CENCOMM) trong việc xử lý tội phạm về ĐVHD trên không gian mạng.

6. KẾT LUẬN

Có thể thấy các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD có sự hỗ trợ của Internet ngày càng tinh vi trắng trợn, đa dạng về thủ đoạn và phương thức phạm tội. Chính vì vậy, việc tìm hiểu hành lang pháp lý trong việc xử lý các hành vi vi phạm về ĐVHD mang tính cấp thiết, thời sự. Bên cạnh một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đòi hỏi khâu thực thi pháp luật cũng được thực hiện một cách nghiêm túc, cứng rắn và hiệu quả hơn nữa. Cùng với đó là sự nỗ lực phối hợp của cộng đồng, liên kết giữa các đoàn thể, cơ quan và các cá nhân trên đất nước Việt Nam nói riêng và cả thế giới nói chung, nhằm chung tay ngăn chặn các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD, đặc biệt là trên không gian mạng trong thời đại công nghệ số hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] T. H. Bùi, Pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
- [2] L. T. D. Đỗ, Pháp luật quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.

- [3] M. L. I. De Silva, N. Abeyrathne, M. Gunasinghe, M. Gunawardana, M. Ranjula, J. Gunawardana. Wildlife Trade On CyberSpace As A New Barrier To Biodiversity Conservation In Sri Lanka, 2022.
- [4] Joint Task Force Transformation Initiative, SP 800-30 Rev. 1. Guide for Conducting Risk Assessments, National Institute of Standards & Technology. Under Cyberspace from CNSSI 4009, Appendix B, B.3, 2012.
- [5] Từ điển Ba Lan, Không gian mạng - định nghĩa, từ đồng nghĩa, ví dụ sử dụng (pwn.pl), truy cập ngày 03/03/2023.
- [6] Quốc Hội, Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, 2018.
- [7] Chính phủ, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, 2021.
- [8] CITES, “Wildlife crime linked to the Internet”, CITES glossary, <https://cites.org/eng/resources/terms/glossary.php#i>, truy cập ngày 25/02/2023
- [9] Vũ Khuê, Chặn các hành vi mua bán động vật hoang dã trên không gian mạng: Trách nhiệm của các công ty công nghệ, <https://vneconomy.vn/techconnect/chan-cac-hanh-vi-mua-ban-dong-vat-hoang-da-tren-khong-gian-mang-trach-nhiem-cua-cac-cong-ty-cong-nghe.htm>, truy cập ngày 01/12/2022.
- [10] A. Lavorgna, Wildlife trafficking in the Internet age, Crime Sci 3, 5, 2014.
- [11] CITES Compliance System, <https://cites.org/eng/prog/compliance>, truy cập ngày 22/02/2023
- [12] CITES. Resolution Conf. 14.3 (Rev. CoP18), Conf. 8.4, ‘National laws for implementation of the convention’, 1992.
- [13] CITES, Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp, 1973.
- [14] P.H. Sand, Enforcing CITES: The Rise and Fall of Trade Sanctions, 2013.
- [15] H.G. Kausch, ‘Embargo’, R. Bernhardt, Vol. 2, 38; H.K. Ress, Das Handelsembargo: Völker-, europa-und aussenwirtschaftsrechtliche Rahmenbedingungen, Praxis und Entschädigung, Springer 2000, 7.
- [16] Quốc hội, Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11, 2005.
- [17] Chính phủ, Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử, 2013.
- [18] Chính phủ, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp, 2019.
- [19] Chính phủ, Nghị định số 07/2022/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, 2022.
- [20] Chính phủ, Nghị định số 38/2021/NĐ-CP về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, 2021.

- [21] Chính phủ, Nghị định số 15/2020/NĐ-CP về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử, 2020.
- [22] Quốc hội, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, Luật số 15/2012/QH13, 2012.
- [23] ENV, Cách thức xử lý vi phạm về động vật hoang dã trên Internet, 2022, <https://thiennhien.org/uploads/cach-thuc-xu-ly-vi-pham-ve-dong-vat-hoang-da-tren-internet-final.pdf>, truy cập ngày 28/02/2023
- [24] Nguyễn Linh, Bày bán động vật hoang dã trên mạng bị xử phạt thế nào, <https://kinhtemoitruong.vn/bay-ban-dong-vat-hoang-da-tren-mang-bi-xu-phat-the-nao-62051.html>, truy cập ngày 24/02/2023
- [25] PanNature, Quy định về bảo vệ động vật hoang dã trong Bộ luật Hình sự – một vài đánh giá, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, 2022.
- [26] C. Nellemann, R. Henriksen et al. The Environmental Crime Crisis - Threats to Sustainable Development from Illegal Exploitation and Trade in Wildlife and Forest Resources, 2014.
- [27] K. Q. Lê, Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của cơ quan kiểm lâm trong đảm bảo chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm, 2020.
- [28] Hoàng Châu, Chưa đầy một thế kỷ, thế giới mất 69% quần thể các loài hoang dã, Tuổi trẻ thủ đô, 2022, <https://tuoitrethudo.com.vn/chua-day-mot-the-ky-the-gioi-mat-69-quan-the-cac-loai-hoang-da-207929.html>, truy cập ngày 12/02/2023
- [29] ENV, Gia tăng vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã trên Internet: Phải xử phạt nghiêm để ngăn chặn, <https://thiennhien.org/uploads/wcb-no-1-2022-vn-june-20-2022.pdf>, truy cập ngày 20/02/2023.
- [30] Ngọc Phạm, Tuyên truyền các quy định xử lý vi phạm hành chính về động vật hoang dã, <http://pbgdpl.camau.gov.vn/tuyen-truyen-cac-quy-dinh-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-ve-dong-vat-hoang-da.1895>, truy cập ngày: 18/02/2023
- [31] WCS Việt Nam, Sổ tay nhận biết và báo cáo vi phạm pháp luật liên quan đến động vật hoang dã, 2022.
- [32] Lê Hiếu, Xử phạt nhiều đối tượng rao bán sản phẩm động vật hoang dã trên internet, <https://www.qdnd.vn/phap-luat/tin-tuc/xu-phat-nhieu-doi-tuong-rao-ban-san-pham-dong-vat-hoang-da-tren-internet-710735>, truy cập ngày 16/02/2023
- [33] Đ.V. Quế, Bình luận tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Tạp chí Kiểm sát số 08/2019, Hà Nội, 2019.
- [34] P.V. Hùng, Sự phát triển đổi mới và các định hướng hoàn thiện Bộ luật Hình sự Việt Nam. Công TTĐT Viện KSND Tuyên Quang, 2015. <https://vkstuyenquang.gov.vn/pHome/news/Chuyen-de-Nghiep-vu/Su-phat-trien-doi-moi-va-cac-dinh-huong-hoan-thien-Bo-luat-hinh-su-Viet-Nam-230/>, truy cập ngày 25/02/2023

- [35] H. Đ. Vũ, Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong Luật Hình sự Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
- [36] T. H. Nguyễn, Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong Luật Hình sự Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.
- [37] J. Wingard, M. Pascual, Catch me if you can: Legal challenges to illicit wildlife trafficking over the internet, The Global Initiative Against Transnational Organized Crime, 2018.
- [38] ENV, Buôn bán động vật hoang dã trên mạng internet – đã không còn an toàn, 2020, <https://thiennhien.org/buon-ban-dong-vat-hoang-da-tren-mang-internet-da-khong-con-an-toan>, truy cập 15/02/2023
- [39] L. K. Quyết, Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của cơ quan kiểm lâm trong đảm bảo chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm, 2020
- [40] T. Q. Morcatty, K. Feddema, K. A. I. Nekaris, V. Nijman, Online trade in wildlife and the lack of response to COVID-19, Environmental Research, Vol. 193, 110439, 2021.
- [41] IFAW. Caught in the Web: Wildlife trade on the Internet. International Fund for Animal Welfare, Report, London, 2005.
- [42] ENV, Bản tin Bảo vệ Động vật hoang dã số 21, 2022.
- [43] Đỗ Trang, Vi phạm về động vật hoang dã trên mạng: Cần xử lý quyết liệt hơn, <https://baophapluat.vn/vi-pham-ve-dong-vat-hoang-da-tren-mang-can-xu-ly-quyet-liet-hon- post466516.html>, truy cập ngày 21/02/2023.
- [44] Vũ Khuê, Chặn các hành vi mua bán động vật hoang dã trên không gian mạng: Trách nhiệm của các công ty công nghệ, <https://vneconomy.vn/chan-cac-hanh-vi-mua-ban-dong-vat-hoang-da-tren-khong-gian-mang-trach-nhiem-cua-cac-cong-ty-cong-nghe.htm>, truy cập ngày 12/02/2023.
- [45] UNODC, Bộ công cụ phân tích Tội phạm về động, thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật, Báo cáo của Đoàn công tác UNODC tại Việt Nam, 2015.
- [46] J. Hutton, CITES: The Issue of Endangered Species, P. Kőnz (ed.), Trade, Environment and Sustainable Development: Views from Sub-Saharan Africa and Latin America, International Centre for Trade and Sustainable Development, 2000, 145.

PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI BUÔN BÁN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Nguyễn Phương Thùy Dương, Phạm Thị Minh Phương
(Được hướng dẫn bởi TS. Nguyễn Thị Lan)

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, công nghệ thông tin đang không ngừng phát triển vượt bậc tạo ra một thị trường tiêu thụ tiềm năng cho các đối tượng buôn bán trái phép động vật hoang dã khai thác. Bằng những thủ đoạn tinh vi như lập tài khoản ảo, hoạt động nhóm kín, sử dụng từ viết tắt và từ lóng... các băng nhóm chuyên buôn bán động vật hoang dã đã thành công trong việc lẩn tránh sự kiểm duyệt của công cụ AI (trí tuệ nhân tạo) và gây khó dễ cho công tác điều tra tội phạm của các cơ quan chức năng. Điều này tạo ra những thách thức to lớn trong việc bảo tồn động vật hoang dã cũng như xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã xảy ra trên không gian mạng. Bài viết này khái quát một số đặc trưng của thực trạng buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng tại Việt Nam, sau đó phân tích những bất cập trong thực trạng pháp luật xử lý và hoạt động xử lý hành vi này, cuối cùng là đưa ra những đề xuất cải thiện hành lang pháp lý và thực tiễn công tác xử lý.

Từ khóa: động vật hoang dã, không gian mạng, buôn bán trái phép, pháp luật xử lý, hoạt động xử lý.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thứ nhất, đề tài “*Pháp luật về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng*” được đặt ra trước yêu cầu bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Về yêu cầu bảo vệ môi trường, sự đa dạng sinh học về động vật hoang dã có mối quan hệ mật thiết với việc bảo vệ, cân bằng hệ sinh thái. Trong thế giới tự nhiên, cùng với nhiều loài sinh vật khác, động vật hoang dã đóng góp vào chu trình sinh địa hoá (*biogeochemical cycle*¹) và chuỗi thức ăn (*food chain*²). Đây đều là các quá trình nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu để tái tạo vật chất và nuôi sống sinh vật trong

¹ Chu trình sinh địa hoá (*biogeochemical cycle*) là quá trình “trao đổi chất” diễn ra trong môi trường tự nhiên. Quá trình này trao đổi các nguyên tố cơ bản bao gồm cacbon, ôxi, nitơ, photpho, hidro từ những cơ thể sống (*biotic*) nhưng đã phân huỷ hoặc những yếu tố không có sự sống (*abiotic*) đang tan rã để tạo thành vật chất khác. Đây là những nguyên tố cần thiết để hình thành nên sự sống và các yếu tố không có sự sống khác trong tự nhiên. Tham khảo: Intro to biogeochemical cycles, Khan Academy <https://tinyurl.com/2g3c8zm3>

² Chuỗi thức ăn (*food chain*) là một dãy các loài sinh vật được sắp xếp theo thứ bậc nhất định dựa trên vai trò dinh dưỡng của chúng với loài sinh vật khác trong cùng dãy. Một chuỗi thức ăn thường bắt đầu từ sinh vật sản xuất - thực vật và kết thúc ở sinh vật tiêu thụ hoặc sinh vật phân huỷ - động vật hoặc các loài vi sinh vật khác. Tham khảo: Food Chain, National Geographic <https://education.nationalgeographic.org/resource/food-chain/>

môi trường tự nhiên. Cụ thể, trong mạng lưới thức ăn tự nhiên¹ cấu thành từ các chuỗi thức ăn, mỗi loài động vật hoang dã là một mắt xích quan trọng trong quá trình sản xuất, tiêu thụ, phân huỷ của sinh vật ở thế giới tự nhiên. Do đó, nếu nguồn gen đa dạng về động vật hoang dã bị suy giảm, các quá trình sản xuất, tiêu thụ và phân huỷ sẽ mất cân bằng. Điều này đe dọa đến sự tồn tại của các loài sinh vật nói chung và động vật hoang dã nói riêng, có thể làm biến đổi cấu tạo tự nhiên và đe dọa đến chất lượng hệ sinh thái. Chẳng hạn, nếu các loài chim hoang dã bị săn bắt quá mức hay tận diệt, nhiều quá trình thụ phấn hoa và phát tán hạt giống sẽ không được thực hiện, hạn chế quá trình nảy mầm, ra quả, v.v. và kéo theo hàng loạt hậu quả khác đối với các loài sinh vật phụ thuộc vào quá trình nảy mầm, ra quả của cây cối.

Về yêu cầu phát triển bền vững, sự đa dạng sinh học về động vật hoang dã và cân bằng hệ sinh thái còn đảm bảo sự ổn định môi trường sống và góp phần phát triển chất lượng sống cho con người. Với vai trò cân bằng môi trường hệ sinh thái, động vật hoang dã còn có thể giúp con người dự đoán, đánh giá chất lượng hệ sinh thái, môi trường, thời tiết, khí hậu. Hơn nữa, động vật hoang dã nói riêng và môi trường tự nhiên nói chung chính là nguồn cung cấp thực phẩm, sản phẩm trang trí, y học, cảnh quan du lịch; góp phần phát triển kinh tế. Việc bảo vệ động vật hoang dã, cân bằng môi trường tự nhiên giúp thoả mãn nhu cầu đa dạng về vật chất hoặc tinh thần của con người. Sự suy giảm về chất lượng, số lượng của động vật hoang dã và chất lượng của hệ sinh thái có thể làm mất đi nguồn cảnh quan để phát triển du lịch, hay nguồn thực vật để bào chế một số loại thuốc chữa bệnh. Tệ hơn nữa, số lượng động vật hoang dã suy giảm cũng có nghĩa là số lượng vật chủ của mầm bệnh trong tự nhiên suy giảm, và điều này làm tăng nguy cơ lây truyền mầm bệnh cho con người. Việc sử dụng sản phẩm làm từ động vật hoang dã hoặc đưa động vật hoang dã khỏi môi trường tự nhiên của chúng cũng làm tăng nguy cơ lây nhiễm bệnh từ động vật hoang dã ở con người.

Thứ hai, đề tài “*Pháp luật về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng*” được đặt ra trước tình hình vi phạm pháp luật trên không gian mạng ngày càng gia tăng, bao gồm vi phạm về buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng. Sự phổ biến mạnh mẽ của Internet và các nền tảng mạng xã hội, kéo theo tình trạng buôn bán trái phép động vật hoang dã đang ngày càng diễn biến phức tạp. Theo số liệu của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV), chỉ tính riêng ba quý đầu năm 2022 đã ghi nhận 2.600 vụ việc vi phạm về động vật hoang dã, trong đó chiếm tới 52% là các vụ việc vi phạm trên không gian mạng (với 1.320 vụ). Thậm chí, nhiều người sử dụng mạng xã hội còn sử dụng các thủ đoạn lạm dụng các kẽ hở trong hệ thống pháp lý

¹ Mạng lưới thức ăn (food web) bao gồm nhiều chuỗi thức ăn hợp lại với nhau. Các chuỗi thức ăn này có mối quan hệ dinh dưỡng mật thiết với nhau. Các loài sinh vật chung mức dinh dưỡng được xếp theo từng bậc dinh dưỡng và chúng bao gồm sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ và sinh vật phân huỷ. Tham khảo: Food Web, National Geographic <https://education.nationalgeographic.org/resource/food-web/>

và trong công tác quản lý hành vi buôn bán ĐVHD trên không gian mạng để trốn tránh sự kiểm duyệt, phát hiện vi phạm của công nghệ AI và lực lượng chức năng.

Thứ ba, đề tài “*Pháp luật về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng*” là đề tài mang tính cấp thiết, nhằm hoàn thiện khung pháp luật của Việt Nam về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng. Hiện nay, nước ta chưa quy định chế tài đủ sức răn đe để xử phạt hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng, cũng như chưa có thiết chế áp dụng một cách có hiệu quả quy định hiện hành của pháp luật về xử lý hành vi này. Không chỉ vậy, số lượng nghiên cứu về vấn đề này dưới góc độ luật học tại Việt Nam còn chưa nhiều và chưa đi sâu vào các khía cạnh pháp lý.

Trước tình hình trên, việc nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng*” tương thích với các chuẩn mực quốc tế và bắt kịp với thực tiễn ở Việt Nam, góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam và công tác xử lý, ngăn chặn các hành vi trục lợi từ động vật hoang dã trên không gian mạng.

2. LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ BUÔN BÁN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

2.1. Khái niệm pháp luật về xử lý buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng

Trước khi đi vào khái niệm về buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng, ta cần hiểu khái niệm về “động vật hoang dã”. Trong bài nghiên cứu này, nhóm tác giả thống nhất sử dụng khái niệm “động vật hoang dã” được quy định trong Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp như sau:

“Động vật hoang dã, thực vật hoang dã là những loài động vật, thực vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật, thực vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- b) Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- c) Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES;
- d) Loài động vật rừng thông thường;

đ) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố”.

Về định nghĩa của hành vi buôn bán động vật hoang dã, Hội đồng Bảo vệ Tài nguyên Thiên nhiên (NRDC)¹ định nghĩa như sau: “hành vi buôn bán động vật hoang dã là những hành vi sử dụng động vật hoang dã đã chết hoặc còn sống và các sản phẩm có nguồn gốc từ chúng cho mục đích thương mại”[1]². Trước thực trạng hành vi trên ngày càng gia tăng trên không gian mạng, nhóm tác giả đưa ra định nghĩa về hành vi buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng như sau: *“Buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng là những hành vi trao đổi động vật sống trong môi trường tự nhiên, hoặc các sản phẩm có nguồn gốc từ chúng vào mục đích thương mại xảy ra trên không gian mạng.”* Một số hành vi buôn bán động vật là hợp pháp, được Nhà nước cho phép và quy định hành lang pháp lý việc khai thác, buôn bán và sử dụng, trong đó bao gồm hoạt động quảng cáo, buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng. Tuy nhiên, hoạt động buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng được nhóm nghiên cứu tập trung làm rõ là các hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã.

Về pháp luật quy định xử lý buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng, trước hết, nhóm tác giả xin trích dẫn định nghĩa về pháp luật như sau: *“Pháp luật được hiểu là một hệ thống các quy tắc xử sự do Nhà nước thừa nhận, có tính quy phạm phổ biến, tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức và tính bắt buộc chung thể hiện ý chí của Nhà nước và được đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính bắt buộc thực hiện với mọi chủ thể trong xã hội”* [2]. Căn cứ vào định nghĩa này, pháp luật về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng được hiểu là: “những quy phạm pháp luật quy định về những hành vi cấu thành các dấu hiệu vi phạm pháp luật về buôn bán động vật hoang dã diễn ra trên không gian mạng (bao gồm chủ thể, mặt chủ quan, khách thể, mặt khách quan của hành vi) và quy định về chế tài xử lý, cách thức xử lý hành vi đó.” Trong đó, khách thể bị xâm phạm chủ yếu là “các quy định về bảo vệ động vật hoang dã”. Mặt khách quan là hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng. Chủ thể vi phạm có thể tổ chức, cá nhân (vi phạm hành chính) hoặc pháp nhân thương mại hoặc cá nhân đủ tuổi và có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi (vi phạm hình sự). Mặt chủ quan xem xét việc các chủ thể vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã là do cố ý hay vô ý; mục đích và động cơ vi phạm. Tùy thuộc mức độ vi phạm dẫn đến quyết định xử lý hành chính hay hình sự.

¹ Hội đồng Bảo vệ Tài nguyên Thiên nhiên (Natural Resource Defense Council - NRDC) là một tổ chức bảo vệ môi trường phi lợi nhuận, được thành lập vào năm 1970. Tổ chức bao gồm 1.2 triệu thành viên trên toàn thế giới với mục đích bảo vệ địa cầu, bảo vệ sinh vật biển, thú hoang quý hiếm và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên

² Wildlife trade means taking and selling dead or living plants and animals and the products derived from them. <https://www.nrdc.org/stories/wildlife-trade-101>

2.2. Ý nghĩa của việc ban hành quy phạm pháp luật về việc xử lý buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng

Việc ban hành quy định pháp luật về xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng là một việc làm cấp thiết, phù hợp với nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam về bảo vệ động vật hoang dã; các chính sách về bảo vệ đa dạng sinh học, quản lý động vật hoang dã của Nhà nước và thực tiễn quản lý, bảo tồn động vật hoang dã ở nước ta.

Đầu tiên, việc ban hành quy định xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng giúp Việt Nam thực hiện tốt các cam kết quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã. Việt Nam đã tham gia công ước CITES về buôn bán quốc tế các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp năm 1994. Đúng như tên gọi của công ước, CITES được lập ra nhằm bảo vệ đa dạng sinh học về động vật, thực vật trên toàn cầu, bảo vệ cân bằng hệ sinh thái và bảo vệ giá trị kinh tế, văn hoá, giải trí, khoa học mà động, thực vật đem lại cho con người¹. Để thực hiện cam kết quốc tế về công ước CITES một cách hiệu quả, Nhà nước cần có giải pháp triệt để phòng, chống hành vi vận chuyển, tàng trữ, buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm. Điều này bao gồm cả việc ban hành danh mục động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng hoặc có nguy cơ bị đe dọa; những quy định về hành vi vi phạm pháp luật về động vật hoang dã, đặc biệt là ban hành quy phạm pháp luật về xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng.

Thứ hai, việc ban hành quy định pháp luật về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước về công tác bảo vệ đa dạng sinh học nói riêng và quản lý, bảo tồn động vật hoang dã nói chung. Cho tới nay, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 17/5/2022 về các giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam; chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050,...[5]. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng là điều cần thiết nhằm thực hiện hiệu quả chính sách của Chính phủ và chiến lược quốc gia về bảo vệ đa dạng sinh học nói chung và bảo vệ động vật hoang dã nói riêng.

¹ Theo lời mở đầu của Công ước CITES về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp: “Nhận thức được rằng những loài động vật và thực vật hoang dã với vẻ đẹp phong phú và đa dạng của chúng là một phần không thể thay thế của những hệ sinh thái tự nhiên của Trái đất, chúng phải được bảo vệ cho thế hệ hôm nay và những thế hệ mai sau. Ý thức được giá trị to lớn của động và thực vật hoang dã về mặt thẩm mỹ, khoa học, văn hoá, giải trí và kinh tế. Nhận thức được rằng các dân tộc và các Chính phủ phải là những người bảo vệ tốt nhất hệ động, thực vật cần thiết khỏi hiện tượng khai thác quá mức thông qua buôn bán quốc tế

Thứ ba, việc ban hành quy định pháp luật về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng còn phù hợp với chính nhu cầu thực tiễn phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật về động vật hoang dã ở nước ta cũng như bảo vệ đa dạng sinh học và cân bằng hệ sinh thái. Việt Nam luôn được đánh giá là một quốc gia có hệ sinh thái phong phú nhưng đồng thời cũng là điểm nóng tiêu thụ và chuyên chở các loài động, thực vật quý, hiếm. Theo WWF, ước tính mỗi năm có khoảng 2.000 tấn thịt thú rừng và động vật hoang dã được tiêu thụ tại Việt Nam, trong đó khoảng 80% là tại các nhà hàng, quán ăn đặc sản tại Hà Nội, TPHCM và một số thành phố khác [6]. Hoạt động này đã khiến các loài thú hoang dã ở Việt Nam đứng trước thảm họa bị tuyệt chủng, trong đó có 17 loài đặc biệt quý hiếm của thế giới cần ưu tiên bảo vệ đặc biệt. Nếu không có những hành động quyết liệt hơn thì tương lai của những loài động vật quý hiếm này sẽ đứng trước thảm họa diệt vong.

2.3. Kinh nghiệm của lập pháp quốc tế về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng

Theo tìm hiểu của nhóm tác giả về việc kết án các tội phạm liên quan đến buôn bán động vật hoang dã, hầu hết các bị cáo đều có xu hướng bị xử lý hành chính hoặc dân sự với mức tiền phạt, đôi khi còn thấp hơn giá trị của hàng hóa mà bị cáo đã buôn bán, hoặc sẵn bán trái phép. Đây chính là hạn chế lớn nhất dẫn đến các hoạt động xâm hại đến môi trường hay cụ thể là động vật hoang dã khi các đối tượng vi phạm chưa bị sự trừng phạt thích đáng. Pháp luật quốc tế hiện nay đang xây dựng những chế tài mạnh mẽ hơn điều chỉnh vấn đề này, trong đó phải kể đến hình sự hóa tội phạm môi trường. Hình sự là hình thức điều chỉnh nghiêm khắc nhất và liên quan đến các hình thức trừng phạt và tổ tụng ở mức cao nhất mà Nhà nước có thể sử dụng. Do đó, nó thường được sử dụng như là phương pháp cuối cùng khi các biện pháp can thiệp và trừng phạt khác không hoặc sẽ không có tác dụng mong muốn [7]. Mặc dù đây là phương pháp trừng phạt nghiêm khắc nhất, nhưng hình sự hóa tội phạm buôn bán động vật hoang dã nói chung hay tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng nói riêng đang được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng, từ đó khẳng định tính nguy hiểm của loại tội phạm này và yêu cầu cấp thiết trong việc bảo vệ các loài động vật hoang dã. Từ việc tham khảo các giá trị lập pháp quốc tế, nhóm tác giả đề xuất việc hình sự hóa tội phạm buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng là điều cần thiết và nên được triển khai mạnh mẽ hơn tại Việt Nam.

Ở một số khu vực pháp lý khác như Hoa Kỳ đang sử dụng phương pháp cụ thể hóa pháp luật điều chỉnh hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng. Theo đó, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đưa ra định nghĩa về tội phạm mạng (cybercrime) như sau: *“tội phạm mạng là bất cứ các hành vi vi phạm pháp luật hình sự nào có liên quan đến việc sử dụng các hiểu biết về công nghệ máy tính trong việc phạm tội, điều tra hoặc xét xử”* [9]. Theo định nghĩa này thì bất cứ tội phạm nào cũng có thể được xếp vào loại tội phạm máy tính chỉ cần trong quá trình điều tra các điều tra viên sử dụng máy tính để tìm

kiểm bằng chứng về tội phạm. Như vậy, hành vi buôn bán động vật hoang dã qua không gian mạng cũng được coi là một tội phạm mạng trong lĩnh vực buôn bán hàng bất hợp pháp và sẽ được xử lý theo pháp luật xử lý tội phạm mạng. Trong đó, pháp luật xử lý tội phạm mạng có thể được áp dụng chung hoặc có thể áp dụng cho từng ngành cụ thể, ví dụ như luật buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng, luật bắt nạt trên mạng và quấy rối trực tuyến... [10].

Tuy nhiên, việc quy định đạo luật dành riêng cho hành vi buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng không phù hợp với khung pháp luật hiện hành của Việt Nam. Trước hết điều này xuất phát từ nguyên nhân: Việt Nam và Hoa Kỳ sử dụng hai hệ thống pháp luật khác nhau. Trong khi hệ thống Dân luật (Civil law) quan niệm luật pháp là phải từ các chế định cụ thể (All law resides in institutions) với tính khái quát cao, còn hệ thống Thông luật (Common law) lại quan niệm luật pháp được hình thành từ tập quán (All law is custom) để phù hợp với sự phát triển của các quan hệ xã hội. Chính lẽ đó, việc xây dựng các đạo luật cụ thể là tương đối dễ dàng và phù hợp với truyền thống lập pháp của Hoa Kỳ, trong đó có việc ban hành các đạo luật cụ thể liên quan đến buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng. Tuy nhiên, vì luật pháp Việt Nam tập trung vào tính khái quát và nguồn đầu tư xây dựng luật chưa dồi dào, nên việc ban hành một đạo luật cụ thể chỉ để giải quyết vấn đề buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng là bất khả thi.

Đặc thù của tội phạm buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp là hoạt động có tổ chức và có mạng lưới ở khắp các quốc gia: quốc gia cung cấp, quốc gia trung chuyển và quốc gia tiêu thụ. Do đó, việc truy tố các thành viên của các băng nhóm buôn bán trái phép động vật hoang dã và kẻ cầm đầu của băng nhóm đó là khá khó khăn và ít khu vực pháp lý xử phạt hành vi phạm tội đối với những người không liên quan trực tiếp hoặc không bị bắt giữ trong việc thực hiện tội phạm. Để điều chỉnh loại tội phạm xuyên quốc gia này, cộng đồng quốc tế có Công ước quốc tế về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC). Sau khi Công ước UNTOC có hiệu lực, ngày càng có nhiều khu vực pháp lý đã ban hành các tội danh cụ thể hình sự hóa việc tham gia vào nhóm tội phạm có tổ chức theo quy định tại Điều 5 của Công ước [7]. Tuy nhiên, một số quốc gia vẫn chưa coi tội phạm buôn bán động vật hoang dã là tội phạm nghiêm trọng nên việc áp dụng các quy định của UNTOC vẫn đang gặp phải rất nhiều thách thức khi xảy ra xung đột với pháp luật quốc gia. Ngoài ra, để giải quyết vấn đề tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng, các quốc gia có thể truy cập vào kho lưu trữ tội phạm mạng của Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC). Kho lưu trữ này là cơ sở dữ liệu trung tâm bao gồm luật pháp, các phát hiện trước đó và án lệ về tội phạm mạng và bằng chứng điện tử, từ đó hỗ trợ các quốc gia trong nỗ lực truy tố và ngăn chặn tội phạm mạng, đặc biệt là tội phạm mạng xuyên quốc gia [10].

Cuối cùng, là thành viên của Công ước CITES, Việt Nam hoàn toàn có thể áp dụng các khuyến nghị, hướng dẫn của Công ước này về buôn bán động vật hoang dã trên không

gian mạng. Ví dụ tại Điều 12, Nghị quyết 11.3 về Tuân thủ và thực thi¹, Công ước khuyến nghị các quốc gia thành viên thành lập một đơn vị chuyên trách điều tra tội phạm về động vật hoang dã có liên quan đến Internet hoặc kết hợp vấn đề buôn bán động vật hoang dã vào các đơn vị hiện có đang điều tra, giám sát tội phạm mạng. Ngoài ra, Công ước nhấn mạnh việc các công ty công nghệ xây dựng những chính sách cam kết không cho phép buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã bằng các ứng dụng của họ. Đây là các khuyến nghị rất cụ thể và có tính khả thi cao, do đó việc áp dụng các hướng dẫn này trên cơ sở điều chỉnh để phù hợp với tình hình đất nước là một điều rất cần thiết trong bối cảnh Việt Nam chưa đi đầu trong việc bảo vệ các loài động vật hoang dã và còn nhiều hạn chế trong công tác xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề này.

3. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ BUÔN BÁN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

3.1. Thực tiễn buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng ở Việt Nam hiện nay

Hoạt động buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng là một điều tất yếu xảy ra trong bối cảnh Internet và các nền tảng mạng xã hội ngày càng phát triển, phổ biến ở nước ta hiện nay. Theo số liệu thống kê của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên ENV, từ năm 2017 đến năm 2021, số vụ việc vi phạm về động vật hoang dã trên không gian mạng chiếm tổng số hơn 50% các vụ vi phạm về động vật hoang dã². Đây là con số đáng báo động về tình trạng kinh doanh động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng.

Hiện nay, nền tảng mạng xã hội phổ biến nhất tại Việt Nam là Facebook, tiếp đến là Zalo, Youtube và Tiktok - đây là các nền tảng mạng xã hội tiềm năng cho hoạt động mua bán động vật hoang dã trên không gian mạng. Theo một khảo sát của tổ chức WCS³ được thực hiện trong 17 tháng từ 2015-2016 cho thấy, các thông tin liên quan đến buôn bán động vật hoang dã được thực hiện chủ yếu qua Facebook (chiếm 96%); trong đó có nhiều vụ việc vi phạm về quản lý động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được quy định trong Công ước CITES và các danh mục động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm khác do pháp luật Việt Nam ban hành [3]. Theo Tetra Tech ghi nhận, trong vòng một tháng từ ngày 1/2-28/2/2020 có 821 vụ rao bán các loài động vật hoang dã chủ yếu trên mạng xã hội Facebook, và một số vụ trên các website khác. Tổng số ghi nhận 9.759 cá thể của nhiều loài động vật hoang dã bị rao bán trên các nhóm buôn bán của Facebook và một số website.

¹ Resolution 11.3 (Rev CoP18) on Compliance and enforcement https://cites.org/eng/prog/imp/wildlife_crime_linked_to_the_internet

² Tham khảo: Phù Sa, Buôn bán động vật quý hiếm trên mạng “ảo”, đi tù thật, Báo Công an TP. Hồ Chí Minh, 2022, https://congan.com.vn/an-ninh-kinh-te/buon-ban-dong-vat-quy-hiem-tren-mang-ao-di-tu-ngoai-doi-that_139982.html (ngày truy cập 28/2/2023)

³ WCS là một tổ chức bảo tồn động vật hoang dã, bảo tồn các vùng hoang dã có nhiều giá trị sinh học đa dạng, có cơ sở tại gần 50 quốc gia. Tại Việt Nam, WCS hoạt động nhằm đấu tranh phòng, chống nạn buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật; tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật xử lý vi phạm quy định quản lý buôn bán động vật hoang dã. Xem tại: <https://programs.wcs.org/vietnam/vi-vn/>

Thứ nhất, hoạt động buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp trên không gian mạng được biểu hiện qua rất nhiều thủ đoạn tinh vi, phức tạp. Thông thường, các đối tượng trực lợi sẽ đăng ảnh động vật hoang dã, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm từ động vật hoang dã kèm theo câu rao bán. Để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng và sự kiểm duyệt thông tin các bài đăng liên quan đến động vật hoang dã, các đối tượng thường sử dụng những từ viết tắt hay “tiếng lóng” trong bài đăng như: Socola, cao socola, cao 30 để chỉ cao hổ; móc câu, chân dài để chỉ nanh, móng của gấu, hổ; sắn dây, khoai, thịt nạc, măng, hàng đen ám chỉ sừng tê giác; gả, trao đổi, bay, yêu, cứu hộ, bảo tồn là mật danh của hành động mua bán...[4]. Các đối tượng này hoạt động ẩn danh nhưng tích cực tiếp cận đến nhiều người mua thông qua các hội nhóm kín Facebook có tên như: Câu lạc bộ yêu động vật, Hội thợ săn, Hội chim muông hay thậm chí nguy danh là “nhóm cứu hộ động vật”, “nhóm nuôi thú cảnh” hòng qua mắt lực lượng quản lý... Với những cái tên mỹ miều, chúng đã rất thành công trong việc biến những món hàng cấm trở nên “hợp pháp” trên các nền tảng mạng xã hội. Để các hội nhóm kín buôn bán trái phép động vật hoang dã có thể tồn tại, quản trị viên thường đưa ra quy định che các từ ngữ liên quan đến mua bán động vật hoang dã trong bài đăng và phần bình luận. Ngoài ra, các đối tượng trực lợi từ hoạt động này còn tạo tài khoản với danh tính sai hoặc không rõ; đăng ảnh sản phẩm đã được chế biến từ động vật hoang dã, thay vì đăng ảnh động vật hoang dã hoặc bộ phận cơ thể của động vật hoang dã nhằm thoát khỏi tầm ngắm của lực lượng chức năng và công cụ kiểm duyệt trí tuệ nhân tạo. Thông thường, các đối tượng công khai đăng bài quảng cáo mặt hàng động vật hoang dã tại những nhóm kín này thường hoạt động tự phát, nhỏ lẻ, đơn giản.

Thứ hai, một số đối tượng không công khai buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp trên không gian mạng với những tài khoản ảo, số điện thoại không chính chủ hay không có địa chỉ chính xác, trực tiếp liên lạc với người mua qua tin nhắn riêng, yêu cầu chuyển khoản trước để đảm bảo người mua thật sự mua hàng, và cuối cùng chuyển giao hàng theo bằng hình thức trung gian. *Thủ đoạn này thường được thực hiện bởi các đường dây buôn bán động vật hoang dã có sự liên lạc chặt chẽ giữa người mua và người bán thông qua tin nhắn riêng trên mạng hoặc một số cách thức liên lạc kín khác. Với thủ đoạn trên, người trung gian không thể biết được danh tính thật của người bán và người mua. Khi bị bắt, người vận chuyển thường không biết là mình vận chuyển gì và địa chỉ lấy hàng từ bên bán thường là giả mạo [3].* Và nếu bị phát hiện, các đối tượng mua bán lập tức xóa dấu vết như xóa bài đăng, xóa tài khoản, xóa tin nhắn, xóa các thông tin liên hệ, khiến các cơ quan chức năng khó khăn trong việc truy vết vi phạm về buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng. Có thể thấy rằng, hoạt động buôn bán không chỉ là những giao dịch đơn thuần mà phức tạp hơn ở chỗ người buôn bán và người mua liên hệ chặt chẽ với nhau, khó có thể tiếp cận hay khai thác thông tin của một trong hai nguồn này.

3.2. Đánh giá các quy định pháp luật Việt Nam về xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng

Cho đến nay, căn cứ pháp lý của việc xử lý buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng ở Việt Nam gồm căn cứ pháp lý quốc tế và căn cứ pháp lý quốc gia. Căn cứ pháp lý quốc tế của công tác xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng trái phép bao gồm Công ước CITES mà Việt Nam tham gia và một số Nghị quyết của CITES hướng dẫn phòng, chống nạn buôn bán động vật hoang dã trên mạng. Bên cạnh đó, căn cứ pháp lý quốc gia cho hoạt động xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng trái phép ở Việt Nam bao gồm những văn bản pháp luật hình sự, hành chính và các văn bản khác có liên quan. Về việc xử lý hình sự đối với tội phạm buôn bán động vật hoang dã có biểu hiện trên không gian mạng, hành vi này có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 234 và 244 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Việc xử lý hành chính đối với hành vi buôn bán động vật hoang dã không đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP); Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo và một số văn bản pháp luật liên quan về các lĩnh vực khác. Là cơ sở bước đầu xác định xử phạt hành chính hoặc xử lý hình sự trong các vụ việc buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng, lực lượng chức năng căn cứ vào các danh mục ĐVHD và quy định chế độ quản lý động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm bao gồm: Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Đa dạng sinh học 2008, Luật Đầu tư 2020, Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 ngày 16/7/2019 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (sửa đổi bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019), Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (sửa đổi bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021),...

3.2.1. Đánh giá quy định pháp luật hình sự về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng

Như đã phân tích ở trên, việc xử lý hình sự hành vi buôn bán động vật hoang dã trên mạng, đầu tiên sẽ phải căn cứ vào loại tang vật (loài động vật hoang dã thuộc danh mục bảo vệ nào), số lượng cá thể động vật hoang dã bị buôn bán, sau đó xét đến tính chất và mức độ của hành vi mà hành vi buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng có thể cấu thành tội phạm được quy định tại các Điều 234 về tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các hành vi phạm

tội này thuộc sự điều chỉnh của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015 khi được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam – bao gồm vùng đất, vùng trời và vùng biển của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và được thực hiện bởi bất cứ người mang quốc tịch nào.

Tuy nhiên, việc quy định các tội phạm quy định bảo vệ động vật hoang dã còn gặp hạn chế sau: Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa đề cập đến phạm tội về quản lý động vật hoang dã trên không gian mạng là một tình tiết định khung tăng nặng. Tội phạm sử dụng mạng, công nghệ cao thường có yếu tố phức tạp về thủ đoạn vi phạm, gây khó cho công tác phát hiện vi phạm, xử lý kịp thời của lực lượng chức năng. Như đã phân tích ở phần 2.2, các bài đăng về buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng đều dễ dàng tiếp cận với nhiều người mua và người bán dễ dàng trao đổi, thực hiện giao dịch với người mua thông qua tin nhắn kín; khiến cho việc kiểm soát, quản lý việc buôn bán động vật hoang dã càng phức tạp. Những hành vi này còn có thể rất tinh vi nhằm dễ dàng trốn tránh sự kiểm duyệt, phát hiện của công cụ AI và cơ quan chức năng. Việc quy định tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng là tình tiết định khung tăng nặng là điều cấp thiết, góp phần trong công cuộc đấu tranh tội phạm sử dụng mạng nói chung và bảo tồn động vật hoang dã, bảo vệ đa dạng sinh học nói riêng.

3.2.2. Đánh giá các quy định pháp luật phi hình sự về xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng

Việc xử lý hành chính đối với hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng có thể được căn cứ ở nhiều văn bản quy định xử phạt vi phạm hành chính tùy vào các tình tiết trong vụ việc vi phạm, nhưng chủ yếu là Nghị định số 35/2019/NĐ-CP và Nghị định số 38/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong các văn bản pháp luật trên gây khó khăn cho công tác xử lý buôn bán trái phép động vật hoang dã, đặc biệt là hoạt động buôn bán diễn ra trên không gian mạng, cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng hiện vẫn còn trải dài tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau; chẳng hạn như Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, v.v. Hành vi buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng trái phép có thể đồng thời vi phạm ở lĩnh vực khác nhau như: vi phạm quy định về sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm, hàng giả như buôn bán thực phẩm, “thuốc” chữa bệnh có thành phần xuất xứ từ động vật hoang dã nguy cấp; vận chuyển động vật hoang dã chứa mầm bệnh lây lan cho con người; v.v. Như vậy, thẩm quyền xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng có thể trải dài, tùy vào lĩnh vực mà hành vi này vi phạm. Điều này đặt ra vấn đề về việc chồng chéo thẩm quyền xử lý giữa các cơ quan chức năng.

Thứ hai, hình phạt tiền vẫn chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng. Việc xử lý hành chính hành vi quảng cáo, buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng

được căn cứ vào Khoản 4, Điều 16, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP) với khung xử phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 1,5 triệu đồng; hoặc căn cứ vào Điều 33, Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo với khung xử phạt từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, nhiều trường hợp các đối tượng trục lợi, thu lợi bất chính từ việc buôn bán động vật hoang dã nguy cấp trên không gian mạng với số tiền lớn hơn mức phạt tiền được quy định tại các điều khoản trên. Đó là do các loài động vật hoang dã là tang vật vi phạm thuộc đối tượng được bảo vệ, không được định giá trên thị trường và khó có thể định giá một cách chính xác, tạo cơ hội trục lợi với số tiền rất lớn cho các đối tượng buôn bán trái phép động vật hoang dã trên mạng. Vì thế, quy định xử phạt này chưa đủ sức răn đe đối với các đối tượng trục lợi từ hoạt động này.

Thứ ba, hiện nay, hệ thống pháp luật xử lý vi phạm về động vật hoang dã vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về cách thức quản lý việc buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng và xác định thẩm quyền, trách nhiệm quản lý và xử lý hoạt động buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng thuộc chủ thể nào. Điều này dẫn đến tình trạng khó kiểm soát tình trạng kinh doanh động vật hoang dã trên không gian mạng; dễ bỏ sót hành vi buôn bán động vật trái pháp luật trên không gian mạng, thậm chí là tội phạm về quy định quản lý động vật hoang dã biểu hiện trên không gian mạng.

3.3. Thực tiễn xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng

Theo Cơ sở dữ liệu các vụ việc vi phạm quy định về quản lý động vật hoang dã của Tổ chức WCS Việt Nam, năm 2022, cơ quan chức năng phát hiện và xử lý ít nhất 17 vụ việc liên quan đến hoạt động buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng và đã ghi nhận kết quả xử lý như sau: 4 vụ việc đã bị xử lý hành chính về hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng; 5 vụ án hình sự về các tội phạm vi phạm quy định quản lý động vật hoang dã liên quan đến việc buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng đã được xử lý. Trước tình hình hoạt động buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng diễn ra thường xuyên và phức tạp, công tác xử lý hành vi trên còn tồn tại một số bất cập.

Thứ nhất, công tác kiểm soát, quản lý các hoạt động buôn bán trên không gian mạng chưa được các cơ quan chức năng liên quan chưa được chú trọng, khiến công tác xử lý vi phạm quy định về động vật hoang dã chưa hiệu quả. Công tác quản lý tình hình buôn bán động vật hoang dã trên mạng là nền tảng cho hoạt động xử lý vi phạm diễn ra kịp thời, hiệu quả, đủ sức răn đe và phòng chống các vi phạm khác trong tương lai. Tuy nhiên, hoạt động thu thập thông tin về các đối tượng buôn bán động vật hoang dã chủ yếu được thực hiện bởi các tổ chức bảo vệ động vật hoang dã như ENV, Tetra Tech như: thống kê các hội nhóm kín chứa nhiều bài đăng vi phạm, cập nhật và thu thập thủ đoạn phạm tội; nhằm cung cấp thông tin vi phạm về buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng cho các cơ quan có thẩm

quyền xử lý như Công an, Kiểm lâm, Quản lý thị trường.... Một trong những nguyên nhân từ việc những cơ quan này phải đảm nhiệm nhiều công việc khác, thiếu hụt nguồn lực và chuyên môn để kiểm soát hoạt động buôn bán trên nền tảng xã hội [14].

Thứ hai, việc xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng chưa đủ sức răn đe, do khó định giá trị tang vật vi phạm là động vật hoang dã, sản phẩm của động vật hoang dã. Đây cũng là khó khăn chung đối với toàn bộ công tác xử lý vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã. Như đã đề cập ở trên, một số loại động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm là mặt hàng bị cấm kinh doanh, không có trên thị trường, việc định mức giá trị tang vật là động vật hoang dã khó có thể đảm bảo chính xác để áp dụng khung xử lý hợp lý. Hơn nữa, công tác bảo quản tang vật phục vụ cho việc xử lý vi phạm cũng là điều phức tạp, do đây không phải là công việc chuyên môn của lực lượng kiểm lâm. Nếu công tác giám định và bảo quản tang vật không được thực hiện đúng thủ tục, khiến cho việc xử lý vi phạm về bảo vệ động vật bị sai lệch, người có thẩm quyền giám định hay bảo quản có thể phải chịu trách nhiệm kỷ luật [15].

Thứ ba, đối với những đường dây buôn bán động vật hoang dã hoạt động không công khai trên mạng, việc phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm của các đối tượng thuộc đường dây là rất khó khăn. Việc các đối tượng này không công khai đăng tải quảng cáo buôn bán động vật hoang dã trên mạng mà trao đổi qua tin nhắn riêng cản trở việc truy tìm dấu vết vi phạm; trong khi sự phối hợp giữa các nhà cung cấp dịch vụ nền tảng xã hội, Kiểm lâm, Công an nhân dân, v.v để giải quyết những vụ việc vi phạm này còn chưa đáp ứng thực tiễn xử lý. Buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng thông qua đường dây buôn bán là một hình thức vi phạm đặc biệt do tính bí mật về tổ chức và phức tạp về hoạt động của các đường dây. Do đó, sự đồng thời phối hợp giữa cơ quan xử lý vi phạm, cơ quan giám sát, kiểm tra tình hình vi phạm tại địa phương và cơ quan phụ trách truy dấu vết vi phạm pháp luật trên không gian mạng là điều cần thiết để xử lý hiệu quả vi phạm về động vật hoang dã của các đường dây qua mạng.

3.4. Những nguyên nhân dẫn đến bất cập trong khung pháp luật và công tác xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng

Thứ nhất, công tác xây dựng khung pháp luật quy định về quản lý, bảo tồn động vật hoang dã và xử lý vi phạm về động vật hoang dã, bao gồm vi phạm về động vật hoang dã trên không gian mạng còn chưa được dành đầy đủ sự quan tâm. Điều này là bởi nước ta chưa có bề dày kinh nghiệm lập pháp về tội phạm an ninh phi truyền thống¹, bao gồm các vi phạm đe dọa phát triển bền vững và an ninh môi trường. An ninh phi truyền thống

¹ Nhà khoa học chính trị Richard H. Ullman đã nêu ra khái niệm “an ninh phi truyền thống” một cách rất khái quát như sau: “An ninh quốc gia không nên hiểu theo nghĩa hẹp là bảo vệ nhà nước trước những cuộc tấn công quân sự qua biên giới lãnh thổ mà an ninh quốc gia còn phải đối mặt với những thách thức phi truyền thống, bao gồm: khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia có tổ chức, an ninh môi trường, di cư bất hợp pháp, an ninh năng lượng và an ninh con người.

là một khái niệm khá mới mẻ, chỉ bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam sau khi nước ta trải qua chiến tranh và bắt đầu công cuộc xây dựng đất nước. Song song với công cuộc phát triển đất nước đó là hàng loạt vấn đề mới nảy sinh: yêu cầu phát triển bền vững đã thôi thúc chúng ta giải quyết vấn đề về môi trường, và sự phát triển công nghệ thông tin đòi hỏi chúng ta phải kịp thời xử lý các vi phạm pháp luật có liên quan tới công nghệ thông tin. Vấn đề an ninh phi truyền thống được Nhà nước lần đầu đặt ra thông qua Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị khóa VIII năm 1998, và tiếp tục được nhấn mạnh tại Đại hội XIII của Đảng vào năm 2021 [17]. Như vậy, việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề về an ninh phi truyền thống - bao gồm tội phạm quy định về quản lý động vật hoang dã của Nhà nước ta chưa được đầu tư đủ thời gian, công sức và kiến thức chuyên môn về lĩnh vực quản lý động vật hoang dã. Vì thế, khung pháp lý quy định về loại tội phạm này chưa thực sự đầy đủ, hoàn thiện để đảm bảo tính ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm như đã phân tích ở trên, khiến cho công tác xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng còn kém hiệu quả, dễ bỏ lọt hay chưa đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm.

Thứ hai, thực tiễn cho thấy việc thực thi pháp luật về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng còn chưa hiệu quả do thiếu nguồn lực về cơ sở vật chất, công nghệ thông tin. Các trang thiết bị công nghệ thông tin còn tương đối lạc hậu, lỗi thời, chưa kịp thời cập nhật các thủ đoạn vi phạm pháp luật, né tránh lực lượng chức năng trên không gian mạng để xử lý hiệu quả. Điều này tạo ra lỗ hổng cho các đối tượng buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng khai thác, lợi dụng nhằm trục lợi cá nhân.

Thứ ba, đó là chất lượng và số lượng nguồn nhân lực trong công tác phòng, chống, xử lý vi phạm quy định quản lý động vật hoang dã trên không gian mạng. Ngoài việc chưa được cung cấp thiết bị công nghệ cần thiết để xử lý vi phạm trên, cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý chú trọng đến công tác phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về động vật hoang dã trên nền tảng xã hội. Hơn nữa, họ cũng chưa được đào tạo bài bản, đầy đủ kiến thức về công nghệ để rà soát, xử lý kịp thời vi phạm về buôn bán động vật hoang dã trên mạng. Chất lượng nguồn nhân lực cán bộ chưa cao chủ yếu xuất phát từ nguồn đầu tư chưa hợp lý của Nhà nước để đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng hiệu quả trong công tác phòng, chống và xử lý vi phạm về động vật hoang dã trên không gian mạng.

Không chỉ vậy, lực lượng chuyên trách về bảo vệ động vật hoang dã tại địa phương như Kiểm lâm thường mỏng, khó quản lý sát sao tình hình buôn bán động vật hoang dã tại địa phương. Chẳng hạn, nạn săn bắt bừa bãi chim trời ghi nhận vào năm 2020 tại quần đảo Cát Bà - nơi được UNESCO công nhận là “Khu dự trữ sinh quyển thế giới” diễn ra thường xuyên, chưa được kiểm soát chặt chẽ, xử lý kịp thời cho đến khi Tổng cục Môi trường thành lập Đoàn kiểm tra theo báo chí phản ánh và làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng, cùng với UBND huyện Cát Hải [16]. Hậu quả là, không

ít trường hợp người dân tại Cát Bà thường xuyên chào mời, quảng cáo các mặt hàng, thực phẩm làm từ chim trời trên mạng xã hội.

4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TÁC XỬ LÝ VÀ PHÒNG, CHỐNG HÀNH VI BUÔN BÁN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

4.1. Một số yêu cầu nâng cao hiệu quả xử lý

Thứ nhất, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ động vật hoang dã thông qua các quy phạm pháp luật, Việt Nam đã tham gia nhiều Công ước quốc tế về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nói chung, bảo vệ động vật hoang dã nói riêng, như: Công ước CITES, Công ước về đa dạng sinh học (CBD). Là thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, Việt Nam cần nội luật hóa các quy định quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã và xây dựng một hành lang pháp lý đủ mạnh mẽ để chống lại nạn buôn bán động vật hoang dã dưới bất kỳ hình thức nào, đặc biệt là hình thức trên mạng trong bối cảnh bùng nổ kỹ thuật số.

Thứ hai, bối cảnh thực tiễn đang yêu cầu mạnh mẽ sự phát triển bền vững cho con người. Phát triển bền vững bao gồm 4 nội dung chính: tăng trưởng kinh tế; bảo đảm công bằng xã hội; bảo vệ môi trường và tôn trọng các quyền con người. Trong đó, bảo vệ các loài động vật hoang dã chính là nhiệm vụ quan trọng của bảo vệ môi trường nói chung. Nếu không có những biện pháp hiệu quả để chấm dứt nạn buôn bán động vật hoang dã thì chính chúng ta đang đặt dấu chấm hết cho kỷ nguyên của loài người khi làm tổn thương đến khả năng đáp ứng các nhu cầu cơ bản của các thế hệ tương lai. Bên cạnh đó, những yêu cầu thực tiễn khác xuất phát từ chính mong muốn của đại bộ phận người dân là động lực to lớn cho việc hoàn thiện pháp luật xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã qua không gian mạng. Hiện nay, số người buôn bán/tiêu thụ các sản phẩm chỉ là thiểu số và phần lớn người dân đều có nhận thức về việc bảo tồn thiên nhiên và tuân thủ các quy định của pháp luật. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước là đại diện cho người dân xử lý những hành vi vi phạm về bảo tồn động vật hoang dã, góp phần cải thiện an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

Cuối cùng, đó là sự tiến bộ trong tư tưởng của con người về những khía cạnh đạo đức và pháp lý về quyền của động vật. Thực tế cũng cho thấy, trước khi được giao bán thành công trên không gian mạng, động vật hoang dã thường bị tước mạng sống một cách dã man hay bị bắt nhốt ở những nơi chật hẹp, điều này trực tiếp xâm hại đến bản năng và quyền lợi của động vật [18]. Hiện nay, Việt Nam chưa có những quy định cụ thể về phúc lợi động vật hay quyền động vật nói chung, tuy nhiên Nhà nước cần đứng ra bảo vệ những giá trị đạo đức và xử lý những hành vi man rợ không nên có trong xã hội tân tiến của loài người thông qua việc đẩy mạnh xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng.

4.2. Một số kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả xử lý hành vi buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng

4.2.1. Một số kiến nghị hoàn thiện khung pháp luật về xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng

Đầu tiên, nhóm tác giả khuyến nghị cần xây dựng, ký kết điều ước quốc tế với các quốc gia trong khu vực về việc đấu tranh xử lý các vi phạm quy định bảo tồn động vật hoang dã xuyên quốc gia. Việt Nam là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng và trung chuyển động vật hoang dã trên phạm vi toàn cầu bởi vị trí địa lý thuận lợi về cảng biển, hàng không để chuyển hàng đến quốc gia tiêu thụ. Vì vậy, để xử lý dứt điểm nạn buôn bán động vật hoang dã dưới bất kỳ hình thức nào, Chính phủ Việt Nam cần có những động thái quyết liệt hơn không chỉ qua hệ thống quy phạm pháp luật trong nước mà còn thông qua những nghị định bảo tồn động vật hoang dã trong khu vực và quốc tế. Trong nghiên cứu này nhóm tác giả đề xuất sử dụng các điều khoản của UNTOC về hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp, điều tra chung, các kỹ thuật điều tra đặc biệt như kiểm soát an ninh mạng về buôn bán động vật hoang dã và các điều khoản hợp tác thực thi pháp luật trong việc giải quyết nạn buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã trên không gian mạng với Trung Quốc và các quốc gia ASEAN, đặc biệt nhấn mạnh về việc cung cấp hệ sinh thái chung phục vụ công tác truy lùng tội phạm công nghệ cao (tham khảo mô hình kho dữ liệu của UNODC).

Thứ hai, về khung pháp luật hình sự đối với các tội phạm quy định quản lý động vật hoang dã, nhóm tác giả khuyến nghị cần quy định tình tiết định khung tăng nặng đối với các tội phạm diễn ra trên không gian mạng. Theo đó, hành vi buôn bán trái phép động vật trên không gian mạng đủ cấu thành tội phạm tại Điều 234 hoặc Điều 244 nên được áp dụng tình tiết tăng nặng tại Khoản 2 của các điều luật là: “sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội”.

Thứ ba, về khung pháp luật hành chính, nhóm tác giả đề xuất cần ban hành Nghị định “quy định xử lý vi phạm hành chính về quản lý, bảo tồn động vật hoang dã”. Theo đó, Nghị định này cần quy định biện pháp xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã tại điều luật riêng, trong đó tình tiết vi phạm về quản lý động vật hoang dã trên không gian mạng sẽ là tình tiết tăng nặng. Hiện nay pháp luật đã có quy định về việc xử lý các đối tượng mua, bán trái phép động vật hoang dã như tại Điều 23, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp: người nào có hành vi tàng trữ, mua, bán trái phép động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường hoặc động vật rừng thuộc Danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm có thể bị phạt tiền thấp nhất 5.000.000 đồng và cao nhất là 360.000.000 đồng. Từ quy định trên, nhóm tác giả kiến nghị như sau:

Đối với hành vi buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật, do đây là hành vi nhằm mục đích chính là thu lợi nhuận nên mức xử phạt tiền cần phải căn cứ vào mức độ vi phạm, mức lợi nhuận thu được từ vi phạm này. Nhóm tác giả đề xuất áp dụng mức xử phạt tiền đối với đối tượng vi phạm gấp 2,5 lần mức lợi nhuận thu được từ việc buôn bán trái phép động vật hoang dã thuộc phụ lục II CITES và nhóm IIB; gấp 3 lần mức lợi nhuận thu được từ việc buôn bán trái phép động vật hoang dã thuộc phụ lục I CITES và nhóm IB. Chẳng hạn, nếu đối tượng thu được lợi nhuận là 50 triệu đồng từ việc buôn bán trái phép động vật hoang dã thuộc phụ lục I CITES, cơ quan chức năng có thể xử phạt 150 triệu đồng và thu giữ số tiền lợi nhuận của đối tượng này. Đồng thời, quy định này được đặt ra nhằm khắc phục thực trạng khó định giá tang vật vi phạm là động vật hoang dã trong vụ việc buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa vi phạm. Bên cạnh đó, như đã đề xuất ở trên, hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã qua không gian mạng sẽ được quy định là tình tiết tăng nặng và phải chịu mức xử phạt tiền tăng thêm 5 triệu đồng so với mức xử phạt chính của hành vi mua, bán trái phép động vật hoang dã.

Hoạt động mua và bán là hai mặt của một đồng xu, tình trạng buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng sẽ không bao giờ chấm dứt nếu như thị trường vẫn còn nhu cầu tiêu thụ. Do đó, để giải quyết triệt để hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng thì pháp luật cần phải xử lý quyết liệt hơn đối với những đối tượng tiêu thụ mặt hàng này. Theo đề xuất của nhóm tác giả, hành vi mua, tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng cũng cần được xử phạt hành chính tại một điều luật riêng trong Nghị định “quy định xử lý vi phạm hành chính về quản lý, bảo tồn động vật hoang dã”. Tương tự như căn cứ xử phạt tiền hành vi bán động vật hoang dã trái pháp luật, tác giả đề xuất căn xử phạt tiền hành vi mua, tiêu thụ căn cứ vào số tiền thoả thuận trong giao dịch mua bán giữa hai bên mua và bán. Hành vi tiêu thụ, mua động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng không nhằm mục đích chính là thu lợi nhuận, do đó, nhóm tác giả đề xuất mức xử phạt tiền nhẹ hơn so với hành vi buôn bán. Cụ thể: mức xử phạt tiền đối với người mua gấp 2 lần số tiền bỏ ra để mua động vật hoang dã thuộc phụ lục II Công ước CITES và nhóm IIB; gấp 2,5 lần (xử phạt tiền tương đương) số tiền bỏ ra để mua động vật hoang dã thuộc phụ lục I CITES và nhóm IB. Chẳng hạn, nếu người mua trả 50 triệu đồng để mua động vật hoang dã, sản phẩm hay bộ phận cơ thể từ động vật hoang dã thuộc phụ lục II CITES, cơ quan chức năng có thể xử phạt 100 triệu đồng đối với người này, đồng thời thu giữ tang vật vi phạm và số tiền người mua đã giao dịch với người bán. Tương tự như phân tích ở trên, hành vi qua không gian mạng sẽ là tình tiết tăng nặng của hình phạt này và đối tượng mua, tiêu thụ động vật hoang dã trên không gian mạng sẽ phải chịu mức phạt cao hơn 5 triệu đồng so với mức phạt tiền chính.

Ngoài ra, đối với hành vi mua, bán trái phép động vật rừng thông thường và các loại động vật hoang dã khác trên không gian mạng; Nghị định “quy định xử lý vi phạm hành

chính về quản lý, bảo tồn động vật hoang dã” có thể quy định riêng điều luật đối với hành vi này và kế thừa nội dung xử phạt tiền đối với hành vi này tại Điều 23, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP. Động vật rừng thông thường được trao đổi trên thị trường nên dễ xác định giá trị nên quy định xử phạt tiền hành vi mua, bán trái phép động vật rừng thông thường theo Nghị định số 35/2019/NĐ-CP đã đảm bảo tính răn đe và phù hợp với thực tiễn xử lý.

4.2.2. Một số kiến nghị khác

Thứ nhất, bên cạnh nỗ lực từ phía Chính phủ liên quan đến vấn đề lập pháp, việc ngăn chặn và xử lý hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng cần có sự hỗ trợ từ phía các nền tảng công nghệ và các sàn thương mại điện tử - nơi đang bị lạm dụng trở thành chợ đen kỹ thuật số. Để xác định được đối tượng mua và bán trong giao dịch trực tuyến cần có sự hợp tác giữa các sàn thương mại điện tử, các công ty công nghệ và phía cơ quan có thẩm quyền để nhanh chóng tìm ra bằng chứng và địa chỉ của người mua hoặc người bán, từ đó cũng có thể hỗ trợ cho việc truy vết bên còn lại trong giao dịch mua bán.

Đối với Facebook, Tiktok hay những nền tảng mạng xã hội nước ngoài khác, đội ngũ quản lý tại Việt Nam cần phối hợp với cơ quan chức năng để giám sát, kiểm duyệt và cung cấp thông tin của chủ tài khoản có những bài đăng liên quan đến trao đổi, buôn bán động vật hoang dã cho cơ quan chức năng, đặc biệt là buôn bán trái phép động vật hoang dã. Bên cạnh đó, Facebook nói riêng hay các nền tảng mạng xã hội nói chung cần xây dựng những chính sách/tiêu chuẩn cộng đồng trong đó nhấn mạnh hơn vào việc ngăn chặn các hoạt động tuyên truyền buôn bán trái phép động vật hoang dã và yêu cầu khắt khe hơn trong khâu kiểm duyệt tài khoản hay nội dung bài đăng. Cho đến hiện nay, Facebook mới chỉ cấm các hoạt động liên quan đến động vật như: Cấm buôn bán động vật sống; Cấm buôn bán thú cưng; Cấm buôn bán gia súc; Cấm buôn bán các bộ phận cơ thể của động vật (bao gồm các lớp da sống, biểu bì, lông...) mà chưa đề cập đến đối tượng đặc biệt là động vật hoang dã. Có thể thấy công nghệ đang mang đến những thách thức to lớn cho việc phòng ngừa và xử lý nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng, tuy nhiên không thể phủ nhận rằng nó cũng đang tạo ra rất nhiều cơ hội tiềm năng trong việc xử lý các hành vi trái pháp luật trên không gian mạng. Các công ty công nghệ cần đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ AI trong việc kiểm duyệt các bài đăng có nội dung liên quan đến buôn bán động vật hoang dã. Việc áp dụng các phương pháp tiếp cận trí tuệ nhân tạo sẽ góp phần giám sát tốt hơn các hoạt động buôn bán bất hợp pháp, không theo quy định và không thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm, từ đó giảm thiểu sự phát sinh của chợ đen kỹ thuật số.

Thứ hai, không chỉ các công ty công nghệ cần ứng dụng công nghệ AI, mà chính các cơ quan quản lý chuyên môn về vấn đề an ninh mạng cần đón đầu các xu thế công nghệ tiên

tiền này. Theo đó, các cơ quan này có thể áp dụng công nghệ máy học (machine learning) - một loại trí tuệ nhân tạo cho phép máy tính tự học hỏi, cải thiện việc phát hiện vi phạm thông qua việc thu thập dữ liệu về các từ khoá, từ lóng, từ viết tắt ám chỉ buôn bán động vật hoang dã và công cụ AI nhận dạng hình ảnh (image recognition) cho phép nhận dạng hình ảnh về động vật hoang dã, bộ phận cơ thể hay sản phẩm làm từ động vật hoang dã. Các công cụ này có thể giúp cơ quan chức năng kịp thời phát hiện vi phạm về động vật hoang dã trên không gian mạng thông qua dữ liệu về hình ảnh động vật hoang dã và các từ ngữ ám chỉ buôn bán trái phép động vật hoang dã. Bên cạnh đó, các cơ quan điều tra muốn truy bắt các đối tượng cần phải chủ động thâm nhập vào các nhóm kín trên nền tảng Zalo, Facebook; cập nhật những thủ đoạn, cách thức liên lạc của người mua, người bán thường xuyên. Đối với trường hợp nhấn tin riêng để trao đổi việc buôn bán động vật hoang dã khó xử lý hơn, nhưng đây thường là trường hợp có liên quan đến đường dây buôn bán trái phép động vật hoang dã kín, không công khai chào mời và tiếp cận nhiều người mua mà chỉ tiếp cận đối tượng mua quen biết, được giới thiệu thông qua bên thứ ba. Vì vậy, việc tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan quản lý tình hình buôn bán động vật hoang dã tại địa phương, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm và nhà cung cấp dịch vụ nền tảng xã hội là giải pháp tối ưu để triệt phá đường dây buôn bán trái phép động vật hoang dã, ngăn chặn việc buôn bán trái phép động vật hoang dã qua các hội, nhóm kín.

Thứ ba, do diễn biến phức tạp của tình trạng buôn bán trái phép động vật hoang dã trên không gian mạng, cần thiết phải tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng để thu thập bằng chứng buôn bán trái phép trên các nền tảng mạng xã hội, cùng với lực lượng chuyên trách bảo vệ động vật hoang dã tại địa phương, tổ chức bảo vệ động vật hoang dã, công an để kịp thời kiểm soát, báo cáo và xử lý hành vi vi phạm về động vật hoang dã trên không gian mạng. Công tác này rất quan trọng trong việc đấu tranh vi phạm về buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng của các đường dây kín, thông qua tin nhắn riêng, có tổ chức và sự liên hệ chặt chẽ giữa đối tượng cung và cầu. Đặc biệt, công tác này nhấn mạnh vai trò của lực lượng chuyên trách bảo vệ động vật hoang dã tại địa phương - Kiểm lâm và Cảnh sát môi trường. Điều này là bởi vi phạm pháp luật về buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng thông qua tin nhắn riêng khó bị phát hiện, nếu không có sự quản lý tình hình buôn bán động vật hoang dã tại địa phương chặt chẽ của hai cơ quan này. Không chỉ vậy, các cán bộ thực thi pháp luật liên quan đến xử lý vi phạm về động vật hoang dã trên không gian mạng cần nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng của công tác xử lý vi phạm động vật hoang dã, được đào tạo về sử dụng công nghệ thông tin để xử lý hiệu quả các vi phạm diễn ra trên môi trường mạng.

5. KẾT LUẬN

Buôn bán động vật hoang dã đã trở thành một trong những hoạt động tội phạm sinh lợi nhất và đang là một trong những mối đe dọa trực tiếp đối với đa dạng sinh học ở nhiều

nơi trên thế giới. Trong thời đại số hóa, buôn bán động vật hoang dã đã không còn bị giới hạn trong những hình thức truyền thống, mà đang dần chuyển sang hình thức mạng không dây, gây ra nhiều thách thức không chỉ cho hoạt động bảo tồn các loài động vật hoang dã mà còn là các hoạt động điều tra, xét xử hành vi này. Nếu không có sự can thiệp kịp thời và hiệu quả của pháp luật, hành vi này sẽ ngày càng mở rộng và gây ra nhiều hệ quả cho cả đời sống pháp lý và đời sống của con người nói chung. Trong bài viết cáo này, nhóm tác giả đã chỉ ra những nguyên nhân, đặc trưng và các hậu quả phát sinh từ hành vi buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết các hành vi trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cia-Yi Hou, Wildlife Trade 101, NRDC, 2019, <https://tinyurl.com/4bzrfuwp> (ngày truy cập 03/03/2023)
- [2] Nguyễn Thị Diễm My, Nguyễn Thụy Hân, Pháp luật là gì? Các hình thức thực hiện pháp luật, Thư viện pháp luật, <https://tinyurl.com/2hjb6djt> (ngày truy cập 03/03/2023)
- [3] Nguyễn Ngọc Tuấn, Báo cáo đánh giá tình hình buôn bán động vật hoang dã qua mạng Internet tại Việt Nam, Dự án phòng, chống buôn bán trái phép các loài động - thực vật hoang dã, 04/2020
- [4] Hữu Thắng, Thực trạng báo động buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng xã hội, Tạp chí Kinh tế nông thôn, 2022, <https://tinyurl.com/2fqphd3f> (ngày truy cập 03/03/2023)
- [5] Hoàng Ngân, Tăng cường năng lực ngăn chặn buôn bán trái phép động vật hoang dã, Báo Tài nguyên môi trường, 2022, <https://tinyurl.com/2hu6fydw> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [6] Văn Phúc, Mỗi năm ăn 2.000 tấn thịt thú rừng để “thể hiện đẳng cấp”, Báo Sóc Trăng, 2022, <https://tinyurl.com/2f3xhfn9> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [7] Criminalization of wildlife trafficking, United Nations office on Drugs and Crimes, 2019, <https://tinyurl.com/2mnw4tzz> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [8] Endangered Species Act 1973 (Đạo luật về các loài có nguy cơ tuyệt chủng của Hoa Kỳ), điều 11(b), <https://tinyurl.com/2oj8nvtc> (ngày truy cập 03/03/2023)
- [9] Chris Kim, Barrie Newberger & Brian Shack, Computer Crimes, US Department of Justice - Office of Justice programs (Tội phạm máy tính, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ), 2012, <https://tinyurl.com/2pwnxodt> ngày truy cập 03/03/2023
- [10] Kate Brush, Linda Rosencrance, Michael Cobb, What is cybercrime?, Tech Target, 2021, <https://tinyurl.com/2hsgw3nr> (ngày truy cập 03/03/2023)
- [11] Nghị định về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, Thư viện pháp luật, <https://tinyurl.com/2ga82mdb> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [12] TS. Phạm Minh Tuyên, Bàn về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” quy định tại Điều 234 BLHS 2015, Tạp chí Tòa án, 2020, <https://tinyurl.com/2msdn5sr> (ngày truy cập 28/2/2023)

- [13] Bùi Thị Hà, Quản lý động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm: Bắt cập và khuyến nghị, Báo Con người và Thiên nhiên, 2022, <https://tinyurl.com/2z2y8wun> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [14] Tăng Xuân Phương, Cục Kiểm lâm, Bắt cập và khuyến nghị trong xử lý vi phạm về động vật hoang dã, Báo Con người và Thiên nhiên, 2022, <https://tinyurl.com/2lz52c7h> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [15] Thu Hằng, Nhiều thách thức trong phòng, chống mua bán động vật hoang dã, Báo Biên phòng, 2022, <https://tinyurl.com/2nxpsoth> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [16] Phạm Duy - Minh Khôi, Nạn săn bắt các loài chim hoang dã tại đảo Cát Bà: Có tình trạng như báo chí nêu và diễn ra thường xuyên, Báo Tài nguyên môi trường, 2020, <https://tinyurl.com/2polebe5> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [17] PGS, TS. Trịnh Tiến Việt, Nhận thức về an ninh phi truyền thống theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng và những vấn đề đặt ra đối với pháp luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, 2022, <https://tinyurl.com/2mqqhro4> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [18] PGS, TS. Vũ Công Giao, ThS. Nguyễn Minh Tâm, Một số khía cạnh đạo đức và pháp lý về quyền của động vật, Nghiên cứu Lập pháp, 2015, <https://tinyurl.com/2ze4qt6h> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [19] Phạm Hiếu, Ngăn chặn buôn bán trái phép động vật hoang dã qua cảng biển, Báo Con người và Thiên nhiên, 02/2023, <https://tinyurl.com/2jsdh5ww> (ngày truy cập 01/3/2023)
- [20] Việt Nam là điểm trung chuyển của đường dây buôn lậu ngà voi, Báo Hà Nội Mới, <https://tinyurl.com/2qfm3j2r> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [21] Lê Vĩnh, Khai thác, buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã: Coi chừng vi phạm pháp luật, Công an thành phố Hà Nội, 01/2023, <https://tinyurl.com/2ggzdpus> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [22] Buôn bán động vật hoang dã trên mạng: Nguy hiểm bệnh tật lây từ động vật sang người, Báo điện tử VTV, 2022, <https://tinyurl.com/2fxhbo2d> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [23] Phù Sa, Buôn bán động vật quý hiếm trên mạng “ảo”, đi tù thật, Báo Công an TP. Hồ Chí Minh, 2022, <https://tinyurl.com/2zsz6va3> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [24] Vũ Khuê, Chặn các hành vi mua bán động vật hoang dã trên không gian mạng: Trách nhiệm của các công ty công nghệ, Tạp chí điện tử E, 2022, <https://tinyurl.com/2oc5a3df> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [25] Bản tin Bảo vệ động vật hoang dã, ENV - Trung tâm giáo dục thiên nhiên, 2022, <https://tinyurl.com/2z68l6rs> (ngày truy cập 28/2/2023)
- [26] Chung tay bảo vệ loài hoang dã ở Việt Nam: Đối mặt xu hướng suy giảm, Vietnam+, 2021, <https://tinyurl.com/2o8r7dt6> (ngày truy cập 28/2/2023)

PHÒNG NGỪA, KIỂM SOÁT HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BUÔN BÁN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ DƯỚI HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN - KINH NGHIỆM TỪ TRUNG QUỐC VÀ KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thuỳ Trang¹, Lương Thị Thanh Thảo²
(Được hướng dẫn bởi ThS. Nguyễn Phương Thảo)

Tóm tắt: Bảo vệ động vật hoang dã là vấn đề chung cấp bách luôn ở mức báo động đỏ đã kéo dài qua nhiều thập kỷ. Tuy nhiên, đứng trước sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên toàn thế giới, quá trình chuyển đổi số được đẩy mạnh thì động vật hoang dã lại đối diện với nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng cao hơn với nhóm đối tượng chuyên nghiệp, thực hiện các hoạt động trái phép tinh vi dưới hình thức trực tuyến. Nhận thấy trong pháp luật Việt Nam vấn đề về động vật hoang dã đã được quy định trong nhiều văn bản khác nhau nhưng liên quan đến các hành vi vi phạm dưới hình thức trực tuyến thì chưa được quy định cụ thể, rõ ràng và việc áp dụng, thực thi trên thực tế còn tồn tại những bất cập chưa được xử lý triệt để. Từ đó, bài viết tập trung phân tích, đánh giá, xây dựng, định hướng cho công tác phòng ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến với trọng tâm là học hỏi kinh nghiệm, những thành tựu mà Trung Quốc đã đạt được thông qua đó đưa ra những gợi mở, kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát cụ thể.

Từ khóa: phòng ngừa, kiểm soát, động vật hoang dã, buôn bán, trực tuyến

1. DẪN NHẬP

Buôn bán động vật hoang dã đang trở thành mối nguy hiểm hàng đầu đe dọa đến nền đa dạng sinh học trên môi trường toàn cầu. Để làm tốt công tác phòng ngừa, kiểm soát với mục tiêu trực tiếp ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định, nhất là ứng phó với những đối tượng sử dụng hình thức trực tuyến để thực hiện các hành vi trái phép tác động, gây ảnh hưởng đến các loài động vật hoang dã thì cần phải có sự hợp tác, giúp đỡ và học hỏi kinh nghiệm giữa các quốc gia lân cận cũng như trong môi trường quốc tế để cùng nhau đấu tranh, chung tay bảo vệ nhiều loài động vật hoang dã đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Các chính sách pháp luật và chính sách xã hội hướng tới bảo vệ động vật hoang dã đã được Việt Nam và Trung Quốc triển khai thực hiện từ giai đoạn những năm cuối thế kỷ XX. Tại Việt Nam lần đầu tiên Bộ luật Hình sự năm 1985 chính thức có hiệu lực đã ghi nhận ở Điều 181 “Tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng” mà hành vi bị nghiêm cấm là săn bắt trái phép chim, thú. Đối với Trung Quốc vào năm 1988 lần

¹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Email: 2153801014274@email.hcmulaw.edu.vn

² Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

đầu tiên ban hành Luật Bảo vệ động vật hoang dã, cho thấy bước tiến lớn trong công tác lập pháp tại quốc gia này khi đã sớm nhận thức được tính cấp thiết và chính thức đưa động vật hoang dã trở thành đối tượng được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, tình hình buôn bán động vật hoang dã diễn ra ngày càng phức tạp trong giai đoạn khi cả thế giới bước vào kỷ nguyên số của thế kỷ XXI, nhiều đối tượng đã sử dụng hình thức trực tuyến nhắm đến động vật hoang dã và thực hiện các hành vi bất hợp pháp nhằm thu về lợi nhuận lớn. Từ đó, đặt ra thách thức to lớn đối với Trung Quốc trong công tác phòng ngừa, kiểm soát đòi hỏi Trung Quốc phải có những biện pháp và hành động nghiêm ngặt đồng thời mang tính dự liệu cho tương lai. Trung Quốc đã và đang cho thấy những nỗ lực từ ban hành chính sách đến thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến, điển hình có thể kể đến hành động “không khoan nhượng” của Trung Quốc đối với quảng cáo trực tuyến cho các sản phẩm của các loài được bảo vệ, hợp tác chặt chẽ với các công ty trang web thương mại lớn và Tổ chức phi Chính phủ [1].

Nhận thấy, Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có các đặc điểm, điều kiện, hành lang pháp lý tồn tại nhiều điểm tương thích nên nhóm tác giả đã thống nhất sử dụng tên bài viết là *“Phòng ngừa, kiểm soát hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến – kinh nghiệm từ Trung Quốc và kiến nghị cho Việt Nam”*. Bài viết bao gồm 06 phần và nhóm tác giả triển khai các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý: Phương pháp phân tích, tổng hợp (được dùng chủ yếu trong phần dẫn nhập; khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của phòng ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến); Phương pháp so sánh, đối chiếu (được áp dụng tại khung pháp lý của Trung Quốc và Việt Nam về xử lý các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến); Phương pháp thống kê, thu thập số liệu (được triển khai ở phần thực trạng, nguyên nhân và các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến ở Trung Quốc và Việt Nam); Phương pháp tư duy, suy luận logic (được sử dụng ở phần một số kiến nghị về phòng ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến ở Việt Nam và phần kết luận).

Thông qua những nội dung sẽ triển khai, nhóm tác giả hướng tới những kiến nghị nhằm tăng cường, hoàn thiện pháp luật Việt Nam và kiến nghị nâng cao công tác phòng ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến.

2. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA BUÔN BÁN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ DƯỚI HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC PHÒNG NGỪA, KIỂM SOÁT CÁC HÀNH VI VI PHẠM

2.1. Khái niệm buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến

Trong xu thế của công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng cùng với sự đa dạng của nền tảng trực tuyến, các đối tượng lợi dụng những tính năng nhanh chóng, ẩn danh, dễ dàng xóa bằng chứng,... để buôn bán trái phép động vật hoang dã. Vậy nên, trong bài

viết này nhóm tác giả tập trung nghiên cứu, làm rõ mối quan hệ giữa buôn bán động vật hoang dã với hình thức trực tuyến như sau:

Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2021/NĐ-CP bổ sung khoản 29 Điều 3 của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) nêu định nghĩa: *“Động vật hoang dã, thực vật hoang dã là những loài động vật, thực vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật, thực vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau: a) Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; b) Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; c) Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES; d) Loài động vật rừng thông thường”*[2].

Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP: *“Sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...); động vật thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con; vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến (ví dụ: cao nấu từ xương động vật hoang dã; túi xách, ví, dây thắt lưng làm từ da động vật hoang dã)”*[3].

Tại Điều 1 Công ước CITES đã định nghĩa về hoạt động buôn bán như sau: *“buôn bán nghĩa là xuất khẩu, tái xuất khẩu, nhập khẩu và nhập nội từ biển”*[4]

Đối với hình thức trực tuyến hiện nay có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Hình thức trực tuyến hay còn gọi là không gian mạng hoặc môi trường mạng. Theo khoản 3 Điều 2 Luật An ninh mạng năm 2018 của nước ta xác định: *“Không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian”*[5]. Mặt khác, Khoản 3 Điều 4 Luật Công nghệ thông tin năm 2006 quy định: *“Môi trường mạng là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua cơ sở hạ tầng thông tin”* mà trong đó cơ sở hạ tầng thông tin được giải thích ở khoản 4 Điều 4 *“là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính và cơ sở dữ liệu”*[6]. Như vậy, hình thức trực tuyến, không gian mạng hay môi trường mạng, cách nói khác nhau, nhưng về bản chất không khác nhau vì đều là môi trường nhân tạo, con người không trực tiếp gặp nhau, nhưng lại có thể trao đổi thông tin, liên lạc với nhau qua một hệ thống mạng được kết nối toàn cầu nhờ đó việc tiếp cận tin tức trở nên nhanh chóng, dễ dàng hơn. Tuy nhiên, việc nhiều người cùng tham gia vào hình thức trực tuyến dẫn tới việc tin tức, thông tin chia sẻ với mức độ rộng, phổ biến thậm chí

là tràn lan và khó có thể kiểm soát. Điều này đã trở thành lỗ hổng để các đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật để trục lợi.

Dựa vào các khái niệm trên, nhóm tác giả đưa ra định nghĩa: “Buôn bán động vật hoang dã là hoạt động trao đổi, vận chuyển, xuất khẩu, tái xuất khẩu, nhập khẩu, nhập nội từ biển các loại động vật, sản phẩm từ động vật rừng thông thường, các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật hoang dã nguy cấp thuộc các phụ lục của CITES một cách bất hợp pháp vào các thị trường mua bán, tiêu thụ động vật hoang dã và sản phẩm động vật hoang dã trái phép nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận”.

Nhóm tác giả cũng đưa ra định nghĩa về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến đó là: *“Hoạt động buôn bán, trao đổi, vận chuyển, xuất khẩu, tái xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện dưới hình thức trực tuyến mà người mua và người bán đều sử dụng các thiết bị điện tử có kết nối Internet hoặc dưới dạng tin nhắn SMS để thực hiện quy trình mua bán và giao dịch các loại động vật, sản phẩm từ động vật rừng thông thường, các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật hoang dã nguy cấp thuộc các phụ lục của CITES”*.

2.2. Đặc điểm của buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến

Thời đại kỹ nguyên số cùng với sự cải tiến vượt bậc của các thiết bị điện tử thông minh hình thành cho con người xu hướng trao đổi, cập nhật thông tin, mua sắm trực tuyến, nhưng đồng thời cũng làm xuất hiện nhóm đối tượng sử dụng các nền tảng trực tuyến để thực hiện các hành vi bất hợp pháp mà trong đó bao gồm cả hành vi buôn bán động vật hoang dã và các sản phẩm của chúng thông qua các bài đăng, quảng cáo và các kênh trực tuyến đa dạng khác nhau. Vậy nên, các hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến sẽ có những đặc điểm nổi bật giúp phân biệt với những đối tượng thực hiện hoạt động trực tiếp về động vật hoang dã như sau:

Thứ nhất, buôn bán động vật hoang dã được thực hiện trên nền tảng trực tuyến. Việc buôn bán dưới hình thức này ngày càng phát triển mạnh bởi đặc điểm tiện lợi, đơn giản. Người bán và người mua chỉ cần sử dụng thiết bị điện tử có kết nối Internet hoặc gửi dưới dạng tin nhắn SMS là có thể thực hiện được hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã của mình. Bên cạnh đó, thương mại trực tuyến phát triển mạnh thúc đẩy tội phạm mạng về động vật hoang dã. Theo một nghiên cứu từ Viện Nghiên cứu Internet (IRI), ngày càng có nhiều sản phẩm động vật hoang dã bất hợp pháp được bán thông qua các kênh trực tuyến. Dựa trên các trường hợp buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp được báo cáo công khai từ tháng 1 – 5/2015, 30,6% liên quan đến các liên kết trực tuyến và từ tháng 1 – 5/2016, tỷ lệ này đã tăng lên 46,3% (IRI, 2017);

Thứ hai, buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến đã trở thành một mô hình chính của tội phạm mạng về động vật hoang dã. Các đặc điểm của giao dịch trực tuyến như tốc độ, sự tiện lợi, ẩn danh và chi phí thấp đã khiến việc bán và giao hàng trực tuyến trở thành một phần chính của tội phạm mạng về động vật hoang dã. Phương tiện truyền thông, mạng xã hội cũng ngày càng trở nên quan trọng trong việc thúc đẩy buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp. Quảng cáo và bài đăng trên các nền tảng truyền thông xã hội không chỉ dùng để báo hiệu sự sẵn có của động vật hoang dã và các sản phẩm từ động vật hoang dã cho những người mua tiềm năng, chúng còn cho phép người bán kết nối với nhiều người mua quan tâm hơn. Quảng cáo về động vật hoang dã bất hợp pháp có thể được chia sẻ với những người mua tiềm năng thông qua các cuộc trò chuyện riêng tư trên mạng xã hội và do đó khó có thể phát hiện được. Những người buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp sẽ tích cực chào đón người mua với tư cách là “bạn bè” trên các nền tảng mạng xã hội, qua đó có thể quảng cáo một số lượng lớn các sản phẩm động vật hoang dã bất hợp pháp. Các tội phạm này thường sẽ lập một nhóm được sàng lọc và lựa chọn cẩn thận là những thành viên không chỉ thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ đến các sản phẩm động vật hoang dã mà còn có sức mua cao. Bằng cách nhắm mục tiêu đến những người có nhu cầu, ít có khả năng báo cáo các hoạt động bất hợp pháp, người bán sẽ ít có nguy cơ bị điều tra hơn;

Thứ ba, so với các hành vi buôn bán truyền thống thì những hành vi buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến có mức độ che giấu cao, do đó gây khó khăn hơn cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc thu thập bằng chứng phạm tội. Hiện nay, đối tượng phạm tội hiếm khi sử dụng các từ mô tả có thể liên quan đến các sản phẩm từ động vật hoang dã bất hợp pháp khi quảng cáo và thương lượng các chi tiết giao dịch nhằm tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng và sự kiểm duyệt thông tin các bài đăng liên quan đến động vật hoang dã. Thay vào đó, các đối tượng này thường sử dụng các tên thay thế để mô tả các sản phẩm từ động vật hoang dã như sử dụng các từ “lóng” trong các bài đăng để chỉ hành động mua, bán.

2.3. Ý nghĩa của việc phòng ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến

Phòng ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến đem đến những ý nghĩa thiết thực, giúp công tác chung về bảo vệ động vật hoang dã không chỉ còn nằm trên văn bản mà trực tiếp được áp dụng, thực thi trên thực tế. Lấy hiệu quả cao - hiệu suất lớn làm mục tiêu chính thể hiện thông qua bốn ý nghĩa về việc phòng ngừa, kiểm soát nhằm bảo vệ kịp thời các loài động vật hoang dã như sau:

Thứ nhất, phòng ngừa, kiểm soát phải lấy làm trọng tâm. Làm tốt công tác phòng ngừa, kiểm soát sẽ giúp đẩy lùi, giảm thiểu số lượng tội phạm diễn ra, các hoạt động gây

thiệt hại trực tiếp được ngăn chặn, các loài động vật hoang dã được bảo vệ. Khi đề hoạt động tội phạm diễn ra, các cá thể động vật hoang dã đa phần đã bị giết hại hoặc các sản phẩm của chúng đã bị xâm phạm nghiêm trọng, khi đó việc áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính hay xử lý hình sự chỉ mang tính chất khắc phục một phần hậu quả chứ không thể khắc phục toàn diện những gì đã xảy ra;

Thứ hai, phòng ngừa, kiểm soát sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện các hoạt động trực tiếp của các đối tượng, vì dù có buôn bán trực tiếp thì các đối tượng vẫn sẽ sử dụng các thiết bị điện tử thông minh có kết nối Internet hay dưới dạng tin nhắn SMS để gửi thông tin liên lạc, địa điểm nhằm giúp hoạt động trái phép diễn ra nhanh chóng, thuận lợi. Do đó, nếu làm tốt công tác phòng ngừa, kiểm soát sẽ thành rào cản cố định, ngăn cho các hoạt động trực tiếp diễn ra;

Thứ ba, phòng ngừa, kiểm soát sẽ góp phần giúp ổn định nền đa dạng sinh học, tái tạo lại môi trường sống và duy trì, nhân giống, gia tăng số lượng các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài đang được các chuyên gia dự đoán có khả năng tuyệt chủng trong thời gian ngắn. Động vật hoang dã cần được sống đúng môi trường của chúng thay vì những chiếc lồng chật hẹp, những nơi thiếu ánh sáng, điều kiện sống gần như bằng không, thậm chí là bị giết hại để sử dụng cho các mục đích khác nhau. Chỉ khi phòng ngừa, kiểm soát được các hành vi vi phạm, trao trả các loài động vật hoang dã trở về với thiên nhiên có như vậy mới giúp khôi phục môi trường sống và gia tăng các loài động vật hoang dã, xây dựng hệ sinh thái đa dạng, phong phú;

Thứ tư, phòng ngừa, kiểm soát giúp hạn chế tối đa các loại dịch bệnh có nguồn lây lan, truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người. Cá thể động vật hoang dã khi bị nuôi nhốt tại trang trại gây nuôi thương mại hay bị buôn bán bất hợp pháp, giết mổ ở những khu chợ tươi sống; đa số diễn ra trong điều kiện chật hẹp, không đảm bảo tiêu chuẩn về quy trình vệ sinh, tạo điều kiện để mầm bệnh phát triển, hình thành các chủng virus mới. Do đó, phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ được xem như lớp lá chắn đảm bảo sức khỏe cũng như tính mạng cho con người.

Như vậy, nếu làm tốt công tác phòng ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến sẽ mang lại những ý nghĩa thiết thực, đẩy lùi nạn buôn bán động vật hoang dã cũng như làm giảm sự đe dọa đến nền đa dạng sinh học không chỉ ở phạm vi Trung Quốc hay Việt Nam mà còn có đóng góp vào môi trường toàn cầu.

3. KHUNG PHÁP LÝ CỦA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BUÔN BÁN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ DƯỚI HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN

Tình hình buôn bán động vật hoang dã diễn ra ngày càng phức tạp, các đối tượng có nhiều biện pháp tinh vi hơn nhằm trốn tránh pháp luật nhất là sự xuất hiện của phương

thức buôn bán động vật hoang dã thông qua hình thức trực tuyến giúp các đối tượng có thêm cơ hội mới trong việc buôn bán trái phép động vật hoang dã. Do đó, khung pháp lý của các quốc gia trên thế giới nói chung và tại Trung Quốc, Việt Nam nói riêng cần được xây dựng chặt chẽ, đồng bộ, có tính dự liệu để xử lý các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến. Khi khung pháp lý đủ mạnh kết hợp với hoạt động phòng ngừa, kiểm soát được siết chặt sẽ tạo thành rào chắn bảo vệ tốt các loài động vật hoang dã.

3.1. Khung pháp lý của Trung Quốc

Trong hơn mười năm qua, Trung Quốc đã ban hành và sửa đổi hơn 20 văn bản pháp luật liên quan đến đa dạng sinh học, trong đó có nhiều điều khoản quy định về quản lý buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến, điển hình như Luật Bảo vệ động vật hoang dã; Luật Bảo vệ môi trường; Luật An toàn sinh học. Luật Bảo vệ động vật hoang dã của Trung Quốc được ban hành rất sớm vào năm 1988 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, tiếp theo là năm 2016 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017) đã nêu bật tội phạm mạng về động vật hoang dã với các điều khoản cụ thể cấm các nền tảng giao dịch trực tuyến cung cấp dịch vụ cho việc mua bán, sử dụng trái phép động vật hoang dã và các sản phẩm liên quan, thiết lập cơ sở pháp lý để chống buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp dưới hình thức trực tuyến. Luật Bảo vệ động vật hoang dã năm 2022 mới đây đã đề cập cụ thể về vấn đề trực tuyến qua các điều luật như sau[7]:

- Cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ động vật hoang dã của Chính quyền nhân dân từ cấp huyện trở lên phải tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thường xuyên tổ chức hoặc ủy thác cho các cơ quan nghiên cứu khoa học có liên quan điều tra, giám sát và đánh giá tình trạng của các loài động vật hoang dã và môi trường sống của chúng, thiết lập, cải thiện tình trạng của các loài động vật hoang dã và môi trường sống của chúng (Điều 11);

- Cấm đăng quảng cáo mua bán, sử dụng động vật hoang dã hoặc các công cụ săn bắt bị cấm. Quảng cáo cho việc mua, bán và sử dụng bất hợp pháp các sản phẩm từ động vật hoang dã đều bị cấm (Điều 32);

- Nghiêm cấm các nền tảng trực tuyến, chợ giao dịch hàng hóa và cơ sở ăn uống cung cấp dịch vụ trưng bày, giao dịch và tiêu thụ cho việc mua bán, tiêu thụ và sử dụng trái phép động vật hoang dã và các sản phẩm của chúng, hoặc các công cụ săn bắt bị cấm (Điều 33);

- Các doanh nghiệp như đường sắt, đường bộ, vận tải đường thủy, hàng không dân dụng, dịch vụ bưu chính và công ty chuyển phát nhanh ký gửi, vận chuyển và giao động vật hoang dã và các sản phẩm của chúng nên kiểm tra các giấy chứng nhận, bản sao tài liệu hoặc nhãn đặc biệt và những giấy chứng nhận liên quan của họ không đạt yêu cầu không được vận chuyển, giao nhận (Điều 34);

- Bất cứ ai vi phạm các quy định tại Điều 32 của Luật này, đăng tải quảng cáo mua bán hoặc sử dụng động vật hoang dã và các sản phẩm của chúng hoặc công cụ săn bắt bị cấm sẽ bị xử phạt theo quy định của Luật Quảng cáo Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Điều 54);

- Người nào vi phạm các quy định tại Điều 33 của Luật này bằng cách cung cấp dịch vụ trưng bày, giao dịch và tiêu thụ cho việc mua bán, tiêu thụ và sử dụng trái phép động vật hoang dã và các sản phẩm của chúng, hoặc các công cụ săn bắt bị cấm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý và giám sát thị trường của Chính phủ sẽ ra lệnh đình chỉ các hoạt động bất hợp pháp, chấn chỉnh trong thời hạn, tịch thu lợi nhuận bất hợp pháp và phạt tiền không dưới hai lần nhưng không quá mười lần mức thu lợi bất chính; phạt tiền; nếu cấu thành tội phạm thì truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật (Điều 55).

Thêm vào đó, lệnh cấm buôn bán ngà voi do Văn phòng Quốc vụ viện công bố năm 2016 về việc *“Chấm dứt có trật tự các hoạt động chế biến và buôn bán ngà voi và các sản phẩm từ ngà voi”* khẳng định việc *“cấm buôn bán bất hợp pháp ngà voi và các sản phẩm trên Internet cũng như các kênh giao dịch khác”*, đồng thời yêu cầu cơ quan thực thi pháp luật các cấp tăng cường điều tiết thị trường, tăng cường tuyên truyền và giáo dục, đặc biệt *“nhấn mạnh vào việc phát hiện triệt phá các xưởng gia công trái phép, chặn các kênh buôn bán trái phép trên thị trường và trên mạng Internet”*.

Tiếp đến, kiểm soát buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến còn được tìm thấy ở nhiều quy định liên quan đến ngành chuyển phát nhanh và hậu cần, bao gồm Luật Bưu chính, Luật Chống khủng bố và Quy định về Cấm gửi các bài viết, trong đó quy định rõ ràng việc sử dụng *“tên thật”*, *“hệ thống đăng ký”* và yêu cầu kiểm tra từ cả hai bên nhận và giao hàng. Các công ty chuyển phát có nghĩa vụ thực hiện nghiêm ngặt quy định kiểm tra, kiểm tra tại chỗ xem các mặt hàng được giao có nằm trong danh sách các mặt hàng bị cấm hay không và xác minh xem tên, tính chất và số lượng, cùng với các yếu tố khác, có khớp với các chi tiết trên tờ gửi thư, để ngăn chặn một cách có hệ thống các mặt hàng bị cấm xâm nhập vào các kênh phân phối.

Đặc biệt, liên quan đến tội phạm về động vật hoang dã, chương VI Luật Hình sự Trung Quốc năm 2017: Các tội cản trở việc thực hiện trật tự công cộng; Mục 6: Các tội làm suy giảm việc bảo vệ môi trường và tài nguyên; trong đó Điều 341: *“Người nào săn bắt trái phép hoặc giết hại các loài động vật hoang dã quý, hiếm được Nhà nước bảo vệ đặc biệt, hoặc mua bán vận chuyển trái phép các loài động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng cũng như các sản vật quý hiếm từ chúng sẽ bị phạt tù có thời hạn không quá năm năm hoặc bị tạm giữ hình sự và bị phạt tiền; nếu có tình tiết nghiêm trọng thì bị phạt tù có thời hạn từ năm năm tù đến dưới mười năm tù và phạt tiền đồng thời bị phạt tiền hoặc tịch thu tài sản”*[8]. Đây là văn bản pháp lý quan trọng để xử lý các hành vi mua bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

3.2. Khung pháp lý của Việt Nam

Trong các luật chuyên ngành và văn bản dưới luật về bảo vệ động vật hoang dã đã đề cập đến các hoạt động mua bán, quảng cáo liên quan đến động vật hoang dã, như Luật Lâm nghiệp năm 2017 nghiêm cấm các hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chế biến, quảng cáo, trưng bày, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh lâm sản trái quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Việt Nam là thành viên. Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) cũng nghiêm cấm săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11, Nghị định 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử cũng đã có quy định những mặt hàng cấm buôn bán trên mạng bao gồm động, thực vật hoang dã nguy cấp được pháp luật bảo vệ; những người vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định áp dụng với hành vi buôn bán động, thực vật hoang dã trái phép tại cửa hàng, cửa hiệu.

Tiếp đến, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có 02 điều luật điều chỉnh các hành vi xâm hại đến động vật hoang dã bao gồm Điều 234 “*Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã*” và Điều 244 “*Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm*”. Trong đó, mặt khách quan trong cấu thành tội phạm quy định các hành vi mua bán trái pháp luật động vật hoang dã, bao gồm bằng phương thức trực tiếp hoặc qua các nền tảng trực tuyến.

Các hành vi vi phạm về động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến nếu chưa đến mức xử lý hình sự thì có thể áp dụng xử phạt hành chính theo Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá và quảng cáo mà cụ thể là xử phạt vi phạm hành chính cho hành vi quảng cáo trái phép trong trường hợp đối tượng quảng cáo động vật hoang dã được liệt kê trong Phụ lục III Luật Đầu tư hoặc trực tiếp xử phạt đối tượng trong trường hợp đối tượng quảng cáo động vật không được liệt kê trong Phụ lục III Luật Đầu tư Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định số 35/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quảng cáo để kinh doanh động vật hoang dã và các sản phẩm của chúng.

Từ những khái quát trên có thể nhận xét rằng, vấn đề về động vật hoang dã đang được khung pháp lý của Việt Nam bảo vệ ở cả pháp luật hình sự và pháp luật hành chính. Đối tượng có hành vi vi phạm các quy định về động vật hoang dã sẽ phải đối mặt với việc bị xử lý hình sự hoặc bị xử phạt hành chính tùy thuộc vào mức độ vi phạm và mức thiệt hại gây ra mà đối tượng phải gánh chịu.

4. THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, KIỂM SOÁT HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BUÔN BÁN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ DƯỚI HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN Ở TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

4.1. Thực trạng buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến

4.1.1. Ở Trung Quốc

Sự phát triển của Internet đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao tiếp trao đổi thông tin và thương mại giữa cá nhân và tổ chức ở quy mô toàn cầu, do vậy Trung Quốc thuộc một trong số những quốc gia có nhiều sự ảnh hưởng, thay đổi bởi internet. Ophenia Lang - Giám đốc công ty tiếp thị kỹ thuật số Digital Crew cho biết: *“Tốc độ thích ứng với thương mại điện tử của Trung Quốc đã tăng theo cấp số nhân trong thập kỷ gần đây và vươn ra cả thế giới”*. Theo công ty chuyên về dữ liệu người tiêu dùng Statista, doanh số bán lẻ trực tuyến tại Trung Quốc đã tăng 14% mỗi năm lên khoảng 2,64 nghìn tỷ USD vào năm 2021 trong khi đó doanh số bán hàng trực tuyến trên thị trường thương mại điện tử lớn nhất thế giới được dự đoán sẽ đạt 4 nghìn tỷ USD vào năm 2026. Điều đó đã phản ánh phần nào thị trường trực tuyến trở thành môi trường tiềm năng mà các đối tượng tận dụng trực lợi từ hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã.

TRAFFIC – tổ chức phi chính phủ hoạt động trên phạm vi toàn cầu, tập trung giám sát các hoạt động buôn bán động, thực vật hoang dã vì mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững. Năm 2006, TRAFFIC thực hiện một cuộc khảo sát kéo dài 08 tháng đối với các trang web và trên các nền tảng mạng xã hội, kết quả ban đầu cho thấy một lượng lớn sản phẩm của các loài có nguy cơ tuyệt chủng đã được bán dưới hình thức trực tuyến như 332 sản phẩm ngà voi, 193 sản phẩm sừng tê giác đã được phát hiện. các cuộc khảo sát tại Trung Quốc của tổ chức này từ năm 2012 thống kê được có khoảng 25.000 quảng cáo được tìm thấy có liên quan đến động vật hoang dã, từ nửa cuối năm 2012 trở đi các quảng cáo hàng tháng về ngà voi vẫn nằm trong khoảng 400 – 1400 và hơn 10.000 bài đăng trên mạng xã hội trực tuyến; còn đối với sừng tê giác có ít hơn khoảng 500 quảng cáo mỗi tháng [9;5]. Có thể thấy điều này xuất phát từ việc ngày càng có nhiều trang web mới được tạo lập bên cạnh đó nhiều thuật ngữ, từ khoá khác nhau cũng được sử dụng nhằm tránh bị phát hiện bởi các cơ quan chức năng. Trong nghiên cứu của TRAFFIC tính đến tháng 12/2016 đã xác định được 112 từ khoá bao gồm cả từ mã hoá với 40 từ khoá dùng cho sản phẩm ngà voi, 15 từ khoá để sử dụng cho sừng tê giác, 12 từ khoá cho hổ, 8 từ khoá cho tê tê, 8 từ khoá cho rùa biển,... [9;2] Các đối tượng có xu hướng thay đổi từ khoá được sử dụng trong các quảng cáo mới để tránh bị phát hiện khiến cho các trang web quản lý không thể lọc một số từ khoá do chúng được sử dụng phổ biến cho các sản phẩm hợp pháp khác. Điển hình, một trang web buôn bán đồ cổ được đăng ký tại Thượng Hải đã bị phát hiện vì là nền tảng buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến bất hợp pháp, thống kê cho thấy từ năm 2012 đến năm 2016 đã đăng tổng cộng 31.062 quảng cáo về động vật hoang dã với số lượng quảng cáo hàng tháng [9;6].

Từ năm 2020 đến hiện nay đại dịch Covid-19 đã có những tác động đến mọi hoạt động trên toàn cầu và Trung Quốc nơi đầu tiên có ca nhiễm cũng chịu những ảnh hưởng nhất định. Tuy nhiên, thay vì sẽ bị tạm ngưng các hoạt động thì đại dịch lại góp phần thúc đẩy thị trường trực tuyến vốn đã phát triển ổn định ở Trung Quốc nhờ các nền tảng thương mại điện tử lớn như Alibaba, Taobao; hệ thống thanh toán kỹ thuật số như WeChat Pay của Tencent, các ứng dụng như Wechat, Baidu Tieba, QQ group cho phép giao tiếp riêng tư thuận tiện và hiệu quả cho các đối tượng buôn bán, các ứng dụng như vậy làm cho hoạt động giám sát và theo dõi hoạt động buôn bán động vật hoang dã ngày càng khó khăn hơn trở thành thị trường để các đối tượng trao đổi thông tin, lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động giao dịch ngầm.

Những phát hiện cho thấy việc buôn bán các cá thể và sản phẩm từ động vật hoang dã qua trực tuyến là vô cùng đáng lo ngại và điều quan trọng là các cơ quan thực thi pháp luật cùng với các nền tảng truyền thông xã hội của Trung Quốc phải đi trước một bước so với xu hướng để ngăn chặn các đối tượng lợi dụng hình thức trực tuyến để thực hiện các hành vi vi phạm xâm hại nghiêm trọng đến các loài động vật hoang dã.

4.1.2. Ở Việt Nam

Mua bán động vật hoang dã trên nền tảng trực tuyến đang trở thành trào lưu và gia tăng một cách đáng báo động – Thông tin được ghi nhận bởi Tổ chức Wildlife Conservation Society (Hiệp hội Bảo tồn động vật hoang dã – WCS)[10;1]. Theo thống kê của Trung tâm Internet Việt Nam, Việt Nam đứng thứ 18/20 quốc gia có số lượng người sử dụng internet lớn nhất trên thế giới, đứng thứ 8 khu vực Châu Á và thứ 3 ở khu vực Đông Nam Á [11]. Việt Nam cũng trở thành một trong những quốc gia tại Đông Nam Á có số vụ vi phạm và là nơi trung chuyển số lượng lớn các loài động vật hoang dã. Căn cứ theo số liệu WCS tổng hợp từ nguồn mở tính từ năm 2018 đến tháng 4/2022 các cơ quan chức năng tại Việt Nam đã bắt giữ hơn 620 vụ việc liên quan đến hành vi vi phạm trong vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt, tàng trữ và săn bắt động vật hoang dã. Cùng với đó, các nghiên cứu do WCS thực hiện giai đoạn 2015-2016 và 2018-2019-2020 cũng cho thấy sự gia tăng về số lần đề cập mua bán động vật hoang dã trên các nền tảng mạng xã hội tăng trong giai đoạn 2015-2016 và 2018-2020, trong đó Facebook là nền tảng mạng xã hội được dùng nhiều nhất để đề cập đến các rao bán động vật hoang dã trực tuyến[10;1]. Chia sẻ về phương thức buôn bán động vật hoang dã trong thời gian qua, bà Nguyễn Thị Lan Ánh – Trưởng nhóm Hỗ trợ thực thi pháp luật Tổ chức WCS cho biết *“Khi dịch Covid-19 bùng phát những quy định về giãn cách xã hội cùng với việc hạn chế đi lại và giao dịch trực tiếp đã làm thay đổi phương thức buôn bán của các đối tượng với việc ghi nhận hiện tượng chuyển từ buôn bán, trao đổi trực tiếp sang trao đổi và giao dịch trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, Tiktok, ...”*[10;2]. Lượng người sử dụng Internet ở mức độ cao dẫn tới xu hướng thực hiện việc buôn bán các loài động vật hoang dã và sản phẩm của chúng qua chợ trực tuyến và nền tảng truyền thông xã hội có tính năng riêng tư đang

được một số đối tượng sử dụng để nhằm tìm kiếm mạng lưới khách hàng tiềm năng cũng như giảm thiểu rủi ro bị phát hiện.

Trong Báo cáo được Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên tại Việt Nam (WWF) công bố ghi nhận Việt Nam là 1 trong 16 quốc gia có nguồn tài nguyên đa dạng sinh học cao nhất thế giới nhưng cũng không nằm ngoài xu hướng suy giảm. Một trong hai nguyên nhân chính dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học đó là do nạn săn bắt, buôn bán và tiêu thụ các loài động vật hoang dã. Khi Internet phát triển, các đối tượng buôn bán động vật hoang dã lại hoạt động nhiều hơn trên không gian mạng. Trong những năm gần đây, tình trạng quảng cáo, buôn bán động vật hoang dã trái phép trên internet diễn biến ngày càng phức tạp. Chỉ trong vòng 5 năm (2017-2021), Trung tâm giáo dục thiên nhiên - ENV đã ghi nhận hơn 6.300 vụ có dấu hiệu vi phạm về động vật hoang dã trên Internet, chiếm hơn 54% tổng số vi phạm trong giai đoạn này. Năm 2021 ghi nhận khoảng 2.500 vi phạm buôn bán động vật hoang dã trên Internet, tăng khoảng 41% so với năm 2020. Đầu năm 2022 (tính tới ngày 12/7/2022), ENV đã ghi nhận 1.862 vụ vi phạm về ĐVHD, trong đó có đến 53% trong số đó được phát hiện trên không gian mạng (985 vụ) [12]. Buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến nhất là qua các nền tảng mạng xã hội gia tăng trong những năm gần đây, các loài động vật khác nhau vẫn được rao bán tràn lan trên mạng với nhiều hình thức khác nhau cùng với đó các đối tượng có nhiều thủ đoạn trốn tránh lực lượng chức năng và các đối tượng thường từ chối khách tới nhà xem mà chỉ gửi ảnh hoặc video[13]. Hình thức trực tuyến đang trở thành môi trường để các đối tượng buôn bán trái phép thực hiện tội phạm. Mặc dù những nỗ lực trong đấu tranh với tội phạm trực tuyến của lực lượng chức năng được đẩy mạnh nhưng thực trạng buôn bán động vật hoang dã với nhiều hình thức trên trực tuyến vẫn tiếp tục diễn ra. Bà Bùi Thị Thu Hà – Phó giám đốc Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên cho rằng “Buôn bán động vật hoang dã qua mạng là một loại tội phạm mới và rất nguy hiểm, cần bị ngăn chặn. Tuy nhiên, do bản chất mạng internet là một môi trường ảo, các đối tượng lại thường xuyên thay đổi tài khoản, thông tin đăng tải nên việc xác định đối tượng và thu thập chứng cứ gặp rất nhiều khó khăn. Và cùng với tốc độ lan truyền chóng mặt của internet những thông tin rao bán các cá thể động vật hoang dã lại càng dễ tiếp cận với những người có nhu cầu” [14,2]. Thông tin từ Bà Bùi Thúy Nga - Cán bộ Chương trình TRAFFIC Việt Nam cho biết, khảo sát với tất cả các nền tảng trực tuyến (trang mạng xã hội, các sàn thương mại điện tử) của TRAFFIC từ tháng 7/2021 - tháng 6/2022 có hơn 8000 tin, bài đăng quảng cáo rao bán công khai các sản phẩm động vật hoang dã mà trong đó Facebook và Zalo là hai nền tảng được quảng cáo bán các sản phẩm nhiều nhất và công khai, hơn hết phần lớn là các loại động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ [15,1]. Các đối tượng còn tinh vi đến mức không dùng các từ động vật hoang dã mà thay vào đó là dùng từ “cứu hộ”, “bảo tồn” để ám chỉ có hàng là động vật hoang dã. Như vậy rất khó cho cơ quan chức năng phát hiện, khi có nguy cơ bị phát hiện họ lập tức xóa bài, mặt khác các đối tượng sử dụng rất nhiều số điện thoại, email, nick ảo,... làm nhiễu loạn thông tin để điều tra. Còn nếu căn cứ

vào bằng chứng trên mạng xã hội để xử phạt thì các đối tượng bao biện, đối phó cho rằng rao bán chỉ để câu view, câu like cho vui còn thực tế không có hàng [15,2]. Vì vậy, rất cần sự chung tay của cộng đồng và tổ giác các đối tượng có hành vi vi phạm.

4.2. Nguyên nhân của tình hình buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến ở Trung Quốc và Việt Nam

Số lượng lớn người sử dụng hình thức trực tuyến để trao đổi thông tin, cập nhật tin tức, mua sắm trực tuyến, vô tình đã trở thành những cơ hội giúp cho các đối tượng có hành vi bất hợp pháp nhắm đến động vật hoang dã lợi dụng với mục đích tìm kiếm khách hàng tiềm năng. Sau đây là một số nguyên nhân chính dẫn đến việc buôn bán động vật hoang dã qua trực tuyến gia tăng:

Thứ nhất, trong những năm gần đây Trung Quốc đã chuyển mình mạnh mẽ từ “*nước chấp nhận tiêu chuẩn công nghệ*” sang “*nước định hình tiêu chuẩn công nghệ*”, Trung Quốc cũng triển khai chiến lược “*Tiêu chuẩn Trung Quốc 2035*” nhằm hỗ trợ và gắn kết với chiến lược “*Sản xuất tại Trung Quốc*” (Made in 2025) cho thấy sự tham vọng và vị thế toàn cầu của Trung Quốc trong lĩnh vực khoa học – công nghệ. Căn cứ dựa trên Báo cáo xu hướng internet 2019 thì “*1. Khoảng 3,8 tỷ người – chiếm hơn một nửa dân số thế giới đang sử dụng internet, Trung Quốc và Ấn Độ dẫn đầu, theo sau là Mỹ, Indonesia và Brazil; 2. Trung Quốc cũng góp mặt 7 trong số 30 công ty giá trị thị trường lớn trong lĩnh vực công nghệ*”. Theo số liệu thống kê từ World Internet Users, tính đến tháng 6/2022, Trung Quốc là quốc gia có số người tham gia trực tuyến lớn nhất thế giới. Đối với Việt Nam, Sách Trắng thương mại điện tử năm 2022 [16] ước tính số lượng người tiêu dùng mua sắm trực tuyến ở Việt Nam hiện nay có thể sẽ chạm mốc 60 triệu, theo khảo sát với 75% người dân sử dụng Internet thì Việt Nam sẽ có 74,8% người dùng Internet tham gia mua sắm trực tuyến, đặc biệt 97% người tiêu dùng cho biết sẽ tiếp tục mua hàng trực tuyến. Từ đó cho thấy hiện Trung Quốc và Việt Nam đều đang là những quốc gia có lượng người sử dụng hình thức trực tuyến phổ biến. Như vậy, vấn nạn về buôn bán động vật hoang dã thông qua hình thức trực tuyến sẽ tiếp tục gia tăng nếu không có cơ chế phòng ngừa, kiểm soát nghiêm minh;

Thứ hai, buôn bán trái phép động vật hoang dã được xem là một ngành kinh doanh siêu lợi nhuận, thêm vào đó thông qua hình thức trực tuyến sẽ giúp cho hoạt động trao đổi giữa những đối tượng cung cấp và người có nhu cầu diễn ra thuận lợi, nhanh chóng. Trong năm 2014, Cơ quan Chống rửa tiền Thái Lan (AMLO) mở cuộc điều tra quy mô về chiến dịch buôn bán động vật hoang dã từ Thái Lan đến Trung Quốc, kết quả thu được khối tài sản trị giá hơn 36 triệu USD từ các đối tượng phạm tội. Mặc dù khó có thể tính toán chính xác nhưng lợi nhuận từ buôn bán trái phép động vật hoang dã ước tính khoảng 23 tỷ USD/năm [17];

Thứ ba, thiếu kiến thức và có những quan điểm sai lệch về tác dụng của các loài động hoang dã, cho rằng sản phẩm của các loài động vật hoang dã có khả năng giúp tăng sức khỏe và chữa được nhiều loại bệnh nên nhiều người vẫn ra sức tìm kiếm, nghe theo các quảng cáo trá hình trên các thị trường trực tuyến chuyên thổi phồng tác dụng như thần dược, có thể điều trị ung thư và chữa mọi chứng nan y, để mua các sản phẩm như mật gấu, cao hổ, sừng tê giác, vảy tê tê... mà không ý thức được đó là những sản phẩm bất hợp pháp. Từ đây, cũng bắt nguồn cho việc coi các loài động vật hoang dã và sản phẩm của chúng được xem là cao cấp dẫn đến tình trạng kích thích nhu cầu sử dụng của một bộ phận người dân. Thậm chí đặt mua về nuôi nhốt hay lợi dụng kẽ hở về kiểm soát nội dung video nhiều đối tượng đã biến mạng xã hội thành nơi quảng cáo, buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức khoe thú cưng hay sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã, làm đồ trang sức ngày càng có chiều hướng gia tăng;

Thứ tư, việc buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã ngày càng tinh vi, có tổ chức và diễn biến phức tạp, mang yếu tố tội phạm xuyên quốc gia; việc thực thi pháp luật trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn, bất cập và chưa được xử lý. Tuy nhiên cũng cần phải nhìn nhận ở góc độ khách quan về điều kiện, tình hình thực tiễn tại nước ta hiện nay một phần đến từ việc thiếu nguồn lực; hạn chế về cơ sở vật chất, tài chính, chế độ đãi ngộ đối chưa thực sự tương xứng trong khi trách nhiệm và rủi ro nguy hiểm lớn khi điều tra các đối tượng, các loại vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ chưa được trang bị đầy đủ khó chủ động ứng phó với các đối tượng luôn sẵn sàng chống người thi hành công vụ để tẩu thoát, cùng với kỹ năng thu thập thông tin điều tra của các cán bộ thuộc các cơ quan chức năng chưa được đào tạo chuyên sâu;

Thứ năm, xuất phát từ tính chất đặc biệt của mạng Internet khi mà có thể dễ chia sẻ, dễ lan truyền các thông tin đến được với lượng lớn người dùng trực tuyến cùng với khả năng có thể ẩn danh, không sử dụng các thông tin thật nhằm xóa dấu vết hạn chế rủi ro bị phát hiện. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật trong các lĩnh vực đấu tranh, phòng ngừa, kiểm soát và xử lý tội phạm sử dụng công nghệ cao chưa theo kịp diễn biến tình hình thực tế, khó đối phó với “tội phạm mạng”. Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (INTERPOL) đã gửi đi thông điệp cùng triển khai chiến dịch về “tội phạm mạng” với nhận định “Tội phạm mạng là thật” và phải được nhìn nhận với mức độ nghiêm trọng tương tự như bất kỳ loại tội phạm nào khác bởi vì xã hội phần lớn quan tâm tới những loại tội phạm truyền thống trong “thế giới luật”, tuy nhiên lại chưa có những biện pháp phòng ngừa tương tự đối với tội phạm trên không gian mạng[18]. Do đó mà các tội phạm mạng về động vật hoang dã lại tận dụng tối đa những khe hở trong hệ thống pháp luật để tiến hành sử dụng Internet như một kênh mua bán bất hợp pháp các cá thể và sản phẩm từ động vật hoang dã.

4.3. Các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến

4.3.1. Ở Trung Quốc

Bảo vệ động vật hoang dã là vấn đề mà Trung Quốc đã sớm có những động thái từ thiết lập hành lang pháp lý cho đến đẩy mạnh công tác phòng ngừa, kiểm soát: *“Các bên nên được khuyến khích áp dụng cách tiếp cận “Không khoan nhượng” của Trung Quốc đối với quảng cáo trực tuyến cho các sản phẩm của các loài được bảo vệ, hợp tác chặt chẽ với các công ty trang web thương mại lớn và các tổ chức phi chính phủ”*[1]. Vậy nên, hoạt động buôn bán động vật hoang dã trái phép đã được kiểm soát tốt hơn sau khi các nền tảng thương mại điện tử tích cực loại bỏ quảng cáo về các loài có nguy cơ tuyệt chủng thường xuyên, cấm người dùng đăng lại thông tin, đóng hoàn toàn tài khoản của người dùng. Để giải quyết một nửa thị trường tội phạm về động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến, Trung Quốc đã tăng cường thực thi pháp luật, kiểm tra, giám sát và vận động chính sách, đồng thời loại bỏ các mạng lưới buôn bán.

Những phát hiện cho thấy việc buôn bán động vật phẩm hoang dã qua trực tuyến là vô cùng đáng lo ngại và điều quan trọng là các cơ quan thực thi pháp luật cùng với các nền tảng truyền thông xã hội của Trung Quốc phải đi trước một bước so với xu hướng để ngăn chặn các đối tượng lợi dụng hình thức trực tuyến để thực hiện các hành vi vi phạm xâm hại nghiêm trọng đến các loài động vật hoang dã. Với việc ban hành các chính sách pháp luật nhằm thiết lập hành lang pháp lý sẵn sàng ứng phó với các tội phạm về buôn bán động vật hoang dã đang diễn ra ngày càng một tinh vi, phức tạp hơn tại quốc gia tỷ dân này, Trung Quốc cũng đẩy mạnh công tác quản lý trong việc vận chuyển các sản phẩm từ động vật hoang dã bất hợp pháp qua các kênh chuyển phát nhanh. Những nỗ lực của ngành chuyển phát nhanh nhằm giảm bớt các kênh vận chuyển trái phép các sản phẩm từ động vật hoang dã đã dẫn đến việc tăng cường kiểm soát mạng lưới chuyển phát, bao gồm: kiểm soát chuyển phát; cải thiện chính sách và hệ thống phân phối; chia sẻ và xác minh thông tin; kiểm tra, kiểm soát an ninh tại các tuyến tiếp nhận và trung chuyển; các phương tiện khoa học và công nghệ để cảnh báo sớm và ngăn chặn vận chuyển sản phẩm từ động vật hoang dã bất hợp pháp. Ngành chuyển phát nhanh đã áp dụng “hệ thống tên thật” cho người gửi và người nhận, giao diện trực tiếp với hệ thống của Bộ Công an. Nó có thể xác minh tên thật từ thông tin của người gửi một cách nhanh chóng và hiệu quả trong vòng ba giây. “Hệ thống tên thật” có thể xác định danh tính của người gửi và thông tin về người chịu trách nhiệm giao hàng. Công ty chuyển phát nhanh sẽ ngăn chặn việc vận chuyển trái phép động vật hoang dã ra ngoài bằng cách thu thập tên thật, kiểm tra bên ngoài hộp, kiểm tra lần mở thứ hai và kiểm tra an ninh, để giảm rủi ro vận chuyển sản phẩm bất hợp pháp. Hàng hóa khả nghi sẽ được nhanh chóng chuyển giao cho Bộ Công an để tiếp tục xử lý.

Trung Quốc cũng xây dựng cơ sở dữ liệu công khai trực tuyến về tỷ lệ tỷ vong của động vật hoang dã và các vụ bắt giữ buôn bán trái phép với quyền truy cập an toàn hay thông qua sự hỗ trợ của công ty cung cấp dịch vụ truyền thông tại Trung Quốc với chương trình “Tencent for the Planet”. Thực hiện đóng các tài khoản mạng xã hội được chứng minh là có liên quan đến hoạt động phi pháp, hoạt động kinh doanh động vật hoang dã trực tuyến. Khuyến nghị phát triển các nền tảng quản lý dữ liệu an toàn để cải thiện việc thực thi dựa trên thông tin tình báo, đồng thời nỗ lực giáo dục và nâng cao nhận thức điển hình như dán áp phích tại sân bay và gửi tin nhắn SMS cho các du khách để phòng ngừa các hành vi mời gọi mua bán động vật hoang dã.

Từ đó, có thể nhận thấy rằng Trung Quốc đã có những chuyển biến tích cực trong hoạt động bảo vệ động vật hoang dã, đặc biệt là quan tâm chú trọng đến nhóm đối tượng, tội phạm thực hiện các hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến.

4.3.2. Ở Việt Nam

Trong thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt vấn đề liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã nói chung và vấn đề quảng cáo, buôn bán động vật hoang dã bằng hình thức trực tuyến nói riêng. Cụ thể tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã, Bộ Công an được giao phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng mạng viễn thông, internet nhằm mục đích quảng cáo, trưng bày, tuyên truyền, mua, bán mẫu vật động vật hoang dã bị cấm theo quy định của pháp luật; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 17/5/2022 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam, Thủ tướng yêu cầu Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan truyền thông tăng cường đưa tin, phát sóng các thông điệp, phóng sự, bản tin tuyên truyền pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã và chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ hoạt động quảng cáo sản phẩm. Ban Tuyên giáo Trung ương đã ban hành Hướng dẫn số 13-HD/BTGTW ngày 19/7/2021 về tăng cường tuyên truyền việc thực hiện không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm; Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền kiến thức pháp luật và các giải pháp bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm; phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng mạng viễn thông, internet nhằm mục đích quảng cáo, trưng bày, tuyên truyền, mua, bán mẫu động vật hoang dã bị cấm theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/08/2019, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM) cũng đã ký thoả thuận hợp tác với Dự án phòng chống buôn bán trái pháp luật các loài động, thực vật hoang dã (USAID Saving Species) với mục tiêu tăng cường phòng, chống buôn bán

các loài hoang dã trong môi trường kinh doanh trực tuyến. Theo thỏa thuận, VECOM sẽ hỗ trợ Dự án USAID Saving Species tuyên truyền và khuyến khích thay đổi hành vi, giảm thiểu nhu cầu tiêu thụ động, thực vật hoang dã cũng như tuân thủ pháp luật bảo vệ các loài hoang dã trong cộng đồng doanh nghiệp thương mại điện tử bằng việc lồng ghép tin tức, hoạt động của dự án vào bản tin điện tử của VECOM, website www.vecom.vn, Fanpage, tạp chí Thương gia thị trường và thông qua các buổi tập huấn tại doanh nghiệp Hội viên. Tháng 01/2019, VECOM cũng đã phối hợp với dự án USAID Saving Species lồng ghép các nội dung về phòng, chống buôn bán động vật hoang dã trong 2 cuộc họp thường niên của VECOM tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Tại hai buổi hội thảo, đại diện của Dự án đã giới thiệu và cung cấp các thông tin về các nguy cơ pháp lý, giảm sút uy tín hoặc lợi nhuận do tội phạm buôn bán các loài hoang dã trên mạng Internet có thể gây ra cho các doanh nghiệp. Đã có 42 doanh nghiệp đã ký kết cam kết không sử dụng trái pháp luật động, thực vật hoang dã và các sản phẩm của động vật hoang dã.

Ban chỉ đạo liên ngành các cơ quan thực thi pháp luật về kiểm soát buôn bán động vật, thực vật hoang dã (Việt Nam - WEN) được thành lập với nhiệm vụ chính là tăng cường các hoạt động hỗ trợ, phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong nước với các nước trong khu vực và quốc tế nhằm mục đích đấu tranh, ngăn chặn các tội phạm săn bắn, buôn bán, vận chuyển, nuôi nhốt trái phép và các hoạt động trái phép. Ngày 10/10/2022, Ban chỉ đạo Việt Nam – WEN đã tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực như: các hoạt động hợp tác của Việt Nam không chỉ bó hẹp trong phạm vi ASEAN mà còn thực hiện hợp tác liên châu lục, liên khu vực thông qua các biên bản ghi nhớ hợp tác về thực thi CITES và kiểm soát buôn bán động vật hoang dã giữa Việt Nam và các nước như: Trung Quốc, Indonesia, Lào, Cộng hòa Séc, Nam Phi...

Tổ chức WCS cũng đã phối hợp với các cơ quan ban ngành và các trường học để tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo nhằm tuyên truyền, lấy ý kiến, xây dựng công tác bảo vệ động vật hoang dã đạt được hiệu quả tích cực. Bên cạnh đó, Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên – ENV cho biết: *“Trong tháng 5/2020, từ thông tin ENV cung cấp, Facebook đã gỡ bỏ hoàn toàn 277 bài viết quảng cáo buôn bán ĐVHD trên nhóm “Hội Anh Em Ba Miền” ở Việt Nam, và cảnh báo sẽ vô hiệu hóa nhóm này nếu tiếp tục ghi nhận các bài viết vi phạm. Đây là một nhóm Facebook đã hoạt động từ rất lâu, thường xuyên có các thành viên rao bán ĐVHD, hay các sản phẩm từ ĐVHD, như ngà voi, da hổ, vảy tê tê, móng gấu...”* [14;1]. Ngày càng có nhiều người dân sẵn sàng hỗ trợ giám sát và thông báo các vi phạm về động vật hoang dã trên không gian trực tuyến.

Trên đây là một số khái quát về các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát đã diễn ra tại Việt Nam. Qua đó cho thấy Việt Nam cũng đang có nhiều nỗ lực để ứng phó với những chuyển biến phức tạp của các đối tượng thực hiện các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến.

4.4. Đánh giá về thực trạng và các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến ở Trung Quốc và Việt Nam

Hiện nay với sự phát triển của mạng lưới Internet trên toàn cầu, đặc biệt là sự phổ biến của các ứng dụng mạng xã hội và thương mại điện tử đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các đối tượng về động vật hoang dã phát triển với nhiều con đường khác nhau. Mặc dù Việt Nam, Trung Quốc và các tổ chức quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã đã có nhiều chính sách cũng như các biện pháp nhằm phòng, chống tội phạm buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến nhưng thách thức vẫn đặt ra khi quy mô lớn của các hoạt động trên Internet và bản chất xuyên biên giới của tội phạm này diễn ra khó kiểm soát. Với sự tinh vi của tội phạm mạng về buôn bán động vật hoang dã ngày nay, lợi dụng sự tiện lợi của internet như nhanh chóng, ẩn danh,... và lỗ hổng pháp luật nên việc thu thập bằng chứng cũng như truy tố tội phạm trực tuyến khó khăn hơn rất nhiều. Theo nhận định của các chuyên gia [19] thì tình trạng buôn bán động vật hoang dã ở nước ta có chiều hướng gia tăng với diễn biến phức tạp hơn bởi không gian mạng đang trở thành môi trường lý tưởng để các đối tượng thực hiện nhiều thủ đoạn mới, tinh vi, sử dụng danh tính ảo, các thông tin đăng tải có thể thay đổi và xóa bỏ rất nhanh cho nên việc xác định danh tính đối tượng và thu thập chứng cứ của lực lượng chức năng gặp nhiều khó khăn trong công tác phòng ngừa, kiểm soát. UNODC – Văn phòng Liên Hợp Quốc về chống ma túy và tội phạm nhấn mạnh rằng châu Á là khu vực có nhu cầu lớn nhất về động vật hoang dã, đây là nơi đông dân và ngày càng nhiều người có nhu cầu mua những thứ mà trước đây họ không có điều kiện mua; một trong các phương thức phổ biến góp phần cổ súy cho nạn buôn bán động vật hoang dã là việc sản xuất, đăng tải các video, bài viết lên các trang mạng xã hội với số lượng người dùng cực kỳ khổng lồ. Peter – Chuyên gia cao cấp của UNODC phát biểu: *“Chúng ta đấu tranh cho một nguyên tắc đơn giản, đó là nếu điều gì là bất hợp pháp trong đời thực thì việc lưu giữ nó trên hình thức trực tuyến cũng là bất hợp pháp”*. Việc sửa đổi luật pháp trong nước có thể giải quyết mối đe dọa duy nhất do thương mại trực tuyến bất hợp pháp gây ra. Cộng đồng quốc tế đã nhiều lần công nhận tầm quan trọng của chính sách thương mại nội bộ của Trung Quốc đối với việc bảo vệ các loài động vật hoang dã. Những nỗ lực của Trung Quốc trong việc kiểm soát quảng cáo, chia sẻ thông tin và giáo dục cộng đồng là những ví dụ có giá trị về sự hợp tác liên ngành giữa cơ quan Chính phủ Trung Quốc và các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến. Đây là thành công và là bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc có thể được nhân rộng ở các nước khác cũng như Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm.

4.5. Một số kiến nghị về phòng ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến ở Việt Nam

4.5.1. Kiến nghị về pháp luật

Nhìn chung, số lượng các quy định là nhiều nhưng còn vướng mắc là việc thực thi, áp dụng trên thực tế chưa có sự thống nhất, đồng bộ. Trọng điểm chưa có những quy định

mang tính chất dự liệu với các đối tượng thực hiện hành vi vi phạm các quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến. Luật sư Nguyễn Huy An qua trao đổi phỏng vấn với VTV có nhận xét mà nhóm tác giả đồng quan điểm như sau: “*Số tiền phạt trên số lượng hành vi vi phạm pháp luật là mức phạt còn nhẹ*”[20]. Sau đây, nhóm tác giả trình bày một số ý kiến với mục đích đóng góp vào quy định pháp luật nước ta hiện nay:

Thứ nhất, xây dựng Luật về bảo vệ động vật hoang dã trong đó quy định chi tiết các vấn đề liên quan đến động vật hoang dã như hành vi săn bắt, buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã; vấn đề gây nuôi động vật hoang dã; vấn đề quảng cáo, mua bán trái phép động vật hoang dã sử dụng hình thức trực tuyến. Việc xây dựng một luật riêng về động vật hoang dã nhằm giúp dễ điều chỉnh, quản lý và tránh sự chồng chéo giữa các quy định pháp luật trong các văn bản khác nhau;

Thứ hai, ban hành văn bản phối hợp, ký kết giữa các cơ quan chức năng và các nhà cung cấp mạng trong việc truy xuất thông tin cá nhân, tổ chức có hành vi buôn bán động vật hoang dã qua hình thức trực tuyến; cần có các quy định pháp luật nhằm làm rõ trách nhiệm của các trang web, phương tiện truyền thông xã hội và doanh nghiệp vận tải trong việc bảo vệ và chống lại tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã. Theo đó, pháp luật của Trung Quốc đã quy định rõ ràng việc sử dụng “tên thật”, hệ thống đăng ký” và yêu cầu kiểm tra từ cả hai bên nhận và giao hàng. Các công ty chuyển phát có nghĩa vụ thực hiện nghiêm ngặt quy định kiểm tra, kiểm tra tại chỗ xem các mặt hàng được giao có nằm trong danh sách các mặt hàng bị cấm hay không và xác minh xem tên, tính chất và số lượng, cùng với các yếu tố khác, có khớp với các chi tiết trên tờ gửi thư, để ngăn chặn một cách có hệ thống các mặt hàng bị cấm xâm nhập vào các kênh phân phối, điều này được quy định trong “Luật Bưu chính”, “Luật Chống khủng bố” và “Quy định về cấm gửi các bài viết” của Trung Quốc. Theo nhóm tác giả, việc quy định này là cần thiết, bởi lẽ việc kiểm tra nghiêm ngặt các mặt hàng vận chuyển, xác định tên thật của những người tham gia mạng xã hội là rất quan trọng, điều này nhằm cải thiện “tính ẩn danh” của Internet giúp cơ quan điều tra, phòng chống tội phạm sẽ dễ dàng hơn trong việc truy tìm và xác định đối tượng vi phạm. Mặt khác, việc quy định rõ trách nhiệm của các trang web, phương tiện truyền thông xã hội, các công ty vận chuyển nhằm khiến các tổ chức này có trách nhiệm hơn trong việc chung tay phòng, chống tội phạm mạng về động vật hoang dã.

Thứ ba, hình sự hóa các quảng cáo trực tuyến và chào bán các loài động vật hoang dã, các sản phẩm từ động vật hoang dã được bảo vệ thông qua các quy định cụ thể trong luật. Biện pháp “*không khoan nhượng*” đối với các hành vi quảng cáo trái phép động vật hoang dã của Trung Quốc đã góp phần làm cho số lượng quảng cáo về động vật hoang dã giảm đi đáng kể; Việt Nam hiện nay cũng có những quy định xử lý hành vi quảng cáo trái phép động vật hoang dã nhưng quy định này chỉ chung các hành vi quảng cáo và việc xử phạt này chỉ dừng ở mức phạt tiền. Tuy nhiên, việc quảng cáo trực tuyến và chào bán các loài động vật hoang dã, theo nhóm tác giả đây là hành vi mà người bán đăng quảng cáo

thể hiện mong muốn xâm hại đến động vật hoang dã nhằm bán cá thể, bán các sản phẩm từ động vật hoang dã nhằm đạt được lợi nhuận cao. Việc quảng cáo trên Internet này theo nhóm tác giả đây đã là bước đầu của hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã, vì hình thức quảng cáo trực tuyến các loài động vật hoang dã sẽ tiếp cận được nhiều khách hàng tiềm năng hơn so với việc chào bán thông thường, do đó khả năng bán được các loài động vật hoang dã cũng cao hơn. Một khi có một nguồn khách hàng khổng lồ thì các đối tượng buôn bán động vật hoang dã càng có nhiều lợi nhuận hơn và đe dọa nghiêm trọng đến các loài động vật hoang dã. Qua đó, nhóm tác giả kiến nghị cần hình sự hóa hành vi quảng cáo trái phép trên mạng đối với các hành vi đã xử phạt tiền mà vẫn tiếp tục vi phạm. Mặt khác, nhóm tác giả kiến nghị cần áp dụng định khung tăng nặng đối với hành vi quảng cáo trái phép động vật hoang dã trên mạng bởi mức độ tiếp cận khách hàng của hành vi quảng cáo dưới hình thức trực tuyến cao hơn rất nhiều so với quảng cáo thông thường và khó bị truy cứu trách nhiệm hơn.

4.5.2. Kiến nghị về các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát cụ thể

Trung Quốc đã đạt được những chuyển biến tích cực trong hoạt động phòng ngừa, kiểm soát hành vi vi phạm quy định buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến mà Việt Nam có thể học hỏi. Thêm vào đó, nhóm tác giả đề xuất một số biện pháp phòng ngừa, kiểm soát cụ thể như sau:

Thứ nhất, thành lập đơn vị thực thi pháp luật tội phạm mạng về động vật hoang dã độc lập. Đơn vị này nên được xây dựng chỉ nhằm về các tội phạm như tội phạm về động vật hoang dã, tội phạm mạng, tội phạm xuyên quốc gia. Điều này nhằm giúp nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiệp vụ khiến cho nhóm tội phạm này khó hoạt động bí mật;

Thứ hai, thiết lập đội ngũ từ nguồn nhân lực trẻ như đoàn viên, thanh niên, sinh viên tại các địa phương để theo dõi, phản ánh trực tuyến các hoạt động nuôi nhốt hay mua bán trái phép động vật hoang dã;

Thứ ba, lấy trọng điểm là các cơ sở đào tạo công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm, tổ chức các cuộc thi nhằm tạo điều kiện có nhiều biện pháp được hiến kế phòng ngừa qua hình thức trực tuyến;

Thứ tư, hạn chế sự sẵn có của động vật hoang dã bất hợp pháp trên các nền tảng mạng xã hội và buôn bán thương mại trực tuyến bằng cách hợp tác với nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến, các công ty vận tải có liên quan nhằm hạn chế tình trạng buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến hiện nay. Tạo liên minh giữa các công ty truyền thông cùng nhau xây dựng cam kết phổ biến vấn đề động vật hoang dã đến với người sử dụng internet thông qua các thuật toán thông minh nhằm nâng cao nhận thức, tăng tính phòng ngừa. Thực tiễn Trung Quốc cho thấy sự hợp tác giữa các cơ quan thi hành pháp luật với

các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến là cần thiết nhằm trấn áp hiệu quả các tội phạm mạng về buôn bán động vật hoang dã. Những nỗ lực của các nhà cung cấp dịch vụ mạng với các cơ quan Chính phủ Trung Quốc trong việc kiểm soát quảng cáo, chia sẻ thông tin và giáo dục cộng đồng là những ví dụ có giá trị về sự hợp tác liên ngành;

Thứ năm, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo với các Bộ, Ban ngành kết hợp sản xuất các sản phẩm truyền thông có tính giáo dục, tuyên truyền về vai trò và tác động lớn của động vật hoang dã đến sự ổn định, duy trì nền đa dạng sinh học để giảng dạy trong môi trường học đường tại các cấp bậc từ mầm non trở lên;

Thứ sáu, xây dựng một ứng dụng phổ biến cung cấp thông tin về tình hình động vật hoang dã, các bài tuyên truyền về quy định pháp luật giúp người dân có hiểu biết sâu rộng hơn về động vật hoang dã, mặt khác có tích hợp chức năng báo cáo để người dân báo cáo kịp thời khi phát hiện hành vi quảng cáo, mua bán động vật hoang dã trên trực tuyến;

Thứ bảy, cần thiết lập một cơ chế nhằm giám sát hoạt động buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến và cung cấp sự chia sẻ kịp thời giữa các đầu mối liên lạc được chỉ định, đảm bảo rằng tất cả thông tin hoặc thông tin tình báo liên quan đến thương mại điện tử được thu thập và phổ biến nhất quán cho cơ quan thực thi có liên quan. Cần tăng cường cho nghiên cứu và phát triển các hệ thống giám sát hiệu quả, phát triển các hệ thống sàng lọc tự động nhằm giảm chi phí sàng lọc thủ công và các rủi ro pháp lý liên quan đến tội phạm mạng về động vật hoang dã; mặt khác với cơ chế tổng hợp dữ liệu các hệ thống này có thể phân tích xu hướng buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến;

Thứ tám, tăng cường hợp tác với các quốc gia trong khu vực, đặc biệt là những quốc gia giáp với nước ta – nơi các tuyến tội phạm buôn bán động vật hoang dã hoạt động mạnh, hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nhằm trao đổi một cách nhanh nhất về thông tin tình báo, cập nhật mới nhất về xu hướng tội phạm mạng về buôn bán động vật hoang dã, hợp tác với nhau để cùng triệt phá đường dây mua bán động vật hoang dã xuyên quốc gia dưới hình thức trực tuyến.

5. KẾT LUẬN

Bảo vệ động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến cần sự nỗ lực chung từ cộng đồng quốc tế mà Việt Nam với Trung Quốc không nằm ngoài xu thế chung đó. Nhìn ở góc độ tổng quan, Việt Nam đã có những nỗ lực nhằm đẩy mạnh công tác phòng ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm kết hợp với các quy định pháp luật hiện hành qua đó phần nào ngăn chặn các đối tượng có ý định và đang tiến hành thực hiện. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng cơ chế quản lý, phòng ngừa, kiểm soát cũng như thực tế hoá các quy định pháp luật trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, thiếu sót, chưa mang tính cụ thể, rõ ràng nhất định. Bởi vì vậy, bài viết “*Phòng ngừa, kiểm soát hành vi vi phạm quy định về buôn bán động vật hoang dã dưới hình thức trực tuyến – kinh nghiệm từ Trung Quốc và kiến nghị cho Việt Nam*” đã

phân tích, so sánh, đánh giá để nhận thấy được những diễn biến tích cực tại Trung Quốc đối với vấn đề động vật hoang dã. Qua đó, học tập những kinh nghiệm từ Trung Quốc và kiến nghị một số giải pháp trong pháp luật nước nhà, hơn hết là tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát các hành vi. Có như thế, công tác chung về bảo vệ động vật hoang dã không chỉ còn nằm trên văn bản mà trực tiếp được áp dụng, thực thi trên thực tế. Quan trọng nhất là các loài động vật hoang dã thực sự được sống trong môi trường tự nhiên mà chúng vốn thuộc về, đẩy lùi vấn nạn nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng. Hoạt động bảo vệ động vật hoang dã là trách nhiệm thuộc về tất cả các cá nhân, tổ chức, không chỉ ở thế hệ hiện nay mà còn thuộc về thế hệ sau này. Nỗ lực chung chính là chìa khoá vạn năng, tấm lá chắn mạnh mẽ, giảm thiểu các hành vi vi phạm đe dọa các loài động vật hoang dã đặc biệt được thực hiện dưới hình thức trực tuyến. Sau cùng, cách tốt nhất để phòng chống mọi loại hình tội phạm chính là phải chủ động phòng ngừa, siết chặt kiểm soát.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. SC65 Doc. 38, Review of implementation of resolution conf. 12.5 (rev. Cop16) on conservation of and trade in tigers and other appendix-i asian big cat species, pg. 5
2. (truy cập ngày 13/02/2023)
3. Vbpl.vn, Decree No. 84/2021/NĐ-CP, <https://vbpl.vn/bonongnghiep/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=155782> (truy cập ngày 18/02/2023).
4. Vbpl.vn, Decree No.05/2018/NQ-HĐTP, <https://vbpl.vn/Toaannhandantoicaio/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=131940>.
5. Tulieuvankien.dangcongsan.vn, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ho-so-su-kien-nhan-chung/luat-quoc-te/cong-uoc-ve-buon-ban-quoc-te-cac-loai-dong-vat-thuc-vat-hoang-da-nguy-cap-ky-ket-tai-washington-d-c-ngay-331973-sua-3348>
6. Congbao.chinhphu.vn, Cybersecurity law 2018, <http://congbao.chinhphu.vn/noi-dung-van-ban-so-24-2018-qh14-26894>
7. Congbao.chinhphu.vn, <http://congbao.chinhphu.vn/noi-dung-van-ban-so-10-vbhn-vpqh-25810?cbid=21232>
8. Wwww.gov.cn, Law on Wildlife Protection of the People's Republic of China, http://www.gov.cn/xinwen/2022-12/31/content_5734357.htm(truy cập từ ngày 27/01/2023).
9. Vi.chinajusticeobserver.com, Criminal Law of the People's Republic of China, <https://vi.chinajusticeobserver.com/law/x/criminal-law-of-china-20171104> (truy cập từ ngày 06/02/2023).
10. Traffic.org, Uniting the digital world against wildlife trafficking online, <https://www.traffic.org/what-we-do/projects-and-approaches/wildlife-crime/cybercrime/> (truy cập ngày 02/03/2023).
11. Thiennhienmoitruong.vn, Increased wildlife trade on online platforms, <https://thiennhienmoitruong.vn/gia-tang-nan-buon-ban-dong-vat-hoang-da-tren-nen-tang-truc-tuyen.html> (truy cập ngày 09/02/2023).

12. Cand.com.vn, Taking advantage of social networks to trade wild animals, <https://cand.com.vn/Phap-luat/Loi-dung-mang-xa-hoi-de-buon-ban-dong-vat-hoang-da-i572665/> (truy cập ngày 13/02/2023)
13. Vtv.vn, Trade in wild animals online, dangerous diseases spread from animals to humans, <https://vtv.vn/xa-hoi/buon-ban-dong-vat-hoang-da-tren-mang-nguy-hiem-benh-tat-lay-tu-dong-vat-sang-nguoi-20220527125547741.htm> (truy cập ngày 16/02/2023).
14. Vtv.vn, Wild animals are widely sold on social networks, <https://vtv.vn/xa-hoi/cac-loai-dong-vat-hoang-da-duoc-rao-ban-tran-lan-tren-mang-xa-hoi-20220526183821416.htm> (truy cập ngày 17/02/2023).
15. Vietnamplus.vn, The illegal online trade in wild animals has increased rapidly, <https://www.vietnamplus.vn/nan-buon-ban-online-trai-phep-dong-vat-hoang-da-tang-chong-mat/392392.vnp> (truy cập ngày 12/02/2023).
16. Vneconomy.vn, Blocking wildlife trade in cyberspace: Tech companies' responsibilities, <https://vneconomy.vn/chan-cac-hanh-vi-mua-ban-dong-vat-hoang-da-tren-khong-gian-mang-trach-nhiem-cua-cac-cong-ty-cong-nghe.htm>
17. Vneconomy.vn, Catching up on technology trends in online shopping, <https://vneconomy.vn/don-dau-cac-xu-huong-cong-nghe-trong-mua-sam-online>.
18. Cand.com.vn, Follow the trail of dirty money from wildlife smuggling, <https://cand.com.vn/Ho-so-Interpol/Lan-theo-dau-vet-tien-ban-tu-buon-lau-dong-vat-hoang-da-i498072/> (truy cập ngày 17/02/2023)
19. Congan.com.vn, Interpol: 6 types of cybercrime are a global threat, https://congan.com.vn/tin-chinh/interpol-6-loai-toi-pham-mang-la-moi-de-doa-toan-cau_104041.html
20. Nhandan.vn, Strictly handle illegal trade in wild and rare animals, <https://nhandan.vn/xu-ly-nghiem-hanh-vi-buon-ban-trai-phep-dong-vat-hoang-da-quy-hiem-post708018.html>
21. VTV24, Bản tin tiêu điểm: Buôn bán động vật hoang dã trên không gian mạng

BUÔN BÁN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI THAM NHƯNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Lê Quang Huy¹, Đoàn Võ Quốc
(Được hướng dẫn bởi TS. Hà Lệ Thủy)

Tóm tắt: Thực tế cho thấy nạn tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã mang lại hậu quả rất nghiêm trọng. Những kẻ có hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã tìm cách hối lộ những quan chức và cơ quan thực thi pháp luật để có thể yên ổn thực hiện hành vi và thu lợi bất chính, điều này trực tiếp đe dọa sự tồn tại của nhiều loài động vật hoang dã. Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để tập trung làm rõ quy định pháp luật về hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã ở Việt Nam và nguyên nhân dẫn đến tham nhũng trong buôn bán trái phép động vật hoang dã. Bài viết cũng kết luận rằng buôn bán trái phép động vật hoang dã với tham nhũng có mối quan hệ mật thiết với nhau, chính vì vậy nhóm tác giả đưa một số giải pháp phòng, chống phù hợp nhằm đem lại hiệu quả trong việc bảo vệ động vật hoang dã trước những hành vi buôn bán trái phép gắn với tham nhũng ở Việt Nam hiện nay và thời gian tới có hiệu quả.

Từ khóa: động vật hoang dã, buôn bán trái phép, tham nhũng, Việt Nam.

1. DẪN NHẬP

Việc tăng đột biến nhu cầu sử dụng động vật hoang dã từ đó xuất hiện buôn bán động vật hoang dã đã gây ảnh hưởng lớn đến các loài động vật hoang dã ngoài tự nhiên. Chính vì các lý do đó, các nghiên cứu về động vật hoang dã ở Việt Nam đã ghi nhận số lượng động vật hoang dã suy giảm nhanh chóng, nhiều loài đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Bên cạnh đó, dưới tác động của nhu cầu sử dụng động vật hoang dã làm thực phẩm, làm thuốc và đồ trang trí tại Việt Nam hiện nay ngày càng lớn, nhất là đối với các sản phẩm từ động vật hoang dã như mật gấu, cao hổ, sừng tê giác, vảy tê tê,... đem đến nguồn lợi nhuận hàng tỷ đồng tiền mỗi năm. Điều này, trực tiếp làm gia tăng hoạt động mua bán trái phép động vật hoang dã khiến nhiều loài đã biến mất, một số loài bị đe dọa tuyệt chủng.

Tuy nhiên, trong quá trình buôn bán trái phép động vật hoang dã thường số lượng hàng hóa vận chuyển là rất lớn và có sự tham gia của nhiều người ở nhiều giai đoạn nên phải đối mặt với nguy cơ cao bị phát hiện và xử lý bởi các cơ quan chức năng. Trong bối cảnh đó, những kẻ có hành vi buôn bán trái phép thường tìm cách hối lộ những quan chức và cơ quan thực thi pháp luật để có thể thuận lợi thực hiện hành vi. Đây chính là mấu

¹ Trường Đại học Luật, Đại học Huế, email: lqhgalai@gmail.com

chốt của mối quan hệ giữa tham nhũng và buôn bán trái phép động vật hoang dã, đồng thời cũng là nguyên nhân làm gia tăng hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã. Với việc buôn bán trái phép ĐVHD cũng là nguyên nhân dẫn đến làm gia tăng hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã và xuất hiện tham nhũng, tác giả đã đặt ra hai câu hỏi nghiên cứu cần phải được giải quyết tại bài viết này, đó là: Thứ nhất, Tham nhũng và buôn bán trái phép động vật hoang dã có mối quan hệ như thế nào?, Thứ hai, Vậy buôn bán trái phép động vật hoang dã trong mối quan hệ với tham nhũng ở Việt Nam hiện nay cần có giải pháp gì?

Nhằm giải quyết câu hỏi nghiên cứu đã được đặt ra, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu để làm rõ các vấn đề liên quan, cụ thể: Phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học; Phương pháp phân tích, tổng hợp. Từ đó, đưa ra được vấn đề chung của buôn bán trái phép động vật hoang dã và nguyên nhân dẫn đến tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã ở Việt Nam hiện nay. Do đó, bài nghiên cứu này có giá trị xác định tham nhũng trong mối quan hệ với buôn bán trái phép động vật hoang dã song cùng đưa ra giải pháp phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã.

2. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA BUÔN BÁN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

2.1. Khái niệm buôn bán trái phép động vật hoang dã

Việc mua bán và trao đổi tài nguyên động vật và thực vật hoang dã của con người – đơn giản hơn là “buôn bán động vật hoang dã” – là một vấn đề cốt lõi trong mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững. Một cách trực tiếp và gián tiếp, nhu cầu và mức tiêu thụ ngày càng tăng đang làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên sống của Trái đất với tốc độ đáng báo động, nhưng cũng chính những nguồn tài nguyên này lại cung cấp nền tảng sinh học mà xã hội loài người phụ thuộc vào. Về bản chất, buôn bán các sản phẩm động thực vật hoang dã là một hoạt động thương mại giống như bất kỳ hoạt động nào khác¹.

Buôn bán trái phép là việc một người thực hiện hành vi bán trái phép hàng hóa bị cấm theo quy định pháp luật (không phụ thuộc vào nguồn gốc do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác².

Buôn bán trái phép động vật hoang dã được hiểu là việc một người thực hiện hành vi bán trái phép động vật hoang dã cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc động vật hoang dã do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ động vật hoang dã cho người khác

¹ Broad, S., Mulliken, T., & Roe, D. (2014). The nature and extent of legal and illegal trade in wildlife. In *The trade in wildlife* (pp. 25-44). Routledge., <https://doi.org/10.4324/9781849773935>

² Vũ Công Giao – Bùi Tiến Đạt, Giáo trình phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác; Mua động vật hoang dã nhằm bán trái phép cho người khác; Dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán... lấy động vật hoang dã nhằm bán lại trái phép cho người khác; Tàng trữ động vật hoang dã nhằm bán trái phép cho người khác; Vận chuyển động vật hoang dã nhằm bán trái phép cho người khác.

Giáo trình phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã của Đại học Luật - Đại học quốc gia Hà Nội đưa ra nghĩa cụ thể hơn của Công ước CITES, việc buôn bán động vật hoang dã phải thỏa mãn ba điều kiện sau¹:

“Thứ nhất, tính hợp pháp: Các mẫu vật phải được thu thập theo đúng quy định luật pháp quốc gia về bảo vệ các loài động vật và thực vật.

Thứ hai, tính bền vững: Cần có đánh giá dựa trên các cơ sở khoa học để khẳng định việc buôn bán một loài sinh vật phải đảm bảo tính bền vững và không làm tổn hại đến sự tồn tại của loài đó và phải tính đến vai trò của loài trong hệ sinh thái.

Thứ ba, khả năng truy xuất nguồn gốc: Sinh vật bị buôn bán có thể truy xuất được nguồn gốc dựa trên các giấy phép và chứng chỉ”

Như vậy, nếu động vật hoang dã được sử dụng vì mục đích thương mại (buôn bán) nhưng không đảm bảo bất kỳ một trong ba điều kiện kể trên thì bị coi là buôn bán trái pháp luật.

Từ đó, nhóm tác giả đưa ra khái niệm: *“Buôn bán trái phép động vật hoang dã là các hoạt động có liên quan đến việc thu thập, vận chuyển và phân phối các loài động vật có nguồn gốc từ tự nhiên một cách bất hợp pháp”.*

Như vậy, tất cả các loài động vật hoang dã (loài có tên hoặc không có tên trong danh mục ban hành kèm theo các văn bản quy phạm pháp luật) đều được quản lý, bảo vệ. Nếu việc khai thác, sử dụng và buôn bán không tuân thủ đúng với các quy định thì đều bị coi là trái phép.

2.2. Đặc điểm của buôn bán trái phép động vật hoang dã

Buôn bán trái phép động vật hoang dã là một ngành kinh doanh có lợi nhuận cao. Buôn bán trái phép động vật hoang dã là hành vi trái pháp luật, các loài động vật hoang dã và các bộ phận của chúng được buôn bán trái phép giống như buôn bán ma túy, buôn người và buôn lậu vũ khí. Sở dĩ có điều này xuất phát từ những đặc điểm của buôn bán trái phép động vật hoang dã như:

Thứ nhất, hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã là hành vi trái pháp luật. Xâm phạm đến xâm phạm đến các quy định quản lý nhà nước liên quan đến việc giữ gìn,

¹ Vũ Công Giao – Bùi Tiến Đạt, Giáo trình phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội- Trang 22

bảo vệ động vật hoang dã và đảm bảo đa dạng sinh thái... cụ thể là xâm phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã.

Thứ hai, buôn bán trái phép động vật hoang dã có đối tượng là động vật hoang dã. Đó là các loài động vật rừng thông thường các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của Chính phủ và các loài I, II, III Công ước CITES

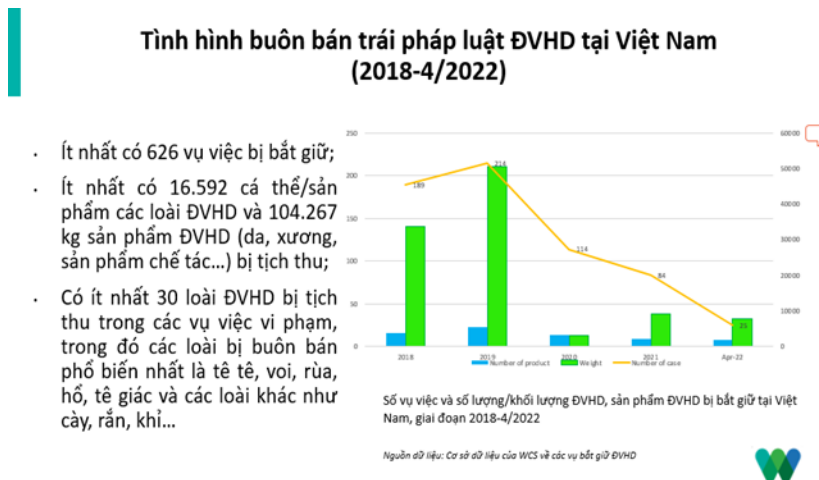
Thứ ba, người hoặc pháp nhân thương mại thực hiện hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã là do cố ý. Người hoặc pháp nhân thương mại thực hiện hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã với nhiều động cơ, mục đích khác nhau, tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể nhưng chủ yếu là vì lợi nhuận.

Thứ tư, người hoặc pháp nhân thương mại thực hiện hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã đứng trước nguy cơ bị xử phạt theo quy định của pháp luật nhằm trừng trị và đồng thời giáo dục, cải tạo họ.

2.3. Thực trạng buôn bán trái phép động vật hoang dã tại Việt Nam

Hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã ở Việt Nam bắt đầu phát triển mạnh vào cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, khi việc giao lưu buôn bán quốc tế ở Việt Nam được mở rộng. Hiện nay, hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã vẫn diễn ra và có xu hướng mở rộng, sự phát triển của hoạt động buôn bán thể hiện qua số lượng giấy phép CITES tăng qua hàng năm¹.

Số liệu WCS tổng hợp từ các nguồn mở, từ năm 2018 đến tháng 4/2022, các cơ quan chức năng tại Việt Nam đã bắt giữ hơn 620 vụ việc liên quan đến các hành vi vi phạm trong vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt, tàng trữ và săn bắt động vật hoang dã (ĐVHD).



- Ít nhất có 626 vụ việc bị bắt giữ;
- Ít nhất có 16.592 cá thể/sản phẩm các loài ĐVHD và 104.267 kg sản phẩm ĐVHD (da, xương, sản phẩm chế tác...) bị tịch thu;
- Có ít nhất 30 loài ĐVHD bị tịch thu trong các vụ việc vi phạm, trong đó các loài bị buôn bán phổ biến nhất là tê tê, voi, rùa, hổ, tê giác và các loài khác như cầy, rắn, khỉ...

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ tổ chức WCS

¹ Bùi Đăng Phong (2018), Hiện trạng buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật, ThienNhiem.Net <https://www.thiennhiem.net/2018/12/26/hien-trang-buon-ban-dong-vat-hoang-da-trai-phap-luat/>

Theo thống kê, có khoảng 16.592 cá thể và sản phẩm các loài động vật hoang dã và 104.267 kg sản phẩm (da, xương, sản phẩm chế tác...) của ít nhất 30 loài động vật hoang dã bị tịch thu trong các vụ việc vi phạm. Các loài động vật hoang dã và sản phẩm bị bắt giữ phổ biến là tê tê, rùa, sản phẩm từ voi, hổ, tê giác và các loài khác như cầy, rắn, khỉ...

Từ những số liệu thu thập và phân tích ở một số tỉnh thành trên, có thể thấy thực trạng đáng lo ngại về buôn bán trái phép động vật hoang dã ở một số tỉnh thành và trên cả nước Việt Nam, con số này chỉ phản ánh một phần nhỏ bức tranh buôn bán trái phép động vật hoang dã trên thực tế. Những năm gần đây, Việt Nam dần trở thành điểm nóng buôn bán trái phép động vật hoang dã với tang vật vi phạm và số vụ buôn lậu quy mô lớn gia tăng. Nhiều nhóm tội phạm siêu lợi nhuận xuyên quốc gia và những kẻ cầm đầu đứng đằng sau các hoạt động buôn bán trái phép có mối liên hệ chặt chẽ với nạn tham nhũng vẫn đang nhờn nhờ ngoài vòng pháp luật. Tại Hội thảo “Phía sau nạn buôn bán động vật hoang dã ở Việt Nam” do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) tổ chức tháng 5/2019 tại Vĩnh Phúc, bà Bùi Thị Hà, Phó giám đốc Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) cho biết *“Thời gian qua, rất nhiều vụ việc lực lượng chức năng chỉ thu giữ tang vật mà không thể xử lý đối tượng. Nguyên nhân là do không tìm ra được chủ/người cầm đầu của các công ty ma, cũng như các lô hàng không ghi rõ nguồn gốc. Tuy nhiên, trên thực tế, công ty ma thì họ vẫn có giám đốc, có người điều hành, thậm chí họ thuê/nhờ ông xe ôm đứng ra vận chuyển thì ông xe ôm cũng là người tiếp tay cho hành vi phạm tội cần phải xử lý”*¹. Có chung quan điểm, ông Lê Văn Minh, đại diện Tổ chức WCS – Chương trình Việt Nam, cho rằng tham nhũng và buôn bán động vật hoang dã trái phép là hai loại tội phạm độc lập nhưng có mối quan hệ với nhau. Buôn bán động vật hoang dã làm gia tăng tình hình tham nhũng, hối lộ đồng thời tham nhũng khiến tình hình buôn bán thêm nghiêm trọng. *“Nghiên cứu của WWF/Dalberg 2012 chỉ ra rằng việc săn bắt động vật hoang dã diễn ra mạnh mẽ ở những nơi tham nhũng hoành hành, việc thực thi pháp luật của chính quyền chủ yếu và tại những nơi không có nhiều cơ hội thay thế về mặt kinh tế”* ông Minh nói², qua đó cho thấy sự cần thiết phải có biện pháp phòng, chống những hành vi này, nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, gìn giữ tài nguyên sinh vật cho các thế hệ mai sau. Đây là công việc cần làm ngay, song cũng là một công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi có sự tham gia của tất cả các quốc gia và huy động nhiều nguồn lực khác nhau trong một nỗ lực liên tục và lâu dài và để ngăn chặn tình trạng này thì các cơ quan chức năng cần tăng cường công tác quản lý và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

¹ PanNature (2019), Cuộc chiến chống buôn bán ngà voi gặp khó vì bảo kê, tham nhũng?, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, <https://nature.org.vn/vn/2019/05/cuoc-chien-chong-buon-ban-nga-voi-gap-kho-vi-bao-ke-tham-nhung/>, truy cập ngày 30/04/2023

² PanNature (2019), Cuộc chiến chống buôn bán ngà voi gặp khó vì bảo kê, tham nhũng?, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, <https://nature.org.vn/vn/2019/05/cuoc-chien-chong-buon-ban-nga-voi-gap-kho-vi-bao-ke-tham-nhung/>, truy cập ngày 30/04/2023

Hậu quả của việc buôn bán trái phép động vật hoang dã là rất lớn. Ngoài việc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đa dạng sinh học, môi trường tự nhiên, nhiều loài động vật đã tuyệt chủng và nguy cơ tuyệt chủng còn gây ảnh hưởng đến môi trường sống của nhân loại và gia tăng tội phạm về buôn bán trái phép động vật hoang dã như số liệu đã được đề cập ở trên, đi kèm với đó là gia tăng tình trạng tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã. Đồng thời, việc sử dụng sản phẩm của động vật hoang dã còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, việc sử dụng sản phẩm động vật hoang dã tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ truyền nhiễm dịch bệnh từ động vật sang người. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã cảnh báo, khoảng 70% bệnh truyền nhiễm trong 50 năm qua đều bắt nguồn từ động vật hoang dã.

3. THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

3.1. Khái niệm tham nhũng gắn với buôn bán động vật hoang dã

Nhắc đến tham nhũng trong buôn bán trái phép động vật hoang dã, cần phải hiểu rằng tham nhũng về bản chất cũng là một dạng của hành vi vi phạm, xảy ra trong hầu hết các tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội. Tham nhũng như một chiếc vòi bạch tuộc, len lỏi khắp mọi nơi, tác động vào các mối quan hệ xã hội làm xói mòn lối sống, đạo đức và đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn vong của đất nước.

Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á (Asian Development Bank – ADB), tham nhũng là: *“hành động lạm dụng chức vụ để làm giàu bất chính hoặc bất hợp pháp cho bản thân hoặc cho những người thân cận của một bộ phận nhân viên ở cả khu vực công và khu vực tư, hoặc để tạo cơ hội cho những kẻ khác làm như vậy”*¹.

Theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế, tham nhũng là: *“hành vi lợi dụng quyền hành để gây phiền hà, khó khăn và lấy của dân”*.

Theo “Từ điển Tiếng Việt” thì *“Tham nhũng là lợi dụng quyền hạn để nhũng nhiễu dân và lấy của”*

Và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (khoản 1 Điều 3) quy định: *“Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”*.

Như vậy, có nhiều khái niệm khác nhau để giải thích về tham nhũng, nhưng nhìn chung đều cho chúng ta thấy bản chất của tham nhũng đó chính là hiện tượng xã hội tiêu cực được thể hiện bằng những hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi cho cá nhân hoặc cho người khác dưới bất cứ hình thức nào, gây thiệt hại cho tài sản của tập thể, của công dân hoặc gây thiệt hại cho hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

¹ <https://www.adb.org/Documents/Policies/Anticorruption>

Buôn bán trái phép động vật hoang dã là một lĩnh vực mà tham nhũng có thể xảy ra và chúng có tác động rất lớn đến các mối quan hệ xã hội trong các lĩnh vực môi trường, kinh tế, thậm chí là an ninh quốc gia.

Theo Daan van Uhm, 2016, Tham nhũng và lợi dụng quyền lực được coi là hệ quả tất yếu của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Và ranh giới giữa hợp pháp và bất hợp pháp trở nên rất mờ nhạt. Chính vì thế buôn bán động vật hoang dã cũng có thể trở thành thủ đoạn hay là mục đích để cho hành vi tham nhũng xảy ra và tồn tại¹.

Thương mại trở nên tham nhũng khi các mặt hàng được giao dịch và các cân nhắc trao đổi không được phép nhưng vẫn được thực hiện và hơn thế nữa liên quan đến các bên hoặc những người đáng lẽ phải bị cưỡng chế chống lại giao dịch đó. Việc bán các động vật hoang dã sống hoặc chết là bất hợp pháp ở hầu hết các quốc gia cũng như việc săn bắn của họ ở các khu vực không được bảo vệ. Việc săn bắt và buôn bán động vật hoang dã trong các khu bảo tồn với sự trợ giúp của cảnh sát, quân giáo, quân đội, quan chức hoặc bất kỳ người nào lẽ ra phải chấm dứt việc săn bắn và buôn bán đã trở nên phổ biến trên toàn cầu. Hoạt động buôn bán tham nhũng này liên quan đến động vật, chim, bò sát, động vật thân mềm, cá và các loài thủy sinh khác².

Tham nhũng trong buôn bán trái phép động vật hoang dã theo quan điểm của nhóm tác giả được hiểu là: *“Hành vi sử dụng chức vụ, quyền hạn bao che, dung túng để sau cùng nhận lại tiền, giá trị vật chất”*

Liên quan trực tiếp đến vấn đề buôn bán trái phép động vật hoang dã, một số công trình nghiên cứu gần đây đã cho thấy, ở nhiều quốc gia, tham nhũng diễn ra khá phổ biến, trên nhiều cấp độ³ và là một trong những yếu tố chính làm cho tình trạng buôn bán trái phép động vật hoang dã ngày càng nghiêm trọng hơn⁴. Ở một số nước, tham nhũng ngày càng trở nên có hệ thống, mang tính chất của tội phạm có tổ chức, và là một phần không thể tách rời các hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã⁵.

Có thể thấy tham nhũng diễn ra trong tất cả các công đoạn của buôn bán trái phép động vật hoang dã, từ săn bắt, giết mổ, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm và biểu hiện ở dưới nhiều hình thức⁶. Điển hình là những trường hợp như sau:

¹ Van Uhm, D., & Siegel, D. (2016). The illegal trade in black caviar. *Trends in Organized Crime*, 19, 67-87.

² Matorera, D. (2022). Corruption: Drivers, Modes and Consequences. In *Corruption-New Insights*. IntechOpen.

³ Warchol (2004), “The Transnational Illegal Wildlife Trade”, *Journal on Criminal Justice Studies*, Volume 17 (1).

⁴ Tanya Wyatt (2020), *Tham nhũng tiếp tay cho nạn buôn bán động vật, thực vật hoang dã trái pháp luật như thế nào*.

⁵ Holmes, L. (2006), *Rotten States? Corruption, Post-Communism, and Neoliberalism*. Durham, NC: Duke University Press.

⁶ Marceil Yeater (2012), *Corruption and Illegal Wildlife Trafficking*, United Nations Office on Drugs and Crime, Corruption, Environment and the United Nations Convention Against Corruption, tr. 17

Cán bộ nhận hối lộ từ cá nhân, doanh nghiệp để cấp giấy xác nhận nguồn gốc của động vật hoang dã, giấy phép xuất khẩu các vật phẩm động vật hoang dã.

Cán bộ có thẩm quyền có hưởng lợi ích từ doanh nghiệp buôn bán động vật hoang dã hoặc nuôi, nhốt mà họ có nhiệm vụ quản lý.

Cán bộ bao che, nhận hối lộ từ cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi buôn bán bất hợp pháp các vật phẩm động vật hoang dã có giá trị (ví dụ như ngà voi; móng hổ, nanh hổ, móng gấu,...)¹.

Nhân viên quản lý thị trường, hải quan, kiểm lâm... và các công ty vận chuyển nhận hối lộ từ các cá nhân, doanh nghiệp nhằm được xác nhận lưu thông, thông quan xuất nhập khẩu động vật hoang dã và sản phẩm từ động vật hoang dã trái phép.

Gian lận của cá nhân, doanh nghiệp trong việc xin cấp và sử dụng giấy phép săn bắn, nuôi, nhốt, chế biến, kinh doanh sản phẩm từ động vật hoang dã.

Cán bộ, công chức lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm sai lệch bản chất hồ sơ vụ án, vụ việc vì vụ lợi cá nhân, dẫn đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử không đảm bảo khách quan, đúng người đúng tội.

3.2. Nguyên nhân dẫn đến tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã ở Việt Nam hiện nay

Trong một số nghiên cứu hiện tại, đã xác định được một số yếu tố tội phạm khiến việc buôn bán trái phép ĐVHD trở nên cực kỳ hấp dẫn đối với tội phạm có tổ chức, chẳng hạn như sự khan hiếm một số loài ĐVHD đã khiến cho các đối tượng phạm tội tìm cách buôn bán chúng, tạo nên sự bất ổn xã hội mà từ đó tiếp tay cho nhóm tội phạm tham nhũng ở các quốc gia xuất xứ, khi mà sự kiểm soát tương đối ít hơn và các lỗ hổng trong quy định trong pháp luật là rõ ràng hơn. Nhìn bề ngoài, giữa buôn bán trái phép động vật hoang dã và tham nhũng ít liên quan đến nhau, tuy nhiên, tham nhũng ngày càng trở nên có hệ thống, mang tính chất của tội phạm có tổ chức, và là một phần không thể tách rời các hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã. Trong quá trình nghiên cứu tác giả nhận thấy tham nhũng có mối quan hệ mật thiết, với buôn bán trái phép động vật hoang dã². Vì buôn bán trái phép động vật hoang dã là hoạt động bị pháp luật nghiêm cấm nên đối mặt với nhiều rủi ro khi bị phát hiện, xử lý bởi các cơ quan chức năng. Hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã thường có sự tham gia của nhiều người và trong nhiều giai đoạn với số lượng hàng lớn, những kẻ tội phạm đều phải che giấu các cơ quan chức năng. Trong bối cảnh đó, những kẻ có hành vi buôn bán trái phép thường tìm cách

¹ Hữu Trọng (2012), Thông tin tiếp theo vụ 4 cán bộ QLTT nhận hối lộ, Công an nhân dân Online, <https://candn.com.vn/thong-tin-tiep-theo-vu-4-can-bo-qltt-nhan-hoi-lo-post2368.html>, truy cập ngày: 17/02/2023

² Holmes, L. (2006), *Rotten States? Corruption, Post-Communism, and Neoliberalism*. Durham, NC: Duke University Press

hối lộ những quan chức và cơ quan thực thi pháp luật để có thể thuận lợi thực hiện hành vi và thu lợi bất chính. Đồng thời, lợi nhuận từ buôn bán trái phép động vật hoang dã là rất lớn, nên các đối tượng sẵn sàng chi số tiền lớn hối lộ quan chức thực thi pháp luật làm gia tăng tội phạm tham nhũng hiện nay.

Tình trạng tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã xuất phát từ một số nguyên nhân cụ thể như sau:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo vệ động vật hoang dã nói chung, cũng như ngăn chặn và xử lý buôn bán trái phép động vật hoang dã còn một số bất cập, hạn chế. Thực tế là vẫn còn tồn tại một số quy định chưa phù hợp tạo điều kiện cho một số người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng để trục lợi, làm giàu bất chính trong hoạt động ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã. Chẳng hạn như, theo quy định của Điều 234 BLHS năm 2015 thì đối tượng tác động của tội phạm này là động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES hoặc bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục¹. Tuy nhiên, Điều 234 căn cứ vào giá trị hàng hóa, hậu quả của hành vi làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, định khung hình phạt gây khó khăn trong công tác điều tra, truy tố, xét xử. Việc định giá tài sản do chưa có căn cứ chính xác nào để quy định về giá, có chăng chỉ là định giá theo cảm tính, nên dễ dẫn đến việc áp dụng giá không thống nhất, áp dụng pháp luật không công bằng. Điều này dẫn đến tình trạng xác định sai giá mua bán thu thập được trên thị trường không chính thức hoặc định giá dựa trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu hàng cấm mà giá trị của động vật hoang dã thấp hơn so với thực tế nhằm hướng vụ án theo hướng có lợi cho người phạm tội.

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP thì mẫu vật các loài thuộc Phụ lục II CITES sau xử lý tịch thu được chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày vì mục đích thương mại². Tuy nhiên, không quy định rõ việc này chỉ được thực hiện sau khi có xác nhận về tình trạng không thể duy trì sự sống của động vật bị tịch thu hay không. Điều này dễ dẫn đến tình trạng lạm dụng chức vụ, quyền hạn để xử lý sai chứng cứ để bán những mẫu vật từ động vật hoang dã cho các cơ sở kinh doanh và tiêu thụ động vật hoang dã bất hợp pháp để thu lợi nhuận.

Thứ hai, các khu vực diễn ra hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã thường ở những địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, địa bàn rộng có địa hình phức tạp. Tuy nhiên, nguồn nhân lực cũng như công cụ, phương tiện còn thiếu nên việc phát hiện và xử lý hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã tại các khu vực này gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, tại các địa phương trên cơ chế kiểm tra, giám sát phát hiện, xử lý

¹ Điều 234 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

² Điều 29 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động phòng, chống mua bán trái phép động vật hoang dã còn chưa được siết chặt cũng là một nguyên nhân để xuất hiện tham nhũng.

Thứ ba, một bộ phận quan chức thực thi pháp luật suy thoái, biến chất. Họ sẵn sàng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để để dụng túng, che giấu các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật với các hình thức như làm ngơ, cung cấp thông tin, xác nhận lưu thông, thông quan xuất nhập khẩu động vật hoang dã và sản phẩm từ động vật hoang dã trái phép, làm sai lệch hồ sơ vụ án để vụ lợi... gây ảnh hưởng tiêu cực tới công tác bảo vệ động vật hoang dã. Nhờ có sự tiếp tay của một bộ phận quan chức biến chất, nhiều đối tượng tội phạm đã và đang ngang nhiên thực hiện các hành vi phạm tội mà không lo sợ bị phát hiện, bắt giữ, bị đưa ra xét xử hay phải đối diện với án phạt tù. Một số người có chức vụ, quyền hạn duy trì lợi ích cá nhân hoặc tài chính đằng sau các hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã, thông qua nhận hối lộ, nhận quà tặng là động vật hoang dã hoặc sản phẩm của động vật hoang dã như ngà voi, sừng tê giác, tê tê... Theo nhóm tác giả đến từ Đại học Northumbria Vương quốc Anh “Những nơi như Móng Cái, Việt Nam bị chi phối bởi các băng nhóm tội phạm có tổ chức, được hỗ trợ bởi các quan chức hải quan và kiểm soát biên giới tham nhũng, những người thu phí vận chuyển hàng qua các cửa khẩu không chính thức. Hơn nữa, với các sản phẩm như ngà voi và sừng tê giác những kẻ buôn bán động vật hoang dã có thể khai thác các lỗ hổng bảo mật trong mạng lưới thực thi pháp luật của đất nước. Do đó, sự kiểm soát lỏng lẻo và sự sẵn sàng nhận hối lộ của các quan chức khiến việc buôn lậu ngà voi có thể xảy ra.”¹

Ngoài ra, xuất phát từ nguồn lợi nhuận khổng lồ từ hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã, các đối tượng buôn bán trái phép động vật hoang dã có quy mô tổ chức và nguồn lực lớn sẵn sàng chi số tiền lớn để làm tha hóa các quan chức và cơ quan thực thi pháp luật để có thể thuận lợi vận chuyển, mua bán trái phép động vật hoang dã. Đây là một số vấn đề dẫn đến tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã trong thực tiễn, cần được nghiên cứu để đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã.

4. GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Thông qua thực trạng buôn bán trái phép động vật hoang dã tại Việt Nam và nguyên nhân dẫn đến tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã, tác giả nhận thấy, nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã tăng nhanh với sự nhúng tay của nhiều mạng lưới tội phạm và sự tiếp tay của một số quan chức thực thi pháp luật. Điều này xuất phát từ các nguyên nhân như hệ thống pháp luật về ngăn chặn và xử lý buôn bán trái phép động vật hoang dã còn một số bất cập, hạn chế, nguồn nhân lực và phương tiện phát hiện

¹ Wyatt, T., Johnson, K., Hunter, L. và cộng sự (2018), *Tham nhũng và buôn bán động vật hoang dã: Ba trường hợp nghiên cứu liên quan đến châu Á*. Tạp chí Tội phạm học Châu Á 13, 35–55, <https://doi.org/10.1007/s11417-017-9255-8>, truy cập ngày 17/02/2023

và xử lý hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, một bộ phận quan chức thực hiện pháp luật bao che, che giấu hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã khiến nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã tăng nhanh cả về số lượng và tính chất nguy hiểm, đe dọa lật đổ hàng thập kỷ thành quả bảo tồn. Xuất phát từ thực trạng trên, để kiểm soát, ngăn chặn và hạn chế tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã, cũng như góp phần hoàn thiện pháp luật hiện hành cho phù hợp tình hình mới; nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã hiện nay và trong thời gian tới, tác giả, đưa ra một số giải pháp cụ thể như:

Thứ nhất, rà soát và hoàn thiện quy định pháp luật về xử lý đối với hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã theo hướng cụ thể, phù hợp với thực tiễn. Từ đó hạn chế các hành vi tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã và đảm bảo hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã được xử lý một cách nghiêm minh.

Nên sửa đổi Điều 234 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo hướng của Điều 244 Bộ luật Hình sự năm 2015 là căn cứ số lượng cá thể bị xâm hại làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, định khung hình phạt tạo thuận lợi trong công tác điều tra, truy tố, xét xử. Vì trong thực tế hiện nay rất khó để xác định được giá trị chính xác hoặc nếu có cũng rất ít trường hợp giá trị động vật thuộc nhóm IIB từ 150.000.000đ trở lên để đủ cấu thành cơ bản xử lý hình sự được theo quy định tại Điều 234 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cần sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP như sau: “Mẫu vật các loài thuộc Phụ lục II CITES sau xử lý tịch thu có xác nhận về tình trạng không thể duy trì sự sống của động vật” nhằm tạo cơ sở pháp lý trong quá trình thực thi pháp luật và qua đó hạn chế khả năng tham nhũng trong các hoạt động kinh doanh, buôn bán động vật hoang dã.

Việc quy định rõ ràng, cụ thể nhằm hạn chế tối đa tình trạng người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng hạn chế trong pháp luật để tiếp tay, bao che cho hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã như việc cơ quan có thẩm quyền cấp phép tùy tiện cho hoạt động săn bắt, vận chuyển hay tàng trữ động vật hoang dã; cơ quan biên phòng, hải quan “bỏ lơ” hay nhận hối lộ, hoặc bảo kê cơ quan tiến hành tố tụng không khởi tố hay điều tra các hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã, hoặc biến thủ động vật hoang dã hoặc sản phẩm từ động vật hoang dã bị thu giữ để bán ra ngoài thị trường...

Thứ hai, nâng cao trách nhiệm của các chủ thể có thẩm quyền trong công tác phòng chống mua bán trái phép động vật hoang dã và kịp thời xem xét xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp không phát hiện được sai phạm. Đặc biệt, coi các chủ thể có thẩm quyền trong công tác phòng, chống mua bán trái phép động vật hoang dã trong một số ngành đặc thù như kiểm lâm, hải quan, bộ đội biên phòng... phạm tội về buôn bán trái phép động vật hoang dã là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự nhằm tăng tính răn đe, phòng ngừa.

Thứ ba, bổ sung quy định bắt buộc mọi thủ tục cấp phép của Cơ quan thẩm liên quan đến động vật hoang dã đều phải dựa trên sự sẵn có của một bản xác nhận cấp bởi cơ quan khoa học CITES. Ví dụ: Việc cấp giấy phép đối với việc nhập khẩu động vật hoặc nhập nội phải có xác nhận về khả năng không đe dọa đến các loài có liên quan của cơ quan khoa học CITES. Việc bổ sung này không chỉ phù hợp hơn với các quy định của CITES mà còn giúp giảm bớt khả năng thao túng quá mức của đơn vị quản lý cấp phép, nhằm hạn chế tham nhũng trong hoạt động cấp phép.

Thứ tư, hạn chế tình trạng mua chuộc hoặc tham nhũng khi thực thi nhiệm vụ phòng, chống buôn bán trái phép động vật hoang dã thông qua thường xuyên luân phiên, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ từ nơi này sang nơi khác, nhằm ngăn chặn họ thiết lập mối quan hệ gần gũi với các mạng lưới mua bán trái phép động vật hoang dã, khiến các đối tượng buôn bán trái phép động vật hoang dã sẽ gặp khó khăn hơn khi muốn lôi kéo một vị chức danh cụ thể hoặc muốn có cơ hội tạo dựng mối quan hệ trong các cơ quan chức năng nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng. Bên cạnh đó cần thiết lập các đơn vị, bộ phận thực hiện chức năng kiểm soát, giám sát nội bộ và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn theo đúng quy định pháp luật. Kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp bao che, dung túng, tiếp tay cho hoạt động buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã, can thiệp, cản trở việc xử lý hành vi vi phạm. Đồng thời tích cực xác minh, kịp thời áp dụng các biện pháp kê biên, phong tỏa tài sản, thu hồi triệt để tài sản tham nhũng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; khuyến khích người phạm tội tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả trong các vụ án tham nhũng nói chung, tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã nói riêng.

Thứ năm, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật thông qua nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn và đầu tư trang, thiết bị kỹ thuật cần thiết để đảm bảo công tác phát hiện, kiểm tra, giám định các chứng cứ có liên quan đến buôn bán trái phép động vật hoang dã. Đồng thời, thường xuyên được tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống buôn bán trái phép động vật hoang dã nói chung, phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái phép luật động vật hoang dã nói riêng đối với đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật. Có cơ chế khen thưởng, cơ chế đãi ngộ xứng đáng, nâng cao mức sống cho đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác bảo vệ động vật hoang dã.

Thứ sáu, giảm và tiến tới xóa bỏ nhu cầu về sử dụng động vật hoang dã trong nhân dân. Thông qua tuyên truyền nâng cao nhận thức và hành động của các tầng lớp nhân dân và cán bộ, công chức đối với công tác bảo vệ động vật hoang dã, bảo tồn sự đa dạng sinh học. Cùng chung tay bảo tồn động vật hoang dã, lan tỏa thông điệp, tạo nên nhận thức và chuẩn trong mọi tầng lớp nhân dân về lối tiêu dùng văn minh không sử dụng các sản phẩm từ động vật hoang dã, đẩy lùi nguy cơ săn, bắt, buôn bán trái phép động vật hoang dã ở Việt Nam. Góp phần tổ chức thực hiện hiệu quả trong xử lý các điểm đen về mua bán trái phép động vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm.

5. KẾT LUẬN

Tình trạng tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã là một trong những nguyên nhân chính có ảnh hưởng lớn nhất, gây cản trở đến các công tác bảo vệ các loài động vật hoang dã, cũng như nỗ lực điều tra, truy tố và xét xử tội phạm về động vật hoang dã trong suốt nhiều năm qua.

Nhằm góp phần đấu tranh hiệu quả với tình trạng tham nhũng nói chung, tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã nói riêng, nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp như hoàn thiện quy định pháp luật về xử lý đối với hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã theo hướng cụ thể, tăng tính nghiêm khắc của chế tài, tăng cường vai trò của cơ quan khoa học CITES, đưa ra một số giải pháp góp phần hạn chế tình trạng mua chuộc hoặc tham nhũng khi thực thi nhiệm vụ phòng, chống buôn bán trái phép động vật hoang dã và giảm và tiến tới xóa bỏ nhu cầu về sử dụng động vật hoang dã trong nhân dân. Với kết quả nghiên cứu như vậy, nhóm tác giả hy vọng rằng bài báo này sẽ góp phần vào việc hoàn thiện pháp luật hình sự hiện hành, giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn thực thi nhiệm vụ phòng, chống buôn bán trái phép động vật hoang dã, góp phần bảo vệ tốt hơn nữa động vật hoang dã, cũng như phù hợp luật pháp quốc tế.

Việc bảo vệ các loài động vật, nhất là động vật hoang dã là vấn đề hết sức quan trọng và ngày càng trở nên cấp thiết. Do đó, cùng với việc tăng cường công tác trấn áp tội phạm, xử lý kịp thời và nghiêm minh các đối tượng có hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã và tham nhũng gắn với buôn bán trái phép động vật hoang dã, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về vấn đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn bản pháp luật:

- [1] Quốc hội (2015), Bộ luật Hình sự.
- [2] Chính phủ (2019), Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- [3] Chính phủ (2021), Nghị định số 84/2021/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- [4] Chính phủ (2020), Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.
- [5] Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật hình sự.

- [6] Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (cites) ký tại Washington d.c, ngày 01 tháng 3-1973, <https://www.cites.org/eng>.

Tài liệu trong nước:

- [1] Ngọc Khuê (2022), Những vụ vi phạm nghiêm trọng quy định về bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm tại Thái Nguyên, Người làm báo Thái Nguyên - Hội nhà báo Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, <https://hoinhabao.thainguyen.gov.vn/van-hoa-xa-hoi/nhung-vu-vi-pham-nghiem-trong-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-nguy-cap-quy-hiem-tai-thai-nguyen-1143.html>, truy cập ngày: 05/02/2023.
- [2] BT (2021), Tình trạng buôn bán động vật hoang dã diễn biến phức tạp, Báo điện tử Chính phủ, <https://baochinhphu.vn/tinh-trang-buon-ban-dong-vat-hoang-da-dien-bien-phuc-tap-102287043.htm>, truy cập ngày: 05/02/2023.
- [3] Thu Hằng (2021), Nhiều thách thức trong phòng, chống mua bán động vật hoang dã, Cổng thông tin điện tử báo Biên phòng, <https://www.bienphong.com.vn/nhieu-thach-thuc-trong-phong-chong-mua-ban-dong-vat-hoang-da-post448918.html>, truy cập ngày: 06/02/2023.
- [4] Lý Thanh Hương (2021), Bảo tồn động vật hoang dã: Xử lý nghiêm hành vi buôn bán trái phép, Báo VietnamPlus, <https://www.vietnamplus.vn/bao-ton-dong-vat-hoang-da-xu-ly-nghiem-hanh-vi-buon-ban-trai-phep/757847.vnp>, truy cập ngày: 06/02/2023.
- [5] Thiên Trường - Thúy Hằng (2022), Gia tăng nạn buôn bán động vật hoang dã trên nền tảng trực tuyến, Tạp chí điện tử Thiên nhiên và môi trường, <https://thiennhienvaimoitruong.vn/gia-tang-nan-buon-ban-dong-vat-hoang-da-tren-nen-tang-truc-tuyen.html>, truy cập ngày 9/02/2023.
- [6] Dũng Minh (2022), Bảo vệ động vật hoang dã từ tin nhắn tố giác, trang Nhân dân điện tử, <https://nhandan.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da-tu-tin-nhan-to-giac-post731500.html>, truy cập ngày: 06/02/2023.
- [7] BL (2022), Đối tượng buôn bán động vật hoang dã trên Internet nhận án tù, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/phap-luat/doi-tuong-buon-ban-dong-vat-hoang-da-tren-internet-nhan-an-tu-625285.html>, truy cập ngày: 06/02/2023.
- [8] LS Đinh Văn Quế (2018), Bàn về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn/ban-ve-cac-toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-nguy-cap-quy-hiem.html>, truy cập ngày: 09/02/2023.
- [9] Đinh Văn Quế (2020), Bình luận tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử (<https://tapchitoaan.vn>), <https://www.tapchitoaan.vn/binh-luan-toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da>, truy cập ngày: 19/02/2023.
- [10] Minh Hiếu (2022), Phòng, chống rửa tiền trong buôn bán trái phép động vật hoang dã-134357.html, <https://thoibaonganhang.vn/phong-chong-rua-tien-trong-buon-ban-trai-phep-dong-vat-hoang-da-134357.html>, truy cập ngày: 18/02/2023.
- [11] Lưu Hương (2022), Triệt phá đường dây buôn lậu động vật hoang dã xuyên quốc gia, Cổng Thông tin điện tử Báo điện tử Chính phủ, <https://baochinhphu.vn/triet-pha-duong-day-buon-lau-dong-vat-hoang-da-xuyen-quoc-gia>

- buon-lau-dong-vat-hoang-da-xuyen-quoc-gia-102220622164945436.htm, truy cập ngày 10/02/2023.
- [12] La Duy (2022), Bịt kẽ hở, ngăn “rửa” động vật hoang dã, Báo điện tử Quân đội nhân dân, <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/bit-ke-ho-ngan-rua-dong-vat-hoang-da-705922>.
- [13] Hùng Võ (2020), Cần giải quyết nạn tham nhũng và hối lộ từ tội phạm động vật hoang dã, Báo VietnamPlus, <https://www.vietnamplus.vn/can-giai-quyet-nan-tham-nhung-va-hoi-lo-tu-toi-pham-dong-vat-hoang-da/651491.vnp>, truy cập ngày 11/02/2023.
- [14] Đinh Văn Quế (2019), Bình luận tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Tạp chí Kiểm sát số 08/2019.
- [15] Thanh Hải (2022), Hòa Bình: Bảo vệ quần thể khỉ vàng và các loại động vật hoang dã, Báo ảnh dân tộc và miền núi, <https://dantociemiennoi.vn/hoa-binh-bao-ve-quan-the-khi-vang-va-cac-loai-dong-vat-hoang-da/319641.html>, truy cập ngày 12/02/2023.
- [16] Bích Nguyên (2022), Bài học cho các đối tượng buôn bán trái phép động vật hoang dã, Báo Biên phòng, <https://www.bienphong.com.vn/bai-hoc-cho-cac-doi-tuong-buon-ban-trai-phap-dong-vat-hoang-da-post452894.html>, truy cập ngày 16/02/2023.
- [17] TS. Phạm Minh Tuyên, Bàn về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” quy định tại Điều 234 BLHS 2015, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-quy-dinh-tai-dieu-234-blhs-2015>, truy cập ngày 18/02/2023.
- [18] Hạnh Như (2021), Ngăn chặn nạn săn bắt, tiêu thụ chim hoang dã, Báo Nhân dân, <https://nhandan.vn/ngan-chan-nan-san-bat-tieu-thu-chim-hoang-da-post652423.html>, truy cập ngày 17/02/2023.
- [19] Thanh Hiếu (2021), Nâng cao nhận thức bảo vệ động vật hoang dã, Báo Hà Nội mới, <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Khoa-hoc/1019517/nang-cao-nhan-thuc-bao-ve-dong-vat-hoang-da>, truy cập ngày 19/02/2023.
- [20] Vũ Công Giao – Bùi Tiến Đạt, Giáo trình phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [21] PanNature (2019), Cuộc chiến chống buôn bán ngà voi gặp khó vì bảo kê, tham nhũng?, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, <https://nature.org.vn/vn/2019/05/cuoc-chien-chong-buon-ban-nga-voi-gap-kho-vi-bao-ke-tham-nhung/>, truy cập ngày 30/04/2023.

Tài liệu nước ngoài:

- [1] Birdwell, I. Combating Illegal Poaching of Wildlife.
- [2] Di Minin, E., Selier, J., Louis, M., & Bradshaw, C. J. (2022). Dismantling the poachernomics of the illegal wildlife trade. *Biological Conservation*, 265, 109418.
- [3] Hart, E. Examining social accountability as an anti-corruption approach in conservation and natural resource management.
- [4] Nuha, h. a. impact of illegal animal trade in south africa and wwfs role in handling cases of illegal animal trade.

- [5] Bosire, O. (2022). Risk Regulation and Management Against Illegal Wildlife Trade: Europe and America. *Sustainable Development Law & Policy*, 21(2), 6.
- [6] Wyatt, T. (2022). Reflecting on Wildlife Trafficking. In *Wildlife Trafficking* (pp. 231-254). Palgrave Macmillan, Cham.
- [7] Jaleel, H. (2022). Is CITES Protecting Wildlife? Assessing Implementation and Compliance: Tanya Wyatt. *Is CITES Protecting Wildlife? Assessing Implementation and Compliance*. Abingdon: Routledge, 2021, ix+ 192 pp., ISBN no 9780367441289 (paperback).
- [8] Warchol, G. (2022). Policing wildlife crimes: A historical analysis of the development and impact of wildlife ranger units in sub-Saharan Africa. In *Policing the Global South* (pp. 353-366). Routledge.
- [9] Duffy, R. (2022). Crime, Security, and Illegal Wildlife Trade: Political Ecologies of International Conservation. *Global Environmental Politics*, 22(2), 23-44.
- [10] Duffy, R. (2022). *Security and Conservation: The Politics of the Illegal Wildlife Trade*. Yale University Press.
- [11] Kembabazi, G. (2022). Wildlife Protection and Prevention of Illegal Wildlife Trade: Legal Framework and Challenges. *KAS African Law Study Library*, 8(3), 356-363.
- [12] Stanyard, J., NELSON, A., ARDÉ, G., & RADEMEYER, J. (2022). Insurgency, illicit markets and corruption. The Cabo Delgado conflict and its regional implications. Geneva: The Global Initiative Against Transnational Organized Crime.
- [13] Matorera, D. (2022). Corruption: Drivers, Modes and Consequences. In *Corruption-New Insights*. IntechOpen.
- [14] Luong, H. T. (2022). Understanding the Illegal Wildlife Trade in Vietnam: A Systematic Literature Review. *Laws*, 11(4), 64.
- [15] van Uhm, D. P., & Zhang, M. (2022). Illegal wildlife trade in two special economic zones in Laos: Underground–open-sale fluctuations in the Golden Triangle borderlands. *Frontiers in Conservation Science*, 118.
- [16] Vu, A. N. (2023). Demand reduction campaigns for the illegal wildlife trade in authoritarian Vietnam: Ungrounded environmentalism. *World Development*, 164, 106150.
- [17] Tanya Wyatt, Kelly Johnson, Laura Hunter, Ryan George & Rachel Gunter (2018), *Corruption and Wildlife Trafficking: Three Case Studies Involving Asia*, <https://link.springer.com/article/10.1007/s11417-017-9255-8>.

TỘI PHẠM BUÔN BÁN, VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ CÓ TÍNH CHẤT XUYÊN QUỐC GIA THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Phạm Thu Hương, Đặng Nhật Minh, Phạm Bình An¹
(Được hướng dẫn bởi ThS. Hoàng Hải Yến)

Tóm tắt đề: Bài viết tập trung nghiên cứu các quan điểm, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam cùng với những quy định quốc tế liên quan đến tội phạm buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia, để đánh giá tình hình phù hợp trong pháp luật hình sự Việt Nam với các khuyến nghị quốc tế về vấn đề này. Nhóm tác giả cho rằng mặc dù các quy định có dấu hiệu của tội phạm xuyên quốc gia đã được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng vẫn chưa thực sự cụ thể và rõ ràng theo các công ước quốc tế. Trong khi đó, vai trò của Việt Nam trong hoạt động của loại tội phạm này lại đang được đánh giá là một mắt xích khá quan trọng. Việt Nam là điểm đến, điểm tiêu thụ, điểm trung chuyển, điểm bán các cá thể và bộ phận của động vật hoang dã, quý, hiếm. Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích luật học truyền thống, lấy Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các công ước quốc tế làm nền tảng pháp lý, kết hợp với các ví dụ thực tiễn về tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã có tính chất xuyên quốc gia tại Việt Nam để đưa ra những phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp hoàn thiện khung pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam.

Từ khoá: Tội phạm xuyên quốc gia, buôn bán trái phép, động vật hoang dã, pháp luật hình sự Việt Nam.

1. DẪN NHẬP

Việt Nam là quốc gia có sự đa dạng sinh học phong phú, có nguồn sinh vật, động vật hoang dã dồi dào, do đó Việt Nam dễ dàng trở thành thị trường cung cấp và tiêu thụ trái phép động vật hoang dã. Tuy nhiên cùng với sự đa dạng các loài động vật thì Việt Nam cũng được biết đến như là một nơi có nhiều loài bị đe dọa tuyệt chủng. Việt Nam được xếp hạng thứ 16 trên thế giới về đa dạng sinh vật. Năm 2007, Việt Nam có 880 loài động, thực vật được ghi vào Sách đỏ. Tuy nhiên, đến nay, đã có 10 loài động vật bị tuyệt chủng ngoài tự nhiên. Các nhà khoa học đã xác nhận trong khoảng 2 thập kỷ qua, có những loài động vật sau đây đã tuyệt chủng ở Việt Nam: Tê giác hai sừng (còn gọi là tê giác Sumatra); Lợn vòi; Cây rái cá; Cá chình Nhật; Cá chép gốc; Cá lợ thân thấp; Hươu sao; Cá sấu hoa cà; Tê giác một sừng. Bên cạnh đó, là những loài đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng.² Trong báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường vào năm 2012, số lượng hổ ở Việt Nam chỉ còn khoảng 28 - 47 cá thể sinh sống rải rác ở các khu rừng hẻo lánh và đang đối mặt với nguy cơ bị tuyệt diệt do

¹ Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

² Nguyễn Văn Toàn (2016), Bài viết “Báo động nguy cơ tuyệt chủng động vật”, Báo Đại đoàn kết, link: <http://daidoanket.vn/bao-dong-nguy-co-tuyet-chung-dong-vat-83155.html>

bị săn bắt, buôn bán và mất nơi sinh sống. Theo Trung tâm Giáo dục thiên nhiên, Việt Nam không chỉ bị coi là một quốc gia tiêu thụ động vật hoang dã mà còn là một mắt xích quan trọng trong mạng lưới trung chuyển, buôn bán động vật hoang dã trái phép xuyên quốc gia.¹ Sự nguy hiểm hiện nay của loại tội phạm buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã đối với các loài vật, hệ sinh thái và nền kinh tế Việt Nam là nghiêm trọng hơn bao giờ hết, do đó nhóm tác giả lựa chọn đề tài: “*Tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã có tính chất xuyên quốc gia theo pháp luật hình sự Việt Nam*” để tìm hiểu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam đối với loại tội phạm có tính xuyên quốc gia đang đe dọa tới các loài động vật hoang dã, động vật nguy cấp quý hiếm đã phù hợp với thực tiễn diễn biến tội phạm hiện nay và các điều ước quốc tế, các nhận định của tổ chức quốc tế, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam.

2. THỰC TRẠNG CỦA TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ CÓ TÍNH CHẤT XUYỀN QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM

Việt Nam với môi trường đa dạng sinh thái có nhiều loại động vật hoang dã nên sẽ là nguồn cung, gây nuôi trong mạng lưới buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia, là điểm trung chuyển động vật hoang dã trong mạng lưới buôn bán trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia để đến các địa điểm khác trên thế giới. Ngoài ra, tại Việt Nam nhu cầu tiêu thụ, mua động vật hoang dã trái phép đặc biệt đối với các loài động vật hoang dã đến từ các nước khác trên thế giới ngày càng cao bởi nó đem lại lợi nhuận lớn đối với các nhóm tội phạm. Điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Những năm gần đây, các lực lượng chức năng liên tục phát hiện nhiều vụ buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia với số lượng lớn từ châu Phi, Lào về Việt Nam, từ Việt Nam sang Trung Quốc, Lào...

Theo dữ liệu từ báo cáo của Tổ chức WCS Việt Nam giai đoạn từ 2013 đến 2017, số vụ việc phạm tội về vận chuyển, buôn bán các động vật hoang dã nước ngoài vào Việt Nam bị phát hiện là 38 vụ. Trong đó nguồn gốc động vật hoang dã từ Lào chiếm tỉ lệ lớn nhất 26,32% tuy nhiên chỉ bao gồm các loài: tê tê, rùa, rắn các loại, không có sản phẩm động vật hoang dã là ngà voi, sừng tê giác hoặc nanh báo,... Các loại sản phẩm động vật hoang dã này chủ yếu có nguồn gốc từ Châu Phi, trong đó chủ yếu đến từ Angola có 5/19 vụ việc vi phạm. Điều này phù hợp với việc tổng số các sản phẩm ngà voi, sừng tê giác được buôn bán vào Việt Nam có nguồn gốc từ Châu Phi. Qua tổng hợp từ các nguồn phiếu thống kê và báo cáo do các Viện kiểm sát địa phương, các ngành gửi về chỉ có 2/1504 vụ việc vi phạm bị phát hiện mà các đối tượng khai nhận là đem đi Trung Quốc để tiêu thụ.

¹ Nguồn: Bài viết “Bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm góp phần phát triển bền vững đa dạng sinh học”, Minh Nguyệt, TTXVN, ngày 19/01/2018, Link: https://bnews.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da-nguy-cap-quy-hiem-gop-phan-phat-trien-ben-vung-da-dang-sinh-hoc/74094.html?fbclid=IwAR2AdXAB-5zsVLSaLtDfckKp_pPvAy_pzE0EZQZIH8cyMzY_OGUwXJJAduk, truy cập ngày 16/2/2023.

Tuy nhiên những thống kê nêu trên chưa thực sự phản ánh được thực tiễn, bởi thực tế có rất nhiều vụ việc vi phạm vẫn chưa được phát hiện.¹

Trong báo cáo tội phạm ĐVHD của WCS giai đoạn 2020-2021 có đưa ra: Tỷ lệ vụ án liên quan đến ĐVHD có nguồn gốc, điểm xuất phát và điểm đến trong nội địa Việt Nam chiếm đa số với 92,28% (275/298 vụ án), còn lại 7,72% (23/298 vụ án) có yếu tố nước ngoài (điểm xuất phát/điểm đến/nguồn gốc), cụ thể:²

* *Điểm xuất phát, nguồn gốc của ĐVHD ngoài Việt Nam, nhưng điểm đến là Việt Nam*: 23 vụ án về ĐVHD có yếu tố nước ngoài liên quan đến 11 loài ĐVHD, bao gồm: báo (*chưa rõ loài cụ thể*), culi lớn (*Nycticebus bengalensis*), đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*), gấu ngựa (*Ursus thibetanus*), hổ (*chưa rõ loài cụ thể*), rùa đầu to (*Platysternon megacephalum*), các loài rùa hộp trán vàng (*chưa rõ loài cụ thể*), tê giác (*chưa rõ loài cụ thể*), tê tê java (*Manis javanica*), voi (*chưa rõ loài cụ thể*) và sư tử (*chưa rõ loài cụ thể*); trong đó:

- *Về các quốc gia là điểm xuất phát, nguồn gốc*, hơn 69,57% (16/23 vụ án) có ĐVHD có nguồn gốc từ châu Á, còn lại 30,43% (7/23 vụ án) có ĐVHD có nguồn gốc từ các nước châu Phi. Tại châu Á, ĐVHD có nguồn gốc chủ yếu từ các nước Đông Nam Á với 14 vụ án trong 16 vụ án, bao gồm: Lào với tỷ lệ lớn nhất là 62,5% (10/16 vụ án); Campuchia và Malaysia chiếm tỷ lệ nhỏ hơn, mỗi quốc gia là 12,5% (2/16 vụ án). Còn lại ĐVHD có nguồn gốc từ các nước Đông Á (Nhật Bản) và Nam Á (Ấn Độ) chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ 8,7% (2/23 vụ án). Nếu xét cụ thể từng quốc gia thì các vụ án mà ĐVHD có nguồn gốc, điểm xuất phát từ Lào chiếm tỷ lệ cao nhất với 43,48% (10/23 vụ án), tiếp đến lần lượt là Angola 13,04% (3/23 vụ án); Campuchia, Malaysia và Mozambique mỗi quốc gia là 8,7% (2/23 vụ án); còn lại là Ấn Độ, Ả-rập xê-út, Nam Phi và Nhật Bản mỗi quốc gia là 4,35% (1/23 vụ án) - (Biểu đồ 1).³ Như vậy, số lượng các vụ án về tội phạm động vật hoang dã có yếu tố xuyên quốc gia đang dần phát triển và gia tăng hơn so với giai đoạn 2013-2017. Các loài cá thể động vật hoang dã bị đem ra làm công cụ phạm tội ngày càng đa dạng hoá bởi mạng lưới buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã đã không chỉ dừng lại trong nước, không chỉ dừng lại ở nước ta với các nước láng giềng mà còn móc nối với các nước ở Châu Phi, ở Châu Á khác.

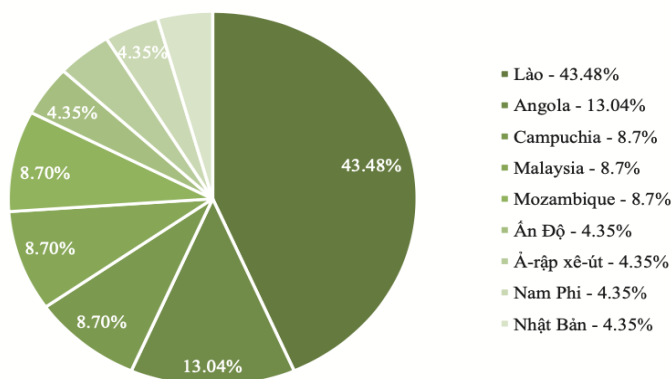
- Về tổng khối lượng ĐVHD vận chuyển từ nước ngoài vào Việt Nam được xác định trong 23 vụ án liên quan đến ĐVHD có nguồn gốc nước ngoài là 5.489,4 kg, trong đó có 512 cá thể sống, chết và tiêu bản (1.745,2 kg), 2 khúc ngà voi (9,52 kg) và sản phẩm chế

¹ Báo cáo tổng kết “Tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017”, Tổ chức WCS Việt Nam.

² WCS Việt Nam, Báo cáo Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021, trang 33-35

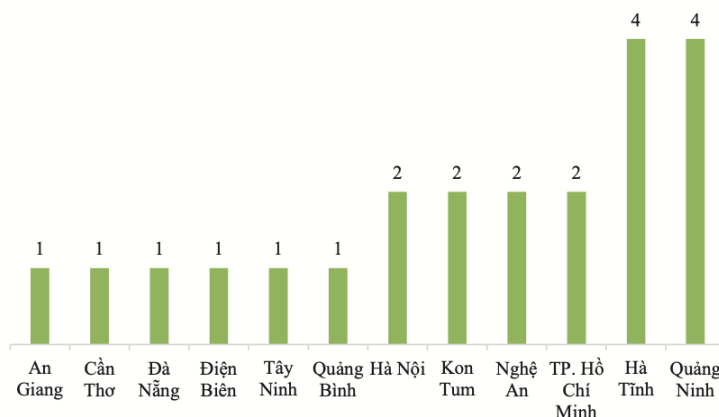
³ WCS Việt Nam, Báo cáo Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021, trang 33-35

tác từ ngà voi (14,7kg), 130 khúc sừng (333 kg), 3.108 kg xương sư tử, 279 kg vảy tê tê java; ngoài ra còn có 60 răng nanh và 66 móng ĐVHD (chưa xác định khối lượng).



Biểu đồ 1. Số vụ án có nguồn gốc tang vật ĐVHD xuất phát từ nước ngoài tính theo quốc gia xuất phát, nguồn gốc¹

- Về các địa phương bắt giữ, xử lý các vụ án liên quan đến ĐVHD có nguồn gốc nước ngoài, Hà Tĩnh và Quảng Ninh là hai địa phương bắt giữ, xử lý nhiều nhất với mỗi địa phương 04/23 vụ án; tiếp đến là Hà Nội, Kon Tum, Nghệ An và TP. Hồ Chí Minh – mỗi địa phương 02/23 vụ án; thấp nhất là An Giang, Cần Thơ, Đà Nẵng, Điện Biên, Tây Ninh và Quảng Bình – mỗi địa phương 01/23 vụ án. - (Biểu đồ 2).²



Biểu đồ 2. Số vụ án có nguồn gốc tang vật ĐVHD xuất phát từ nước ngoài tính theo địa phương bắt giữ, khởi tố hình sự³

¹ WCS Việt Nam, Báo cáo Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021, trang 33-35

² WCS Việt Nam, Báo cáo Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021, trang 34

³ WCS Việt Nam (2021), Báo cáo Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021, trang 33-35

* Điểm đến của ĐVHD năm ngoài Việt Nam

Có 03/298 vụ án ghi nhận có điểm đến ngoài Việt Nam là Trung Quốc và đều do các cơ quan thực thi pháp luật của tỉnh Quảng Ninh bắt giữ, xử lý, cụ thể gồm: 1 vụ liên quan đến các loài rùa (74 cá thể rùa đầu to (*Platysternon megacephalum*), 28 cá thể các loài rùa hộp trán vàng (*chưa rõ loài cụ thể*) và 2 vụ liên quan đến sừng tê giác (*chưa rõ loài cụ thể*) (5,32 kg).¹

Từ những số liệu trên có thể thấy ngày càng số vụ phạm tội về động vật hoang dã có yếu tố nước ngoài hay có yếu tố xuyên quốc gia gia tăng nhanh chóng. Tuy nhiên, trên đây cũng chỉ là những vụ việc được phát hiện còn thực tế còn có nhiều hành vi phạm tội vẫn chưa được xử lý.

Thủ đoạn của các tội phạm buôn bán động vật hoang dã trái phép xuyên quốc gia ngày càng tinh vi, thành lập các công ty “ma” để xuất nhập khẩu trá hình. Điển hình vụ việc của Nguyễn Đức Tài (SN 1989, quê quán xã Nam Phúc Thắng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh). Theo hồ sơ vụ án, Nguyễn Đức Tài có mối quan hệ quen biết với người đàn ông có biệt danh là July (không rõ thân nhân, lai lịch). Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2021 đến tháng 9/2021, July đã đề nghị Tài lập 2 công ty ma để nhập khẩu trái phép các loại động vật hoang dã cấm buôn bán từ nước ngoài về Việt Nam và hứa trả công hậu hĩnh cho những chuyến hàng trôi lốt. Lần thứ nhất vào khoảng tháng 2/2021, July gửi cho Tài bản sao giấy CMND của một người đã chết quê ở Nghệ An là N.T.C cho Tài. Sau đó Tài dùng bản sao này và giả mạo chữ ký người đã chết để nhờ “dịch vụ” làm thủ tục thành lập Công ty TNHH Nam Thái Cường. Ngày 17/7/2021, lô hàng do July chuyển từ Nam Phi gửi cho Công ty Nam Thái Cường (khai báo là ván gỗ sần) về đến Cảng Tiên Sa thì bị lực lượng Hải quan kiểm tra, phát hiện bên trong chứa 52 khúc sừng nghi sừng tê giác, trọng lượng 138,784 kg và 93 thùng xương nghi xương Sư tử, trọng lượng 3.108 kg. Biết được thông tin, Tài không làm thủ tục mở tờ khai hải quan và bỏ hàng. Lần thứ hai, khoảng tháng 8/2021, July tiếp tục yêu cầu Tài lập công ty để nhập khẩu hàng hóa như lần trước và Tài tiếp tục đồng ý và đặt mua trên mạng một CMND giả mang tên Nguyễn Nhật Long. Tài đã dùng bản sao giả có công chứng để thuê người làm thủ tục thành lập Công ty TNHH Quang Nhật Long. Ngày 5/1/2022, Tài được July thông báo một lô hàng lớn đã về đến Cảng Tiên Sa với bên nhận là Công ty TNHH Quang Nhật Long, đồng thời gửi cho Tài bộ hồ sơ nhập khẩu hàng hóa là hạt điều. Tài thuê dịch vụ làm thủ tục khai báo hải quan, nhận hàng và thanh toán phí xếp dỡ container.² Thủ đoạn trong vụ việc trên đây rất tinh vi, các đối tượng đã thành lập công ty “ma” để có thể nhập khẩu các loại hàng được cho phép, nhưng thực chất là động vật hoang dã từ nước ngoài về Việt Nam.

¹ WCS Việt Nam (2021), Báo cáo Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021, trang 35

² Bài viết “*Lập công ty “ma” đưa 10 tấn ngà voi, vảy tê tê, xương sư tử... vào Việt Nam*”, Báo Công an nhân dân cand.com.vn, 21/02/2023.

Tại Việt Nam tội phạm buôn bán động vật hoang dã trái phép xuyên quốc gia hiện nay chủ yếu là buôn bán bằng đường cảng biển. Nhu cầu ngày càng tăng đối với động vật hoang dã quý hiếm, được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng đã khiến thị trường bất hợp pháp toàn cầu tăng mạnh với trị giá ước tính hơn 20 tỷ USD mỗi năm. Khoảng 90% thương mại quốc tế và 72% – 90% lượng động vật hoang dã bất hợp pháp được vận chuyển bằng đường biển. Vì vậy, việc phát hiện và ngăn chặn các vụ buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã tại các cảng biển tại Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng trong đấu tranh phòng, chống loại hình tội phạm này. Đường hàng hải là một con đường mà nhiều đối tượng chuyên buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã xuyên quốc gia đã lựa chọn để đưa ngà voi, sừng tê giác, vảy tê tê và các sản phẩm động vật hoang dã nguy cấp quý hiếm khác về Việt Nam nhờ lợi thế vận chuyển được khối lượng hàng hóa lớn, giá cả phải chăng và rủi ro bị phát hiện cũng như xử lý thấp. Theo ghi nhận của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV), từ năm 2015 đến nay¹, chỉ tính riêng ngà voi, sừng tê giác và vảy tê tê, các cơ quan chức năng trên cả nước đã phát hiện hơn 30 vụ vi phạm, thu giữ gần 80 tấn tang vật tại các khu vực cảng biển ở Việt Nam, chủ yếu là ở cảng Tiên Sa (Đà Nẵng), cảng Cát Lái (thành phố Hồ Chí Minh) và cảng Hải Phòng.

Tuy nhiên, hầu hết các vụ buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã còn lại tại các cảng biển, các cơ quan chức năng đều chưa thể phát hiện và xử lý được các đối tượng có liên quan. Và đó chỉ là những vụ việc được phát hiện, bắt giữ, và xử lý, còn thực tế hiện nay những vụ buôn bán trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia của các tội phạm chưa được phát hiện là rất nhiều, số lượng động vật hoang dã của các hành vi phạm tội cực kì lớn lên đến hàng tấn. Trong những vụ án nêu trên, cùng với các số liệu thì hiện nay mới chỉ bắt giữ tang vật mà không phát hiện và xử lý được đặc biệt các đối tượng cầm đầu ra ánh sáng thì sẽ không triệt phá được các đường dây tội phạm và do đó không thể chấm dứt triệt để tình trạng vận chuyển, buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia phức tạp như hiện nay.

Có thể thấy, Việt Nam hiện vẫn tiếp tục là một quốc gia trung chuyển và tiêu thụ ngà voi, sừng tê giác, vảy tê tê lớn trên thế giới. Những bộ phận động vật hoang dã như sừng tê giác, xương sư tử, ngà voi... đều là những động vật xuất hiện ở các nước châu Phi, tuy nhiên lại được buôn bán ở trong nội địa Việt Nam. Do đó chắc chắn các chủ thể phạm tội đã mua bán động vật hoang dã trái phép giữa nhiều quốc gia khác nhau và Việt Nam. Và hiện nay đã hình thành nhiều đường dây do các đối tượng người Việt Nam đứng đầu chuyên buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã có nguồn gốc bất hợp pháp về Việt Nam để tiêu thụ hoặc đưa sang các quốc gia lân cận. Với lợi nhuận đặc biệt lớn từ việc buôn bán động vật hoang dã, ngoài việc tăng cường phòng, chống đấu tranh tội phạm này thì

¹ Bài viết “Đu chiêu trò buôn lậu động vật hoang dã vào Việt Nam”, trang thông tin của thanh tra chính phủ, đăng ngày 02/03/2023, link: <https://thanhtra.com.vn/phap-luat/an-ninh-trat-tu/du-chieu-tro-buon-lau-dong-vat-hoang-da-vao-viet-nam-207692.html>, truy cập ngày 25/03/2023

còn phải xây dựng một khung pháp lý phù hợp, hoàn thiện có tính chất rắn đẽ tốt hơn thì mới có thể mang đến những bước tiến tích cực trong nỗ lực đấu tranh, ngăn chặn tội phạm về động vật hoang dã tại Việt Nam.

3. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ ĐỐI VỚI TỘI PHẠM BUÔN BÁN, VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ CÓ TÍNH XUYÊN QUỐC GIA

3.1. Khái niệm về tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã có tính chất xuyên quốc gia

Trước khi phân tích và tìm hiểu khái niệm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã có tính chất xuyên quốc gia thì cần hiểu được động vật hoang dã, động vật nguy cấp quý hiếm là những loài động vật nào.

Động vật hoang dã là những loài động vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm sát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:¹

Loài động vật nguy cấp quý hiếm, được ưu tiên bảo vệ

Loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm

Loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc các phụ lục của CITES

Loài động vật rừng thông thường

Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loại thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.

Về khái niệm và đặc điểm của tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia:

Theo khoản 2 Điều 3 Công ước Palermo năm 2000: Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia ghi nhận định nghĩa về tội phạm có tính chất xuyên quốc gia và xác lập phạm vi điều chỉnh của Công ước: “2. *Một hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia nếu: (a) Nó được thực hiện ở nhiều quốc gia; (b) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hoặc điều khiển nó lại diễn ra ở một quốc gia khác; (c) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia các hoạt động tội phạm ở nhiều quốc gia; hoặc (d) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng lớn ở một quốc gia khác.*”

Từ khái niệm của Công ước Palermo của Liên hợp quốc có thể thấy một tội phạm được coi là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia khi có hai đặc trưng sau:

¹ Sổ tay nhận biết và báo cáo vi phạm pháp pháp luật liên quan đến động vật hoang dã, WCS Việt Nam.

Thứ nhất, tính có tổ chức. Tính đặc thù riêng biệt của loại hình tội phạm có tính xuyên quốc gia là nó có thể xuất hiện ở bất kì loại tội phạm hình sự nào với điều kiện nội hàm của nó phải thể hiện rõ là có tổ chức, tức là được thực hiện bởi nhóm tội phạm có tổ chức gồm nhiều người (thực hiện tội phạm bằng hình thức đồng phạm), tính có tổ chức của tội phạm xuyên quốc gia thể hiện giữa những người phạm tội có sự câu kết chặt chẽ cùng thực hiện tội phạm trên ít nhất lãnh thổ của hai quốc gia.

Thứ hai, tính xuyên quốc gia (quá trình chuẩn bị, thực hiện, hoàn thành và hậu quả tội phạm được ghi nhận ở từ 2 quốc gia trở lên). Tính xuyên quốc gia của loại tội phạm theo công ước thể hiện rằng không chỉ là hành vi được thực hiện ở nhiều quốc gia (có tính xuyên biên giới), mà nó có thể được thực hiện ở một quốc gia nhưng chủ yếu việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hoặc điều khiển nó được thực hiện ở một quốc gia khác. Trường hợp hành vi phạm tội được thực hiện trong lãnh thổ một quốc gia nhưng có liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức quốc tế hoặc hậu quả của hành vi đó ảnh hưởng lớn tới quốc gia khác thì cũng được coi là hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia. Như vậy để được coi là tội phạm có tính xuyên quốc gia thì sẽ có 4 trường hợp khác nhau. Và tại Việt Nam hiện nay mới chỉ có quy định về tính có tổ chức (trong phạm tội đồng phạm) và xuyên biên giới, như vậy là chưa bao quát hết các trường hợp phạm tội.

Ngoài ra, hiện nay, thủ đoạn của các nhóm tội phạm xuyên quốc gia ngày càng hiện đại hoá. Hiện nay với xu hướng việc hiện đại hoá, đặc biệt sự phát triển bùng nổ của cách mạng công nghiệp 4.0 thì việc các nhóm tội phạm sử dụng công nghệ hiện đại và tiên tiến để liên lạc, chỉ đạo, tổ chức, chuẩn bị, thực hiện các hành vi phạm tội như buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã là điều tất yếu. Thậm chí còn dùng các loại máy bay phản lực hoặc tàu ngầm để thực hiện hành vi phạm tội.¹

Từ những phân tích trên có thể định nghĩa hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã có tính chất xuyên quốc gia khi tội phạm đó được thực hiện bởi cá nhân hoặc pháp nhân thuộc những trường hợp sau:

- Hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã được thực hiện ở nhiều quốc gia khác nhau;
- Hoặc hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã được thực hiện ở trong lãnh thổ của một quốc gia, nhưng sự chỉ đạo, tổ chức, lên kế hoạch, chuẩn bị cho việc buôn bán trái phép động vật hoang dã lại diễn ra chủ yếu trên quốc gia khác;
- Hoặc hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã diễn ra tại trong lãnh thổ của một quốc gia, nhưng được thực hiện hoặc có liên quan tới nhóm tội phạm có quy mô hoạt động ở nhiều quốc gia khác nhau;

¹ PGS. La Cương, Đối sách chống lại các tội phạm xuyên quốc gia ở Trung Quốc.

- Hoặc hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xảy ra trong một quốc gia, nhưng ảnh hưởng lớn ở một quốc gia khác như gây thiệt hại làm mất cân bằng sinh thái, làm suy giảm mạnh các loài vật hoang dã, gây thiệt hại về kinh tế, hoạt động xuất nhập khẩu của quốc gia khác...

3.2. Nhận định của các tổ chức quốc tế về tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia

Tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia cũng nhận được nhiều sự quan tâm của các tổ chức liên chính phủ thế giới. Hầu hết các quan điểm đưa ra đều cho rằng loại tội phạm này đã trở thành vấn nạn của toàn cầu, là loại hình tội phạm nghiêm trọng.

Ngày 30 tháng 7 năm 2015, Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua một nghị quyết số A/69/314 về đối phó với nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã trong đó cơ quan này đã đưa ra một số khuyến nghị bao gồm xem tội phạm xâm phạm quy định về bảo vệ động thực vật hoang dã là loại hình tội phạm nghiêm trọng, có sự tham gia của các nhóm tội phạm có tổ chức; triển khai các biện pháp chống rửa tiền, thành lập các nhóm đặc trách có sự tham gia của nhiều cơ quan về tội phạm buôn bán động vật hoang dã cấp quốc gia; củng cố các quy trình tư pháp và hoạt động thực thi pháp luật; ngăn chặn và đối phó với nạn tham nhũng và giảm thiểu nhu cầu sử dụng các loài hoang dã đang bị đe dọa và sản phẩm từ các loài hoang dã trên thế giới.

Trước thách thức nghiêm trọng của tội phạm xâm phạm quy định về bảo vệ động thực vật hoang dã với quy mô xuyên quốc gia phổ biến của loại hình tội phạm này, một liên minh có sự tham gia của nhiều cơ quan mang tên Liên minh phòng chống tội phạm về các loài động thực vật hoang dã toàn cầu (ICCWC) đã được thành lập năm 2009. Liên minh này có sự tham gia của Ban thư ký CITES, Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (INTERPOL), Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) và Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC). Sự phối hợp của mỗi cơ quan góp phần vào nỗ lực chống lại nạn buôn bán trái phép các loài động vật và thực vật hoang dã, ngăn chặn hành vi khai thác của các hoạt động phạm tội.¹

Về phía Việt Nam, các điều ước quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã mà Việt Nam đã tham gia bao gồm: Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), Công ước về đa dạng sinh học (CBD), Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc, 2000, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), 2003, Hiệp định ASEAN về bảo tồn thiên nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, 1985. Việt Nam cũng đã và đang nội luật hoá những điều ước quốc

¹ Báo cáo của đoàn công tác UNODC tại Việt Nam về “*Bộ công cụ phân tích Tội phạm về động, thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật*”;

tế mà Việt Nam đã và là thành viên, đã ký kết, phê chuẩn để đảm bảo pháp luật quốc gia có hành lang pháp lý để xử lý các loại tội phạm nguy hiểm này.

3.3. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) – sau đây gọi tắt là “BLHS năm 2015” hiện nay có quy định hai điều luật liên quan đến hành vi phạm tội về động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm đó là: Điều 234. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên về các quy định tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia thì pháp luật hình sự Việt Nam mới chỉ đưa ra một số trường hợp như “*vận chuyển, buôn bán qua biên giới*”, “*tính có tổ chức*” (khoản 2 Điều 234, khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015). Cấu thành của loại tội phạm:

Thứ nhất, về mặt khách thể, tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã, động vật nguy cấp quý hiếm xuyên quốc gia cũng xâm phạm tới trật tự quản lý của Nhà nước về bảo vệ động vật hoang dã, xâm phạm tới trật tự quản lý trong lĩnh vực bảo vệ, phát triển loài động vật quý, hiếm.

Đối tượng tác động của tội phạm là: các động vật hoang dã, động vật quý hiếm được pháp luật bảo vệ thuộc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc danh mục do pháp luật quy định. Bao gồm: các cá thể động vật hoang dã, sản phẩm từ động vật hoang dã, bộ phận của động vật hoang dã:

- *Cá thể* là một cơ thể động vật còn sống hoặc đã chết. Cũng được coi là cá thể đối với cơ thể động vật đã chết mà thiếu một hoặc một số bộ phận cơ thể (ví dụ: cá thể tắc kè đã chết thiếu nội tạng hoặc cá thể hổ đã chết thiếu chân).

- *Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống* là những bộ phận thực hiện các chức năng chuyên biệt của cơ thể động vật, ngay khi tách rời những bộ phận này khỏi cơ thể sống của động vật thì động vật đó chết (ví dụ: đầu, tim, bộ da, bộ xương, buồng gan...).

- *Sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm* là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...); động vật thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con; vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến (ví dụ: cao nấu từ xương động vật hoang dã; túi xách, ví, dây thắt lưng làm từ da động vật hoang dã).¹

¹ Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP-TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 và Điều 244 của BLHS năm 2015;

Thứ hai, mặt khách quan của tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã, động vật nguy cấp quý hiếm xuyên quốc gia

Trước tiên thể hiện ở hành vi, hành vi phạm tội ở đây là hành vi buôn bán và vận chuyển động vật hoang dã trái phép:

Hành vi buôn bán động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm trái phép là hành vi trao đổi các cá thể, sản phẩm, bộ phận cơ thể của động vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm để đổi lại khoản lợi ích về tiền bạc, vật chất,... hoặc động vật hoang dã khác mà không được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Các hành vi nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển được thực hiện nhằm mục đích thu lợi bất chính cũng được coi là buôn bán trái phép. Ngoài ra nếu có hành vi buôn bán trong trường hợp pháp luật hình sự quy định mà giá trị động vật hoang dã thấp hơn, số lượng cá thể bị vi phạm ít hơn hoặc khối lượng động vật thấp hơn, kết hợp với một trong các yếu tố như: đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì sẽ được coi là phạm tội danh quy định tại Điều 234, Điều 244 BLHS năm 2015.

Đối với hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm với tính chất xuyên quốc gia, có thể thấy hiện nay pháp luật hình sự Việt Nam không quy định cụ thể, và giải thích về khái niệm tội phạm tính chất xuyên quốc gia. Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 234, khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015 có đề cập tới tình tiết định khung: “*có tổ chức*” và “*vận chuyển, buôn bán qua biên giới*”, đây cũng là một trong các trường hợp mà tội phạm buôn bán động vật hoang dã trái phép được coi là có tính chất xuyên quốc gia (theo Công ước Palermo 2000). Theo đó:

- Có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm

- Vận chuyển, buôn bán qua biên giới được hiểu là vận chuyển, buôn bán động vật hoang dã, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng ra khỏi biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc ngược lại nhằm bán, trao đổi để lấy tiền hoặc hàng hoá khác. Ngoài ra, cũng được coi là buôn bán động vật hoang dã, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng qua biên giới nếu người phạm tội đã hoàn thành các thủ tục thông quan đối với động vật hoang dã, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng.

Thứ ba, về chủ thể của loại tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia: vì với quy mô ngày càng tinh vi và mở rộng nên chủ thể thực hiện hành vi không chỉ dừng ở người, do đó BLHS năm 2015 đã có một sự thay đổi mới so với trước đây, đã quy định chủ thể của loại tội phạm này bao gồm cả người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự và cả pháp nhân thương mại thoả mãn điều kiện tại Điều 75 BLHS năm 2015.

Thứ tư, mặt chủ quan của tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép xuyên quốc gia: Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý. Người phạm tội hoặc người có thẩm quyền thực hiện hành vi phạm tội nhân danh pháp nhân thương mại nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình nhưng vẫn thực hiện hành vi đó.¹

Thứ năm, về khung hình phạt đối với tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm xuyên quốc gia:²

** Hình phạt đối với người phạm tội*

Hình phạt đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã:

+ Khung hình phạt tại khoản 1 Điều 234: Người phạm tội bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

+ Khung hình phạt tại khoản 2 Điều 234: phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1,5 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

+ Khung hình phạt tại khoản 3 Điều 234 phạt tù từ 07 năm đến 12 năm

+ Hình phạt bổ sung tại khoản 4 Điều 234. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Hình phạt đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm:

+ Khung hình phạt tại khoản 1 Điều 244: phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

+ Khung hình phạt tại khoản 2 Điều 244: phạt tù từ 05 năm đến 10 năm

+ Khung hình phạt tại khoản 3 Điều 244: phạt tù từ 10 năm đến 15 năm

+ Khung hình phạt bổ sung tại khoản 4 Điều 244: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

** Đối với pháp nhân thương mại phạm tội:*

Khung hình phạt tại khoản 5 Điều 234. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều 234, thì bị phạt như sau:

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;

¹ TS. Phạm Mạnh Hùng – TS. Lại Viết Quang (2020), Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm – tập 1), trang 524, 567

² BLHS năm 2015: Điều 234, 244

+ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;

+ Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

Khoản 5 Điều 244 BLHS năm 2015. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều 244, thì bị phạt như sau:

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng;

+ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i và k khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;

+ Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

4. NHỮNG HẠN CHẾ TRONG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Từ những vụ việc thực tiễn trên cho thấy biểu hiện của tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã, quý, hiếm có tính chất xuyên quốc gia tại Việt Nam đang dần dần xuất hiện và gia tăng nhanh chóng và với số lượng cực kỳ lớn. Hậu quả của những loại tội phạm này đối với xã hội, nhà nước, cũng như hệ sinh thái của Việt Nam, hệ sinh thái, các loài động vật hoang dã trên thế giới là rất lớn và nguy hiểm. Tuy nhiên pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay vẫn còn những thiếu sót chưa hoàn thiện đối với vấn đề tội phạm này:

Thứ nhất, trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay lại chưa có quy định về “tính chất xuyên quốc gia” là một tình tiết định khung đối với hành vi buôn bán động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý hiếm. Có thể thấy tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã không chỉ dừng lại trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, không chỉ là buôn bán qua biên giới Việt Nam, mà còn có sự móc nối, chỉ đạo từ nước ngoài, buôn bán qua mạng xã hội với người hoặc pháp nhân thương mại ở nước ngoài. Với tính chất và quy mô đó việc chỉ mới đưa ra tình tiết định khung “buôn bán qua biên giới” là chưa đủ, cũng như chưa thể hiện rõ tính nguy hiểm của hành vi phạm tội này.

Thứ hai, pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay chưa có những văn bản hướng dẫn giải thích cụ thể về khái niệm “tội phạm xuyên quốc gia”. Mặc dù Công ước Palermo 2000 của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia mà Việt Nam là thành viên đã đưa ra định nghĩa cụ thể về tội phạm có tính chất xuyên quốc gia. Thực tiễn cũng cho thấy tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia đã xuất hiện rất nhiều và quy mô lớn tại Việt Nam, có tính chất và hậu quả nguy hiểm, có nhiều dạng hành vi và hậu quả khác nhau: không chỉ buôn bán qua biên giới mà còn có hành vi chỉ đạo từ nước ngoài để buôn bán trong nước... Tuy nhiên khái niệm loại tội phạm xuyên quốc gia trong pháp luật hiện nay chưa có định nghĩa, còn khá mới mẻ, chưa thống nhất, chưa được nội luật hoá trong các văn bản quy phạm pháp luật hình sự của Việt Nam.

Thứ ba, việc giải thích tình tiết định khung “vận chuyển, buôn bán qua biên giới” chưa được rõ ràng cụ thể còn nhiều cách hiểu. Theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018 của HĐTP TANDTC thì vận chuyển, buôn bán qua biên giới được hiểu như sau: “6. Vận chuyển, buôn bán qua biên giới là trường hợp người phạm tội đã hoặc đang đưa động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng ra khỏi biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc ngược lại. Cũng được coi là buôn bán, vận chuyển qua biên giới nếu đã hoàn thành các thủ tục thông quan đối với động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng.”

Có quan điểm cho rằng qua biên giới ở đây được hiểu là hành vi buôn bán động vật hoang dã đó là hành vi đã đưa động vật hoang dã qua biên giới Việt Nam, tức là buôn bán xuất phát từ Việt Nam sang các nước láng giềng Trung Quốc, Lào,... hoặc ngược lại.

Tuy nhiên cũng có quan điểm cho rằng vì điều luật không chỉ quy định “qua biên giới” mà không giới hạn qua biên giới Việt Nam với các nước có biên giới với Việt Nam, do đó, khi xác định trường hợp phạm tội sẽ bao gồm cả hành vi vận chuyển, buôn bán động vật hoang dã từ một nước không phải từ Việt Nam sang một nước thứ ba. Chẳng hạn như: Vận chuyển, buôn bán từ Thái Lan sang Trung Quốc, hoặc từ Myanmar sang Philippin,...¹

¹ Đinh Văn Quế, Bình luận Tội vi phạm quy định về động vật hoang dã, Tạp chí Kiểm sát, số 8 - 2019, tr 55 - 64.

Thứ tư, hình phạt tiền của loại tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã trong pháp luật hiện hành còn thấp. Từ thực tiễn có thể thấy mặc dù có lợi nhuận cao, và để lại hệ quả lớn không chỉ trong hiện tại mà còn ở tương lai đối với môi trường sống, hệ sinh thái của Việt Nam, nhưng các hình phạt tiền hiện nay đối với tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia vẫn còn khá thấp và chưa đủ sức răn đe. Từ những biểu hiện thực tế nêu trên có thể thấy lợi nhuận buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã xuyên quốc gia rất cao, lên tới hàng trăm tỉ đồng như các vụ việc nêu trên nhưng hình phạt mà các đối tượng nhận được hiện nay theo pháp luật quy định thì khá là thấp (cụ thể đối với cá nhân thực hiện tội phạm từ 300.000.000 đồng đến cao nhất là 1.500.000.000 đồng tại khoản 2 Điều 234, 500.000.000 đồng đến cao nhất 2.000.000.000 đồng tại khoản 1 Điều 244, còn đối với pháp nhân thương mại phạm tội: cao nhất là 6 tỷ đồng tại khoản 3 Điều 234 và 15 tỷ đồng tại Khoản 3 Điều 244), những hình phạt tiền này chưa đủ sức răn đe trừng trị và giúp giảm thiểu số lượng các vụ việc phạm tội của các cá nhân, tổ chức.

Trước những thách thức từ thực tiễn, và những khuyết thiếu của pháp luật cần phải hoàn thiện và nâng cao hơn nữa để việc phòng chống loại tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia, thì cần thiết phải có những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam. Và hiện nay Việt Nam đang là thành viên của Công ước Palermo 2000 của Liên hợp quốc về phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, thì việc hoàn thiện pháp luật phù hợp với công ước là điều cần thiết. Do đó tác giả đưa ra những giải pháp hoàn thiện sau:

Một là, nên cân nhắc xem xét quy định “vận chuyển, buôn bán xuyên quốc gia” là tình tiết định khung tội phạm. Hiện tại trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã chưa có quy định để xử lý toàn diện các hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép xuyên quốc gia. Do đó trước những khó khăn nêu trên, cần phải quy định “buôn bán, vận chuyển xuyên quốc gia” trở thành tình tiết định khung tăng nặng.

Hai là, đề xuất Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành nghị quyết giải thích khái niệm “tội phạm xuyên quốc gia”, trong phần giải thích nên đưa thêm các trường hợp mà một tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã được coi là tội phạm xuyên quốc gia mà Công ước Palermo năm 2000 đã quy định như:

- Quy định hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã được thực hiện ở trong lãnh thổ của Việt Nam, nhưng sự chỉ đạo, tổ chức, lên kế hoạch, chuẩn bị cho việc buôn bán trái phép động vật hoang dã lại diễn ra chủ yếu trên quốc gia khác. Điều này được hiểu là hành vi buôn bán xuyên quốc gia không chỉ hiểu là việc “buôn bán qua biên giới”, mà còn được hiểu là các nhóm tội phạm trong và ngoài nước có thể lên kế hoạch, chỉ đạo, buôn bán, chuẩn bị các loài động vật hoang dã từ nước ngoài, hoặc thông qua mạng xã hội nhưng thực hiện hành vi buôn bán động vật hoang dã đó ở Việt Nam.

- Hành vi buôn bán trái phép diễn ra trong lãnh thổ của Việt Nam, nhưng được thực hiện hoặc có liên quan tới nhóm tội phạm quốc tế có tổ chức và hoạt động tội phạm ở nhiều quốc gia khác nhau.

- Hoặc hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã xảy ra tại Việt Nam, nhưng ảnh hưởng lớn ở một quốc gia khác như gây thiệt hại làm mất cân bằng sinh thái, làm suy giảm mạnh các loài vật hoang dã, gây thiệt hại về kinh tế, hoạt động xuất nhập khẩu của quốc gia khác... Tức là mặt khách quan không chỉ dừng lại ở hành vi buôn bán mà còn có liên quan tới hậu quả thiệt hại mà do hành vi đó gây ra.

Ba là, đề xuất thêm quy định giải thích làm rõ khái niệm “buôn bán, vận chuyển qua biên giới: trong các văn bản hướng dẫn. Nên giải thích làm rõ khái niệm: buôn bán, vận chuyển qua biên giới” theo cách hiểu hành vi buôn bán qua biên giới bao gồm cả hai dạng hành vi: (i) hành vi buôn bán động vật hoang dã, quý, hiếm từ một nước không phải từ Việt Nam sang một nước thứ ba, (ii) và hành vi buôn bán động vật hoang dã qua biên giới Việt Nam với các nước có biên giới với Việt Nam. Việc quy định như vậy sẽ hoàn thiện và toàn diện hơn, giúp thống nhất cách hiểu và việc áp dụng pháp luật sẽ hiệu quả cao hơn, có tính bao quát hết các trường hợp phạm tội được coi là buôn bán qua biên giới.

Bốn là, đề xuất tăng hình phạt tiền đối với các hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm có tính chất xuyên quốc gia. Vì mức độ thủ đoạn, quy mô và phương thức hoạt động của loại tội phạm buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia ngày càng tinh vi, gây hậu quả lớn về môi trường sống, hệ sinh thái, và kinh tế của Nhà nước. Việc hình phạt tiền thấp hơn cả lợi nhuận thu được khiến cho không ít kẻ phạm tội mạo hiểm, giám tra giá để có thể thực hiện hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã. Hành vi này nghiêm trọng và tinh vi hơn rất nhiều so với hành vi buôn bán trong nội địa, ngoài ra nó còn đem lại giá trị lợi nhuận rất lớn cho người thực hiện tội phạm. Do đó cần tăng hình phạt tiền để đảm bảo sự răn đe, trừng trị của pháp luật được thực thi.

Năm là, ngoài việc hoàn thiện các quy định của pháp luật thì việc tạo nhận thức cho người dân về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp quý hiếm là rất cần thiết, bởi có cầu thì mới có cung, có người có nhu cầu sử dụng các chế phẩm động vật hoang dã ở trong và ngoài quốc gia thì mới có buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã. Vì vậy nâng cao nhận thức của người dân là giải pháp cốt lõi, giải quyết từ gốc của vấn đề, nhóm tác giả mạnh dạn đề xuất một số biện pháp nâng cao nhận thức của người dân như sau: Thứ nhất, triển khai các hoạt động tuyên truyền, truyền thông về bảo vệ các loài động vật hoang dã đang có nguy cơ tuyệt chủng thông qua các buổi tuyên truyền ở phường xã, trường học, các tổ chức như hội phụ nữ, mặt trận tổ quốc, lập các trang mạng xã hội đưa tin về nguy cơ tuyệt chủng của các loài động vật nguy cấp quý hiếm cần phải bảo tồn, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về động vật hoang dã, động vật nguy cấp quý hiếm cho học sinh, sinh viên, người dân. Thứ hai, thông qua các trang mạng xã hội cũng như tuyên

truyền trực tiếp đưa ra các dẫn chứng khoa học cụ thể từ các nhà khoa học có uy tín, và nhiều kinh nghiệm để người dân hiểu rằng các chế phẩm động vật hoang dã không có các công dụng như lời quảng cáo của các cá nhân, tổ chức đang rao bán, và những tác động xấu khi mất cân bằng hệ sinh thái do các động vật hoang dã ngày càng biến mất nhiều hơn. Những biện pháp này sẽ giúp nâng cao nhận thức của người dân về ý thức bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm cũng giảm thiểu số lượng các vụ án về buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia và trong nước.

5. KẾT LUẬN

Tổng kết bài viết “*Tội phạm buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã có tính chất xuyên quốc gia theo pháp luật hình sự Việt Nam*”, bài viết đã đưa ra thực tiễn tội phạm về động vật hoang dã có yếu tố nước ngoài, yếu tố xuyên quốc gia tại Việt Nam. Phân tích, nghiên cứu điều ước về tính xuyên quốc gia của tội phạm để từ đó đưa ra khái niệm tội phạm buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia theo Công ước Palermo năm 2000 để hiểu được rằng buôn bán xuyên quốc gia không chỉ có hành vi buôn bán qua biên giới mà còn có nhiều dạng hành vi khác. Bài viết phân tích, đưa ra các nhận định của các tổ chức quốc tế về vấn đề tội phạm buôn bán động vật hoang dã để thấy được quan điểm của tổ chức quốc tế đối với loại tội phạm buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã trái phép xuyên quốc gia là loại tội phạm nguy hiểm. Sau đó phân tích làm rõ những quy định pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay về tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia. Thông qua thực tiễn cùng với các phân tích trên bài viết rút ra được những hạn chế trong hệ thống pháp luật hình sự chưa đáp ứng được thực tiễn phòng chống đấu tranh đối với loại tội phạm này cũng như chưa phù hợp với điều ước quốc tế về tội phạm xuyên quốc gia mà Việt Nam tham gia. Từ đó, đưa ra các giải pháp hoàn thiện hành lang pháp lý về hình sự của Việt Nam đối với hành vi phạm tội buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia như: cần có giải thích rõ ràng về hành vi buôn bán, vận chuyển qua biên giới, và cần thêm có văn bản hướng dẫn giải thích hành vi buôn bán, vận chuyển xuyên quốc gia để phù hợp với Công ước Palermo năm 2000 mà Việt Nam là thành viên, cũng như phù hợp với các hình thức thực hiện tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã xuyên quốc gia xuất hiện tại Việt Nam hiện nay. Và không chỉ cần phải hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự mà việc tạo nhận thức cho người dân về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp quý hiếm là rất cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.
- [2] Báo cáo của đoàn công tác UNODC tại Việt Nam về “*Bộ công cụ phân tích Tội phạm về động, thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật*”, Link: https://www.unodc.org/roseap/uploads/archive/documents/Publications/wildlife/Vietnam_Toolkit_Report_VN_-_final.pdf, truy cập ngày 14/2/2023.

- [3] Công ước Palermo năm 2000 của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.
- [4] Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP-TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 và Điều 244 của Bộ luật Hình sự năm 2015.
- [5] Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp đã đưa ra khái niệm về động vật hoang dã.
- [6] PGS. La Cương (2011), Trường Đại học Tổng hợp Văn Nam Trung Quốc, Bài báo “Đổi sách chống lại các tội phạm xuyên quốc gia ở Trung Quốc / La Cương; Trần Văn Đình dịch”, Tạp chí *Luật học*, số 11, trang 67 - 76.
- [7] Thân Lai (2023), Báo Công an nhân dân, Bài viết “*Lập công ty “ma” đưa 10 tấn ngà voi, vảy tê tê, xương sư tử... vào Việt Nam*”, 21/02/2023, <https://cand.com.vn/Ban-tin-113/lap-cong-ty-ma-dua-10-tan-nga-voi-vay-te-te-xuong-su-tu-vao-viet-nam-i684215/>, truy cập ngày 25/2/2023.
- [8] Phạm Hiếu (2023), Báo Nông nghiệp, Bài viết “*Ngăn chặn buôn bán động vật hoang dã trái phép qua cảng biển*”, ngày 14/02/2023, <https://nongnghiep.vn/ngan-chan-buon-ban-dong-vat-hoang-da-trai-phep-qua-cang-bien-d343902.html>, truy cập ngày 27/2/2023.
- [9] Nguyễn Ngọc Hòa (2021), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, phần các tội phạm, quyển 1, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, trang 405 - 409, trang 457 - 462.
- [10] Phạm Mạnh Hùng - Lại Viết Quang (2020), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (phần các tội phạm) tập 1, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, trang 520 - 527, trang 565 - 572.
- [11] Đinh Văn Quế (2019), *Bình luận Tội vi phạm quy định về động vật hoang dã*, Tạp chí Kiểm sát, số 8 - 2019, trang 55 - 64.
- [12] PGS.TS. Nguyễn Thị Thuận (2018) - Khoa Pháp luật Quốc tế, Đại học Luật Hà Nội, Trang Nghiên cứu lập pháp, bài viết “*Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước Palermo năm 2000*”, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208308>, truy cập ngày 20/2/2023.
- [13] Trần Hữu Tuyên (2021), bài viết “Giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”, Tạp chí *Nghề luật*, số 10, trang 62 - 64.
- [14] WCS Việt Nam (2017), Báo cáo tổng kết “*Tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về Động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017*”.
- [15] WCS Việt Nam (2021), Báo cáo “*Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021*”, trang 33-35.
- [16] WCS Việt Nam, Sổ tay nhận biết và báo cáo vi phạm pháp luật liên quan đến động vật hoang dã.

TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM - THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Hoàng Bá Huy¹, Nguyễn Xuân Hòa²
(Được hướng dẫn bởi PGS.TS. Lê Huỳnh Tấn Duyệt)

Tóm tắt: Từ thực trạng các tội phạm về động vật hoang dã đang ngày càng phức tạp và mang tính chất xuyên quốc gia, bài viết tập trung nghiên cứu hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã. Thông qua phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học và khảo số liệu thực tiễn, bài viết phân tích các nội dung về khái niệm, nguyên tắc, cơ sở pháp lý, phạm vi và ý nghĩa của hoạt động tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự; đồng thời cung cấp thông tin tình hình tội phạm về động vật hoang dã, thực tiễn tương trợ tư pháp liên quan đến động vật hoang dã giữa Việt Nam với các quốc gia. Bài viết cho thấy thực tiễn tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và nước ngoài trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức và không đạt được hiệu quả như mong đợi. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp hữu ích nhằm khắc phục các nguyên nhân trên, góp phần nâng cao hiệu quả tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã.

Từ khoá: tương trợ tư pháp, động vật hoang dã, luật hình sự, tội phạm xuyên quốc gia, Việt Nam.

1. DẪN NHẬP

Động vật hoang dã (ĐVHD) là một phần không thể tách rời của hệ sinh thái trên Trái Đất. Chúng góp phần duy trì đa dạng sinh học và cân bằng môi trường. Tuy có vai trò quan trọng nhưng chúng lại trở thành đối tượng tác động của các tội phạm buôn bán và vận chuyển trái phép ĐVHD. Đây là loại tội phạm thường có tính chất xuyên quốc gia nên đòi hỏi các nước trên thế giới phải có sự tương trợ tư pháp (TTTP) về hình sự khi giải quyết các vụ án về ĐVHD. Tại Việt Nam, tình hình tội phạm này rất phức tạp, đặc biệt là hành vi vận chuyển trái phép ĐVHD từ châu Phi về Việt Nam bằng đường biển ngày càng được mở rộng và được thực hiện với những thủ đoạn vô cùng tinh vi. Việt Nam đã có nền tảng pháp lý tương đối đầy đủ cho hoạt động TTTP về hình sự khi đã ban hành Luật TTTP năm 2007; ký kết các hiệp định tương trợ song phương với nhiều quốc gia và là thành viên của một số điều ước quốc tế đa phương toàn cầu và khu vực có liên quan đến nội dung phòng, chống các tội phạm xuyên quốc gia và TTTP về hình sự. Tuy nhiên, về mặt thực tiễn tương trợ, mặc dù trong suốt những năm qua Việt Nam đã gửi nhiều yêu

¹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Email: 2053801015042@email.hcmulaw.edu.vn.

² Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

cầu tương trợ đến phía nước ngoài nhưng trên thực tế số lượng tương trợ được giải quyết chiếm tỷ lệ vô cùng ít đã làm cản trở quá trình giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến ĐVHD tại Việt Nam. Điều này cho thấy hoạt động TTTP về hình sự hiện nay giữa Việt Nam và các quốc gia vẫn còn rất nhiều khó khăn và thách thức. Câu hỏi nghiên cứu của bài viết được đặt ra đó là nghiên cứu thực tiễn công tác TTTP về hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia trong bảo vệ ĐVHD để từ đó thấy được những khó khăn, tìm ra nguyên nhân gây trở ngại trong công tác TTTP và đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn đó. Bài viết sẽ tiếp cận vấn đề này thông qua phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học, thu thập số liệu để chứng minh và đánh giá thực tiễn TTTP giữa Việt Nam và các quốc gia trong giải quyết các vụ án về ĐVHD.

2. KHÁI NIỆM, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI VÀ Ý NGHĨA CỦA TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

2.1. Khái niệm tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã

Qua nghiên cứu về phạm vi, mức độ quan hệ giữa các quốc gia và xuất phát từ nhu cầu, các vấn đề cần TTTP trên cơ sở phù hợp với tính chất và khả năng thực tế của mỗi quốc gia trong từng thời kỳ, mỗi quốc gia có những học thuyết, quan điểm lý luận về TTTP về hình sự trong quan hệ quốc tế. Có thể thấy rằng, trong khoa học pháp lý hình sự rất khó để tìm thấy một khái niệm thống nhất về TTTP trong lĩnh vực hình sự. Tác giả sẽ phân tích khái niệm TTTP về hình sự dưới hai góc độ: quan điểm của các học giả và trong văn bản quy phạm pháp luật.

Tại Đức, những năm 60 của thế kỷ XX, phạm vi TTTP được các luật gia hiểu rất hẹp. Mãi đến sau này, phạm vi TTTP được hiểu rộng hơn gồm cả việc trao đổi thông tin về pháp luật, gửi tài liệu giấy tờ và thông báo cho Tòa án hoặc cơ quan tư pháp khác, thậm chí cả việc thi hành các quyết định về án phí [1; 13]. Tại Pháp, cũng tương tự như Đức, phạm vi TTTP bao gồm việc tổng đạt giấy tờ và thực hiện ủy thác tư pháp, miễn án phí và lệ phí Tòa án cho người nước ngoài đưa ra chứng cứ trên cơ sở pháp luật nước ngoài, công nhận và thi hành các phán quyết,... [2]. Theo tài liệu hướng dẫn về TTTP của Hội đồng Châu Âu thì TTTP là cách thức chính thức mà các quốc gia yêu cầu và cung cấp hỗ trợ trong việc thu thập bằng chứng ở một nước để hỗ trợ điều tra hoặc tố tụng hình sự ở một nước khác. TTTP được thiết kế để thu thập bằng chứng, không phải thông tin tình báo hoặc thông tin khác [3; 9].

Theo Điều 46 của Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng (UNCAC) thì TTTP về hình sự sẽ được thực hiện ở mức tối đa có thể theo các luật, hiệp ước, hiệp định và thỏa thuận liên quan của quốc gia thành viên được yêu cầu đối với việc điều tra, truy tố và tố tụng tư pháp liên quan đến các hành vi phạm tội mà một pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật phù hợp với Điều 26 của Công ước này tại Quốc gia thành viên yêu cầu [4]. Hiệp định TTTP về hình sự của các nước

ASEAN (ASEAN MLAT) không định nghĩa TTTP về hình sự được hiểu như thế nào mà chỉ liệt kê bao gồm những hoạt động nào. Điều 1 của Hiệp định chỉ ra rằng các quốc gia thành viên, theo quy định của Hiệp định này và phù hợp với pháp luật quốc gia của mình, phải dành cho nhau các biện pháp TTTP rộng rãi nhất có thể được trong việc điều tra, truy tố và thủ tục tố tụng tiếp theo [5]. Theo đó, tại Điều 2 liệt kê ra các hành vi TTTP gồm: *(1) lấy chứng cứ hoặc thu thập lời khai tự nguyện của mọi người; (2) sắp xếp cho những người đưa ra bằng chứng hoặc hỗ trợ trong các vấn đề hình sự; (3) tổng đạt văn bản tư pháp; (4) thực hiện tìm kiếm và thu giữ; (5) kiểm tra các đối tượng và trang web; (6) cung cấp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu, hồ sơ, vật chứng có liên quan; (6) xác định hoặc truy tìm tài sản do phạm tội mà có và công cụ phạm tội; (7) hạn chế giao dịch tài sản hoặc phong tỏa tài sản do phạm tội mà có thể bị tịch thu, tịch thu hoặc tịch thu; (8) thu hồi, tịch thu hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có; (9) định vị và xác định nhân chứng và nghi phạm; (10) cung cấp các hỗ trợ khác có thể được thỏa thuận và phù hợp với các đối tượng của Hiệp định này và pháp luật của Bên được yêu cầu [5].*

Tại Việt Nam, quan điểm về TTTP trong lĩnh vực hình sự được quy định tại Luật TTTP năm 2007 dựa trên cơ sở phạm vi các vấn đề được đặt ra trong thực tiễn tư pháp với các nước, quy định của pháp luật và điều ước quốc tế. Hơn nữa, cũng có một số tác giả định nghĩa TTTP về hình sự là sự giúp đỡ, hỗ trợ giữa các quốc gia trong điều tra, truy tố hoặc các hoạt động tố tụng khác trong lĩnh vực hình sự thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia trên cơ sở điều ước quốc tế [6; 10] mà các quốc gia ký kết hoặc tham gia hoặc nguyên tắc “có đi có lại” [7; 9]; hay TTTP về hình sự là hoạt động hợp tác nhằm thực hiện các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hoặc trong điều tra, truy tố hình sự [8; 52]. Có quan điểm khác cho rằng, đây là thủ tục pháp lý quốc tế để giải quyết vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài, đấu tranh phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, trong đó các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của các quốc gia có liên quan hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong việc thu thập, cung cấp thông tin, chứng cứ, lời khai và các tài liệu khác có liên quan,... trên cơ sở điều ước quốc tế, pháp luật trong nước [9].

Liên quan đến ĐVHD, Sách đỏ của Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) và Công ước CITES không giải thích thuật ngữ ĐVHD. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam có định nghĩa về ĐVHD, cụ thể khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm giải thích ĐVHD quy định tại Điều 234 Bộ luật Hình sự (BLHS) là các loài động vật rừng thông thường và các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục II, Phụ lục III Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Bên cạnh đó, tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” (Điều 244) là tội danh được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở Điều 190 của BLHS năm 1999. Nhà làm luật chủ yếu căn cứ vào hai nhóm ĐVHD là đối

tượng tác động của tội phạm để phân định hai tội danh này. Nếu vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ [10] hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB [11] hoặc Phụ lục I [12] Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) [13] thì sẽ bị xử lý theo Điều 244 [14; 93].

Từ những phân tích trên có thể đưa ra khái niệm TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD là *“sự giúp đỡ, hỗ trợ giữa các quốc gia trong điều tra, truy tố hoặc các hoạt động tố tụng khác trong lĩnh vực hình sự để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết, đấu tranh với các tội phạm về ĐVHD được quy định trong điều ước quốc tế giữa hai hoặc nhiều quốc gia thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của mỗi quốc gia trên cơ sở điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương được ký kết hoặc theo các nguyên tắc cơ bản của công pháp quốc tế”*.

2.2. Khái niệm và đặc điểm tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

Tội phạm về ĐVHD là những hành vi trái pháp luật hình sự như săn bắt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán,... cá thể, bộ phận hoặc sản phẩm của ĐVHD. Loại tội phạm này vượt ra khỏi phạm vi chủ quyền quốc gia hoặc cũng có thể chỉ diễn ra trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, đe dọa tới hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng của các quốc gia trong giải quyết các vụ án về ĐVHD có ý nghĩa và vai trò rất quan trọng trong thực tiễn, bởi lẽ diễn biến của loại tội phạm này là không ít, thủ đoạn ngày càng tinh vi và vượt ra ngoài phạm vi chủ quyền quốc gia [15; 107]. Do đó, TTTP về hình sự giữa các quốc gia trong giải quyết các vụ án về ĐVHD tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường phối hợp, phát hiện, ngăn chặn và xử lý tội phạm về ĐVHD thông qua các điều ước quốc tế để một mặt giảm thiểu loại tội phạm này, mặt khác bảo vệ môi trường sinh học, sự cân bằng của hệ sinh thái.

Tội phạm về ĐVHD hiện nay thường có tính chất xuyên quốc gia. Theo khoa học luật hình sự quốc tế, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia là một trong những loại tội phạm có tính chất quốc tế đặc thù. Công ước Palermo năm 2000 có ghi nhận định nghĩa về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, theo đó, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia là hành vi phạm tội được thực hiện ở nhiều quốc gia hoặc được thực hiện ở một quốc gia, nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hay điều khiển việc thực hiện tội phạm lại diễn ra ở một quốc gia khác, hoặc đây là hành vi tội phạm được thực hiện ở một quốc gia nhưng có liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia thực hiện các hoạt động tội phạm ở nhiều quốc gia, hoặc tội phạm được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng nghiêm trọng đến một quốc gia khác. Hoặc cũng có thể hiểu tội phạm xuyên quốc gia là tội phạm có thể thực hiện nhiều lần ở nhiều quốc gia hoặc một lần nhưng các giai đoạn phạm tội diễn ra ở các quốc gia khác nhau. Trong định nghĩa nêu trên, tính chất xuyên quốc gia (xuyên biên giới) được thể hiện rất đa dạng, nhưng hành vi phạm tội phải liên quan tới ít nhất từ 2 quốc gia.

“Nhóm tội phạm có tổ chức” là nhóm có thành phần cấu thành từ 3 cá nhân trở lên và tồn tại trong một thời gian nhất định, đồng thời hoạt động của nhóm như vậy có phối hợp với nhau nhằm mục đích thực hiện một hay nhiều tội phạm nghiêm trọng hoặc các hành vi phạm tội đã được quy định trong Công ước này nhằm trực tiếp hoặc gián tiếp đạt được các lợi ích nhất định về tài chính hay vật chất khác.

Theo Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em định nghĩa tội phạm xuyên quốc gia là một hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia. Một hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia nếu: (i) hành vi đó được thực hiện ở nhiều quốc gia; (ii) hành vi đó được thực hiện ở một quốc gia nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hoặc điều khiển nó lại diễn ra ở một quốc gia khác; (iii) hành vi đó được thực hiện ở một quốc gia nhưng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia các hoạt động phạm tội ở nhiều quốc gia; hoặc (iv) hành vi đó được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng lớn ở một quốc gia khác.

Đặc điểm của loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia là một trong số ít tội phạm có tính chất quốc tế có thể được truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với cả pháp nhân. Tùy theo pháp luật quốc gia, trách nhiệm này có thể là hình sự, dân sự hay hành chính. Trách nhiệm pháp lý của pháp nhân phát sinh trong trường hợp pháp nhân tham gia các hành vi phạm tội thuộc diện điều chỉnh của Công ước liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức. Trong định chế tội phạm có tính chất quốc tế, không nhiều điều ước quốc tế về loại tội phạm này có quy định về trách nhiệm pháp lý của pháp nhân.

2.3. Nguyên tắc tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã

TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD là một hoạt động mang tính chất quốc tế, là quan hệ giữa các quốc gia - chủ thể chính của công pháp quốc tế (CPQT). Vì lẽ đó, TTTP về hình sự nói chung hay TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD nói riêng đều phải tuân theo một số nguyên tắc cơ bản của CPQT.

2.3.1. Nguyên tắc cơ bản của công pháp quốc tế

Thứ nhất, nguyên tắc bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất của CPQT. Chủ quyền quốc gia là một thuộc tính chính trị - pháp lý vốn có của quốc gia [16; 85], bởi lẽ CPQT dựa trên khái niệm quốc gia. Quốc gia dựa trên nền tảng của chủ quyền, thể hiện bên trong quyền tối cao của các thể chế chính phủ [17; 264 - 266] và bên ngoài quyền tối cao của nhà nước với tư cách là một pháp nhân công quyền [18; 464]. Mang tư cách là một pháp nhân công quyền, quốc gia thể hiện chủ quyền của mình một cách độc lập khi tham gia vào các quan hệ quốc tế và được coi là một trong những trụ cột của hệ thống pháp luật quốc tế [19; 488].

Trong lĩnh vực TTTP về hình sự khi giải quyết các vụ án về ĐVHD, việc quốc gia áp dụng nguyên tắc “có đi có lại” đã thể hiện sự bình đẳng và độc lập về chủ quyền trong

quan hệ quốc tế. Hơn thế, nguyên tắc này còn được thể hiện qua việc các quốc gia có quyền từ chối những yêu cầu TTTP về hình sự liên quan đến ĐVHD nếu việc thực hiện yêu cầu đó có thể gây hại cho chủ quyền và an ninh quốc gia.

Thứ hai, nguyên tắc tận tâm thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế (*pacta sunt servanda*), nguyên tắc này được ghi nhận tại Hiến chương Liên hợp quốc ở khoản 2 Điều 2 và cả Công ước Vienna 1969. Đây là nguyên tắc cổ xưa nhất trong CPQT [20; 44], nghĩa vụ tận tâm thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế phải được các quốc gia thực hiện một cách nghiêm túc và trọn vẹn để duy trì một trật tự trên phạm vi quốc tế [21; 513], các quốc gia phải tuân thủ theo những cam kết mà mình là thành viên.

Trong lĩnh vực TTTP về hình sự đặc biệt liên quan đến giải quyết các vụ án về ĐVHD, nguyên tắc này có vai trò quan trọng chi phối quá trình tận tâm thực hiện những quy định mà các quốc gia đã cam kết, hơn nữa, là nguyên tắc chủ đạo trong việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước của mỗi quốc gia tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết các vụ án về ĐVHD.

Thứ ba, nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác. Nguyên tắc này đòi hỏi, các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá và nhân đạo trong phạm vi quốc tế. Trong lĩnh vực TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD, nguyên tắc này rất cần thiết và là cơ sở để các quốc gia hợp tác với nhau trong quá trình điều tra, giải quyết các yêu cầu về TTTP, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm quốc tế, tội phạm có tính chất quốc tế.

2.3.2. Nguyên tắc đặc thù của tương trợ tư pháp về hình sự

Thứ nhất, TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD thực hiện trên cơ sở nguyên tắc “có đi có lại”. Nội dung của nguyên tắc này là các quốc gia phải dành sự đối xử một cách tương xứng với những gì quốc gia kia dành cho quốc gia mình, nguyên tắc này có ưu thế giải quyết nhanh chóng các yêu cầu của cả hai bên nhưng phải được thực hiện trên cơ sở thiện chí, cùng có lợi, đôi bên cùng nhau hợp tác trong quá trình điều tra, truy tố, hoặc các hoạt động tố tụng khác để phòng ngừa và xử lý tội phạm về ĐVHD.

Thứ hai, nguyên tắc bảo đảm mục đích hợp tác. TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD đặt các quốc gia trước các vấn đề về tội phạm xuyên quốc gia do đó mục đích của nó là tạo điều kiện thuận lợi để mỗi bên thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ đã cam kết trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và giải quyết các nhiệm vụ cụ thể trong từng vụ án [8; 13]. Các hoạt động cụ thể của hợp tác trong khuôn khổ những mục đích và phạm vi hợp tác đã thoả thuận và tiến hành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên trách ở mỗi bên theo quy định của các điều ước quốc tế, thoả thuận đã ký kết [22; 13].

Thứ ba, nguyên tắc tội phạm kép. Đây là một trong những nguyên tắc của luật hình sự quốc tế về TTTP, theo đó các quốc gia sẽ từ chối TTTP nếu đó là yêu cầu TTTP nhằm

phục vụ cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử một hành vi mà pháp luật hình sự nước mình không coi đó là tội phạm. Tuy nhiên, tội phạm kép không có nghĩa là pháp luật của quốc gia yêu cầu TTTP và quốc gia được yêu cầu TTTP phải quy định hành vi phạm tội về ĐVHD trong một nhóm tội hoặc cùng tội danh hoặc hành vi phạm tội về ĐVHD có những yếu tố cấu thành tội phạm cơ bản tương đương theo quy định của pháp luật hình sự hai quốc gia [8; 16]. Với nguyên tắc “tội phạm kép” (dual criminality) trong hợp tác quốc tế đấu tranh với tội phạm, các quốc gia thường chỉ cung cấp cho nhau TTTP về hình sự hoặc dẫn độ người phạm tội khi cả nước yêu cầu và nước được yêu cầu hợp tác đều coi những hành vi nhất định liên quan đến ĐVHD là tội phạm [23].

2.4. Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã

Theo các điều ước quốc tế đa phương toàn cầu mà Việt Nam là thành viên, phạm vi TTTP về hình sự được ghi nhận tại Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng (UNCAC). Căn cứ Điều 18(3) UNTOC và Điều 46(3) UNCAC, phạm vi TTTP về hình sự gồm những hoạt động sau: (1) Lấy chứng cứ hoặc lời khai; (2) Thực hiện tổng đạt giấy tờ tư pháp; (3) Thực hiện khám xét, tạm giữ và niêm phong; (4) Khám nghiệm đồ vật và hiện trường; (5) Cung cấp thông tin, vật chứng và đánh giá của người giám định; (6) Cung cấp các bản gốc hoặc bản sao có công chứng của các giấy tờ, hồ sơ cần thiết, kể cả các giấy tờ tài liệu hành chính, ngân hàng, tài chính hoặc thương mại cũng như các hồ sơ kinh doanh; (7) Nhận dạng hoặc xác định tài sản do phạm tội mà có, tài sản, công cụ hoặc các đồ vật khác để phục vụ mục đích thu thập chứng cứ; (8) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trình diện tự nguyện của những cá nhân liên quan tại quốc gia thành viên yêu cầu; (9) Thực hiện bất cứ hình thức tương trợ nào khác phù hợp với pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu.

Theo điều ước quốc tế khu vực mà Việt Nam là thành viên, phạm vi TTTP về hình sự được quy định tại Điều 1(2) Hiệp định ASEAN tương trợ tư pháp về hình sự năm 2008. Nội dung phạm vi TTTP về hình sự của Hiệp định ASEAN tương tự như các quy định của các Công ước Liên hợp quốc nhưng khác về cách diễn đạt. Tuy nhiên, Hiệp định ASEAN có quy định thêm hoạt động xác minh địa chỉ và nhận dạng người.

Theo các hiệp định song phương giữa Việt Nam và các quốc gia, phạm vi TTTP về hình sự tương tự như các quy định của các Công ước Liên hợp quốc mặc dù vẫn có một vài điểm khác biệt. Phạm vi TTTP về hình sự được mở rộng thêm hoạt động nhận dạng hoặc xác định nơi ở của một người hoặc nơi có đồ vật (Hiệp định giữa Việt Nam và Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc,...); trả lại tài sản hoặc phân chia tài sản do phạm tội mà có (Hiệp định giữa Việt Nam và Anh, An-giê-ri,...).

Theo pháp luật Việt Nam, phạm vi TTTP về hình sự được quy định tại Điều 17 Luật TTTP năm 2007 bao gồm những hoạt động sau: (1) Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên

quan đến tương trợ tư pháp về hình sự; (2) Triệu tập người làm chứng, người giám định; (3) Thu thập, cung cấp chứng cứ; (4) Truy cứu trách nhiệm hình sự; (5) Trao đổi thông tin; (6) Các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về hình sự.

Nhìn chung, phạm vi TTTP về hình sự được quy định trong các điều ước quốc tế đa phương toàn cầu và khu vực mà Việt Nam là thành viên, các hiệp định song phương giữa Việt Nam với các quốc gia và Luật TTTP của Việt Nam đều tương tự nhau. Mặc dù giữa chúng vẫn có một vài điểm khác biệt nhất định nhưng không đáng kể. Ngoài ra, các điều ước quốc tế và văn bản pháp luật Việt Nam liệt kê trên đều có quy định điều khoản “mở” cho phép các bên ký kết có thể cung cấp các hình thức TTTP khác phù hợp với pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, giúp các bên linh hoạt hơn trong thực tiễn hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về động vật hoang dã. 2.5. Ý nghĩa tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã

Hội nhập quốc tế mang lại cho các quốc gia nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đem đến nhiều thách thức, trong đó vấn đề về tội phạm ĐVHD gia tăng rất nhiều. Do vậy, TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD là đòi hỏi khách quan, là một xu hướng vận động tất yếu, không thể thiếu trong bối cảnh quan hệ quốc tế. Đối với quốc gia, hoạt động TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD mang lại những ý nghĩa sau:

Thứ nhất, là cơ sở để đấu tranh, phòng chống tội phạm hiệu quả. Quan hệ quốc tế được mở rộng đây là cơ hội cho các công dân giữa các quốc gia có cơ hội giao thương và trao đổi, tuy nhiên cũng đặt ra vấn đề về tội phạm cũng có xu hướng “quốc tế hoá” thực hiện hành vi phạm tội như buôn bán ĐVHD trên nhiều lãnh thổ quốc gia khác nhau hoặc thực hiện hành vi vận chuyển xác, bộ phận cơ thể ĐVHD từ quốc gia này đến quốc gia khác,... Chính vì điều này, đặt các quốc gia trước nhiều vấn đề như cơ quan nhà nước nào sẽ có thẩm quyền trong việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; trực tiếp ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể bị hành vi phạm tội xâm hại tới. Bản chất của TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD là giúp đỡ các quốc gia có liên quan trong các hoạt động cụ thể về tố tụng hình sự nhằm đấu tranh, phòng, chống các loại tội phạm về ĐVHD sẽ giải quyết được những vấn đề tồn đọng nêu trên, hơn nữa củng cố thêm được mục tiêu “người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện” cho dù họ đang ở bất kỳ nơi nào trên thế giới” [24; 53].

Thứ hai, là cơ sở để bảo vệ chủ quyền quốc gia, mở rộng hợp tác quốc tế trong giải quyết các tội phạm về ĐVHD. Bản chất của TTTP về hình sự nói chung và TTTP về giải quyết các vụ án về ĐVHD nói riêng là sự giúp đỡ của các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia trong các hoạt động cụ thể về tố tụng hình sự nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm về ĐVHD hiệu quả.

Đối với cộng đồng quốc tế, TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án ĐVHD góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả, nhất là tội phạm về ĐVHD có yếu tố nước ngoài, tội phạm quốc tế. Thông qua TTTP về hình sự góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động tố tụng hình sự đối với các vụ án về ĐVHD có yếu tố nước ngoài, trong đó có những vụ án hình sự mà người phạm tội được xác định là tội phạm quốc tế. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong phòng, chống tội phạm về ĐVHD, giúp bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

3. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Ở Việt Nam, hoạt động TTTP về hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế đa phương hoặc song phương mà Việt Nam là thành viên.

- Các văn bản pháp luật trong nước

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định hai tội danh về động vật hoang dã: Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234) và Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244). Chính việc tội phạm hoá các hành vi nhất định liên quan đến ĐVHD đã tạo tiền đề để Việt Nam và các quốc gia khác thực hiện hoạt động TTTP về hình sự khi các bên đều xem những hành vi đó là tội phạm.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có nhiều quy định liên quan đến TTTP như: Xác định phạm vi hợp tác quốc tế trong đó có hoạt động TTTP về hình sự (Điều 491); Xác định Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) là Cơ quan trung ương của Việt Nam trong hoạt động TTTP về hình sự (Điều 493); Quy định việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có để phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự (Điều 507); Quy định việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc phối hợp điều tra hoặc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt (Điều 508);...

Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và các văn bản hướng dẫn thi hành là cơ sở pháp lý quan trọng quy định về các hình thức và nội dung TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án nói chung và các vụ án về ĐVHD nói riêng.

- Điều ước quốc tế đa phương toàn cầu

Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 có quy định về TTTP về hình sự (Điều 18). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam và các quốc gia trên thế giới hợp tác với nhau đấu tranh với các tổ chức tội phạm khi những tổ chức này thực hiện các tội phạm về ĐVHD.

Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003 có quy định TTTP về hình sự (Điều 46). Đây cũng là một cơ sở pháp lý quan trọng bởi các hành vi tham nhũng của một số công chức hiện nay có liên quan đến các vụ án về ĐVHD.

- Điều ước quốc tế đa phương khu vực

Hiệp định ASEAN tương trợ tư pháp về hình sự năm 2008 là cơ sở quan trọng để Việt Nam và các quốc gia khác trong khối ASEAN hợp tác với nhau đấu tranh với các tội phạm về ĐVHD.

- Hiệp định song phương

Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định TTTP về dân sự và hình sự với nhiều quốc gia trên thế giới: Lào (1998), Liên Bang Nga (1998), Trung Quốc (1998), Hàn Quốc (2005), Ấn Độ (2007), An-giê-ri (2010), Indonesia (2012), Mozambique (2018),... Các hiệp định song phương là nền tảng quan trọng cung cấp cơ sở pháp lý cho hai bên ký kết để TTTP về hình sự nhằm đấu tranh chống các tội phạm xuyên quốc gia về ĐVHD.

4. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ THỰC TIỄN TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC GIA

4.1. Tình hình tội phạm về động vật hoang dã

4.1.1. Trong phạm vi quốc tế

Hiện nay, các tội phạm về ĐVHD trên toàn cầu đang ngày càng có tính chất xuyên quốc gia, được thực hiện một cách có tổ chức với hình thức ngày một tinh vi hơn. Đặc biệt, châu Á và châu Phi đã trở thành hai điểm nóng của các tội phạm xuyên quốc gia về ĐVHD.

Theo báo cáo năm 2020 của Liên hợp quốc về các tội phạm liên quan đến động thực vật hoang dã [25; 112-115], trong giai đoạn 2016-2018 có đến 1.060 loài tê giác bị giết bắt hợp pháp tại Châu Phi. Khối lượng sừng tê giác thu được từ những cá thể tê giác bị giết này lên đến 5,8 tấn. Trong đó khoảng 5,1 tấn sừng tê giác được vận chuyển sang châu Á. Cũng theo báo cáo này, trong giai đoạn 2016-2018 có khoảng 10.000 loài voi bị giết bắt hợp pháp tại châu Phi. Khối lượng ngà voi thu được từ những cá thể voi bị giết này lên đến 105 tấn. Trong đó, khoảng 88 tấn ngà voi được vận chuyển sang châu Á.

Ngoài ra, vào cuối năm 2021 một chiến dịch kéo dài 08 tuần của Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (INTERPOL) với sự phối hợp tham gia của 23 nước đến từ châu Phi và châu Á (trong đó có Việt Nam) đã được diễn ra với mục đích chống các tội phạm về ĐVHD. Theo kết quả báo cáo từ chiến dịch này, hàng nghìn sản phẩm ĐVHD đã được thu giữ (1.202 ngà voi, 423 kg vảy tê tê, 50 sừng tê giác và 1336 các loài động vật hoang dã khác thuộc danh sách CITES,...) và xác định được khoảng 100 nghi phạm trên 23 quốc gia tham gia chiến dịch [28].

4.1.2. Trong phạm vi khu vực ASEAN

Hiện nay nạn buôn lậu ĐVHD tại khu vực ASEAN đang ở mức nghiêm trọng. Số liệu về các loài ĐVHD và bộ phận cơ thể của chúng đã bị thu giữ trong phạm vi ASEAN gồm: hơn 225.000 kg ngà voi (2008-2019), hơn 4.500 kg sừng tê giác (2016-2017), hơn 96.000 kg vảy tê tê (2017-2019) và hơn 2.200 cá thể hổ (2000-2019),...[28] Ngoài ra, ASEAN còn trở thành địa điểm tiêu thụ, cung cấp hoặc trung chuyển vô cùng lớn của mạng lưới các tội phạm về ĐVHD xuyên quốc gia trên toàn cầu.

Theo báo cáo năm 2020 hợp tác giữa Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Mạng lưới Giám sát Buôn bán ĐVHD (TRAFFIC) [3], khu vực ASEAN là điểm tiêu thụ (consumer) của mạng lưới vận chuyển trái phép tê tê, ngà voi, sừng tê giác, rùa và các loài chim từ châu Phi; các loài chim và hổ từ khu vực Nam Á; các loài gấu từ khu vực Đông Á; sừng linh dương từ khu vực Trung Á; các loài bò sát và chim từ châu Mỹ.

Cũng theo báo cáo trên, ASEAN không chỉ đóng vai trò là điểm tiêu thụ mà còn là điểm cung cấp (supplier) hoặc quá cảnh (transit) của mạng lưới vận chuyển trái phép các loài ĐVHD trên toàn cầu. ASEAN là điểm cung cấp hoặc quá cảnh của mạng lưới vận chuyển các loài lưỡng cư, bò sát đến các nước châu Âu; các loài rùa và chim hồng hoàng đến khu vực Đông Á; các loài bò sát đến khu vực châu Mỹ.

4.1.3. Trong phạm vi Việt Nam

Các tội phạm xuyên quốc gia về ĐVHD tại Việt Nam chủ yếu là các tội phạm về buôn bán và vận chuyển trái phép sản phẩm ĐVHD từ châu Phi về Việt Nam. Các mạng lưới chính về buôn bán và vận chuyển trái phép ĐVHD từ châu Phi về Việt Nam đã được phát hiện bao gồm:

- Giữa Việt Nam và Mozambique

Từ năm 2012 đến tháng 08/2021, WCS đã ghi nhận 23 vụ việc buôn bán trái phép ĐVHD từ Mozambique về Việt Nam liên quan đến các công dân Việt Nam [28; 5]. Ngà voi là sản phẩm ĐVHD bị buôn bán nhiều nhất từ Mozambique về Việt Nam với 5.504 kg ngà voi được thu giữ từ năm 2012 đến năm 2021 [5]. Bên cạnh ngà voi là sản phẩm buôn lậu lớn nhất giữa Mozambique và Việt Nam, sừng tê giác và các loài mèo lớn (sư tử và hổ) cũng là sản phẩm buôn lậu với số lượng lớn giữa hai bên.

- Giữa Việt Nam và Nam Phi

Từ năm 2012 đến tháng 08/2021, WCS đã ghi nhận 28 vụ buôn bán ĐVHD bất hợp pháp rời khỏi Nam Phi được thực hiện bởi công dân Việt Nam [29; 5]. Sừng tê giác là sản phẩm ĐVHD bị buôn bán nhiều nhất từ Nam Phi về Việt Nam với 255 sừng, 521,8 kg và ít nhất 10 mặt hàng sừng tê giác đã bị thu giữ [7]. Ngoài sừng tê giác là mặt hàng buôn

lậu chính, ngà voi và các loài mèo lớn (sư tử và hổ) cũng là sản phẩm buôn lậu lớn giữa Việt Nam và Nam Phi.

Ngoài ra, các đối tượng phạm tội thường vận chuyển ĐVHD bằng đường biển từ châu Phi về Việt Nam có thể chuyên chở khối lượng lớn, chi phí rẻ và hệ thống soi chiếu, giám sát chưa đầy đủ và hiện đại như đường hàng không. Các container chứa ĐVHD trên tuyến đường vận chuyển trái phép từ châu Phi về Việt Nam thường cập cảng Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cát Lái (Thành phố Hồ Chí Minh) và không loại trừ một số cảng biển khác có hệ thống kiểm soát của cơ quan Hải quan còn hạn chế, nhất là việc thiếu hệ thống soi chiếu container, thiếu cán bộ có kỹ năng phân tích thông tin và kiến thức nghiệp vụ liên quan đến quản lý rủi ro đối với lĩnh vực này [30; 13].

4.2. Thực tiễn tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã

4.2.1. Những khó khăn, thách thức trong tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia khi giải quyết các vụ án về động vật hoang dã

Thứ nhất, việc giải quyết yêu cầu TTTP giữa Việt Nam và các quốc gia châu Phi còn chậm trễ. Trong những năm gần đây, tỷ lệ phản hồi các yêu cầu TTTP về hình sự do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi đến vẫn còn rất thấp. Trong số 15 yêu cầu Việt Nam gửi các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, chỉ có 06 yêu cầu được thực hiện. Phần lớn các yêu cầu này liên quan đến các vụ án hình sự về buôn bán ĐVHD từ một số quốc gia châu Phi, nơi nạn săn bắt và buôn bán ĐVHD trái phép diễn ra phổ biến. Đối với những yêu cầu gửi đến các nước châu Phi (trừ một số liên quan đến Mozambique), không có phản hồi nào được đưa ra [31].

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS) tại Điều 148 thì hết thời hạn do luật định, cơ quan có thẩm quyền sẽ tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong trường hợp có yêu cầu TTTP của nước ngoài nhưng chưa có kết quả. Hơn thế, tại Điều 229 BLTTHS, cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi yêu cầu nước ngoài TTTP chưa có kết quả nhưng đã hết hạn điều tra. Việc chậm trễ trong phản hồi các yêu cầu TTTP trong giải quyết các vấn đề về tội phạm ĐVHD từ các nước châu Phi làm cho các vụ án liên quan đến tội phạm về ĐVHD bị tạm đình chỉ hoặc đình chỉ, gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Theo Vụ Hợp tác quốc tế và TTTP về hình sự của VKSNDTC thì từ 2018 đến nay Việt Nam đã gửi 17 yêu cầu TTTP nhưng số lượng đã giải quyết chỉ mới có 03 yêu cầu và còn 14 yêu cầu chưa được thực hiện, hơn thế, với các nước châu Phi, số lượng tương trợ nhiều (8/17) nhưng chậm nhận được kết quả (0/8) [32; 8].

Thứ hai, số lượng điều ước quốc tế về TTTP hình sự song phương với các nước châu Phi chưa nhiều, do sự khác biệt về quy định, pháp luật TTTP trong lĩnh vực hình sự giữa

Việt Nam và các nước về thủ tục, cách thực hiện, thời hạn, hình thức, quyền hạn của cán bộ có thẩm quyền... dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện TTTP và mất thời gian giải quyết yêu cầu tương trợ [32; 11]. Đặc biệt, giữa một số nước châu Phi và Việt Nam vẫn chưa ký kết hiệp định TTTP dẫn đến việc hạn chế trong đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về TTTP của Việt Nam. Do thiếu cơ sở pháp lý nên việc phối hợp, giữ liên lạc với các cơ quan trung ương của nước tiếp nhận yêu cầu TTTP chủ yếu thông qua con đường ngoại giao. Hơn nữa, hoạt động gửi hồ sơ yêu cầu TTTP về hình sự, bổ sung thông tin cần thiết, cập nhật tiến độ giải quyết gặp khó khăn.

Thứ ba, khó khăn trong việc đưa người tiến hành tố tụng tham dự việc thực hiện tương trợ tại nước yêu cầu.

Thứ tư, việc áp dụng nguyên tắc tội phạm kép cũng sẽ là một trở ngại cho các quốc gia khi thực hiện TTTP về hình sự trong giải quyết vụ án về ĐVHD, bởi lẽ sẽ có trường hợp hành vi đó ở một quốc gia này được coi là trái pháp luật hình sự nhưng ở quốc gia kia thì lại không dẫn tới khó khăn trong việc tương trợ.

4.2.2. Nguyên nhân dẫn đến những khó khăn và thách thức trong tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia khi giải quyết các vụ án về động vật hoang dã

Thứ nhất, việc ký kết các hiệp định TTTP về hình sự của Việt Nam và các nước được quan tâm nhưng vẫn còn chưa đầy đủ. Chẳng hạn, hiệp định TTTP giữa các nước ASEAN trong lĩnh vực hình sự chỉ đề cập tới những vấn đề cơ bản nhưng không quy định một cách chi tiết, do đó, các bên của hiệp định phải dựa trên luật của quốc gia mình để bảo lưu một số điều hoặc nội dung trong hiệp định [33; 12].

Thứ hai, sự khác biệt trong ngôn ngữ của các quốc gia là một rào cản lớn, bởi lẽ, như đã phân tích, TTTP về hình sự mang tính quốc tế, do đó, đòi hỏi các cán bộ phải có kiến thức chuyên sâu về pháp luật quốc tế và ngoại ngữ thành thạo, hơn nữa, hệ thống cơ quan dịch thuật chuyên nghiệp vẫn còn chưa đầy đủ và hoàn thiện.

Thứ ba, các hiệp định TTTP về hình sự đã ký kết giữa Việt Nam và các nước vẫn chưa thực sự tập trung vào tội phạm về ĐVHD, chẳng hạn TTTP trong việc xác định nguồn gốc của ĐVHD hoặc sản phẩm của ĐVHD bị buôn bán, vận chuyển từ lãnh thổ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam.

Thứ tư, trong những vụ án về ĐVHD có yếu tố nước ngoài đòi hỏi rất nhiều hoạt động TTTP được tiến hành giữa các nước nhằm xác định nguồn gốc hàng hoá từ ĐVHD, xác định thời gian hay địa điểm để xử lý tội phạm về ĐVHD. Tuy nhiên, trên thực tiễn, việc thực hiện gần như rất khó khăn bởi vì giữa các quốc gia vẫn chưa thực sự thiện chí hợp tác. Hơn nữa, do xung đột pháp luật, những vụ án về ĐVHD do các cơ quan đại diện ngoại giao xử lý dẫn đến việc chậm trễ trong điều tra, xử lý tội phạm. Nhiều vụ án hình sự về ĐVHD có yếu tố nước ngoài đã bị đình chỉ điều tra do hết thời hạn.

Thứ năm, hệ thống pháp luật giữa các quốc gia cũng khác nhau, đặc biệt là các thủ tục tố tụng hình sự, khái niệm pháp lý, tội phạm chính trị, tội phạm quân sự,... là nguyên nhân khách quan gây khó khăn trong việc TTTP.

Thứ sáu, một số cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng trong cách thức gửi yêu cầu tương trợ, gửi sai kênh, sai cơ quan có thẩm quyền.

5. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC GIA TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Từ những bất cập, khó khăn, vướng mắc như đã trình bày, chúng tôi đề xuất các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD như sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần xem xét ký kết thêm các hiệp định TTTP về hình sự với một số quốc gia, đặc biệt là các quốc gia châu Phi bởi đây là các nước có rủi ro cao liên quan đến các tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia về ĐVHD. Hiệp định song phương về TTTP trong lĩnh vực hình sự sẽ là văn bản pháp lý có hiệu lực ràng buộc giữa hai bên ký kết, ghi nhận quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, đồng thời quy định chi tiết các vấn đề quan trọng khác như phạm vi tương trợ; xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trình tự thủ tục và căn cứ từ chối yêu cầu tương trợ; phương thức liên lạc và trao đổi thông tin;... Việc ký kết thêm các hiệp định song phương là giải pháp chính mang lại hiệu quả lâu dài cho hoạt động TTTP về hình sự giữa các quốc gia với nhau. Tuy nhiên, sự ký kết các hiệp định này vẫn còn phụ thuộc vào sự thiện chí từ phía nước ngoài và nhu cầu thực tế của hai bên.

Thứ hai, đối với một số Hiệp định song phương mà Việt Nam đã ký kết có quy định chung về TTTP trong cả lĩnh vực dân sự và hình sự thì nên xem xét tách nội dung TTTP về hình sự thành một hiệp định riêng giúp việc tra cứu, thực hiện liên quan đến lĩnh vực hình sự được thuận lợi hơn. Đồng thời việc tách biệt này sẽ giúp phân định rõ ràng thẩm quyền của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai bên về TTTP trong lĩnh vực hình sự và tăng cường tính chủ động của cơ quan này trong quá trình thực thi hoạt động tương trợ khi giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến ĐVHD.

Thứ ba, cần sửa đổi và bổ sung Luật TTTP năm 2007. Về mặt hình thức, cần xem xét tách các quy định về lĩnh vực hình sự trong Luật TTTP thành một luật riêng để tạo thuận lợi cho việc tra cứu và thực hiện tương trợ; phân biệt rõ thẩm quyền của cơ quan thực hiện TTTP về lĩnh vực hình sự so với các cơ quan thực hiện tương trợ ở lĩnh vực khác; đồng thời đảm bảo tốt hơn việc quy định chuyên sâu, cụ thể hoá các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Về mặt nội dung, ngoài phạm vi tương trợ đã được quy định tại Điều 17, cần thiết xem xét bổ sung thêm các hoạt động áp dụng biện pháp truy tìm, thu giữ, phong tỏa, kê biên, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội; cho phép người tiến hành tố tụng của bên yêu cầu được tham gia một số hoạt

động trong quá trình thực hiện TTTP tại bên được yêu cầu; lấy lời khai qua cầu truyền hình; tổ chức cho người của bên được yêu cầu đến bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; liên kết điều tra, phối hợp điều tra... Những hoạt động này đã được quy định trong các điều ước quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực tư pháp hình sự mà Việt Nam là thành viên. Do đó việc bổ sung phạm vi tương trợ sẽ phù hợp hơn với các hiệp định song phương mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Ngoài ra, cần thiết xem xét sửa đổi và bổ sung các căn cứ từ chối tương trợ theo hướng phân biệt giữa những trường hợp “bắt buộc” từ chối và “có thể” từ chối để đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ tư, thay thế việc gửi yêu cầu tương trợ qua đường bưu điện bằng các phương tiện trực tuyến như hộp thư điện tử, fax, điện thoại,... Đối với các vụ án hình sự về ĐVHD từ châu Phi về Việt Nam, do khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và các nước châu Phi khá xa nên thời gian gửi yêu cầu tương trợ mất rất nhiều thời gian, gây ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các vụ án này. Để đảm bảo yêu cầu tương trợ đến phía nước nhận sớm nhất, Việt Nam cần thiết thiết lập kênh liên lạc trực tiếp với cơ quan đầu mối về TTTP hình sự của các nước thông qua hộp thư điện tử, fax, điện thoại để trao đổi thông tin. Tuy nhiên, đa số các quốc gia châu Phi vẫn còn kém phát triển, do đó để áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động công tác tại các nước này sẽ gặp nhiều khó khăn. Song, trên tinh thần đấu tranh phòng, chống các tội phạm xuyên quốc gia về động vật hoang dã, Việt Nam có thể hỗ trợ các quốc gia châu Phi thiết lập các phương tiện liên lạc trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả TTTP về hình sự giữa các bên trong giải quyết các vụ án về ĐVHD.

Thứ năm, Vụ Hợp tác quốc tế và TTTP về hình sự thuộc VKSNDTC cần chủ động xây dựng cơ chế tham vấn thường xuyên với phía nước ngoài theo từng quý trong năm. Các cuộc họp tham vấn với phía nước ngoài sẽ tập trung vào việc xem xét các yêu cầu tương trợ do Việt Nam gửi đến mà chưa nhận được phản hồi; rà soát tình hình thực hiện các thoả thuận về tương trợ; đồng thời giúp cơ quan tư pháp giữa hai bên có thể hỗ trợ lẫn nhau nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn và bất cập trong quá trình thực thi. Có như vậy hoạt động TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD mới đạt được hiệu quả cao.

Thứ sáu, các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam phải thống nhất trong cách thức gửi yêu cầu TTTP về hình sự. Theo quy định của Luật TTTP năm 2007 thì VKSNDTC được xác định là Cơ quan Trung ương trong hoạt động TTTP về hình sự. Do đó, tất cả các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam phải thống nhất chỉ gửi yêu cầu tương trợ thông qua một cơ quan duy nhất đó là VKSNDTC. Việc hạn chế các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam gửi yêu cầu tương trợ qua nhiều kênh khác nhau sẽ giúp tiết kiệm thời gian trong việc chuyển hồ sơ để kịp tiến độ giải quyết yêu cầu TTTP. Ngoài ra, khi gửi yêu cầu tương trợ thông qua cơ quan duy nhất là VKSNDTC sẽ giúp VKSNDTC nắm được thông tin để liên hệ đôn đốc tiến độ thực hiện đối với các yêu cầu này và kết quả thực hiện sẽ được công nhận là chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Thứ bảy, cần lưu ý đến cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tiếp nhận yêu cầu TTTP về hình sự. Bởi lẽ, ở mỗi quốc gia khác nhau sẽ phân định thẩm quyền khác nhau cho cơ quan tiếp nhận yêu cầu TTTP về hình sự. Chẳng hạn, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu TTTP về hình sự tại Angola, Mozambique, Nam Phi, Công-gô, Campuchia là Bộ Tư pháp; tại Lào và Trung Quốc là VKSNDTC [34; 131 – 193]. Ngoài ra, ở một số quốc gia khác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu TTTP về hình sự có thể là Bộ Nội vụ, Cơ quan Tổng chương lý, hoặc Viện Công tố,... Việc phía Việt Nam xác định đúng cơ quan có thẩm quyền của từng nước tiếp nhận yêu cầu TTTP về hình sự sẽ giúp việc gửi yêu cầu được diễn ra thuận lợi hơn, tránh tình trạng tốn thời gian gửi lại trong trường hợp gửi yêu cầu đến sai cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Thứ tám, tăng cường vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài. Các cơ quan đại diện của Việt Nam (đại sứ quán, lãnh sự quán,...) cần chủ động liên hệ các cơ quan chức năng nước sở tại để thúc đẩy hoạt động TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD.

Thứ chín, ngoài những giải pháp chính thống đã nêu trên thì các giải pháp mềm cũng tích cực nâng cao hiệu quả công tác TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD. Các giải pháp mềm có thể kể đến như ký kết các biên bản ghi nhớ và hợp tác cảnh sát với các nước liên quan. Chẳng hạn, hợp tác cảnh sát thông qua kênh INTERPOL. Đây là tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế lớn nhất trên thế giới có vai trò kết nối lực lượng Cảnh sát trên toàn cầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. INTERPOL cung cấp các công cụ và dịch vụ thiết yếu để hỗ trợ lực lượng Cảnh sát các nước trên thế giới thực hiện công việc một cách hiệu quả hơn. INTERPOL cung cấp cho các nước thành viên các chương trình đào tạo, hỗ trợ chuyên gia và kênh trao đổi thông tin được bảo mật. Từ đó, lực lượng Cảnh sát các nước có thể phân tích thông tin, dự đoán xu hướng tội phạm, tổ chức hoạt động điều tra và bắt giữ đối tượng phạm tội một cách hiệu quả nhất [35]. Ngoài kênh INTERPOL, Việt Nam có thể đẩy mạnh hơn nữa việc hợp tác cảnh sát thông qua kênh ASEANAPOL - đầu mối thúc đẩy quan hệ hợp tác đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia giữa các nước ASEAN. Như đã trình bày ở phần tình hình tội phạm, khu vực ASEAN là nơi cung cấp, tiêu thụ và quá cảnh của mạng lưới các tội phạm về động vật hoang dã xuyên quốc gia vô cùng lớn trên thế giới. Do đó, điều cần thiết đặt ra đó là cảnh sát của Việt Nam và cảnh sát của các nước trong khu vực ASEAN cần phải có sự hợp tác để việc truy nã quốc tế các cá nhân phạm tội, lưu trữ trao đổi thông tin và hỗ trợ triển khai tương trợ tư pháp về hình sự được diễn ra thuận lợi hơn. Không những thế, ASEANAPOL còn liên kết hợp tác và kết nối chặt chẽ với INTERPOL để hai tổ chức này có thể liên lạc với nhau nhanh chóng và dễ dàng hơn, qua đó góp phần tăng cường hiệu quả hợp tác chống tội phạm xuyên quốc gia ở cả cấp độ khu vực và toàn cầu [36; 68]. Như vậy, các tội phạm về động vật hoang dã hiện nay thường có tính chất xuyên quốc gia nên việc hợp tác cảnh sát giữa Việt Nam và các nước có liên quan thông qua kênh INTERPOL ở quy

mô toàn cầu và ASEANAPOL ở quy mô khu vực sẽ là giải pháp mềm dẻo đáng tin cậy, thiết thực và mang lại hiệu quả cao.

Thứ mười, tăng cường vai trò của một số tổ chức về bảo vệ ĐVHD trong việc thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương nhằm đấu tranh với các đường dây tội phạm buôn bán ĐVHD xuyên quốc gia. Chẳng hạn, Hiệp hội Bảo tồn Động vật hoang dã (WCS) Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hỗ trợ các cơ quan chính phủ của Việt Nam thúc đẩy hợp tác thực thi pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia dọc tuyến buôn bán ĐVHD trọng điểm tại châu Phi và châu Á thông qua: (i) hỗ trợ xây dựng khuôn khổ pháp luật cho việc hợp tác như ký kết các biên bản ghi nhớ, hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, hiệp định phòng, chống tội phạm...; (ii) hỗ trợ duy trì quan hệ hợp tác song phương và đa phương thông qua đồng tổ chức các cuộc họp song phương, đa phương, hay tạo cầu nối trao đổi thông tin giữa các đơn vị đầu mối về hợp tác quốc tế của các cơ quan thực thi pháp luật các nước; (iii) tạo các cơ hội nâng cao năng lực cho cán bộ thực thi pháp luật của các nước trong các khóa tập huấn chung [37].

6. KẾT LUẬN

Bài viết đã chỉ ra được định nghĩa của TTTP về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD, các nguyên tắc cơ bản trong TTTP về hình sự phối hợp giữa các quốc gia trong phòng, chống loại tội phạm này. Qua những thông tin về thực tiễn, bài viết cho thấy được những khó khăn trong quá trình thực hiện TTTP về hình sự khi giải quyết các vụ án về ĐVHD tại Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó các tác giả đề xuất những biện pháp khắc phục những vướng mắc, khó khăn trên. Để bảo vệ ĐVHD, mà sâu xa hơn là sự đa dạng sinh học trong thế giới tự nhiên, điều cần thiết là sự đoàn kết, hợp tác thiện chí và có hiệu quả giữa các quốc gia cùng chung tay phòng, chống loại tội phạm này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Anh Tuấn, *Tương trợ tư pháp quốc tế về dân sự trong hoạt động tại Toà án và định hướng hoàn thiện*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
- [2] Tribunal de Paris, International mutual legal assistance, <https://www.tribunal-de-paris.justice.fr/75/international-mutual-legal-assistance>, (08/02/2023).
- [3] Criminal Asset Recovery Project in Serbia, *Mutual Legal Assistance Manual*, Funded by European Union, Nxb. Council of Europe.
- [4] United Nations office on Drugs and Crime, United Nations Convention Against Corruption, https://www.unodc.org/documents/brussels/UN_Convention_Against_Corruption.pdf, (13/02/2023).
- [5] ASEAN, Treaty on mutual legal assistance in criminal matters, <https://asean.org/wp-content/uploads/2021/01/20160901074559.pdf>, 13/02/2023.
- [6] Somvichit Sengvilakhom, *Thực tiễn áp dụng pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Lào*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2018.

- [7] Bùi Thị Trà My, *Tương trợ tư pháp về hình sự tại Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2016.
- [8] Nguyễn Thị Thuận, *Tương trợ tư pháp hình sự trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp khoa, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2018
- [9] Vũ Ngọc Dương, *Tương trợ tư pháp hình sự ASEAN và thực tiễn thực hiện của Việt Nam*, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, 2020, <https://lsvn.vn/tuong-tro-tu-phap-hinh-su-asean-va-thuc-tien-thuc-hien-cua-viet-nam.html>, (10/02/2023).
- [10] Mục 2, Phụ lục I Nghị định số 64/2019/NĐ-CP.
- [11] Các loài động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục I CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam (điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP).
- [12] Những loài động vật, thực vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng, nghiêm cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật từ tự nhiên vì mục đích thương mại.
- [13] “Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora”. Công ước được ký kết tại Washington, D.C. vào ngày 03/3/1973; được sửa đổi hai lần vào ngày 22/6/1979 (tại Bonn) và ngày 30/4/1983 (tại Gaborone). Việt Nam tham gia CITES vào năm 1994 và trở thành thành viên thứ 121/178 quốc gia. Tham khảo thêm thông tin tại website của Bộ Tài nguyên và Môi trường, “*Công ước CITES và sự tham gia của Việt Nam*” (30/3/2020) <https://monre.gov.vn/Pages/cong-uoc-cites-va-su-tham-gia-cua-viet-nam.aspx>, (11/4/2022).
- [14] Lê Huỳnh Tấn Duy, Xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã theo pháp luật hình sự Việt Nam, Hội thảo phòng ngừa, xử lý các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Khoa Luật hình sự, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, 2022.
- [15] Xem: UNODC, World Wildlife Crime Report - Trafficking in Protected Species, 2020, https://www.unodc.org/documents/data-and_analysis/wildlife/2020/World_Wildlife_Report_2020_9July.pdf, (10/02/2023).
- [16] Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Công pháp quốc tế quyển 1*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, 2020.
- [17] Lưu Văn Bình, *Luật Quốc tế*, Sài Gòn, 1964.
- [18] Nguyễn Quốc Định, P. Daillier và A. Pellet, *Droit International Public*, 7th edition, Paris, 2002.
- [19] Malcom N. Shaw, *International Law*, Cambridge University Press, 2008.
- [20] Hossain, M.B., Yeon, A. L., & Abdul Aziz, A. S., Sovereignty, national interest and security in bilateral investment treaties of Malaysia, *Journal of International Studies*, 2020, <https://doi.org/10.32890/jis2020.16.3>.
- [21] Lukashuk, I. I., “The Principle Pacta Sunt Servanda and the Nature of Obligation Under International Law”, *The American Journal of International Law*, 83(3), 1989, <https://doi.org/10.2307/2203309>.

- [22] Nguyễn Ngọc Anh, *Sổ tay về công tác Tương trợ tư pháp về hình sự*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2014.
- [23] Nguyễn Thị Phương Hoa, “Hợp tác quốc tế đấu tranh với buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã trên tuyến đường biển”, *Tham luận trình bày tại Hội thảo quốc tế “Phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã bằng đường biển”*, Bà Rịa - Vũng Tàu, 28/09/2022.
- [24] Nguyễn Giang Nam, *Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và dẫn độ tội phạm trong điều tra tội phạm có yếu tố nước ngoài*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, 2011.
- [25] UNODC, “World Wildlife Crime Report 2020”, https://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/wildlife/2020/World_Wildlife_Report_2020_9July.pdf.
- [26] Interpol, “Ivory, rhino horns, pangolin and tiger parts seized in transit from Africa to Asia”, <https://www.interpol.int/en/News-and-Events/News/2022/Ivory-rhino-horns-pangolin-and-tiger-parts-seized-in-transit-from-Africa-to-Asia>.
- [27] Kanitha Krishnasamy và Monica Zavagli, “Southeast Asia at the heart of wildlife trade”, IUCN, USAID, and TRAFFIC, 2020, <https://www.traffic.org/site/assets/files/12648/sea-traps-february-2020.pdf>.
- [28] WCS, “Khung pháp lý, thể chế trong đấu tranh với tội phạm xuyên quốc gia về buôn bán động vật hoang dã tại Mozambique và Việt Nam”, 2021.
- [29] WCS, “Khung pháp lý, thể chế trong đấu tranh với tội phạm xuyên quốc gia về buôn bán động vật hoang dã tại Nam Phi và Việt Nam”, 2021.
- [30] Vương Tuấn Nam, “Báo cáo về hoạt động quản lý rủi ro đối với mặt hàng là động vật hoang dã được vận chuyển trên tuyến đường biển từ châu phi về Việt Nam”, 2022.
- [31] Nguyen Cam Tu, “How to improve effectiveness of mutual legal assistance in handling wildlife related criminal cases”, *Vietnam Law & Legal Forum*, 2020, <https://vietnamlawmagazine.vn/how-to-improve-effectiveness-of-mutual-legal-assistance-in-handling-wildlife-related-criminal-cases-27373.html>, (10/02/2023).
- [32] Vụ Hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã xuyên quốc gia*, Ninh Bình, tháng 04/2021.
- [33] Nguyen Duc Hanh, “International cooperation and mutual legal assistance in criminal matters in handling with transnational wildlife trafficking crimes in Vietnam”, 2020, https://www.e3s-conferences.org/articles/e3sconf/abs/2020/24/e3sconf_tpacce2020_11006/e3sconf_tpacce2020_11006.html, (10/02/2023).
- [34] Vụ Hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Sổ tay Công tác tương trợ tư pháp về hình sự*, Nxb. Tư pháp, 2022.
- [35] Cổng thông tin điện tử Bộ Công an - Diêm tin INTERPOL, “Tổng quan về tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (INTERPOL)”, <https://bocongan.gov.vn/diem-tin-interpol/tin-tuc/gioi-thieu/tong-quan-ve-to-chuc-canhsat-hinh-su-quoc-te-interpol-d9-t127.html>, (22/03/2023).

- [36] Nguyễn Thị Kim Ngân, Nguyễn Đức Phúc, “Hiệp hội cảnh sát các nước ASEAN – Mô hình hợp tác quốc tế đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia”, Tạp chí Luật học số 09/2008.
- [37] WCS Vietnam, “Thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương nhằm đấu tranh với các đường dây tội phạm buôn bán ĐVHD xuyên quốc gia”, <https://programs.wcs.org/vietnam/vi-vn/Linh-vuc-hoat-dong/Thuc-day-hop-tac-song-phuong-va-da-phuong-nham-dau-tranh-voi-cac-duong-dây-tội-phạm-buôn-bán-ĐVHD-xuyên-quốc-gia.aspx>, (13/02/2023).

PHÒNG NGỪA CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Vũ Thị Minh Thu, Phan Lê Mai Thảo¹
(Được hướng dẫn bởi PGS.TS. Lê Huỳnh Tấn Duy)

Tóm tắt: Ở Việt Nam hiện nay, các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã diễn ra vô cùng đa dạng và tinh vi. Mặc dù khung pháp lý về hành chính và hình sự để xử lý các hành vi này đã được xây dựng nhưng hiệu quả mang lại còn hạn chế. Một trong những nguyên nhân chính là do chủ thể thực hiện hành vi vi phạm chưa thật sự hiểu đúng, hiểu rõ và hiểu sâu các kiến thức pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã. Đồng thời, nhóm tội phạm trên còn chưa thật sự được xã hội, cộng đồng chú ý và quan tâm. Do vậy, trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả sẽ tập trung nghiên cứu vấn đề phòng ngừa các hành vi vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã thông qua việc làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện vi phạm. Từ đó, nhóm tác giả kiến nghị giải pháp kết hợp song hành giữa hoạt động tố tụng và quản lý xã hội, nhằm cắt giảm tội phạm về động vật hoang dã tương ứng với từng nguyên nhân và điều kiện phạm tội đã phân tích. Các biện pháp phòng ngừa này sẽ giúp Nhà nước có thể kiểm soát và hạn chế tối đa các tội phạm về động vật hoang dã.

Từ khóa: động vật hoang dã, phòng ngừa tội phạm, tội phạm học, hành vi vi phạm

1. DẪN NHẬP

Không thể phủ nhận được tầm ảnh hưởng vô cùng to lớn của động vật hoang dã (ĐVHD) trong hệ sinh thái tự nhiên. Các loài động vật này đem lại giá trị trong nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, khoa học – kỹ thuật, phòng, chống thiên tai, y học, công nghiệp thực phẩm, nghệ thuật. Thế nhưng, với những nhu cầu cá nhân không ngừng gia tăng của con người, số lượng ĐVHD bị săn bắt, giết hại, chế biến để buôn bán và tiêu thụ trái phép ngày càng lớn và nghiêm trọng. Việt Nam được xếp vào một trong 16 quốc gia sở hữu sự đa dạng sinh học cao nhất thế giới. Riêng với nhóm loài động vật, Việt Nam có tới 10.500 loài động vật trên cạn, 2.000 loài động vật không xương sống và cá nước ngọt, cùng với 11.000 loài sinh vật biển [1]. Với nguồn tài nguyên vô cùng phong phú như trên, Việt Nam không tránh khỏi việc trở thành điểm nóng trong hoạt động buôn bán, tiêu thụ trái phép các loài ĐVHD, thậm chí là những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Trên thực tế, việc xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD diễn ra thường xuyên, với không ít những chuyên án lớn, mang tính chất xuyên biên giới. Phần lớn hoạt động xử lý hành vi vi phạm này được xem xét và xử lý thông qua con đường xử phạt vi

¹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

phạm hành chính và xử lý hình sự. Tuy nhiên, mức độ và hiệu quả xử lý các vụ việc này vẫn chưa cao. Các vụ việc đa phần được xử lý theo hướng xử phạt vi phạm hành chính bởi tính linh hoạt của việc xác định hành vi vi phạm, đặc biệt đối với các vụ việc mà giá trị của các sản phẩm từ ĐVHD không cao. Còn đối với các vụ việc xử lý hình sự, trong giai đoạn 2013-2017, việc xử lý còn hạn chế, đặc biệt đa số các đối tượng được hưởng án treo [2]. Chỉ đến khi Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015) chính thức có hiệu lực, bổ sung thêm nhóm “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” ở Điều 234 cùng với “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” ở Điều 244 thì số lượng các vụ án hình sự được đưa ra xét xử tăng lên. Điều này thể hiện qua việc có đến 47,96% là phạt tù có thời hạn trong số 298 vụ khởi tố, trong đó mức phạt tù từ 01 năm – 03 năm chiếm đa số [3]. Với những con số thống kê như trên, có thể thấy số lượng vụ việc không ngừng gia tăng trong khi mức hình phạt được áp dụng chưa đủ sức răn đe.

Nghiên cứu cho thấy có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, nhưng phần lớn xuất phát từ ý chí của chủ thể thực hiện hành vi như cho rằng việc vi phạm có thể dễ dàng thực hiện, tập quán săn bắt, nuôi nhốt ĐVHD của đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, những loài này chưa thật sự được quan tâm đến trong môi trường giáo dục và đời sống xã hội khiến cho chủ thể vi phạm không tránh khỏi nhận thức lệch lạc, sai lầm, điển hình là tư tưởng một số sản phẩm của ĐVHD có thể trị bệnh. Vì vậy, bài viết sẽ đưa ra cách tiếp cận mới nhằm giảm thiểu hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD bằng các biện pháp phòng ngừa dưới góc độ của tội phạm học.

2. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA HOẠT ĐỘNG PHÒNG NGỪA HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Trước hết, cần làm rõ khái niệm hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD là gì? Hành vi vi phạm ở đây được hiểu là những hành vi trái pháp luật do một hoặc nhiều chủ thể thực hiện. Cụ thể, nhóm các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD được hai ngành luật điều chỉnh có chung nhiều yếu tố như chủ thể thực hiện hành vi, khách thể, đặc điểm của hành vi vi phạm [4]. Về đối tượng tác động của hành vi vi phạm quy định trong BLHS 2015, có hai nhóm tội phạm liên quan đến ĐVHD được quy định tại Điều 234 và Điều 244. Cụ thể, ở Điều 234 BLHS 2015 thì điều chỉnh về ĐVHD là động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES. Còn Điều 244 BLHS 2015 điều chỉnh về ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm là những loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc thuộc Phụ lục I Công ước CITES. Trong khi đó, ở các văn bản xử lý vi phạm hành chính, cụ thể là Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo

vệ môi trường có những khung xử phạt dành cho các nhóm hành vi vi phạm có liên quan đến ĐVHD, cụ thể là “Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng” và “Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên”. Việc xác định đối tượng nào được xem là ĐVHD ở cả hai văn bản này áp dụng theo định nghĩa về ĐVHD tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Cụ thể, ĐVHD gồm có các nhóm sau: (1) *Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*; (2) *Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*; (3) *Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES*;

(4) *Loài động vật rừng thông thường*; (5) *Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố*. Có thể thấy, ở góc độ pháp luật hình sự, các loài ĐVHD được bảo vệ có phạm vi hẹp hơn so với nhóm ĐVHD được bảo vệ trong pháp luật về hành chính. Như vậy, để có thể phòng ngừa hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD được đầy đủ và toàn diện hơn thì đối tượng bị xâm hại của “Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD” là các loài ĐVHD theo định nghĩa tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP.

Phòng ngừa hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD được nhóm tác giả nghiên cứu dựa trên nguy cơ phát sinh hành vi vi phạm trên hai mảng pháp luật chính là pháp luật hành chính và pháp luật hình sự. Đối với lĩnh vực hình sự thì góc độ nghiên cứu gắn liền với phạm vi nghiên cứu của ngành tội phạm học. Phòng ngừa tội phạm được xem là một bộ phận cấu thành quan trọng của tội phạm học, là đích đến của ngành khoa học này muốn đạt được. Theo quan điểm của GS. TS. Đỗ Ngọc Quang: “*Tội phạm học là ngành khoa học nghiên cứu những vấn đề liên quan đến tình trạng phạm tội và tội phạm, sự biến động của từng loại tội phạm trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương hay trong phạm vi toàn quốc ở từng giai đoạn nhất định; nghiên cứu về nhân thân người phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội và những biện pháp phòng ngừa tội phạm nhằm từng bước ngăn chặn, hạn chế đẩy lùi tội phạm trong cuộc sống xã hội [5]*.” Nhưng có phải biện pháp phòng ngừa chỉ áp dụng đối với tội phạm? Để làm rõ điều này, định nghĩa cụm từ “biện pháp phòng ngừa” được hiểu là các biện pháp ngăn ngừa trước không cho một sự việc hoặc hiện tượng nào đó xảy ra bằng cách tác động vào nguyên nhân và điều kiện hình thành nên sự việc hoặc hiện tượng đó. Các sự việc hoặc hiện tượng ở đây có thể hiểu như việc những hậu quả có thể xảy ra, hoặc là những rủi ro không lường trước, tóm lại là những yếu tố bất lợi có thể xảy ra trong tương lai. Như vậy, hành động phòng ngừa thực tế tác động đến bất kể một đối tượng cụ thể nào trong xã hội, không chỉ riêng với nhóm đối tượng là tội phạm quy định trong pháp luật hình sự. Ở các ngành luật khác nhau đều sẽ có những góc độ phòng ngừa khác nhau cho các đối tượng cụ thể. Tóm lại, ở phạm vi

phòng ngừa của bài viết này, nhóm tác giả xác định biện pháp phòng ngừa đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD được điều chỉnh bởi cả ngành luật hình sự và ngành luật hành chính.

Như đã giải thích trong khái niệm hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, giữa vi phạm hành chính và tội phạm có những điểm giao nhau. Những điểm chung nổi bật nhất của chúng tập trung ở chính yếu tố cấu thành của từng hành vi vi phạm, gồm: Một là, vi phạm hành chính và tội phạm đều là vi phạm pháp luật; Hai là, vi phạm hành chính và tội phạm có những khách thể chung, trong trường hợp này đó là bảo vệ ĐVHD; Ba là, chủ thể thực hiện hành vi, các chủ thể này đều gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến hoạt động bảo vệ ĐVHD; Cuối cùng, về quan hệ trách nhiệm, các đối tượng vi phạm đều chịu trách nhiệm trước nhà nước và pháp luật. Phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật hành chính và pháp luật hình sự về bảo vệ ĐVHD có mối quan hệ mật thiết với nhau. Mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm pháp luật hành chính rõ ràng không đáng kể như tội phạm. Tuy nhiên, những hành vi này nếu không được ngăn chặn kịp thời thì vẫn gây nguy hại đến sự tồn tại của ĐVHD và chủ thể vi phạm rất có thể sẽ tiếp tục thực hiện những hành vi có mức độ nguy hiểm cao hơn, đòi hỏi phải dùng các chế tài hình sự để xử lý.

Vậy, phòng ngừa hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD được hiểu là việc áp dụng các biện pháp ngăn ngừa trước các hành vi xâm hại có thể xảy ra đến các loài ĐVHD được điều chỉnh bởi luật hành chính và luật hình sự thông qua việc xác định nguyên nhân và điều kiện hình thành nên nhóm hành vi vi phạm này. Bên cạnh đó, trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, nhóm tác giả sử dụng bốn nguyên tắc cơ bản để xác định biện pháp phòng ngừa đối với nhóm hành vi vi phạm này như sau:

Thứ nhất, đối tượng được điều chỉnh của biện pháp phòng ngừa là những chủ thể có dấu hiệu thực hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật hành chính và hình sự về bảo vệ ĐVHD.

Thứ hai, việc tác động vào đối tượng thực hiện hành vi vi phạm để phòng ngừa phải xuất phát từ những nguyên nhân và điều kiện thực tế có thể dẫn đến hành vi trái pháp luật nói trên.

Thứ ba, các biện pháp phòng ngừa hành vi vi phạm phải mang lại kết quả cụ thể trong việc ngăn chặn, giảm thiểu mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra, hoặc tác động đến tâm lý thực hiện hành vi của chủ thể.

Thứ tư, các biện pháp phòng ngừa luôn phải có giới hạn rõ ràng. Điều này có nghĩa là, các biện pháp phòng ngừa phải hướng đến việc tác động đúng những đối tượng có dấu hiệu sẽ thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, nhóm tác giả ưu tiên sử dụng các công cụ quản lý xã hội để thực hiện việc phòng ngừa.

3. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH VI PHẠM VÀ CÔNG TÁC THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

3.1. Tổng quan tình hình vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã

Ở Việt Nam hiện nay, các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD diễn ra phổ biến và ngày càng phức tạp, đáng báo động, có nguy cơ đẩy các loài ĐVHD tới mức đe dọa bị tuyệt chủng. Việc nuôi nhốt, săn bắt, mua bán trái phép ĐVHD là vấn nạn mang tính toàn cầu và đang ở mức báo động đỏ. Điều đó thể hiện qua báo cáo của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV): “Năm 2021, cả nước ghi nhận hơn 3.700 vụ việc vi phạm liên quan động vật hoang dã. Trong đó, hành vi quảng cáo, rao bán trái phép động vật hoang dã chiếm tới 2.594 vụ việc, tiếp theo là gần 1.000 vụ việc liên quan tàng trữ, nuôi nhốt trái phép và hơn 180 vụ việc buôn bán, vận chuyển trái phép các loài động vật hoang dã. Trong số các loài động vật hoang dã bị quảng cáo trên các phương tiện thông tin, buôn bán, nuôi nhốt trái phép gồm: ngà voi (566 vụ), hổ (551 vụ), gấu (546 vụ), khỉ (267 vụ) và 70 vụ việc liên quan tê tê [6].”

Dù hành lang pháp lý về bảo vệ ĐVHD đã được hình thành và không ngừng hoàn thiện, nhưng dường như các chủ thể vi phạm vẫn chưa nhận thức được sức nặng của cán pháp lý. Bất chấp quy định của pháp luật hiện hành, các hành vi vi phạm vẫn thường xuyên diễn ra, đe dọa sự sống còn của vô số loài ĐVHD. Từ số liệu trích dẫn nêu trên, hành vi vi phạm phổ biến nhất là quảng cáo, rao bán trái phép ĐVHD với số lượng vụ việc lên đến 2.594/3.700 vụ, chiếm tỷ lệ hơn 70%. Theo vòng xoáy con lốc công nghệ 4.0 với sự lên ngôi của phương tiện truyền thông, việc rao bán ĐVHD được thực hiện chủ yếu thông qua các trang mạng xã hội nhằm đưa thông tin đến nhanh hơn – gần hơn với những người có nhu cầu. Hơn nữa, tính năng quảng cáo của mạng xã hội cũng giúp người bán mở rộng tệp khách hàng theo những tiêu chí nhất định như giới tính, độ tuổi, khu vực làm việc và sinh sống,... Về phạm vi lãnh thổ, phần lớn các hành vi vi phạm diễn ra ở trong nước. Song, tồn tại không ít vụ việc vi phạm có quy mô rộng lớn, vượt ra khỏi phạm vi quốc gia và liên kết chặt chẽ với các cá nhân, tổ chức nước ngoài. Đây là những hành vi phạm pháp được thực hiện nhiều lần ở nhiều quốc gia, hoặc thực hiện một lần nhưng các giai đoạn diễn ra ở các quốc gia khác nhau. Theo báo cáo năm 2016 của Văn phòng Liên hợp quốc về chống ma túy và tội phạm (UNODC), buôn bán ĐVHD là hoạt động có tổ chức, xuyên quốc gia [7]. Những hành vi này thường do nhiều đối tượng thông đồng với nhau thực hiện, gần như vận hành liên tục theo cơ chế dây chuyền. Việt Nam hiện được xem là một trong những điểm nóng về buôn bán trái phép ĐVHD trên thế giới, là trung gian trong hoạt động thương mại mua bán, vận chuyển trái phép ĐVHD. Điều đó đòi hỏi nhiều hơn nỗ lực của các nước trong hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia.

3.2. Công tác thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã

BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018. Bộ luật này có những điểm mới, tiến bộ hơn trong công tác xác định tội phạm về ĐVHD, cụ

thể là bổ sung thêm “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” (Điều 234 BLHS 2015). Do đó, nhóm tác giả lựa chọn giai đoạn 2013-2017 (trước khi BLHS 2015 có hiệu lực thi hành) và giai đoạn 2020-2021 (khi BLHS 2015 đã đi vào giai đoạn áp dụng ổn định) để làm cơ sở phân tích. Tùy thuộc vào mức độ vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ ĐVHD, các hành vi có thể bị xử lý hình sự hoặc xử phạt vi phạm hành chính.

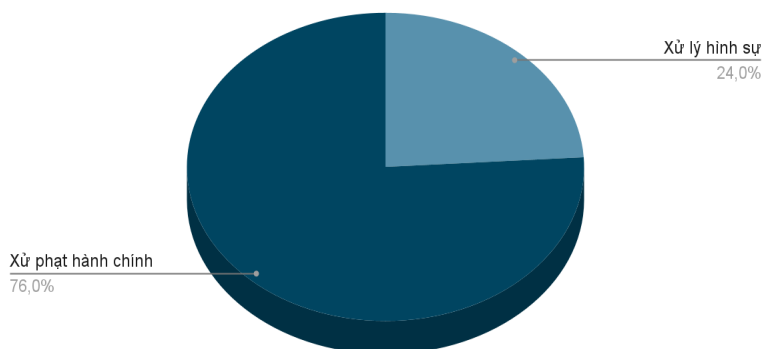
Giai đoạn 2013 - 2017

Theo Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017 do Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin - Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với WCS thực hiện, các cơ quan chức năng đã phát hiện, bắt giữ tổng số 1.504 vụ vi phạm với 1.461 đối tượng bị phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD [2; 13].

Thứ nhất, về việc xử lý 1.504 vụ vi phạm:

- (i) Xử phạt vi phạm hành chính: 1.143, chiếm tỷ lệ 76%;
- (ii) Xử lý hình sự: 361, chiếm tỷ lệ 24%.

Xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã



Hình 1. Tình hình xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD giai đoạn 2013-2017

(Nguồn: TANDTC)

Số liệu thống kê trên cho thấy các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD phần lớn đều chưa đến mức cấu thành tội phạm nên hình thức xử lý được áp dụng chủ yếu là xử phạt vi phạm hành chính. Cứ 100 hành vi vi phạm thì có đến 76 hành vi bị xử phạt hành chính, các hành vi bị xử lý hình sự chỉ dừng lại ở con số 24.

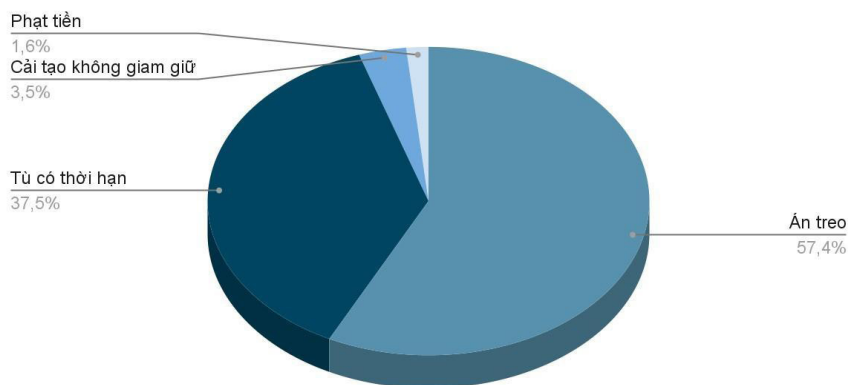
Thứ hai, trong 1.504 vụ vi phạm, có hơn 180 loài ĐVHD với tổng số 26.221 cá thể bị vận chuyển, buôn bán trái phép. Khối lượng cá thể và sản phẩm ĐVHD bị xâm phạm

là hơn 41 tấn - một con số khổng lồ. Các loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa chủ yếu là tê tê, rắn, chim các loại và rùa.

Thứ ba, 1.461 đối tượng vi phạm đa phần có độ tuổi từ 24 đến 41 tuổi. Trong đó, độ tuổi dưới 18 chiếm tỷ lệ thấp nhất là 0,14%; độ tuổi từ 30 đến 35 chiếm tỷ lệ cao nhất là 26,63%.

Thứ tư, khi xét xử các bị cáo, hình phạt được Tòa án các cấp của Việt Nam áp dụng chủ yếu là phạt tù nhưng cho hưởng án treo: 248 bị cáo (57,41%). Tiếp đến là phạt tù có thời hạn: 162 bị cáo (37,5%). Trong đó, phạt tù từ 01 - 03 năm chiếm đa số (53,09%). Những hình phạt chiếm tỷ lệ thấp là cải tạo không giam giữ (3,47%) và phạt tiền (1,62%). Duy nhất 01 bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự (0,23%). Ngoài ra còn có hình phạt bổ sung là phạt tiền với tổng số tiền phạt lên đến 626,5 triệu đồng.

Hình phạt áp dụng



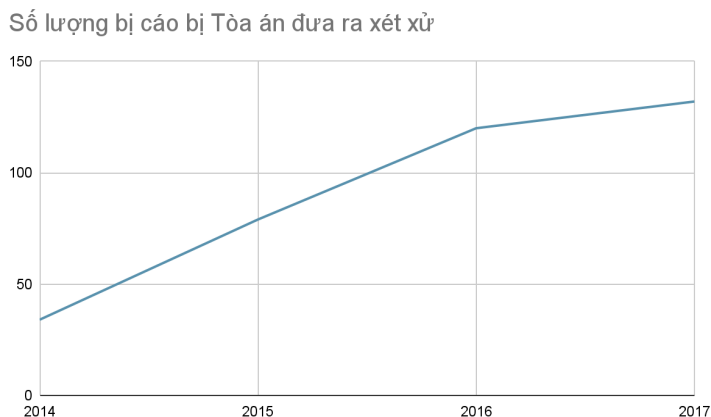
Hình 2. Hình phạt được Tòa án áp dụng đối với tội phạm về ĐVHD giai đoạn 2013-2017

(Nguồn: TANDTC)

Chất lượng các Bản án ngày càng được nâng cao: xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng cho hưởng án treo không đúng hoặc áp dụng hình phạt quá nhẹ [2;14] làm giảm đi tính răn đe của pháp luật, ít mang tính phòng ngừa chung đối với hành vi vi phạm. Cũng trong giai đoạn này, các cơ quan thực thi pháp luật đã bắt giữ, khởi tố hình sự 496 bị can, truy tố 448 bị can và đưa ra xét xử 432 bị cáo. Xét riêng đối tượng vi phạm bị các Tòa án đưa ra xét xử, số lượng này có xu hướng ngày càng tăng qua từng năm: năm 2014 có 34 bị cáo, năm 2015 là 79 bị cáo, năm 2016 là 120 bị cáo và đến năm 2017 là 132 bị cáo.

Báo cáo của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) cũng thể hiện xu hướng đó: “Trong những năm gần đây, số lượng các vụ án hình sự có đối tượng bị bắt giữ vẫn tiếp tục gia tăng, tỷ lệ số vụ án được đưa ra xét xử cũng đạt ở mức đáng kể. Đặc biệt, một số đối tượng cầm đầu các đường dây buôn bán động vật hoang dã trái phép đã phải đối mặt

với những hình phạt thích đáng, đáp ứng được mục tiêu răn đe và phòng ngừa tội phạm về động vật hoang dã [6].”



Hình 3. Số lượng bị cáo bị Tòa án đưa ra xét xử

(Nguồn: TANDTC)

So với xử lý hình sự, hình thức xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng với tỷ lệ vượt trội hơn rất nhiều. Trong tổng số 1.143 vụ việc vi phạm hành chính, có 201 vụ việc không phát hiện được đối tượng (hàng vô chủ) và 965 đối tượng bị xử lý hành chính [2; 13]. Biện pháp xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng là: (i) Phạt tiền: 921 đối tượng (95,44%) với tổng số tiền lên đến hơn 15 tỷ đồng. Trong đó, mức phạt từ 02 - 10 triệu đồng: 595 đối tượng, chiếm tỷ lệ cao nhất (64,6%); mức phạt trên 100 triệu đồng: 17 đối tượng, chiếm tỷ lệ thấp nhất (1,85%); (ii) Cảnh cáo, tịch thu tang vật...: 44 đối tượng còn lại (4,56%).

Giai đoạn 2020 - 2021

Trong Báo cáo Tình hình Tội phạm và Thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHĐ tại Việt Nam giai đoạn 2020-2021 của tổ chức WCS có đề cập: “Trong giai đoạn năm 2020-2021, các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã ra quyết định khởi tố hình sự đối với 298 vụ án và 389 bị can do vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm [3; 7].” Trong tổng số 298 vụ án, số vụ liên quan đến tê tê Java là chiếm tỷ lệ lớn nhất với 23,49% (70/298), sau đó là rắn hổ mang chúa chiếm tỷ lệ 22,48% (67/298), các loài rùa hộp trán vàng và gấu ngựa mỗi loài cùng chiếm 10,74% (32/298).

So với giai đoạn 2013-2017, cơ cấu hình phạt đối với tội phạm về ĐVHĐ giai đoạn này có sự biến thiên. Tỷ lệ hình phạt cao nhất không còn là án treo mà là phạt tù có thời hạn: “Trong tổng số 367 bị cáo do Tòa án nhân dân các cấp xét xử theo thủ tục sơ thẩm, hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ cao nhất là 49,32% (181/367 bị cáo), hình phạt án treo chiếm tỷ lệ thứ hai là 47,96% (176/367 bị cáo); phạt tiền và cải tạo không giam giữ là các hình phạt chiếm tỷ lệ thấp, lần lượt là 1,91% (7/367 bị cáo) và 0,54% (2/367 bị cáo), ngoài ra có 0,27% (1/367 bị cáo) được miễn trách nhiệm hình sự [3; 14].”

Để làm rõ hơn thực tiễn xét xử của Tòa án, nhóm tác giả sẽ đi sâu vào phân tích các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD trong những vụ án mang tính điển hình. BLHS 2015 quy định 02 tội danh về ĐVHD, bao gồm: (i) Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 BLHS 2015); và (ii) Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 BLHS 2015). Nhóm tác giả tiến hành khảo sát 16 vụ án nhằm làm rõ hành vi phạm tội ở từng vụ án cụ thể, từ đó rút ra một số đặc trưng chung của nhóm hành vi vi phạm các quy định này. Trong 16 vụ án phân tích, có 03 vụ án liên quan đến Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 BLHS 2015) và 13 vụ án liên quan đến Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 BLHS 2015). Để hoàn thành bảng khảo sát, nhóm tác giả thu thập thông tin trong Bản án dựa trên các tiêu chí sau:

1. Chủ thể: nhận thức về hành vi vi phạm, điều kiện sống, dân tộc, độ tuổi;
2. Hành vi phạm tội;
3. Loài ĐVHD bị xâm hại;
4. Địa phương xảy ra tội phạm;
5. Hình phạt.

Các yếu tố trên đều có sự tác động nhất định đến mục đích của hành vi phạm tội, từ đó có thể lý giải được nguyên nhân và điều kiện của những hành vi này. Chỉ khi hiểu được nguyên nhân và điều kiện phạm tội thì những biện pháp phòng ngừa đưa ra mới có thể thuyết phục, đúng đắn và khả thi.

Bảng 1. Kết quả khảo sát một số Bản án điển hình về các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD từ năm 2018 đến năm 2022

STT	Bản án	Chủ thể				Loài ĐVHD	Địa phương	Hình phạt	Hành vi phạm tội
		Điều kiện sống	Dân tộc	Độ tuổi	Nhận thức về hành vi vi phạm				
1	Bản án: 44/2018/H SST [8]		Kinh	27		Mèo rừng	Ninh Bình	15 tháng tù, cho hưởng án treo	Săn bắt, tàng trữ, vận chuyển trái phép để bán
2	Bản án: 72/2019/H SPT [9]		Hán	51	Có	Tê tê	Lạng Sơn	Hình phạt chính: 04 năm tù Hình phạt bổ sung: Trục xuất sau khi mãn hạn tù	Vận chuyển trái phép vảy tê tê từ trong lãnh thổ Việt Nam đến cửa khẩu biên giới Việt – Trung

3	Bản án: 220/2019/ HS-PT [10]		Kinh	26		Cheo Cheo, Cây Vòi Hương	Đồng Nai	09 tháng tù	Vận chuyển trái phép
4	Bản án: 312/2019/ HSST [11]		T (Tày) Đ (Kinh)	T 31 tuổi Đ 29 tuổi	Có	Chim Hồng Hoàng	Hà Nội	T: 12 tháng tù, cho hưởng án treo Đ: 12 tháng tù, cho hưởng án treo	T: Săn bắt, nuôi nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép Đ: Tàng trữ, vận chuyển trái phép
5	Bản án: 103/2020/ HSPT [12]	Hộ nghèo, khó khăn	Bru- Vân Kiều	21	Không	Sơn dương	Quảng Binh	36 tháng tù, cho hưởng án treo	Săn bắt trái phép
6	Bản án: 105/2021/ HSST [13]	Hộ cận nghèo	Kinh	26	Có	Rùa đầu to	Hà Nội	12 tháng tù, cho hưởng án treo	Săn bắt, nuôi nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép
7	Bản án: 132/2021/ HS-ST [14]		Mường	25	Biết rõ	Rắn Hồ chúa	Hà Nội	12 tháng tù, cho hưởng án treo	Giết, vận chuyển, buôn bán trái phép
8	Bản án: 60/2021/H S-ST [15]	Khó khăn	Kinh	41	Không	Rắn Hồ chúa, Rắn Hồ mang một mắt kính, Rắn rảo trâu	Hà Nội	15 tháng tù, cho hưởng án treo	Vận chuyển, buôn bán trái phép
9	Bản án: 34/2021/H S-ST [16]	Khó khăn, sống ở vùng biên giới	Kinh	34	Có	Báo lửa	Thanh Hóa	15 tháng tù, cho hưởng án treo	Vận chuyển, buôn bán trái phép
10	Bản án: 267/2021/ HS-ST [17]	V: Khó khăn	Kinh	V 39 tuổi T 22 tuổi Đ 33 tuổi N.V. L 59 tuổi B.T. L 63 tuổi	Bản án chỉ đề cập tới T: Có nhận thức	Tê tê Java	Quảng Ninh	V: 12 tháng tù T, Đ, N.V.L, B.T.L: 12 tháng tù, cho hưởng án treo	Buôn bán trái phép Ngoài ra, V, T: Vận chuyển trái phép

11	Bản án: 68/2021/H S-ST [18]		Kinh	25	Có nhưng không đầy đủ	Tê tê java, Tê tê vàng	Lạng Sơn	01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo	Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép
12	Bản án: 248/2021/ HS-ST [19]		Kinh	L 27 tuổi D 34 tuổi	Không	Vẹt	Hà Nội	L: 12 tháng tù, cho hưởng án treo D: 08 tháng tù, cho hưởng án treo	Nuôi nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép
13	Bản án: 45/2021/H SST [20]			74	Có	Kỳ đà vân	Đắk Nông	06 năm tù	Nuôi nhốt, buôn bán trái phép
14	Bản án: 370/2021/ HSST [21]	Khó khăn	Kinh	51		Rắn hổ chúa, Rắn hổ mang một mắt kính, Rắn ráo trâu	Hà Nội	15 tháng tù, cho hưởng án treo	Vận chuyển, buôn bán trái phép
15	Bản án: 55/2022/H SST [22]	Khó khăn	Kinh	40		Tê tê java	Nghệ An	16 tháng tù, cho hưởng án treo	Vận chuyển, tàng trữ, buôn bán trái phép
16	Bản án: 16/2022/H S-ST [23]	Khó khăn	Mông	33	Có	Don	Điện Biên	01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ	Vận chuyển, buôn bán trái phép

Kết quả khảo sát cho thấy các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD có đặc trưng sau:

Một là, phương thức đa dạng. Hành vi vi phạm có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức: săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép các loài ĐVHD. Chỉ cần thực hiện một trong các hành vi nêu trên, chủ thể có khả năng vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD nếu thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu khác.

Hai là, thủ đoạn tinh vi. Đối tượng vi phạm thường lựa chọn những nơi vắng vẻ, ít người để ý tới nhằm dễ dàng thực hiện các phi vụ. Bên cạnh đó, họ còn ngụy trang ĐVHD trong các thùng xốp được đẩy nắp kín, phục vụ cho việc thực hiện hành vi vi phạm và qua mắt cơ quan chức năng. Đặc biệt trong các vụ án có đồng phạm, các chủ thể phân công nhiệm vụ rõ ràng, phối hợp nhịp nhàng với nhau.

Ba là, tính nguy hiểm. Tội phạm về ĐVHD có thể mang tính xuyên quốc gia, điển hình là Bản án số 72/2019/HSPT [9] với hành vi vận chuyển trái phép vảy tê tê từ trong lãnh thổ Việt Nam đến cửa khẩu biên giới Việt – Trung. Quy mô càng lớn, tội phạm càng thể hiện tính nguy hiểm và trở thành bài toán khó trong công tác phòng ngừa. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp bách về hợp tác quốc tế, tăng cường tương trợ kinh tế - tương trợ tư pháp thông qua các Hiệp định nhằm phòng ngừa và xử lý một cách triệt để nhất, hạn chế tối đa việc bỏ lọt tội phạm cũng như tranh chấp trong việc áp dụng hệ thống pháp luật các quốc gia liên quan.

Bốn là, về một số loài ĐVHD bị xâm hại phổ biến. Vụ việc vi phạm thường xoay quanh một số loài ĐVHD sau: tê tê, rắn các loại, chim các loại. Bởi lẽ, những loài này và sản phẩm của chúng được bán với giá khá cao trên thị trường. Hơn nữa, bị cáo thường không nhận thức được đây là ĐVHD cần được bảo vệ hoặc ưu tiên bảo vệ.

Năm là, trong đa số các trường hợp được khảo sát, Tòa án áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo, một “biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện”.

Các đặc trưng trên sẽ là cơ sở tiền đề quan trọng để nhóm tác giả có thể đánh giá tiệm cận về các nguyên nhân và điều kiện của hành vi vi phạm ở góc độ chủ thể thực hiện hành vi và điều kiện nhận thức chung của cộng đồng về hành vi vi phạm.

4. NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

4.1. Nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội

Theo nghĩa hẹp, nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội được giới hạn trong điều kiện sống của chủ thể. Do phần này được nhóm tác giả phân tích ở mục nguyên nhân và điều kiện về chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật (mục 3.3), nên trong tiểu mục này, nhóm tác giả tập trung phân tích nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội theo nghĩa rộng, đó chính là điều kiện kinh tế - xã hội của quốc gia. Một quốc gia có nền kinh tế phát triển năng động sẽ có nguồn ngân sách Nhà nước dồi dào cho việc thực hiện các hoạt động bảo vệ ĐVHD. Những hoạt động truyền bá rộng rãi thông điệp về bảo vệ ĐVHD, hay xây dựng nhiều hơn nữa các khu bảo tồn, trung tâm cứu hộ ĐVHD cũng cần đến nguồn kinh phí. Đối với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, thường sẽ chú trọng vào khôi phục và phát triển nền kinh tế hơn là đầu tư cho các lĩnh vực khác. Việt Nam đã xây dựng các khu bảo tồn, trung tâm cứu hộ ĐVHD. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động còn hạn chế, việc cứu hộ ĐVHD từ các địa phương khác trên cả nước chủ yếu dồn về Trung tâm cứu hộ ĐVHD và kỹ thuật bảo vệ rừng ở Hà Nội [24]. Bên cạnh đó, nhiều đề án xây dựng các trung tâm cứu hộ hiện đại ở các vùng, miền đã được Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam đưa ra trong suốt 10 năm nhưng vẫn còn bỏ ngỏ, chưa được duyệt [24]. Ngược lại, các quốc gia có nền tảng kinh tế phát triển cao sẽ dành nhiều sự quan tâm đến môi trường sống và đa dạng sinh học. Đương nhiên, vấn đề bảo vệ ĐVHD

cũng được các quốc gia này đặt ở vị trí cao hơn, trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu.

Ở nước ta hiện nay, những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD còn chưa được xã hội dành nhiều sự quan tâm. Nhiều đối tượng vi phạm sau khi chấp hành xong hình phạt, được tái hòa nhập cộng đồng thì vẫn “ngựa quen đường cũ” vi phạm thêm nhiều lần với nhiều tội danh khác. ĐVHD cần lắm những tiếng nói của dư luận, khiến các đối tượng vi phạm sợ hãi mà chùn bước. Dư luận xã hội càng lên án, tính răn đe càng nhiều và có thể giúp con người thoát khỏi sự cám dỗ đến từ những món lợi bất hợp pháp. Bên cạnh đó, niềm tin cũng là một trong những nguyên nhân tác động đến hành vi vi phạm. Nhiều người tin rằng, ĐVHD và những sản phẩm từ chúng là thần dược chữa bách bệnh, kể cả ung thư, hay có công dụng thần kỳ trong phong thủy, trang trí nhà cửa, làm đồ trang sức. Điều đáng nói, mật gấu, ngà voi, cao hổ, sừng tê giác, vảy tê tê... được buôn bán tràn lan trên thị trường, gắn mác phương thuốc gia truyền với giá cao ngất ngưỡng, thu hút thị hiếu của một bộ phận người dân – họ muốn trải nghiệm xem có phải “tiền nào của nấy” hay không. Đối tượng tiêu thụ chính là tầng lớp thượng lưu, nhưng đối tượng vi phạm chủ yếu lại là tầng lớp bình dân. Những loài động vật nguy cấp, quý, hiếm cũng không tránh khỏi tình trạng bị săn lùng nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng của con người. Ngày càng nhiều nhà hàng mọc lên để buôn bán ĐVHD đã qua chế biến. Điều ít người biết đến là nhiều loại sản phẩm từ ĐVHD, nếu trực tiếp khai thác và sử dụng sẽ phản tác dụng, tiềm ẩn nguy cơ lây lan các bệnh truyền nhiễm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh. Trong khi đó, những tư tưởng sai lệch, mang tính thần thánh hóa công dụng của những loài ĐVHD, nhất là trong lĩnh vực y học lại được truyền tai nhanh chóng và ngày càng lan xa. Có cầu thì ắt có cung, các đối tượng vi phạm ra sức thực hiện các hành vi xâm hại đến ĐVHD để có được các loài này và sản phẩm của chúng nhằm buôn bán cho những người có nhu cầu. Bên cạnh đó, niềm tin về tôn giáo và phong tục tập quán cũng ảnh hưởng tới việc đối tượng có thực hiện hành vi vi phạm hay không. Ở một số địa phương, ĐVHD được tôn thờ là linh vật, biểu tượng văn hóa của cả một dân tộc, một vùng miền. Chẳng hạn như loài voi là biểu tượng cho quyền uy và sức mạnh của đồng bào Tây Nguyên. Hành vi xâm hại tới các loài này như buôn bán, giết mổ được coi là đụng chạm tới thần linh nên bị cấm kỵ. Như vậy, yếu tố này có tác động tích cực, làm giảm số lượng hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Điều kiện về hệ thống chính sách, pháp luật và cơ chế quản lý động vật hoang dã.

Trong tiến trình hội nhập quốc tế về bảo vệ ĐVHD, Việt Nam đã phê chuẩn và nội luật hoá quy định của nhiều công ước, ví dụ đối tượng được bảo vệ là các loài ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm thuộc các phụ lục của CITES; những hành vi bị nghiêm cấm thực hiện đối với các nhóm loài kể trên. Ngoài Công ước CITES thì một số công ước quốc tế khác được Việt Nam tham gia để bảo vệ ĐVHD như: Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước (Công

ước RAMSAR 1971); Công ước đa dạng sinh học (Công ước CBD). Đối với các quy định pháp luật trong nước thì vấn đề về ĐVHD được dàn trải trên nhiều văn bản pháp luật như Luật Bảo vệ môi trường, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản, Luật Đa dạng sinh học và một số các văn bản hướng dẫn khác như Nghị định số 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Đặc biệt, Việt Nam đang trở thành một điểm nóng về tội phạm ĐVHD xuyên biên giới và được rất nhiều tổ chức quốc tế như UNODC, Interpol, Aseanpol,... quan tâm và hợp tác hỗ trợ. Điều này khiến cho hệ thống tương trợ tư pháp hình sự (TTTPHS) ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện hơn. Việt Nam hiện nay đã ký kết được một số điều ước song phương và đa phương đối với nhóm tội phạm này như Công ước quốc tế về chống tội phạm xuyên biên giới quốc gia, Hiệp định TTTPHS giữa các nước ASEAN, Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam và An-giê-ri,... Về phía luật trong nước, Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 đã điều chỉnh phạm vi của hoạt động TTTPHS, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 điều chỉnh các tội phạm có yếu tố nước ngoài.

Về xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, như đã trình bày ở tình hình vi phạm, các mức xử phạt hiện nay áp dụng còn thấp và thật sự chưa đủ sức răn đe. Có thể thấy, mức xử lý vi phạm hành chính thường được áp dụng phổ biến là từ 02 triệu - 10 triệu đồng trong giai đoạn năm 2013-2017 (tiểu mục 2.2). Giá trị lợi nhuận từ những phi vụ mua bán trái phép thành công là con số khổng lồ, nhưng để xác định được số lượng hoặc khối lượng tang vật vi phạm trong các vụ án là một thách thức. Trong thực tế, khối lượng sản phẩm hay số lượng của các loài ĐVHD được xác định vào thời điểm bắt quả tang người có hành vi vi phạm, nhưng hiện nay bộ phận giám định nhằm xác định giá trị của các tang vật thu được vẫn còn yếu kém [25]. Cụ thể như việc tẩu tán, tiêu huỷ tang vật có thể thực hiện dễ dàng khi các phương tiện dùng để gây án phần lớn là xe máy [3; 26], một số vụ thu được tang vật phạm tội nhưng đều là hàng vô chủ như đã đề cập trong mục 2.2 - Công tác thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD, giai đoạn năm 2013-2017. Điều này dẫn đến tình trạng xử lý các mức vi phạm hành chính chưa phản ánh đúng thực tế về số lượng và giá trị sản phẩm của loài ĐVHD.

Về xử lý hình sự, các vụ án liên quan đến tội phạm về ĐVHD được khởi tố có xu hướng tăng trong các năm gần đây. Nhưng về hình phạt, như đã đề cập trong mục 2.2, trong giai đoạn 2020- 2021, dù rằng số lượng các bị cáo bị xử phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ cao nhất nhưng mức phạt tù vẫn chỉ từ 01 - 03 năm, mức phạt tù như vậy là khá nhẹ [2;14]. Trong nhiều trường hợp, bị cáo còn được hưởng án treo. Trong số 16 vụ án hình sự được nhóm chọn lọc từ năm 2018 đến 2022 và phân tích ở Bảng 1 thì có tới 12 vụ án các bị cáo được hưởng án treo. Theo nhận định của Tòa các cấp, việc các bị cáo được áp

dụng biện pháp xử lý như vậy là do hành vi của họ chưa nguy hiểm đến mức phải cách ly với xã hội và nhân thân tốt, thường là những đối tượng lần đầu thực hiện hành vi. Vậy câu hỏi đặt ra là các chế tài hình sự được áp dụng trong thời gian qua liệu đã tạo ra mức độ răn đe đủ lớn hay chưa khi mà giá trị thu được từ các loài động vật này lên tới hàng trăm triệu thậm chí là cả tỷ đồng? Nếu xét ở mức phạt tiền, các đối tượng phạm tội này hoàn toàn có đủ nguồn tài chính để chịu chế tài nói trên. Hình phạt là tù có thời hạn còn hạn chế do các tội phạm này rất tinh vi, trong khi công tác giám định, xử lý vật chứng trong thủ tục tố tụng còn yếu [25]. Bên cạnh đó, mức phạt tù có thời hạn như hiện nay không đủ để chủ thể phạm tội cảm thấy sợ hãi, có thời gian để hối lỗi, nhận thức hành vi của mình là đang gây nguy hiểm cho xã hội. Ngoài ra, các quy định áp dụng pháp luật về định lượng tang vật thu được, cụ thể ở Điều 234 BLHS 2015 thì theo giá trị hàng hoá, Điều 244 BLHS 2015 thì căn cứ theo số lượng cá thể, một số những lỗ hổng từ phía kỹ thuật lập pháp,... điều này gây không ít khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử [26].

Đó là những vấn đề phát sinh từ phía các chủ thể vi phạm trong nước, còn với các chủ thể vi phạm mang tính chất xuyên quốc gia thì khó khăn lại thêm chồng chất khó khăn do các chủ thể phạm tội này có một sự tính toán kỹ lưỡng và có tổ chức hơn so với nhóm tội phạm thực hiện trong nước. Ngoài ra, với những hạn chế trong hoạt động TTTPHS ở Việt Nam, cụ thể thời gian thực hiện giải quyết yêu cầu tương trợ chưa quy định, rào cản về mặt ngôn ngữ, những quy phạm pháp luật mâu thuẫn giữa các nước,... làm hiệu quả tiếp nhận và thực thi hoạt động TTTPHS không như mong đợi [27]. Đó là xem xét hành vi phạm tội khi các vụ án thực tiễn đã bị phát hiện và tiến hành khởi tố về tội phạm có yếu tố xuyên quốc gia. Tại thời điểm chưa phát hiện được các đối tượng phạm tội, chúng ta thường gặp vấn đề về kiểm tra, phát hiện các tang vật phạm tội. Chúng thường được che giấu bằng nhiều cách thức tinh vi khác nhau như đóng thành các kiện hàng hóa như quần áo, thịt cấp đông, đồ gia dụng,... và cách thức vận chuyển cũng rất đa dạng từ đường bộ, đường thủy và cả đường hàng không [28]. Do vậy, phần lớn hành vi phạm tội của các đối tượng tội phạm xuyên quốc gia này sẽ dựa trên tin tình báo, tố giác tội phạm hoặc sự ngẫu nhiên khi kiểm tra hàng hóa thông quan, quá cảnh tại các cửa khẩu, kho hải quan.

Vấn đề tiếp theo là chính sách thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Chính sách xã hội góp phần không nhỏ trong việc thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Trong một văn kiện Hướng dẫn số 13-HD/BTGTW ngày 19/7/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương cũng có nêu: *“Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, phát triển, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm, thông qua việc tuyên truyền những quy định của pháp luật về các hành vi nghiêm cấm: săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm [29]”*. Thực tế, không ít các hoạt động xã hội, những cách tuyên truyền mới mẻ, hấp dẫn từ phía

các tổ chức như Đoàn Thanh niên, các đơn vị truyền thông của một số địa phương và các tổ chức phi chính phủ về bảo vệ ĐVHD (ví dụ như tổ chức WCS). Dù vậy, các chiến dịch tuyên truyền, vận động, kêu gọi của các tổ chức này vẫn còn một số hạn chế: thứ nhất, chưa có sự liên kết với những công cụ truyền thông gần gũi với đời sống nhân dân như các trang mạng xã hội, báo đài, nền tảng chia sẻ trực tuyến; thứ hai, kế hoạch triển khai chưa thật sự mang lại dấu ấn đặc sắc riêng, mỗi năm các tổ chức đều có triển khai các dự án về bảo vệ ĐVHD nhưng sự kết nối về thông điệp giữa hoạt động năm trước và năm sau chưa có; thứ ba, chưa tận dụng được nguồn nhân vật lực sẵn có trong khi thực hiện chính sách, cụ thể là các Hội học sinh, sinh viên các trường, các cán bộ, lực lượng quản lý xã hội tại địa phương.

4.2. Nguyên nhân và điều kiện về chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật

Đây là những nguyên nhân thuộc về ý chí chủ quan, là những yếu tố thuộc phạm trù cá nhân của chủ thể. Sở dĩ, nhiều chủ thể thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD xuất phát từ sự hạn chế trong nhận thức đối với quy định pháp luật. Chủ thể vi phạm không biết loài động vật mà hành vi của mình xâm hại là ĐVHD. Trong một số trường hợp, chủ thể không nhận thức đúng và đủ về mức độ ảnh hưởng của hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt là pháp luật hình sự. Từ số liệu khảo sát tại Bảng 2.4, có 04/16 vụ án mà bị cáo không biết hoặc biết nhưng không đầy đủ về hành vi của mình là hành vi phạm tội, chiếm tỷ lệ 25%. Ngoài ra, có những chủ thể tuy biết rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, vì động cơ vụ lợi. Điều đó thể hiện thái độ coi thường pháp luật, đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích của cộng đồng, xã hội. Về điều kiện sống, đối với những đối tượng có hoàn cảnh kinh tế gia đình eo hẹp, sống ở vùng có hoàn cảnh kinh tế - xã hội khó khăn, hoặc vùng biên giới – nơi thuận tiện thực hiện các hành vi vi phạm xuyên quốc gia, trong tiềm thức của họ, việc thực hiện các hành vi phạm pháp là con đường ngắn nhất và dễ dàng nhất để trang trải cuộc sống. Đa số ngành nghề kinh doanh, buôn bán nào cũng cần phải bỏ vốn để kiếm lời. Trong khi đó, nếu tham gia vào một số giao dịch về ĐVHD như săn bắt, giết để bán, họ không cần bỏ ra bất kỳ đồng vốn nào mà vẫn có thể thu về số lợi bất chính vô cùng lớn. Những chủ thể này vì điều kiện sống thiếu thốn mà nảy sinh những suy nghĩ lệch lạc, dẫn đến thực hiện hành vi trái với quy định của pháp luật, đe dọa sự tồn vong của những loài ĐVHD. Qua khảo sát 16 vụ án điển hình về ĐVHD tại Bảng 1, có tới 08 vụ án (chiếm tỷ lệ 50%) chủ thể thực hiện hành vi vi phạm có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bên cạnh yếu tố nhận thức và điều kiện sống, những yếu tố thuộc về nhân thân của bị can, bị cáo như dân tộc, giới tính, độ tuổi,... cũng có tác động không nhỏ đến hành vi vi phạm. Những người là dân tộc thiểu số thường có trình độ hiểu biết không cao, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đồng thời xuất phát từ thực tiễn, cuộc sống của họ từ lâu đã gắn liền với những loài ĐVHD, thường xuyên có cơ hội tiếp xúc nên thấy gần gũi với các loài này. Vì vậy, họ cho rằng chúng đơn thuần là những loài động vật thông thường

mà không biết đó là ĐVHD cần được bảo vệ hoặc ưu tiên bảo vệ. Bảng khảo sát 2.4 cũng cho thấy điều đó: có 04/16 vụ án (chiếm tỷ lệ 25%) chủ thể thực hiện hành vi phạm tội là người dân tộc thiểu số (Tày, Bru-Vân Kiều, Mường, Mông). Ngoài ra, một số người còn đem ĐVHD về nuôi như thú cảnh trong nhà, hoặc có trường hợp mở rộng việc nuôi ĐVHD thành mô hình trang trại. Tuy nhiên, để được gây nuôi ĐVHD cần phải tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục luật định, cụ thể là Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP. Nhiều người không biết những quy định này nên “vô tình” vi phạm pháp luật là nuôi, nhốt trái phép ĐVHD, dù với mục đích tốt là bảo tồn và duy trì nguồn gen của chúng.

Đối với vụ việc liên quan tới người có chức vụ, quyền hạn như Kiểm lâm viên, họ có khả năng công nhiên tiếp cận các loài ĐVHD, dễ nảy sinh tình trạng tiếp tay cho hành vi vi phạm. Chủ thể thực hiện hành vi thường che giấu tội phạm một cách khéo léo để giữ bí mật thông tin danh tính của những người có chức vụ, quyền hạn tham gia giúp sức, nhằm đi đến mục tiêu cuối cùng là duy trì hợp tác lâu dài trong giao dịch về ĐVHD. Theo Điều 24 Thông tư số 08/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, dựa trên mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng, mức lương của Kiểm lâm viên trung cấp và Kiểm lâm viên dao động từ 2.77 – 7.42 triệu đồng, Kiểm lâm viên chính có mức lương cao hơn, dao động từ 6.56 – 10.1 triệu đồng. Trong khi đặc thù của ngành nghề này đòi hỏi phải bỏ nhiều công sức, thường xuyên tuần tra, dễ đối mặt với những tình huống nguy hiểm đe dọa đến tính mạng khi thi hành công vụ. Do đó, mức lương của họ là quá thấp so với những thách thức nghề nghiệp mà họ phải trải qua. Mức lương trên vừa không đủ để họ trang trải cuộc sống, vừa khiến họ dễ rơi vào cám dỗ từ những phi vụ trái phép về giao dịch ĐVHD.

Nếu không tồn tại những nguyên nhân và điều kiện về chủ thể, liệu những hành vi vi phạm có xảy ra hay không? Không có câu trả lời mang tính chắc chắn, nhưng có thể là không. Bởi lẽ, các nguyên nhân và điều kiện về chủ thể nêu trên đều ít nhiều ảnh hưởng đến ý định phạm tội của chủ thể.

4.3. Điều kiện về hoạt động giáo dục nhận thức chung của cộng đồng trong công tác phòng ngừa các hành vi xâm hại đến động vật hoang dã

Một khía cạnh khác cũng cần được nhắc đến là trong giáo dục tại bậc trung học phổ thông, kiến thức về các loài ĐVHD chưa thật sự được chú trọng và quan tâm. Trong quá trình phân tích Bản án ở Bảng 1, chỉ có 09/16 Bản án có tình tiết các bị cáo nhận thức được về hành vi trái pháp luật của mình. Điều này cho thấy một thực trạng đáng báo động về việc kiến thức pháp luật liên quan đến ĐVHD chưa thật sự phổ biến trong người dân. Thực tế, người phạm tội thường viện lấy một lý do tưởng chừng rất vô lý nhưng thực tế thì hoàn toàn thuyết phục, họ “không nhận thức được loài này là ĐVHD”. Khối lượng kiến thức tiếp cận để nhận diện đâu là loài ĐVHD ở bậc học phổ thông còn rất hạn chế,

thường được lồng ghép chung vào các môn học về sinh vật, các môn kỹ năng xã hội. Do đó, kể cả những thành phần đối tượng đã có trình độ học vấn hết bậc học phổ thông thì vấn đề nhận diện giống loài nào về ĐVHD cũng rất khó khăn. Ngoài ra, vấn đề kiến thức tiếp cận không chỉ đến từ phía nhà trường, rõ ràng, các kiến thức này trên môi trường xã hội, nơi làm việc cũng không quá phổ biến. Thậm chí, những nơi quan trọng hơn cả là quanh các vùng rừng sinh quyển, khu bảo tồn thì người dân sinh sống ở đây rất cần biết thông tin liên quan đến các loài vật này vì bản thân họ cũng chính là những cánh tay đắc lực trong công tác phòng ngừa những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD. Bị cáo Hồ Văn T người dân tộc Bru-Vân Kiều trong Bản án 103/2020/HSPT [12] là một ví dụ. Cụ thể, khu vực nhà anh T sinh sống gần rừng tự nhiên thuộc tiểu khu 519, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Trong một dịp đặt bẫy săn động vật rừng thì anh bắt được một cá thể Sơn dương lông màu đen. Trên đường vận chuyển cá thể này thì anh T bị lực lượng chức năng phát hiện và bắt giữ. Sau thời gian giám định loài bị xâm hại từ cơ quan điều tra thì anh bị khởi tố về “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” (Điều 244 BLHS 2015). Nhưng trên thực tế, việc anh có nhận thức được loài động vật anh T săn được thuộc nhóm IB, Danh mục động vật nguy cấp, quý, hiếm ưu tiên bảo vệ thì hoàn toàn không. Anh chỉ biết được các loài như Gà Lôi trắng, Tê tê, Khỉ Chà và là những loài nghiêm cấm săn bắt do đã được tuyên truyền pháp luật và hình ảnh nhận diện chúng được dán ở nhà anh, còn loài Sơn dương thì không có.

5. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

5.1. Biện pháp phòng ngừa về kinh tế - xã hội

Việt Nam là quốc gia thuộc nhóm nước đang phát triển, tuy nhiên nền kinh tế nước ta hiện nay đang tăng trưởng vượt bậc. Theo báo cáo nghiên cứu của Đại học Harvard (Mỹ), dự báo đến năm 2030, Việt Nam là 1 trong 6 nước thuộc cực tăng trưởng châu Á có mức tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới [30]. Như vậy, gánh nặng trong việc phát triển kinh tế cũng giảm bớt, Nhà nước có thể dành nhiều sự chú ý hơn tới vấn đề bảo vệ ĐVHD. Nhà nước cần đầu tư xây dựng thêm nhiều cơ sở bảo tồn, các trung tâm cứu hộ ĐVHD không vì mục đích thương mại, nhất là những loài có nguy cơ tuyệt chủng. Xây dựng là một vấn đề, còn làm sao để những cơ sở này hoạt động một cách hiệu quả thì không thể không kể đến bộ máy quản lý. Quản lý càng chặt chẽ, hiệu quả trong việc đảm bảo số lượng và chất lượng các loài ĐVHD được bảo tồn càng được nâng cao. Có thể cho phép khách tham quan, để đưa những loài ĐVHD đến gần hơn với người dân; nhưng tuyệt đối không để người dân có những hành vi xâm phạm đến cuộc sống bình thường của chúng. Chỉ khi có lòng yêu mến đối với ĐVHD thì người dân mới có thể tìm thấy được niềm vui và sự tự nguyện trong việc bảo vệ ĐVHD. Bên cạnh đó, việc cho khách tham quan còn thu về nguồn kinh phí để duy trì hoạt động của các khu bảo tồn mà không phải dùng tới ngân sách Nhà nước, cũng như trang bị thêm cơ sở vật chất và thức ăn cho các loài

ĐVHD. Khoa học - công nghệ hiện đại nên được đẩy mạnh trong công tác phòng ngừa hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD. Chẳng hạn như, trang bị những chiếc bẫy ảnh – thiết bị thông minh được ví như người Kiểm lâm, tại các vị trí quan trọng để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm thông qua việc gửi ảnh về hệ thống [31]. Đối với việc gây nuôi ĐVHD vì mục đích thương mại, vấn đề quan trọng nhất là không làm biến đổi nguồn gen của các loài ĐVHD, không ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh học. Điều đó đòi hỏi cơ chế quản lý và kiểm tra sát sao, đảm bảo các cơ sở nuôi thương mại ĐVHD đều được cấp phép, phát hiện kịp thời và ngăn ngừa các hành vi hợp pháp hóa ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp.

Đối với những hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD, dư luận xã hội cần lên tiếng nhằm lên án những hành vi trái pháp luật, không chỉ đe dọa cuộc sống của những loài ĐVHD mà còn đe dọa cuộc sống của chính con người. Sự phê phán đến từ dư luận, dù không phải là hình phạt được quy định trong luật pháp nhưng mang lại hiệu quả cao, là một trong những biện pháp mang tính răn đe đối với hành vi vi phạm. Nhiều người sợ phải đối mặt với sự dè bieu từ cộng đồng, không chỉ với họ mà còn với những người thân trong gia đình. Điều đó phần nào có thể tác động đến ý chí của đối tượng đó trong việc từ bỏ hành vi vi phạm. Vì vậy, dư luận xã hội cần quan tâm nhiều hơn đến những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, tạo rào cản đối với những đối tượng có ý định thực hiện hành vi vi phạm. Việc đấu tranh bảo vệ sự sống của các loài ĐVHD bằng việc tố giác các giao dịch về ĐVHD trên các trang mạng xã hội cũng cần được phát huy.

5.2. Biện pháp phòng ngừa bằng các quy định pháp luật về xử lý hành vi vi phạm và chính sách tái hòa nhập cộng đồng

Ở góc độ phòng ngừa hành vi vi phạm từ việc áp dụng các biện pháp chế tài như xử phạt vi phạm hành chính hay các hình phạt, đây được xem là một dạng phòng ngừa dựa trên sự răn đe, là biện pháp cơ bản nhất khi cho rằng trừng phạt người phạm tội sẽ khiến cho họ trở nên sợ hãi và không tái phạm. Dù vậy, hiện nay khi triển khai biện pháp phòng ngừa này vẫn chưa thật sự có hiệu quả. Cụ thể, có hai điểm cần hoàn thiện trong quy định về chế tài xử phạt vi phạm hành chính và xử lý vụ án hình sự là biện pháp xử phạt và hoạt động tố tụng. Ở biện pháp xử phạt, có hai nhóm xử phạt chính hiện nay là phạt tiền và tù có thời hạn. Về mức tiền xử phạt như hiện nay, các khung tiền phạt thường rất thấp, do việc thu giữ và bắt quả tang tội phạm này còn nhiều khó khăn nên thường sẽ không xác định chính xác khối lượng và số lượng ĐVHD mà chủ thể vi phạm vận chuyển, tiêu thụ trái phép hoặc không có đủ căn cứ xác định các đối tượng phạm tội đã thực hiện nhiều vụ trước đó. Về đối tượng bị kết án tù có thời hạn, phần nào tâm lý của các chủ thể phạm tội này cũng có một phần lo sợ vì phải gánh trên vai một án tích đến suốt cuộc đời, nhưng để những người này cảm thấy ân hận hay nhận ra được hành vi gây nguy hiểm cho xã hội không thì chưa hẳn. Có thể thấy, đối tượng xâm hại của hành vi vi phạm này chính là các loài ĐVHD sinh sống trong tự nhiên. Việc chúng ta tước đoạt đi mạng sống của một

loài thú thì không thể thấy rõ những tổn hại to lớn như tước đoạt mạng sống của một con người. Vậy chúng ta cần làm gì với nhóm đối tượng có xu hướng không “ngại” với việc đóng tiền phạt? Để phòng ngừa được nhóm đối tượng này, cần phải có những biện pháp mang tính mới mẻ hơn như giám sát các đối tượng đã vi phạm tại nơi cư trú từ 01 - 03 năm; thường xuyên đưa các đối tượng này tham gia vào hoạt động tuyên truyền phòng chống các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD, thực hiện lao động công ích trong các trại bảo tồn ĐVHD,...

Vấn đề thứ hai là những hạn chế trong các hoạt động tổ tụng. Qua các Bản án xét xử cũng như những vụ việc đang trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ xác minh thì khó khăn lớn nhất mà cơ quan thi hành án phải trải qua là việc giám định xem các loài động vật trên có thuộc danh mục ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm cần được bảo vệ. Ngoài ra, việc xác định xét xử theo số lượng hay khối lượng của các loài hay sản phẩm của loài động vật nói trên cũng chưa có sự thống nhất về cách hiểu. Như vậy, đối với vấn đề này, trên hết, phía các cơ quan tiến hành tố tụng, các viện khoa học kỹ thuật hình sự nên có các buổi tập huấn chuyên đề để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, giải đáp các vướng mắc về cách áp dụng pháp luật cho các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đang thực hiện hoạt động giám định, xử lý vật chứng của cơ quan tiến hành tố tụng.

Ngoài ra, việc đưa người phạm tội hòa nhập lại với cộng đồng nhưng không tái phạm mới chính là một thách thức lớn. Hiện nay, các cơ sở giam giữ chưa đủ các điều kiện về nhân lực cũng như vật lực để đáp ứng được các chương trình giáo dục nhân phẩm, định hướng nghề nghiệp cho phần lớn các nhóm tội phạm khác nhau. Do đó, cần thiết phải có những chính sách xã hội nhằm quản lý các nhóm đối tượng này. Những chủ thể thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD như hiện nay chưa được xem là một nhóm tội cực kỳ nguy hiểm cho xã hội như các tội xâm phạm về tính mạng, sức khỏe con người hay tội xâm phạm về sở hữu. Bên cạnh đó, nhiều yếu tố như xã hội không quan tâm nhiều đến đối tượng phạm tội này, có hiện tượng “khuyến khích quay lại con đường cũ” từ một số những tay buôn bán trái phép ĐVHD cũng là nguy cơ tác động đến tỷ lệ tái phạm của các chủ thể.

Vậy giải pháp cần làm hiện nay sẽ là gì? Trước hết, các tổ chức chính trị, xã hội ở địa phương nơi đối tượng cư trú cần định hướng hoặc hỗ trợ công ăn việc làm cho những người vừa chấp hành xong các án phạt. Thứ hai, các chính sách về phòng ngừa, tuyên truyền đẩy lùi hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD nên được triển khai mạnh mẽ và gần gũi hơn với người dân không chỉ thông qua dạng bài viết, poster các chiến dịch mà là những hành động thực tế như liên kết với các tổ chức, cơ sở nuôi dưỡng ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm để tổ chức các sự kiện nhận diện, hiểu biết về vai trò của chúng trong đa dạng sinh học; hoạt động du lịch kết hợp với tham quan các địa điểm bảo tồn chủng loại ĐVHD đặc trưng của Việt Nam. Thứ ba, truyền thông cũng được xem là một kênh thông tin rất quan trọng để đưa nội dung phòng ngừa đến với công chúng một cách nhanh chóng nhất. Chúng ta có thể cập

nhất thường xuyên các quy định về xử lý hành chính, mức phạt hình sự của nhóm hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD trên các kênh truyền hình quốc gia như dạng quảng cáo TVC – là loại hình quảng cáo bằng hình ảnh, có kịch bản, cốt truyện như một thước phim ngắn, giới thiệu về những sản phẩm thương mại, hay một sự kiện nào đó được phát sóng trên hệ thống truyền hình [32], hoặc các trang báo điện tử cũng hỗ trợ những chiến dịch truyền thông cho các chương trình, sự kiện về bảo vệ ĐVHD.

5.3. Biện pháp phòng ngừa liên quan đến chủ thể

Khi hành vi vi phạm đã xảy ra trên thực tế, việc xử lý là vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, một khi hành vi đã xảy ra thì hậu quả của nó là điều khó tránh khỏi. Vậy nên, để hạn chế hết mức có thể hậu quả liên quan đến các loài ĐVHD, vấn đề phòng ngừa hành vi vi phạm phải được đặt lên hàng đầu. Một câu hỏi lớn được đặt ra, là làm thế nào để phòng ngừa tình trạng này?

Không ít trường hợp chủ thể vi phạm là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình khó khăn hoặc sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Việc nâng cao mức sống cho tất cả những người này là điều khó có thể thực hiện được. Thay vào đó, biện pháp mang tính khả thi là tác động lên nhóm người nhỏ hơn. Đối với những người có ý thức bảo vệ ĐVHD thể hiện thông qua hành động thiết thực, phía Nhà nước cần bổ sung nguồn kinh phí để hỗ trợ và khen thưởng, động viên kịp thời. Vừa thực hiện được hành động đẹp, vừa bảo vệ được biểu tượng văn hóa dân tộc, điều đó sẽ thúc đẩy những đối tượng này nâng cao ý thức và tăng cường hành động để bảo vệ ĐVHD. Điều cốt lõi là, làm sao để những đối tượng có ý thức này có thể làm xoay chuyển ý chí của những người còn bàng quan trong việc bảo tồn ĐVHD? Một người, hai người,... nhiều người cùng thực hiện bảo vệ ĐVHD từ những điều nhỏ bé, sẽ lan tỏa hiệu ứng đám đông, giúp mọi người nhận thức được rằng việc bảo vệ ĐVHD không ở đâu xa xôi mà ngay từ chính cuộc sống thường ngày và là trách nhiệm của mọi người, mọi nhà. Đây là một vấn đề khó, để làm được cần có sự phối hợp từ nhiều người, cũng như sự hỗ trợ đến từ phía các cơ quan chức năng. Những người dân có cơ hội tiếp xúc gần với các loài ĐVHD và cán bộ chức năng như Kiểm lâm viên cần phối hợp với nhau để cùng chung tay vun đắp nên môi trường an toàn, giúp ĐVHD được sinh sống và phát triển tốt. Cán bộ cùng nhân dân cần phải liên kết chặt chẽ, không có sự tách bạch, phân cấp giữa cán bộ và nhân dân trong việc bảo vệ ĐVHD. Hiện nay, mức lương của ngạch kiểm lâm chưa thật sự cao. Những người cán bộ chức năng cần phải được nâng cao mức sống, cụ thể là mức lương và các loại phụ cấp theo lương như phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp vùng biên giới,... để họ có thêm động lực và niềm tin phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Về vấn đề gây nuôi ĐVHD, pháp luật hiện hành quy định hành lang pháp lý khá cứng nhắc và có phần phức tạp trong công đoạn lập hồ sơ và đăng ký gây nuôi. Xuất phát từ nguyên nhân và điều kiện về chủ thể đã phân tích ở trên, xét thấy rằng, cư dân - “cột mốc

sống” ở vùng biên giới hay đồng bào dân tộc thiểu số vì thiếu hiểu biết các quy định của pháp luật mà nuôi, nhốt trái phép ĐVHD. Do đó, Nhà nước cần chú ý hơn đến những đối tượng này và trao cho họ quyền ưu tiên được tiếp cận đầy đủ và thường xuyên về trình tự, thủ tục gây nuôi ĐVHD, hoặc “đặc quyền” được nuôi một cách khẩn cấp đối với những loài động vật nguy cấp, quý, hiếm cần được bảo tồn gấp mà không cần phải tuân theo đầy đủ trình tự, thủ tục luật định.

5.4. Biện pháp phòng ngừa thông qua hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức chung của cộng đồng

Phòng ngừa hành vi vi phạm xuất phát từ nhận thức là một vấn đề không hề dễ thực hiện. Việc nâng cao ý thức của một cá nhân xuất phát từ rất nhiều yếu tố, một trong số đó là hoạt động giáo dục. Xét về thực trạng của nhóm tội phạm này trong các báo cáo gần đây nhất, độ tuổi vi phạm dưới 23 tuổi hiện nay rất thấp (chiếm chưa tới 8%), đặc biệt người chưa đủ tuổi thành niên cũng không ghi nhận thực hiện, kể cả là hành vi giúp sức [3; 8]. Điều này là một tín hiệu khả quan khi nhóm chủ thể phạm tội vẫn chưa có dấu hiệu “trẻ hoá”. Do đó, ngay từ bây giờ, việc đưa hoạt động giáo dục nhận thức đúng đắn trong việc nhận diện hành vi vi phạm cũng như hiểu một cách khoa học về giá trị của những giống loài ĐVHD là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng để phòng ngừa được các hành vi vi phạm ngay từ khi chúng chưa có nguy cơ hiện hữu. Chúng ta có thể hoàn thiện các nội dung này vào chương trình học kỹ năng sống của cấp bậc giáo dục phổ thông. Bên cạnh đó, hình thức tiếp cận mới trong hoạt động tuyên truyền nói không với sử dụng các sản phẩm đến từ ĐVHD như đóng vai tình huống mô phỏng, sự kêu gọi hưởng ứng từ những người có sức ảnh hưởng, nổi tiếng trong cộng đồng sẽ là một cách hiệu quả khi tiếp cận với nhóm đối tượng cần phòng ngừa chính là các bạn trẻ hiện nay. Điển hình có thể kể đến việc chiến dịch “Chiếc sừng vô dụng” hợp tác giữa CHANGE và WildAid nhằm phản đối việc sử dụng sừng tê giác làm thuốc chữa bệnh một cách mù quáng, đồng thời kêu gọi cộng đồng lên án việc mua bán, săn bắt tê giác lấy sừng dẫn đến loài này có nguy cơ tuyệt chủng [33]. Một trong số điểm nổi bật nhất của chiến dịch là việc họ hợp tác với hai nghệ sĩ nổi tiếng, có sức ảnh hưởng tới công chúng lúc bấy giờ là Huỳnh Lập và Võ Tấn Phát để đem lại sản phẩm video hài ngắn có truyền tải đi được thông điệp về dự án. Có thể nói, tác động của những cách truyền thông mới mẻ trong năm vừa qua cũng đã tác động phần nhiều đến nhận thức hành vi của người tiêu dùng khi cho rằng sừng tê giác là một vị thuốc chữa được bệnh, đặc biệt việc sử dụng hình ảnh của những người nổi tiếng trong công chúng cũng phần nào gửi đi thông điệp tới nhiều người hơn trong xã hội.

6. KẾT LUẬN

Tăng cường phòng ngừa hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD là một trong số những việc cấp bách nên được đặt ra góp phần đẩy lùi được tình trạng suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, do nhóm các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD có sự khởi nguồn từ vấn đề nhận thức sai lầm trong chính đời sống xã hội nên sự kết hợp

chặt chẽ giữa nhóm biện pháp phòng ngừa mang tính răn đe và biện pháp phòng ngừa kiểm soát xã hội sẽ là một bài toán phù hợp nhất để giải quyết cho thực trạng vi phạm trên. Qua đây, nhóm tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của nhận thức cộng đồng cũng là một chìa khoá cho sự thành công trong công tác phòng, chống hành vi vi phạm hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia, (2018).
- [2] TANDTC, Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017 do Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin – VKSNDTC phối hợp với WCS thực hiện, (2019), tr.13.
- [3] WCS Việt Nam, Báo cáo tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021, (2022), tr.9.
- [4] Trịnh Tiên Việt, Trần Thu Hạnh, Những điểm chung giữa vi phạm hành chính và tội phạm và vấn đề hoàn thiện khái niệm tội phạm trong Bộ luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học 28 (2012) 101-109.
- [5] Đỗ Ngọc Quang, Giáo trình Tội phạm học, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, (1999).
- [6] Báo Dân tộc và Phát triển, Các vụ vi phạm liên quan động vật hoang dã liên tục gia tăng, <https://baodantoc.vn/cac-vu-vi-pham-lien-quan-dong-vat-hoang-da-lien-tuc-gia-tang-1657534498731.htm>, truy cập ngày 16/02/2023.
- [7] changevn, Buôn bán trái phép động vật hoang dã đang là vấn nạn toàn cầu, <https://changevn.org/buon-ban-trai-phep-dong-vat-hoang-da-dang-la-van-nan-toan-cau/>, truy cập ngày 21/02/2023.
- [8] Bản án số: 44/2018/HSST ngày 26/10/2018 của TAND thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. [9] Bản án số: 72/2019/HSPT ngày 21/02/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội.
- [10] Bản án số: 220/2019/HS-PT ngày 29/7/2019 của TAND tỉnh Đồng Nai.
- [11] Bản án số: 312/2019/HSST ngày 25/12/2019 của TAND quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. [12] Bản án số: 103/2020/HSPT ngày 24-9-2020 của TAND tỉnh Quảng Bình.
- [13] Bản án số: 105/2021/HSST ngày 19/05/2021 của TAND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. [14] Bản án số: 132/2021/HS-ST ngày 16/6/2021 của TAND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. [15] Bản số: 60/2021/HS-ST ngày 18/6/2021 của TAND thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.
- [16] Bản án số: 34/2021/HS-ST ngày 28/09/2021 của TAND huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. [17] Bản án số: 267/2021/HS-ST ngày 29/10/2021 của TAND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. [18] Bản án số: 68/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 của TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. [19] Bản án số: 248/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 của TAND huyện T, thành phố Hà Nội. [20] Bản án số: 45/2021/HSST ngày 30/11/2021 của TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. [21] Bản án số: 370/2021/HSST ngày 28/12/2021 của TAND quận Hoàng Mai, Hà Nội.

- [22] Bản án số: 55/2022/HSST ngày 02/8/2022 của TAND huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
- [23] Bản án số: 16/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của TAND thị xã ML, tỉnh Điện Biên.
- [24] Trung Tâm Giáo dục Thiên nhiên, Cứu hộ động vật hoang dã: Cả nước chỉ có một trung tâm cứu hộ đúng nghĩa!, <https://thiennhien.org/cuu-ho-dong-vat-hoang-da-ca-nuoc-chi-co-mot-trung-trung-tam-cuu-ho-dung-nghia>, truy cập ngày 20/3/2023.
- [25] Nguyễn Mạnh Hà, Vi phạm về ĐVHD ở Việt Nam – Thực trạng, khó khăn, xu hướng, Hội thảo Tập huấn kỹ thuật định danh tội phạm môi trường theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, (2018).
- [26] Trương Công Lý, Khắc phục những khó khăn, vướng mắc để đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại động vật hoang dã có hiệu quả, <https://tapchitoaan.vn/khac-phuc-nhung-kho-khan-vuong-mac-de-dau-tranh-phong-chong-toi-pham-xam-hai-dong-vat-hoang-da-co-hieu-qua>, truy cập ngày 28/02/2023.
- [27] Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án về động vật hoang dã xuyên quốc gia, Hội thảo “Tăng cường cơ chế hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia”, Ninh Bình, (2021).
- [28] UNODC, Xu hướng buôn lậu động vật hoang dã và gỗ trong khu vực, Hội thảo Tập huấn kỹ thuật định danh tội phạm môi trường theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, (2018).
- [29] Hướng dẫn số 13-HD/BTGTW của Ban Tuyên giáo Trung ương ngày 19 tháng 07 năm 2021 về tăng cường tuyên truyền việc thực hiện không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm.
- [30] Báo Điện tử Chính phủ, Việt Nam nằm trong số các nước phát triển nhanh nhất thế giới, <https://baochinhphu.vn/viet-nam-nam-trong-so-cac-nuoc-phat-trien-nhanh-nhat-the-gioi-102220729095138108.htm>, truy cập ngày 01/3/2023.
- [31] Báo điện tử VTV News - Đài Truyền Hình Việt Nam, Bảo tồn động vật hoang dã - Những nỗ lực không ngừng nghỉ, <https://vtv.vn/xa-hoi/bao-ton-dong-vat-hoang-da-nhung-no-luc-khong-ngung-nghi-20220720120749686.htm>, truy cập ngày 20/3/2023.
- [32] Brands Vietnam, TVC quảng cáo là gì? Những yếu tố giúp tạo nên thành công của TVC hiện nay, <https://www.brandsvietnam.com/congdong/topic/10486-TVC-quang-cao-la-gi-Nhung-yeu-to-giup-tao-nen-thanh-cong-cua-TVC-hien-nay>, truy cập ngày 01/03/2023.
- [33] Báo tin tức Thông tấn Xã Việt Nam, “Chiếc sừng vô dụng” kêu gọi bảo vệ loài tê giác, <https://baotintuc.vn/van-de-quan-tam/chiec-sung-vo-dung-keu-goi-bao-ve-loai-te-giac-20220923114514186.htm>, truy cập ngày 28/02/2023.

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ DỊCH BỆNH TRÊN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM

Vũ Minh Tâm¹, Hoàng Thu Thảo, Lê Mai
(Được hướng dẫn bởi TS. Lê Lan Chi)

Tóm tắt: Đại dịch COVID-19, được cho là bắt nguồn từ một khu chợ bán động vật hoang dã (ĐVHD) sống ở Trung Quốc [1], đã gây ra cái chết của hàng triệu người và tác động lớn đến sinh kế, xã hội và nền kinh tế trên toàn thế giới. Điều đó dấy lên thực trạng đáng quan ngại về nạn buôn bán, săn bắt, vận chuyển trái phép ĐVHD, và các tác động khác của con người, khi không chỉ làm suy giảm đa dạng sinh học [2], mà còn ảnh hưởng tới chính nhân loại. Các tác nhân làm tăng nguy cơ xuất hiện bệnh lây truyền từ ĐVHD không chỉ có ở Trung Quốc, mà phổ biến trong khai thác giá trị ĐVHD trên toàn cầu, bao gồm cả ở Việt Nam. Chính vì vậy, cần đẩy mạnh công tác quản lý dịch bệnh dọc theo các mắt xích liên quan đến ĐVHD ở Việt Nam, theo phương châm “One health – Một sức khỏe” (bảo vệ 3 mắt xích có mối liên hệ mật thiết: Sức khỏe động vật – Sức khỏe con người – Sức khỏe môi trường), do Tổ chức Bảo vệ Thiên nhiên (Wildlife Conservation Society) xây dựng với cương lĩnh “Các nguyên tắc Manhattan” [3]. Với mục đích ngăn chặn mối hiểm nguy từ dịch bệnh trên ĐVHD, cũng như hưởng ứng bảo vệ ĐVHD khỏi tác động xấu của con người, nhóm tác giả thực hiện bài nghiên cứu khoa học (NCKH): “Hoàn thiện pháp luật và điều kiện đảm bảo thực hiện pháp luật về quản lý dịch bệnh trên động vật hoang dã ở Việt Nam”.

Bài viết gồm những nội dung chính sau:

1. Đánh giá thực trạng pháp luật và việc thực hiện pháp luật,
2. Đặt ra vấn đề, mục tiêu cần giải quyết,
3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và điều kiện thực hiện pháp luật,

Từ khóa: động vật hoang dã, dịch bệnh, quản lý dịch bệnh, pháp luật, thực hiện pháp luật.

1. DẪN NHẬP

Những thập kỷ gần đây, thế giới đang phải đương đầu với mối nguy cơ tiềm ẩn xuất hiện và lan truyền của các bệnh truyền nhiễm mới nổi hoặc tái bùng phát ở người, vật nuôi và ĐVHD [4]. Từ lâu, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, hơn 60% bệnh truyền nhiễm ở người là do mầm bệnh bắt nguồn từ động vật, mà bao gồm trong đó, chiếm trọng số là bắt nguồn từ các loài ĐVHD [5]. Xuyên suốt tiến trình lịch sử, tính đến nay, rất nhiều loại virus được phát hiện trên vật chủ là các loài ĐVHD đã gây ra những đại dịch kinh hoàng trong lịch sử loài người, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người, nền kinh tế và nhiều vấn đề khác [6]. Gần đây, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) cũng cảnh báo khoảng hơn 2/3 (70%) bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới nổi ở người có nguồn gốc từ động vật

¹ Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Email: vuminhtam2003@gmail.com

và khoảng 3/4 (71,8 %) trong số này có nguồn gốc từ ĐVHD [7]. Một số bệnh lây truyền phổ biến từ vật chủ là ĐVHD có thể kể đến như: Ebola, SARS, MERS, bệnh dại, bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, hội chứng HIV/AIDS, bệnh đậu mùa khỉ, v.v... Những bệnh này xuất phát chủ yếu từ mối tương tác giữa con người với động vật trong một hệ sinh thái chung [8]. Hiện nay, sự phát triển các hoạt động buôn bán ĐVHD cả dưới hình thức hợp pháp và bất hợp pháp càng thúc đẩy con người tiếp xúc gần hơn với các loài ĐVHD, trong đó mỗi mắt xích của chuỗi cung ứng đều tiềm ẩn rủi ro lây truyền dịch bệnh từ động vật sang người [9]. Việc các cơ sở gây nuôi, nuôi giữ không chú trọng đảm bảo điều kiện chuồng trại, an toàn vệ sinh, không có phương án ứng phó, phòng, chống dịch bệnh cho động vật cũng gây ra rất nhiều nguy cơ. Các điểm thu gom, nuôi nhốt, bày bán, giết mổ ĐVHD thiếu vệ sinh cũng được coi là nơi mầm bệnh phát triển và lây lan rộng rãi [10]; nghi vấn chợ ĐVHD ở Vũ Hán là nơi phát tán đầu tiên của virus SARS-CoV-2 (COVID-19) là một ví dụ. Ngoài ra, sự bùng phát dịch bệnh từ ĐVHD cũng có thể xảy ra với các hoạt động như săn bắn, tàng trữ, vận chuyển, v.v.

Tại Việt Nam, mặc dù Nhà nước đã nghiêm cấm các hành vi như săn bắt, giết, nuôi nhốt, vận chuyển, buôn bán, v.v. trái phép các loài ĐVHD với các quy định cụ thể về khung xử phạt hành chính hay xử lý hình sự tại một số điều trong Nghị định 35/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP), Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); đồng thời có những cảnh báo về rủi ro khôn lường, sự nguy hiểm của việc lây nhiễm dịch bệnh từ ĐVHD; song người dân vẫn chưa thực sự nhận thức đúng về tầm quan trọng của vấn đề. Bởi thế, nước ta luôn là một trong những “điểm nóng” toàn cầu có nguy cơ cao xuất hiện các tác nhân gây ra bệnh truyền nhiễm mới nổi và tái nổi [11]. Điển hình bệnh truyền nhiễm mới nổi ở Việt Nam thời gian gần đây là SARS-CoV-2 (COVID-19) bị nghi có nguồn gốc từ loài dơi.

Bàn sâu hơn về khía cạnh lập pháp, pháp luật Việt Nam hiện đã có một hệ thống quy phạm quy định việc quản lý dịch bệnh có khả năng lây truyền trên ĐVHD tại Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm (2007), Luật Thú y (2015) và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật, trong đó thể hiện vai trò chủ đạo thuộc về cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thú y. Các quy định pháp luật chủ yếu tập trung vào các khâu giám sát dịch bệnh, kiểm dịch, vệ sinh, ngăn chặn dịch bệnh phát sinh và xử lý khi có các ổ dịch bùng phát.

Điểm qua một vài văn bản quy phạm pháp luật điển hình quy định về vấn đề quản lý dịch bệnh trên ĐVHD. Về phòng, chống dịch bệnh, Điều 14 Luật Thú y quy định về các nội dung cơ bản trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn, bao gồm một số loài ĐVHD theo định nghĩa trong Luật Thú y (2015). Về kế hoạch ứng phó dịch bệnh động vật, Điều 8 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT quy định về những nội dung cơ bản cần đáp ứng để ứng phó kịp thời khi phát sinh dịch bệnh tại cơ sở. Về công tác giám sát dịch bệnh, Điều 16 Luật Thú y (2015) khẳng định giám sát dịch bệnh trên động vật là công tác

quan trọng nhằm phát hiện sớm dịch bệnh tiềm ẩn nguy cơ gây tổn hại nghiêm trọng đến sự phát triển của kinh tế - xã hội, các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, các bệnh lây truyền giữa động vật và người. Về kiểm dịch, Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT quy định rõ danh mục ĐVHD và sản phẩm ĐVHD thuộc diện phải kiểm dịch. Danh mục đối tượng kiểm dịch gồm bệnh chung cho nhiều loài động vật; bệnh trên các loài động vật nhai lại; ngựa, lợn, chim, khi, thỏ, chồn và một số loài khác. Ngoài ra, tại Điều 7, Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT), Điều 14, Điều 15, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP quy định về điều kiện cơ sở vật chất đối với cơ sở nuôi, phải phù hợp với đặc tính của loài được nuôi, đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh. Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm có quy định tại Điều 15 về Vệ sinh trong chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ, tiêu hủy gia súc, gia cầm và động vật khác.

Tuy nhiên, nhìn chung, các quy định trên hầu như chỉ tập trung xử lý đối tượng là động vật thường, động vật chăn nuôi hoặc ĐVHD là động vật trên cạn, trong khi ĐVHD có nhiều loài khác nhau, cư trú tự nhiên, môi trường, sinh cảnh, tập tính của chúng khác so với vật nuôi.

Có thể khẳng định, ĐVHD là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô giá, có vai trò quan trọng đối với môi trường tự nhiên và cuộc sống của con người. Tuy nhiên, thật đáng lo ngại, khi vì chính những hành vi tàn phá thiên nhiên khốc liệt, mà giờ đây, rất nhiều những loài ĐVHD đang đứng trên bờ vực của sự tuyệt chủng. Với đà hủy diệt này, hệ thống sinh thái đã, đang và sẽ khiến cho con người phải trả giá đắt, nguy cơ tồn vong của nhân loại cuối cùng cũng trở nên vô định. Đứng trước tình thế báo động, bảo đảm sự quản lý dịch bệnh trên ĐVHD, phòng bệnh, giám sát diễn biến dịch bệnh và xử lý dịch bệnh bắt nguồn từ ĐVHD là vấn đề nghiên cứu trọng tâm mà nhóm nghiên cứu hướng tới. Quản lý dịch bệnh trên ĐVHD là bảo vệ cân bằng hệ sinh thái, đa dạng sinh học; cũng chính là ngăn ngừa hiểm họa tiêu vong của nhân loại. Từ những nhận thức về vấn đề đặt ra từ thực tiễn, nhóm tác giả truy tìm lời giải cho hai câu hỏi mang tính cốt lõi.

- *Thứ nhất, làm thế nào để nâng cao hiệu quả về mặt pháp lý đối với vấn đề quản lý dịch bệnh trên ĐVHD?*

- *Thứ hai, làm sao để đảm bảo rằng những giải pháp pháp lý đó có tính ứng dụng trong hoàn cảnh, điều kiện đất nước ta?*

Để kiến nghị xây dựng các chính sách mới giải quyết phần nào những trăn trở đó, đặc biệt cần có sự trao đổi, tiếp thu có chọn lọc ý kiến, quan điểm của các chuyên gia chuyên ngành về bảo vệ ĐVHD, về quản lý dịch bệnh, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực sức khỏe cộng đồng, và các ngành liên quan khác, v.v. Ngoài ra, xuyên suốt quá trình thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả kết hợp tối ưu các

phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp so sánh, nghiên cứu lý thuyết luật học, phương pháp tổng hợp, phân tích, phân loại, phương pháp hệ thống hóa, v.v.

2. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUẢN LÝ DỊCH BỆNH TRÊN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ – NGUYÊN NHÂN DO ĐÂU?

Tại Việt Nam, quản lý dịch bệnh trên ĐVHD ít nhiều đã nhận được sự quan tâm của Nhà nước cũng như dư luận xã hội trong những năm gần đây. Được thể hiện qua hệ thống quy phạm đồ sộ quy định về quản lý dịch bệnh có khả năng lây truyền từ ĐVHD sang người tại hàng loạt các văn bản từ Luật đến các Thông tư, Nghị định, như đã đề cập ở mục 1. Thêm vào đó là hành động quyết liệt của các cơ quan chức năng trong việc ngăn chặn, xử lý nghiêm đối với các hành vi xâm phạm trái phép đến ĐVHD tiềm ẩn nguy cơ cao làm bùng phát dịch bệnh. Điều đó đã phản ánh rõ ràng những nỗ lực không ngừng nghỉ của các cơ quan lập pháp và hành pháp trong công tác hoàn thiện thể chế và thực hiện pháp luật về quản lý dịch bệnh trên ĐVHD. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác này vẫn còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, chưa tối ưu hóa hiệu quả do những thiếu sót nhất định còn tồn đọng trong quy định pháp luật hiện hành và điều kiện kinh tế - xã hội nước ta còn hạn chế.

Công ước CITES là một trong những căn cứ quan trọng và được áp dụng rộng rãi nhất về bảo vệ ĐVHD nói chung, và là căn cứ để quản lý dịch bệnh trên ĐVHD, tuy nhiên công ước này không đề cập đến việc khai thác, buôn bán sử dụng hoặc tiêu thụ các loài ĐVHD không được xác định là nguy cấp. Mặc dù có hiệu lực từ năm 1975, với khoảng 5900 loài động vật và 32 nghìn loài thực vật, CITES vẫn chưa giải quyết triệt để được nạn buôn bán trái phép ĐVHD cũng như sự tuyệt chủng của các loài, do công ước này chỉ bảo vệ một số lượng khiêm tốn sinh vật (0,45% trong số 8 triệu loài), chủ yếu tập trung vào các loài được xếp vào danh mục nguy cấp nhất [16]. Do đó, các quy định về quản lý dịch bệnh liên quan đến các loài ĐVHD không được quy định cũng không được đảm bảo một cách toàn diện, đầy đủ.

Nội dung chủ yếu của Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn (bao gồm một số ĐVHD) chỉ chủ yếu hướng dẫn đến phòng, chống dịch bệnh đối với vật nuôi (gia súc, gia cầm, thú cảnh). Do những đặc tính khác nhau giữa ĐVHD và vật nuôi, rất nhiều chuyên gia về quản lý dịch bệnh đã nhận xét, một số quy định áp dụng cho động vật nói chung có thể không phù hợp khi áp dụng cho ĐVHD. Theo Thông tư 07, danh mục các bệnh lây truyền từ động vật sang người gồm 8 bệnh, chủ yếu là các bệnh lây từ vật nuôi; tuy nhiên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần khẩn trương rà soát, bổ sung danh mục dịch bệnh truyền nhiễm có nguy cơ lây từ ĐVHD sang người như Đậu mùa khỉ, Nipah, [17].

Về giám sát dịch bệnh, Điều 16 Luật Thú y (2015) chỉ quy định trách nhiệm đối với chủ cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; vẫn bỏ ngỏ vấn đề giám sát dịch bệnh tại các trang trại gây nuôi thương mại, phi thương mại ĐVHD, tại chợ buôn bán ĐVHD sống, tại nơi tiêu thụ thịt ĐVHD và đối với ĐVHD nói chung.

Ngoài ra, quy định về vệ sinh thú y cũng còn bất cập khi Thông tư số 09/2016/ TT-BNNPTNT không quy định kiểm soát giết mổ đối với ĐVHD gây nuôi (như cá sấu, nhím, dúi, lợn rừng, ...) hay ĐVHD được phép săn bắn. Bên cạnh đó, tuy nhiều trường hợp vi phạm liên quan đến mua bán, vận chuyển, tiêu thụ ĐVHD và sản phẩm ĐVHD bị bắt giữ, tuy nhiên hầu hết các trường hợp này đều không được lấy mẫu bệnh phẩm để xét nghiệm có hay không có tác nhân gây bệnh.

Như vậy, để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc ngăn chặn và kiểm soát dịch bệnh nguy hiểm lây truyền từ ĐVHD sang người chúng ta cần rà soát, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống dịch bệnh trên ĐVHD. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, đơn vị quản lý ĐVHD và đặc biệt là công tác truyền thông để nhân dân hiểu rõ các quy định của nhà nước về ĐVHD cũng như ý thức được nguy cơ dịch bệnh khi săn bắn, gây nuôi, giết mổ và tiêu thụ thịt thú rừng đối với bản thân và cộng đồng [18].

Trên phương diện thực hiện pháp luật, thứ nhất, công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD hiện nay chứng kiến sự khan hiếm nguồn nhân lực có chuyên môn cao. Thực tế, mặc dù tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ đối với sinh tồn của loài người, song cho đến nay, số lượng nghiên cứu đánh giá và cảnh báo về rủi ro dịch bệnh từ các loài ĐVHD ở Việt Nam vẫn còn rất ít ỏi. Thêm nữa, việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu về nguồn nhân lực có đủ kiến thức và kỹ năng để kiểm soát, phòng chống và ứng phó với dịch bệnh có nguồn gốc từ ĐVHD cũng vẫn còn là một thách thức lớn, đặc biệt là trong khâu hợp tác liên ngành – một đòi hỏi tất yếu trong thời đại bùng nổ dịch bệnh có nguồn gốc từ động vật [19]. Tình trạng này xảy ra bởi lẽ, quản lý dịch bệnh trên ĐVHD là công tác “kén người”, mang tính đặc thù cao, không hề đơn giản, vất vả và chứa đựng nhiều rủi ro. Đây là công việc đòi hỏi người làm nghề phải được đào tạo bài bản, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ tốt, đồng thời phải có tâm huyết, tình yêu đối với thiên nhiên và các loài ĐVHD làm động lực vượt qua những rào cản trong quá trình hành nghề.

Thứ hai, thời gian qua, dù không thể phủ nhận sự nỗ lực vào cuộc của nhiều bộ, ngành, địa phương cùng với một số lực lượng xã hội khác trong công tác tuyên truyền thực hiện việc không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại ĐVHD; tuy nhiên, hiệu quả đạt được lại không như mong đợi khi người dân vẫn chưa thực sự dành sự quan tâm đúng mực, chưa thể ý thức đúng đắn về tính nghiêm trọng của vấn đề [30]. Kết hợp với việc thay đổi những tập quán, thói quen vốn có từ lâu đời không phải là chuyện một sớm một chiều, mà những hành vi xâm phạm đến ĐVHD mang theo rủi ro truyền nhiễm dịch bệnh từ động vật sang người vẫn còn tiếp diễn phổ biến. Điển hình là thói quen ăn uống, tiêu thụ ĐVHD, cộng với sự “thối phòng” các tác dụng của ĐVHD như một loại thần dược, nhu cầu tiêu thụ ĐVHD tuy âm thầm nhưng khá cao tại Việt Nam [20]; gây ra không ít khó khăn cho công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD.

Thứ ba, nguồn ngân sách đảm bảo cho công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD còn hạn chế. Thực tế vào năm 2021, đỉnh điểm khi đại dịch COVID-19 bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam, hàng loạt các khoản chi phí với tổng giá trị lên đến hàng trăm nghìn tỷ đồng đã phát sinh nhằm duy trì thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, đồng thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh đã gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, thu, chi, cân đối ngân sách Nhà nước. Trước tình hình đó, Chính phủ Việt Nam đã phải đề ra các giải pháp đồng bộ bù đắp hụt thu ngân sách, đặc biệt là liên tục kêu gọi, vận động khẩn cấp sự hỗ trợ, ủng hộ kinh phí, trang thiết bị y tế, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, v.v... từ xã hội để đảm bảo nguồn lực triển khai các hoạt động trong cuộc chiến phòng, chống dịch bệnh [21].

Ngoài ra, các yếu tố khách quan như môi trường, khí hậu... cũng có tầm ảnh hưởng nhất định trong quá trình thúc đẩy sự xuất hiện, lây lan các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người [22]. Điều này gây ra cản trở lớn đối với lực lượng chức năng trong công tác phát hiện nguồn gốc mầm bệnh cũng như kiểm soát diễn biến, xử lý triệt để dịch bệnh có nguồn gốc từ ĐVHD.

3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ DỊCH BỆNH TRÊN ĐVHD

3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Như đã đề cập, công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD bao gồm công tác phòng bệnh, giám sát diễn biến dịch bệnh và xử lý dịch bệnh. Quá trình này trải qua rất nhiều giai đoạn, khâu kiểm tra, giám định, quản lý nhằm kịp thời đưa ra những hướng dẫn giải quyết các khó khăn, từ khi phát hiện mầm bệnh truyền nhiễm đến khi công bố hết dịch. Vậy nên, việc xây dựng hệ thống pháp luật riêng, đầy đủ, thống nhất về lĩnh vực này là yêu cầu tiên quyết đảm bảo tính nhanh chóng, khép kín, kịp thời, an toàn đối với công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD.

3.1.1. Hoàn thiện Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn

a) Đề xuất bổ sung danh mục dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm trên ĐVHD

Trong Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh trên động vật trên cạn (bao gồm cả ĐVHD theo giải thích từ ngữ trong Luật Thú y), hiện nay, chỉ chủ yếu hướng dẫn đến phòng, chống dịch bệnh đối với vật nuôi (gia súc, gia cầm, thú cảnh). Trong khi đó, ĐVHD có nhiều loài khác nhau, cư trú tự nhiên, môi trường, sinh cảnh, tập tính của chúng khác so với vật nuôi thông thường. Vì vậy, một số quy định áp dụng cho động vật nói chung sẽ không hoàn toàn phù hợp khi áp dụng cho ĐVHD. Danh mục các bệnh lây truyền từ động vật sang người gồm 8 bệnh theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, chủ yếu là các bệnh lây từ vật nuôi [23]. Vậy nên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần khẩn trương rà soát, bổ sung danh mục dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm

trên ĐVHD nhằm đáp ứng đúng với những đòi hỏi của công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD trong thời đại ngày nay.

Nhóm nghiên cứu sau quá trình tìm hiểu, phân tích, đối chiếu từ các tài liệu chuyên ngành về ĐVHD đã đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện, bổ sung danh mục dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm trên ĐVHD, được trình bày cụ thể tại Phụ lục 1.

b) Đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các loài ĐVHD chưa được quy định trong thông tư.

Mới đây, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 4737/QĐ-BNN-TCLN ban hành Danh mục loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư không thuộc đối tượng quản lý như ĐVHD quy định tại Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ. Danh mục này bao gồm tổng cộng 27 loài, thuộc 03 lớp lưỡng cư, bò sát, thú. Như vậy, ngoại trừ 27 loài được liệt kê, thì tất cả các loài động vật trên cạn khác thuộc lớp thú, bò sát, lưỡng cư đều được coi là ĐVHD [24]. Tuy nhiên, trong Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT chỉ công bố danh mục bệnh động vật, bệnh truyền lây giữa động vật và người, bệnh động vật cắn giết mổ, chữa bệnh mà chủ yếu chỉ tập trung vào các loài vật nuôi (gia súc, gia cầm, thú cảnh) chứ không đề cập nhiều đến các loài ĐVHD. Nhất là các loài ĐVHD thuộc loài chim, lưỡng cư và bò sát vẫn chưa được Thông tư đề cập cụ thể và quy định rõ ràng.

Nhóm nghiên cứu thống nhất đưa ra đề xuất nội dung mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các loài ĐVHD chưa được quy định trong thông tư như sau:

Thứ nhất, mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các loài ĐVHD cần liên tục cập nhật danh mục về chủng loài, số lượng, tình trạng để kịp thời điều chỉnh theo thực tế. Cần chú ý chia tách các loài ĐVHD thành những nhóm riêng dựa theo tập tính, môi trường cư trú tự nhiên, sinh cảnh để đưa ra những chế độ giám sát, quản lý dịch bệnh khác nhau.

Thứ hai, việc mở rộng phạm vi điều chỉnh cần chú trọng đến khâu khắc phục những khoảng trống, những quy định còn chồng chéo, chưa có tính thống nhất trong hệ thống các quy định về ĐVHD nói chung và quản lý dịch bệnh trên ĐVHD nói riêng. Điển hình hiện nay, nếu như Luật Thú y năm 2015 đã đưa ra các quy định về phòng, chống xuất hiện và lan truyền dịch bệnh từ động vật thì Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 lại đưa ra những quy định liên quan đến hạn chế và ngăn chặn dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD, thông qua quy định về việc xử lý dịch bệnh. Bên cạnh đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cũng có những quy định nhằm hạn chế dịch bệnh từ ĐVHD được quy định trong Khoản 3, Điều 6 về Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường. Tuy nhiên các quy định này vẫn đang chưa có sự đồng bộ, còn đang nằm rời rạc ở các bộ luật hiện hành. Điều này dẫn đến việc khó nắm bắt đầy đủ thông tin về quản lý dịch bệnh trên ĐVHD, khó có thể đáp ứng điều kiện đảm bảo thực hiện pháp luật để đạt mục đích quản lý dịch bệnh, đảm bảo phát triển bền vững, lâu dài. Do đó, với những “lỗ

hồng” còn tồn đọng về vấn đề quản lý dịch bệnh thì cần xem xét một cách có hệ thống văn bản từ Luật, đến Nghị định, Thông tư.

Thứ ba, việc mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các loài ĐVHD chưa được quy định trong Thông tư phải thông qua các quy tắc, quy định nhưng cũng không thể tách rời công tác tuyên truyền, giáo dục, giải thích pháp luật. Điều này nhằm hạn chế thực trạng áp dụng không kịp thời các quy định mới, hiểu sai nội hàm của các quy định hiện hành.

Thứ tư, Chính phủ cần giám sát, theo dõi sát sao hoạt động quản lý dịch bệnh trên ĐVHD để kịp thời ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết nhằm kịp thời điều chỉnh, điều phối hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, v.v.

3.1.2. Xây dựng bộ quy chuẩn kỹ thuật về kiểm soát bệnh trên động vật hoang dã tại các cơ sở gây nuôi thương mại, phi thương mại động vật hoang dã¹

Các cơ sở gây nuôi ĐVHD luôn là những điểm nóng trong công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD; bởi chúng là những nơi tiềm ẩn nguy cơ cao xuất hiện và lây lan dịch bệnh từ ĐVHD thông qua mật độ tiếp xúc thường xuyên giữa con người và động vật. Như vậy, công tác kiểm soát dịch bệnh tại các trang trại gây nuôi ĐVHD là nhiệm vụ vô cùng quan trọng nhằm ngăn ngừa đáng kể nguy cơ bùng phát dịch bệnh có nguồn gốc từ ĐVHD. Tuy nhiên, theo khảo sát thực tế của Trung tâm con người và thiên nhiên (Pan Nature) công bố năm 2020, tình trạng gây nuôi không đảm bảo điều kiện kỹ thuật được ghi nhận phổ biến tại các trang trại gây nuôi hỗn hợp các loài ĐVHD, với điều kiện chăm sóc thú y rất kém và hầu như không biết về nguồn bệnh tiềm ẩn luôn đe dọa vật nuôi [25].

Trong bối cảnh đó, hướng dẫn kỹ thuật về kiểm soát dịch bệnh tại cơ sở gây nuôi thương mại, phi thương mại ĐVHD quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật đã góp phần thiết lập một khung pháp lý về kiểm soát dịch bệnh trên ĐVHD tại các cơ sở gây nuôi thương mại, phi thương mại ĐVHD, bổ sung vào hệ thống pháp luật về quản lý dịch bệnh trên ĐVHD và đưa vào áp dụng thực tế nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD trong phạm vi các cơ sở gây nuôi ĐVHD nói riêng và phạm vi toàn quốc, toàn cầu nói chung [26].

Qua quá trình nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế¹, nhóm tác giả đưa ra kiến nghị xây dựng “*Bộ quy chuẩn kỹ thuật về kiểm soát dịch bệnh trên ĐVHD tại các cơ sở gây nuôi ĐVHD*”. Bộ quy chuẩn sử dụng ngôn từ đơn giản, thông dụng nhằm hướng tới mục tiêu tiếp cận được phần lớn đối tượng trong xã hội. Kể cả những đối tượng hạn chế về hiểu biết pháp luật hay kiến thức chuyên ngành về kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt là các thành phần chủ sở hữu, nhân viên tại các cơ sở gây nuôi ĐVHD, cũng có thể thực hiện,

¹ Nguồn các tác giả tổng hợp từ Sách hướng dẫn Tiêu chuẩn quản lý vệ sinh trong chăn nuôi, Ban Vệ sinh động vật, Cục Tiêu dùng và An toàn, Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản, Hội đồng Phòng chống CSF và ASF, JA Group.

giám sát thực hiện công tác kiểm soát dịch bệnh ĐVHD tại cơ sở. Từ đó, thiết lập đồng bộ cơ chế thực hiện và giám sát thực hiện chặt chẽ trong công tác kiểm soát dịch bệnh ĐVHD tại các cơ sở gây nuôi ĐVHD, nâng cao hiệu quả của công tác này.

Bộ quy chuẩn được xây dựng dựa trên 3 tiêu chí cốt lõi: (1) không mang mầm bệnh vào trong, (2) không lây lan mầm bệnh trong khu vực và (3) không mang mầm bệnh ra ngoài. Những tiêu chí cơ bản được đảm bảo thông qua việc xác định cụ thể các yêu cầu, điều kiện bắt buộc đối với các đối tượng điển hình có tác động đến công tác kiểm soát dịch bệnh tại các cơ sở gây nuôi ĐVHD, bao gồm: ĐVHD, động vật ngoài phạm vi trang trại, con người, môi trường gây nuôi, v.v.

Mẫu tham khảo “*Bộ quy chuẩn kỹ thuật về kiểm soát dịch bệnh trên ĐVHD tại các cơ sở gây nuôi ĐVHD*” do nhóm tác giả biên soạn và đề xuất được trình bày cụ thể tại Phụ lục 2.

3.1.3. Xây dựng mô hình quản lý dịch bệnh dựa trên cơ chế chịu trách nhiệm (Liability Regime)

Thay vì đưa ra giải pháp ngăn cấm triệt để các hành vi thương mại và phi thương mại liên quan đến ĐVHD có nguy cơ gây bùng phát dịch bệnh, các cá nhân, pháp nhân, tổ chức vẫn có quyền khai thác chuỗi giá trị từ ĐVHD theo đúng quy định của pháp luật như buôn bán thịt động vật rừng, buôn bán các chế phẩm liên quan đến ĐVHD, nuôi thú kiểng, v.v. Tuy nhiên, các hoạt động đó phải kèm theo nghĩa vụ chịu trách nhiệm khi có thiệt hại phát sinh do dịch bệnh và trách nhiệm thực hiện các biện pháp gia tăng an toàn sinh học.

Để bước đầu đạt được mục đích, cần xây dựng và ban hành quy chuẩn chung về đánh giá “mức độ nguy hiểm” đối với từng đối tượng là dự án về ĐVHD để xác định trách nhiệm pháp lý, chủ thể chịu trách nhiệm, mức độ chịu trách nhiệm khi dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. “Mức độ nguy hiểm” sẽ cho biết số lượng động vật có thể mang mầm bệnh, các dịch bệnh có thể phát sinh, dự đoán trước phạm vi lây lan của dịch bệnh, qua đó kịp thời thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hoặc xác định mức chi phí để xử lý dịch bệnh.

Thứ hai, cần có một danh sách quy định cụ thể các bệnh truyền nhiễm mà các cá nhân, tổ chức sẽ phải chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả. Nếu việc chịu trách nhiệm bao trùm trên diện tích rộng, hoặc gắn liền với dịch bệnh có khả năng lây lan mạnh, thì cơ chế chịu trách nhiệm có chức năng hoạt động như một biện pháp ngăn chặn việc tiêu tốn mức chi phí khổng lồ có thể phát sinh để xử lý tất cả các dịch bệnh tiềm ẩn trong một khu vực [27].

3.2. Giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật

Song song với sự gia tăng đột biến bệnh truyền nhiễm mới nổi và tái nổi có nguồn gốc từ ĐVHD, công tác quản lý dịch bệnh đối diện với những khó khăn, hạn chế, áp lực

từ nguồn kinh phí, đảm bảo chi tiêu ngân sách, cũng như cải tiến, mở rộng các trung tâm kiểm soát, cơ sở nghiên cứu dịch tễ ĐVHD. Nhận định, phân tích từ tình hình thực tế, nhóm nghiên cứu thống nhất đưa ra một số ý tưởng xã hội hóa công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD, nhằm giảm bớt gánh nặng, tăng cường hiệu quả của công tác này.

3.2.1. Xây dựng Quỹ Quốc gia về quản lý dịch bệnh trên động vật hoang dã

Trước thực trạng dịch bệnh trên ĐVHD bùng phát tại Việt Nam đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người và sự phát triển kinh tế - xã hội, nhiều tổ chức phi chính phủ, cơ quan tư nhân, cá nhân đã chủ động huy động kinh phí từ các hoạt động, dự án từ thiện, quyên góp, gọi vốn, v.v. để chung tay ủng hộ công tác phòng bệnh, giám sát diễn biến dịch bệnh và xử lý dịch bệnh. Năm 2021, chỉ tính riêng trong phạm vi tỉnh Quảng Bình, đã có hơn 30 cá nhân, tập thể đã hưởng ứng Lời kêu gọi toàn dân đoàn kết, ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19, các tập thể cá nhân đã ủng hộ trực tiếp và đăng ký ủng hộ Quỹ vaccine phòng Covid-19, được đăng tải danh sách trên Trang Thông tin điện tử của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình [28].

Với mục tiêu thống nhất, đảm bảo tính minh bạch, công khai, hợp lý chi tiêu, Chính phủ Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để thúc đẩy và tiến hành xây dựng Quỹ quốc gia về quản lý dịch bệnh trên ĐVHD, do Bộ Tài chính thực hiện chức năng chủ quản.

Nguồn quỹ có thể được sử dụng cho các hoạt động cấp thiết như tổ chức các sự kiện tuyên truyền nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến kiểm soát dịch bệnh trên ĐVHD, nâng cấp cơ sở vật chất an toàn cho các đơn vị gây nuôi động vật, hỗ trợ kinh phí kiểm soát dịch tễ trên các loài ĐVHD trong quá trình nghiên cứu mầm bệnh, v.v.

Quỹ quốc gia về quản lý dịch bệnh trên ĐVHD vừa vặn là một giải pháp ổn định hỗ trợ phần nào về vấn đề kinh tế trong công tác thực hiện pháp luật về quản lý dịch bệnh trên ĐVHD. Khi có nguồn quỹ được xây dựng riêng dành cho công tác quản lý dịch bệnh, có thể giảm thiểu tình trạng việc pháp luật đã có quy định nhưng cơ quan chức năng không thể thực hiện chu toàn do vấn đề kinh phí.

3.2.2. Chính sách thu hút nhân lực cho công tác quản lý dịch bệnh động vật hoang dã

Sự khan hiếm nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao trong hoạt động nghề nghiệp quản lý dịch bệnh trên ĐVHD, đã và đang xảy ra một cách rõ rệt. Sự khan hiếm này được dự đoán sẽ tiếp diễn trầm trọng hơn trong tương lai nếu Nhà nước không nhanh chóng đưa ra những chính sách hợp lý, hấp dẫn nhằm thu hút bổ sung nhân lực cho nguồn nhân lực trong nghề.

Dựa trên ba tiêu chí khả quan, bền vững, phù hợp với xã hội Việt Nam, nhóm tác giả đã nghiên cứu và kiến nghị chính sách xây dựng chương trình hướng nghiệp đối với nghề nghiệp quản lý dịch bệnh trên ĐVHD. Với một nghề nghiệp đặc thù có độ nhận diện trong

xã hội Việt Nam còn tương đối thấp như quản lý dịch bệnh trên ĐVHD, chương trình hướng nghiệp nên được tổ chức với một số lưu ý sau:

- Chương trình hướng nghiệp nên được tổ chức bởi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kết hợp với các tổ chức, cơ sở nghiên cứu về ĐVHD; được thực hiện bởi đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực liên quan¹ nhằm cung cấp những góc nhìn thực tế đa dạng, tăng thêm độ tin cậy trong truyền đạt thông tin.

- Chương trình hướng nghiệp nên được tổ chức thường xuyên, định kỳ.

- Các địa điểm lý tưởng để tổ chức các chương trình có tính chia sẻ cao, nên được tập trung tổ chức tại các cơ sở giáo dục bởi đối tượng ở đây sẽ là các em học sinh, sinh viên đang quan tâm, tìm hiểu các ngành nghề để định hướng cho tương lai; hay các cơ sở kinh doanh liên quan như sở thú, thủy cung nhân tạo, v.v. bởi đối tượng đến đây phần đông là những người có quan tâm, hay ít nhất là có hứng thú với các loài động vật.

Khi nguồn lực trong nghề được đảm bảo, việc chuyên môn hóa với đội ngũ nhân viên trong các cơ sở nghiên cứu, trang trại gây nuôi ĐVHD, v.v. khả năng cao sẽ được diễn ra, từ đó nâng cao chất lượng đối với công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD.

3.2.2. Xây dựng kênh truyền thông về phòng, chống dịch bệnh trên ĐVHD

Để gia tăng mức độ phổ biến, độ nhận diện về thông tin và cách phòng tránh dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD, cũng như hỗ trợ giải pháp xây dựng Bộ quy chuẩn nêu trên đối với từng loại bệnh, nhóm tác giả xây dựng và phát triển các kênh truyền thông chuyên tổng hợp thông tin và cách phòng, chống đối với các loại bệnh truyền nhiễm có nguồn gốc từ ĐVHD; song song với đó, tuyên truyền về tầm quan trọng của việc bảo vệ ĐVHD theo phương châm “Một sức khỏe”. Tổ chức Môi trường của Liên Hợp Quốc (PNUE) và Viện Nghiên cứu Chăn nuôi Quốc tế (ILRI) đã nêu ra một số ví dụ về thành công đáng kể của phương pháp tiếp cận này, đặc biệt trong việc chống bệnh dại tại Serengeti, Tanzania, châu Phi, hay hiểu được cơ chế của việc lây truyền bệnh sốt thung lũng Rift, ảnh hưởng đặc biệt đến khu vực miền đông châu Phi [29].

Tập trung vào đối tượng là các cá nhân có hoạt động tiếp xúc trực tiếp với đến ĐVHD, các đối tượng nghiên cứu về ĐVHD, mục tiêu của đề xuất sẽ bao gồm:

a) Cung cấp thông tin về các loại bệnh truyền nhiễm

1.1. Tên gọi

¹ Harold Browning: <https://quochoitv.vn/khach-moi-hom-nay-harold-browning-va-hanh-trinh-8-nam-cuu-ho-dong-vat-hoang-da-o-viet-nam>

Anh Nguyễn Văn Thái - nhà bảo tồn động vật hoang dã nổi tiếng của Việt Nam: <https://laodong.vn/moi-truong/nha-bao-ton-dong-vat-hoang-da-viet-nam-nhan-giai-thuong-50-nginh-do-la-my-1054656.ldo>

1.2. Sinh vật gây bệnh

1.3. ĐVHD chứa sinh vật gây bệnh

1.4. Con đường lây bệnh

1.5. Hậu quả

1.6. Cách thức liên hệ trợ giúp khi phát hiện bệnh

b) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, định hướng xã hội

Bên cạnh việc cập nhật hệ thống thông tin, tin tức hằng ngày, nhóm tác giả cũng đề xuất tổ chức các hoạt động truyền thông khác như phát triển kênh Podcast, tổng hợp các nghiên cứu, bài báo khoa học, tổ chức diễn đàn thảo luận, kết hợp với các đơn vị, tổ chức khác trong và ngoài ngành, v.v. Qua đây, nhóm tác giả hy vọng mỗi cá nhân đều sẽ trở thành một mắt xích gắn kết, hưởng ứng các phong trào mang tính toàn cầu về bảo vệ ĐVHD, bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn giá trị “xanh” của nhân loại, cũng chính là bảo vệ sự sinh tồn và sức khỏe của loài người.

4. KẾT LUẬN

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu chuyên sâu về mảng pháp lý trong công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD, nhóm tác giả đã nhận thấy những vấn đề như sau. Thứ nhất, tổng quan về tình hình dịch bệnh trên ĐVHD và thực tiễn pháp luật quy định về quản lý dịch bệnh trên ĐVHD ở nước ta hiện nay. Thứ hai, từ thực tiễn đã được ghi nhận, nhóm tác giả xác định những nguyên nhân chính yếu còn tồn đọng dẫn tới thực trạng thiếu hiệu quả trong công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD. Thứ ba, dựa trên nền tảng nhận thức về thực trạng và những “lỗ hổng” cốt lõi, nhóm tác giả kiến nghị xây dựng những giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng của công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD.

Nghiên cứu chú trọng đề xuất những giải pháp pháp lý; đồng thời, gợi ý những mô hình xã hội hóa cụ thể nhằm hỗ trợ đáp ứng điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện pháp luật trên thực tế trong công tác quản lý dịch bệnh trên ĐVHD.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình nghiên cứu, tuy nhiên, do điều kiện thời gian và thông tin thực tiễn có hạn, do tính chất hết sức đa dạng và phức tạp của lĩnh vực pháp luật về quản lý dịch bệnh trên ĐVHD, nghiên cứu chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được sự thông cảm và những ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc để nghiên cứu có điều kiện được hoàn thiện về sau.

Phụ lục 1: Mẫu tham khảo danh mục dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm từ ĐVHD

MỤC 1: Danh mục dịch bệnh có nguy cơ truyền nhiễm giữa ĐVHD và người

1.1. Loài dơi:

a) Ebola

- b) MERS
- c) Bệnh dại
- d) SARS

1.2. Loài muỗi:

- a) Sốt rét
- b) Sốt xuất huyết
- c) Zika từ muỗi
- d) Viêm não Nhật Bản
- e) Sốt Tây sông Nile

1.3. Loài bọ ve:

- a) Lyme
- b) Sốt đốm Rocky Mountain

1.4. Loài động vật gặm nhấm:

- a) Dịch hạch
- b) Nhiễm khuẩn Salmonella
- c) Hội chứng phổi Hantavirus

1.5. Loài khỉ và tinh tinh:

- a) HIV/AIDS
- b) Đậu mùa khỉ

1.6. Loài chim

- a) Bệnh phổi do nấm Histoplasma
- b) Bệnh Ornithosis
- c) Bệnh Psittacosis hay bệnh “sốt vẹt”

MỤC 2: Danh mục dịch bệnh trên ĐVHD

- a) Bệnh amip (do *Entamoeba histolytica*)
- b) Bệnh trùng roi đường ruột (*Giardiasis*)
- c) Bệnh trùng roi đường máu (*Trypanosoma lewisi*)
- d) Bệnh sán lá gan lớn (*Fascioliasis*)
- e) Bệnh sán lá ruột già cầm (*Echinostomiasis*)

- f) Bệnh sán hạt dưa (Dipylidiasis)
- g) Bệnh sán dây và ấu trùng sán dây lợn (do *Taenia solium* và *Cysticercus cellulosae*)
- h) Bệnh giun đầu gai và ấu trùng
- i) Bệnh giun xoắn
- k) Bệnh ghẻ (Sarcoptosis)
- l) Bệnh dòi da (Myiasis)
- m) Bệnh nấm phổi (Aspergillosis)
- n) Bệnh nấm da (Dermatophytosis)
- o) Bệnh nấm đường tiêu hóa (Candidiasis)

Phụ lục 2: Mẫu tham khảo “Bộ quy chuẩn kỹ thuật về kiểm soát dịch bệnh trên ĐVHD tại các cơ sở gây nuôi ĐVHD”

MỤC 1: Các hạng mục cơ bản trong phòng chống, giám sát, xử lý dịch bệnh trên ĐVHD tại các cơ sở gây nuôi ĐVHD

1. Vấn đề về con người

- Cơ sở gây nuôi ĐVHD cần chuẩn bị/soạn ra những nội dung sau:
 - Phải bổ nhiệm người quản lý vệ sinh gây nuôi.
 - Chuẩn bị bản vẽ mặt bằng của trang trại. Tiếp nhận sự kiểm tra và hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.
 - Soạn sổ tay hướng dẫn quản lý vệ sinh gây nuôi và phổ biến triệt để cho người lao động.
 - Soạn và lưu trữ hồ sơ thông tin về quản lý vệ sinh.
 - Lập quy tắc thông báo khi phát hiện các triệu chứng cụ thể.
 - Phải có bác sĩ thú y quản lý.
- Dự phòng đủ kinh phí, nguồn lực, bảo đảm phân công rõ trách nhiệm của những người tham gia, v.v. đáp ứng yêu cầu xử lý dịch bệnh khi cần thiết.
- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh phát sinh; kiểm soát, xử lý hiệu quả khi xảy ra dịch bệnh tại cơ sở.
- Báo cáo cho Hạt Kiểm lâm huyện, xã hoặc Chi cục Kiểm lâm tỉnh và cơ quan quản lý chuyên ngành thú y sau khi đã tiếp nhận thông tin xác nhận từ phía Kiểm lâm, về tình hình khi phát hiện mầm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở.

2. Vấn đề về môi trường gây nuôi

- Vị trí địa lý của cơ sở gây nuôi ĐVHD cần đáp ứng các quy định của pháp luật về thú y, tách biệt với cơ sở khác có gây nuôi, nuôi giữ cùng loài động vật cảm nhiễm, tách biệt với các nguồn có khả năng làm lây nhiễm dịch bệnh.

- Thiết lập khu vực quản lý vệ sinh:

• Cơ sở và thiết bị cần có trong khu vực quản lý vệ sinh: (1) Chuồng trại, khu phục hồi chức năng, khu thả bán hoang dã, v.v. (2) Nơi cất giữ các vật dụng tiếp xúc trực tiếp với ĐVHD, (3) Phạm vi mà người tiếp xúc trực tiếp với ĐVHD làm việc mà không khử trùng hoặc thay quần áo và giày.

• Số lượng cửa ra vào khu vực quản lý vệ sinh cần được giảm đến mức tối thiểu. Cần phân chia rõ ràng khu vực quản lý vệ sinh với những khu vực khác của cơ sở bằng hàng rào.

• Cần hạn chế và kiểm soát mọi đối tượng bên ngoài tiến vào khu vực quản lý vệ sinh. Cấm nuôi thú nuôi trong khu vực quản lý vệ sinh.

• Phải khử trùng, thay quần áo và giày chuyên dụng khi ra vào khu vực.

- Các khu vực có nguy cơ lây nhiễm chéo phải có biển cảnh báo và bố trí tách biệt với nhau.

- Khu vực xử lý xác động vật, chất thải cần đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thú y.

- Chuẩn bị chôn hủy, thiêu hủy:

• Chuẩn bị sẵn đất chôn hủy để phòng khi cần sử dụng.

• Lập danh sách các cơ sở thiêu hủy hoặc cơ sở xử lý xác động vật.

- Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu nguy cơ mang tác nhân gây bệnh.

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn thực hiện điều tra, chẩn đoán, lấy mẫu môi trường khi phát hiện mầm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở.

- Tổ chức vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường gây nuôi tồn tại vi-rút bệnh truyền nhiễm theo quy định.

3. Vấn đề về vật dụng

- Dự phòng đủ hóa chất, đồ bảo hộ, phương tiện, dụng cụ chuyên dụng, v.v. để xử lý dịch bệnh khi cần thiết.

4. Vấn đề về ĐVHD

- Tránh mật độ nuôi nhốt quá đông trong không gian chuồng: tùy thuộc vào giống loài ĐVHD, cần có quy định rõ ràng về diện tích tiêu chuẩn cho 1 cá thể.

- Xây dựng, thực hiện phương án xử lý độc lập đối với động vật chết, mắc bệnh, nghi mắc bệnh; và động vật âm tính với bệnh truyền nhiễm tại cơ sở.
- Phối hợp với cơ quan chuyên môn thực hiện điều tra, chẩn đoán, lấy mẫu bệnh phẩm khi phát hiện mầm bệnh truyền nhiễm trên ĐVHD.

MỤC 2: Phòng, chống mầm bệnh xâm nhập vào khu vực quản lý vệ sinh

1. Vấn đề về con người

+ Hạn chế người không phận sự, người có nguy cơ mang mầm bệnh tiến vào khu vực quản lý vệ sinh.

- Giảm số lượng cửa ra vào đến mức tối thiểu
- Đặt biển “Người không phận sự miễn vào” tại mỗi lối ra vào.
- Tránh để những người ngày hôm đó đã đến trang trại khác hoặc khu vực đang có bệnh truyền nhiễm, những người vừa từ nước ngoài trở về, tiến vào khu vực quản lý vệ sinh; trừ trường hợp bắt buộc.

+ Khử trùng, sử dụng quần áo, găng tay và giày chuyên dụng đối với người tiến vào khu vực quản lý vệ sinh.

- Bố trí thiết bị khử trùng, nơi thay quần áo ở gần lối vào khu vực quản lý vệ sinh.
- Đối với nơi thay quần áo, cần phân chia các khu vực rõ ràng để quần áo trước và sau khi mặc vào, cởi ra không tiếp xúc với nhau.
- Đặt bảng thông báo về các quy định đối với người tiến vào khu vực quản lý vệ sinh.

2. Vấn đề về vật dụng

+ Khử trùng xe tiến vào khu vực quản lý vệ sinh.

- Cần phải bố trí thiết bị khử trùng cho xe ở cửa ra vào khu vực quản lý vệ sinh.
- Lưu trữ hồ sơ thông tin thực hiện việc khử trùng.
- Cần trải lát mặt đường nơi khử trùng bằng bê tông, đào rãnh thoát nước để rửa trôi, hoặc phun một lượng thuốc khử trùng vừa đủ lên bùn đất.

+ Sử dụng vật liệu an toàn.

• Không mang những vật không cần thiết vào trong khu vực quản lý vệ sinh. Tránh mang các vật dụng, quần áo mới sử dụng ở những nơi có nguy cơ xuất hiện mầm bệnh vào khu vực quản lý vệ sinh.

• Các vật liệu trước khi mang vào khu vực quản lý vệ sinh cần phải được vệ sinh khử trùng kỹ lưỡng.

+ Cung cấp nước uống.

- Đối với nước không phải nước máy (nước giếng, nước đầm, nước trong hồ chứa nước...) cần được kiểm tra chất lượng định kỳ và khử trùng trong trường hợp cần thiết.

+ Sử dụng thức ăn ĐVHD đã qua xử lý.

- Sử dụng nguồn nguyên liệu an toàn. Tạo và lưu trữ hồ sơ thông tin về thời gian, địa điểm thu gom nguyên liệu.

- Toàn bộ quy trình, trang thiết bị dùng để xử lý nguyên liệu thô làm thức ăn cho ĐVHD phải đặt ngoài khu vực quản lý vệ sinh. Khi mang thức ăn đã qua xử lý vào trong khu vực, phải sử dụng thùng chứa đã khử khuẩn dành riêng cho nguyên liệu đã được xử lý.

- Tạo và lưu trữ hồ sơ xử lý thực phẩm cho ĐVHD.

- Đưa ra biện pháp cần thiết để ngăn ngừa thức ăn cho ĐVHD sau khi xử lý bị nguyên liệu thô chưa qua xử lý gây nhiễm khuẩn chéo.

- Không mang thức ăn và các đồ vật đã bị nhiễm khuẩn chéo với nguyên liệu thô chưa xử lý hoặc thức ăn xử lý chưa đầy đủ vào trong khu vực quản lý vệ sinh.

3. Vấn đề về ĐVHD trong trang trại và các loài khác ngoài phạm vi trang trại

+ Phòng, chống động vật bên ngoài xâm nhập vào khu vực quản lý vệ sinh.

- Lắp đặt hàng rào bảo vệ cho khu vực quản lý vệ sinh.

- Tổ chức hoạt động tuần tra hằng ngày quanh khu vực hàng rào bảo vệ.

- Thường xuyên nhổ cỏ, loại bỏ các yếu tố có khả năng là nơi ẩn nấp của các loài xâm nhập.

+ Theo dõi sức khỏe khi đưa ĐVHD vào trang trại.

- Cần chú ý kiểm tra các điều kiện của trang trại muốn đưa vào.

- Không được cho ĐVHD mới đưa vào tiếp xúc trực tiếp ngay với ĐVHD đang nuôi.

- ĐVHD mới đưa vào cần được theo dõi sức khỏe trong một khoảng thời gian nhất định trong không gian cách ly, cho đến khi xác nhận không có dấu hiệu bất thường.

MỤC 3: Phòng chống, giám sát diễn biến dịch bệnh trong khu vực quản lý vệ sinh

1. Vấn đề về con người

+ Khử trùng các ngón tay, v.v. khi ra vào chuồng trại.

- Rửa sạch trước khi khử trùng để đạt hiệu quả khử trùng tốt nhất.

- Rửa tay và đeo găng tay chuyên dụng thì không phải khử trùng, nhưng phải rửa găng tay sạch sẽ.

+ Bố trí và sử dụng quần áo, giày chuyên dụng ở mỗi chuồng trại.

- Ở chuồng trại nào thì thay ủng chuyên dụng của chuồng trại đó.
- Thay quần áo chuyên dụng khi ra vào chuồng trại của cá thể/ loài ĐVHD đang có nguy cơ cao tồn tại mầm bệnh truyền nhiễm.
- Đối với nơi thay đồ, cần phân chia các khu vực và phân chia các lối đi để quần áo và giày trước và sau khi mặc vào cởi ra không tiếp xúc với nhau.

2. Vấn đề về vật dụng

- + Thay mới hoặc vệ sinh, khử trùng các dụng cụ định kỳ.
- Các dụng cụ dính dịch cơ thể của ĐVHD (kim tiêm, dụng cụ thụ tinh nhân tạo, v.v.) cần chú trọng việc vệ sinh, khử trùng hoặc thay thế ngay sau khi sử dụng.
- + Phòng, chống ô nhiễm do mầm bệnh ở bên ngoài chuồng trại.
- Đảm bảo không mang những vật không cần thiết vào chuồng trại, cho dù là những vật trong khu vực quản lý vệ sinh; trường hợp cần mang vào thì phải khử trùng kỹ lưỡng.
- Khi cho ĐVHD di chuyển giữa các chuồng trại trong khu vực đang có nguy cơ cao hoặc đã xuất hiện mầm bệnh truyền nhiễm, cần sử dụng lối đi không thông với bên ngoài hoặc sử dụng lồng và xe nâng đã được khử trùng tại gần cửa ra vào chuồng trại.

3. Vấn đề về các loài động vật ngoài phạm vi trang trại

- + Lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa lưới, v.v. để ngăn chặn động vật xâm nhập từ bên ngoài và nỗ lực đưa ra biện pháp cho các trang trại trong khu vực có nguy cơ cao mắc các bệnh truyền nhiễm.
- Lắp đặt lưới hoặc vật có tác dụng tương tự để phòng tránh mầm bệnh từ các loài động vật bên ngoài xâm nhập vào chuồng trại. Tổ chức kiểm tra định kỳ và sửa chữa ngay nếu có hư hỏng.
- Lắp đặt lưới ngăn chặn tại khu vực cung cấp thức ăn của trang trại thuộc khu vực có nguy cơ cao mắc các bệnh truyền nhiễm, và đảm bảo trang thiết bị sơ tán có thể tiếp nhận ĐVHD.
- Các khu vực có khả năng cao là nơi tiếp cận của các loài động vật/ côn trùng xâm nhập từ bên ngoài: chuồng trại, khu vực cung cấp thức ăn, kho bảo quản thức ăn, nhà ủ phân, kho chứa xác động vật, v.v.
- + Ngăn ngừa chất bài tiết, v.v của động vật lẫn vào trong thiết bị cung cấp thức ăn, thiết bị cung cấp nước, v.v.
- Tích trữ thức ăn cho ĐVHD trong bồn hoặc thùng có nắp đậy. Vệ sinh thiết bị cung cấp thức ăn định kỳ.
- Trường hợp sử dụng nước không phải nước máy, cần phải: đậy nắp thiết bị trữ nước, vệ sinh định kỳ thiết bị cung cấp nước.

+ Tiêu diệt chuột và côn trùng có hại.

Phun thuốc diệt chuột và thuốc diệt côn trùng định kỳ; thường xuyên đặt các miếng dính bẫy chuột, v.v.

- Nếu mái hoặc tường của chuồng trại bị hư hỏng, phải lập tức sửa ngay.

4. Vấn đề về môi trường gây nuôi

+ Sàng lọc, sắp xếp và khử trùng trong khu vực quản lý vệ sinh.

- Xử lý các yếu tố (vật liệu, đồ dùng, cỏ dại, v.v) không cần thiết.

- Sàng lọc, sắp xếp vật liệu và thiết bị máy móc.

- Vệ sinh, khử trùng khu đất định kỳ.

+ Dọn dẹp, vệ sinh, khử trùng các cơ sở trong khu vực quản lý vệ sinh.

- Cần vệ sinh và khử trùng định kỳ theo quy trình tiêu chuẩn.

- Dọn dẹp thức ăn rơi vãi.

+ Vấn đề về ĐVHD:

- Theo dõi sức khỏe mỗi ngày.

- Kiểm tra và ghi chép tình hình sức khỏe của ĐVHD hằng ngày theo các hạng mục tiêu chuẩn.

– Khi thấy ĐVHD có hành vi hoặc triệu chứng bất thường, cần liên hệ và trao đổi với bác sĩ thú y quản lý hoặc báo cáo ngay với cơ quan quản lý chuyên ngành tùy theo mức độ bất thường của ĐVHD.

• Tiến hành tiêm phòng vắc-xin phòng bệnh cho ĐVHD và thực hiện các biện pháp phòng bệnh động vật đáp ứng các quy định của pháp luật thú y và hướng dẫn chuyên môn của cơ quan thú y.

MỤC 4: Phòng, chống mầm bệnh phân tán từ khu vực quản lý vệ sinh

1. Vấn đề về con người

+ Khử trùng các ngón tay, v.v đối với người bước ra từ khu vực quản lý vệ sinh.

- Lắp đặt thiết bị khử trùng ở gần cửa ra của khu vực quản lý vệ sinh.

- Người bước ra từ khu vực quản lý vệ sinh phải rửa sạch và khử trùng các ngón tay, v.v.

- Nếu đã đeo găng tay chuyên dụng ở cửa vào, có thể tháo ra trong khu vực quản lý vệ sinh. Nếu bên trong găng tay không bẩn, có thể tháo ra ở cửa ra. Chú ý khi tháo không chạm vào bên ngoài găng tay.

- Khử trùng găng tay đã sử dụng. Đối với găng tay dùng một lần, phải niêm phong trong túi và xử lý.

- Giặt và thay ủng khi đi ra ngoài.
- + Khử trùng đối với xe chạy ra từ khu vực quản lý vệ sinh.
- Lắp đặt thiết bị khử trùng phù hợp theo từng hoàn cảnh địa lý.
- Luôn luôn thực hiện khử trùng xe.
- + Khử trùng vật dụng được vận chuyển ra ngoài từ khu vực quản lý vệ sinh, v.v.
- Vật dụng đã sử dụng trong khu vực quản lý vệ sinh, bao gồm: vật có dính hoặc có thể dính chất bài tiết, v.v của ĐVHD; vật không liên quan trực tiếp đến việc gây nuôi ĐVHD.
- Chà rửa và khử trùng bằng phương pháp phù hợp với từng vật liệu; hoặc cho vật dụng dùng một lần vào hộp đậy kín và mang ra ngoài.

2. Vấn đề về ĐVHD

- + Theo dõi sức khỏe khi vận chuyển ĐVHD hoặc thả về tự nhiên.
- Kiểm tra kỹ tình trạng sức khỏe của ĐVHD, ngay cả tại thời điểm vận chuyển hoặc thả chúng về môi trường tự nhiên.
- Nếu ĐVHD có các triệu chứng cụ thể, thì không được vận chuyển hoặc thả chúng về tự nhiên.
- Trường hợp muốn vận chuyển xác chết hoặc chất bài tiết của ĐVHD ra ngoài trang trại, phải thực hiện các biện pháp phòng tránh rò rỉ.
- + Thông báo sớm cho bác sĩ quản lý thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành đồng thời tạm dừng vận chuyển, thả về tự nhiên đối với trường hợp xác nhận được triệu chứng cụ thể.
- + Tạm dừng vận chuyển và thả về tự nhiên đối với trường hợp xác nhận được dấu hiệu bất thường ngoài các triệu chứng cụ thể.
- Trường hợp không phải là triệu chứng cụ thể, nhưng số lượng ĐVHD có dấu hiệu bất thường nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm tăng lên và tỷ lệ tử vong tăng cao, phải liên hệ ngay với bác sĩ thú y quản lý hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành.
- Không vận chuyển ĐVHD ra ngoài trang trại, ít nhất là cho đến khi xác nhận được ĐVHD không mắc bệnh truyền nhiễm.
- Nếu vận chuyển ĐVHD có dấu hiệu bất thường, phải đặc biệt chú ý áp dụng các biện pháp ngăn ngừa bệnh truyền nhiễm có thể lây lan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jen Christensen, New studies agree that animals sold at Wuhan market are most likely what started Covid-19 pandemic, CNN health, 2022, <https://edition.cnn.com/2022/07/26/health/wuhan-market-covid-19/index.html>

- [2] World's Wildlife Fund (WWF), Living Planet Report 2022, 2022, https://wwflpr.awsassets.panda.org/downloads/lpr_2022_full_report.pdf
- [3] Wildlife Conservation Society (WCS), The Manhattan Principle, oneworldonehealth.wcs.org, <https://oneworldonehealth.wcs.org/About-Us/Mission/The-Manhattan>
- [4] Wobeser, Gary A. Investigation and management of disease in wild animals. Springer Science & Business Media, 2013.
- [5] Hồng Ngọc, Sinh thái học bệnh truyền nhiễm: Lịch sử tự nhiên và phi tự nhiên, Tạp chí Bảo vệ Rừng và Môi trường, 2020, <https://baovemoitruong.org.vn/sinh-thai-hoc-benh-truyen-nhiem-lich-su-tu-nhien-va-phi-tu-nhien/>
- [6] Hoàng Thi, Những động vật hoang dã mang virus gây đại dịch, Báo điện tử Tuổi trẻ Online, 2020, <https://tuoitre.vn/nhung-dong-vat-hoang-da-mang-virus-gay-dai-dich-20200324190959204.htm>
- [7] WCS Vietnam, Nghiên cứu, giám sát dịch bệnh trên ĐVHD và khả năng lây truyền bệnh giữa người và ĐVHD, <https://programs.wcs.org/vietnam/vi-vn/Our-Work/Wildlife-Health-VN.aspx>
- [8] Tuấn Anh, Lê Thoa, [Infographic] Điểm mặt các loại bệnh dịch nguy hiểm bắt nguồn từ động vật hoang dã, Báo Sức khỏe và Đời sống, 2023, <https://suckhoedoisong.vn/infographic-diem-mat-cac-loai-benh-dich-nguy-hiem-bat-nguon-tu-dong-vat-hoang-da-169230220194416288.htm>
- [9] Phúc Tran, Ngăn ngừa sự bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm trong tương lai ở Việt Nam thông qua các thay đổi trong chính sách quy định việc buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã, WCS Vietnam, 2020, <https://programs.wcs.org/vietnam/vi-vn/News/Media-Releases-VN/ID/13944/Ngan-ngua-su-bung-phat-dich-benh-truyen-nhiem-trong-tuong-lai-o-Viet-Nam-thong-qua-cac-thay-oi-trong-chinh-sach-quy-inh-viec-buon-ban-va-tieu-thu-ong-vat-hoang-da.aspx>
- [10] [19] Phạm Đức Phúc, Bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã: Thực trạng và giải pháp, Thiên Nhiên.Net, 2022, <https://www.thiennhien.net/2022/01/28/benh-truyen-nhiem-tu-dong-vat-hoang-da-thuc-trang-va-giai-phap/>
- [11] Website của Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế, 70% các bệnh truyền nhiễm mới nổi trên người ở Việt Nam có nguồn gốc từ động vật, 2017 <https://vncdc.gov.vn/70-cac-benh-truyen-nhiem-moi-noi-tren-nguoi-o-viet-nam-co-nguon-goc-tu-dong-vat-nd14669.html>
- [12] Ileana Porras, 'Appropriating Nature: Commerce, Property, and the Commodification of Nature in the Law of Nations' (2014) 27 Leiden J Intl L 641 at 647.
- [13] Bao Duy, Việt Nam và Liên Hiệp Quốc ký kết khung chiến lược hợp tác phát triển bền vững, Báo Tuổi trẻ, 2022, <https://tuoitre.vn/viet-nam-va-lien-hiep-quoc-ky-ket-khung-chien-luoc-hop-tac-phat-trien-ben-vung-20220811211321764.htm>
- [14] Stockholm Declaration, *supra* note 51, Principle 21.
- [15] Rio Declaration on Environment and Development, 1992, 31 ILM 874 (1992), Principles 1, 2.

- [16] Jason Rudall, The Natural Remedy for Zoonotic Diseases, Yearbook of International Environment Law, 2021, <https://academic.oup.com/yielaw/article/31/1/3/6454391>
- [17] [18] [23] [26] Linh Linh, Võ Việt, Cần bổ sung quy định phòng, chống dịch bệnh trên động vật hoang dã, Báo điện tử Nông nghiệp Việt Nam, 2022, <https://nongnghiep.vn/can-bo-sung-quy-dinh-phong-chong-dich-benh-tren-dong-vat-hoang-da-d335993.html>
- [20] Trần Trân, Dịch bệnh lây từ động vật hoang dã sang người: Ai có lỗi?, Báo điện tử Pháp luật Việt Nam, 2022, <https://baophapluat.vn/dich-benh-lay-tu-dong-vat-hoang-da-sang-nguoi-ai-co-loi-post449757.html>
- [21] M.P, Nỗ lực bù đắp ngân sách nhà nước trong dịch bệnh, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/no-luc-bu-dap-ngan-sach-nha-nuoc-trong-dich-benh-592896.html>
- [22] Tran Hoang Kim, Biến đổi khí hậu và những tác động tới sức khỏe con người, Trang Thông tin điện tử Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn, 2021, <https://soyt.langson.gov.vn/vi/node/5362>
- [24] Duong Dai Tien, Danh mục loài động vật không thuộc đối tượng quản lý như động vật hoang dã, Trang Thông tin điện tử Kiểm lâm tỉnh Bắc Giang, 2023, <https://cckl.bacgiang.gov.vn/content/item/parent/danh-muc-loai-dong-vat-khong-thuoc-doi-tuong-quan-ly-nhu-dong-vat-hoang-da>
- [25] Hồng Phúc, Cảnh báo tác động tiêu cực từ gây nuôi thương mại động vật hoang dã, Báo Dân tộc và Phát triển, 2021, <https://baodantoc.vn/canh-bao-tac-dong-tieu-cuc-tu-gay-nuoi-thuong-mai-dong-vat-hoang-da-1615370554653.htm>
- [27] Rebecca Lipman, Zoonotic diseases: Using environmental law to reduce the odds of a future epidemic, Trang Jstor.org, 2015, https://www.jstor.org/stable/24789372?read-now=1&seq=17#page_scan_tab_contents
- [28] Danh sách các tập thể, cá nhân ủng hộ Quỹ Phòng, chống dịch Covid-19, Trang thông tin điện tử Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Bình, 2021, <https://ubmt.quangbinh.gov.vn/3cms/danh-sach-cac-tap-the-ca-nhan-ung-ho-quy-phong-chong-dich-covid-19-93425981.htm>
- [29] Florence Rosier, Could the multidisciplinary ‘One Health’ approach stop the next pandemic?, Le Monde, 2022, https://www.lemonde.fr/en/science/article/2022/04/24/could-the-multidisciplinary-one-health-approach-stop-the-next-pandemic_5981464_10.html
- [30] Công thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Nghệ An, Tuyên truyền việc không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, quảng cáo, tiêu thụ, tàng trữ động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh <https://nghean.dcs.vn/vi-vn/tin/tuyen-truyen-viec-khong-san--bat--mua--ban--van-chuyen--giet-mo--quang-cao--tieu-thu--tang-tru-dong-vat--thuc-vat-hoang-da--nguy-cap--quy-hiem-tren-dia-ban-tinh/73410-598375-135300>

QUẢN LÝ, NGĂN NGỪA DỊCH BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ: KINH NGHIỆM TỪ CHÂU PHI, TRUNG QUỐC VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

Đỗ Thị Thu Trang¹

(Được hướng dẫn bởi ThS. Nguyễn Phương Thảo)

Tóm tắt: Quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã là công việc cấp bách và quan trọng. Nó giúp bảo tồn các loài hoang dã; bảo vệ sức khỏe và tính mạng cho con người; đồng thời góp phần ổn định xã hội... Bài viết nghiên cứu thực trạng, các biện pháp mà Trung Quốc và một số nước châu Phi (Botswana, Kenya, Nam Phi) đã thực hiện để ngăn ngừa dịch bệnh từ động vật hoang dã; qua đó đưa ra các kiến nghị cả về pháp luật lẫn thực tiễn mà Việt Nam có thể ứng dụng nhằm thực hiện việc quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã đạt kết quả tốt nhất.

Từ khóa: động vật hoang dã; lây truyền dịch bệnh; quản lý, ngăn ngừa bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã.

1. DẪN NHẬP

Bệnh truyền nhiễm do động vật hoang dã gây ra đang trở thành vấn đề nhận được nhiều sự quan tâm của mọi người vì hiện nay Thế giới đang phải đối mặt với đại dịch COVID-19. Dù chưa có kết luận chính thức nhưng nhiều nghiên cứu cho thấy nguồn gốc của COVID-19 có khả năng xuất phát từ động vật hoang dã. Bệnh truyền nhiễm do động vật hoang dã đã gây tác động tiêu cực đến đời sống xã hội. Thấy được điều đó, tác giả lựa chọn thực hiện đề tài “Quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã: Kinh nghiệm từ Châu Phi, Trung Quốc và gợi mở cho Việt Nam” để cung cấp thông tin và đóng góp những kiến nghị phù hợp cho Việt Nam về cả mặt pháp luật lẫn thực tiễn giúp Việt Nam có thể quản lý, hạn chế được dịch bệnh từ các loài hoang dã. Tác giả lựa chọn Trung Quốc và một số quốc gia ở châu Phi vì hiện nay các nơi này đang diễn ra tình trạng buôn bán động vật hoang dã ngày càng nhiều với quy mô và số lượng lớn; buôn bán động vật hoang dã cũng được xem là nguyên nhân làm tăng khả năng lây truyền dịch bệnh, do đó, thực hiện tốt từ khâu quản lý buôn bán, vận chuyển, tàng trữ sẽ góp phần làm hạn chế mầm bệnh phát triển và lây lan; từ đó giúp bảo vệ các loài hoang dã và con người. Bài viết tập trung nghiên cứu quy định của pháp luật và các biện pháp mà châu Phi (các quốc gia Botswana, Kenya, Nam Phi), Trung Quốc và Việt Nam trong việc quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã. Việc tác giả lựa chọn ba quốc gia của châu Phi chỉ là sự giới hạn nội dung nghiên cứu, không nhằm thể hiện bất cứ tiêu chí lựa chọn nào của tác giả.

¹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Bài viết bao gồm 5 phần chính. Phần thứ nhất là mở đầu. Phần thứ hai nêu lên một số vấn đề chung về quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã. Phần thứ ba đưa ra thực trạng và phân tích các biện pháp của các quốc gia trong việc quản lý sự lây truyền dịch bệnh từ động vật hoang dã. Phần thứ tư gợi mở những khuyến nghị phù hợp đối với Việt Nam. Cuối cùng là kết luận lại vấn đề nghiên cứu.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp xuyên suốt bài làm để phân tích thực trạng và các biện pháp ở các quốc gia; qua đó tổng hợp, đánh giá sự hiệu quả các biện pháp nhằm đưa ra khuyến nghị cho Việt Nam; đồng thời, phương pháp so sánh được sử dụng để thấy được những điểm tương đồng, khác biệt về thực trạng của các quốc gia trong việc buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã. Cuối cùng, với phương pháp nghiên cứu thực nghiệm thông qua việc cung cấp số liệu thực tế để chứng minh hậu quả tàn khốc mà dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã gây ra cho đời sống con người; từ đó nâng cao vai trò, tầm quan trọng trong việc quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ, NGĂN NGỪA DỊCH BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

2.1. Loài động vật hoang dã có nguy cơ lây truyền dịch bệnh

Động vật hoang dã (ĐVHD) trong Bộ luật Hình sự (BLHS) được hiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP là các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES).

Bên cạnh đó, theo báo cáo của Tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS) thì hiện nay có đến 2/3 tức khoảng 60.3% các bệnh truyền nhiễm mới nổi trên người có nguồn gốc từ động vật và có khoảng 3/4 tức gần 71.8% trong số này có nguồn gốc từ ĐVHD [1]. Qua đó thấy rằng tỷ lệ các bệnh truyền nhiễm từ ĐVHD ngày càng tăng cao, vì vậy, kiểm soát để ngăn chặn dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD là rất cần thiết.

Kathryn P. Huyvaert và các tác giả khác, trong bài viết của họ cũng đã khẳng định: *Việc xác định những loài trong hệ thống dịch bệnh hoang dã là thực sự khó, kể cả khi xác định được các loài chính liên quan đến truyền mầm bệnh thì vẫn có khả năng chúng ta thiếu kiến thức về sự phân bố của chúng; những thông tin quan trọng để dự đoán khi nào và ở đâu thì bệnh có thể xuất hiện vẫn là thách thức trong quá trình nghiên cứu và dự báo* [2]. Tác giả đồng tình với quan điểm này bởi lẽ các loài ĐVHD sống ở khắp nơi trong các hệ sinh thái như sa mạc, đồng bằng hay cả băng cực. Các hệ sinh thái khác nhau sẽ có mức độ đa dạng loài khác nhau. Do đó, công việc lấy mẫu để nghiên cứu là phức tạp và đòi hỏi nhiều về thời gian, kinh phí, thậm chí còn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người thực hiện.

Đối với một số loại bệnh khác nhau, người ta đã nghiên cứu nó được gây ra từ các loài khác nhau như đối với bệnh Leptospirosis là loại bệnh có thể lây truyền trực tiếp qua tiếp xúc với dịch tiết, máu hoặc nước tiểu của động vật bị nhiễm bệnh hoặc lây truyền gián tiếp qua nước bị ô nhiễm chủ yếu là nước tiểu của động vật chứa bệnh. Một số ĐVHD bị nhiễm bệnh, vì vậy đã trở thành vật mang mầm bệnh ở thận và bài tiết mầm bệnh qua nước tiểu của chúng [3].

Tuy rằng hiện nay vẫn chưa có danh sách những loài nào và hình thức nào sẽ tiềm ẩn nguy cơ lây truyền dịch bệnh nhưng có thể xác định rằng hình thức lây truyền dịch bệnh với khả năng cao là ở cá thể sống và thịt của chúng. Bởi vì mầm bệnh có thể dễ lây truyền qua việc tiếp xúc với các dịch cơ thể, chất bài tiết hoặc qua việc sử dụng trực tiếp, cụ thể là sử dụng thịt của ĐVHD. Nhưng điều đó cũng không thể khẳng định rằng các bộ phận hoặc sản phẩm khác sẽ không mang khả năng lây truyền dịch bệnh [4]. Vì vậy, cần có những biện pháp nghiên cứu ở cả cá thể sống, thịt và các bộ phận/ sản phẩm khác của ĐVHD để có thể đưa ra kết quả chính xác về loài nào và hình thức nào của ĐVHD có khả năng lây truyền dịch bệnh.

2.2. Nguyên nhân lây truyền dịch bệnh từ động vật hoang dã

Một số nghiên cứu đã xác định rằng hành vi ăn uống không lành mạnh sẽ tác động đến sự xuất hiện, phát triển các bệnh truyền nhiễm. Ví dụ, bệnh giun xoắn là một bệnh ký sinh trùng lây truyền qua thực phẩm từ ĐVHD sang người do thói quen ăn thịt và nội tạng của ĐVHD; nó có thể gây sốt cao, đau cơ, buồn nôn thậm chí gây tử vong ở người [5]. Do đó, có thể xác định rằng hoạt động tiếp xúc trực tiếp của con người với ĐVHD thông qua ăn uống hoặc sử dụng nguồn nước, nguồn lây nhiễm có chứa mầm bệnh lây bệnh là yếu tố cốt lõi trong lây truyền dịch bệnh.

Xuất phát từ cách nghĩ “*Văn hóa muốn vượt trội, lên trên mọi người, được hưởng thụ những thứ mà người khác không có*” [6] kết hợp với việc “thần thánh hóa” vai trò của ĐVHD mà con người đã tin rằng sở hữu những món đồ từ nó là biểu trưng cho sự giàu sang, phú quý, hay sử dụng thực phẩm đó sẽ giúp cơ thể vượt qua được nhiều cơn bạo bệnh nên họ đã sẵn bắt trái phép, bừa bãi mà không biết về khả năng lây truyền dịch bệnh từ việc tiếp xúc với ĐVHD.

Bên cạnh đó, mỗi mắt xích của chuỗi cung ứng như buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, xử lý, gây nuôi thương mại ĐVHD... đều tiềm ẩn rủi ro lây truyền dịch bệnh. Tổ chức World Wide Fund For Nature (Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên - WWF) đã khẳng định: *Việc buôn bán ĐVHD là mối đe dọa chỉ đứng thứ hai sau mối đe dọa sinh cảnh bị phá hủy dẫn đến diệt chủng loài* [7]. Khía cạnh buôn bán cần được xem xét dưới cả hai góc độ hợp pháp lẫn bất hợp pháp. Vì khi buôn bán ĐVHD hợp pháp hoặc bất hợp pháp thì con người cũng tiếp xúc gần với ĐVHD nên vẫn có nguy cơ truyền bệnh từ mầm bệnh của vật chủ hoặc ở vật trung gian. Hiện nay, đa số quy định về buôn bán ĐVHD chưa tập trung vào

phòng tránh bệnh lây truyền nên còn xuất hiện rủi ro chưa được nhìn nhận trong hệ thống buôn bán hợp pháp. Khi xử lý, vận chuyển ĐVHD, cả cá thể sống và chết đều được tập trung lại để thu gom, nuôi nhốt, bày bán, giết mổ tại các khu chợ trong điều kiện chật chội, không đáp ứng vệ sinh an toàn, điều đó là mầm mống thúc đẩy mầm bệnh ngày càng phát triển nhanh và tăng khả năng lây lan rộng [8]. Thêm vào đó, điều kiện vận chuyển không đảm bảo chất lượng, trốn tránh kiểm tra kiểm dịch với hàng nhập khẩu hoặc hoạt động buôn bán ở các chợ đen đã góp phần gia tăng rủi ro lây truyền dịch bệnh [4; 6].

Ngoài ra, hiện nay còn xuất hiện nhiều trang trại gây nuôi hoạt động tự phát, không đáp ứng quy định của pháp luật. Các trang trại này không đảm bảo điều kiện kỹ thuật và người chăm sóc hầu như không lường trước rủi ro phát sinh mầm bệnh từ các loài hoang dã nên đã làm xuất hiện nguy cơ lây truyền dịch bệnh từ động vật sang động vật hoặc từ động vật sang người.

Các yếu tố môi trường và khí hậu cũng đóng vai trò thúc đẩy dịch bệnh lây truyền, khi nhiệt độ và lượng mưa thay đổi thì ĐVHD sẽ di cư đến môi trường sống phù hợp hơn nên có khả năng lây truyền dịch bệnh đến con người [9].

Khả năng lây truyền dịch bệnh từ ĐVHD xuất phát từ cả môi trường lẫn con người; vì vậy cần xác định được nguyên nhân lây truyền dịch bệnh để xây dựng những biện pháp ứng phó, phòng ngừa phù hợp nhằm quản lý, ngăn chặn tốt dịch bệnh lây truyền, đồng thời làm hạn chế xuất hiện các bệnh truyền nhiễm mới từ ĐVHD.

2.3. Khái niệm, tính cấp thiết, ý nghĩa của quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã

2.3.1. Khái niệm, tính cấp thiết của quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã

Quản lý là sự tác động liên tục có tổ chức, có định hướng, có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý để chỉ huy, điều khiển, liên kết các yếu tố tham gia vào hoạt động tạo thành một chỉnh thể thống nhất để điều hòa hoạt động của các khâu, các chuỗi một cách hợp quy luật nhằm đạt được mục tiêu đã xác định trong điều kiện biến đổi của môi trường [10].

Ngăn ngừa là hoạt động thực hiện nhằm cản lại một việc xấu [11].

Như vậy, quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD nghĩa là thực hiện các biện pháp có kế hoạch, có mục đích để phòng tránh xuất hiện và làm lây lan dịch bệnh từ ĐVHD.

Các bệnh truyền nhiễm từ ĐVHD gây ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Nó đe dọa sức khỏe, tính mạng của con người, động vật; gây thiệt hại, tạo sức ép lên nền kinh tế quốc gia và nguồn lực của chính phủ; tác động tới nỗ lực kiểm soát dịch bệnh thông qua sự sụp đổ của thị trường và thương mại, tác động đối với các đơn vị sản xuất và bảo tồn ĐVHD [12].

Việt Nam hiện nay đang đứng trước nguy cơ xâm nhập của một số bệnh truyền nhiễm có nguồn gốc từ ĐVHD, gây nguy hiểm như MerCoV ở Trung Đông và Hàn Quốc, Ebola ở Tây Phi, dịch hạch ở châu Phi [13] và gần đây nhất là COVID-19. Mặc dù nguồn gốc của COVID-19 chưa được công bố, nhưng có nhiều nghiên cứu cho rằng dịch bệnh có nguy cơ bắt nguồn từ ĐVHD và liên quan trực tiếp đến thực trạng buôn bán ĐVHD tại Trung Quốc. Những ca nhiễm đầu tiên ở Trung Quốc đều được xác định là đã từng làm việc hoặc tới một khu chợ ở Vũ Hán - nơi mà ĐVHD được bày bán công khai và kết quả nghiên cứu ban đầu cũng cho thấy rằng khả năng bệnh lây truyền là từ loài dơi qua tê tê rồi sang người [4; 6]. COVID-19 còn gây nhiều hậu quả nghiêm trọng. Tính đến ngày 15/02/2023 trên toàn thế giới đã có hơn 673 triệu ca nhiễm với hơn 6.86 triệu ca tử vong [14]. Về kinh tế, sự gián đoạn nguồn cung trực tiếp gây cản trở sản xuất, đứt gãy chuỗi cung ứng làm nền kinh tế toàn cầu ghi nhận mức tăng trưởng âm 4.5% trong năm 2020 [15]. Về chính trị, theo một báo cáo công bố tháng 4 của Hội đồng Tình báo Quốc gia Mỹ, đại dịch COVID-19 đã làm trầm trọng thêm bất bình đẳng toàn cầu, thúc đẩy sự chia rẽ Đảng phái, đặc biệt là ở phương Tây [16]. Trong lĩnh vực môi trường, chất thải y tế đã tăng mạnh tại các bệnh viện, khu cách ly.

Dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD là mối đe dọa nghiêm trọng đến đời sống kinh tế, xã hội, môi trường. Do đó, cần thực hiện tốt các biện pháp quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền để bảo vệ sự tồn tại của ĐVHD; bảo đảm sức khỏe và tính mạng của con người; ổn định kinh tế - xã hội; góp phần đảm bảo an ninh y tế; hạn chế được nguy cơ xuất hiện các bệnh truyền nhiễm mới từ ĐVHD.

2.3.2. Ý nghĩa của quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã

Khi quản lý tốt dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD sẽ mang lại những mặt tích cực đối với đời sống.

- Hạn chế và dự báo được nguy cơ xuất hiện bệnh truyền nhiễm mới từ ĐVHD; góp phần bảo vệ ĐVHD trước nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng đối với một số loài;

- Hạn chế vấn đề ô nhiễm nước, môi trường thực phẩm giúp hệ sinh thái lành mạnh, sức khỏe của con người và động vật cũng được phát triển theo hướng tích cực, lạc quan hơn;

- Kịp thời tuyên truyền và giáo dục mọi người tránh các hoạt động nguy hại có khả năng làm lây truyền dịch bệnh; góp phần duy trì và phát triển sự phong phú đa dạng loài của các ĐVHD; phát triển kinh tế dựa vào sự góp mặt của ĐVHD trong các hoạt động du lịch, giải trí...

- Bên cạnh đó, việc xây dựng khung pháp lý, chính sách quản lý về vấn nạn buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép ĐVHD góp phần giúp con người điều chỉnh hành vi của mình, tạo nên sợi dây liên kết cùng nhau phát triển mặt tích cực và hạn chế tối đa những hệ lụy tiêu cực không đáng có.

Như vậy, khi quản lý dịch bệnh lây truyền không chỉ góp phần bảo vệ sức khỏe, tính mạng của con người mà còn góp phần bảo vệ ĐVHD. Ngược lại, nếu để dịch bệnh xảy ra thì không chỉ tính mạng động vật mà sự sống của con người cũng sẽ nằm trên bờ vực bị đe dọa.

2.4. Những công cụ quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD

2.4.1. Công cụ quản lý về mặt pháp luật

Vai trò của pháp luật trong việc quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD có vị trí đặc biệt. Cụ thể, pháp luật đã đưa ra các quy định về quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, cá nhân, tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng đối với việc bảo vệ và bảo tồn ĐVHD; quy định các vấn đề về chế tài xử phạt hành vi vi phạm; quy định về quản lý ĐVHD; yêu cầu kiểm dịch, kiểm tra trên thị trường; tiêu chuẩn về chuồng trại và quy trình đăng ký gây nuôi ĐVHD...

Thông qua pháp luật, việc quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD sẽ được kiểm soát tốt hơn, thúc đẩy đảm bảo sức khỏe cộng đồng và của các loài hoang dã.

2.4.2. Công cụ quản lý từ nguồn lực con người

Đối với nhân lực trực tiếp tham gia vào quá trình quản lý, họ được đào tạo kỹ càng về kiến thức, kỹ năng chuyên môn nên có nhận thức tốt về công việc cần thực hiện; biết ứng phó để giải quyết vấn đề nhanh chóng, hiệu quả. Họ là người góp phần ngăn chặn, quản lý dịch bệnh tốt hơn, đồng thời việc tích lũy kinh nghiệm, học hỏi thêm kiến thức cũng hỗ trợ cho việc nghiên cứu và dự báo sau này.

Đối với nhân lực có khả năng đánh giá những yếu tố nguy cơ từ dịch bệnh và các loài ĐVHD có khả năng lây truyền thông qua những bằng chứng khoa học xác thực. Họ là người đưa ra những dự đoán hoặc những khuyến nghị phù hợp nhằm hạn chế lây truyền dịch bệnh; thực hiện phân tích, lấy mẫu và dự báo khả năng ở loài nào, hình thức nào của ĐVHD sẽ xuất hiện nguy cơ cao mang mầm bệnh lây truyền dịch bệnh.

2.4.3. Công cụ quản lý về giáo dục, tuyên truyền

Đây là công cụ hiệu quả trong quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD. Bởi lẽ thông qua hoạt động tuyên truyền giúp mọi người có thêm thông tin về tầm quan trọng của việc bảo vệ các loài hoang dã, ngăn chặn dịch bệnh lây truyền từ các loài này; nâng cao ý thức chấp hành các quy định của pháp luật để quản lý tốt dịch bệnh và hạn chế khả năng xuất hiện các bệnh truyền nhiễm mới từ ĐVHD... Để có thể đạt được điều đó, nội dung và hình thức tuyên truyền cần được xây dựng cụ thể, rõ ràng và bám sát với thực tiễn nhằm giúp mọi người dễ ghi nhớ và tiếp nhận.

Nhìn chung, các công cụ đều đóng góp vai trò tích cực trong quản lý và ngăn ngừa dịch bệnh. Tuy nhiên, công cụ quan trọng nhất là quy định về mặt pháp luật. Bởi vì nó sẽ

định hướng hoạt động của con người, ngăn chặn các hành vi có khả năng làm lây lan dịch bệnh từ ĐVHD. Nhưng điều đó không có nghĩa là những công cụ còn lại không góp phần quản lý dịch bệnh vì chỉ thực hiện tốt công cụ pháp luật cũng không thể đạt được hiệu quả cao. Do đó, cần có sự phối hợp hài hòa và hiệu quả giữa các công cụ để thực hiện việc quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh đạt kết quả tốt nhất.

3. KHUNG PHÁP LÝ QUỐC TẾ, THỰC TRẠNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, NGĂN NGỪA DỊCH BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM, CHÂU PHI VÀ TRUNG QUỐC

Trong bối cảnh hiện nay, tê giác châu Phi là mối lo có nguy cơ bị tuyệt chủng trong tự nhiên bởi sản phẩm (sừng) của loài động vật này, chính là đối tượng săn trộm của các nhóm tội phạm có tổ chức [17]. Đối với Trung Quốc, quốc gia này lâu nay bị các nhà bảo tồn quy kết là ngầm dung dưỡng việc buôn bán động vật nguy cấp để sử dụng trong y học cổ truyền hoặc làm thực phẩm đặc sản. Trung Quốc cũng là thị trường tiêu thụ lớn nhất các bộ phận tê giác, tê tê và một số loại động vật khác để làm thuốc. Tê giác là một trong những loài đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng cao nhất trên hành tinh được xác định là mặt hàng được ưa chuộng nhất ở chợ đen Trung Quốc [18]. Ngoài ra, Trung Quốc cũng là thị trường tiêu thụ ngà voi lớn nhất thế giới, ước tính 70% sản phẩm ngà voi trên toàn cầu được bán tại Trung Quốc [19].

Những thực trạng trên đã phản ánh rằng nạn buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ ĐVHD với số lượng lớn và đa dạng loài ở Trung Quốc và Châu Phi ngày càng nghiêm trọng, tiềm ẩn nguy cơ về khả năng lây truyền dịch bệnh hoang dã. Vì vậy, cần có biện pháp thích hợp để bảo vệ ĐVHD trước nguy cơ tuyệt chủng của các loài ĐVHD và rủi ro lây truyền các dịch bệnh từ ĐVHD. Khung pháp lý của quốc tế là văn bản cần thiết thể hiện tầm quan trọng trong việc bảo vệ, quản lý ĐVHD.

3.1. Khung pháp lý quốc tế về quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã

- Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Đây là công ước quan trọng vì quy định hoạt động buôn bán quốc tế các loài nguy cấp giữa các quốc gia nhằm hạn chế tình trạng khai thác quá mức các loài động thực vật dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng. Việt Nam, Trung Quốc, và một số nước châu Phi đã tham gia công ước, trở thành thành viên của công ước đã khiến các quốc gia điều chỉnh quy định pháp luật trong nước phù hợp với quy định của công ước để góp phần thực hiện mục tiêu mà công ước đã đặt ra.

- Công ước về đa dạng sinh học năm 1992 (CBD). Công ước quy định mỗi Bên ký kết sẽ điều tiết và quản lý đảm bảo đa dạng sinh học dù chúng ở trong hay ngoài phạm vi của các khu bảo tồn (điểm c Điều 8). Công ước cũng quy định cần phải điều tiết và quản lý việc thu thập tài nguyên sinh học từ môi trường sống tự nhiên cho mục đích bảo toàn ngoại vì sao cho không gây ra đe dọa đến các hệ sinh thái và lượng cư dân nội vi của các

loài trừ quy định tại tiểu khoản e (điểm d Điều 9). Như vậy, Công ước CBD đã quy định đối với quản lý tài nguyên sinh học tránh sự đe dọa đến các hệ sinh thái.

- Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước Palermo năm 2000). Việt Nam và nhiều nước châu Phi cũng đã là thành viên của Công ước. Công ước thể hiện sự cam kết của Việt Nam và các nước châu Phi trong hoạt động đấu tranh với tổ chức tội phạm khi những tổ chức này thực hiện tội phạm về ĐVHD [20]. Qua đó cho thấy sự hợp tác quốc tế giữa các quốc gia ngày càng được tăng cường để bảo vệ các loài ĐVHD tránh bị buôn bán, vận chuyển bất hợp pháp, bừa bãi. Quản lý tốt các mắt xích này đồng thời làm hạn chế nguy cơ lây truyền dịch bệnh từ ĐVHD.

- Việt Nam và Mozambique đã ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác bảo vệ, bảo tồn các loài động vật, thực vật hoang dã giữa hai Chính phủ năm 2017 [21]. Cùng với đó, Nam Phi đã ký Biên bản ghi nhớ với Trung Quốc, Việt Nam, Campuchia, Mozambique và Lào tập trung vào hợp tác quản lý và thực thi pháp luật về ĐVHD và xây dựng năng lực. Các thỏa thuận tương tự cũng được đề xuất với Thái Lan, Kenya, Botswana và Tanzania [22].

- Với Trung Quốc, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam và Cơ quan quản lý CITES Trung Quốc đã tiến hành ký kết thỏa thuận hợp tác về tăng cường thực thi Công ước CITES. Các bên thỏa thuận tăng cường chia sẻ, trao đổi thông tin về các hoạt động buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã, chia sẻ kinh nghiệm gây nuôi sinh sản, tăng trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động, thực vật hoang dã [23].

Nhìn chung, khung pháp lý về bảo vệ ĐVHD được thể hiện qua các điều ước quốc tế, hiệp định song phương và hiệp định đa phương. Việc chấp hành quy định về bảo vệ ĐVHD là cơ sở quan trọng để thực hiện tốt công cuộc quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD. Do đó, có thể khẳng định rằng biện pháp hữu hiệu nhất để quản lý sự lây truyền dịch bệnh từ ĐVHD là sự nỗ lực của các quốc gia trong công cuộc quy định pháp luật của mình phù hợp và tiệm cận với pháp luật quốc tế.

3.2. Thực trạng ở Việt Nam, Châu Phi và Trung Quốc về dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã

3.2.1. Thực trạng ở Việt Nam

Việt Nam được xác định là một trong những “điểm nóng” toàn cầu có nguy cơ rất cao xuất hiện các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm lây truyền từ vật nuôi, ĐVHD hoặc hệ sinh thái [13]. Hội chứng hô hấp cấp tính nặng (SARS 2003) có nguồn gốc từ một chủng của virus corona, được xác định từ cây hương gây tỷ lệ tử vong khoảng 10% đã làm 65 người nhiễm và 5 người tử vong ở Việt Nam [15].

Năm 1980 đã xuất hiện ca bệnh đầu tiên về AIDS, nghiên cứu mới nhất của Giáo sư Jacques Perpin cho rằng HIV đã lây từ tinh tinh sang người vào năm 1916. Tính đến tháng 12 năm 2022 đã có 112.368 người tử vong và 220.580 người nhiễm HIV. Bên cạnh AIDS, Việt Nam còn đang đối mặt với COVID-19. Tính đến tháng 02 năm 2023,

Việt Nam đã ghi nhận 11.5 triệu người nhiễm COVID-19 và tử vong là 43.186 người, chiếm tỷ lệ 0.4% [15].

Ngoài ra, dịch tả lợn châu Phi (ASF) quét qua Trung Quốc, Việt Nam và 9 quốc gia khác đã gây thiệt hại kinh tế nghiêm trọng. Nguồn gốc của nó được xác định là từ lợn rừng ở Châu Phi. Tính đến cuối năm 2019, cả 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam đều bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn châu Phi với hơn 5 triệu con lợn bị tiêu hủy [24].

Quá trình toàn cầu hóa, đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ cùng với sự giao lưu của con người qua các phương tiện giao thông hiện đại cũng góp phần tạo điều kiện cho các ổ dịch bệnh truyền nhiễm từ ĐVHD lây sang người ở hiện tại hoặc nguy cơ xuất hiện và bùng phát trong tương lai [14].

3.2.2. Thực trạng ở châu Phi

Ở châu Phi, Ebola là căn bệnh truyền nhiễm xuất hiện lần đầu vào năm 1976 và đến những năm 2014 - 2016 thì Tây Phi được xem là ổ dịch lớn nhất. Với tỷ lệ tử vong lên đến 50%, Ebola đã giết chết 11.325 người trên thế giới. Nguồn gốc được xác định là loài dơi ăn quả. Bên cạnh đó, hiện nay, lại xuất hiện virus Marburg, virus này cùng nhóm với virus gây bệnh Ebola nhưng tỷ lệ tử vong ở Marburg cao hơn khi lên đến 70-80%, hiện bệnh này đang gây dịch tại Guinea Xích Đạo [14].

Ngoài ra, tại Cộng hòa Dân chủ Công gô đã ghi nhận ca bệnh đậu mùa khi đầu tiên trên người vào năm 1970 và sau đó bệnh lưu hành ở khu vực Trung và Tây Phi. Bệnh dịch đậu mùa khi do một loại virus khá tương đồng với virus có trong bệnh đậu mùa trước đây thuộc chủng Orthopoxvirus. Theo Bộ Y tế, đậu mùa khi có nguồn gốc đến từ châu Phi, và do con người ngày càng có xu hướng xâm phạm sâu vào đời sống của ĐVHD đã mang biến chủng đậu mùa khi. Bệnh có thể lây sang người khi con người tiếp xúc với động vật nhiễm bệnh. Vật chủ bao gồm các loài động vật gặm nhấm và linh trưởng [25].

3.2.3. Thực trạng ở Trung Quốc

Vào khoảng năm 2002 - 2003, ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc đã xuất hiện ca bệnh đầu tiên nhiễm SARS với tỷ lệ tử vong được xác định gần như 100%. SARS được nghiên cứu có nguồn gốc từ một chủng của virus corona, có nguồn gốc từ cây hương. Thế giới đã ghi nhận gần 8.422 người nhiễm SARS và có tận 916 trường hợp đã tử vong. Gần đây nhất, toàn cầu trở nên chấn động khi phải đối diện với đại dịch COVID-19. Theo nghiên cứu, đầu năm 2020, đã xuất hiện ca nhiễm đầu tiên tại thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc [13]. Đến thời điểm hiện tại, dù chưa có kết luận chính thức nhưng nghiên cứu ban đầu cho thấy COVID-19 xuất phát từ ĐVHD, phát hiện đầu tiên từ chợ buôn bán ĐVHD tại Vũ Hán. Virus này lây sang người qua vật trung gian và tê tê - loài động vật có vú bị buôn lậu nhiều nhất trên thế giới [26].

Qua đó thấy rằng dịch bệnh xảy ra và bắt nguồn từ một quốc gia sẽ gây ảnh hưởng đến quốc gia khác và có nguy cơ trở thành đại dịch toàn cầu nếu không có những biện pháp quản lý hiệu quả. Do đó, các quốc gia cần phối hợp, hợp tác cùng nhau để đạt kết quả tốt trong công tác quản lý ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD.

3.3. Các biện pháp quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã ở Việt Nam, châu Phi và Trung Quốc

3.3.1. Biện pháp quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã thông qua pháp luật ở Việt Nam, châu Phi và Trung Quốc

a. Ở Việt Nam

Trong lĩnh vực kiểm dịch động vật Luật Thú y năm 2015 và các Thông tư có liên quan [27] đã quy định khá đầy đủ. Cụ thể, Luật Thú y năm 2015 đã quy định về chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật (Điều 1) đối với ĐVHD vì ĐVHD được xếp vào nhóm động vật trên cạn (điểm a khoản 1 Điều 3).

Đối với phòng, chống bệnh dịch động vật có Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT [28]. Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 quy định về phòng, chống bệnh truyền nhiễm, kiểm dịch y tế biên giới; chống dịch (điểm a khoản 1 Điều 1), đồng thời Luật này cũng quy định việc vận chuyển, chăn nuôi giết mổ động vật phải đảm bảo vệ sinh và không được làm phát tán bệnh truyền nhiễm (khoản 1 Điều 15); về vệ sinh, khử trùng tiêu độc, tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh động vật chết được quy định trong Điều 25 Luật Thú y năm 2015 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (khoản 3 Điều 61); về nuôi ĐVHD được quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 84/2021/NĐ-CP) [29], tiêu chuẩn chuồng trại ĐVHD cần đáp ứng quy định tại Mục 2 Chương III của Nghị định này.

Về xử lý vi phạm trong lĩnh vực hình sự được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP [30]; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y được quy định tại Nghị định số 90/2017/NĐ-CP [31].

Với lĩnh vực hình sự, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã tăng mức phạt tù tối đa lên tới 15 năm hoặc phạt tiền tối đa 5 tỷ đồng đối với cá nhân và 15 tỷ đồng đối với pháp nhân; và quy định dấu hiệu định tội chi tiết, lượng hóa cụ thể số lượng động vật/cá thể hoặc khối lượng bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật để truy cứu trách nhiệm hình sự [32].

Nhìn chung, các văn bản pháp luật của Việt Nam đã quy định tương đối đầy đủ về việc quản lý ĐVHD thể hiện trong các quy định của pháp luật; bên cạnh đó, để hoạt động quản lý đạt được kết quả tốt, ngăn chặn hành vi bất hợp pháp, cả trong lĩnh vực hành chính

và hình sự đều quy định chế tài xử phạt vi phạm nếu thực hiện những hành vi vi phạm quy định phòng bệnh, chống dịch bệnh hoặc vi phạm quy định về kiểm dịch động vật (điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP). Các quy định này nhằm giúp Việt Nam kiểm soát và quản lý tốt ĐVHD để đảm bảo sự phát triển đa dạng loài, đồng thời ngăn chặn dịch bệnh lây truyền từ các loài này.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thực tiễn ngày nay, các văn bản pháp luật về hướng dẫn kỹ thuật kiểm soát dịch bệnh tại trang trại gây nuôi thương mại hợp pháp đối với ĐVHD chưa được nhìn nhận và ban hành. Do đó, cần quan tâm đến những chuỗi mất xích trong quá trình cung ứng ĐVHD để có thể hoàn thiện pháp luật nhằm hạn chế những kẽ hở pháp luật tạo điều kiện cho một số bộ phận thực hiện hành vi bất hợp pháp.

b. Ở châu Phi

Botswana được coi là đang chống lại xu hướng săn trộm voi. Về khung pháp lý ở Botswana, bộ luật chính liên quan đến ĐVHD là Luật Vườn quốc gia và Bảo tồn ĐVHD (1992). Theo luật này, đối với hành vi săn bắt hoặc bắt giữ một loài được bảo vệ và nhập khẩu, xuất khẩu, tái xuất khẩu hoặc vận chuyển qua Botswana bất kỳ mặt hàng nào về ĐVHD mà không có giấy phép thì bị phạt bảy năm tù và phạt 10.000 BWP (950 USD); nếu bán hoặc chế biến các mặt hàng ĐVHD bất hợp pháp thì bị phạt 5 năm tù và phạt 5.000 BWP. Nếu liên quan đến tê giác hoặc voi thì hình phạt tăng mạnh hơn. Các luật khác áp dụng cho tội phạm về ĐVHD bao gồm: các quy định về bảo tồn ĐVHD trong việc sở hữu và quyền sở hữu với ngà voi; các quy định về việc tịch thu số tiền thu được từ tội phạm về ĐVHD và vật phẩm liên quan đến tội phạm về ĐVHD [22; 10].

Ở Kenya, Đạo luật Quản lý và Bảo tồn ĐVHD năm 1976 là khuôn khổ pháp lý để bảo tồn và bảo vệ ĐVHD. Năm 2013 Đạo luật này được sửa đổi theo hướng tăng nặng hình phạt đối với việc săn trộm ĐVHD; công nhận cao vai trò các khu bảo tồn tư nhân và cộng đồng trong việc quản lý ĐVHD. Bên cạnh đó, còn có luật khác như Đạo luật Phòng chống tội phạm có tổ chức. Đối với Nam Phi thì luật chính là Đạo luật đa dạng sinh học, Đạo luật 10 năm 2004 (NEMBA). Vào năm 2017, Nam Phi bên cạnh việc đưa ra tiêu chuẩn quốc gia nhằm bảo vệ các loài bị đe dọa hoặc được bảo vệ ở Nam Phi bao gồm tê giác đen và trắng, quốc gia này còn đặt ra biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các hoạt động gây hại cho các loài bị đe dọa hoặc được bảo vệ.

Điểm tích cực của một số quốc gia châu Phi đó là họ nhận thức được nạn buôn bán ĐVHD ngày càng nghiêm trọng nên họ đã siết chặt các biện pháp tăng nặng đối với hình phạt săn bắt, buôn bán trái phép; bên cạnh đó, họ còn quy định những biện pháp kiểm soát chặt chẽ để đề phòng hoạt động gây hại cho các loài hoang dã được bảo vệ, điều này góp phần làm hạn chế sự lan truyền dịch bệnh đối với ĐVHD.

c. Ở Trung Quốc

Luật Phòng, chống dịch bệnh động vật được thông qua vào năm 1997, được sửa đổi, bổ sung vào năm 2013 và 2015. Luật này chỉ đề cập đến ĐVHD tại Điều 47. Điều này quy định rằng ĐVHD bị bắt giữ có khả năng làm lây lan dịch bệnh động vật sẽ phải chịu sự kiểm dịch của cơ quan giám sát thú y nơi động vật được nuôi nhốt, bị bắt và chúng chỉ có thể được nuôi, bán trên thị trường hoặc vận chuyển sau khi vượt qua kiểm dịch [33]. Đối với chăn nuôi nhân tạo thương mại, các biện pháp của nó phù hợp với gia súc và gia cầm hơn là ĐVHD.

Để quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD tại Điều 330 Bộ luật Hình sự đã quy định tội danh cản trở công tác phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm và Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định trừng phạt hành vi săn bắt, mua, vận chuyển và buôn bán trái phép ĐVHD trên cạn sinh trưởng và sinh sản tự nhiên nhằm mục đích tiêu thụ [34].

Theo Điều 27 Luật Bảo vệ ĐVHD quy định nghiêm cấm mua bán và sử dụng ĐVHD được Nhà nước bảo vệ đặc biệt và các sản phẩm của chúng. Cụ thể đối với nghiên cứu khoa học, nhân giống nhân tạo, triển lãm cộng đồng hoặc các trường hợp đặc biệt khác, việc mua bán hoặc sử dụng ĐVHD được bảo vệ trọng điểm quốc gia và các sản phẩm của chúng phải được sự chấp thuận của cơ quan bảo vệ ĐVHD của chính quyền nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị hoặc thành phố trực thuộc trung ương. Cần sử dụng nhãn hiệu đặc biệt theo quy định để đảm bảo truy xuất nguồn gốc. Đối với ĐVHD không thuộc diện bảo vệ trọng điểm của Nhà nước phải cung cấp bằng chứng về nguồn gốc hợp pháp như săn bắt, xuất nhập khẩu [35].

Pháp luật Trung Quốc đáp ứng khá đầy đủ các quy định về quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh từ ĐVHD thông qua quy định về cản trở công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm và quản lý ĐVHD từ khâu vận chuyển, buôn bán trên thị trường. Ngoài ra, pháp luật Trung Quốc còn yêu cầu nhãn hiệu đặc biệt để biết được nguồn gốc và sản phẩm từ ĐVHD nhằm góp phần kiểm soát được ĐVHD đồng thời ngăn chặn khả năng lây truyền dịch bệnh hoang dã.

3.3.2. Các biện pháp khác nhằm quản lý, ngăn ngừa, dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã

a. Ở Việt Nam

Để quản lý và ngăn chặn được dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg [36] nhằm nhấn mạnh sự cần thiết trong công tác thực thi pháp luật hiện hành về bảo vệ ĐVHD, cụ thể yêu cầu tất cả các bộ, cơ quan liên quan kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm minh hành vi tiêu thụ ĐVHD trái phép; tăng cường thanh tra, kiểm tra cơ sở gây nuôi ĐVHD đảm bảo nguồn gốc hợp pháp và điều kiện an toàn với con người, vật nuôi.

Ngoài ra, các cơ quan phối hợp tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến mọi người không tham gia săn bắt, mua bán, vận chuyển các sản phẩm, dẫn xuất có nguồn gốc

từ ĐVHD trái quy định của pháp luật để tránh khả năng làm lây lan dịch bệnh từ các loài hoang dã không rõ nguồn gốc; tăng cường chỉ đạo các biện pháp vệ sinh tại các cơ sở chăn nuôi, trường hợp phát hiện ĐVHD mắc bệnh truyền nhiễm thì cần khoanh vùng và xử lý an toàn, đảm bảo sức khỏe cho động vật và con người; kiên quyết loại bỏ các khu vực chợ hoặc tụ điểm mua bán ĐVHD trái pháp luật; khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây nuôi, phát triển các loài ĐVHD có nguồn gốc hợp pháp.

b. Ở châu Phi

Botswana đã áp dụng Bộ công cụ phân tích tội phạm về rừng và động thực vật hoang dã và rừng của ICCWC để xác định những lỗ hổng và hành động cần thiết nhằm tăng cường phản ứng tư pháp hình sự đối với tội phạm động thực vật hoang dã. Botswana cấm buôn bán trong nước và quốc tế bất kỳ ĐVHD không có giấy phép, cấm sản xuất hoặc buôn bán các mặt hàng ĐVHD được nhập khẩu hoặc thu được bất hợp pháp [22; 11].

Trong khi đó, Kenya là một phần của Chương trình kiểm soát công-ten-nơ của UNODC-WCO, thành lập Đơn vị kiểm soát cảng chung đa cơ quan tại cảng Mombasa để tạo điều kiện chia sẻ thông tin theo thời gian thực nhằm lập hồ sơ và kiểm tra các công-ten-nơ được sử dụng để buôn lậu các sản phẩm ĐVHD; Kenya còn thành lập phòng thí nghiệm pháp y ĐVHD để phân tích mẫu DNA từ các mẫu ĐVHD bị tịch thu. Kenya cải thiện sự hợp tác giữa các cơ quan để giải quyết tội phạm về ĐVHD; Kenya còn đào tạo nhân viên hải quan về giấy phép và nhận dạng mặt hàng về ĐVHD hợp pháp nhằm thực thi hiệu quả pháp luật trong việc phát hiện ngà voi hoặc quản lý hiện trường vụ án, chuẩn bị tài liệu cho công tố viên [22; 14].

Với Nam Phi, cơ quan công tố quốc gia có các công tố viên chuyên trách truy tố tội phạm liên quan đến tê giác. Các kỹ thuật điều tra chuyên biệt được sử dụng trong các vụ án tội phạm về động thực vật hoang dã. Nam Phi đã thành lập Đơn vị Phản ứng Tội phạm động thực vật hoang dã Quốc gia đa cơ quan nhằm tạo điều kiện chia sẻ thông tin và điều phối giữa các tỉnh; thực hiện nhiều chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức cho công tố viên và thẩm phán. DNA của ĐVHD được thu thập thường xuyên tại hiện trường vụ án và được phân tích tại Phòng thí nghiệm di truyền thú y của Đại học Pretoria, phòng thí nghiệm cũng lưu trữ cơ sở dữ liệu hồ sơ DNA của tê giác từ khắp miền Nam châu Phi [22; 16].

Việc lấy mẫu DNA của ĐVHD tại các hiện trường vụ án cũng như phân tích tại phòng thí nghiệm đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý dịch bệnh. Bởi lẽ, sau quá trình nghiên cứu, các mẫu này giúp đưa ra những kết quả về khả năng các loài ĐVHD mắc các bệnh hoặc dịch bệnh lây truyền từ thể hệ này sang thể hệ khác. Như vậy, khi thực hiện xét nghiệm, chúng ta có thể nhận biết được loài nào có khả năng di truyền bệnh để có biện pháp ứng phó phù hợp nhằm ngăn chặn khả năng lây truyền của nó, thực hiện biện pháp cách ly kịp thời để không ảnh hưởng đến con người, môi trường xung quanh. Ngoài ra, với những mẫu DNA được lưu trữ trong phòng thí nghiệm sẽ trở thành nguồn thông

tin cần thiết để các nhà nghiên cứu có thể bước đầu có thể tìm hiểu và tiếp tục thực hiện các thí nghiệm, thực nghiệm để dự đoán được loài nào có khả năng lây truyền dịch bệnh và đưa ra phương hướng ứng phó, phòng ngừa hiệu quả phù hợp nhất.

Nhìn chung, cơ chế quản lý, ngăn chặn dịch bệnh ở một số quốc gia tại châu Phi đã gợi mở cho Việt Nam những khuyến nghị có thể phù hợp áp dụng trong nước.

c. Ở Trung Quốc

Liên quan đến buôn bán ĐVHD, ngày 24 tháng 02 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành và triển khai Quyết định nghiêm cấm toàn diện việc buôn bán trái pháp luật ĐVHD, phá bỏ thói quen tiêu dùng quá mức ĐVHD và đảm bảo hiệu quả cuộc sống và sức khỏe người dân. Quyết định này khiến chính quyền địa phương ưu tiên công tác phòng, chống dịch bệnh động vật hiệu quả hơn [33; 6]. Đa số người dân đều ủng hộ chính sách pháp luật này. Điều này khiến nhóm tiêu thụ ĐVHD có xu hướng giảm.

NFGA (the National Forestry and Grassland Administration) tạm dịch Cục Quản lý Lâm nghiệp và Đồng cỏ quốc gia đã ban hành hướng dẫn về việc xử lý động vật được nuôi nhốt nhân tạo vào ngày 27 tháng 5 năm 2020. Hướng dẫn khuyến khích thả các loài bản địa vào tự nhiên và yêu cầu các bước thận trọng để đảm bảo ĐVHD được thả không gây nguy hiểm cho loài khác, không gây rủi ro đến con người, đồng thời đáp ứng một số điều kiện khác. Do đó, nếu ĐVHD được nuôi nhốt nhân tạo có khả năng dùng làm dược phẩm, triển lãm hoặc mục đích khác được chấp nhận thì khuyến khích cơ quan chính phủ tạo điều kiện chuyển đổi và cấp giấy phép hành chính cần thiết [33; 5].

Những sáng kiến của Trung Quốc trong quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền động vật là sáng tạo, là cơ hội để Việt Nam có thể ghi nhận và ứng dụng thích hợp hiện nay.

3.3.3. Đánh giá hiệu quả các biện pháp quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD ở châu Phi và Trung Quốc

Những biện pháp các quốc gia ở châu Phi và Trung Quốc áp dụng đã mang lại những điểm tích cực đáng ghi nhận. Với Nam Phi, Bộ trưởng Môi trường Barbara Creecy cho biết trong năm 2019 đã có 594 con tê giác bị săn trộm, giảm đáng kể so với 769 con trong năm 2018. Kể từ năm 2012, đây là năm thứ hai số lượng tê giác bị giết hại trong một năm giảm xuống dưới 1.000 con [37].

Kenya là quốc gia có số lượng tê giác cao thứ ba ở châu Phi, ước tính có 938 con tê giác đen và 873 con tê giác trắng. Theo một báo cáo, nhờ áp dụng các biện pháp quản lý nhằm thắt chặt, kiểm soát ĐVHD mà số lượng săn trộm tê giác đã giảm đáng kể. Năm 2020 và năm 2022 ở Kenya không ghi nhận bất kỳ một vụ săn trộm tê giác nào [38]. Qua đó thấy rằng, các biện pháp áp dụng của quốc gia này đã mang lại thành tựu đáng học hỏi.

Những nỗ lực trong việc đầu tư phòng thí nghiệm ở Botswana cũng mang lại kết quả tốt đẹp và dự báo khoa học, cụ thể tại Phòng thí nghiệm tham chiếu HIV Botswana Harvard, tiến sĩ Moyo và nhóm của ông đã kiểm tra các xét nghiệm PCR lấy từ các mẫu dương tính với virus SARS-CoV-2. Họ đã phát hiện ra có ít nhất 30 đột biến trên protein của virus. Cuối cùng có tổng cộng hơn 50 đột biến, báo hiệu một phát hiện đáng lo ngại. Tiến sĩ Moyo đã báo cáo cho Bộ Y tế và sức khỏe Botswana. Ông Moyo đã tải dữ liệu di truyền mới lên GISAID, một cơ sở dữ liệu truy cập mở phổ biến mà các phòng thí nghiệm trên thế giới sử dụng để chia sẻ nhanh chóng trình tự bộ gen. Biến thể mới được ký hiệu là B.1.1.529 và cuối cùng được đặt tên là “Omicron” [39].

Đối với Trung Quốc, kết quả của Quyết định nghiêm cấm toàn diện việc buôn bán trái pháp luật ĐVHD bước đầu đã có sự ghi nhận tích cực. Cụ thể, một cuộc khảo sát qua điện thoại được thực hiện vào tháng 02 năm 2020 tại Thượng Hải và Vũ Hán cho thấy 79% người được hỏi ở Vũ Hán và 66.9% người được hỏi ở Thượng Hải thể hiện sự đồng thuận cho việc đóng cửa vĩnh viễn chợ ĐVHD. 75% tin tưởng cao đối với các biện pháp ngăn chặn mà cơ quan có thẩm quyền đang thực hiện áp dụng [40]. Quyết định của Trung Quốc đã tác động tích cực đến nhận thức của người dân; tạo tiền đề cho những hoạt động lãnh mạnh trong việc quản lý, ngăn ngừa tốt dịch bệnh; hạn chế sử dụng sản phẩm từ ĐVHD.

Nhìn chung, các biện pháp mà Trung Quốc và một số quốc gia châu Phi áp dụng đã đem lại những kết quả tích cực trong việc bảo vệ ĐVHD. Bên cạnh đó, những biện pháp trên cũng đưa ra những dự đoán chính xác về sự đột biến của các virus lây bệnh truyền nhiễm từ ĐVHD nhằm góp phần xây dựng những phương hướng và biện pháp đề phòng thích hợp để ứng phó tốt hơn làm hạn chế dịch bệnh lây truyền.

4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ QUẢN LÝ, NGĂN NGỪA DỊCH BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM

4.1. Kiến nghị về pháp luật

- Việt Nam cần tăng cường thực thi pháp luật nhằm chấm dứt nạn buôn bán ĐVHD bất hợp pháp, bao gồm cả việc quảng cáo trái phép ĐVHD trên các phương tiện truyền thông. Đối với hoạt động buôn bán hợp pháp và gây nuôi thương mại ĐVHD cần kiểm soát toàn bộ chuỗi cung ứng để ngăn ngừa nguy cơ dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD. Hiện nay, Việt Nam chưa ban hành hướng dẫn kỹ thuật về kiểm soát dịch bệnh tại trang trại gây nuôi thương mại, phi thương mại ĐVHD; kiểm soát dịch bệnh tại chợ buôn bán ĐVHD sống; kiểm soát dịch bệnh tại nơi tiêu thụ thịt ĐVHD... Xét thấy những hướng dẫn này là cần thiết để các cá nhân, tổ chức có thể thực hiện nghiêm túc và hạn chế lây truyền dịch bệnh, kiểm soát và ngăn ngừa hiệu quả dịch bệnh lây truyền từ động vật;

- Kenya đã cải thiện hợp tác giữa các cơ quan để giải quyết vấn đề tội phạm về ĐVHD; Việt Nam có thể ứng dụng sự hợp tác giữa các cơ quan này trong việc ban hành

pháp luật. Cụ thể, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần phối hợp bổ sung, sửa đổi các quy định trong pháp luật xử lý vi phạm hành chính; quy định rõ chức năng và nhiệm vụ của các Bộ, đặc biệt là Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong vấn đề bảo vệ động, thực vật hoang dã. Cùng với đó, cần có các cơ chế hợp tác bắt buộc giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc ban hành các quy định chuyên ngành để đảm bảo tính đồng nhất. Hợp nhất Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và Nghị định số 160/2013/NĐ-CP. Một Nghị định mới cần quy định được danh mục loài và cách quản lý, trách nhiệm của hai Bộ đồng thời thống nhất thực hiện ở địa phương. Để hoạt động gây nuôi thương mại ĐVHD đạt được sự kiểm soát và hiệu quả cao cần ban hành danh mục các loài ĐVHD được phép gây nuôi và giới hạn hoạt động của người gây nuôi [41]. Có sự phối hợp chặt chẽ như vậy mới làm cho hoạt động quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD được kiểm soát và đạt kết quả tốt hơn.

- Để giảm thiểu nguy cơ xuất hiện thêm các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, các tổ chức quốc tế khuyến nghị các quốc gia tiếp cận chương trình Một sức khỏe. Một sức khỏe với mong muốn thế giới có thể ngăn ngừa, dự đoán, phát hiện và ứng phó tốt hơn với các mối đe dọa sức khỏe và cải thiện sức khỏe của con người, động vật, thực vật và môi trường [12; 12]. Do đó, Việt Nam cần ban hành quy định pháp luật như cấm mua bán ĐVHD còn sống tại các chợ truyền thống; quy định về kiểm soát việc gây nuôi, buôn bán ĐVHD làm thực phẩm cho con người tại chợ... để những đề xuất của chương trình đạt hiệu quả tốt hơn, góp phần ngăn chặn khả năng xuất hiện bệnh truyền nhiễm mới từ ĐVHD ở Việt Nam.

4.2. Kiến nghị về các biện pháp khác

- Học tập Bộ công cụ phân tích tội phạm về ĐVHD của Botswana trong quản lý dịch bệnh hiện nay, Việt Nam cần thu thập thông tin về các chiến lược, chiến thuật của các tội phạm làm lây lan dịch bệnh từ ĐVHD thông qua sự hợp tác của các bộ, ngành, cơ quan khác nhau để phân tích từ đó đưa ra hướng xử lý, ứng phó phù hợp ngăn chặn hiện tượng đó; tổ chức buổi trao đổi, thảo luận, buổi tuyên truyền nhằm khuyến khích người dân ngăn chặn hành vi phi pháp để bảo vệ ĐVHD và ngăn ngừa dịch bệnh xuất hiện từ ĐVHD;

- Kenya ở châu Phi để quản lý tốt sự lây truyền dịch bệnh từ ĐVHD tại quốc gia mình, họ đã nâng cao trình độ của nhân viên hải quan, do đó Việt Nam cũng cần có sự hỗ trợ đầu tư trang thiết bị và kỹ thuật chuyên dụng nhằm nâng cao chất lượng quản lý và kiểm soát đối với thanh tra hải quan; tăng cường kiến thức và kỹ năng của cán bộ hải quan về định danh loài theo CITES góp phần phát hiện, quản lý, kiểm soát quá trình vận chuyển và xử lý vi phạm;

- Từ hoạt động đầu tư phòng thí nghiệm của Nam Phi trong việc phân tích mẫu DNA của ĐVHD liên hệ đến Việt Nam hiện nay. Tuy Việt Nam bắt giữ nhiều trường hợp vi

phạm liên quan đến mua bán, vận chuyển, tiêu thụ thịt hoặc sản phẩm ĐVHD nhưng chưa thực hiện lấy mẫu bệnh phẩm để xét nghiệm tác nhân gây bệnh, do đó, Việt Nam cần chú trọng xây dựng phòng thí nghiệm nhằm phân tích mẫu các loài ĐVHD có khả năng lây truyền dịch bệnh từ môi trường tự nhiên hoặc từ các hoạt động săn bắt, vận chuyển trái phép hay kể cả hợp pháp... nhằm đưa ra chỉ số chính xác cùng những dự báo về loài nào có khả năng lây truyền dịch bệnh và ở hình thức nào tiềm ẩn nguy cơ lây truyền lớn nhất; các thông tin sau quá trình phân tích nghiên cứu cần được lưu lại trong hệ thống và thực hiện công khai những thông tin cần thiết trên các phương tiện thông tin đại chúng đáng tin cậy để người dân có cơ hội tiếp cận và nắm bắt được thực trạng nhằm điều chỉnh hành vi, thói quen của mình phù hợp với cảnh báo về dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD hoặc nguy cơ xuất hiện bệnh truyền nhiễm mới từ ĐVHD;

- Trong khi Trung Quốc khuyến khích thả các loài bản địa vào môi trường tự nhiên nếu đáp ứng quy định về đảm bảo sức khỏe, an toàn cho con người và các động vật khác và các loài động vật nuôi nhân tạo nếu có khả năng triển lãm, được phẩm thì khuyến khích được cấp giấy phép phát triển, thì Việt Nam cũng có thể học hỏi điều này. Cụ thể, Việt Nam khi thực hiện khuyến khích ĐVHD khi thả vào tự nhiên cần lưu tâm đến vấn đề sức khỏe của con người và khả năng lây truyền dịch bệnh của nó đối với cuộc sống của con người, các loài động vật khác. Trong trường hợp động vật nuôi nhân tạo có thể được phát triển đối với lĩnh vực triển lãm, du lịch hay được phẩm cần phải đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan và các biện pháp an toàn để ngăn ngừa và hạn chế lây truyền dịch bệnh;

- Bên cạnh đó, với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay kết hợp với thành tựu của Trung Quốc trong việc áp dụng nhãn hiệu đặc biệt đảm bảo truy xuất nguồn gốc của ĐVHD được sinh sản nhân tạo, Việt Nam có thể ứng dụng sáng tạo vào thực tiễn. Cụ thể, bên cạnh việc gắn mẫu đối với loài ĐVHD được sinh sản nhân tạo hoặc được gây nuôi thương mại, các loài ĐVHD trong mục đích làm dược phẩm, du lịch, triển lãm... cần tạo ra thêm trang web để người dân thực hiện tra cứu, qua đó nhận biết được nguồn gốc, thông tin của ĐVHD cũng như khả năng an toàn hoặc nguy hại về rủi ro lây truyền dịch bệnh của loài này;

- Ngoài ra, học tập Trung Quốc từ việc thực hiện các chiến dịch tuyên truyền mạnh mẽ trên các mạng xã hội về thói quen ăn uống lành mạnh thì Việt Nam có thể xây dựng từ hoạt động tuyên truyền trên mạng xã hội lẫn ngoài thực tế. Việt Nam cần tuyên truyền người dân thực hiện lối sống lành mạnh bằng cách tiếp cận, sử dụng thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng, an toàn vệ sinh, thực hiện nói không với việc tiêu thụ các loài ĐVHD, nhất là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nhiều chương trình, dự án phục hồi thiên nhiên, bảo tồn ĐVHD để giảm tác nhân gây bệnh từ các loài ĐVHD; tạo điều kiện thúc đẩy thế hệ trẻ thực hiện nghiên cứu khoa học hoặc tổ chức các cuộc thi sáng tạo nội dung nhằm thực hiện đa dạng và phong phú hình

thức phổ biến tới người dân kiến thức và ý thức chấp hành pháp luật trong việc ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ loài hoang dã;

- Việt Nam cần tăng cường hợp tác với Trung Quốc và các quốc gia châu Phi nhằm tạo điều kiện thuận lợi trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý ngăn ngừa dịch bệnh, phối hợp với các cơ quan nước ngoài trong việc dẫn độ, quản lý, kiểm soát tội phạm thực hiện hành vi làm lây lan hoặc có nguy cơ lây lan dịch bệnh từ ĐVHD.

Dù cho các biện pháp hiện đại, tiên tiến và sáng tạo nhất có thể được ứng dụng phù hợp tại Việt Nam nhưng cũng không thể đạt kết quả cao trong việc quản lý, ngăn chặn dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD nếu không có sự chung sức đồng lòng cùng thực hiện và hưởng ứng từ người dân. Do đó, sự phối hợp của chính quyền, cơ quan nhà nước cùng với người dân là điều kiện đủ để thúc đẩy những khuyến nghị mà Việt Nam có thể học hỏi từ châu Phi và Trung Quốc trở nên thiết thực và hiệu quả hơn trong công cuộc ngăn chặn, đẩy lùi dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về biện pháp quản lý, ngăn ngừa dịch bệnh lây truyền từ động vật hoang dã của các quốc gia Trung Quốc, một số nước châu Phi bên cạnh việc cung cấp thông tin còn đưa ra những khuyến nghị giúp Việt Nam tiếp cận với những biện pháp này nhằm quản lý, ngăn ngừa tốt dịch bệnh và hạn chế khả năng xuất hiện bệnh lây truyền mới có nguồn gốc từ loài hoang dã. Mỗi quốc gia sẽ có một biện pháp quản lý phù hợp với điều kiện kinh tế, hoàn cảnh xã hội, yếu tố chính trị,... của quốc gia mình. Do đó, cần có sự cân nhắc đến các yếu tố trên để các biện pháp được thực hiện có hiệu quả tốt nhất. Đồng thời, cần có sự hợp tác, học hỏi lẫn nhau ở các quốc gia để chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ giải quyết các vấn đề chung hiệu quả hơn.

Hiện nay, nguy cơ xuất hiện bệnh lây truyền từ động vật hoang dã vẫn còn áp ủ khả năng lan rộng nếu không có sự kiểm soát và quản lý mạnh mẽ. Do đó, nghiên cứu công cụ quản lý ở các quốc gia sau đó áp dụng những thành quả hợp lý và hữu hiệu đối với quốc gia của mình là công việc quan trọng và cần thiết vì chỉ khi, đẩy lùi được dịch bệnh mới đảm bảo đời sống an toàn cho mọi người, tạo cơ sở để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] WCS Vietnam, Nghiên cứu, giám sát dịch bệnh trên ĐVHD và khả năng lây truyền bệnh giữa người và ĐVHD, <https://programs.wcs.org/vietnam/vi-vn/Our-Work/Wildlife-Health-VN.aspx> (truy cập lần cuối ngày 15/02/2023).
- [2] Huyvaert, K., Russell, R., Patyk, K., Craft, M., Cross, P., Garner, M., ... Walsh, D., Challenges and Opportunities Developing Mathematical Models of Shared Pathogens of Domestic and Wild Animals, *Veterinary Sciences*, 5, 2018, 5, (<https://doi.org/10.3390/vetsci5040092>).

- [3] Ullmann, L., & Langoni, H., Interactions between environment, wild animals and human leptospirosis, *Journal of Venomous Animals and Toxins Including Tropical Diseases*, 17, 2010, 2 (<https://doi.org/10.1590/s1678-91992011000200002>).
- [4] Traffic, Buôn bán động vật hoang dã, COVID-19, và rủi ro từ các bệnh lây truyền từ động vật sang người, <https://www.traffic.org/site/assets/files/12764/covid-19-briefing-vn.pdf>, (truy cập lần cuối ngày 22/02/2023).
- [5] Health Vietnam, Giun xoắn - *Trichinella Spiralis*, <https://healthvietnam.vn/thu-vien/tai-lieu-tieng-viet/ky-sinh-trung/giun-soan-trichinella-spiralis> (truy cập lần cuối ngày 02/3/2023).
- [6] VTV, Góc nhìn văn hóa: Săn lùng, tiêu thụ động vật hoang dã thể hiện đẳng cấp?, <https://vtv.vn/van-hoa-giai-tri/goc-nhin-van-hoa-san-lung-tieu-thu-dong-vat-hoang-da-the-hien-dang-cap-20221011130505013.htm> (truy cập lần cuối ngày 25/02/2023).
- [7] WWF, Illegal wildlife trading, https://vietnam.panda.org/our_Work_vn/wildlife_vn/illegal_wildlife_trafficking_vn/ (last accessed February 20, 2023).
- [8] Nature.net, Bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã: Thực trạng và giải pháp, <https://www.thiennhien.net/2022/01/28/benh-truyen-nhiem-tu-dong-vat-hoang-da-thuc-trang-va-giai-phap/> (truy cập lần cuối ngày 25/02/2023).
- [9] Biến đổi khí hậu và ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống thực vật và động vật trên thế giới <https://www.ohay.tv/view/bien-doi-khi-hau-va-anh-huong-nghiem-trong-toi-doi-song-thuc-vat-va-dong-vat-tren-the-gioi/5aae3f9ad4> (truy cập lần cuối ngày 01/5/2023).
- [10] Phạm Kim Oanh, Quản lý là gì? Chức năng cơ bản của quản lý, <https://luathoangphi.vn/quan-ly-la-gi/> (truy cập ngày 22/3/2023).
- [11] Từ điển mở Wiktionary, ngăn ngừa, https://vi.wiktionary.org/wiki/ng%C4%83n_ng%E1%BB%ABa#Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t (truy cập lần cuối ngày 26/3/2023).
- [12] FAO, UNEP WHO and WOA, One health joint plan of action (2022-2026), 2022, 12 (<https://doi.org/10.4060/cc2289en>).
- [13] VNCD, 70% các bệnh truyền nhiễm mới nổi trên người ở Việt Nam có nguồn gốc từ động vật, <https://vncdc.gov.vn/70-cac-benh-truyen-nhiem-moi-noi-tren-nguoi-o-viet-nam-co-nguon-goc-tu-dong-vat-nd14669.html> (truy cập lần cuối ngày 22/02/2023).
- [14] Giáo dục thủ đô, Điểm mặt các loại bệnh dịch nguy hiểm bắt nguồn từ động vật hoang dã, <https://giaoducthudo.giaoducthoidai.vn/diem-mat-cac-loai-benh-dich-nguy-hiem-bat-nguon-tu-dong-vat-hoang-da-31225.html> (truy cập lần cuối ngày 22/02/2023).
- [15] Tạp chí Tài chính online, Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế thế giới và ứng phó của Việt Nam, <https://tapchitaichinh.vn/anh-huong-cua-dai-dich-covid-19-den-nen-kinh-te-the-gioi-va-ung-pho-cua-viet-nam.html> (truy cập lần cuối ngày 25/02/2023).
- [16] VNExpress, Hai năm COVID-19 hoành hành thế giới, <https://vnexpress.net/hai-nam-covid-19-hoanh-hanh-the-gioi-4399610.html> (truy cập lần cuối ngày 25/02/2023).
- [17] Traffic, illegal wildlife trade enhancing responses to wildlife crime and illegal trade, <https://www.traffic.org/about-us/illegal-wildlife-trade/> (last accessed February 22, 2023).

- [18] Bảo vệ rừng và bảo vệ môi trường, Trung Quốc: Giới buôn lậu bán sừng tê giác làm thuốc chữa virus corona, <https://baovemoitruong.org.vn/trung-quoc-gioi-buon-lau-ban-sung-te-lam-thuoc-chua-virus-corona/> (truy cập lần cuối ngày 26/02/2023).
- [19] Tạp chí Môi trường, Đứng sau lệnh cấm ngà voi ở Trung Quốc, <http://tapchimoitruong.vn/nhin-ra-the-gioi-65/dang-sau-lenh-cam-nga-voi-o-trung-quoc-23229> (truy cập lần cuối ngày 26/02/2023).
- [20] Nguyễn Thị Phương Hoa, Hợp tác quốc tế đấu tranh với buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã trên tuyến đường biển.
- [21] Trang thông tin điện tử Công an tỉnh Kon Tum, Hội đàm cấp cao giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Tư pháp, Hiến pháp và Tôn giáo Mozambique, <https://congan.kontum.gov.vn/tin-tuc-su-kien/hoi-dam-cap-cao-giua-bo-cong-an-viet-nam-va-bo-tu-phap-hien-phap-va-ton-giao-mozambique.html> (truy cập lần cuối ngày 26/02/2023).
- [22] Price, R.A., National and Regional Legal Frameworks to control the Illegal Wildlife Trade in Sub Saharan Africa, K4D Helpdesk Report, Brighton, UK: Institute of Development Studies, 2017, 10.
- [23] VOV5, Việt Nam và Trung Quốc tăng cường hợp tác bảo vệ động vật, thực vật hoang dã, <https://vovworld.vn/vi-VN/tin-tuc/viet-nam-va-trung-quoc-tang-cuong-hop-tac-bao-ve-dong-vat-thuc-vat-hoang-da-367978.vov> (truy cập lần cuối ngày 26/02/2023).
- [24] Nguyen Duc Hanh, Dinh Thi Mai, Legal framework for wildlife farming benefits species conservation and preventing wildlife crimes in Vietnam, E3S Web of Conferences, 175, 2020, (<https://doi.org/10.1051/e3sconf/202017503025>).
- [25] WHO Tây Thái Bình Dương Việt Nam, Bệnh đậu mùa khỉ, <https://www.who.int/vietnam/vi/news/questions-and-answers/q-a-detail/monkeypox> (truy cập lần cuối ngày 03/3/2023).
- [26] Tuổi trẻ online, COVID-19 trong mối liên hệ với buôn bán động vật hoang dã và các hệ lụy, <https://tuoitre.vn/covid-19-trong-moi-lien-he-voi-buon-ban-dong-vat-hoang-da-va-cac-he-luy-20200701165721802.htm> (truy cập lần cuối ngày 22/02/2023).
- [27] Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT);
- [28] Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản (Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT);
- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 (Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT);
- Thông tư số 11/2019/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT (Thông tư số 11/2019/TT-BNNPTNT).
- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn (Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT).

- [29] Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Nghị định số 06/2019/NĐ-CP);
Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (Nghị định số 84/2021/NĐ-CP).
- [30] Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 11 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự (Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP).
- [31] Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y (Nghị định số 90/2017/NĐ-CP).
- [32] Con người và thiên nhiên, Quy định về bảo vệ động vật hoang dã trong Bộ luật Hình sự - một vài đánh giá, <https://www.thiennhien.net/2022/01/24/quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-trong-bo-luat-hinh-su-mot-vai-danh-gia/> (truy cập lần cuối ngày 22/02/2023).
- [33] You, M., Changes of China's regulatory regime on commercial artificial breeding of terrestrial wildlife in time of COVID-19 outbreak and impacts on the future, *Biological Conservation*, 250, 2020, 3 (<https://doi.org/10.1016/j.biocon.2020.108756>).
- [34] Quan sát viên Tư pháp Trung Quốc, Y tế công cộng, an ninh sinh học và sửa đổi XI đối với luật hình sự của Trung Quốc, <https://vi.chinajusticeobserver.com/a/public-health-biosecurity-and-amendment-xi-to-china-s-criminal-law> (truy cập lần cuối ngày 22/02/2023).
- [35] Yu Chen, Wildlife Protection Law of the People's Republic of China, <http://www.npc.gov.cn/npc/c238/202001/a0d85c00a9a44b7a80fd88f2bb678253.shtml> (last accessed March 23, 2023).
- [36] Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã (Chỉ thị số 29/CT-TTg)
- [37] Tuổi trẻ online, Số lượng tê giác bị săn trộm tại Nam Phi đã giảm 5 năm liên tục, <https://tuoitre.vn/so-luong-te-giac-bi-san-trom-tai-nam-phi-da-giam-5-nam-lien-tuc-20200206152819109.htm> (truy cập lần cuối ngày 24/3/2023).
- [38] International rhino foundation, State of the rhino update: Kenya and India's state of assam report zero rhino poaching losses in 2022, <https://rhinos.org/blog/state-of-the-rhino-update-kenya-and-indias-state-of-assam-report-zero-rhino-poaching-losses-in-2022/> (last accessed March 24, 2023).
- [39] Gia Minh, Sự thật bên trong phòng thí nghiệm Botswana phát hiện ra biến thể Omicron, <https://tuoitre.vn/su-that-ben-trong-phong-thi-nghiem-botswana-phat-hien-ra-bien-the-omicron-20211215161939393.htm> (truy cập lần cuối ngày 24/3/2023).
- [40] Humane Society International, Mối liên hệ giữa các chợ động vật hoang dã và COVID-19, <https://www.hsi.org/wp-content/uploads/2020/04/Wildlife-Markets-and-COVID-19-White-Paper-VN.pdf> (truy cập lần cuối ngày 23/3/2023).
- [41] Báo điện tử Chính phủ, Đồng nhất chính sách ngăn chặn buôn bán động vật hoang dã, <https://baochinhphu.vn/dong-nhat-chinh-sach-ngan-chan-buon-ban-dong-vat-hoang-da-102220930173951012.htm> (truy cập lần cuối ngày 04/3/2023).

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ CÁC HÀNH VI
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Tầng 4 - Khu A - Tòa nhà số 97 Trần Quốc Toản
Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 38515380; Fax: 024 38515381
Email: info@nxblaodong.com.vn
Website: www.nxblaodong.com.vn

Chi nhánh phía Nam

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 028 38390970; Fax: 028 39257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập
Mai Thị Thanh Hằng
Biên tập: Phan Thị Ánh Tuyết

Trình bày: Đỗ Thị Hồng Sâm
Bìa: Nguyễn Ngọc Hà
Sửa bản in: Trần Thị Ngọc Thúy

Liên kết xuất bản:

Công ty Cổ phần In và Thương mại Ngọc Hưng
Địa chỉ: Số 296 đường Phúc Diễn, tổ dân phố số 1, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

In 100 cuốn, khổ 19x27 cm tại Công ty Cổ phần in và Thương mại Ngọc Hưng
Địa chỉ: Số 296 đường Phúc Diễn, tổ dân phố số 1, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Số xác nhận ĐKXB: 486-2023/CXBIPH/13-23/LĐ
Mã ISBN: 978-604-393-134-1
Quyết định xuất bản số: 350/QĐ-NXBLĐ, ngày 31/3/2023
In xong và nộp lưu chiểu năm 2023